NGUYỄN TUÂN

TOÀN TẬP

TẬP III



vh

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

VĂN HỌC HIỆN ĐẠI VIỆT NAM

NGUYỄN TUÂN TOÀN TẬP

(Năm tập)

III

(TÁC PHẨM TỪ 1945 - 1956)

NGUYỄN ĐĂNG MẠNH
biên soạn và giới thiệu

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
Hà Nội - 2000

LỘT XÁC *

(Tùy bút)

Một bóng đèn điện xanh màu hoa lý bị chùm dưới một cái chao đèn bằng sắt. Gió đêm lay lả cái vòng sáng xanh non ấy trên đêm phòng thủ chiến tranh. Một bóng đèn đỏ, không mắc vào dây điện giữa đường mà lại gắn luôn vào thân cột bê tông. Mỗi đêm đến chơi nhà người bạn thân ấy, Nguyễn lại chạy ra ngoài bao lơn ngắm hai bóng đèn trước nhà bạn. Mỏi mắt, hết thuốc lá, Nguyễn mới chịu trở vào. Người bạn chủ nhà đó, đã ngáy.

Cái ánh xanh và cái ánh đỏ đuổi giấc ngủ.

Nguyễn nhớ cái xanh đỏ của các đêm nhà ga xe lửa. Lâu lắm chàng chẳng đi đâu, chỉ lỳ ra với Hà Nội.

Nguyễn nhớ đến cái chuông bằng sứ xanh của một ngọn đèn điện bàn giấy vào những đêm viết bài. Đã lâu lắm, chàng không viết cho riêng chàng và cũng chẳng chịu viết cho ai. "Đi để mà viết, viết để có cái mà đi", cái tiêu ngữ ấy của một cuộc đời Nguyễn đã đến lúc phải đổi bỏ? Không đi, không bước nữa, không cần đến quản

* Tên cũ là *Vô đề* (Tạp chí *Văn mới*, 1945)

bút nữa, thì Nguyễn làm gì? Chàng uống. Uống chén độc ẩm và nhắm với cái ngọn đèn đỏ gắn giữa thân cột bê tông bên kia đường. Nhìn cục lửa lẻ và đục ấy đang rọi vào đêm vô cùng bao la đặc sệt, Nguyễn có cảm tưởng là đang đánh chén với một người đau mắt nặng ở một bên mặt. Chén độc ẩm cay rặm nhức nhối. Nguyễn lại lồng ra đường, không nhất định đi đâu. Người bạn bị khua dậy đóng hộ cửa chửi chàng: "Đồ khốn nạn".

Nguyễn cao thấp trên lề phố. Cái lưỡi lê và tiếng hô của người lính Nhật Bản lẻ loi ấy làm chàng giật bắn mình lên và tỉnh rượu. Chỉ được một quãng, rồi gió đêm bí thở lại làm chàng tê ngái lại, lần về đến nhà - cái nhà thật của Nguyễn, - chàng khom khom tựa vào cột cổng, đứng giải thoát cái nước thừa của cơ thể. Ánh trăng suông lúc về sáng, la đà trên các khóm tre ngoại thành và soi xuống một bãi nước giải. Bãi nước ấm đã im đọng lại thành một mảnh gương. Chờ mãi một cánh cửa mở, tình cờ, Nguyễn đã thấy bóng mình trên tấm gương ấy. "Mình lại soi mặt mình vào bãi nước tiểu của mình! Một đêm như thế. Và đã có mấy chục trăm đêm như thế, mảnh trăng về sáng kia ơi! Những đêm tối trời thì không nói làm gì, chứ đã có trăng thì Nguyễn lại thấy bóng mình trong một bãi nước giải ấm.

Một lần đi tiểu xong, không chịu được cái bóng trên bãi nước đó, Nguyễn đã nhớ đến một người bạn có chân trong làng Tây. Anh ta có một khẩu súng lục. "Ta sẽ mượn cái súng của nó, trong một buổi, để bắn vào cái bóng thằng người này". Thế rồi, chiều ngày sau có một người quen Nguyễn tự nhiên thấy mất một viên đạn 6.35.

Nguyễn, từ hôm ăn cắp được hòn chì xinh xắn đó, tự coi mình như là một người sắp đi xa và lâu - xa lắm và lâu lắm nghĩa là chuyến này mà khởi hành thì không tính đến chuyện về nữa, - trông thấy ai chàng cũng nhớ, trông thấy vật gì chàng cũng quý ngay. Cái gì của giữa cuộc đời này là chàng cũng thấy tiếc. (Chỉ có chàng là chàng không yêu tiếc chút nào). Nguyễn trở nên quá ngôn. Chàng trao lời với chung quanh rất ít vì mỗi câu nói với bất cứ ai trong một ngày, chàng cũng cứ tưởng là câu nói cuối cùng của mình. Nguyễn tự hỏi mình xem bao giờ thì mình nghe mình nổ (!) một tiếng. Ý nghĩ này đã xui chàng kéo lê nốt ngày giờ mình một cách trân trọng. Chàng chải chuốt áo quần, lúc nào cũng đẹp và sạch như lúc nhập quan, áo có cái gì tốt là được mặc hết vào người. Gặp lại người bạn vốn sống bằng sự chuyên môn sưu tầm những cuộc đời nhỡ nhàng bên giòng thời gian, Nguyễn đã muốn bảo luôn anh bạn: "Anh soạn sửa đã kịp chưa. Nếu

anh không chê cái tiểu sử này là mỏng quá, không bõ in, thì anh soạn sửa đi. Một, hai, ba. Khi tôi đếm đến ba thì có một tiếng đoàng và anh thì cầm lấy bút. Được 100 trang không anh? Nào. Một... Hai..."

Đoàng !

Và nhiều tiếng đoàng nữa. Của nhiều thứ súng trận, chứ không phải của một khẩu súng lục.

Cái đêm hôm hai mươi lăm tháng giêng năm Ất Dậu lịch sử ấy, quân Nhật Bản bắn quân Pháp, tiếng nổ không lúc nào ngớt, Nguyễn thấy cái xoàng xĩnh của một tiếng đoàng do mình phát ra giữa lúc đó. Nó không có nghĩa lý nữa, nó đã hết thú vị như chàng nghĩ. "Nếu mình có nổ, ít ra phải là to và nhiều bằng thế kia".

Tiếp vào ngày ấy, Nguyễn đi tàu điện, đưa tem Thống Chế Pêtain ra mua vé, không một người sơ-vơ nào nhận, Nguyễn gật gù, tự nhủ mình rằng cuộc sống ở đây đang đổi chiều và có những cái gì to lắm đang đổ nhào. Thế rồi phố xá Hà Nội sạch hẳn ông Tây bà Đầm và chỉ còn nhan nhản những người rách rưới hôi hám đưa bát ra xin cơm, đưa tay ra xin tiền những khách qua đường. Họ bước rất chậm, đi chung quanh kinh đô, vừa đi vừa chết. Đi bao nhiêu chết bấy nhiêu. Hằng triệu. Cuối xuân cái năm Nguyễn định tự tử ấy, Hà Nội đang là một cái nghĩa địa ủ mấy

mươi vạn con người của quê hương yêu sự sống, cố dính với đời sống, dẫu rằng có bị tụt xuống đến cái phẩm giá người ăn mày và nhắm mắt bên một cái gậy, một cái bát, Nguyễn mới thấy rằng đời sống là một việc không rõ có đẹp lắm không nhưng có một sức quyến rũ ghê gớm; nó làm cho người ta phải nghĩ đến, phải thừa nhận với tất cả cái yếu đuối của phận làm người. Và con người phải kết hợp lại mà chống với sự sống, làm thế nào cho sự sống đừng đè lên mình nữa. Nghĩa là phải đánh nhau với đời sống, nếu mình không chịu cho đời sống bắt nạt mình. Sự sống to rộng và trường cửu lắm, khỏe lắm. Mình dằn dỗi với sự sống không được. Khinh bỉ cũng không được. Đoạn tuyệt hoặc ngông cuồng với nó cũng không được. Chỉ có cách là lại sống với nó bằng cái lối bồi đắp thêm mãi vào cho mình, cho nhân loại để rồi một ngày nào đó nhân loại điều khiển hẳn được nó. Mỗi người, mỗi thế kỷ góp vào.

Nguyễn cảm thấy tất cả cái kiêu căng ngu độn của mình đang mang nặng một ý định quyên sinh. Và người ăn mày kia đã cứu được chàng ra khỏi một vụ tự sát. Nguyễn đã vứt hết lòng kiêu căng cố hữu của mình. Đối với sự sống, Nguyễn trở nên khiêm tốn, và muốn có ngay một thái độ khuất nhục để nêu rõ sự phục thiện của mình. Chàng tưởng rằng gạo lúc ấy lên tới một nghìn

đồng một tạ, nếu có phải đi ăn mày mà sống, mà tìm mà chờ sự sống, chàng sẽ làm đúng như những người ăn xin cho đến phải chết đói kia, chứ không khi nào cầu cạnh đến sự tự vẫn nữa.

Ngồi bên hồ Tây, mặc dầu thấy mặt trời lặn, mặc dầu thấy chuông chùa Trấn Quốc đã thu không, chàng không thấy rũ rượi ra như mọi ngày. Mọi khi mặt trời lặn, Nguyễn sợ, sợ cái chết của mặt trời sẽ đem lạnh lẽo âm u trùm lên đêm chàng. Bây giờ, mặt trời lặn chỉ có nghĩa là đang soi sáng một bán cầu bên kia, và ở đấy, đang rực rỡ sinh hoạt trong khi ở cái nửa này, chúng ta phải nghỉ ngơi lấy lại sức sống và ngủ đi cho mặt trời mọc lại và ánh nắng là vui lắm, mạnh lắm. Mọi khi, nghe chuông gióng, chàng thấy cái ngây ngất của một đời sống quét lá ăn mày Phật và cũng muốn trốn sự sống bằng cách đi ở chùa. Đã có mấy lần, Nguyễn họa thơ với mấy nhà sư già. Bây giờ, ngồi bên hồ mà nghĩ lại, chàng tự nhủ nếu cuộc đời mà biết đến mấy bài thơ ấy thì chàng đến phải xấu hổ lắm. Những tiếng mõ cứ nện mãi vào đám người mặc áo nâu mỗi ngày tự tử thêm một ít, dưới một mái chùa. Chàng thấy mình đang ghét một thứ người ăn gian đời sống. Cõi Nát Bàn ! Địa ngục! Nếu thực ở trên đầu chàng và dưới chân chàng, hai cái đời sống huyền ảo ấy mà là có thật, thì

Nguyễn cũng không thèm bay lên và cũng không sợ sa thụt xuống. Nguyễn thấy cõi Nát Bàn là nhạt nhẽo. Và những đe dọa về lửa địa ngục không làm chàng e ngại, vì nếu ở đấy có khổ thì cũng chỉ khổ bằng đến trên cuộc đời này thôi. "Xuống" cũng đến thế này thôi, mà "lên" thì không được cười khóc vui lo như ở giữa cuộc đời thật tại này, nó có những cái run rẩy của gắng gỏi, của phấn đấu, của điều kiện tiến hóa, của hy vọng. Nguyễn đã bằng lòng ở lại giữa cuộc đời này. Chẳng tự cho mình là anh hùng gì cả, Nguyễn chỉ thấy mình đang phải chăng với phận làm người của mình ngay giữa đời sống nhân loại này.

*

* *

Tất cả những điều Nguyễn đang tìm thấy, người ta hay gọi là một nhân sinh quan. Bây giờ, Nguyễn thuộc giá lên xuống của hạt gạo và để ý đến chung quanh chàng nhiều lắm. Ngày trước chỉ chuyên đọc thơ, giờ chàng nghiện nhật trình. Nội tâm ở chàng, chàng không chú trọng bằng ngoại cảnh ở quanh chàng.

Kỳ Ngâu tháng bảy ấy, nhiều bạn cũ của

Nguyễn đã phải lấy làm lạ vì chàng không có tìm họ để uống rượu *làm thơ chí sĩ* như mọi năm nữa. Tháng này năm này, dưới một trời mưa, Nguyễn thiết tha đến những con đê, lo cho đê, lo cho ruộng bên đê, lo cho mùa màng. Mực nước sông Nhĩ Hà, chàng thuộc như một nhân viên ứng thủy. Mực nước hôm qua 11 thước 45. Phiền lắm đấy. Đến be con trạch! Việt Trì bao nhiêu nhỉ?" Hỏi han về tin nước xong, lắm đêm nghe mưa rơi trên mái và lại có gió lùa kẽ cửa, chàng băn khoăn như một chủ điền nhiều ruộng thấp bên sông. "Một hạt mưa là một nâng cao thước nước triền sông. Mà gió này vỗ mãi nước vào chân đê. Một hốc cây, một tổ kiến, nhiều khi đã phá hết công hàn gắn giữ gìn của bao người trong bao thuở. Sống là một niềm canh phòng, không được chểnh mảng". Sau những kỳ mưa ấy, quả có chuyện đê vỡ. Nhìn những cánh bèo của nước vỡ đường đẩy dạt về, Nguyễn càng thấy kính cẩn đối với hạt thóc: một sự thực của đời sống. Cái sự thực ấy rờ mó được, đổi bán được, bó được vào mồm, và thiếu nó thì người ta chết ngay, nghĩa là thua cuộc sống, phải đầu hàng đời sống. Đê vỡ, mùa tan, người ta lại cấy lại. Quyến luyến với cây lúa năm Dậu bị nước sông làm nhỡ mùa, Nguyễn ghi vào nhật ký:

"*Nàng* chưa được làm *con gái*, mà đã phải *tái*

giá". Nguyễn gọi cây lúa là nàng! Rồi, để được gần kề hạt gạo hơn lên nữa, trong một ít hôm, Nguyễn cũng làm hàng xáo. Chàng đã bỏ *nàng* vào hai cái bị dó còn nguyên vẹn mùi thơm của cói mới. Nguyễn theo vợ, đưa mấy dó gạo về nhà, thấy thú vị như có ai vừa cho mấy cuốn sách giấy quý mới phát hành. Bữa cơm, giờ Nguyễn khôm làm bộ tịch như mọi ngày. Mọi ngày ăn uống cánh vẻ, tỉa tót, hình như chỉ cần lấy dáng chứ không chú trọng ở no. Ăn no, Nguyễn đang thấy là một sự thực quý báu: ăn no để có sức mà chống với đời sống mà vun đắp đời sống chứ lại!

Nhìn đám khói đống rác trước nhà, Nguyễn cũng thấy rằng đấy cũng là hình ảnh của đời sống. Buổi chiều, ánh nắng quái in vài bóng lá nhòe lên hồi tường nhà bên cạnh. Một tiếng chó sủa khách. Một câu ru em láng giềng. Những tiếng loong coong xe ngựa đài tải trong sương chiều. Đời sống thật là muôn vẻ. Và như là lẩn thẩn, Nguyễn thấy cái gì cũng là thú vị cả, miễn là nó ở quanh mình, nó ở trong cuộc đời mà ta nhìn được, nghe được, rờ mó được. Nguyễn tủm tỉm: "Thế này mà suýt nữa, ta bắn súng vào đầu ta để ruồng bỏ cuộc đời thì có lạ không! Suýt nữa thì hớ to". Có con chuồn chuồn kim đang phân vân trong khói lam chiều, đậu tạm lên một tầu lá cau. Nguyễn lấy ngón tay cái và ngón tay trỏ

nắm lấy đuôi nó, định đưa cho đứa con nhỏ chơi. Nhưng không rõ vì lẽ gì, chàng đổi chiều nghĩ, lại thả nó bay lại.

*

* *

Đã có những tia nắng cuộc đời mới lóe vào tâm tưởng Nguyễn. Cái người vừa thoát chết oan kia lấy làm mừng. Nhưng nhiều buổi, vẫn còn thấy lo sợ lắm. Bởi vì, thỉnh thoảng cái luồng gió ấy vẫn thổi về. Cố níu vào những định thức mới về tình cảm đang nhú hình, Nguyễn vẫn chưa được vững vàng lắm. Chàng sợ cho cái sức bền bỉ đôi cánh tay mình đang bám víu vào năm 1945 ở đây. "Chuyến này mà sảy tay một lần nữa thì thảm lắm đây, cuộc đời ạ. Đôi cánh tay này mà rời cuộc sống đang dồn kia, tấm lòng này mà nhãng đi khoảnh khắc, thì sự trụy lạc lần thứ hai này còn khủng khiếp gấp mấy lần súng lục trượt vừa rồi".

Nhiều đêm ngồi một mình hỏi chuyện cái hoa đèn, Nguyễn lại thấy những hình bóng cũ của đoạn đời tâm tưởng ngày trước trở về day dứt mình. Những kỷ niệm, những nếp tình cảm cũ. Một thói tật suy nghĩ mọi khi. Một cái thời khắc

biểu.

Nguyễn đã từng ruồng rẫy với thuốc phiện. Cái ý thức hệ ở một đời sống tâm thần quá khứ lại còn lôi kéo bằng vạn thuốc phiện bị ly hôn. Nhưng, chàng đã từng thắng được thuốc phiện.

Nguyễn thấy mình còn phải vất vả nhiều thì mới bỏ được những nếp trì trệ của một con người ngày xưa và sự vật vã đó là cần cho sự tạo thành một con người mới để khớp vào cuộc sống mới này. Trong một con người Nguyễn, có phải chỉ có riêng một mình Nguyễn thôi đâu. Những mấy Nguyễn kia, nó đang tương tranh nhau trong nội tâm Nguyễn. Người Nguyễn trở thành một chiến trường, của nổi loạn giữa đám người nhà. Nguyễn vốn nhu nhược đối với tất cả những cái gì kết nên một cái tâm sự mình. Giờ này, phải tước đi một cái tâm sự cũ, chôn đi những hình bóng một đoạn sống vừa qua, và coi tất cả những ý nghĩ và rung động cũ kia chỉ như là những cố nhân bẽ bàng không cần tìm đâu cho thấy lại nữa. Đào thải tất cả cố nhân trong lòng mình! Nguyễn rùng mình, tưởng như có kẻ cường bạo dí gươm vào cổ mình bắt mình phải tàn sát thân quyến mình trước mặt họ. Nguyễn chưa hết cơn tiếc sợ thì cái lý trí trong đầu Nguyễn lại tấn công thêm nữa: "Cái giờ nghiêm trọng của đời

mày đang điểm. Bây giờ hoặc là không có bao giờ nữa. Mày phải cương quyết. Không có thứ nhân đạo nào cấm mày không được tàn nhẫn ngay với mày. Mày hãy diệt hết những con người cũ ở trong mày đi - những con người mà mày mệnh danh là cố nhân, theo một cái cố tật ưa du dương với kỷ niệm. Đào thải, chưa đủ. Phải tàn sát. Giết, giết hết. Thò đứa nào ở dĩ vãng hiện về đòi hỏi bất cứ một tí gì của mày bây giờ, là mày phải giết ngay. Mày phải tự hoại nội tâm mày đi đã. Mày hãy lấy mày ra làm lửa mà đốt cháy hết những phong cảnh cũ của tâm tưởng mày". Bỗng Nguyễn ngửi thấy mùi khói gỗ tươi cháy rừng già đang xọc lên mũi mình và sắp ngạt thở. Chàng chạy ra đường.

Ngoài đường, cuộc Cách Mệnh đang bước dài trên khắp ngả phố. Trên các cửa sổ mở, gió đời lùa cờ máu bay theo một chiều. Trong lòng đường nhựa, đời sống, như một dòng mùa, đẩy tầng tầng lớp lớp con người. Mỗi sinh mệnh của thời đại đang trôi trước mắt Nguyễn, - chỉ như một ngọn cỏ, một cái lá, một cánh hoa - không một ai cưỡng lại với dòng tràn.

Nguyễn thấy mệt mỏi trong lòng và trên thân chàng thì xót nhức vô cùng. Thì ra, lúc ở nhà ra đi, chàng vừa chịu xong một cái nhục hình. Lý trí đã lột hết lượt da trên mình Nguyễn. Thịt

non một thân hình lộ liễu kia còn rớm máu. Trên tảng thịt tươi đó, những mảnh bụi cuộc xô đẩy vừa qua đang đậu lên, đang cắn sát vào, một hạt lại một hạt, không nhanh không chậm, cứ đều đều thế thôi. Thế rồi, có một cơn gió hoàng hôn. Nguyễn rùng mình, run lên, rướn và kển mãi lên. Cái luồng gió ban nãy thổi cờ máu, thổi mãi vào thịt non Nguyễn đang se dần lại. Nguyễn thèm đến một con rắn mỗi năm thoát xác một lần. Nguyễn nhớ đến những côn trùng mỗi mùa thay cánh một lần, và nhớ luôn đến một đêm trở trời ngày cũ, chàng ngồi xem mãi một con gián non bay vung lên trong phòng viết. hình như nó đang nhớ tiếc một đôi cánh cũ bị lột. Mỗi lúc nó bay vòng lại, lướt đôi cánh non mềm nhạt lên cái sợi đồng đàn thập lục trùng dây, gian phòng vắng lại run lên một thanh âm không dứt khoát như một lời trối trăng. Nguyễn cảm thấy mình cũng đang là một con gián nõn vừa lột xác và đang lúng túng vỗ đôi cánh non vào một bản đàn mới của thời đại đánh lên ở quê hương mình: "Trong cái âm điệu của bản hợp tấu này, ra từ trước đến giờ, ta chỉ đưa ngang vào những tiếng đàn lỗi. Lòng kiêu căng của ta đã xui ta chỉ chơi có một lối độc tấu". Sau ý nghĩ, Nguyễn thấy buồn buồn và lại vui ngay vì đã nhận được rõ cái điều đáng buồn ấy.

Nhớ đến chuyện đàn, Nguyễn tìm đến nhà chị

Lụa. Hình như quá nửa năm nay Nguyễn không nghe chị Lụa đàn.

Ấy là một điều lạ: nhà chị Lụa sao đông người thế này? và góp thành cái số đông ấy, lại là những người mà Nguyễn không ưa. Những người ấy xưa nay vẫn chỉ trích những hành vi của Nguyễn. "Họ đã căn cứ vào quyền gì để xét đến hành vi quanh họ? Không sợ. Nguyễn ạ. Mình hãy sống cho mình đã". Nguyễn ôn lại trong đầu cái câu cũ của chị Lụa nói vào một ngày xưa xa. Nguyễn bị cuộc đời khai trừ. Vậy sao bây giờ những người ấy lại ngồi ở nhà chị Lụa? Và chủ nhà và khách, thân mật suồng sã. Đã lọt vào khung cửa sáng, Nguyễn chùn bước lại.

- Mời anh vào. Chúng tôi đang bàn về anh nhiều lắm. Anh đến, phải lắm.

Không phải là một mình chị Lụa nói. Cả bấy nhiêu người. Bấy nhiêu cùng chào một câu, như ta nói lên một khẩu hiệu. Nguyễn chưa hiểu. Chàng nhìn chăm chăm vào chị Lụa. Lụa cười, đoan trang và độ lượng như một người mẹ trước cảnh trở về của một đứa con hoang toàng.

Tất cả bấy nhiêu người đều kéo ghế mời Nguyễn, đưa chén đưa thuốc mời Nguyễn. Họ quây vòng quanh Nguyễn. Nguyễn có cái cảm tưởng mình đi chiến tranh nơi xứ xa về sắp thuật cho họ nghe một khúc anh hùng ca. Nguyễn đưa

hai bàn tay lên mắt. Cái dáng điệu của người chiêm bao muốn kéo dài mộng. Chàng không thể nghi ngờ cái phòng chị Lụa và tất cả những người đang đứng ngồi đầy gian phòng. Chàng nhìn bấy nhiêu người cũng đang nhìn chàng một cách hiền từ và hoan hỉ.

Chàng bắt đầu nói:

- Lâu tôi không đến chơi chị Lụa. Nhớ tiếng đàn quá. Chị Lụa tủm tỉm:

- Đôi cánh nõn con gián thoát xác muốn vỗ vào bản đàn nào?

Nguyễn giật mình. Vận, cái người khỏe mạnh cao lớn xưa nay vẫn hay công kích Nguyễn, gần thêm lại, giọng ấm áp:

- Anh đã diệt hết những cố nhân trong con người cũ anh chưa? Anh thong thả hãy trả lời. Trong người anh vừa cháy một cánh rừng già. Anh không nên tiếc than cho phong cảnh cũ của nội tâm anh. Trên cái đống tro lòng của đám hỏa tai ấy, sẽ có những mầm thảo mộc khác nhú lên mọc lên, rất tươi rất khỏe. Tôi mừng cho anh và cho cả chúng tôi nữa.

Nguyễn sửng sốt đứng dậy. Ồ, thế này thì quái thật. Họ đã thấy rõ cái tâm sự của chàng, họ vạch rõ từng hình bóng của thảm kịch chàng cứ như là những con ma xó. Chàng không giận họ về chỗ tọc mạch đâu, nhưng chàng bực lắm. Cái

quằn quại trong ít lâu nay, Nguyễn có khai với ai đâu!

Hạnh, cái người ít nói và vốn lãnh đạm với Nguyễn nhiều nhất, từ từ tiến lại. Để cho Nguyễn khỏi sửng sốt nữa, Hạnh nói:

- Cái tâm sự của anh, cuộc cách mệnh trong con người anh, anh không ngỏ với ai cả. Cái đau khổ của anh, nó âm thầm và đẹp lắm ở chỗ u ẩn. Vậy mà chúng tôi đều biết cả. Đủ tỏ cho anh hiểu rằng chúng tôi theo dõi anh nhiều lắm. Những cái đau khổ đẹp đẽ và thuận dòng như thế, giấu sao được! Càng đủ chứng tỏ thêm nữa rằng cuộc sống chú ý đến anh nhiều lắm mặc dầu cái thái độ bất công phi lý của anh đối với cuộc đời. Ruồng bỏ cuộc sống, cái thái độ ấy đúng thế nào được bằng sự thừa nhận nó, phải không anh ! Người nghệ sĩ vốn còn kèm thêm người chiến sĩ nữa, phải không anh? Anh tái sinh lại trong đời sống bây giờ, chúng tôi mừng lắm. Mừng ở chỗ đoàn thể lại khỏe thêm ra mà riêng chúng tôi thì khỏi phải chốc lát rót vào một nỗi tiếc nhớ tiêu cực. Chị Lụa, cuốn nhật ký chung của anh em đâu? Chị cho tôi, để tôi ghi vào đấy cái điều hân hoan của tôi trong hôm nay.

Lụa đưa Hạnh cuốn nhật ký lớn - mỗi tờ rộng bằng khổ nhật báo chưa gấp - rồi ngồi sát vào Nguyễn:

- Anh nên lại chơi luôn. Có những điều chúng

tôi cần phải nói với anh. Có những điều khác, anh cần phải nói với chúng tôi. Sống lẻ tách hắn ra, đóng hết cửa kính cửa chớp ở người mình lại để không giao thông với bên ngoài, nguy hiểm lắm anh ạ. Thứ nhất là cho anh, đang xây một con người mới, đang đẩy con người mới đó trên một phần đường vừa đắp xong. Cũng dễ sạt lắm. Bây giờ, mình lại càng phải canh phòng mình để khỏi trở lại cái sống cũ. Tôi lấy ngay tôi ra mà nói thì anh nhận thấy ngay. Trước tôi còn ốm yếu trong đầu óc bằng mấy mươi anh ấy chứ lại; anh còn lạ gì. Giờ tôi dám chấp những tình ái tủn mủn của một cái khung giường, những đau khổ vụn vặt của một cuộc than vãn tay đôi. Không, bây giờ có khóc thì Lụa cùng khóc với hằng bao triệu người kia.

Nguyễn đang bỡ ngỡ với một chị Lụa rất mới, sáng suốt trong ý nghĩ, rắn rỏi ở lời nói. Nguyễn ngửng lên. Gian phòng trong chỉ còn có hai người, còn họ thì đang túm tụm trên trang nhật ký khổng lồ mở rộng ở gian ngoài.

Lụa tiếp:

- Tôi nói, anh đừng giận tôi nhá. Anh có thấy là anh đã sống một cách không xứng đáng tí nào với cái thông minh của anh không? Anh cứ giang hồ mãi trong tình cảm của anh, diễn lầm một cái nghĩa của tự do - hòng bào chữa cho lối sống của mình - để chút nữa đi tới cái việc tự sát đê hèn.

Bây giờ anh muốn ly dị với quá vãng, thì ít ra anh phải tìm ngay cho tình cảm hằng ngày của anh một cái trung tâm trọng lực. Nếu không, thì cuộc cải lương - cải lương hay là cách mệnh ở người anh rồi lại cũng chỉ là một cuộc phiêu lưu thứ hai trong tâm tưởng, nó còn điêu linh gấp mấy cái chuyến giang hồ trước.

Lụa nhìn đồng hồ tay:

- Tôi phải đi ra trạm cứu thương. Anh ở nhà với các anh ấy. Ở đây mà ăn cơm luôn. Nhưng không bao giờ có rượu như trước nữa đâu. Buồn, thì chìa khóa tủ sách riêng của tôi đây.

Lụa đi rồi. Nguyễn mở tủ sách của Lụa. Toàn những tác giả rất lạ. Lục mãi xuống dưới, Nguyễn nhận thấy mấy tác giả ngày trước chàng mua biếu Lụa vào những lúc hứng thú với tác phẩm. Mở ra, sách cũ bốc lên một mùi mốc và có nhiều trang bị chì xanh đỏ gạch chéo. Dưới những dấu thập ác, Lụa ký tên và đề ngày. Ngồi tính niên hiệu ở các sách mở, Nguyễn lẩm bẩm: "Ra Lụa thay đổi đã hơn nửa năm".

Rồi Nguyễn năng gặp Vận, Lụa và Hạnh và nhiều người rất lạ nhưng rất quen ở mỗi ý tưởng phát ra trong câu chuyện. Để năng gặp những người này, Nguyễn đã bỏ quên những người bạn khác. Nguyễn đã chém rất nhiều cố nhân, lìa hẳn họ ra ngoài đời mới của chàng. Đáng tội nghiệp thay cho cái người bạn nọ của Nguyễn, kỳ

vừa rồi ba lần đến tìm Nguyễn tại nhà mà đều không gặp, mặc dầu Nguyễn vẫn ở nhà. Nguyên là như thế này: Người đó túm được Nguyễn ở giữa phố liền reo lên : "Về dưới quê tôi xem chèo đi". Nguyễn không trả lời, gỡ lấy cuốn sách ở tay người bạn đang cầm. Ấy là một pho Văn Đàn Báo Giám.

- Anh đọc Văn Đàn?

- Lúc này không đọc Văn Đàn Bảo Giám thì còn đọc gì. Báo hằng ngày à ! Có những cái trò này, nằm khàn ở nhà quê, ngâm nga thú ra phết, Nguyễn ạ. Này, nhà quê tôi sắp có hát chèo. Cuối tháng. Về nhá ! Hay là cùng đi với tôi luôn bây giờ?

- Chào anh. Tôi đi đằng này. Vội.

Nguyễn nháy vụt lên một cái xe tay. Về đến nhà, chàng dặn người nhà là hễ cái ông gì gì có hỏi thì bao giờ cũng nói là đi vắng xa.

Rồi cái ông gì gì đó cứ thành tâm đến tìm Nguyễn. Có lẽ cho đến cái lúc đọc truyện viết này, ông mới thôi để dành cho Nguyễn một cô nữ phường chèo nào ở chỗ địa phương hẻo lánh ấy.

Hỡi ôi, câu chuyện xem chèo đó chỉ là tượng trưng những hình ảnh cuộc đời cũ mà Nguyễn không muốn nhìn lại. Chàng lại đang có cái say sưa trong việc đánh mất những bạn cũ. Có ai đi

tiếc và ngồi chắp lại một cái tẩu vỡ khi mình đã cai thuốc phiện và vẫn còn gờm nó.

Đi tìm lấy những định thức để rung động cho đúng nhịp với đời sống cao rộng, Nguyễn phải tàn sát những hình bóng xưa cũ hiện về. Nó là cả một công trình tu luyện. Nhiều lúc chém giết nhiều quá, tay chàng mỏi, và ý nghĩ lung lay. Lòng tin tưởng ở chàng nao núng một vài chỗ nhỏ, Nguyễn lại tìm đến Vận, Lụa, Hạnh. Họ đi vắng, thì chàng mở cuốn nhật ký lớn ra, ghi vào đấy những cái xao xuyến lả lay ở mình. Việc đó, Nguyễn gọi là "đi làm bài". Mỗi lần làm bài xong, chàng lại giở những bài trước ra xem lại những câu phê bình ghi ở quanh bài. Lời chỉ trích của Hạnh tuy ngắn lạnh nhưng sáng và thẳng; của Vận, nể nang, của Lụa nhiều vỗ về nhưng mà vụng.

Sau mấy tháng ròng "làm bài" như thế, một buổi sáng, Hạnh vỗ vai Nguyễn:

- Anh khỏe lắm rồi. Anh không phải sợ anh nữa. Chúng ta bước vào thời kỳ xây dựng một cái gì lớn lao lắm đây. Anh làm theo chúng tôi.

NGÀY ĐẦY TUỔI TÔI CÁCH MỆNH

(Tùy bút)

Hôm nay là một ngày áp tiết lập thu của lịch mặt giăng. Mùa thu - cái mùa cổ điển của Cách Mệnh - buông thả nhiều dợt gió vàng, lùa gió vào những nếp cờ máu. Chấp cả sức pha loãng của thời gian màu cờ đã không nhạt sắc mà lại còn thắm máu hơn ngày tổng khởi nghĩa. Thêm vào chất hồng tươi của vải lụa, lại còn có cái đặm tía gắt chát của máu những con người gởi mình vào công cuộc - ngày một nhiều thêm. Nước phù sa dòng Nhĩ Hà lại càng đỏ hơn bao giờ. Trên cái dòng lịch sử cũ đã mấy ngàn thu, mùa thu này vò nhàu con nước lũ và những cành củi ngàn bập bềnh xuôi trôi ấy đã gợi đến những thế xác vô danh co quắp của một thế hệ gieo mình vào đại nghĩa. Đúng ở bờ con sông Bắc Bộ, người người hướng lòng về cái triều nước một con sông Nam Bộ. Con sông phương Nam nhiều cánh tay. Bấy nhiêu cánh tay Cửu Long Giang xiết chặt vào Cách Mệnh và đang đệ dâng lên bàn thờ Cách Mệnh rất nhiều linh hồn rất nhiều máu rất nhiều xương. Xương cốt bên bờ Vô Định Hà của Cách Mệnh Việt Nam chỉ là những bài học đắt

tiền quý giá nó đẩy con người đi tới chỗ tận thiện tận mỹ. Mà con sông miền Nam nhiều ngành chảy bao nhiêu nước, lòng đứa con thời đại lại chan hòa bấy nhiêu tin tưởng.

Mùa thu năm 1946 hình như cây cỏ xứ ta vàng úa thua những mùa trước. Cây cỏ bền bỉ màu xanh của hy vọng mà kéo dài màu xanh qua toàn xứ, đánh lừa luôn cả niên lịch đã nhất định rằng cứ ngày ấy tháng ấy của mỗi năm thì lá lại úa rụng và cỏ lại áy vàng. Thu năm Giáp Tuất, lá cỗi cố níu lấy cành và các loài cỏ không lả một ngọn nào, vẫn vươn thẳng lên chỗ - hy vọng bừng sáng mấy từng khinh không. Chưa có thu nào mà mây mùa khói mùa đẹp được như mây khói mùa này. Sớm cũng như hôm, bốn chiều tám hướng, chân giời Việt Nam nở bồng lên những hình mây khỏe mạnh và những sắc mây lộng lẫy chẳng kém gì vẻ mây Thét Nhạc Triêu dương tịch dương, khói mây bừng bừng dậy như hơi thở của tất cả công tác về mọi kế hoạch dựng nước mới.

Mây thu 1946 hừng lên những màu rực rỡ của một cuộc triển lãm trong vị lai và, dựng theo chiều dọc trời xanh, lắm lớp mây vững đẹp như một nền tin tưởng. Ngẩng nhìn thử mây của một giời thu Cách Mệnh lồng lộng này, lòng đứa con thời đại liền gột hết nghi ngờ và đã quên hết

những tội ác gây nên bởi quyền phiệt. Đấy chỉ là một thiểu số mà cuộc sống sẽ đánh bại. Đấy chỉ là những tụ hợp ngang trái của rác thối mà nước dòng thuận sẽ băng tràn qua, trùm phủ lên và dìm xuống đáy ký vãng. Đấy chỉ là những chiếc lá nẫu mà dòng Cách Mệnh đánh lùi ra ngoài triều nước và loại gạt vào hai bờ thời gian. Sự thù ghét đối riêng với cá nhân, ít lâu nay, đứa con thời đại đã gác ra khỏi lòng. Đừng có tư nhân nào gán cho nhau điều nhỏ nhen đó nữa. Nếu chúng ta có còn phải thù ghét thì chỉ là thù ghét những tổ chức bất công nó đâm ngang vào dòng sống.

Mặt trời mọc mươi lần nữa thì toàn xứ này ăn ngày đầy năm Cách Mệnh. Trịnh trọng với tâm tưởng, tôi men đến bàn giấy - cái ban thờ của Trí Tuệ - , kính cẩn động ngòi viết mà bất giác lại nhớ đến cái phút đầu năm khai bút của đời sống cũ. Tôi soạn cho tôi một câu tiêu ngữ mới. Tôi ghi lại những danh từ mới mà Cách Mệnh đã làm giàu cho từ ngữ mình và phổ thông trong dân gian. Tôi ghi lại những tên đất về địa dư xứ sở mà trước ngày Cách Mệnh bùng lên, có lẽ ít ai có dịp để ý đến. Rồi tôi tìm cho tôi những băn khoăn những thắc mắc về cái ngày mai sau này sắp tới của Tư Tưởng. Tôi nghĩ đến cái ngày lâm chung của văn minh điện khí: tôi thèm mong cái

buổi khai sinh của một nền văn hóa nguyên tử. Khi mà nguyên tử không chỉ là bom của chiến tranh nữa thì Con Người của Ngày Mai sẽ đến với cuộc đời Vị Lai bằng những lối đi nào và phải lọt qua những cánh cửa nào? Hiện tại rồi sẽ bị lọc qua một cơn dâu bể của tinh thần. Cái thảm kịch ấy của thời đại rồi ra sẽ được đền bù lại bằng những tiếng đàn nguyên tử, bằng những câu thơ nguyên tử, bằng những bức họa nguyên tử, bằng những tư tưởng nguyên tử. Cái nền luân lý nguyên tử rồi sẽ giáo hóa Con Người phải ăn ở với nhau trên một nguyên tắc thân ái triệt để nào.

Vui và khỏe, tôi gởi gấm tôi vào tương lai, - lòng phấp phới muôn ngàn cánh buồm chiến thắng.

Bên hàng xóm, có người chơi máy hát, cho chạy bài *"Những người lái đò sông Vonga"*. Những điệp khúc Nga oán hận ấy, tôi không tin là thanh âm của thực tại đời nhạc, bởi vì, mai đây, cuộc đời công bằng nhân ái sẽ không bao giờ hát như thế nữa. Cuốn nhật ký *Nguyễn* rộng mở như đôi cánh tay, như đôi cánh của người nhân tình thân, tôi đề luôn:

"Những lời hờn phẫn, ta đã cạn rồi với dĩ vãng.

Nay ta viết một bức thư tình,

Thân kính, gởi theo một chị cán bộ tuyên truyền".

Niên hiệu ghi dưới, tôi viết thặng lên là ngày 19 tháng 8 năm 1946.

Năm ngoái, cũng vào cữ này...

Khởi nghĩa. Đăng đàn tuyên ngôn. Những câu thề nói to lên với nhau giữa giời. Dăm bảy chiếc dù nháy của phái bộ Đồng Minh, vừa đỏ vừa trắng là là xuống cỏ phi trường Gia Lâm. Hà Nội bắt đầu gỡ những mũ sắt đèn phòng thủ. Mê say với ánh sáng trăng vừa được giải phóng, tôi đã là một dạ lữ khách không mỏi, quên ngủ của một đêm phong hội mới. Ban ngày, nếu không đi biểu tình thì đi ra Hàng Đào xem người ta dọn hàng đỏ, đông cứ như họp chợ tơ. Cờ nhớn cờ nhỡ thiên hạ chỉ có bán cờ mua cờ. Cờ bày lên thúng, lên mẹt, lên chiếu. Phố Hàng Đào đã mang tên là Phố Hàng cờ, đỏ rực một góc giời. Thật là vui và tốn như Cách Mệnh. Lòng khỏe, chưa đủ. Thân hình cũng phải khỏe nữa. Tôi liền đi cạo râu. Tình cờ gặp lại anh bạn cũng vừa đi cạo phăng bộ râu quai nón xanh rậm mọi ngày, chúng tôi đã ôm lấy nhau mà mừng ra nước mắt như hai con bệnh già mới uống liều thuốc cải lão hoàn đồng.

Ấy thế rồi trong chỗ bạn gái, một "Chị Hoài" đã cắt luôn mớ tóc mây, chụp lên mớ tóc ngắn một cái mũ Hồng Thập Tự mà đi luôn vào Nam Bộ. Gần đây, có tin rằng "Chị Hoài" ấy bị chết ở chiến khu số 7. Kẻ thù của Tiến Hóa đã gạc một dấu thập ác đen lên cái mũ chữ thập đỏ ấy. Thành thử cái đêm vào cữ này năm ngoái, cùng đi xem các hiệu thợ may thức khuya máy cờ, lại là lần cuối cùng gần kề một người vô danh của Lịch Sử. Cho tới bây giờ, những tiếng sè sè máy khâu ăn xuống vải đỏ mới của một năm ngoái vẫn còn rền vẳng trong đầu tôi.

Tôi chấm dấu hết bài kỷ niệm đệ nhất chu niên Cách Mệnh Việt Nam bằng cái tiếng hát ru em bên đông lân vọng sang.

Thôn Đôi, một năm tuổi
Tạp san *Văn hóa và Cách mệnh*
(8-1946)

CHÙA ĐÀN*

(Truyện vừa)

- "... Mày hãy diệt hết những con người cũ ở trong mày đi... Mày phải tự hoại nội tâm mày đi đã. Mày hãy lấy mày ra làm lửa mà đốt cháy hết những phong cảnh cũ của tâm tưởng mày".

(NGUYỄN)

I. - DỰNG

Bị phát vãng lên đường ngược, ở một tỉnh phía tây Bắc bộ vào những năm khủng bố thời Pháp thuộc ấy, tôi đã chú ý đến một người tù.

Anh Lịnh.

Thật vậy, trong đời sống hàng ngày của trại

---

* *Chùa Đàn* có 3 phần. Phần ruột gọi là *Tâm sự của nước độc* được viết trước - ngay sau Cách mạng tháng Tám tại nhà bà Chu Thị Năm ở Bần Yên Nhân (Hưng Yên). Trong bài kiểm điểm chính huấn (1953), Nguyễn Tuân thú nhận phần ruột này được viết theo mạch văn *"yêu ngôn"* trước tháng 8-1945 (loại truyện viết về ma quỷ theo kiểu *Liêu Trai* của Bồ Tùng Linh). Ít lâu sau, được giác ngộ cách mạng, Nguyễn Tuân mới chắp thêm phần mở đầu gọi là *Dựng* và phần kết luận gọi là *Mưu Cuối*, biến nhân vật Lãnh Út thành chiến sĩ cách mạng. Tác phẩm do nhà *Quốc văn* xuất bản 1946.

an trí, người bị đi đầy kia là tượng trưng cho đời tù của bọn trí thức say đắm với công cuộc, vướng lụy vì hoài bão, đưa Cách Mệnh lên thành một tôn giáo, và trong cảnh đày ải tù tội, tinh thần lúc nào cũng vững vàng như cái thái độ bất diệt của bậc chân tu chuyên nhất trong niềm đạo hạnh.

2910 - phải, Lịnh đeo con số ấy khi đi tù -, đã là một đối tượng phức tạp để tôi gởi vào đấy một dấu? và một chấm! rất đậm.

Trại an trí V.B. chỉ thuần có tù chính trị người Kinh lẫn người Thổ. Ở đấy, ngoài cái áo số vải nâu, chúng tôi có quyền dùng những đồ may mặc đem theo; ngoài nắm cơm của *căng*, chúng tôi có quyền mua bán thực phẩm riêng bằng những số tiền do thân quyến hoặc cố hữu gởi lên. Và được viết và đọc - trong một cái chừng hạn tự do tương đối nào đó.

Lịnh có rất nhiều áo len của người quen đan gởi lên cho. Không chuyến nào mà người phu trạm già ấy lại không có một gói bưu kiện áo quần giao cho Lịnh. Người ở *ngoài*, dưới vùng hạ bạn, đã nghĩ nhiều đến một kẻ ở *trong*, và thiết tha đến cái khí núi giết được người nơi đường ngược đây.

Lịnh có rất nhiều măng-đa. Ở cuốn sổ gởi tiền

của tù ký trên buồng giấy trại, Lịnh có riêng một trang đặc.

Còn thư tín ở bên ngoài đưa đến vào những hôm phát thư, người Tây quản trại kỳ nào cũng phải gọi đến 2910.

Rất nhiều anh em cùng trại ít được săn sóc bởi người của đời sống bên ngoài, ít nhận được măng-đa và thư, nhìn Lịnh 2910 bằng con mắt thèm tủi. Ai đời đã đi đày lên thượng du, mà ngày tết Nguyên Đán còn có người lặn ngòi ngoi nước đến trại xin phép Tây cho gặp Lịnh để giao cho Lịnh một cú thủy tiên, một cân mứt sen trần kèm bình trà mạn!

Tôi đã phải bận tâm đến Lịnh mà nhiều người lính đã liệt vào hạng *tù cậu* vì Lịnh có cái bề ngoài của một người tù phong lưu (!)

Không, Lịnh không phải là một người tù cậu. Lịnh là một người tù thuộc, đời sống tinh thần đã được luyện qua gần khắp các nhà giam ở xứ ta, đã từng nhiều phen tuyệt thực, vượt ngục và sở dĩ chuyến này lại lên đây nữa là vì vẫn chưa chịu chán mỏi với hoài bão. Một hôm quét vôi trên đồn, muốn tò mò đến quá khứ của tù 2910, tôi đã lẻn vào buồng giấy quản trại và đọc tập lý lịch của Lịnh gởi kèm lên theo.

Chao ôi, sao đời Lịnh nhiều án tích chính trị,

nhiều hoạt động và không sờn gan mệt trí với đề lao đến như thế ! Có thể nói rằng Lịnh có ở cuộc đời bất công này là để riêng đi ở tù vì lý tưởng, ở tù cho đến chết thì thôi chứ không thèm yên nghỉ với cái sống tự do giả vờ của *bên ngoài*. Đời hoạt động của Lịnh hình như đã nêu ra được vấn đề này: là định một cái nghiệp dĩ cho kẻ trí thức giác ngộ cả trong hoàn cảnh câu thúc và cả ở hoàn cảnh ngoài đề lao nó cũng đầy rẫy những tội ác và tù túng của đời sống mâu thuẫn.

Tôi liền có cảm tình với Lịnh, tìm cách gần Lịnh. Ngày tháng trên rừng trôi qua trên sự cầu thân đó, cũng bớt được nặng nề. Ngoài những lúc phải theo lính canh vào rừng ngả cây cổ thụ phát quang rừng lau, phá đồi, đánh gianh lợp nhà, cắt cỏ cho trâu dê bên đồn, lấy nước suối ngọt cho bên trại anh em, những lúc được về ăn nghỉ trong trại, tôi ngắm Lịnh. Những cử chỉ vụn vặt của Lịnh đã đi vào con người tôi không sót một nét. Tôi ngắm Lịnh, lặng lẽ và kính cẩn. Mệt lắm thì tôi chợp đi một lúc, chờ một hồi kèn chiều bên đồn dựng đứng mình dậy để vào rừng làm nốt công việc trong một ngày tù. Một buổi trưa, Lịnh vỗ vai lay nhẹ tôi: "Anh xuống nhà ăn, uống với tôi chén trà nóng. Tôi đã bắc ấm lên bếp, nước gần sủi rồi". Buổi trưa rừng, ở trại giam, có người mời uống nước trà nóng là một

điều thú vị nhất. Trà nóng vừa chuyên xong vào một đoạn vầu gọt làm chén, Lịnh nhìn thẳng vào mắt tôi: "Tôi đoán không nhầm. Anh không chịu khó cưỡng lại giấc ngủ trưa ở thượng du thì chẳng mấy chốc mà sốt đến nơi đấy. Người lính 125 bên đồn cũng ngủ trưa như thế trong nửa tháng nay rồi đái ra máu rồi chết. Từ giờ, anh dừng ngủ trưa nữa. Mắt anh đã bắt đầu vàng rồi. Anh chiêu mấy viên thuốc này đi". Lịnh đưa tôi chén nước nóng và mấy viên thuốc. Thì ra không phải là một buổi *nhậm sà* chơi vui mà là một buổi chữa bệnh và Lịnh đã để ý đến sức khỏe của tôi từ hôm nào rồi. Tôi ngoan ngoãn nuốt mấy viên thuốc tròn dẹp và ngà ngà như màu ngô nếp. Lịnh nhìn qua tấm hàng rào nứa tép ken cánh sẻ dày đến sáu lượt nứa, gởi tầm mắt vào rừng xa đang nhấp nhánh khí núi hâm nóng, thủ thỉ nói tiếp: "Càng ở vào hoàn cảnh tù tội, chúng ta càng phải giữ mình làm trọng. Để lúc trở về trung châu, còn có mặt trong hàng ngũ của đoàn thể. Ta sẽ có lỗi nhiều với công cuộc, nếu phải để thân ở thượng du vì nỗi bất cẩn đối với cái thân mình lúc này. Mỗi người chúng ta phải gởi xương ở đây vì sốt rét rừng, hàng ngũ về sau sẽ hớ kẽ. Thiếu đi - dù là một người, - công cuộc sẽ chậm ít ra là một bước trong thời gian". Tôi yêu kính câu nói của Lịnh chứa đầy

một niềm sốt sắng giống như lối nói của nhà lãnh đạo ký trú với những đồng chí chưa hoàn toàn nhập điệu. Và từ hôm ấy, để đánh lừa giấc ngủ trưa ở rừng tù, tôi đã học chữ Ăngle và Lịnh, mỗi trưa, dành ra hai mươi phút nghỉ để dạy tôi học ngoại ngữ. Trong việc này, ông thầy bao giờ cũng chuyên cần hơn người học trò, bởi vì có nhiều buổi hễ có người rủ chơi cờ tướng là tôi đã bỏ lớp học của Lịnh. Nhiều độ lượng, Lịnh chỉ điềm đạm: "Cũng chẳng sao. Điều cần nhất, là đừng ngủ trưa. Đánh cờ trưa, cũng là một cách vui gọn để chống sốt rét rừng".

Không phải dạy tôi học thì Lịnh lại dùng thời giờ ấy đọc sách và biên chép luôn tay vào những cuốn sổ tay dành riêng mỗi cuốn cho một việc. Có người lính nào vào trại tìm đến Lịnh thì Lịnh lại bỏ việc riêng đấy mà giúp họ. Vẽ hộ một bức truyền thần. Viết hộ một bức thư, và nhiều bức thư của người lính thượng du nhớ nhà gởi về thăm vợ con hoặc vấn an thầy mẹ. Thư lại viết theo thể thơ lục bát. Chiều theo ý những người lính, Lịnh đã xoay cái thư ấy ra thành những câu vè mộc mạc và anh lại còn phải viết bằng chữ nôm. Ra Lịnh vẫn có cái đức dung người và Lịnh vẫn vui vẻ trong khi làm những việc tầm thường đó không ngày nào là không xảy tới. Ở một cái đồn thượng du, lúc nào mà chẳng có một người

lính nhớ vợ thương cha. Lịnh được thiện cảm của cả đồn. Các ông quản đội trên đồn, có việc hiếu hỷ gì ở quê nhà, là đều có nhờ đến Lịnh cho chữ câu đối - lúc nôm, lúc chữ Hán, tùy theo trường hợp. Cả ngay đến lão quản trại an trí là người Pháp, cũng nhờ Lịnh dạy Việt Ngữ. Nhưng đến việc này thì Lịnh chối từ, mặc dầu quản trại hứa sẽ để cho Lịnh ở nhà không phải vào rừng mà sương nắng ngày hai buổi. Lịnh đã lẩm bẩm riêng với anh em: "Dạy mày học tiếng ta để rồi mày dò la chuyện bên *căng* và kiếm duyệt thư của anh em cho kỹ phải không?" Vì có người tọc mạch mà tôi mới biết rằng Lịnh đang nghiền ngẫm bộ *Kinh Dịch* và đang xoay nó vào Biện Chứng Pháp Duy Vật. Một buổi nghỉ ngày chủ nhật, thấy tôi đến ghé nhòm vào trang vở chi chít những chữ Pháp và chữ Hán, Lịnh tươi tỉnh - bao giờ Lịnh cũng hòa nhã tươi tỉnh - hỏi tôi: "Tôi đố anh biết Pearl Buck có giỏi chữ Hán không? Và André Malraux tập viết chữ Hán theo lối thiếp nào?" Câu đố ấy rồi cũng bỏ lửng. Nhưng tôi ngờ rằng Lịnh biết nhiều lắm. Cũng như tôi đã thấy rõ cái đức làm người của Lịnh mà cảnh tù chung mỗi ngày càng làm bật hẳn lên.

Lịnh không trốn việc hoặc đùn nó cho những anh em khác. Kỷ luật của anh em trong trại đặt

ra để giữ trật tự chung cho cả *căng*, anh tuân theo. Ra ngoài làm việc rừng, lúc nào túi dết Lịnh cũng có sách vở, nhưng chặt xong phần cây hoặc cuốc xong phần đất của mình rồi anh mới chui vào bụi khuất mà đọc mà viết. Cái điều lạ nhất là anh ít viết thư, mặc dầu thư ở ngoài gởi lên rất nhiều. Tiền măng-đa của anh ký trên buồng giấy rất nhiều mà anh ít dùng tới. Thỉnh thoảng biết đến những anh em túng thiếu vì không có sự chu cấp của bà con vùng xuôi đoái tưởng đến thì anh lại rủ họ mua đồ ăn thức dùng vào số tiền gởi kho của anh. Mỗi kỳ có phiên ở bên kia sông quạnh họp chợ Mường, Tây cho anh em ở *căng* ai có tiền gởi thì kê những thứ định mua rồi ủy cho người đi chợ. Người mua bánh ngọt, thuốc lá trà tàu, xà phòng, gà vịt trứng đỗ; người mua guốc nón, diêm đinh; có người mua cả rượu lậu và ba ba núi. Đến lúc anh giữ việc kinh tế ở *căng* hỏi Lịnh xem anh muốn mua những gì thì lần nào cũng vậy, anh chỉ cần có giấy mực và bút chì. Chỗ giấy mực đó anh dùng để biên chép - chứ không phải để viết thư hoặc trả lời thư như nhiều người, - và để biếu các anh em người Thổ nghèo theo lớp học chữ quốc ngữ do anh trông nom. Mỗi kỳ được phép viết thư trong tuần lễ, anh toàn ngồi đề bì hộ anh em Thổ và cho tất cả anh em trong trại vay tem của mình. Anh nghĩ

đến anh rất ít và rất hòa nhã khi được chia sẻ với anh em. Kỳ tắm giặt hằng tuần nào ở bên con sông quạnh là bánh xà phòng nửa cân của anh cũng vẹt hẳn đi và nhiều khi tan hết ra bọt nổi ở mặt dòng nước rừng.

Lịnh ít nói, nhưng không trở nên người khó chịu ; ít cười, nhưng vẫn tươi sáng và cái sáng ấy làm lùi được bóng đen của nhà tù. Buổi sớm dậy, Lịnh luyện phép thở, ôn ít quyền thuật với anh em Thổ rồi cắp bị nón đứng vào hàng. Không bao giờ Lịnh chịu khai ốm để đi nhà thương và nghỉ nhà. Ngày hai bữa cơm, có thức ăn hoặc không, anh cũng chỉ ăn đủ ba lưng bát. Ăn cơm chiều xong, anh đi bộ quanh rào trại. Rồi lúc mặt giời gần lặn để chiếu hết cho một ngày mất tự do, cái việc Lịnh lấy làm thú nhất là được anh em lại cử cho đọc nhật báo - báo ở tỉnh vừa về kỳ thư - và phê bình thời cục thế giới. Tình hình chính trị và ngoại giao các nước, Lịnh tinh và suốt và thuộc lầu lầu. Lúc cần phải ôn đến những biến cố xã hội trên khắp thế giới, Lịnh có cường ký của nhà viết sử. Ngồi chót vót trên thang đu tập thể thao, đọc xong một lượt tin tức trong và ngoài nước, Lịnh mới mổ xẻ đến cái chương trình Đại Đông Á của Đại Nhật Bản (!). Phải nghe những nhời Lịnh vang rền lúc ấy thì mới biết đến cái say sưa của môn thuyết khách và mới

hiểu tại sao chúng ta không chịu ở yên với trật tự hiện đại của sự vật. Lúc Lịnh ở chỏm thang leo xuống, tôi yêu Lịnh quá, muốn nói đùa Lịnh rằng anh giỏi như thế, tin tưởng vào Cách Mệnh như thế thì làm gì mà Tây nó chẳng bắt, ví Tây nó có tha anh ra bây giờ thì cũng lại đến Nhật bỏ tù lại mất thôi, chứ ai cho anh yên ở ngoài để lao để anh dựng trật tự mới và xây đắp cái Thị Trấn Ngày Mai trên phá hoại gây ra theo đúng ý nguyện của Cách Mệnh. Nhưng thấy Lịnh nghiêm chỉnh quá, tôi lại không dám đùa.

Tôi kính yêu Lịnh 2910 như một người anh cả trong cõi học và trong cõi đức. Những lúc đi rừng hai buổi, tôi thường cố điều đình với lính để cùng đứng vào một *kíp* với Lịnh mà ra ngoài làm việc. Những người lính đáng yêu ấy đã làm theo ý của tôi. Hễ thấy 2910 đứng vào *kíp* đẩy xe nước, thì họ lại tủm tỉm chỉ vào tôi: "790! Cho 790 đẩy xe nước với 2910. Tha hồ mà đưa sách lẫn cho nhau trong bụi sim nhé". Hễ thấy Lịnh đứng vào *kíp* củi, mặc dầu là số người đi lấy củi đã quá đủ rồi, họ lại kéo tôi vào hàng ngũ đi củi: "Ấy, 790, trả cuốc lại cho *kíp* đất. Cho đi lấy củi. Vào mà thay dao năm đi". rồi họ lại hóm hỉnh mà cười sát vào tai tôi: "Tha hồ khuất mắt Tây mà đánh chén trong rừng với 2910 nhé!". Những người lính khả ái ấy đã lầm. Chẳng bao giờ Lịnh uống rượu.

Những đàn ông nào đã đi tù và đã từng lấy rượu ra để đánh lừa những ngày dài như nghìn năm của mình, ai ngạc nhiên thì cứ ngạc nhiên đi, nhưng suốt một thời ở *căng* với tôi, Lịnh 2910 không hề nhấp đến một chén rượu nào, mặc dầu rượu tù là quý - quý ở chỗ khó khăn của hoàn cảnh - , mặc dầu nhiều lần các ông đội quản cai bên đồn đã giận Lịnh vì Lịnh từ chối những chén chân thành của họ. Về chuyện rượu, tôi chỉ nhớ Lịnh thốt ra một câu này: "Thử như ngày xưa thì tôi... tôi...". Hôm ấy là tết Nguyên Đán, tôi nhớ cuộc đời tự do ở ngoài quá, lúc say ngày đầu năm, tôi phá cả kỷ luật của anh em, làm kinh động cả trại an trí suýt nữa quản trại Tây phạt chung cả những bạn không uống. Lúc tôi tỉnh rượu, đang ngán ngẩm với một rừng chiều mịt mùng sương lam, trước giờ điểm, Lịnh đến gần tôi, cho tôi liều thuốc nhức đầu và nói với tôi một câu không hết ý như thế. Đánh bạn tù với Lịnh, tôi hay gợi đoán đến cuộc đời tình cảm bên trong của Lịnh và tôi ngờ Lịnh đã từng có một câu thề độc hoặc một nỗi oan khiên đối với rượu nên anh tránh rượu, dẫu rằng chỉ nhấp một tí để mọi người ở cảnh tù vừa lòng trong một cuộc họp mà chỉ có mượn đến rượu thì mới làm vui được thôi. Cơ thể người đàn ông nào - thứ nhất lại là đàn ông bị đi đày - mà lại không chịu được một

chén hạt mít rượu trắng! Gia chi dĩ ở rừng tù, rượu, nếu uống theo một điều độ nào đó, lại còn có công dụng trị được sốt rừng và giá ngự sơn lam chướng khí nữa. Hẳn phải có một duyên cớ gì ghê gớm lắm thì cái người rất yêu cả trại đó mới không chiều anh em cùng hội và cơ hội bên đồn canh đến mực không chịu nhượng bộ như thế. Tôi cũng không gạn hỏi thêm Lịnh và không có mời Lịnh uống. Ăn chung mâm, bao giờ 2910 cũng chỉ ăn cơm và hễ cơm tù có rượu thì chỉ một mình 790 tôi uống thôi.

Lại một buổi chiều nữa, cuối xuân đất trích nhớ nhà, tôi say và 2910 ngồi cạnh *lập là* tôi, xem tôi say. Thời tiết cuối xuân sang hè, rừng lim trổ hoa xám bỗng nổi cơn giông. Gió ngàn bị quấn trong kẹt thung lũng đâm ra cuồng và cứ vật mãi vào hàng rào nứa tép của đất tập trung. Gió xoay quanh *căng* chúng tôi đủ bốn hướng tám mặt. Mỗi lần gió đổi chiều, lướt qua những đầu nứa vát chéo nhọn, cái hàng rào lại rung lên như một cây phong cầm đồ sộ bị hiếp bởi một tay nhạc công cường bạo. Có những thanh âm gùn ghè gầm thét, có rất nhiều cung bực của than thở. Tôi không tách được tiếng rỉ rền nào là riêng của hàng rào nứa và tiếng oán tiếc thở dài nào là riêng của gió rừng biến động. Tôi chỉ biết tai tôi đang nghe một thứ nhạc đàn đầy

thanh âm tấm tức. Gió giông không tìm được lối thoát lại càng nghẹn ngào và vật mình vật mẩy với mấy tường nứa rừng nhọn hoắt. Bỗng Lịnh để nhẹ tay vào vai tôi: "Này nghe nó như các khổ dựng của cây đàn dây ấy, 790 ạ". Tôi vội đặt chén xuống.

Tôi nhìn trừng trừng vào mắt Lịnh. Tôi trông thấy rõ cái ảnh đảo ngược của tôi trong tròng mắt Lịch. Tôi muốn cả người tôi đi thẳng vào người Lịnh bằng cách lọt qua hai cái lỗ của con ngươi mở kia, để lòng tôi hòa chung vào giữa cái lòng Lịnh, trên một nỗi niềm nhớ nhung gì. Chừng như Lịnh cũng đoán được cái ý quái gở đó ở tôi, bèn nheo mắt lại và làm lệch nhỡn tuyến ra phía khác.

Thế rồi rừng rú tan trận gió cuồng. Và điệu đàn gió ngạt thở đang gục dưới hàng rào nứa tối dần với ngày tắt gió tắt nắng. Dư vị của bữa rượu tù nhớ trung châu để lại nơi đáy họng tôi một chất bồ kếp. Lịnh bó tôi đấy, đi ra thang đu thể thao và bắt đầu đọc báo hằng ngày cho cả trại nghe.

Tôi cứ ngồi bệt đấy với chén rượu tàn. Câu nói vừa rồi của Lịnh đã như một thứ nước cường toan làm bốc khói độc ở một thứ kim khí trong người cũ tôi giắt theo lên đây.

Tôi vốn là một người hay la cà đắm đuối với tất cả những cái gì là đàn sáo ca hát. Hát bộ, hát chèo, hát gõ. Ca Huế, ca cải lương Nam Kỳ. Tôi đã đem một phần đời văn sĩ của tôi mà đặt vốn vào đàn hát. Lời lãi lấy về trong khoảng rung động, không phải là không có, nhưng hệ lụy tự gây lấy, thực cũng không là ít vậy. Từ khi bị bắt, bị giam cầm ở ty Mật Thám rồi bị phát vãng lên chỗ rừng xanh, cái tâm sự ấy tôi đã hắt trả cho cuộc sống dưới đồng bằng. Ngày ngày ở *căng* làm việc bằng tay chân - chém cây, ngả gỗ, đắp đường, lợp nhà, đẩy nước, v.v... - thể xác quần quật nhiều, cũng chẳng còn mấy tâm tư mà nghĩ đến chuyện tơ trúc của thời tự do trước nữa. Vả chăng, có rảnh tâm lúc nào, thì lòng lại chỉ tràn ngập những lo lắng về nỗi ốm đau và ý chết vì nước độc vì tai nạn lao động trong rừng thẳm. Một buổi chiều từ rừng nổi gió giao mùa, nỗi u hoài mở toang lòng tôi và không bị ngăn ngừa mảy may, câu so sánh của Lịnh vừa rồi đã xộc thẳng vào người tôi, làm tôi hoang dại ra mất vài hôm.

Rồi nó cũng qua đi. Cũng như bất cứ cái gì ở cuộc sống này. Có một chút gì còn lại, là tôi lại ngờ thêm được một điều nữa về thân thế Lịnh. Ngoài sự can khiên về rượu, hẳn người bạn tù này còn đeo thêm một cái nghiệp trái về âm

nhạc.

Cách đây ít hôm, một buổi lấy nước ở bờ sông, ông đội kéo riêng tôi ra một chỗ:

- Này, 790 có muốn nghe hát cô đào không?

- ?

- Chuyện thực đấy mà. Để rồi rủ luôn cả 2910 nữa. Hôm trước mình đi phép có việc ăn khao ở nhà quê. Đem cái bài hát nói của 2910 làm ra nhờ cô đào hát ở bữa tiệc đông, ai cũng khen hay, 2910 làm có cả mưu đầu mưu cuối. Lão cứ củ mỉ cù mì thế mà tài hoa đáo để. Này, không cái gì là không biết. Chắc trống 2910 cũng sắc tay lắm. Để ít hôm nữa, hàng cơ góp tiền thết tiệc ông Quản được lên lương có mời ca công về hát, tôi dàn xếp để một số anh em sang sông lấy cỏ. Vừa cắt cỏ quanh nhà ông Quản khao, vừa nghe hát cho nó đỡ nhớ những chuyện dưới xuôi. Nhá!

Thế rồi đúng vào hôm hàng cơ thết tiệc ông Quản khố xanh ở bên bia sông, chúng tôi sang sông cắt cỏ. Cắt cỏ là một việc nhàn nhã hơn là đi ngả gỗ. Cắt cỏ nghĩa là gần như đi du thủy du sơn và lại cắt ngay gần chỗ cái nhà có tiệc vui mà nghe vọng vào những tiếng đàn hát của mâm tiệc. Trong số mấy người cùng đi cắt cỏ, bấy giờ tôi mới nhớ ra là thiếu mất Lịnh 2910. Hôm qua

như lời ông đội dặn khẽ, tôi đã bảo Lịnh là sáng nay thế nào cũng đứng vào *kíp* đi cỏ. Lịnh gật gật, tỏ ý hiểu rõ đến những chi tiết ngầm của việc sang sông này. Lịnh không có mặt ở đây lúc này, không thể là vì quên được. Chắc là vì một lẽ gì. Những chuyện bất trắc hàng ngày như thế trong cái đời tù, làm sao mà phòng ngừa tính trước cho hết được. Buổi chiều thuật lại cho Lịnh nghe về cái buổi "nghe hát" bên sông, Lịnh chỉ điểm vào những nét cười giao thiệp, chứ không tỏ ý kiến gì. Biết đến những điều này - không hiểu vì lý do nào - ông đội lại kéo tôi ra chỗ vắng mà phàn nàn riêng: "Tôi chắc 2910 không muốn đi hôm đó. Ra điều rằng không được hoàn toàn là người chính hiệu của bữa tiệc ấy thì anh không dự. Những người có tài và có chí như các anh, có bao giờ có những cái thèm khát tầm thường. Tôi biết thế mà tôi cứ bảo các anh sang sông vì tôi tưởng rằng đấy cũng là một cách bất ngờ để giải trí cho các anh ở trên rừng này. Nhưng thôi để hôm có cái bổng lớn, để hôm nào đủ tư cách, tôi sẽ tổ chức riêng một chầu hát, - cho nó xa đồn hơn nữa - rồi tôi sang trại máy riêng các anh đi. Mấy anh thôi. Tôi sẽ bịa với Tây rằng phải đi rừng xa, phải đem cơm đi, buổi trưa không về trại, cho nó nhiều thời giờ hơn. Hôm ấy, các anh sẽ đánh trống uống rượu, tự do

như là lúc *ở ngoài* ở dưới xuôi ấy. Tôi cũng muốn có dịp nghe trống các anh lắm. Tôi đánh hẳn phải là quê hơn. Chắc rồi 2910 phải bằng lòng. Các anh không nên bận tâm về những chi phí. Cho một bọn thuốc phiện lậu đi lọt qua đồn này, thì là thừa tiền dùng chứ gì nữa. Đó là cái lộc của đồn rừng trấn thủ, chứ tôi cũng chả mang của nhà lên đây mà phá, các anh đừng ngại. Mấy khi lại gây được ra chuyện vui để giữ làm kỷ niệm chung, phải không anh! Mà tên lính nào ton hót với quản trại Tây, tôi đã có cách trị cho nó và có cách chống chế lại với Tây".

Tôi lại đem câu chuyện này nói cho Lịnh biết. Lịnh biến hẳn sắc mặt. Và kịch liệt tuyên bố không dự: "Nhưng mà các anh không nên bận vì tôi. Và cũng đừng cho ông đội biết trước rằng tôi không đi hôm đó. Ngày mai tôi sẽ nói với anh trật tự cho tôi lên làm phụ bếp trên đồn, không đi rừng trong ít lâu vì người độ này cũng yếu lắm".

Một buổi sáng rừng còn đọng sương. Ông đội hí hửng vào trại, nháy mấy người chúng tôi và nói to lên là lấy bọn tôi đi rừng chặt tre đực và phải đem cơm đi mà ăn buổi trưa trong rừng, đến chiều mới về. Chúng tôi hiểu ý. Đến lúc ông đội và chúng tôi tìm đến Lịnh, thì Lịnh đã lọt

lên đồn giữ việc phụ bếp mất rồi. Ông đội tỏ vẻ thất vọng. Vì bây giờ sục được lên đồn để vào bếp lấy lại 2910 mà cho vào *kíp* đi rừng thì Tây nó đâm nghi mất. Ông đội hay đi lại với chúng tôi, vốn đã bị Tây nghi ngờ và để ý lắm rồi.

Chúng tôi đi sâu vào rừng, qua mấy làng Mường. Không có Lịnh, ông đội buồn ra mặt. Buổi trưa ấy, đốn tre xong, người lính riêng của ông đội có đem đến rượu và thức ăn thịnh soạn, nhưng không có cô đào hát. Ông đội cắt nghĩa: "Thôi để hôm khác ta nghe hát vậy. Hôm nay chỉ đánh chén thôi, anh em ạ". Hình như ông đội biệt đãi riêng Lịnh và thiếu Lịnh thì ông không muốn bày ra chuyện trống hát nữa. Nhiều người vừa ăn uống, vừa tỏ ý oán ghen với Lịnh. Trại an trí, sau cái buổi họp trưa giữa rừng ấy, Lịnh hụt đi một số cảm tình. Riêng tôi thì tôi chỉ thấy Lịnh có tính gàn. Và ích kỷ nữa. Ừ, mình không thích, nhưng một số anh em đã thích, thì sao lại nên có cái thái độ ấy!

Chuyện trống hát ở giữa rừng cũng không bao giờ có nữa. Và cũng chẳng ai mong đợi hoặc nghĩ đến. Mùa nước độc đã đến - lá lim, quả ngái rụng xuống mặt suối kể đã nhiều - , ai cũng chỉ còn lo ốm thôi.

Bỗng một buổi chiều nắng như quay chín được

người, tự nhiên Lịnh đem chuyện hát ả đào ra thủ thỉ với tôi. Anh thông thạo lắm. Lịnh nói qua về cái thái độ anh đối với việc ông đội muốn bầy điều vui bữa nọ. Anh kết luận : "Chắc anh cũng hiểu nhầm tôi".

Rồi tiếp, giọng xa vắng: "Tôi có một cuốn vở viết. Không hiểu tại sao nó lại theo tôi lên đây. Trong túi dết này. Anh cầm lấy mà đọc. Không có gì là dài cả".

Tôi chui vào một bụi lau cao.

Vở mở bằng một trang đề: "*Tâm sự của nước độc*" - dưới đề chua một dòng chữ nhỏ: "*Ai hay hát mà ai hay nghe hát*" - Vở nhầu bẩn. Chữ đúng là tự dạng Lịnh, sắc và gọn.

II. - "TÂM SỰ CỦA NƯỚC ĐỘC"

"Ai hay hát mà ai hay nghe hát..."

Lãnh Út gọi Bá Nhỡ lên, bảo ban về việc ngày mai điều khiển dân ấp Mê Thảo đi đánh cây cổ thụ ở suối Vầu:

- Em phải trông cẩn thận kẻo chúng nó làm gẫy mất ngọn. Bắt đầu vào dốc suối, đúng cái cây thứ ba về bên tay phải ấy.

- Thưa Cậu, phải qua sông?

- Không thể nào tránh sông được. Muốn đi lối nào thì đi, con sóng Tấm vẫn nằm giữa suối Vầu và ấp ta. Cậu đã vạch rõ cho chúng nó cách thức đưa cây về ấp rồi. Nội ngày mai, phải đưa được cây về tới đây trước lúc mặt giời lặn. Quá nửa đêm sẽ hạ thổ cây gạo. Cho kịp ngày kia giỗ Mợ Lãnh. Em có mặt ở suối Vầu, chúng làm việc chu đáo hơn. Chậm trễ, hư hỏng, phần lỗi Em chịu lấy. Sáng mai phải đi vào suối từ lúc chưa tan sương, không phải lên trình Cậu nữa, để cho Cậu ngủ lâu hơn mọi ngày. Thôi cho Em xuống.

Trời sẫm rồi đen. Gió ngàn hôm lùa mạnh vào nương dâu. Cậu Lãnh Út thắp cây sáp ong, ngồi bên án thư, lần giở lại tập thơ Mợ Lãnh gọt rũa lúc sinh thời. Người chủ ấp Mê Thảo, qua những lời thơ di cảo, đang mường tượng đến dáng dấp ngôn ngữ người vợ chết sắp đến kỳ giỗ hết. Cậu Lãnh Út thở dài tiến lại phía vách đối diện lửng lơ một bức tranh trung đường phong kín chỉ hé ra có hai đầu trục. Cậu trang trọng gỡ múi dây, đỡ dần bức tranh thả vào lòng tay run run. Giấy tranh bồi cọ loạt soạt vào tường phòng vắng

rộng. Cậu Lãnh thắp thêm một cây hoàng lạp nữa, đi lại trong phòng và lúc dừng bước ngắm vào tranh thì thần thái trông thiểu não quá chừng. Lòng tranh lụa hiện lên một tấm họa mỹ nhân. Ấy là một người đàn bà áo trắng đang ngồi chép sách trên một cái đôn màu cốm, bên một khung cửa sổ có mấy tầu lá chuối già lọt vào. Màu xanh tái của tranh gia thêm xa lạnh vào khí buồng rộng quạnh và đố thêm buồn lên vẻ nhớ vợ của người ngắm tranh. Bức tranh trung đường ấy là bức truyền thần toàn thân Mợ Lãnh. Nguyên trước ở tường ấy chỉ treo vẻn vẹn có một tấm hình bán thân Mợ Lãnh do hiệu ảnh dưới tỉnh phóng đại theo hai chiều 24 x 32. Từ ngày Mợ Lãnh chết một cách bất đắc kỳ tử, Cậu Lãnh đâm ra thù oán và ghét máy móc. Cậu đã cậy một họa sĩ trứ danh phỏng hình người vợ vào tấm này và hủy tấm ảnh của máy chụp kia đi. Mợ Lãnh bị vào cái tai nạn đoàn hỏa xa lật úp xuống vực gần hầm Sen ga Liên Chiểu làm người quan phu Lãnh Út ấy đã trở nên một kẻ thù ghê gớm của thời đại cơ khí, tưởng Tagore Ấn Độ cũng đến thế thôi. Thời đại khoa học phát sinh ra được máy móc nào là Cậu ngoảnh mặt đi đến đấy. Thậm chí Cậu dằn dỗi cả với những vật dụng cần thiết hàng ngày do đời cơ khí chế tạo ra. Ô tô xe đạp máy bơm nước sông tưới nương

dâu, Cậu bán rẻ đi và cho không nữa. Cậu bán cả những ống chì dẫn hơi nước để sưởi buồng nuôi tằm vào cữ tháng giá. Đến như máy và đĩa kèn hát, máy đánh chữ, bút máy, lò cồn đun nước, đèn măng xông, ống hàn thứ biểu, lịch có ngày tháng in bằng máy, Cậu đều vứt hết. Khẩu súng một nòng bắn đạn chì hoa khế trừ mãnh thú và khẩu hai nòng bắn chim, Cậu gói làm một quẳng xuống khúc sông Tấm.

Tang lễ Mợ Lãnh vừa xong được một tuần chay thì quanh chỗ giới hạn đất ấp Mê Thảo tự nhiên dựng lên mấy chòi canh. Ai ở các nơi vào đất ấp Tháo - tục danh của ấp Mê Thảo - đều bị dân hàng ấp giữ lại khám xét rất kỹ có giắt theo vật dụng gì có tính cách máy móc không. Có nhiều bạn của Lãnh Út bị lẫn lộn đồng hồ mỗi lúc lên chơi ấp và lộn về. Ô tô xe cộ của quan khách thường bị gạt xuống dưới chân đồi xa.

Từ khi Cậu Lãnh thành người góa bụa, trong sự đãi đằng khách khứa bà con lên chơi, Cậu Lãnh vẫn không giảm đi một tí lễ nào và bớt đi khoản tiền tiếp tân nào. Người chủ ấp Tháo vẫn có danh là rộng rãi. Nhưng dẫu sao, cái thái độ phản khoa học và gàn ấy đã làm cho ấp vắng hẳn người các nơi lui tới thăm viếng. Cả người thăm viếng và cả người mua bán.

Còn mồ ma Mợ Lãnh, ấp Mê Thảo phồn thịnh là thế mà giờ thì sự làm ăn ở đấy rời rạc thưa thớt và vẻ ấp gầy rạc hẳn đi. Cái vàng óng nuột của tằm ấp Tháo đã xuống hẳn màu tơ. Ở đấy sức hoạt động kinh tế chỉ còn gởi gấm vào những chuyến nước ống luồng tưới dâu lấy lên khỏi lòng sông Tấm cách xa nương hàng mươi lượt đổi vai. Rồi để nối sự sản xuất và đổi chác của ấp với đô thị thương mại, mươi chiếc xe bò bánh gỗ đặc gập ghềnh trên đường đất đỏ khập khiễng đã đánh thụt lùi ấp vào đáy thời gian một đời sống trung cổ.

Ở đấy, giờ người ta sưởi cho tằm bằng than gỗ và tiết nóng nực, có những đứa trẻ chuyên môn cầm quạt giấy phấy phất cho tằm. Ông chủ ấy không mặc đồ len vải có chỉ máy khâu nữa. Ông đã mặc thứ vải chàm của thổ dân gần vùng dệt tay, giặt giũ bằng nhựa trái bồ hòn, đêm đọc sách bằng sức sáng của dầu ép. Lúc giải trí, đi săn cầy bắn chim thì ông chủ ấp thù văn minh cơ khí đó đã có một đàn chó dầy lông, một cái nỏ và vài cái bẫy. Việc ấp giao dịch với bên ngoài xa có cần kíp đến mấy đi nữa thì cái ông chủ sự Dây Thép ở tận cuối châu Tràng Sa này cũng đừng hòng thu của Cậu Lãnh Út tiền một tấm điện tín nào. Và đám chủ báo chí và xuất bản

cục, hãy để yên cho người độc giả kẻ thù của máy in này. Đã lâu, Cậu Lãnh không đi tính nữa vì xuống đến đấy thì thế tất nhiên, tai mắt lại sẽ phải thừa nhận cuộc đời cơ khí. Có lần người ta đồn rằng người Pháp mở rộng chương trình đại công tác và vẩy thêm đường thiết lộ xuyên qua châu Tràng Sa, sẽ bắc cầu qua sông Tấm men theo chân ấp Tháo. Lãnh Út mất ngủ đến nửa tháng và định sẽ bán rẻ ấp đi nếu có bọn cán sự chuyên môn sở Hỏa Xa nhô máy vào ngắm sơn xuyên vùng ấy. Rồi Cậu Lãnh sẽ lùi vào rừng.

Mặt giời lệch bóng, ba chục dân ấp Tháo lực lưỡng bắt đầu thất cổ cây gạo sừng sững trên dòng suối Vầu. Nhiều múi thòng lọng dây thừng thít mãi vào những cành to giang ra như cánh tay đầu hàng. Những cật người uốn cong gò bấy nhiêu đầu thừng về một phía. Cây gạo xiêu dần xuống rồi vật mạnh xuống như một kẻ chiến tranh bị trúng độc kế ở mặt trận, làm tung bắn lên những thân hình người đang oằn oại trên những đoạn luồng già dùng làm bẫy cắm chèn vào kẽ gốc. Suối Vầu tung nước. Rừng Vầu vang bật lên một tiếng quật gốc già. Đầu rễ cái gốc gạo nhựa rỉ tuôn tợ máu phun. Bọn người đánh cổ thụ ấp Tháo bèn chặt những cành to thành từng đoạn đều nhau, dúi ngang vào dưới thân cây

gạo rồi đẩy dần cây to xuống dốc. Đến những chỗ không thả đà được thì họ lại lồng đầu thừng vào cánh nách mà kéo, vừa kéo vừa hò dô ta. Thân họ vẹo về một chiều trước, như xống ngọn cỏ bị gió lùa mau.

Một ngày đã ngả bóng dâu
Trở về ấp Thảo tưới dâu (ta) chăn tằm..
(dô ta)
Rừng thiêng ta ngả cỗi sơn lâm (ta dô ta)
Lần lừa ấp Thảo trông tằm (ta lại) thương
dâu (dô ta)
Con người rút ruột con sâu,
Đem tơ trả miếng lá dâu xót lòng
Dô ta... ta ớ dô ta.

Bá Nhỡ lẩm bẩm theo: "Ấp Tháo chứ lại ấp Thảo!". Gỗ chạy ầm ầm, lăn thấm qua những giọt mồ hôi người ngả gỗ. Tiếng đồng vọng dô ta làm chấn động một cánh rừng bị thương và vang theo mãi xuống bến sông Tấm đã ken sẵn mấy bè nứa. Bè trôi ra giữa sông đưa cây cổ thụ về bờ bên kia. Bọn người ấp Tháo lau mồ hôi, dịt các vết thương, nói chuyện về ấp tàn, về chủ ấp cuồng và về cây gạo.

- Chơi lạ. Chỉ có Chúa Trịnh ngày trước thì mới giồng giọt như thế. Mấy chuyến này không ai bị cây đè chết.

- Cái gì cũng phải theo lẽ tuần tự. Cây to này đưa về rồi cũng chết mà làm củi mục thôi. Sống thế nào được. Phải giồng nó từ lúc bé kia chứ!

- Cây gạo thì quý gì. Gỗ nó chỉ dùng làm áo quan cho bọn nghèo. Hoa thì chỉ quyến rũ được sáo đá và quạ thôi.

- Năm ngoái đã một cây. Lù lù đen sì giữa ấp như cột đồng trụ. Mà chẳng một cành nào đâm chồi. Quý gì cái gối quạ lấy được trên cái tổ cây ấy. Đen và tanh ngòm. Khéo không lại chạm vía yêu tinh và bóng các Cô các Cậu trên rừng mà khốn thôi.

- Mà làm sao cứ đến kỳ giỗ bà chủ thì ông chủ lại bắt đi đánh cây gạo về giồng ở ấp? Cúng à? Năm nay giỗ hết bà chủ đây. Sang năm có đánh cây cổ thụ nữa không?

- Cơ mầu này rồi cũng đến bán ấp. Cứ uống những trận rượu như thế rồi phát điên phát cuồng lên thì còn lắm là dâu và tằm. Nếu ông chủ bán ấp, lại chỉ khổ cho bọn mình bị gán thân cho chủ khác. Công nợ như mình, vợ con ăn mặc đều tính vào dâu tằm người ta tự bao lâu nay, mỗi chốc vỗ được nợ mà đưa gia đình về dưới xuôi được sao.

- Cây của người ta đang ra quả. Chỉ vì nó ở giáp hàng rào ấp mình, cành quả nó ngả sang

đất mình, thế mà đòi bẻ và nhận lấy nhận để là của mình. Tai ngược hơn cả đàn bà một mắt.

- Mà người sao gàn dở đến như thế. Ai có cái máy bật lửa cũng khám cũng phạt cũng cấm. Lắm khi định ăn điếu thuốc lào thì cứ như là thằng ăn cắp.

- Say rồi đâm càn rỡ quá. Bò cúa người ta lạc vào ấp, ông ta bắt người nhà giữ chân bò căng ra rồi xẻo lấy miếng thịt mông, nướng ăn tái. Nhăn răng ra cười, kêu rằng chỗ mông cắt ấy sẽ thành sẹo cũng không hại gì. Nói thế mà nghe xuôi tai được đấy!

- Thế đã khổ sở bêu diếu đâu bằng ông ấy hiếp cả người đi chợ qua vùng đấy. Ban ngày, giữa chỗ Ngã Sáu Quán Chuột ấy. Quây màn ra giữa giời mà làm được việc ấy giữa ban ngày thì có khổ cho rượi với chè không chứ!

Ba xe bò bánh gỗ đặc nối càng vào nhau đã chờ bên kia bờ. Cây gỗ tươi trệu trạo sáu vòng bánh lăn dần về Mê Thảo. Họ cứ nói chuyện. Và chỉ riêng có Bá Nhỡ đi đốc thúc ở phía sau là hiểu riêng cái tâm sự của chủ ấp thôi.

Bá Nhỡ nguyên có dính vào một vụ giết người dưới trung châu. Tuy là tòng phạm mà cũng bị kêu án tử hình. Mợ Lãnh vì chút tình máu mủ xa, đã bảo chồng làm cho y một tập lý lịch giả

và cho lên ẩn náu luôn trên ấp Tháo. Bá Nhỡ chịu cái ơn cứu sống ấy, ở với vợ chồng chủ ấp hết sức trung thành, việc tằm tang ở ấp, tịnh không tơ hào lấy một xu. Ở vào chân quản gia, trông coi cả ấp rộng, Bá Nhỡ không một phút nào là lộng hành. Sổ sách hàng ấp, một tay y cả. Lắm việc hiểm hóc quanh vùng, có khi chủ ấp không biết gì và đều là ở Bá Nhỡ hết. Bấy nhiêu tuổi đầu rồi mà Bá Nhỡ vẫn xưng em với Cậu Lãnh. Mợ Lãnh chết vì tai nạn xe lửa, Bá Nhỡ buồn hơn cả người chủ ấp trẻ tuổi gãy gánh tình. Bá Nhỡ có tài đàn hát. Bất cứ nhạc khí nào, cái gì y chơi cũng thành ngón cả. Làn hát lắt léo nào, Bá Nhỡ cũng uốn giọng theo được miễn là cho y được nghe một vài lần. Đàn hát ấy Nhỡ đem ra làm khuây cho chủ ấp. Lãnh Út chết vợ trẻ, đâm ra buồn phiền, sao nhãng việc sản xuất, bỏ mặc việc cai trị trong hàng ấp, chỉ ngày ngày uống rượu, lắm lúc say, phạm cả vào điều bạo nghịch làm cho dân ấp ta oán. Nếu không có Bá Nhỡ thì ấp Mê Thảo tan rồi. Một mình Bá Nhỡ lại vá víu bằng mọi cách. Mỗi lần Cậu Lãnh làm điều không phải với dân hàng ấp những lúc tửu hậu, Bá Nhỡ lại dàn xếp và đền bù. Ấp Tháo vì thế vẫn còn lay lứt nổi trong cảnh tằm tang và dân ấp cũng đều biết đến cái công ơn người quản gia chịu khó và công bằng.

Cậu Lãnh Út buồn khổ đến đâu, cái buồn khổ ấy thấm sang tâm hồn người quản gia trung thành đến đấy. Ngoài nỗi lo tính cho sự trung hưng kinh tế của Mê Thảo, Bá Nhỡ săn sóc đến tinh thần Cậu Lãnh không một lúc nào rời.

Bữa rượu tối nào của Cậu Lãnh là cũng có người quản gia ngồi bồi rượu. Giữa những chén rượu uống một hơi, Bá Nhỡ bình cổ văn, ngâm thơ Đường Luật và diễn lại cho Cậu Lãnh nghe - theo một lối riêng - nhiều đoạn Kim Cổ Kỳ Quan, Đông Hán Tây Hán Hậu Hán và Đông Chu. Lắm lúc mang đàn ra gẩy. Lại còn sắm lẻ từng vai tuồng một cho Cậu Lãnh xem. Chèo cũng thế. Có lần Bá Nhỡ một mình diễn vở *Lưu Bình Dương Lễ*, lần lượt hết sắm vai nam lại sắm qua vai nữ.

Đôi khi chủ ấp có tang cũng nhoẻn cười. Nhưng cái vui đột ngột gây nên bởi trò lại héo úa ngay trên chén rượu nhớ người thiên cổ. Một mình không làm vui nổi cho Cậu Lãnh thì Bá Nhỡ lại cậy đến những đoàn thể chuyên nghiệp. Bá Nhỡ cho dựng nhà rạp lên rồi cho đi tìm phường ca công, gánh hát chèo hát tuồng ở các vùng lân cận về.

Nhưng, được hòa hắn lòng vào cái vui của đàn trống múa hát ầm ỹ ấy, vẫn không phải là Cậu

Lãnh. Vẫn lại chỉ có đám dân bình dị cần lao trong ấp Tháo thôi. Họ coi đó là những ngày hội hiếm có và sau những kỳ chơi hội đó thì họ lại cần cù thêm với việc tằm tang. Bá Nhỡ cũng tự an ủi được ít chút về chỗ tốn phí. Rảnh việc điều động ấp, nhìn trộm Cậu Lãnh, người quản gia đáng quý ấy thường tự hỏi mình: "Làm thế nào cho sức của người trẻ tuổi này được hồi sinh với sự sống hiện tại? Lòng kẻ chung tình ấy cứ chuyển hướng mãi về một phía tuyền đài thì rồi ấp này đến tan mất và rồi người chủ ấp trẻ tuổi tội nghiệp ấy cũng đến kết quả cuộc đời ở một nhà thương điên nào. Sống, đâu có phải là ngồi ỳ ra đấy để chuyên tâm nhớ một người vợ chết. Nhớ thương một cách tiêu cực. Phải cho Cậu Lãnh tục huyền với đời sống mới được".

Quá đêm, cây gạo đánh ở suối Vầu về đã chôn đứng trước nhà khách Mê Thảo. "Phải, vào giờ này, chuyến hỏa xa ấy lật úp xuống vực gần hầm Sen đây". Lãnh Út còn lẩm bẩm những gì nữa rồi mới chịu trở vào phòng thay quần áo thường ra thành đồ chế phục. Mọi khi dùng hoàng lạp, đêm tiên thường kỳ giỗ hết mợ Lãnh, chủ ấp cho thắp toàn nến trắng. Cậu Lãnh lại mở và thả bức tranh trung đường xuống. Cậu quấn dối xong mấy vành khăn vải trắng, quỳ xuống và hướng vào lòng tranh lụa, dâng một tuần rượu.

Ngoài hành lang, dân hàng ấp đem vàng nhang trầu rượu lên góp vào ngày kỵ bà chủ ấp. Bá Nhỡ thu nhận lễ vật và xua tay nhẹ nhàng bảo họ lui dần đi. Vì trong nhà đã bắt đầu có tiếng khóc.

Cậu Lãnh khóc to dần mãi lên, gợi đến cái thống khổ của toàn thể một đám chuyển cữu. Nỗi lâm ly lọt xuống từng gia đình dân ấp rải rác quanh đấy. Họ lây nỗi buồn riêng, thương cho chủ ấp và nhớ đến người hóa ma. Khác hẳn mọi đêm thường, chim cú vùng Mê Thảo tắt tiếng cầm canh. Rồi tiếng khóc vụt rống lên in hệt cái tiếng người rừng - mình mẩy mọc lông móng chân móng tay hóa ra vuốt - bỗng phẫn nhớ đến nhân loại bị xa cách lâu ngày. Cơn khóc rống đã đổi sang thành tiếng hú hồn. Gió hưu hưu trên nương dâu, kéo lê thê những tiếng thảm rợn ấy xuống những vùng phụ cận thấp xa.

Cất cơn khóc, não cân bị kích động, Cậu Lãnh không tài nào ngủ được. Cậu Lãnh lại đem rượu ra uống. Khác với mọi đêm chỉ uống suông, bữa rượu này lại dùng đến đồ nhắm. Ấy là một mâm nhộng rang lối văn hóa, lòng mâm lót lá dâu da, ngọn mâm rắc lá chanh thái chỉ. Sinh thời, Mợ Lãnh bữa cơm nào cũng ăn nhộng, cho rằng nhộng là một giống sạch nhất và tin rằng ăn

được nhiều nhộng thì tóc sẽ mượt óng. Kỳ giỗ này cũng như kỳ đầu trước, trong các món dâng cúng ở bàn thờ, Bá Nhỡ vẫn nhớ đến cái hèm này của người khuất và cho đặt lên một mâm đồng bạch nhộng rang rất to, đường kính mâm hai thước ta, phải để riêng một bàn.

Rờ đến chai rượu uống dở đêm trước thì hũ không còn lấy một giọt, Cậu Lãnh tìm cái mõ cá lớn, cầm dùi đánh bảy tiếng. Đấy là một ám hiệu trong ấp dành riêng cho người chuyên giữ việc rượu cho chủ ấp. Đánh hết bảy tiếng ấy mà chưa lên thì lại đánh tiếp bảy tiếng khác.

Người giữ việc rượu đã chạy lên, thở hồng hộc.

- Dạ, bẩm Cậu, ở hũ lớn cũng chỉ còn độc một bình.

- Vậy thì cho đào một hũ mới.

- Dạ đào về phía nào?

- Chỗ nào có chôn thì đào.

- Dạ nguyên là từ năm ngoái, cụ Quản (tức là Bá Nhỡ) đặt tên cho nhiều thứ rượu tùy theo từng lứa cất. Mỗi lần hạ thổ cụ đều có ghi tên và ngày tháng bằng dấu vôi. Lại còn nhiều hũ cơm mới tra men cũng hạ thổ. Con không được tường lắm, sợ đào nhầm, sẽ bị cụ Quản quở.

Cụ Quản - Bá Nhỡ - đã hiện vào. Vẫn hay rằng hiệu lệnh bảy tiếng mõ là để gọi riêng

người dân ấp giữ việc lấy rượu, nhưng bao giờ đào đến rượu chôn là chẳng phải có Bá Nhỡ dòm nom đến. Cái người phụ việc kia thì có biết gì. Và đến Cậu Lãnh thì càng không biết đến gì nữa, ngoài cái việc cố hữu là say và thương và nhớ.

Bá Nhỡ lên tiếng: "Bác xuống kho lấy lên đây hai bó đuốc, lưỡi mai và cuốc bàn".

Cảnh ấp, những đêm đào rượu chôn, trở nên quái đản. Khách qua đường đêm vắng, tưởng đấy là một vụ chôn cúa hoặc là đào mả trộm.

Hướng vào nhà khách và cách nhà khách độ ba mươi bộ, có một cái gò con. Chỏm gò phất phơ toàn một giống thạch sương bồ. Sườn gò, đây đó ít gốc rền tía. Gò ấy, chính là huyệt rượu. Bá Nhỡ chôn cơm men và rượu cất ở mả rượu ấy. Ngoài Bá Nhỡ ra, cấm dân ấp không được ai lai vãng gần tửu phần. Tửu phần đã phân ra từng khu đông tây nam bắc và chia từng hàng luống như ở một nghĩa trang sơn thôn. Trên các khu và các luống tửu phần, có những thẻ tre sơn vôi trắng, viết chữ đen và sơn đỏ, có thể hòa lẫn với bài bùa phù thúy. Ấy là Bá Nhỡ ghi ngày tháng từng lứa rượu và đặt tên cho từng mẻ rượu, lắm thứ tên những nghe không thôi mà đã muốn đem cái vui cái buồn trong lòng ra gởi ngay vào đấy.

"Vô cố nhân" - "Mê Thảo Hầu" - "Thuần Hoành Quận Chúa" - "Ức Sấu Viên". Đến cái tên sau cùng này trong cách tìm chữ đặt tên riêng cho rượu ấp thì Bá Nhỡ đã bày rõ cái thân mật tình cảm mình đối với tâm sự của chủ nhân Mê Thảo. Chữ Sấu Viên là tên hiệu riêng của Mợ Lãnh lúc làm thơ. Mợ Lãnh qua đời rồi, thấy Cậu Lãnh nhớ vợ quá, Bá Nhỡ bèn đặt việc ấy vào một cái tên rượu. Đêm đêm nhớ vợ, chủ ấp lại uống hàng chục chén và có khi hàng vò "Nhớ Con Vượn Gầy"! - người Mợ Lãnh vốn gầy và hai tay rất dài. Gợi cảm thay! Và cũng tốn nước mắt thay! Khi uống đến thứ nước say ấy, chính Cậu Lãnh đã ốm nhiều trận vì những đêm suông bên cạnh vò sành "Ức Sấu Viên", tiếng khóc vượt qua mấy lần nương dâu trĩu sương cành.

Cỏ gò chôn rượu bừng dậy, chật xanh bóng thạch sương bồ bên cái sáng bốc khói của đuốc lớn. Người phụ việc cầm cuốc, Bá Nhỡ cầm mai, hì hục đào. Những tiếng chìm chìm sương rừng reo xuống những tiếng đục đục loài kim thảo ruột loài thổ. Lặng lẽ hơn hết là cái người chủ ấp ngồi trong phòng đợi rượu đào. Ánh sáng thản nhiên của bạch lạp tỏa quanh áo tang khăn trắng người tửu đồ tinh chủng đang vò võ đối mặt vào tranh lạnh.

Một hũ "Vô Cố Nhân" đã lấy lên khỏi sườn gò. Lau rửa sạch, Bá Nhỡ kính cẩn đưa nó lên bàn rượu và Cậu Lãnh kính cẩn gắn kín chám đường. Chén "Vô Cố Nhân" trôi vào cuống họng thì gà trong thôn ấp gáy lần thứ ba. Bó đuốc của người phụ việc lấp lại huyệt rượu gò đang lụn dần tàn đóm, xèo xèo trên cỏ dầm. Vài con rắn cạp nong trườn từ hang ra, nuốt những tàn lửa đã nguội.

Cú rừng giờ mới rủ nhau đổ một hồi tan canh. Sáng hẳn rồi, mà Cậu Lãnh chưa tàn bữa rượu giỗ. Cậu uống đến đâu, mồ hôi cứ theo chân tóc mà tuôn chảy. Rồi cậu cầm một lưỡi kiếm cũ, chạy ra vườn chuối, gặp cây nào là chém ngang vào thân cây ấy. Tiếng thân chuối gãy gục và tàu lá toạc rách, làm chấn động cả cái ấp ngái ngủ.

Sau trận rượu giỗ hết Mợ Lãnh, không lần nào người say rượu ấy khóc nữa. Chỉ có mồ hôi trào ra nơi các đầu sợi tóc thôi, hình như để thay cho nước mắt cạn. Bá Nhỡ càng lo, khi thấy chủ ấp không nói một tiếng nào, không khóc một lần nào. Có việc gì cần lắm, Cậu Lãnh chỉ cầm bút mà viết ra thôi. Bá Nhỡ ngờ rằng tâm con bệnh này đang nhảy sang một giai đoạn trầm trệ khác. Bá Nhỡ lại cầu đến bọn đàn hát nhà nghề để cứu vãn cái tâm hư ấy. Lại chèo, gõ, bộ, các phường hát có tiếng đều được quản gia vời vào

đất ấp. Cậu Lãnh dở chứng xuống bút ra lệnh bãi hết những cuộc vui ấy. Một điều lạ nữa là Cậu Lãnh không thèm uống rượu nữa. Rượu của mẻ cất nào, Cậu cũng chê là có mùi nước lã. Để thay vào sự uống rượu, chủ ấp bắt mua pháo để đốt. Pháo bánh kêu không được to thì mua diêm sinh về chế hòa mà làm ống lệnh. Tằm, giật mình, chết cứ từng lứa. Lắm lứa đang chín, bụng đỏ ửng và trong suốt như hổ phách, sắp kéo tơ mà chết cả vì tiếng pháo của người cuồng. Dân ấp, những người không có gia đình, đã có một số bỏ trốn đi. Bá Nhỡ ngồi chờ cái ngày tận thế của Mê Thảo.

Chủ ấp thôi không uống, không khóc, không nghe đàn hát nữa thì trông càng thê thảm vô cùng. Cả ngày cả đêm cứ ngồi sững mà nhìn tranh, dáng điệu như nhà sư nhập định, mắt không nhắm, miệng không mở lấy một tiếng.

Cậu Lãnh ngồi im như thế được một năm, bóng in hẳn vào tường, đường viền quanh bóng in trông sắc gọn như nét cắt. Lấy nước cọ không đi và lấy vôi đặc quét lên mấy lần, cục bóng xám trên vách ấy vẫn cứ hiện bật lên. Thân hình Cậu Lãnh khô xác chẳng khác gì thân hình kẻ vận hỏa tâm ra để tự diệt mình. Những lúc Cậu bất đắc dĩ phải cử động thì tứ chi cậu cứ như là chân

mượn tay mượn, bước đi không thật nữa và tay cầm đến vật gì thì đều sai lệch đổ vỡ hết cả. Còn cái khối óc thì hình như là đã chót cầm cho Rượu và cho Tương Tư, cầm lâu ngày quá đến không chuộc được về nữa rồi. Cậu Lãnh đã đến cái bực lỳ. Một hôm chợt thấy bóng mình trong tấm gương, Cậu đập tan ngay tấm gương đứng và từ đấy cũng không dám rửa mặt vào thau nước nữa. Trông thấy bất cứ cái gì lấp loáng như mặt nước đọng là Cậu dúm người lại; nỗi hốt hoảng ghê rợn hơn cả người mang bệnh nọc chó dại.

Bỗng một đêm mưa to gió lớn, chú ấp choàng dậy, vớ lấy chiếc mõ cá mốc meo, đánh một hồi báy tiếng. Đã lâu lắm những đêm Mê Thảo không bị khua động vì thứ hiệu lệnh gọi rượu này. Giữa hồi mõ thứ hai thì Bá Nhỡ đã lên, mình khoác chiếc áo tơi đêm mưa.

- Em lấy rượu Cậu uống?

- Ừ.

- Một năm nay Cậu từ rượu. Tửu phần vẫn bỏ hoang và rượu chôn vẫn nguyên đấy. Gắn kỹ, chắc hương vị vẫn giữ được. Để cho đào ngay lên Cậu xem.

Thấy chú ấp đòi uống, Bá Nhỡ mừng rỡ cuống quýt. Hình như người quản gia được yên lòng hơn khi chú ấp lại trở về với thói tật cũ. Ngắm chủ

ấp cầm lại cái chén đã bỏ quên hằng năm, Bá Nhỡ lấy làm hân hoan lắm và tự nhủ thầm: "Cậu cứ uống đi. Rượu đã có Em này cất cho Cậu không bao giờ thiếu lấy một giọt. Còn việc làm ăn trong ấp, cái kén tơ cái lá dâu, thuế má công xá người làm, Cậu cứ mặc Em tính liệu. Miễn là Cậu đừng buồn. May ra ông Giời mà thương lại, xui cho Cậu lại tục huyền với đời sống - đời sống nhiều khi cũng lại chỉ tượng trưng bằng cái hình ảnh cụ thể người đàn bà muôn năm ! - Cậu lại tục huyền mà hồi dần lại với cuộc đời cần lao như ngày cũ thì Em này vui sướng biết đến đâu! Cậu cứ uống đều đều đi. Uống cho triền miên ngày tháng đi".

Rượu vào, Cậu Lãnh lại nhớ đến đàn hát đã bẵng đi một năm tròn. "Này Em này, cái Cô Tơ ấy độ này ở tỉnh hay ở nhà quê nhỉ? Hôm nào Em bảo Cô hát lại cho Cậu nghe. Một cây đàn đi theo với Cô ta thôi. Giờ Cậu sợ những cái gì là đông đúc ầm ỹ". Câu nói của Cậu Lãnh thốt ra lúc ngà ngà, rồi tửu đồ cũng bỏ đấy và quên mất. Nhưng Bá Nhỡ thì quên thế nào được. Bá Nhỡ để tâm việc tìm Cô Tơ. Cho người đi tìm không ăn thua gì, Bá Nhỡ thân hành đi tìm lấy, lòng hứng lên như buổi mai ngày hè. "Cậu Lãnh rồi có lẽ khỏi. Phải, Cậu mà không nghe đàn hát tức là hỏng rồi đó, tức là bệnh không thuốc nào chữa

nổi nữa. Trừ phi không đủ điều kiện thôi, chứ con người ta sống ở đời, có ai mà lại không nghe đàn hát bao giờ. Đến người chết rồi cũng còn muốn nghe nhạc nữa là".

Nghe nói Cô Tơ dọn nhà hát ở bất cứ chỗ tỉnh thành nào là Bá Nhỡ lộng hiểm mà tìm đến, chấp cả cái việc người ta có thể dò biết cái án cũ tử hình còn treo trên đầu mình. Đi thông mấy tỉnh mà đều không được gặp, Bá Nhỡ bèn tìm hắn về làng nguyên quán Cô Tơ. Quả như điều dự đoán, Bá Nhỡ đã gặp người danh ca, ở một nếp nhà gianh vùng quê Nhộn. Ông Chánh Thú - Chồng Cô Tơ - mất đi rồi là Cô không dọn nhà hát ở tỉnh nữa, lùi về quê sống cái đời người thôn nữ làm việc với đồng áng sương nắng hai mùa. Lúc Bá Nhỡ lần về quê Nhộn thì Cô Tơ đang làm cỏ ở ruộng ngoài chân đê, phải cho người đi tìm về.

- Cô đã về. Có lẽ Cô quên tôi rồi. Tôi ở trên ấp Mê Thảo mà Cô đã có lần lên hát, cách đây gần ba năm.

- Ông tha lỗi cho. Chúng tôi quên mất thật. Đời chúng tôi đi hát nhiều nơi quá, thật không nhớ cho hết được. Dạ ông cho tìm về, hẳn có điều gì dạy bảo?

- Chúng tôi đi mấy tỉnh tìm Cô. Nay được gặp,

thật cũng bõ cái công lặn lội. Chúng tôi muốn thỉnh Cô về trên ấp chúng tôi hát một buổi.

Cô Tơ không trả lời ra sao, đẩy chén nước mời về phía Bá Nhỡ, tay sửa lại vành khăn tang. Giời chiều đã nhuộm vàng cây cau ngoài sân, chủ nhà xin phép ông khách cho lùi sang buồng bên để thắp tuần hương chiều thường lệ ở một cái bàn nhờ. Lúc trở ra, ngồi ăn giầu, Cô Tơ nói chuyện với khách: "Chẳng nói giấu gì ông, từ khi ông Chánh nhà chúng tôi mất đi, chúng tôi không cầm đến lá phách nữa. Bất nhẫn lắm, ông ạ. Bởi vì hát lên thì lại động đến vong hồn người đàn ngày xưa, ông ạ. Không biết ông có nghe qua đàn ông Chánh nhà chúng tôi lần nào không nhỉ ! Tội lắm ông ạ. Bây giờ, chúng tôi giải nghệ rồi, sống cái đời góa ở chỗ thôn quê, được cái cũng nhàn và đủ ăn đủ mặc. Phần ngựa xe trên tỉnh, chúng tôi nhường lại cho các chị em đồng nghiệp còn trung thành với nghệ với tổ".

Bá Nhỡ tưởng đấy là một câu khách sáo, cười một cách giao thiệp. Sẵn cơm rượu bưng ra, Bá Nhỡ ăn uống tự nhiên như người nhà và nhân tiện ngày hết đã lâu, cũng nhận luôn lời chủ nhà giữ lại nghỉ đêm ở đấy. "Ở vùng chúng tôi, hàng quán xa quá và không được tươm tất. Chẳng mấy khi ông về đến đất cổ lậu này, mời ông nghỉ chơi

lại, sớm mai hãy đi. Đêm hôm ông có cần dùng điếu đóm nước nôi gì, xin cứ gọi đứa bé nằm ở chõng tre kia". Thế rồi chủ nhà kiếu lùi xuống nhà ngang và Bá Nhỡ cũng đi ngủ ngay, định ngày mai sẽ nói chuyện tiếp với Cô Tơ về nhật kỳ khởi hành lên ấp và định về chỗ tiền thù lao.

Sớm ngày sau, sau tuần nước, lại có cơm rượu bưng ra nữa. Cô Tơ xin phép ăn riêng ở nhà ngang. Lúc Cô Tơ trở lên thì Bá Nhỡ đang ăn tráng miệng, nhồm nhoàm nói: "Vậy hôm nào Cô lên được ấp chúng tôi, xin Cô nhất định để cho chúng tôi cho người về đón".

Cô Tơ cười nhẹ và khoan thai nhắc đúng lại những câu hôm qua đã nói với ông khách. Cô thêm : "Chẳng mấy khi ông lần về đây tìm chúng tôi, thực là quý hóa quá. Không nhận được nhời với ông lên hát trên ấp, thật là phụ cái bụng quý cúa người tri âm lắm. Nhưng không thể làm sao được. Ông miễn chấp cho". Bá Nhỡ chào ra về, bụng nghĩ có lẽ Cô Tơ không nhận nhời ngay vì chưa có người kép nào xứng đáng để cùng lên ấp, đi với người đàn kém sợ phí tiếng đi. "Thì ta sẽ làm người kép đó trong một buổi chứ sao. Ta không rõ ngón đàn ngày trước của ông Chánh Thú chồng cô ta ra sao, nhưng Bá Nhỡ này có cầm đến cây đàn đáy thì cũng không

đến nỗi là những tiếng bật bông. Rồi xem. Có lẽ ta đánh đàn đáy vào hôm đó. Đỡ được một tay kép ngoài. Cuộc vui sẽ thân mật hơn. Và ý Cậu nhà cũng chỉ muốn ít người thôi". Trên đường trở lại Mê Thảo, người quản ấp vui tươi như hôm vừa rồi thấy Cậu Lãnh đòi uống lại.

Một tháng ròng, Bá Nhỡ cho đón một người kép nghiện về ấp để luyện lại ngón đàn đáy, cung đốn thày đàn quá là phụng dưỡng cha già, chỉ đinh ninh hễ thành thuộc hết cái bí mật của nhà nghề khi đã ghim được rồi, là sẽ hạ sơn đón Cô Tơ mà xóng tơ mình với trúc người, - ít ra là một lần này - để Cậu Lãnh có dịp đầu thai lại vào đời sống.

Mà tập đàn đáy đến như Bá Nhỡ thì tức là cướp cả nghề của kép nghiện đấy. Bá Nhỡ không thèm buông một tiếng tơ nào. Đã bấm đến tiếng đàn nào thì tiếng ấy cứ chín nục đi. Không một chữ nào sượng. Tưởng có đi đàn thờ ở một cửa đình nào, thì ông thần làng lấy giái cũng không bắt được Bá Nhỡ đàn lỗi ở bất cứ khổ nào. Trông Bá Nhỡ thắt cổ chó mỗi lúc nối dây, xinh đáo để Mà người tỉ mỉ đến thế là cùng. Không một bộ phận cỏn con nào của nhạc khí lôi thôi kềnh càng ấy mà Bá Nhỡ không thuộc. Không nói gì đến cái quá giang cái thú của đàn, đến như cái

mõ phím đàn cái vú đàn, Bá Nhỡ cũng tò mò đến. Thế rồi những ngón đàn như vê, lấy, chụp, vuốt, nhấn, những tiếng thoảng, những chỗ xòe, Bá Nhỡ đều nhập tâm cả coi cũng như là công việc sổ sách hàng ngày trong ấp tầm.

Bá Nhỡ đi nài lại một cây đàn đáy cũ, thành bằng gỗ trắc đã lên nước, tang bằng gỗ ngô đồng Chiêm Thành. Gỗ mặt đàn in sâu những thương tích của nghề do cái đầu gảy muôn thuở của các bực tiền chủ đàn đã cẩn mãi vào tang. Bá Nhỡ lìa Mê Thảo, ôm cây đàn cũ ấy về quê Nhộn.

Lần này, gặp Cô Tơ, Bá Nhỡ nói ngay: "Có lẽ Cô sợ không có người đàn nên lần trước, thỉnh Cô, Cô không chịu đi. Lần này tôi đem luôn cả đàn xuống, đàn thử Cô thẩm âm mấy khổ, hễ Cô thấy không đến nỗi sượng lắm, thì Cô nhận lời mời nhé!". Thế là ngồi vặn trục, thử lại dây, Bá Nhỡ đàn luôn.

Tùng tung tếch, dênh dênh a dênh
Tùng tung tùng tung tùng tếch tùng tung
tụng, tung tùng tếch tùng tênh
tùng tung (xòe)
Tùng tếch tang tùng tang, tùng tang
tếch tang
Tếch tênh tang tùng tếch tênh tang
Tếch tùng tếch tênh tang

Tùng tếch tùng tênh tang (xòe)

Đầu tiên, Cô Tơ còn bỡ ngỡ với những tiếng đàn mà đến mấy năm nay Cô coi như là việc cổ tích đã cất vào cái tủ mọt nào rồi. Ông Chánh Thú chết, Cô liền không cho tai mình nghe bất cứ tiếng đàn nào của người đàn ông nào. Cô chưa hết ngẩn ngơ thì Cô đã phải chú ý đến ngón đàn khuôn của ông khách. Những chỗ buông bắt, sao mà giống cái nghệ thuật ngày xưa của ông Chánh Thú đến thế. Miệng Cô mấp máy, cổ họng muốn dặng hắng, Cô muốn hít hơi cho đầy hai lá phổi. Cánh mũi cô phập phồng nhẹ, Cô muốn hát vo theo những khổ đàn của Bá Nhỡ cứ như thấm mãi vào người. Cô muốn quỳ xuống mà lạy tổ muôn lạy và hối vì đã có ý muốn giải nghệ. Bá Nhỡ để nằm cây đàn xuống giường, đầu dọc đàn đụng vào tà áo người chủ nhà góa. Cô Tơ nhích ra, thở dài.

- Cô có thể cùng đi với tôi lên trên ấp ngay giờ chứ?

- Biết nói thế nào cho phải với ông bây giờ. Chúng tôi cũng chẳng lấy làm cao quý gì cho lắm để ông phải vời đến mấy lần. Ngày trước thì lại chẳng được gặp những bực như ông cho. Tôi không thể nào đi hát được nữa ông ạ.

- Đàn tôi còn non, Cô sợ tôi không ghim nổi

chăng?

- Không phải. Đàn ông chín lắm. Nghe đàn của ông, đến người đá đấy cũng phải bật ra tiếng hát. Tôi nói thực đấy ông ạ.

- Vậy sao Cô không chịu nhận nhời mời! Phách, tôi chắc Cô không quên được rồi, dẫu có bỏ lâu ngày đến đâu đi nữa. Hay là Cô chưa được khỏe?

- Thưa ông, tôi không đau ốm gì cả. Thôi ông chịu phiền vậy. Để tôi cho tìm một người bạn tôi ở thôn dưới về ấp hát hầu các ông nghe vậy. cũng gần đây.

- Nếu Cô không nhận nhời cho thì Cậu Lãnh chúng tôi cũng không dám phiền đến ai. Nếu Cô ngại điều gì, thì chỉ dám phiền Cô cất công đi cho một lần này thôi. May ra mà Cậu Lãnh tôi khỏi được, thì chúng tôi chịu ơn Cô nhiều lắm.

- Nghe hát, khỏi được! Khỏi gì ạ? Ông nói thêm cho chúng tôi rõ.

Bá Nhỡ liền đem tình cảnh ấp Tháo và bệnh tình chủ ấp kể tường tận cho người đào nương nghe. Cô Tơ lấy làm suy nghĩ quá.

- Thế này ông nhá. Đáng nhẽ thì chúng tôi cũng không nói ra. Vì nó là một câu chuyện kín ở trong nhà, riêng đối với một người đã khuất. Nhưng ông đã đem việc trên ấp mà kể cho chúng

tôi nghe, chúng tôi cũng không dám giấu ông về cái tâm sự của tôi nữa. Và khi tôi thuật xong ông nghe rồi, ông đừng nhắc lại chuyện lên hát trên ấp ông nữa nhá!

- Xin Cô cứ kể cho nghe đã.

- Đây là một câu chuyện nhà, tưởng không bao giờ có thể bận đến tai ông. Số là lúc ông Chánh nhà chúng tôi nằm xuống, vợ chồng thương yêu nhau quá mà không làm thế nào để cưỡng lại được mệnh giời, chúng tôi có thề độc với nhau một câu. Là vắng chồng rồi thì thề không uốn một tiếng hát nào cho thiên hạ nghe nữa, trừ phi... trừ phi lại có người nào dám cầm đến cây đàn đáy cũ của chồng tôi mà đàn lên lúc tôi gõ. Lắm lúc nhớ tiếng hát mình quá và lại thêm công việc nhà nhiều khi thiếu sự chi dùng, chúng tôi cũng có ý rời quê lên tỉnh để dọn nhà hát lại. Nhưng cứ nghĩ đến nhời thề đối với cây đàn của chồng mà lại không nỡ, mà lại không dám...

- Tôi ngắt Cô một chút. Thưa Cô, tôi tuy không tài giỏi bằng ai, nhưng tôi dám đàn vào cây đàn của Ông Chánh Thú. Ít ra là một lần trong đời tôi. Tiếng đàn hay hay không là ở ngón đàn của người đánh chứ có phải là của riêng nhạc khí đâu. Nếu có chiếc đàn của ông Chánh đấy, xin phép cô cho tôi thử một vài khổ,

xem nó khó khăn đến thế nào.

- Ông để tôi nói tiếp. Nguyên cây đàn đó hình như có phù trú yểm bùa biếc gì ấy. Tang đàn làm bằng nắp ván thôi cỗ quan tài một người con gái đồng trinh. Hồi còn mồ ma nhà tôi, cái đàn ấy cũng đã sinh ra nhiều chứng lắm rồi. Về sau này, cứ vào những đêm tối giời không tiếng gà gáy chó kêu và thứ nhất là vào những đêm áp ngày giỗ nhà tôi, thường cây đàn vẫn dở giời, thành đổ mồ hôi cứ vã ra như tắm và thùng đàn phát lên những tiếng thở dài và vật mình vật mẩy với bức vách, cứ lủng củng suốt đêm. Thấy thế mãi rồi nó cũng quen đi, chứ mấy lúc đầu, tôi sợ lắm. Vả chăng, vì có sự nhớ thương mà rồi cũng đỡ cái nỗi kinh hãi đi.

- Cây đàn ông Chánh đổ mồ hôi và thở dài?

- Vâng. Tôi không dám buộc ông tin những điều ấy. Nhưng việc đó ở nhà này, đàn bà chúng tôi thường vẫn thấy có sự linh ứng luôn luôn.

- Cô có thể cho tôi nhìn qua cây đàn ấy không? Hiện có ở nhà này chứ?

- Dạ vâng. Dựng ở cạnh bàn thờ. Nhưng tưởng nói qua ông nghe thế là đủ và chẳng cần ông phải xem đến.

- Không, Cô cứ cho tôi đứng cạnh nhìn qua. Với lại, Cô cũng nên cho tôi thắp một tuần

nhang trước bàn thờ ông Chánh nhà. Tuy không được biết nhau lúc sống, nhưng có hề gì điều ấy. Cũng là một nòi tài tử cả mà. Lễ nhau một lễ cũng là điều phải.

Bá Nhỡ có một lối nói cứ xoắn lấy việc, không thể nào từ chối được. Vả chăng, người cũng có cái cốt cách phong nhã. Cô Tơ đành phải đưa một ông khách nhất kiến vào xem bàn thờ chồng và nhất là cây đàn cũ dựng đấy. Bá Nhỡ đang ngắm nghía cây đàn bụi bám đầy, mạng nhện giăng cả lên mấy sợi tơ dây - khom mình cách xa đàn độ một với tay - bỗng đàn cũ nổ một tiếng tách gọn như cái tiếng nứt dọc bóng đèn a phiến. Bá Nhỡ giật mình ngấc lên, lùi ra một chút. Thì ra một sợi dây vừa đứt phựt, nó đang xoắn quấn và rung rung gởi lại vào phòng vắng ít dư ba của thanh âm dùng dắng rỉ rền.

Bá Nhỡ lặng lẽ thắp hương, khấu đầu làm lễ trước bàn thờ lạnh mộc. Bát hương nấu âm, tự nhiên các chân nhang đều cháy bùng lên và tàn lụn dần trên gio bát. Cô Tơ sợ quá và sắc mặt Bá Nhỡ cũng có tái nhợt đi. Trở ra ngoài phòng khách, Bá Nhỡ gật gù:

- Hồn ông Chánh có điều thiêng lắm đấy. Cô ạ. Thế rồi cây đàn còn những làm sao nữa, hở Cô?

- Năm ngoái, cũng có một người đến đây nằn nì tôi hát nói. Ông ta cũng sành đàn lắm. Nể quá, tôi gõ mấy khổ, rồi phải bỏ dở. Và cho đến bây giờ vẫn còn hối hận.

- Sao, sao, Cô?

- Ông ta đàn được mấy khổ vào cây đàn của nhà tôi...

- Cây đàn cũ của ông chánh dựng trong buồng thờ vừa rồi?

- Chứ ông bảo còn cây đàn đáy nào khác nữa. Nghĩa là tôi đã thề với ông Chánh tôi như thế. Tôi cũng tưởng cứ làm đúng với lời thề thì không việc gì. Nếu tôi biết trước được có sự xảy ra thế thì tôi đã ngăn được ông khách ấy. Không nghe hát thì có ai chết bao giờ. Chứ cứ nghĩ như cái lần ông khách ấy nghe hát mà tôi thấy tội cho tôi quá. Cái mạng con người, ông ạ.

- Ông ta chết bên cây đàn?

- Tôi không nói đùa. Và xin ông trang nghiêm lại lối nói cho. Ông khách ấy không chết, nhưng thành ra hỏng mất hẳn nửa bên người. Ông có muốn gặp lại cái người bán thân bất toại vì ca nhạc ấy, tôi chỉ chỗ cho ông tìm đến mà hỏi chuyện. Ông ta người vùng Bắc.

- Đầu đuôi câu chuyện thế nào, xin Cô cho được nghe rành rọt.

- Ông ta ngồi đàn mà tôi thì gõ. Không có ai cầm trống. Mới xong được câu mưỡu. Tôi mới buông dở chữ quê sau ở câu *"Nhớ quê chàng lại tìm đường thăm quê"* thì thấy ông ta rùng mình mạnh, tay đàn lìa hẳn đầu gảy, cả người rung lên mặt xám đi và mắt dại hẳn ra. Tôi vội bỏ cỗ phách đấy, chạy đến đỡ ông ta vì người ông ta cứ thế mà thỉu dần đi. Phải tìm ông thầy và đổ thuốc cho ông ta gần sáng mới tỉnh lại và nói được, miệng lệch hẳn về một bên. Nhớ lại câu ông ta nói mà nhiều lúc tôi muốn xoay nghề. "Tôi đam mê đàn hát quá, không nghe lời Cô dặn qua về cây đàn thờ, để đến nỗi hỏng một nửa người, để đến nỗi thành phế nhân, lỗi thật chỉ tại tôi. Giờ phiền Cô cho người đưa hộ tôi về nhà được thì tôi chịu ơn Cô thật là nhiều lắm". Tôi có thuê cái võng và cậy hai người khỏe mạnh võng ông ta về vùng Bắc. Võng anh ta vừa ra khỏi cổng nhà ngoài sân kia, thì bên buồng thờ bát nhang cũng hóa và cháy bùng lên như hôm nay ấy ông ạ.

Bá Nhỡ ngồi một mình cạn hết chén này đến chén khác, không có hỏi thêm nói thêm một câu nào, khi cáo từ Cô Tơ, chỉ nài chủ nhà phải nhận chỗ tiền đưa về sự phí tổn lặt vặt.

Về tới Mê Thảo, Bá Nhỡ vào thẳng buồng

riêng mất một đêm một ngày, mắt không phút nào nhắm và cánh tay để trên trán đọng hẳn máu lại. Việc tằm việc ấp, có điều cần kíp đến mấy, dân ấp cho người lên vấn kế, Bá Nhỡ cũng xua tay đuổi xuống. Thậm chí Cậu Lãnh cho đòi, Bá Nhỡ cũng không chịu lên, lấy cớ rằng khó ở lắm. Bá Nhỡ không ăn không uống, chỉ nằm dài thế mà nói chuyện riêng với riêng mình thôi.

"Như thế nghĩa là cầm đến cây đàn của Chánh Thú là phải chết. Nếu không chết thì cũng phải thương tổn đến thân thể như cái lão gì bên vùng Bắc. Ta có nên quyến luyến với cái thể xác ta nữa không? Ta thử nghĩ xem ta còn có để dành ta vào việc gì khác không? Hay những ngày mai ngày kia cũng chỉ là sự tái diễn của ngày này thôi! Đổi tên đổi tuổi lên cái ấp nuôi tằm để rồi mà hết hẳn ở đây hay là hết ở một chỗ nào khác trong không gian? Cậu Lãnh đãi mình rất hậu. Đấy là một cái ơn tri ngộ. Ta muốn trở nên một chút ánh sáng, ta muốn trở nên một cái đốm lửa để làm bừng dậy trong lòng con người tê dại này. Có thể đấy là một cuồng vọng. Có thể chỉ là một cuộc thí nghiệm suông mà riêng mình chịu lấy phí tổn thôi. Nhưng cuộc thí nghiệm nào mà chẳng có trị giá. Hình như ta sắp đọc thấy cái ý nghĩa của thời giờ ta đang tiêu đây. Ta học nghề đàn, ta phải đánh lên thành tiếng, dẫu rằng đời

chơi đàn của ta chỉ vẳng được lên có một lần, trong một trường hợp đặc biệt. Quái, sao cây đàn của Chánh Thú ám ảnh và thử thách ta đến thế! Cầm cái đàn ma quái ấy mà gảy để Cô Tơ hát, để Cậu Lãnh đánh trống! Ta muốn làm được việc ấy ngay bây giờ". Bá Nhỡ nghĩ trước đến những nương dâu lá xanh um sau này mà mắt mình không ngó đến nữa. Bá Nhỡ nghĩ trước đến những lứa tằm chín - ruột đỏ trong suốt như hổ phách gọt mài - mà sau này tay mình không đụng đến nữa. Ý nghĩ Bá Nhỡ lúc này cũng là một ý nghĩ trả nợ đời và đời y lúc này cũng chỉ là một sự rút ruột con tằm. Có còn vương được tơ nữa về sau hay không thì chưa biết, nhưng rồi đây cầm đến cây đàn Chánh Thú ấy mà đánh lên thì cái thác của đời tằm nào mà chẳng là say sưa. Nhả cái tơ lòng ấy ra, đánh lên cái tơ ấy cho dội vang lên một dây phút của thời gian rồi mà hết luôn với tất cả chung quanh! Bá Nhỡ muốn cười to một tiếng. Tiếng cười ấy không thành, nhưng Bá Nhỡ đã ngã vật được xuống. Và mắt người nằm đấy, tuy không nhắm, nhưng lòng người ấy đang chiêm bao đến những giây khắc sắp tới của đời mình. Từng cái một, tóc người ấy trắng mãi ra như sợi cước.

Vô tâm đối với chung quanh đến như Cậu Lãnh mà cũng phải giật mình khi trông thấy cái

đầu trắng lốp như mây của Bá Nhỡ đang động đậy và đưa gần mãi về phía mình, bên lối cỏ của tửu phần.

- Có hai hôm vắng mặt, mà sao đầu Em đã ngả bạc hết cả rồi ?

- Cậu tưởng đời Em còn xanh lắm sao?

- Chết chửa, không còn gốc nào xanh. Em chịu khó xuống lại buồng riêng lấy gương soi mà xem. Tóc Em thật như là tơ trên đầu một vị tiên ông nào.

Bá Nhỡ lại muốn cười to, tâm bận với một chữ tơ. "Tơ tóc. Tơ trên đầu. Tơ trong lòng. Tơ đàn. Sợi tơ cây đàn nay mai ở nhà Cô Tơ. Tiếng tơ tiếng trúc của một bữa tiệc lên đường nay mai bằng cái đi muôn thúa của âm nhạc".

Chủ ấp và quản gia đối ẩm, thân mật hơn mọi ngày. Chén rượu chen tiếng đàn. Nhân tiện, Bá Nhỡ cũng muốn ôn lại những khổ đàn đáy, tưởng như mình sắp đi thi làm quản nhạc. Hơi rượu ủ lấy hơi tơ. Tiếng gảy kẹp lấy tiếng rót. Thời gian thản nhiên lướt trên hai cái tâm sự. Một người uống để kéo dài đời mình ra bằng sự nhớ thương một cái bóng trắng. Một người đánh đàn để càng cảm thấy rằng đời mình rồi sắp là cuộc đời của một sợi tơ do tay mình cấu đứt. Thế mà lòng người đánh đàn quyết liệt ấy vẫn cứ se thắt được

để rồi lại tự nhủ thêm mình rằng: "Ta không vợ không con, đổi tuổi đổi tên họ, lẩn lút lần lữa nơi ấp người, trên đầu đội một bản án tòa đại hình. Ta còn đợi gì nữa ở cuộc đời ta! Ta không chờ mong gì ai. Và tất cả các thứ tầu và chuyến tầu của cuộc đời này không chở một kẻ hành khách cô độc đây. Có ai đưa ra được một lý lẽ chính đáng nào để ta không nhấn ngón tay vào phím đàn Chánh Thú! Đã nhìn thấy cây đàn cũ ấy thì phải đánh - đánh cái cuộc đời mình vào đấy - để rồi xem nó thành được ra tiếng gì". Bá Nhỡ thấy cái cám dỗ của những phút muốn thử đến một cái gì, muốn thử mình với một cái gì.

Gần tàn tiệc đêm, Cậu Lãnh vụt nhớ đến cái thèm ước cũ: "À, hôm nào Em cho tìm Cô Tơ về ấp hát một buổi. Đàn của Em nghe chín lắm. Sao mọi khi không thấy Em chơi đàn đáy! Ử, chưa có lần nào Em đánh đàn đáy. Có Cô Tơ hát thêm vào nữa, thì cuộc đời cũng không đến nỗi toàn là những chén "Vô Cố Nhân" đó Em ạ".

Chủ ấp lại đòi vợi thêm nửa bi "Vô Cố Nhân" nữa để cho mặt giời rọi lệch ánh buổi mai rừng vào miệng những chén trào xóng còn sủi tăm. Đã trên dưới nghìn đêm rừng rồi, gà ở ấp Tháo chỉ có gáy chõ vào một chén rượu của một con người này.

Bá Nhỡ lại xuống núi, tay không mà xuống núi chứ không có đem đàn theo như lần trước. Lần này là lần thứ ba mà một người đánh đàn tìm đến một nếp nhà gianh để cầu một tiếng hát.

Trông thấy Bá Nhỡ bước vào nhà. Cô Tơ càng lo sợ nghĩ đến cái mộng hôm trước không khéo mà ứng vào ông khách trên ấp này đây. Đêm nọ gần về sáng, Cô Tơ nửa thức nửa ngủ chờn chợn nghe thấy tiếng người rón rén đi từ trong buồng thờ đứng sững đấy, áo xô gai rộng tay và hen ố. Cô định vùng chạy đi thì hồn người chồng ra hiệu là không việc gì mà sợ. Ngồi men vào thành giường, cái hồn mặc đồ vải trắng bệch ấy phào phào với vợ: "Một ngày rất gần đây, sẽ có một người tìm đến để nghe mình hát. Cứ để cho người ấy đàn vào cái đàn dựng ở bàn thờ tôi. Mình đừng có ngăn giữ người ta. Mình phải hát cho người ấy đàn. Đàn xong thì người ấy lăn ra chết. Thế nghĩa là người ấy sẽ thế mạng cho tôi ở dưới cung Thủy Tinh này. Thì tôi mới được trở lên làm người dương gian. Đàn dưới này cho Diêm Vương trong mười vương phủ, tối tăm khổ sở lắm. Những thanh âm của ngục tối, mình ôi! Mình nhớ kỹ lấy để tôi được đầu thai về cái thế giới tơ trúc trên dương gian. Lần trước đã hụt mất một dịp đầu thai rồi vì mạng cái người bên

Kinh Bắc ấy còn vững lắm, tôi bắt chưa được. Thôi tôi về đây". Một luồng gió lạnh lay động lá màn. Cô Tơ ngồi hẳn dậy thì không thấy gì nữa. Và một điều lạ là trong buồng thờ lại có ánh đèn. Ai thắp? Bao giờ Cô cũng tắt đèn thờ trước khi đi nằm. Cô vào đến nơi thì có ba tiếng nứt tách rất dứt khoát. Ấy là ba sợi dây tiểu dây trung dây đại ở đàn đáy kế tiếp nhau mà cùng đứt. Một con đom đóm vờn bay trên cây đàn nhễ nhại mồ hôi. Trên nền tang đàn gỗ ngô đồng, có những đốm lân tinh lập lòe. Cô Tơ lại gần nhìn thì mới biết đấy là máu của dây đàn đứt. Đầu các dây còn rung lên, ruột sợi tơ rỉ tuôn ra một thứ nước đặc sệt như máu con giời leo và xanh đục như ruột bọ nẹt. Chất ấy đọng thành giọt ở các đầu dây và lóe tia xanh lạnh lên dưới cái sáng chờn vờn của lửa con đóm. Cô Tơ thắp một tuần nhang bất thường và, đổ cỗ phách ra khỏi túi vóc, Cô gõ mấy câu hát thờ.

Công việc đồng áng của Cô Tơ vào sau giấc chiêm bao ấy có điều trễ nải hơn mọi khi. Rồi là thấy Bá Nhỡ vào nhà Cô.

Sực nhớ lại mấy nhời trong mộng, Cô Tơ chỉ vội mời Bá Nhỡ uống nước, và bỏ mặc khách đấy, Cô lùi ngay vào buồng thờ châm đèn hương, thỉnh chuông và cầm hai đồng tiền gieo xuống

đĩa xin âm dương, khấn: "Nếu mộng triệu ứng vào người khách chơi đàn trên ấp Mê Thảo đang ngồi ngoài kia, thì tôi muốn xin mình tha cho người ấy. Mình chờ đến người sau rồi hãy đầu thai lên lại với cuộc đời bằng thịt bằng xương thật này. Cũng không lâu gì đâu. Mình muốn lúc nào thì cứ báo mộng cho tôi là tôi tìm ngay được một người cầm vào đàn của mình mà đánh để rồi chết. Thiên hạ nào phải thiếu gì người cầm đàn chạy theo vợ mình. Có trôi sông cũng không hết. Nhưng đến cái người ngồi ngoài nhà kia thì tôi thấy không đang tâm. Tôi xin mình, mình chứng giám cho tấm lòng ngay thẳng và thương người của vợ mình. Tôi gieo tiền, mình bằng lòng thì một đồng sấp một đồng ngửa".

Tiền khất đài một mặt bôi vôi, ba lần gieo xuống đĩa thì ba lần chỉ quay tít mà cười rồi lăn ngửa cả ra đĩa, chứ không keo nào được cả. Cô Tơ hoa mắt, nghẹn nơi họng và trong người như có ai đặt hỏa lò. Rồi Cô lặng cúi trở ra phòng khách, không dám nhìn thẳng vào Bá Nhỡ.

- Thưa Cô, tôi về ấp đã nghĩ kỹ rồi. Tôi sẽ đánh đúng vào cây đàn thờ dựng trong buồng. Sự gì sẽ phải xảy ra cho tôi, tôi vui lòng chịu lấy. Cô không nên lo sợ ái ngại gì cho tôi cả.

- Thưa ông... Thưa ông...

- Thưa Cô, tôi đã nhất định. Nếu tôi có tránh được cái việc đánh vào cây đàn ông Chánh, tôi thấy đời tôi nó cũng chẳng thêm hơn lên lấy được một điều gì. Có lẽ còn nhạt là khác nữa.

- Thưa ông...

- Thưa Cô... mà lần này chắc không còn có cách gì để Cô từ chối nữa. Vì Cô không phải lên hát tận trên ấp. Cô ngồi hát ngay ở bục kia. Tiện lắm.

- Thưa, không có trống?

- Điều đó, tôi đã tính rồi. Chừng vàng mặt giời thì võng Cậu Lãnh tôi sẽ có người cáng tới đây. Cậu Lãnh sẽ cầm chầu. Cô sẽ hát, tôi sẽ đàn - đàn ngay vào cái đàn ông Chánh. Thôi, Cô bảo dọn qua loa cho tôi cái gì để tôi uống mấy chén cho nó ấm bụng.

Trông người quản gia ấy nâng chén độc ẩm, người ta phải liên tưởng tới cốc rượu mạnh của tội nhân sắp lên đoạn đầu đài. Bởi vì, chốc nữa - chỉ một chốc nữa thôi - khi mà Bá Nhỡ cầm đúng cây đàn thờ ấy lên, hễ bắt đầu sòng lên ba tiếng tức là ký vào một bản án tử hình đấy.

Cả người Cô Tơ là một cõi bồn chồn không biên giới... Cô ở nhà ngang chạy lên nhà trên, nhìn vào mâm rượu rồi lại nhìn trộm Bá Nhỡ và rồi lại chạy xuống. Cứ thế mãi. Cô muốn được

trốn lánh đi đâu chứ không muốn là một niềm xúc cảm gì ở cái nhà này nữa. Cái sinh mệnh của người tự tống tửu cho mình kia chỉ đang treo vào một sợi... tơ! và Cô sắp hát cho người ấy nghe để cho sợi tơ kia đứt phựt.

Chiếc cáng điều ấp Mê Thảo đã dựng giữa sân nhà Cô Tơ hai đầu gác lên hai cái trấu gỗ ổi già. Cậu Lãnh vẫn chưa tỉnh rượu. Hai lực điền dân ấp vực Cậu Lãnh vào, đặt Cậu ngả lưng bên gối xếp. Bá Nhỡ ra hiệu cho chủ nhân triệt soạn và mời Cô Tơ đổ phách ra mà gõ ngay đi thôi. Sau khi châm mấy nén hương vĩnh quyết vào bát hương thờ Chánh Thú, Bá Nhỡ đã khệ nệ ôm cây đàn thờ từ trong buồng ra. Cô Tơ cầm phách gõ.

Bá Nhỡ thử dây, vặn trục đàn. Trục nghiến gắt và nấc dần mãi lên. Cần đàn ôm sát vào mặt, Bá Nhỡ ngửi thấy một mùi tanh tanh và gỗ đàn đã truyền sang lòng tay một chất nhờn sánh. Buông đầu gẩy xuống dây, đàn vắng ngân một tiếng cuồng loạn. Và những đầu ngón tay phải - Bá Nhỡ đàn tay trái cũng như cầm đũa cầm bút - nhấn xuống dây đã ran lên những cảm giác buốt nhức. Bá Nhỡ chững chạc buông ba tiếng sòng.

Cậu Lãnh còn đang li bì vội choàng dậy, cầm

roi chầu đánh luôn mấy tiếng. Người Cậu Lãnh chỉ còn ở hai cánh tay và hai cái tai, chứ cật và chân cứng đờ và mắt thì nhắm nghiền, cằm vểnh lênh giời. Cô Tơ như mất hắn hồn, cái tâm chỉ còn lên xuống theo với bực đàn. Gỗ bục dưới thân tan loãng đi đâu để cả người Cô Tơ phiêu diêu lững lờ trôi mãi giữa không.

Chưa bao giờ Cô Tơ thấy rõ cái đau khổ ngậm ngùi của tiếng đàn đáy buổi này. Tiếng đàn hậm hực, chừng như không thoát hết được vào không gian. Nó nghẹn ngào, liễm két cái u uất vào tận bên trong lòng người thẩm âm. Nó là một cái tâm sự không tiết được ra. Nó là một nỗi ủ kín bực dọc bưng bít. Nó giống như cái trạng huống than thở của một cảnh ngộ vô tri âm. Nó là cái tấm tức sinh lý của một sự giao hoan lưng chừng. Nó là niềm vang dội quằn quại của những tiếng chung tình. Nó là cái dư ba của bể chiều đứt chân sóng. Nó là cơn gió chẳng lọt kẽ mành thưa. Nó là sự tái phát chứng tật phong thấp vào cữ cuối thu dầm dề mưa ẩm và nhức nhối xương tủy. Nó là cái lá lay nhào lìa của lá bỏ cành. Nó là cái lê thê của nấm vô danh hưu hưu ngọn vàng xo le. Nó là cái oan uổng nghìn đời của cuộc sống thanh âm. Nó là sự khốn nạn khốn đốn của chỉ tơ con phím. Nó là một chuyện vướng vít nửa vời.

Tiếng đôi lá con cỗ phách Cô Tơ dồn như tiếng chim kêu thương trên dặm cát nổi bão lốc. Nhiều tiếng tay ba ngừng gục xuống bàn phách, nghe tàn rợn như tiếng con cắt lao mạnh xuống thềm đá sau một phát tên. Tay phách không một tiếng nào là nhụt. Mỗi tiếng phách sắc như một nét dao thuận chiều. Và gõ đến như thế thì thật là đem cái vinh quang đến cho tre cho trúc và tạo cho thảo mộc một tấm linh hồn. Dưới mười ngón tay hoa múa dẻo quánh, tre trúc bật nẩy lên vì thỏa thích. Đàn và hát dắt nhau mà lướt bổng. Cậu Lãnh Út mềm tay roi, càng mê tơi đi vì tơ trúc ríu ran. Chưa hồi tỉnh cuộc rượu của ấp, Cậu lại tự bồi thêm trận rượu của đêm nhạc. "Đàn ai đàn...".

Nắn những đường gân ngang nó gò cong mình xuống đàn nó day thịt da tê cóng trên dây sắc buốt như cật nứa, mấy đầu ngón tay Bá Nhỡ sưng vù và bật máu. Bá Nhỡ đang chịu một nhục hình bá đao tùng xẻo. Nghe phách Cô Tơ, ở những khổ rung thưa rồi mau, Bá Nhỡ say sưa trong cái nhận thức là mình đang chết dần giữa đàn hát và mỗi một tiếng trúc tiếng tơ đánh thêm lên là mình lại càng lả dần về cõi chết. Có người tự tử bằng mùi hoa ngát, có người tự tử bằng hơi nhạc. Người đang luyện phím khảo dây bỗng nở một nụ cười héo sững trên hai môi tái.

Máu chảy ra nhiều quá. Toàn thân Bá Nhỡ đỏ ngòm. Áo quần màu trắng của Bá Nhỡ vụt trở nên vóc đại hồng, trông hệt một người phục sức để ăn thượng thọ. Người Bá Nhỡ đã là một cái vại đựng chất lỏng có nhiều chỗ rò rỉ. Máu trong cơ thể Bá Nhỡ cứ đều một dòng tuôn mà thấm lậu ra ngoài. Bá Nhỡ đã thấy khát nước và khắp mình mẩy, xót nhức không biết đến đâu là chừng hạn nữa. Mỗi tiếng đàn là một miếng thịt lấy ra. Tí một, tiếng đàn đưa nhau về nơi vĩnh quyết. Tùng. Tang. Tùng. Tùng! Tụng, Bá Nhỡ vấp một chỗ nhấn, đầu ngón chừng đỗi dây lát trên mõ phím cao quyện huyết. "Đàn ai... đàn... một tiếng...".

Vừa có một mũi kim nào châm vào cái đốt cuối xương sống Bá Nhỡ, làm cho cây đàn đột ngột bật hẳn cần dọc lên. Rồi không rõ từ đâu vào, vẫn ở đoạn xương sống, có rất nhiều hạt muối lạo xạo đánh loãng chất tủy người đang gò đàn. Ruột nhũn hẳn ra, óc se thắt lại, chỉ còn có cái tâm Bá Nhỡ là điều động với lớp lớp tơ trúc dật dờ.

Gân tay Cô Tơ xuống phách đã có chiều lảo đảo vì chuột rút. Hạt châu lấy bẩy đọng trên môi người hát, sáng đục như mắt chuồn chuồn. Phải nuốt nước mắt mặn chát tuôn đều với máu người đàn đối diện, tiếng hát Cô Tơ có nhiều chữ buông bắt đã hết vuông hết tròn. Tiếng hát đã

sa làn rồi khê và mực hát đã có chỗ bứng. Cả hát cả đàn đang dắt tay nhau sa lầy trên cái mênh mông bùn sũng ngào vó ốc, mở rộng xanh lơ ngút chân giời. Cô Tơ rùng mình. Hình như đây là pháp trường đang có những tiếng mớm chiêng đồng. Như ăn phải bát cháo lú bên sông Hắc Thủy. Cô mê thiếp đi. Tiếng hát méo dần.

Thoáng một tiếng dây đàn đứt. Cô choàng tỉnh để nhận cái đầu tơ ấy bắn vào mặt. Thái dương Cô tê dại trong khoảnh khắc. Rồi vững lại tay phách, chỉnh lại hơi cổ hơi mũi, Cô Tơ hát bây giờ mới vượt qua những đỉnh nhọn của thế giới âm thanh. Tiếng hát mọc cánh, thăm thẳm trong trắng tinh khiết quả pha lê gọt. Cô đang gọi nước suối đá ngọt trào dâng lên. Tiếng phách trúc ríu ran như cô đục lại được muôn điệu của muôn giống chim. Có những tiếng tre đanh thép, sắc bén đến cái mực cắt đứt được sợi tóc nào vô tình bay qua khoảng nơi phách đang bốc cao vươn mình dựng dậy như vách thành. Đôi tai Cậu Lãnh Út chỉ là hai cái phễu để Cô Tơ rót vào đấy cả một rừng chim và cả một suối thủy tinh.

Cô Tơ giờ mới để ý đến những tiếng trống điểm. Trống người chủ ấp trẻ ấy sát phạt thật. Thật là một thứ trống lợi hại. Trong tiếng trống, có tiếng đổ nhào của ngói gạch vụn rời. Hình như tất cả những lâu đài cung điện của cuộc đời

nhỡn tiền đều tan rã theo một cái roi quất xuống mặt da loài thú. Hình như phải có được vô vàn vàng lụa lũy thế mà phí đi thì mới đổi được ra thành cái tiếng âm âm đục đục ấy. Chầu, điếm đến như thế thì khỏi nào mà tránh được chuyện oan trái cùng người gõ trúc.

Lúc này, Cậu Lãnh chỉ biết có sự thẩm âm. Âm trúc, âm tơ. Còn ngoài ra, Cậu không biết gì hết. Chén tống rượu cứ liên tiếp mà vơi mà đầy, gia nhân đi theo rót đưa đến đâu thì Cậu uống đến đấy. Tưởng lúc bấy giờ, cả quê Nhộn này có phát hỏa, cả chung quanh Cậu đất có sụt nứt hết, Cậu cũng mặc. Cậu đang ngủ cái giấc ngủ thôi miên của âm nhạc. Không một tiếng nào lép, roi cứ như ôm lấy tang mít, rồi cứ như dán vào mặt da.

"... Nguyệt dãi tàn nhang... ư... Con sông hồ nước biếc...". Nhưng thật ra Cô Tơ chuyên hướng tiếng hát vào lòng người chơi đàn chứ không bận gì mấy đến người điếm chầu. Bá Nhỡ ngồi trước mặt kia, sinh mệnh chỉ còn dính vào cuộc đời bằng một vài khổ đàn nữa thôi. Tất bản đàn, là cuộc đời người đang xuống cái đầu gẩy bằng sừng bò tót kia cũng hết luôn. Hơi tơ thiều não như lời gởi gấm giối giăng. Nó buồn rộng xa nhòe quá một tiếng lên đường. Thôi thì đây cũng là những tiếng cuối cùng của đời, Cô Tơ cố bắt buông từng chữ cho thật chín nục để kẻ sắp hết làm người

kia đem đi cho thật đầy đủ cái dư âm của cõi sống. Làn hát chênh đi như lời giã từ ngượng nghịu.

Trong buồng thờ Chánh Thủ, có tiếng cười sằng sặc ở sau cái bài vị. Bát gương bàn thờ sứ chẻ dọc làm hai mảnh, tiếng nẻ toác to gọn như mắt tre nổ trong lửa. Hai mảnh sứ nhào lăn xuống nền đất, kêu đánh xoảng. Riêng Cô Tơ nhận thấy tiếng đổ vỡ này và hiểu nó là điềm báo hiệu của một điều linh thiêng gì. Qua cái màn mỏng nước mắt, người hát trừng trừng vào người đàn. Bá Nhỡ vốn đã còm, giờ lại càng khô sút hẳn đi. Máu tuôn ra nhiều quá, đánh đống quanh chỗ Bá Nhỡ như một khối hồng hoa. Bắt tay đàn để xuống mạnh một cái dầu gẫy thứ nhất ấy là máu trong người Bá Nhỡ vợi đi từ đấy. Và thân hình ngót dần đi và teo tóp mãi lại chẳng khác gì cái xác khô người tăng già khổ hạnh. Hình như tới một chừng mực siêu thanh nào đó, âm nhạc có cái vật tính là làm quắt lại da thịt và chuốt dài thân người ra.

Bá Nhỡ chỉ còn là một cái bóng. Bóng loãng dần và không động. Bóng cứ nhạt mờ thêm mãi qua cái hôn mê của nỗi thảm tình thương và Cô Tơ chỉ còn nhận thấy có một một cái chấm sáng trên thân người ôm đàn là còn linh động. Ấy là cái mặt ngọc chiếc nhẫn ở ngón tay nắn dây. Tất cả sinh khí một kiếp người chỉ còn gởi có vào

một cái mặt nhẫn linh động theo âm đàn. Nhưng mà ngón tay cầm đàn gẩy cũng đã uể oải rồi trên con phím. Rồi bẵng hẳn đi trong phòng không có một tiếng đàn nào nữa. Như một thứ keo, máu cũ khô quánh đã gắn chặt mười đầu ngón Bá Nhỡ vào mấy sợi tơ đỏ sẫm và mặt tang ngô đồng hoen ố. Mười ngón như một đã bị đóng đinh liền vào phím cây đàn.

Máu tuôn đã hết chất nồng và chỉ còn tỏa ra một mùi tanh nhạt.

Bá Nhỡ gục vào đàn, nách cắp lấy thành đàn mà nhoài ra giường. Gỗ bục đêm và thân người nhoài ra kia lạnh bằng nhau.

Phía sau gáy Bá Nhỡ, vụt bay lên một con bướm đen loang lỗ những chấm tròn hồng hoàng.

Tinh hồn Bá Nhỡ đã xuất thoát ra kia đang díu đôi cánh ốm rồi biến dần vào bóng khuya. Một con châu chấu ma nổ ruột trên tim nến lả lay.

Thế là hết hẳn ngân rung của chỉ đàn.

Điệu hát Hòa Mã, chưa quá một phần ba.

Như một hành khách hỏa xa tỉnh giấc lúc tầu đổ vào ga, Lãnh Út choàng dậy, hất hàm hỏi: "Kia, sao tại nghỉ lâu thế! Nối lại dây chòng vào".

Cô Tơ bỗng òa lên. Tiếng khóc nức nở thê thảm. Cô chạy lại đỡ xác Bá Nhỡ, đẩy chiếc gối

mây vào gáy một tấm thi hài co quắp. Cúi mình xuống cái xác dầm dề đỏ, Cô Tơ đang vuốt mắt cho Bá Nhỡ, bỗng lại giật bắn mình lên vì một tiếng tách nữa nổ ngay cạnh Cô. Cây đàn vừa bị tay người lạnh thả dần xuống mặt bục, đang tự tan vụn ra từng miếng con. Phím long rồi, cần, thành, tang đều tung bật hết mộng chốt, và cùng một lúc nhả hết những đường sơn gắn. Đàn chỉ còn là một đống vụn gỗ linh tinh những bừa bộn bên một cuộc đời đánh đàn đang khô dần lớp máu cuối cùng.

Lãnh Út - nước mắt vận chuyển hết vào nội tâm thành một niềm tư lường im vắng ghê lạnh - chống tay vào cằm, ngây sững như đất tượng nung, ngủ ngồi ngay dưới chân xác chết mất một nửa phần đêm và lấn sang nửa ngày sau, mắt mở to, mi không chớp lấy một lần.

Tỉnh giấc ngủ ngồi, Lãnh Út nhẹ đặt thi thể Bá Nhỡ vào cáng đưa về Mê Thảo. Chiếc cáng đi theo cái đà của gió mưa thuận mùa. Lãnh Út bám vào đòn cáng mà lần về ấp. Lẽo đẽo chạy theo sau xa là Cô Tơ, mặt trùm kín vuông khăn lượt trắng mỏng.

Bá Nhỡ được hạ thổ vào lúc xế chiều. Và ngay buổi tối ấy, tửu phần cũng bị khai quật luôn lên. Mặt đất gò rượu ngổn ngang đất đào và vô vàn là chum là hũ bị tháo nút ngả nghiêng ở miệng huyệt rượu. Nhiều vò rượu, nước sánh đặc chảy ra lênh láng. Nhiều hũ cơm ủ đang kết men, -

lắm cái hình bó và sắc cốt hiện lên đẹp như phát khanh tướng đến nơi.

Sẵn bó đuốc cháy, Lãnh Út vứt luôn vào tửu phần khai quật. Gò rượu phát hỏa. Lửa men khê nồng bốc lên liên tiếp. Cho đến hết canh ba mà ngọn lửa men rượu xanh lè cũng chưa dịu ngọn. Đêm phóng hỏa tửu phần, thảo mộc chim muông vùng Mê Thảo bị một trận say lây. Cây cành có lá đều miên man rũ rượu rầu nhũn. Thú ngàn rống to lên như cảnh động rừng. Chim bị say, cánh cụp cứng lại mà lìa khỏi tổ, rụng xuống đất như quả chín rời cành mẹ.

Lảo đảo, Lãnh Út lắp bắp ấm ớ nói mê giữa một giấc chiêm bao không ngày tháng: "Sau một cái tử biệt, giờ ta phải tính đến một nỗi sinh ly khác. Đối với đàn, hát, từ bây giờ ta nguyện làm một người điếc một người cô đơn một người phản bội. Và trên vong linh Bá Nhỡ, ta thề độc là không bao giờ cầm đến một cái chén nào của cuộc đời này".

Tái bút: *Một năm sau, ấp Mê Thảo mọc lên một ngọn chùa. Chùa Đàn. Chùa Đàn nhận tượng mới và chuông mới vào trước kỳ giỗ đầu Bá Nhỡ mười hôm.*

Cô Tơ đòi giữ việc kinh kệ cho Chùa Đàn và nhận trông giúp luôn hai mẫu dâu ruộng bầu hậu cho Bá Nhỡ. Dưới nhà thờ, có bia bầu hậu

cho Bá Nhỡ, ghi ngày kỵ và lễ vật dâng vào định kỳ ấy. Ngày kỵ Bá Nhỡ, dân hàng ấp đều được nghỉ việc tằm tang bốn buổi liền.

Bệ vôi nhà thờ tổ chưa có pho tượng Phật nào. Nhưng ở đấy, sau bát hương đặt một tảng gỗ đẽo có ngọn vút lên, trông xa như một gốc trầm. Lại gần nhận kỹ thì là cả một cây đàn đáy với những nét chính của nhạc khí tạc chìm vào gỗ mộc. Cứ vào hai buổi chuông chiêu mộ, tảng gỗ thờ đó lại đổ ít mồ hôi dầu và xê dộng khỏi chỗ. Ngày nào, Cô Tơ cũng phải kê đặt lại tượng đàn thờ.

Được hai năm thì ấp Mê Tháo sang tay chủ khác, người ngoại quốc.

Lúc bán ấp, Lãnh Út cố điều đình vẫn giữ lại hai mẫu tự điền vốn cắt ra làm ruộng hậu.

Chùa Đàn dựng trên khoảnh đó.

III. MƯỜU CUỐI

Quê Tương, mùa xuân một năm tuổi

Kính gởi sư thầy Tuệ Không,
Chùa Từ H...

Kẻ không đi tu này, muốn bạch cùng sư thầy Tuệ Không một vài điều để cùng luận với Nhà

chùa một thái độ về đời sống. Trước khi hầu chuyện Nhà chùa, sư thầy cho phép chúng tôi nói chuyện với những độc giả cũ thân mến và trung thành của chúng tôi về thiên truyện bỏ dở đã.

Nhà Chùa cứ thỉnh xong hồi chuông chiều một trăm linh tám tiếng ấy đi thì chúng tôi sẽ trở lại với Nhà Chùa đấy.

Vậy là tôi đã đọc xong *"Tâm sự của nước độc"*, trong một bụi lau cao, rừng tù kéo lê thê cái bóng chiều hôm thượng du. Tôi đọc chỉ có một hơi, say sưa đau khổ với người trong đoàn thiên. Trong lúc đọc, có một người lính tập cầm súng bên, tầm mắt dán xuống một giải đường đỏ lượn dưới núi để xem hễ có Tây quản trại xộc lên khám công việc, thì ra hiệu cho tôi biết. Tôi đọc hết *"Tâm sự của nước độc"* thì kèn đồng trên lô cốt đồn cũng nổi một hồi rôm bê. Tôi phủi đất ở quần áo, đứng lên, lần về trại giam. Tôi thất thểu trên dốc núi, khuôn cái lòng mình vào tâm người trong tập đoản thiên giắt trong túi dết. Hình như chân tôi đang bước hộ ai đâu đây, theo một cái đà đi của người trong nhật ký. Phải, *"Tâm sự của nước độc"* chỉ là một tập nhật ký mặc dầu người viết nó không dùng ngôi thứ nhất lúc tự thuật, không ghi niên hiệu của biến cố và đã đổi hết tên người tên đất. Dưới tập vở viết, chỉ chua: *"Georges Philippar, 1932"*. Tức là... Lịnh viết trên một con tầu bể chạy đường Cực

Đông, sau khi bỏ ấp, xuất dương, làm bồi tầu sống cuộc đời công nhân và truy tùy Cách Mệnh ở ngoài xứ. Chính chiếc tầu to lớn này, kỳ hạ thủy chạy đường Viễn Đông Thượng Hải đã tải rất nhiều khí giới của đế quốc gửi sang Thượng Hải để đàn áp Cách Mệnh Trung Hoa và chuyến về đã bị đốt cháy ở giữa Hồng Hải. Tôi ngờ Lịnh có dính vào chuyện Georges Philippar phát hỏa, làm chết một nhà báo tâm huyết Albert Londres và suýt chết luôn một ông quan xứ ta đi đón một ông vua Bảo Đại về nước nhận ngôi. Tôi nhớ rằng nhiều lần Lịnh đã giảng kỹ cho tôi về các công tác phá hoại.

"Tâm sự của nước độc" đích là một quãng thiếu thời của Lịnh lúc còn mê man o bế cái sống cá nhân của mình. Trái với lời rào đón khiêm tốn của tác giả nó về phép hành văn, tập nhật ký diễn theo một lối thuật hoài đặc biệt đã đem đến cho tôi nhiều rung động hiếm có. Ra khi người ta đã có một cái tâm sự và lại thiết tha và lại chân thành khi gởi nó vào giấy mực, thì người ta chấp được cả sự tưởng tượng của ngòi bút lành nghề. Và Lịnh, nếu chí cứ chuyên nhất vào cuộc đời chính trị, văn nghệ bị thiệt thòi hẳn đi về nhiều nỗi.

Đi theo tốp lính áp giải về trại, đầu tôi còn ê ẩm vì không khí một cái ấp nuôi tằm trong nhật

ký. Đấy là một cái ngục tối. Ấp Mê Thảo là một cảnh địa ngục mà lính canh là rượu, là hát, là kỷ niệm, là sự nhớ tiếc một người vợ chết. Ở tù, còn có thể vượt ngục được. Chứ đã ở đến cái ấp Mê Thảo ấy, có đủ tiền, có thừa rượu và sự chiều chuộng của đời sống dư nhàn thì chỉ còn có chết oan uổng ở đây thôi, chứ còn thoát ly thế nào được. Vậy mà Lịnh đã xổng ra được. Để mà đang làm một con số 2910 đi bước một xuống dốc núi, trước mặt tôi.

Tôi nhìn Lãnh Út - Lịnh - 2910 mà rờn rợn cho một cuộc đời. Tôi nhìn Lịnh như một người đã bị thần trùng bắt đi, tra khảo mãi không xưng mà rồi lại còn được trả về đời sống. Ghê thật! Một người đã được cuộc sống phong lưu bỏ tù vào cái vỏ cá nhân tự cưng dưỡng mình, một người đã chìm nổi về rượu suýt chết vì rượu và đã làm chết lây người khác bằng đàn hát sở thích, một người đã chối ngấy lên vì rượu vì nhạc dầm dề cơ thể, một người đã ốm những trận thập tử nhất sinh vì những cảm giác ma túy ấy, người ấy có quyền nói câu này mà tôi nhớ mãi: "Nay tôi không sợ bắt bớ tù tội và tất cả sự đàn áp của kẻ thù mà tôi chỉ sợ người mời uống và rủ đi nghe hát". Tôi tin được câu nói ấy của Lịnh.

Lịnh đã đem những tuổi hoa niên cầm cố cho ma men, đã uống một bữa rượu dài ba bốn năm

ròng, - mặt giời mặt giăng chỉ có kế tiếp triền miên mà rọi vào một cái cốc quen thuộc của con người ấy. Lịnh ngồi im sững trong không và thời gian đến nỗi bóng mình in thành vệt lên vách vôi, đã từng nghe người ta vừa hát vừa khóc và nghe người ta đàn đến cái mực hộc máu ra mà gục chết dưới gốc nhạc khí, đối với một người sa đọa và sám hối như thế, cuộc đời còn nỡ đủ tàn ác và bất cố liêm sỉ để mời người ấy nghe lại một khổ đàn hoặc cầm một cái cốc nữa không? Nghe hát đến chết người, uống rượu đến suýt chết cả mình, đích là cái quá khứ Lịnh chứ còn là của ai vào đấy nữa!

Không phải là Lịnh thù oán gì tửu và nhạc đâu. Lịnh chỉ đổi đi cái đối tượng của mê mải - người Lịnh lúc nào cũng chứa nỗi say đắm một cái gì - và hướng dục vọng mình vào một phía mới nào nó rộng rãi và đúng nghĩa hơn. Lịnh vẫn là một người say cái Đẹp, say cái Say. Nhưng sau cái thời kỳ hỗn loạn của ấp Mê Thảo, giờ Lịnh là người tình nhân của Cách Mệnh , Lịnh chỉ nhận có những chén mà công cuộc trao cho, thưởng cho mỗi lúc phá một cái gì để dựng lại một cái gì. Những chén ấy, thường Lịnh uống cả cấn. Lịnh vẫn say như ngày xưa, nhưng không cần mượn đến cái thứ rượu tầm thường ta vẫn nhấp vào lúc vui lúc buồn hàng ngày. Trận say

thứ hai này trong đời Lịnh - 2910, có lẽ đến lúc tất nghĩ, Lịnh cũng không thèm tỉnh lại. Với cuộc Cách Mệnh Thường Trực của cuộc đời chênh vênh lạc nền tảng này, ai đã dám nói một câu chót?

Đêm ấy ở trại an trí, tôi châm đèn thức khuya hơn để đọc lại tập nhật ký của Lịnh. Mãi đến hai ngày sau, tôi mới trả Lịnh với một câu: "Dẫn rượu của đời sống vào cuộc đời bút mực đến một chốn hãi hùng như thế, chừng như cũng mới chỉ có anh. Bởi vì cái tâm sự của anh cũng dị thường lắm. Tôi muốn xin phép anh, mượn anh những tài liệu sống đó để sau này xây một chút không khí gì cho một thứ văn phẩm nào của đời tôi nghèo hẹp, anh có vui lòng không?". Không cần suy nghĩ, Lịnh dúi ngay tập thảo đó vào túi dết tôi: "2910 biếu luôn anh cả cái bản thảo rách bấn này. Anh giữ lấy làm cái kỷ niệm của một lần gặp nhau. Anh muốn dùng nó làm gì thì làm. *"Tâm sự của nước độc"* sang tay anh cũng là phải. Vì xem chừng như anh cũng là nòi rượu, thích đàn hát và ưa bay nhảy lắm thì phải. Đời tôi đời anh, nếu tôi đoán không nhầm thì hình như cũng đã có nhiều đoạn đường song hành".

Bạch sư thầy Tuệ Không,

Bây giờ tôi mới được hầu chuyện sư thầy về

cái nghĩa sự sống sự chết trong đời người. Và tôi muốn cho một nhân vật trong *"Tâm sự của nước độc"* được đối chất ngay với sư thầy.

Ấy là Cô Tơ.

Và Cô Tơ, chính là sư thầy lúc này đó.

Cô Tơ, Tuệ Không, chỉ là một.

Cũng như Lãnh Út - Lịnh - 2910.

Nhà Chùa không được chối, bởi vì Phật của Nhà Chùa bảo thế. Sư thầy bỏ Chùa Đàn, sư thầy tìm ra quét lá ăn mày sư tổ ngoài tỉnh Đông. Rồi sư thầy gởi mình ở Quỳnh Lâm, Dật Yên, ở Chùa Keo, Chùa Dận, Yên Tử, Chùa Cói. Sư thầy tu, kể cũng đã tốn nhiều chùa! Đi tù về, tôi bận lòng về một tập nhật ký đem theo xuống núi và tôi đã cố dò tìm hỏi han về hành tung của sư thầy. Bằng cách gì? Đó là cái công phu riêng của người nghệ sĩ muốn tìm lại một cái kiểu mẫu người sống để đối chiếu mẫu cũ với một sự sáng tạo hiện nhiên của nghệ thuật. Nhà chùa không thể hiểu được! Sư thầy chỉ cần biết rằng tôi đã bắt mối được với cuộc đời tiêu cực của Nhà chùa. Sư thầy hãy gấp cuốn kinh Hoa Nghiêm lại. Và ăn bớt của Phật một vài tuần nhang thắp, để cái thời giờ đó mà luận định lại một thái độ của tư tưởng, - cùng với kẻ vô đạo này.

Vậy là trước khi đi tu để chối đời sống, sư

thầy đã là con hát của một cuộc đời sông hồ. Và ở cái lĩnh thổ này đang cần đi gấp đến sự thực hiện hoàn toàn của lịch sử và chưa qua được giai đoạn quốc gia, sư thầy không thể đùn cho ai mà không nhận lấy cái dĩ vãng ngày nọ của sư thầy, nguyên chỉ là một thái độ người thương nữ của bến Tần Hoài. Và ra điều rằng mặc mãi gấm vóc tơ lụa rồi thì bây giờ mặc sang vải cứng ruộm nâu chăng? Ra điều rằng chán nơi tử các phồn tạp thì lại đi tìm cái tịch mịch của cửa Thiền ? Có phải rằng vì muốn lấy cái mộc mạc lặng lẽ ngày nay để làm đối lập cho cái xán lạn ồn ào ngày trước, mà sư thầy đã quên quê hương sinh trưởng, quên tên thật tuổi thật, sư thầy đã vỗ đời sống để đem đổi tất cả thành ra một cái đạo hiệu? Hoặc đi hát hoặc đi tu, riêng trong hai việc mặc và ở dẫn ra đó, có lúc nào sư thầy nghĩ đến những người đã cung cấp cho sư thầy những điều cần dùng hằng ngày ấy cho thể xác không? Có lúc nào sư thầy nghĩ đến một người thợ dệt - dệt tơ cũng thế dệt vải cũng thế, - một người thợ mộc một người thợ nề ? - xây nhà gác cũng thế mà làm đình làm chùa thì cũng thế. Để trả để đáp đền lại cái công phu của bấy nhiêu con người ấy, sư thầy trước kia đã gõ một cỗ phách và bây giờ đang gõ một cái mõ. Trước là một tiếng trúc của con người không chịu cảm thông với thời thế,

giờ là một tiếng gõ của con người đi trốn sống. Tôi không dám báo rằng thanh âm không có giá trị trong công việc đổi chác của nhu cầu hằng ngày. vì cho đến bây giờ, cái tiếng gõ của một đồng xu một đồng bạc, không những vẫn có chân giá trị của nó mà lại còn rất nhiều thế lực ở đời trao đổi nữa. Nhưng ở thị trường của đời sống, cái tiếng gõ mõ Nhà Chùa quả đã vượt ra ngoài mọi ước lệ của giao dịch. Và cho rằng đã lập dị được trong sự ăn chay thì con người ta có quyền bắt đời sống tiêu cái thứ tiền giả đó sao? Thà sư thầy lại cứ là "cái Cô Tơ" ấy mà gõ cái tiếng tre đực như xưa, cuộc đời còn thấy thái độ ấy là có nghĩa hơn.

Nhân nhắc lại tên Cô Tơ mà tôi lại ngẫm thêm về cuộc đời của nhân vật ấy trong ký sự. Tất cả giá trị của Cô Tơ ấy trong *"Tâm sự của nước độc"* là đã làm cho Lãnh Út tái sinh lại qua cái chết của Bá Nhỡ. Qua cái hủy thể của một người đánh đàn, Cô Tơ dã là một cái cớ thiêng liêng để Lãnh Út thác sinh lần nữa vào cuộc sống. Cùng một lúc, làm chết một người đàn ông nhạc sĩ này để làm sống lại một người đàn ông nghệ sĩ khác đang li bì dìm mình trong nước độc, rồi Cô ta lần đến một ngôi Chùa Đàn để mà tự tử dần - hay nói là đi tu thì cũng thế. Sao lại có thể vô lý như thế được? Vụ tự tử câu dầm lâu

ngày ấy chưa đến đoạn chót hoàn toàn tắt thở. Vì cho đến lúc này, sư thầy vẫn còn ngồi ở dìa đời sống để nhai cái hạt lúa của cuộc đời tạo ra và để đánh dấu cho sự có mặt mập mờ của sư thầy ở cuộc đời, ngày nào sư thầy cũng nện mạnh một cục gỗ vào hai lúc lặn và mọc của mặt trời. Trước khi chết hẳn mà chữ Nhà Chùa gọi là tịch, về chỗ thanh toán một cái nợ áo và cơm - sư thầy tưởng ăn cơm không có thịt và mặc áo vải là không chịu không nợ chung quanh hay sao? - của cuộc đời, đời sống muốn sư thầy trả cho bằng những tiếng gì không phải là thanh âm mõ.

Bạch sư thầy Tuệ Không - nhất danh nữa là Cô Tơ,

Đối với đời sống cần phải sòng phẳng, thái độ của sư thầy là một chuyện đánh bạc gian và cái thời khắc biểu của Nhà chùa chỉ là những ngày tháng của một bệnh nhân trầm trệ. Sự hô hấp của tăng già chỉ toàn có thán khí thôi, lúc hít vào cũng như là lúc thở ra.

Ông Phật bảo rằng muốn là khổ. Và muốn không khổ thì chúng ta nên giết chết những cái muốn đi bằng cái việc ta tự tử ta và cổ động điều đó thành một phong trào có hội sở hương khói ngày ngày, hồ bóp nén con người tình cảm chúng

ta cho nó ngạt chết hắn đi.

Lý trí của những người lành mạnh, trong nhân loại lại dạy rằng chúng ta còn khổ mãi thế này là vì chúng ta chưa thành đạt trong cái ý nguyện làm người của đời người. Chữ muốn, ta phải viết hoa nó lên. Cái Muốn ấy tức là Khoa Học, là những khoa học và rồi nó sẽ là cái thành công của Cách Mệnh .

Còn có dục vọng nào chính đáng sâu sắc rộng đẹp bằng ý thức Cách Mệnh! Cái Muốn trong chủ định đi tới chỗ thành Con Người hoàn toàn ấy sẽ đặt ngay Nát Bàn ở giữa cuộc đời thật tại này để ta có thể dờ mó được. Vậy mà có những pho sách gỗ in đã bảo sư thầy nên diệt hết những dục vọng cao quý ấy đi để rồi chạy theo một bóng hạnh phúc ở mãi chỗ huyền ảo nào. Ấy thế rồi sư thầy mặc áo thật của cuộc đời, ăn hạt gạo thật của cuộc đời để phản ngay đời sống bằng cái sống lộn sòng như thế đấy. Không thừa nhận đời sống để mà nắn chuốt lại đời sống theo những phép tắc xây dựng của thực tế, vỗ tuột công ơn của đời sống bằng một cái thái độ tiêu cực ấy, chừng như cũng chỉ có những người cùng một nhãn hiệu tư tưởng với sư thầy mới làm nổi được việc ngỗ ngược bất công đó thôi.

Bạch sư thầy Tuệ Không,

Đời sống là do chúng ta làm ra cả. Bây giờ nó còn hỗn độn, nó còn lệch vẹo. Nhưng một ngày tới, nó sẽ đẹp, nó phải đẹp, nó sẽ không là bể nước mắt như bây giờ mà nó sẽ là những công trường của vui cười. Để tới cái tương lai ấy, chúng ta có mặt ở cuộc đời để mà dính cái phần kiến trúc riêng của mình vào công việc xây dựng khổng lồ chung kia. Đằng này sư thầy trốn chạy cuộc sống bó đi ngồi riêng ra một chỗ để chuyên soi mói đến cái phần không hay của nhân loại và định tốt đẹp riêng lấy một mình. Đáng lẽ phải là một người thợ thì sư thầy đã tìm một mái chùa. Niềm giác ngộ ấy, nếu có thành quả, thì lại càng đày sư thầy vào một tội vị kỷ. Nói theo giọng Nhà Chùa nữa, thì chúng sinh thế giới còn chìm đắm đông như cát sông Hồng Hà, sư thầy Tuệ Không định thành Phật với những ai? Một mình chăng?

Trong *"Tâm sự của nước độc"*, đã có một Cậu Lãnh Út biến cải thành một con số 2910. Để đăng đối với Lãnh Út - 2910, sao lại chỉ là Cô Tơ - Tuệ Không? Sư thầy có thấy thiếu hẳn sự cân đối giữa hai nhân vật chính ấy của *Chùa Đàn* không? Một đằng là sôi nổi sức sống, một đằng là dằng dặc những âm khí. Một bên là đường đưa vào dương gian, một bên là lối dẫn về cõi chết. Phải, sư thầy đang tự tử đó. Viết đến đây, bất

giác tôi lại nhớ đến một cái tin vặt nhật báo ngày nọ.

Số là có một thiếu phụ đã gặp điều bất mãn giữa cuộc sống mâu thuẫn này. Thiếu phụ đó đã bỏ cái nhà mình đến ở một cái nhà của ông Phật để trở nên một ni cô, nghĩa là trở nên một người ăn cắp gạo và vải của cuộc đời. Đời sống chưa kịp đưa số đến hỏi nợ ni cô về chỗ ăn mặc trong suốt một thời kỳ lấn lút đời sống đó thì đùng một cái, không rõ vì lý do tình cảm gì, ni cô đã chấm dấu chót cho cuộc tự tử dần bằng một nhát dao. Tờ báo đã nêu việc ấy lên dưới cái đề: "Ni cô Mỗ đã quyên sinh!".

A Di Đà Phật, tôi đọc tờ báo mà muốn cười. Vì rằng chẳng cần đến cái mũi dao kia mà thiếu phụ ấy đã tự an táng mình khi đổi mình ra thành một ni cô rồi kia mà. Cái chết gây nên bởi mũi dao này, là một vụ tự tử lần thứ hai và nếu có đả động đến vụ quyên sinh ấy của người tu hành, có lẽ tờ báo kia nên thêm vào hai chữ *lập phương* nữa thì mới phải.

Sư thầy,

Tại sao tôi cứ đòi chen lấn vào những trang kinh nhật tụng của Nhà Chùa và giở lại những tờ dĩ vãng của Nhà Chùa? Đối với sư thầy thì Cô Tơ ấy đã được sư thầy mai táng và tụng kinh

sám hối cho rồi kia mà!

Không, Cô Tơ ấy phải sống - nghĩa là sư thầy cũng phải tái sinh ngay lại vào cuộc đời thực tại này. Không cần phải đợi cho tóc mọc lại - vì cần kíp lắm rồi - sư thầy Tuệ Không hãy trở vào ngay vào cuộc đời đi. Hãy trả lại cho mái chùa cũ những câu kệ ngâm đã bao lâu nay. Hãy vứt lại cái mõ, cầm ngay lấy đoạn trúc xưa mà hát lên một bài cho xứ sở rung thêm lên nữa với công cuộc đang sinh thành. Trước mắt, quanh ta, Cô há chẳng thấy cuộc đời đang tưng bừng đi tới. Và trên xứ sở này đang ngổn ngang những công trình xây dựng mới, có rất nhiều người thợ vấp ngã vì run rẩy vì bồng bột vì mệt nhọc vì vội vàng. Hãy hát lên, Cô Tơ! Cầm ngay trúc ra mà nhịp đi. Bắt cao giọng nữa lên. Cái lâu đài của Thị Trấn Ngày Mai chót vót mấy mươi từng, đỉnh đụng mây cao thế kia mà !

Cô hát lên những đau khổ những gian nan những lầy bầy những thí nghiệm những oan uổng bất đắc dĩ của Con Người và những cố gắng những hy vọng của cả hiệp thợ. Không việc gì mà rụt rè. Trước là một việc, giờ là một chuyện khác. Trước hát cho dăm bảy kẻ nghe trong một khung cảnh ích kỷ ốm yếu. Giờ hát cho cả một quê hương đang vi vu gió mới và lồng lộng một

trời cao rộng chói lòa.

Lịch sử đang chép những thanh âm của Cô đấy và đánh giá tiếng hát Cô ngang hàng với những tiếng nhát búa, nhát bay tiếng gặt hái của tất cả một thời.

Cô hát nhiều nữa lên. Lời đã có thời đại đặt hộ. Điệu cũng thế.

Cho tới ngày nay, chưa có cuộc Cách Mệnh nào của Con Người mà bỏ được tiếng hát, Cô Tơ ạ.

CỎ ĐỘC LẬP [*]

(Nhạc kịch)

Tặng con Sơn Muội, thưởng thức giá của Ngày Tới

Nhân vật:
- Núi
- Sông
- Đồng cỏ
- Thần Cách Mệnh
- Cô bé
- Cuốn sử Việt Nam

Màn I

NÚI, SÔNG

Trong một bầu không khí nặng nề, không một gợn gió. Trời đất âm u. Nền trời rọi xuống nền đất một thứ ánh sáng tím ngắt. Mọi vật nín lặng lắng chờ một điều quan trọng nào phải xảy đến

[*] Tác phẩm viết năm 1946 nhưng bản thảo thất lạc, năm 1986 tác giả mới tìm lại được.

cho không gian và thời gian.

NÚI (đứng than một mình)

Ôi mây ôi, ôi gió ơi! Mây bay về đâu rồi? Gió chìm tắt vào đâu rồi? Lòng ta nhớ mây, sầu dâng cao mấy tầng. Lòng ta nhớ gió, buồn sa cánh xuống mấy đáy vực. Ta nhớ mây, ta nhớ gió, ta nhớ cây. Hỡi những cây rừng của núi rừng muôn thuở, vì sao mà chúng con ngàn năm xanh rì như lúc mới dựng cơ đồ ở nơi đây? Lòng ta đối với con người ở giữa khoảng không gian này vẫn còn chứa chan, gửi gắm và giữ gìn, ta nỡ lòng nào mà già yếu. Ta biết rằng ta còn phải khỏe mạnh um tùm cao cả mãi mãi để khỏi phụ đến những lời ký thác của bao thế hệ con người đã đi qua dưới bóng ta đây và thứ nhất là khỏi ngã lòng cái thế hệ con người đang sinh thành trong năm tháng của bây giờ. Hãy mau mau trở về với cuộc đời ta, hỡi mây ơi, hỡi cây ơi! Ta đã cằn dâu mà nhựa sống của ngàn đã cỗi, mà xanh tươi ở đây đã trơ mầu gỗ ải. Ta đã già đâu mà mây trên đầu ta đã rụng. (Núi giơ tay lên đỉnh đầu rồi chỉ tay xuống một dòng sông cạn uốn khúc dưới chân mình).

Sông ơi, hỡi... sông tri kỷ, ... hơi của một dòng còn chờ gì mà không bốc lên khói? Hỡi tạo hóa, hãy nhìn vào nơi lẻ bạn, cô đơn này!

SÔNG (tiến dần ra. Ra đến đâu, nước rụt rè

dâng đến đấy. Rồi vỗ vào chân đá, róc rách khóc)

Núi ơi, non ơi, hãy chuyển cái tâm sự của đá xanh xây thành vào dòng nước cạn dòng này; Mây đi vắng rồi, gió xa khuất rồi, nhưng sông này vẫn chưa là hết. Thiết tha với chốn địa dư này, chẳng riêng gì núi. Núi có biết vì đâu mà sông này cạn?... Hơn một trăm năm rồi, từ lúc những con người ở đây có một gã hoàng đế rước voi vào quấy những rừng của núi thì chẳng ngày đêm nào mà sông tôi không khóc. Nước của dòng đã hết reo. Sông này đã trở nên khan, nước mắt đã vơi hết nước nguồn buồn cho cơ mầu của chốn này. Sông đây bèn bỏ ra khỏi... ưu du nơi bốn đại dương, dứt hẳn lòng trần. Lắm lúc sông này cũng muốn lộn về rủ Núi cùng đi. Nhưng biết rằng Núi còn đeo đẳng với đất địa dư này, còn bịn rịn với nhân loại nơi đây. Sông lại không đành lòng. Sông này bỏ mà đi thì núi cũng đến tương tư mà chết mòn, đứng im sững đấy mà chết khô thôi. Cái chứng cớ rõ rệt là ngàn xanh trên thân núi đã ráo nhựa, cây tươi đã tàn. Cái nhuần nhụy mầu mè núi cũng đã hết luôn cả mây cả gió. Mà rồi bao nhiêu sinh linh ở đây còn bị khổ lụy theo về nỗi ly cách của hai ta. Hai ta không thể sống ngoài sự đoàn tụ được. Núi ơi, từ lúc nãy hãy nhận lấy sự trở về của Sông đây. Và nguyện cùng nhau ở mãi với lịch sử của chốn địa dư này cho

đến lúc sông cạn đá mòn.

Giữa thế kỷ ấy, Sông và Núi kể lể hết nỗi niềm của không gian và thời gian. Đến một lúc cảm động quá, Núi nhắm mắt lại, ứa ra hai dòng thác. Thế rồi Núi ngả vào lòng Sông giống hệt như lối con người gục vào nhau trong giây phút xót xa yêu dấu và ngậm ngùi. Nước sông dâng thêm lên, nấc mãi lên, đỏ như hòa phẩm điều.

Màn II

SÔNG VÀ NÚI ĐỒNG CỎ, THẦN CÁCH MỆNH

Ánh sáng ở màn đầu tím sẫm. Ánh sáng màn này đỏ bừng bừng. Đây là ánh sáng đời Hồng hoàng. Nhiệt độ không khí rất cao. Ở màn đầu không có gió. Đến màn này có thứ gió thời cục dấy lên và thổi từ hậu trường ra, phả lửa ra tốc độ tựa ánh chớp. Mặt những cái gì gọi là đám bằng thính đều dộp cháy như bị đạn cát bắn vào. Dương khí hụt hẫn đi và thế cho chất dương đó, trận cuồng phong tiếp thêm mãi diêm sinh vào. Mọi vật bài trí bay vù vù quanh những tiếng rên

than cúa đồng cỏ đang đau đẻ.

ĐỒNG CỎ (vươn vai ngơ ngác)

Ta thiếp đi từ thuở nào? Ta đầu thai vào đây tự ở đầu mường tượng lại thì hình như Sông thuở ấy, bờ không có ta và lòng không một giọt nước. Và Núi thuở ấy, đỉnh khô không chấm nhọn vào chân mây. Và mình mẩy ta thì không một chỗ nào là thoát được toác nẻ. Chỉ có cằn sơ và khô không khốc. Thiếu một chút nữa thì ta biến chất hóa đá vô tư cũng nên. Ta chưa đến nỗi tan rã ải vụn cất mình bay lên như bụi trong khinh không, vì còn có mồ hôi và hơi thở của loài người nó giữ lại cho ta ít nhiều mầm nhụy. Quanh năm, trên mình ta, chỉ có hò reo và tiếng máu loài người rỏ xuống nghe nhiều như mưa thác của tất cả các mùa thu cổ điển đã qua. Máu đẫm sũng mình ta. Từ khi ta là chốn địa phương này, tính từ lúc cái hỗn mang khai thiên lập địa, chưa bao giờ nhân loại ở đây đổ mồ hôi và rơi máu xuống ta nhiều đến thế. Và giờ đây con người chà đạp lên ta cũng càng nhiều hơn lên nữa. Họ không đi nữa. Họ chạy, chạy để cướp lấy những độ đường, vừa chạy vừa tung vãi máu đỏ lên ta. Thảo mộc trên mình ta đã rầu tối lại theo với máu nóng tung tóe xuống. Còn có tí thực vật nào trên mình ta mà

không bị nhuộm tía. Ôi. ta khát vô độ, ta sốt vô vàn. Ta tương tư cái chất xanh nguyên thủy của ta. (Đồng cỏ nhăn nhó xoa bụng). Lòng ta còn bồng được lên, còn được rào rạt lúc này, cũng là nhờ ở sự tái hợp núi sông. Lòng ta đang muốn trào ra cái mầm xanh của một thứ dị thảo nào đây. Nhớ lại lần nọ ta còn ở Cai Hạ, Cố Tử Ải, ta cũng đã có lần bận vì dở dạ, nhưng ta không đến nỗi vật và và vất vả như lần đeo nặng cái bào thai này. (Đồng cỏ lăn khóc, bao lăn lấy cả sân khấu. Dứt tiếng khóc một lúc, đồng cỏ giơ cao lên một búi cỏ xanh, trìu mến ngắm nghía búi cỏ, thần thái vui vẻ). Thì ra tất cả cái đau sốt của ta là vì chút cỏ xanh này và nó là cái kết thai của Sông... và Núi sau này đoàn tụ. Đợi cho chất xanh đủ sức trưởng thành, ta sẽ thả cái sinh nở này vào dòng mẹ hiền kia, cho nước sông đưa nó về mạn suối đang nhan nhán những con người khát khao cái màu xanh hy vọng. Giờ ta mới nhớ ra. Cỏ này vốn tên là Cỏ Độc Lập. Chất nó ngọt như nước trường sinh, vị nó chữa được bệnh chán đời và già nhuyễn ra, gạn lấy nước mà viết sách thì thứ mực này cầm cự cả với sức tàn phá của thời gian. Ở những lĩnh vực nào mà con người còn biết yêu chuộng tự do và say sưa với công lý nhân ái thì giống cỏ này hay giáng sinh...

(Hậu trường nổi lên nhiều tiếng động. Âm vang của tiếng hò reo lúc xa lúc gần và chốc lại dội mạnh về như tiếng dịch loa. Tiếng súng trận càng nổ nhiều, lửa lóe sáng, nhấp nháy lúc mờ lúc chói. Đồng Cỏ vội ôm búi Cỏ Độc Lập vào lòng, chạy nép vào một góc sân khấu, ngồi đối lập với cái khói lòng núi đang li bì một giấc ngủ keo sơn của kỳ tái ngộ mệt mỏi).

THẦN CÁCH MỆNH (hiện ra, mặt đỏ ửng như khối vàng bị thổi chảy, tiếng vang như sét, mắt sáng tựa chớp, xưng danh)

Ta kết tinh của Bạo Phá. Ta sinh ra và lớn lên từ nơi bất công, bất bình là quê ngoại của ta... Ta là người hỗn loạn. Ta giữ vệ sinh chung cho trái đất bừa bộn những ép gượng, những giả vờ và không hợp lý. Ta là cái chổi quét mạnh vào những thứ nhân nghĩa không khoa học. Ta khai chiến với hiện tại. Ta là Hồng Hài Nhi của cuộc đời rơm cỏ bây giờ. Đối với cái khối của cải bất nghĩa, ta là cốt mìn, ta là bom nguyên tử. Ta đốt, ta quật, ta phá, ta tạo ra tan rã, ta ngự trị lên cuộc đời mâu thuẫn. Ta là lịch sử. Kẻ nào nghịch với ta, ta giết.

(dịu giọng)

Kẻ nào không ngược lại ta, ta đưa vào đời

sống. Ta là Bắc đẩu, là Nam đẩu. Ta có mặt ở quả đất để cắm mốc cho Công Bằng, ta là kết tinh của phá hoại, nhưng cũng là kết tinh luôn thế của kiến thiết. Ta đạp một cái trật tự để xây dựng một nền trật tự. Ta quẳng lửa vào một nền kiến trúc để xây dựng lại trên tàn lụi ấy những lâu đài khác, nó sẽ là nơi châu tuần của đàn ca chứ không là than khóc nữa (bỗng lắng nghe thấy tiếng khóc than của Sông Núi, bèn quát:)

- Sao lũ bây lại khóc? Chúng bây nhân danh điều bất công nào của thế gian mà than vãn giữa cuộc sống đang đi tới này? Bây là chức phận gì ở cuộc sống Việt Nam ta đang tuần du qua đây?

NÚI (bẽn lẽn)

Tôi là khí thiêng muôn đời của chốn địa dư này.

SÔNG (sụt sịt)

Thiếp là cái mạch lịch sử của chốn địa dư này.

ĐỒNG CỎ (không dám ngẩng đầu lên, chỉ ôm bụng nói khẽ)

Tiện thiếp không là gì cả. Tiện thiếp chỉ là một cái mảnh đất cũ hồi sinh gặp được lúc khai hoa nở nhị. Tiếng sinh nở Độc Lập đã xúc phạm

tới ý Thần, tiện thiếp cam chịu lỗi.

THẦN CÁCH MỆNH

Khí thiêng? Mạch lịch sử? Mà lại khóc than? Có nín đi hay không? Lũ các ngươi mà còn than thở nữa thì ta liệt vào đám phản động. Lũ các người tưởng khóc mà làm ra lịch sử à? Lịch sử bây giờ là của lý trí chứ không khi nào là của tình cảm nữa, nghe không? Hai đứa ngươi thông minh, cao to có, dài rộng có, vững vàng, trường cửu, như thế mà thật không bằng lũ người nhỏ bé ở lĩnh vực này. Hai người có biết họ đang làm gì ở quanh các người không? À, họ đang theo ta. Từ mùa thu năm ngoái. Hai người hãy tái sinh vào đời sống, nghĩa là làm theo họ. Để rồi cùng đi tới chỗ muôn năm mùa xuân của Hạnh phúc. Nhớ lấy! (Bống quay sang phía Đồng Cỏ).

Còn như ngươi làm mẹ nuôi của một thứ cỏ báu kia, hãy thu cái tiếng kêu của thai nghén lại; bởi vì có sự sinh thành nào mà chẳng đi đôi với quặn đau. Ta đừng lắng kỹ đã từ lâu rồi. Khóc lóc kể lể cái đau của kỳ sinh nở, chí thêm nhàm. Vả chăng đó là một niềm hân hoan, sao lại không tươi vui, vui lên! Nín đi! Thế! Thế! phải hơn.

Màn III

SÔNG, NÚI, ĐỒNG CỎ, CÔ BÉ, QUYỂN VIỆT NAM SỬ VÀ THẦN CÁCH MỆNH

Sông và Núi ở màn này vui lắm. Sông mặc áo lam. Núi mặc áo xanh. Từ sau hôm tái ngộ, Sông đã nhíu mắt sóng nước để làm duyên; Núi đã trang trọng có mũ ở đầu. Mây đã lộn về đánh đai lấy đính. Cây lá lại xum xuê. Và đặc biệt nhất là sườn núi và nách sông đều mọc ra thứ cỏ mới lạ, vô vàn xanh mượt.

Ở màn này, nên để ý đến những màu xanh, sau cái màu tím thê lương của màn đầu và màu đỏ sát phạt ở màn 2.

Chất xanh của màn này gồm có : áo lam của Sông, áo xanh của núi, mớ tóc mây chấm vai của Cô Bé và tấm chăn đơn màu hoa lý mùa xuân mặc cho cánh đồng mênh mông ngọn Độc Lập Thảo. Cuốn Sử mở cũng màu xanh, bên một ngọn đèn xanh. Giữa cái xã hội xanh rờn bao la ấy, chỉ bật lên có một màu khác, là cái áo phấn hồng hoa đào. Cô Bé chép đúng màu của bình minh tươi hửng.

CÔ BÉ (đọc to những chữ khai bút vừa viết bằng toàn có Độc Lập cấy giồng lên những luống đất cầy xới ở bên sông)

- *Nước Cộng Hòa Việt Nam*
- *Mùa xuân một năm độc lập*

NÚI (vang hưởng theo bập bẹ đánh vần cái niên hiệu gọn đẹp ấy)

Mùa xuân một năm độc lập.

(Gió núi bèn reo mạnh lên mà xô những độc âm này lên ngàn xa xanh).

SÔNG (trôi chảy hơn)

Cộng hòa dân chủ Việt Nam, mùa xuân một năm độc lập.

(Sóng Sông xuân cũng xô theo những vang hưởng này vào hai bờ cỏ Độc Lập mịn màng xao động)

QUYỂN VIỆT NAM SỬ (âu yếm hỏi Bé)

Em chép vào lưng tôi những công tội của Dĩ Vãng và cái Hân Hoan của hiện tại. Rồi thì chép đến cái gắng gỏi trong Vị Lai. Đến bao giờ thì Sử tôi sẽ được nghỉ hở em? Làm việc mãi. Mấy ngàn năm rồi. Có lúc phải mỏi chứ.

CÔ BÉ

Lúc nào mà dân tộc này được hoàn toàn sung sướng thì người sẽ được nghỉ

(Rồi Cô Bé đổi giọng đoan trang và hóm hỉnh cười và nói vào tai Lịch Sử một câu của sách cũ)

Bởi vì chỉ có những dân tộc nào tuyệt đối sung sướng, tuyệt đối thì mới không có chuyện chép! Thì mới không có chép truyện!

ĐỒNG CỎ

Biếu đồng tình không nói gì, chỉ cho nổi những cơn gió đồng nhẹ nhàng làm rung lên cái mênh mông xuân xinh của nội xanh. Cô Bé quên trang sử bỏ dở, lần chạy vui với Đồng Cỏ, miệng ngậm một cuống Độc Lập tháo trắng ngần.

THẦN CÁCH MỆNH rón rén ra, nghiêng ngắm Cô Bé, tặng Cô Bé một cành hoa đỏ, gật gù với khán giả đang hoan hô vang động.

Màn từ từ hạ mà không khép kín.

1946

HẬU THÂN MỘT CHIẾC Ô TÔ

Tặng bác sĩ Ph. Ng. Khuê

Thở hổn hển chui vào gara, hơi nước đầy thân mình, dầu mỡ đầy thân mình và bụi cũng đầy mình. Đốt[1] ta thấy lo ghê lắm. Cái gì mà hằng lũ con người ta ầm ầm phá nhà phá cửa cả ngày cả đêm như thế này? Họ vừa phá vừa reo hò. Đốt ta không hiểu những con người phá gia chi tử ấy có thú cái việc triệt hạ phố xá kia không. Chỉ biết là người ta hăng lắm. Ăn cơm thật sớm, từng tốp một, họ cắt tua nhau, mang xẻng, cuốc, xà beng, thuống, dây thừng đi phá nhà. Rồi cái gì cũng quăng ra đường. Gạch ngói, ván gác, rui kèo thượng lương và cả cửa kính cửa chớp nữa, chất thành đống thành ụ ngay giữa đường. Rồi lại còn có người nhẩy đại lên trên cái đống tiêu thổ ấy mà kêu gọi người ta phá nhà thêm nữa. Người nói chưa đủ, lại còn máy truyền thanh nữa. Đốt ta không còn biết nhìn nhận ra sao nữa. Ơ, mà cả mấy ông công an đứng đấy cũng không chịu can thiệp vào cái hung hăng của bọn người lấy vồ đập nhà gạch nữa thì có lạ không?

---

[1] Dodge: một loại xe vận tải rất khỏe.

Lại còn chỉ vẽ phụ họa thêm vào nữa. Đốt ta nhức đầu. Toàn bộ đầu máy xe, đêm ấy mãi đến khuya mới dịu nguội.

Sớm ngày sau, như lệ thường, ông chủ Đốt lại bắt Đốt chở khách và hàng hóa. Khác mọi lần, bây giờ người ta lại bầy ra nhiều cung cách lạ hơn. Họ lấy tre nứa đan một cái dàn như cái dàn cho bí leo và dàn đó đè nặng trên đầu Đốt. Họ lấy lá tươi cài lên dàn và cài đầy cả mui cả lưng Đốt nữa. Mấy anh bộ đội đi qua cười vang: "Ra hắn cũng ngụy trang như anh em mình!". Đốt cảm thấy mình đang xấu xí hơn ngày trước, và hậm hực chuyển bánh. Đốt muốn nổi điên lên với lũ gạch ngói đầy đường, có chỗ phủ kín cả phố chính và bắt Đốt phải chạy vòng dôi ra thêm bao nhiêu thước đường, trước khi ra khỏi tỉnh. Đến bây giờ Đốt mới để ý đến hành khách. Họ không vui đùa, pha trò tục tĩu trong xe như ngày xưa. Họ có vẻ lo lắng trong im lặng. Và dọc đường Đốt thấy những người đi bộ ai cũng có vẻ đăm chiêu nhớ thương một cái gì ghê gớm lắm. Có người lại khóc nữa. Vừa đi từng bước một trên đường dài mà khóc. Có những bà già gánh nặng, một đầu là đứa cháu nhỏ, một đầu là cái ngai thờ ông vải sơn son. Hình như Đốt thấy mình xúc cảm mạnh với một thứ thống khổ ngậm ngùi gì đang bốc lên khói mặt các nẻo

đường. Gặp cái ổ gà, Đốt nấc mạnh và cái két nước ở đầu Đốt trào mạnh ra một dòng nước. Rồi chệch choạc ỳ à ỳ ạch, Đốt rất đãng trí, không đam mê với đường cái nữa. Ông chủ xe tha hồ mà chửi rủa, Đốt cũng không chịu chạy nhanh hơn. Có chuyến Đốt ỳ ra đấy, ra gan, ra ruột rồi cáo ốm trong ga-ra. Đốt thụ bệnh thật, toàn thân dãO mỏi và thần kinh thôi tắc sai khớp một vài chỗ.

Đốt dưỡng bệnh không yên. Ngoài những tiếng vồ nện vào tường nhà và tiếng ầm ầm của nhà gạch đổ xuống như tiếng sóng thủy triều vấp bờ, mấy hôm nay lại còn thêm tiếng reo hò phá thành nhà vua nữa. A, đến cái việc phá thành này thì Đốt chắc chắn thấy những đoàn dân quân đó là vui sướng ra mặt, phá không tiếc tay thật. Họ đi phá không công, đem cơm nắm muối vừng đi từ huyện mình lên tỉnh phá thành nhà vua, vừa phá vừa hát, đông như hội chợ. Trong đời sống quá máy móc của Đốt, Đốt ta không thể nào hiểu được cái vui của dân quân áo nâu hưởng ứng lời kêu gọi phá hoại thành tỉnh.

*

* *

Buổi sớm một ngày xuân 1947, có một tiếng nổ long trời, làm Đốt choàng dậy. Đốt nằm nghe lóng, biết rằng người ta phá cầu Hàm Rồng, cầu gục sấp mặt xuống lòng sông Mã. Đốt hơi buồn. Thôi, thế là từ bây giờ, Đốt không còn dịp biểu diễn nghệ thuật tốc hành trên cầu dài thẳng và ngắm bóng mình vun vút trên gương sông nữa. Nhưng cái điều làm cho Đốt buồn hơn nữa trong một ngày ấy là cái tin có một chiếc xe ở ngoài vào, chỉ đến chậm có mấy phút mà không sang sông kịp vì cầu sập. Sau người ta phải tháo xe ra từng bộ phận, chuyển dần qua đò ngang đưa về tỉnh. Đã nhục nhã chưa! Vậy từ nay, Đốt tan hẳn cái mộng trở về đất Bắc. Nằm lâu càng buồn bực, Đốt đã khắc phục bệnh, máy móc trong người lại kêu ròn tan và Đốt đã vui vẻ chở cả một xe bò bồ bịch ăm ắp những văn thư một cơn quan chuyển lên vùng rừng. Chuyên chở giấy má cho Chính phủ được thêm vài chuyến nữa thì nhiều đoạn đường nhựa đã bị cắt nát. Đốt lại được đổi hướng vận tải. Trong khu vực tỉnh to rộng này, còn khối là đường dọc, đường ngang. Không lăn mình trên đường nhựa nữa, thì lăn trên đường đá chứ sao! Nhưng mà muốn tự an ủi gì thì gì, chứ cuộc đời của Đốt đang xuống dần. Đốt nhớ lại một lần cuối cùng những thân đường phẳng phiu rải nhựa bóng loáng, không vướng một tấc cỏ nó đỡ, nó đưa Đốt phăm phăm đến những chỗ trước tầm

mắt của một sự đi tới, tiến tới không ngừng trong không gian. Những thứ đường quý đẹp ấy, Ủy ban kháng chiến đã cho đánh dấu vôi từng khúc để dân quân đòi cắt, đánh dấu vôi từng lô có hình chữ thập ác có hình tròn, đánh dấu bằng con số. Thế là mất lai vãng. Cảm thấy mình đã trở nên một nỗi niềm biệt xứ đối với đường nhựa quốc lộ, Đốt gầm lên.

Mưa phùn rơi miên man trên buồn tiếc của Đốt, rơi miên man trên những con đường hàng tỉnh. Nhiều chỗ đã lầy trơn. Giờ Đốt đánh bạn vơi đường đá, - và đau đớn quá! - Lại cả với đường đất thịt nữa. Một thời oanh liệt của Đốt đến đây là hết. Còn đâu những ngày, những đêm vượt đèo bằng dốc núi 15 độ, còn đâu những kỷ lục vận tải nặng nuốt gần 100 cây số một giờ, bánh sau lắp những hai lốp công pho! Phong trần ngày nay trên đất thịt cho nó bõ với cái phong lưu trên đường nhựa, "thuộc địa số một" chăng!

Bữa đực, bữa cái, tùy theo Liên đoàn Vận tải cắt tua cho chạy hay báo nghỉ, Đốt nặng nề miễn cưỡng đưa khách quê đi trên những đoạn đường ngắn. Vậy mà vẫn chưa yên. Đốt lại còn bị thương nữa. Hai con Pít-phay quần Đốt một lần tý chết và lưng Đốt rỗ chằng rỗ chịt vì mấy băng đạn. Được một năm rưỡi giời kháng chiến. Cái

máy kia cũng muốn lũ người ở xứ này chóng xong giặc giã, chóng thành độc lập để rồi đường sá toàn quốc chóng nối lại và Đốt sẽ có dịp thực hiện lại những khả năng lưu động của mình trong tốc lực, hắn đi chứ lại. Đánh nhau mãi rồi cũng phải có ngày thái bình hoặc là - cùng giá đi nữa - phải tạm yên để dựng lại kiểu lương đạo lộ, chứ không thì Đốt chết đi ở những vùng nhà quê lạc hậu này ấy à! Nhưng mà này, khoan đã chú Đốt. Sự đọa lạc của chú còn xuống thêm một tầng nữa. Những con người kháng chiến còn buộc Đốt ta phải chịu một thử thách lớn nữa. Đường đá, đường đất bây giờ cũng cắt. Quyết nghị vừa rồi của Ủy ban kháng chiến khu đã định như thế. Cắt hết, cắt tất cả những con đường dùng xe bốn bánh được. Cái đầu máy chiếc xe nào dốt nát tỏ ý không tán thành thì mọc cánh lên, bay vào các vùng tạm chiếm đóng mà biểu diễn sức nhanh, sức khỏe với giặc. Chứ còn ở đất tự do này thì phải nhận lấy tình trạng cắt đường, Đốt biết nghĩ thế nào!

Một ngày cuối năm ta, dân quân các địa phương có đường lớn chạy qua đã túc trực sẵn bên đường, lưng dắt kiếm và đùm cơm nắm, tay cầm cuốc xẻng và phụ nữ thì quang gánh rổ thúng. Họ tập họp ở những đoạn đường gần cầu bê tông và thứ nhất là những đoạn đường quẹo.

Họ đợi giờ để cậy tung, đập nát những đoạn đường đã có dấu vôi của tiểu ban phá hoại ghi xuống trắng lôm lốp. Đốt đứng chờ ông chủ ở một ngã tư đông đúc hàng quán. Rất nhiều người xúm quanh Đốt. Đốt cảm thấy mình đang được tế sống. Một ông công an tính bèn giở sổ tay biên số xe Đốt - chẳng khác gì một sự vào sổ khai tử - và nói với cái ngã tư đông nghịt: "Quái, chủ xe đâu chưa ra mà đi gửi xe đi. Tám giờ là tổng cắt đường rồi". Thế nghĩa là bây giờ Đốt đi trốn. Đốt ở vào một tình trạng túng đất chạy liều. Đốt chưa biết người ta sẽ gửi mình vào đâu. Nhưng Đốt chắc chắn hiểu rằng lần này là lần nổ máy cuối cùng, và từ đây vĩnh biệt với đường sá, cầu cống và những ngã ba, ngã tư của cuộc đời.

Ông chủ xe đã về quay máy, thân chinh đưa Đốt lên đường, lên con đường phát vãng chung thân. Ở một vài quãng, cuốc chim dân quân đã bắt đầu mổ xuống thân đường. Cuộc tiêu thổ đang ra phép rút đất sau lưng Đốt. Một chị tiếp tế ngừng gánh đất bảo Đốt: "Chỉ chậm một tí nữa là tắc nghẽn đấy mày ạ!". Một quả mìn xa xa, sau lưng Đốt vừa vang nổ gãy cái cầu ban nãy. Đốt chạy quanh, máy nổ vui đều ròn rã như những buổi sớm cao xế ở tỉnh lỵ ngái ngủ trong buổi thanh bình thị trấn xưa. Cái kiểu ngọn đèn sắp tắt ấy mà ! Nhìn những bộ hành hai ven

đường, Đốt thấy nhớ nhớ luyến tiếc và tỏ vẻ hối hận nghĩ lại cái lúc xưa mình đã biết bao khinh bỉ vô lý những con người quê mùa này, vứt cát bụi vào mặt họ và khúng bố nhạo báng họ. Đốt bị rẽ ngoặt vào một bãi tha ma sát lũy tre làng quê ngoại ông chủ. Ngay ngày hôm ấy, người nhà ông chủ phá phách chia rời Đốt ra từng bộ phận. Họ tháo bốn bánh, dỡ mui, cậy nệm, tháo đầu máy đem vào trong làng. Còi tháo, cả đôi đèn cũng tháo. Trên bãi tha ma, Đốt là một cái xác mù nhìn chõ ra những luồng bụi lọc trên con đường vụn rời trước mắt. Cốt sắt khung Đốt gỉ dần. Trâu bò thả trên mộ, tưởng Đốt là bụi duối khô, ngày ngày cọ sừng ngứa vào đấy. Mưa rơi của mùa, đối với Đốt tàn phế, mỗi ngày lại nhại mãi cái điệp khúc cũ mòi một điệu thơ rầu.

*
* *

Hồi này phi cơ địch vẫn bay đều đều trên không phận tự do, đúng trên đầu Đốt! Đốt bình thản mặc kệ. Còn có gì nữa mà chạy! Nhưng mà những hồi kẻng báo động nổi lên trong làng làm cho Đốt để tâm nhiều lắm. Lòng Đốt nao nao nóng ruột mỗi lần nghe kẻng đổ hồi. Mãi sau

Đốt mới hiểu ra rằng dân trong làng đã lấy một cái vành bằng sắt ở Đốt làm kẻng báo động treo ngay đầu đình. Thảo nào mà Đốt chẳng động lòng. Về những ngày sau này, Đốt nghe những tiếng vành bánh nổi lên, lại còn thấy vui là khác nữa. Ngoài những lúc báo động bất thường, lớp huấn luyện văn hóa mở ở đây, hai buổi gõ kẻng điểm thời khóa biểu cho học sinh. Lớp văn hóa bế mạc thì đến Đảng Dân chủ dạy chính trị cho cán bộ cấp dưới. Và vui nhất là khóa dân quân của các huyện đội bộ cũng mở tiếp ngay ở cái đình trở nên có truyền thống giáo dục.

Nhưng gần đây, óc Đốt không bị vương vấn ở bãi tha ma với đám tàn cốt mình đã gỉ mòn trên cỏ dại. Bây giờ Đốt đã được trọng dụng một cách thích hợp với với tài năng mình. Giờ Đốt là một chiếc ca nô rất khỏe, rất đẹp, rất nhanh chạy trên sông nối địa đầu hai liên khu 3 và 4. Trông oách lắm và rõ ràng là thích ứng kịp với thời đại mình. Có người doanh nghiệp đã mua đầu máy Đốt với giá hai vạn, thêm ba vạn phụ tùng nữa và hạ thủy Đốt ở bờ sông Mã. Đốt lại nghe mình nổ đều đều ròn tan trên sông, rẽ nước ra làm hai mà lướt chạy, lướt ngang qua cái xác cầu Hàm Rồng còn ngoi lên một mẩu gỉ han. Ra Đốt vẫn lại đè lên cầu mà vun vút như ngày nào vậy.

Chiều hôm nhuộm sẫm dần trên mặt nước.

Thủy thủ ca-nô bắt đầu chiếu đèn pha, quét đi quét lại khúc sông quanh co. Bao lâu nay, Đốt ta là một người chột cả hai mắt, nay vừa làm bạn với con sông lớn, đồng tử Đốt lại lóe chiếu hào quang. Đốt thích quá, càng rú mạnh máy lướt qua bọn thuyền bè tối om. Đuôi Đốt trắng xóa một dải bọt nước xốp sải dài mãi ra giữa dòng quạnh vắng. Tiếng còi ca-nô rền vang trên mặt nước, đưa cái dư âm của vận tải cơ khí vào mãi những làng xa hai ven bờ. Đốt cảm ơm thầm người nhì xế luôn tay nối hiệu còi điện sao vui tai đến thế! Đốt nóng lòng nóng ruột quá tưởng chừng ở ngoài khu 3 kia, đang có nhiều người nhắc nhở luôn miệng đến mình lắm. Sự thực chỉ vì người ta đang cho thêm than quạt lò tăng tốc lực cho Đốt. Đốt phăng phăng rẽ đôi dòng sông rộng, lướt qua Ngã Ba Bông, Đốt vừa đuổi kịp một ca-nô rời bến Hàm Rồng ban nãy trước Đốt những mười lăm phút. Đốt vượt một bạn đồng nghiệp, rồi hai bạn, rồi cả chiếc ca-nô thứ ba nữa. Tất cả đều tụt lại sau hết. Mỗi lúc Đốt vượt một chiếc, đám thủy thủ bên ca-nô kia lại kêu vang lên: "Ai chả biết bên ấy là máy Đốt nhiều mã lực. Nhắng thế! Đấy chúng tôi xin nhường bác Đốt làm bực tiền phong ra Bắc trước cả mọi anh em đấy". Chẳng nhường mà xong à! Nỗi hả hê của Đốt phơi mạnh tung tóe khắp mặt sông

và kia, đã tới bến Đò Lèn rồi. Vừa vứt xong chiếc cầu tầu vào mép bến là Đốt đã tối cả mặt mày lại. Đếm thế nào cho hết bóng người cứ túa mãi vào lòng ca nô. Mà cái bụng Đốt kể cũng đã rộng rãi. Bao nhiêu là người bán quà rong, bao nhiêu là hành khách, bao nhiêu là công an trật tự. Đốt cảm thấy đời sống nội tâm mình dào dạt triền miên, Đốt thấy cả thân mình ấm hẳn lên, mặc dầu đã tắt máy một lúc lâu. Bây giờ Đốt mới biết thưởng thức đến cái ấm áp của hơi thở con người, sau bao nhiêu ngày bị đày ải vào cảnh đơn chiếc một góc đình làng đã xa tụt lại thuở dĩ vãng nào rồi. Đốt vụt nhớ đến cái câu reo mừng của một hành khách - ý chừng là một cán bộ cơ quan tỉnh tại vùng thượng du Thanh Hóa đã lâu ngày - thốt lên lúc Đốt nhả bến Hàm Rồng: "Hà hà, lâu lắm mới được cưỡi lên máy móc mà đi công tác. Thú quá, mùi dầu máy của khoa học! Đêm nay đành thức mà chơi đèn điện ca-nô mới được. Giá ở chỗ mình làm việc, đêm đêm cứ có một bóng điện tí xíu này cũng đủ chất tươi lắm rồi!". Tội nghiệp quá và cũng dễ thương quá, cái thèm thuồng đáng yêu kia. Đốt hởi dạ ngay từ phút ấy, mấy bóng điện con rừng rực đưa sinh tố vào đôi mắt đói tia sáng.

Hết sông cái, Đốt rẽ vào sông con. Lòng sông

con hẹp lắm. Đốt càng tỉnh táo. Biết mình phải thức suốt đêm nay mà làm không ngừng một giây phút, Đốt vui như thường. Bao lâu nay ngủ mãi, ngủ đã trệ cả thân hình ra rồi còn gì nữa. Đốt giao việc sông nước đêm ấy cho người cầm lái. Đốt thao láo đôi mắt điện mà suy tưởng về nỗi niềm thân thế mình từ nay, không những là thích ứng kịp với nhu cầu của tiêu thổ, không những hợp với khả năng chuyển động của mình mà lại còn có địa vị xứng đáng trong cơ khí nữa. Cả đêm sóng nước lào rào bọt tan. Đốt lủng củng mãi. Đốt bèn nảy ra cái ý kiến là đi duyệt qua đám hành khách. Đốt chia hành khách ra làm hai hạng: đi buôn và đi công tác. Họ muốn mặc thứ áo gì, Đốt cũng không nhầm. Có anh buôn lậu mặc bờ-lu-dông Mỹ ngồi chỗ sáng sủa nhất kia, có anh cán bộ phòng chính trị liên khu mặc giả quần áo lụa nâu như lái thuốc lào Vĩnh Bảo ngồi củ mỉ cù mì ở góc kia; Đốt không nhầm tí nào về quần áo bên ngoài Đốt đều biết rõ hết cứ như là đọc rõ hai ba chứng minh thư, giấy thông hành của người ta. Đốt tài như thế là phải lắm; bao nhiêu từng trải của Đốt ở trên khắp các nẻo đường đất nước, người ta định vứt đi đâu? Duyệt xong một lượt, Đốt thấy số hành khách cán bộ đi công tác ít hơn là bọn đi buôn lậu. Đốt có ý

không hài lòng. Giá mai kia Liên đoàn vận tải tổ chức sự giao thông, Đốt chỉ phải chở riêng những người công tác, giả tiền vé bằng những tấm phiếu đi bông thì Đốt hãnh diện hơn. Chuyến ca-nô sẽ có trật tự, sạch sẽ và đằm thắm hơn. Cái đám con buôn lậu bặng nhặng quá và chí chóe tranh giành chỗ ngồi chỗ nằm suốt đêm...

Đốt ngừng lâu trước một chị đậm người cắt tóc ngắn ôm khư khư một cái túi con có dấu Hồng Thập tự. Đốt ngắm nghía, nhận được cái ba lô và cái túi con cạnh chị phụ nữ kia đều làm bằng thứ bạt lợp mui của mình ngày nọ, mấy vết dầu máy xe còn nguyên. Được lắm! Và kỳ ngộ đến thế này là cùng: cái đôi dép cao su của cậu học sinh Trung học chuyên khoa đi tựu trường kia lại đúng là lốp và săm của Đốt cắt ra! Đốt cảm động quá muốn khóc. Đôi đèn pha đầu mũi ca-nô, nhấp nháy mấy cái. Thân thế tan lìa, Đốt có nghĩ đâu là lại có sự đoàn tụ quy về một mối, trong cái đêm đầu Đốt hạ thủy này. Đường cắt phá hết, những cái bánh xe tiền thân mình, vậy mà vẫn còn có chỗ để giúp đời, đỡ đôi gót chân đỏ như son của người thanh niên du lịch chuẩn bị sức kiến thiết cho những ngày xây dựng sắp tới! Thì ra lúc tập trung lại thành một cỗ xe, Đốt chỉ

phục vụ có một thứ người. Nay phân tán đi, cái bản thân của Đốt lại còn phụng sự được nhiều người hơn, Đốt khoái quá, còi bi bom vang dòng sông con, đèn sáng lóa, lò máy than hồng ửa lên như vàng thối chẩy. Trong ca-nô, mấy hành khách đang say đắm với câu chuyện dựng nước trong tương lai. "Chiến thắng tuyên bố xong một cái là chỉ trong năm hôm, con đường quốc lộ số 1 sẽ sửa sang cho xe ô tô chạy ngay từ Hà Nội vào Sài Gòn. Cứ công điện đánh cho dân quân địa phương hai vệ quốc lộ ra mà sửa đường, nhất tề vùng nào nấn đắp ngay đoạn đường vùng ấy thì mấy mà chẳng xong! Cái ông Giao thông công chính nói là năm hôm, chứ tôi tưởng lúc ấy càng thi đua mạnh thì chẳng đến đâu. Lại không chỉ ba ngày thôi là phẳng phiu tất cả ấy à!" A đến cái ngày ấy thì Đốt sẽ làm gì? Lại nhảy lên bộ, chở hành khách chở hàng chở người hồi cư chiếm lại các đô thị chiếm đóng xưa chăng? Cũng có thể lắm. Nhưng Đốt lại thấy rằng con đường thủy nối địa đầu hai liên khu 3 và 4 này cũng còn phải dùng trong một thời gian khá lâu. Đốt làm bạn với sông nước còn lâu dài. Và ở thủy mãi cũng được hay lên bộ ngay cũng được. Cái ngày vinh quang đó, chỉ sợ là không còn có mặt ở đời sống nữa thì thôi không nói làm gì,

chứ đã có ít nhiều tài đức thì khối chỗ dùng và tha hồ mà thi thố!

Chuyến cao xế này, từ chiều hôm qua Đốt chưa pan một phút nào, máy nổ đều, ru ngú hành khách. Gió sớm thổi nhạt tia sao Mai thì chiếc cầu Giáng Nại khu 3 đã hiện rõ trước mũi, Đốt chưa thấy mỏi tí nào.

Chợ Viên, Kẽm Trống cuối 1948

ĐƯỜNG VUI [*]

(Tùy bút)

Gởi Giang và cháu Dũng - hai độc giả trong *Ngày tới*

[*] Hội Văn nghệ Việt Nam - 1949

ĐƯỜNG VUI

Sau Toàn quốc kháng chiến, trong vô số hình ảnh quanh ta thì hình ảnh con đường, những con đường đập mạnh vào mắt ta tâm óc ta nhiều nhất. Con đường đã là một sự. Con đường quốc lộ chiến sự, con đường tản cư của dân chúng tìm an toàn khu, và những con đường mật lộ giao thông với các nước láng giềng. Sau lưng người cán bộ là ngày xưa của lịch sử, trước măt người bộ hành có thái độ là cái tương lai chờ mong tưng bừng. Hơn cả mái nhà, cả bếp lửa yên ấm của tiền chiến tranh, con đường bây giờ là trọng tâm của tính tình của suy tưởng chúng ta. Con đường - đường đê, đường máng, đường ruộng, đường núi và thứ nhất là những đường tắt lối mòn, - đã là bao trang nhật ký thấm thía chúng ta gởi xuống đấy những biến chuyển hàng ngày của tâm hồn xứ sở. Dưới ánh sáng tàn nhẫn của chiến dịch liên tiếp, con đường trắng bị thái cắt chặt chém kia nhắc đến những trang giấy bị vò nhầu run rẩy cho cảm tưởng của quê hương đổi đời. Ôi, những con đường tàn phế kia, giá chúng nói được lên những ý nghĩ của bao bộ hành đã ghi xuống lòng chúng lúc lưu động, giá tất cả đường ngang lối tắt đều phát biểu trả lại được những chờ mong quằn quại chúng mang giữ bấy nay, thì còn có thứ tài liệu nào phong phú tinh vi hơn cho người

chép truyện của một thời! Những con đường ấy sẽ biết bao thành thực đậm đà. Bởi vì trong xê dịch trong lưu động ngày nay, khách đi đường đã trực tiếp thông cảm với mọi đường xa nỗi gần của hướng đi. Tiêu thổ phá hoại diệt hộ chúng ta nhiều máy móc vận tải nó thường làm lệch chân giá của hai bàn chân. Sự trung gian của cơ khí đã đánh giá quá cao hoặc quá thấp cái tương quan đối chỗ giữa bộ hành với thiên nhiên.

Giữa người bộ hành 1948 và con đường xa thẳm của kháng chiến năm thứ ba, chúng ta đã thủ tiêu được một thứ mại bản: máy vận tải. Và mỗi bước đi của chúng ta đã được đặt lại theo giá trị của vận dụng cơ thể mình. Ta đẩy ta đi trong không thời gian do năng lực riêng của mỗi ta. Ta tận hưởng những cây số mỗi ngày một thêm vào cái vốn công tác đường trường. Đã có bao nhiêu lần tôi vui với con đường! Trên con đường, trên những con đường khu trong và khu ngoài, tôi đã vui, cố gắng, lấy lại tìm lại sức khỏe. Tôi tin con đường. Sức khỏe của tâm óc nhân mãi lên theo với những cây số. Chưa khi nào chúng ta biết quý sức khỏe như bây giờ. Đi bộ thành một môn thể thao của công dân rất có lợi cho sự kiện toàn tâm óc kháng chiến. Đi, là một môn thuốc chữa bệnh hoài nghi. Và đau ốm, giờ là một tội, tội cho riêng mình và tội với quanh mình. Yếu là một điều lỗi. Bác sĩ và thuốc men, hãy để dành cho những người cần hơn ta: những măng nhi

đồng đang lớn lên, những người mẹ sắp khai hoa, những anh thương binh của phòng mổ của an dưỡng đường. Mưa sương gió nắng trên đường xa, đèo độc dốc nghèo là những cơ hội để chúng ta khắc phục thủy thổ địa lý. Sự trác tán hình hài, giờ lại cũng không ngoài việc đi bộ. Nếu không cần đi miết cho kịp ngày giờ của buổi khai hội, nếu chưa cần tới ngay một địa điểm nào, tội gì mà đi quá bốn mươi cây số một ngày. Ai muốn đi cho xa, hãy khá dè dặt sức ngựa. Thứ nhất ngựa đây lại vẫn chỉ là mình, mình cưỡi lên mình mà trườn qua núi sông đẫm mùi thuốc súng. Dọc đường hãy đề phòng để mà từ chối nhiều cám dỗ của hàng quán phố phường. Nhiều đồ vật phơi bày giữa cảnh nhem nhuốc khói lửa chiến sự, đã chẹp kéo ta bỏ chúng vào bị, vào túi vào ba lô. Nhưng hãy coi chừng, hỡi anh bạn định đi nhiều đi lâu! Chẳng cần lâu đâu chỉ một quãng đường nữa thôi, mấy thước vải phin, mấy mẩu xà phòng, và vài cái chế tạo phẩm lặt vặt xanh đỏ nhấp nhánh kia sẽ cho ta thấy rõ cái liên lụy của đèo bòng. Trên mỗi thước đường trường, rồi chúng sẽ đè lên thịt ta gò cật ta xuống, thít mạnh vào giò ta. Như một người đàn bà ưa yên nghỉ, chúng sẽ buộc ta bỏ neo ta ở một cái trạm dở dang nào trên quốc lộ để ta phải nằm lại mà nhìn những bạn đồng hành ca hát lên đường tiếp. Đối với sách quý mở trang trên quãng nghỉ, chúng ta rất nên dè dặt nghiêm

khắc với nỗi đa mang. Đọc xong, nhẩm lấy, thế thôi không nên quá gắn bó với "thánh hiền", đưa các bậc ấy lên lưng đem theo các bạn ấy vào ngày giờ di chuyển của mình. Một cuốn sách giấy gờ-lát-xê còn nặng gấp mấy cái thai trong bụng người mẹ tản cư. Cuốn sách nói nhiều nhất, thực tế nhất vẫn là những mẩu chuyện nhỏ của người bạn ta bắt gặp trên con đường, thốt lên giữa hai ngụm nước bốc khói thuốc lào. Rồi cho nhau một mẩu dây buộc, vài viên thuốc phòng thân, một mảnh báo cũ, một nụ cười tin yêu. Những kinh nghiệm bản thân sốt dẻo của người bạn ngược đường ấy truyền thêm điện vào chân ta tâm ta. Và cái người bạn đường trung thành với mình đổi chỗ qua suối dọc núi trọc vẫn là đôi dép cũ. Đôi dép cao su cũ ấy đã thuộc rõ cả tật cả nết mười ngón chân ta ít làm cho ta đau khổ như những đôi dép mới sắm, còn lạ hơi lạ bước của mình. Nhưng mà đã có người lo xa tập xéo lấm dẫm gai dẫm sỏi. Đến một chặng trường kỳ nào đấy, dép rồi cũng có khi thiếu. Xéo lấm trên cỏ rừng cỏ nội ta thấy bàn chân thật thà hơn.

Những bài học lớn, ngày nay lấy những quãng đường lấy những ngã ba ngã tư lộ liễu làm nơi giảng đường. Cứ đi ra ngoài đi, rồi sẽ gặp bao nhiêu là thầy bao nhiêu là bạn. Sức mạnh của đất nước luôn luôn hiện hình trên từng tấc gang đường xa. Đường cái là nơi gặp gỡ, là chỗ hẹn hò. Trên đường dài chúng ta sẽ gặp cái đau khổ

lớn của hiện tại đang thai nghén cho cái sáng tươi ngày tới. Bạn ơi, ta lên dốc cho chắc bước cho đều bước, ta xuống dốc cho ròn cho dẻo. Rừng mai rừng trúc, chậm lại mà thấm lấy phong quang của cảnh sắc quê hương. Chỗ nào là núi đất rừng nứa, ta nhanh bước lên, muỗi vắt nhiều lắm đấy. Suối trong mời ta tắm vò giặt luôn quần áo trên những tảng đá của tranh thủy mặc Tàu. Rồi vừa đi vừa phơi luôn quần áo trên lưng mình trên đầu mình, ta hãy dành một phút mà mặc niệm người thợ giặt cũ. Hà hà, cái nón lá cổ điển ấy của dân chúng đã giúp mình được nhiều việc hơn là cái mũ Tây phương. Và bây giờ ta mới thấy, cái va ly da vuông vắn xinh đẹp tượng trưng cho du lịch tối tân, cái va ly ấy đã trở nên một sự lạc hậu trong cảnh riêng biệt của hiện tại. Cuộc sống phân tán luôn luôn đổi chỗ lại còn tước khỏi đời chúng ta những cái tủ đứng bằng gỗ và theo cái tủ, chúng ta cũng rũ luôn đi bao nhiêu là thứ tình cảm bít khóa ẩm mốc tủn mủn. Người bộ hành trở nên hồn nhiên, nhiều khi tìm hạnh phúc ở một miếng đường phèn, một quả trừng tươi, một trái cà chua sống, một tấm bánh lá, một dúm muối trắng. Ăn cho đủ, ngủ cho đều. Mỗi buổi sáng ta cần phải đoái hoài đến bãi phân vàng dẻo của ta trên áng nhung cỏ sương và dọc đường, luôn luôn kiểm thảo cái dòng nước tiểu mình xem nó có ngả mầu quinacrine không? Vui biết bao nhiêu, khi mình dừng bước vào một

buổi sớm phiên chợ. Người, hơi người, tiếng người. Cứ đông người là đủ thích rồi. No mắt, no tai, no ngón tay. Bỏ lại sau mình cái màu nâu của khu xuôi bây giờ chúng ta hể hả với những màu lam thâm thúy đon đả của áo quần Việt Bắc. Cái tai lôi thôi quen tính được sung sướng với những thanh âm của một từ ngữ ngây thơ bật vang lên giữa một cái chợ xanh um chập chững trong mấy khóm thung lũng.

Đi, bao giờ cũng vui.

Chỉ những lúc ngừng mới là hết thú. Những buổi đằng đẵng ngóng anh giao thông khi mình phải bắt liên lạc ngang, ngồi nhìn mưa rừng mà nhổ từng cánh cỏ may ống quần, biết để vào dâu cho hết nỗi bồn chồn! Trên lối mòn ngoặt vào nẻo rừng già, xa hút một giọng chim Bắt Cô Trói Cột.

Ba Bể - Kheo Khao,
một mùa hè Kháng Chiến

THĂNG LONG PHI CHIẾN ĐỊA

"Thăng Long phi chiến địa". Không hiểu câu sấm này của tiên tri nào? Viết ra thành mặt con chữ Hán thì viết chữ "phi" nào cho khỏi bị lỗi ám tả.

Đánh đai lấy nội thành ngụt khói và vang lên tiếng thần công cốt mìn, hoa ở ngoại thành nở tung. Từng mẫu cúc đại đóa. Từng khu lay dơn ba bốn sào liền. Đứng xa, chỉ tay vào những miếng mùi xoa màu nhạt ấy lung linh dưới gió nồm, một anh tự vệ cười: "Hoa này là hoa bẫy. Chúng nó quen chơi hoa ở thuộc địa. Thế nào trông thấy chả mò ra hái. Để rồi gài vào đây ít bom 25 cân mà giật thì ăn chắc, anh ạ". Tự nhiên, chân tôi đã lánh xa những sào hoa mãn khai của kế mỹ nhân.

Cánh đồng mùa khô sáng, điểm hằng hà sa số những đốm lơ màu như áo quần ngày hội Thanh minh. Người thủ đô hòa vào đồng quê.

Đất nghìn năm văn vật, mãi cho đến ngày toàn diện kháng chiến này, mới tiệt được gần hết lũ chó. Hàng nước nào cũng thành ra "quán Biên thùy" mặt hàng ngổn ngang dồi, chả, tiết canh chó. Kính trọng sự đi về của du kích cần

phải được kín tiếng khi lưu động, người dân đã vui vẻ hóa kiếp gia súc này. Một tửu đồ, hỏi chủ quán già:

- Lẫn thịt chó Tây không đấy?

- Thưa anh, làm gì có chó Tây. Gầy và tanh lắm. Nhai, lộn mửa mất. Cái giống Tây Đầm, cá người lẫn vật, ra đều hôi như nhau cả.

Dưới dòng Nhuệ Giang, Tô Lịch, mui đò ngang đò dọc đều phủ lá kín cũng như trên mọi ngả đường, bao nhiêu xe hơi cũng đều phủ lá phủ cành xanh cả.

Nhiều tré con, trong những cây lưu động ấy ở trên thủy, cả ở trên bộ, lấy làm thú vị lắm, cười đùa gần như không biết gì đến cái đau khổ của loạn lìa đang khuôn vào những chiếc thoi xanh tản cư đài tải kia. Tôi muốn ôm những nụ tươi hồn nhiên ấy vào lòng, mà thủ thỉ: "Rồi mai đây, trường kỳ kháng chiến sẽ lấy mất của các em những cái gì là thân nhất của ấu thơ. Các em - rất có thể lắm - sẽ trở nên mồ côi cả cha lẫn mẹ. Mất cha mẹ anh em nhưng không nô lệ và rồi các Em sẽ được trưởng thành trong Độc lập của dân tộc".

Giăng tháng chạp trong sáng như đêm hè nóng. Đây là một nỗi buồn không có dính líu gì đến thi nhân. Lặng lẽ bên chướng lũy, người

chiến sĩ bực bội lấy cái lưỡi lê đâm vào mặt giăng in rõ nơi vũng nước tù trong đáy hầm đào. Sáng như ban ngày thế này thì tập kích tấn công gì! Trời hãy xấu đi, hãy đừng đẹp như thế nữa, hãy u ám đi và mưa phùn nhiều vào. Đấy là kinh cầu nguyện đêm này của tất cả chung quanh đó. Bao giờ tiêu diệt hết lũ giặc rồi thì hãy vằng vặc, Nguyệt ạ.

Các làng phụ cận đường cái đua nhau cổi trần mà tập sự. Dưới giăng tỏ, lớp mồ hôi dân cày bóng loáng và những lần da cương quyết ấy đã tái bóng như thép lạnh. Dao năm, dao bảy, quắm và mã tấu vung lên, tròn như hoa chanh. Rồi âm âm tiếng hát những khúc hành quân của thời đại. Lũ lượt gồng gánh, những khối đen đặc ấy trườn vào tận trong Hà Nội. Các anh ấy, cầm xẻng, cuốc, các chị ấy gánh cơm nắm nước lọ đi theo sau. Sao Mai nhạt, lặn chấm dứt những công tác phá hoại. Cả cái làng lấm láp nhọ nhem ấy lại rút ra để đêm sau đó, đến lượt dân làng khác được cắt phiên tiếp tục những việc của công binh. "Tết năm nay tha hồ mà ăn bánh chưng nhân thịt giặc. Béo hơn thịt lợn đấy nhá. Cố mà gói cho nó rõ hẳn tám góc chiếc bánh ra nhá". Họ cười vang.

Đường các khu phố nội thành cứ như bị vằm. Trên cái vụn của cuội, đá, đất quện với nhựa

đường bị nát như thịt băm viên đánh đống từng dãy, những thân cột đèn gục xuống như than tiếc cho hoa lệ cũ. Các cột bê tông của đèn điện, điện thoại, bắt tay nhau qua lòng phố vắng. Đường sắt tàu điện bị bóc từng đoạn dài, đầu sắt bị khai quật ngỏng lên như đầu rắn tìm lối thở. Nhiều dây thép tam cố to nhưng thừng bện tha hồ quấn lấy gạch lề phố, ngang nhiên như giây leo trong rừng thâm. Mặt phố kín bưng. Con người lúc bỏ đô đã gắn vào cuộc đời khép lại sau lưng một cái xích sắt, một ổ khóa đồng. Những cái nhà bịt cửa ấy, trố một con mắt toét đầy bột gạch mà nhìn ra phố vắng.

Góc phố, đầu vẹo phố, là mục tiêu của tấn công, ít cái còn được nguyên vẹn, hồi tường ở đây chằng chịt lỗ chỗ như mặt rỗ người lên đậu hoa. Ụ đất và chướng lũy nhiều và cao, cái nào trông cũng nâu nâu lù lù như cổng Ô Quan Chưởng.

Đi từ khu phố này qua khu phố khác, giờ chúng ta lại không cần đến đường cái ngoài giời. Chỉ có khom mình chui các lỗ tường đục qua mọi căn nhà. Sự thầm kín, thân mật của mọi từng lớp xã hội đã phơi bày ra hết ở hõm tủ tung tóe, ở đồ ăn thức dùng bừa bộn vứt lại.

Rạp hát cải lương Hàng Bạc, đông người trốn nấp quá, đến nỗi có người cứ ngồi nguyên ba ngày liền trên ghế dài mà nhìn như thế, nhìn

trở vào một cái sân khấu tối câm, say mê với một tấn kịch dài chưa hết màn đầu.

Lộn ra ngoài thành, đến ấp Thái Hà, anh võ trang tuyên truyền khu Đống Đa ấy vốc một nắm đạn cho vào sác-dơ, bắt chuyện: "Hẳn các anh còn nhớ đến chuyện Ba-lê thất thủ, Ba-lê mất hôm 14-6-40. Chỉ có chín hôm mà mất thủ đô Pháp. Lúc đoàn cơ giới quân Hít-le tiến vào, trong số người ở lại Ba-lê, chỉ có nhà giải phẫu Bernard là dám tuẫn tiết. Nhìn đoàn thiết giáp của phát xít, Bernard đau đớn kêu: "Tôi không chịu được. Tôi chết". Chúng ta tạm lấy một tài liệu này để đo cái tinh thần và sức chiến đấu của Pháp trong những ngày cũng gọi là giữ thủ đô!".

Hà Nội 3-1-47

THẤY LẠI HÀ NỘI

Tặng anh Tiểu đoàn trưởng V.L.

Ở một góc dãy núi Chiến khu Một, chúng tôi đã gặp Trung đoàn Thủ đô và chúng tôi đã dừng bước lại địa điểm này, nấn ná quyến luyến với anh em chiến sĩ Trung đoàn có hàng tuần lễ, trong suốt cả một thời gian luyện quân lập công. Một lần gặp mà không lạ nhau chút nào, ôi đã có bao nhiêu tủ nhân sự được dịp mở ra, bao nhiêu hình ảnh chiến trường gợi lên và bao nhiêu ước mong đặt vào ngày về chiến thắng. Trấy ra Việt Bắc, chúng tôi càng tin tưởng vào sức mạnh bền bỉ của dân tộc, trong đó Trung đoàn Thủ đô là một thành phần chắc chắn có truyền thống anh dũng hắn hoi. Anh em Trung đoàn đã tiêm vào mạch máu tôi bao nhiêu là thuốc bổ, đã truyền vào người tôi bao nhiêu là điện lực. Sức mạnh có tính chất truyền nhiễm, và có lúc người tôi sáng hẳn lên như muốn dứt hết dây thần kinh.

Núi lam chiến khu đang xuống màu và lễ khai mạc Đại Hội Tập đang cử hành. Đoàn người đủ võ khí mặc toàn quần áo đen kia, trông dữ dội

quả cảm. Màu đen oai hùng ấy đượm màu bí mật của du kích của vận động chiến. Theo lời Pháp thì đấy là đoàn quân ma, đã toàn vẹn cả súng ống rút ra khỏi Hà Nội theo một đường cống cái đào ngầm dưới các khu phố (!)

Sương chiều phủ phấn lên lời trung dũng của Đại tá khu trưởng người Tr.Â. không cần thông ngôn: 'Điều mong muốn của tôi là đừng ai tiến nhanh quá, đừng ai tiến chậm quá. Hãy giữ lấy mực trung bình trong cố gắng... Diệt phản động Pháp". Ai mà không hoan hô! Tôi liên tưởng đến những chiến sĩ trong đoàn quân tình nguyện Brigade Internationale của Tây Ban Nha 37, 38. Một giáo sư Trung Quốc thay mặt Hoa kiều, sang sảng tiếng Quan Hỏa, nói về mặt trận dân chủ và hô "tả phản động phái!". Anh chị em Hoa kiều tặng Trung đoàn một lá cờ của phụ nữ thêu và một thanh đại đao của thanh niên. Tiếp vào buổi chiều khai mạc ấy là những ngày thi ở bãi trong dìa núi. Thi bắn thi ném lựu đạn, thi chính trị, thi xung phong, thi công văn hỏa tốc thi cấp tốc hành quân. Xa trường nhấp nhô những biển cót. "Xiết chặt súng, bình tĩnh bóp cò" - "Bộ đội bắn trúng, dân chúng nấu chè xôi" - "Đừng bắn ẩu". Qua cái nghiêm trang của quân sự, ta vẫn thấy cái chất *tếu* và *quấy* của Hà Nội. Vui vẻ để kháng chiến kia mà! Đáng chú ý đến là món thi

ném lựu đạn. Anh Vũ Văn Đê đã phá kỷ lục của khu IV ném xa những 54 thước rưỡi và anh em Trung đoàn còn cố gắng nữa để phá cái kỷ lục 62 thước của khu III. Cứ cố đi anh em ạ. Văn ôn võ luyện mà ! Dân chúng đến đông nhất là buổi tập trận giả có trọng pháo trợ chiến. Tiếng moóc-chi-ê nổ vang sườn núi, cưa ngang cây rừng xuống. Tiếng đại liên thanh Browning và Hotchkiss nghe đều từng đợt. Mùi thuốc súng hắc cay như mù tạt. Bộ đội bò nấp đầy mặt ruộng khô. Tiếng hô của cấp chỉ huy văng vào vách núi. Đoàn ngựa hí lồng quanh đấy. Có tiếng nói chuyện của một người thông thạo về những con ngựa Trung đoàn. "Này, có cái con Đui-sết (12,7) là ghê nhất. Đặt chân vào bàn đạp là nó kiệu đại ngay. Lúc hãm, phải ghì hết cương trước một trăm thước. Những cây gỗ một, cháy dở bắc ngang qua những chỗ phà cầu trên quãng Đại Từ - Quảng Nạp là nó cứ vút qua như một mũi tên. Đui-sết chỉ dành riêng cho những lúc cấp tốc liên lạc. Cái bố quan ba Côm-măng-đốt là cứ mê tít đi với nó". Đến lúc thử mìn điện, ba-dô-ca và đạn A.T. thì dân chúng thích quá. Thế này thì cơ giới hóa của giặc sẽ ăn mày hết! Và bọn phản động ngoan cố sẽ tan hết như xác pháo! Mìn điện nổ, khói đen. Ba-dô-ca A.T. khói nửa trắng nửa vàng. Xong mỗi lần thử, cả dân chúng đều chạy đến chỗ tảng

đá chịu đạn kia, mà rờ mó trầm trồ. Cái mục tiêu bằng đá ấy chịu áp lực của sức nóng đã nổng lên mùi vôi nung lò, có những miếng vỡ cứ ải ra như bột cám. Cái bánh sắt ô tô cạnh đấy oằn lên như bánh đa ướt bị vặn chảy hắn ra. Những tiếng chặc lưỡi. Những buổi thi bắn súng trường "khóc ra hồng tâm" và "cấm bắn pay lan", các thung lũng cách bức tận trong kia vang hưởng lại tiếng đạn nghe như tiếng gieo mình của thủy triều vấp bờ. Đang ở chỗ rừng núi cheo leo, lại nhớ đến cánh bể miền xuôi, miền Đông. Rồi lại hồi tưởng đến cái tiếng vừa qua của nhà gác đổ nhào gẫy gục xuống đống tiêu thổ những đô thị đã bị xóa nhòa.

Tôi đã la cà với nhiều người áo vải đen của Trung đoàn. Rất là quần đen áo đen, không mũ sắt thì mũ nồi. Đều một loại như thế cả. Chẳng bù với ngày còn đánh trong Hà Nội, họ ăn mặc lung tung. Đồ Mỹ kẻng. Có anh đóng cả com-lê, chỉ nịt ra ngoài một cái thắt lưng da. Cái đêm 17-2-47 rút ra khỏi Thủ đô, ở tay anh nào - cả 140 chị nữa - cũng đều cho "lên" một sao vàng và một Tháp Rùa vàng chóe. Đêm âm u lịch sử ấy, đã có hơn một nghìn ngôi sao chiếu ngang cầu Bồ Đề mà Tây mù không biết gì cả, Hà Nội chỉ vẻn vẹn có một Tháp Rùa bằng gạch cổ, nhưng thật sự ra đã có hơn một nghìn cái Tháp Rùa

bằng đồng lưu động qua ngang cầu Long Biên. Tháp đâu mà nhiều thế? Đã có một anh công nhân của Trung đoàn sản xuất cấp tốc, dập thật nhanh cho quân dụng cần đến phù hiệu. Trước anh vẫn dập lập lắc xe đạp. Sau hôm rút ra được bốn ngày, anh em mặc toàn nhung phục xanh để Đại tướng Tổng chỉ huy làm lễ duyệt binh toàn thể anh em Trung đoàn ở Th.B thì anh em đều cất hết sao vàng và Tháp, rút vào bí mật. Cái Tháp đẹp thật. Túi tôi có một cái kỷ niệm ấy.

Anh em đã kể cho tôi nghe rất nhiều về Thủ đô. Thuật lại những đoạn nguy khốn từ sau ngày mất khu Đồng Xuân, anh em vẫn có cái cười *"ít cần"* của con người Hà Nội, điểm thêm vào nhiều ngôn ngữ *"tếu"* rất linh động và nhiều cử chỉ "quấy". Bao nhiêu là hình ảnh! Cái rạp Tố Như, nơi làm lễ khai tử cho đoàn Quyết tử đeo bom ở lưng. Cùng phố ấy cái đình Hàng Bạc, nơi tập trung 2000 dân chúng đợi giờ chui qua cầu lên Tứ Tổng, phố Hàng Đào, Hàng Giấy (Đồng Xuân) và cả khu Đông Thành, những miền *noman'sland* đạn vèo vèo không một bóng ai. Khu Đồng Xuân, cái túi đựng đạn moóc-chi-ê của giặc đang chồm lên vì bị vấp cản. Tây mũ đỏ và Da Đen, vứt dao súng đi mà đấu quyền với mình quanh những bàn thịt chợ Đồng Xuân. Những tấm nệm bông tẩm dầu xăng rải ra đường để bẫy đốt

chiến xa. Những bị đường chồng chất ở ngã ba ngã tư cho cao chắc thêm chiến lũy. Có anh đã tắm bằng nước hoa Cologne, nước lã bấy giờ là hiếm lắm quý lắm. Rồi người ta trèo cả lên mái nhà chỗ Bờ Sông mà tỉa giặc, vật lộn với thú dữ. Yến lại nấu với lạc sống, vây nấu thả cùng thịt mèo thịt chó. Vui lạ.

Ôn việc cũ, có mấy anh đã thành thực vui vẻ nhận mình trước kia chỉ là những chiến sĩ bất đắc dĩ, những tự vệ cậu. Có anh đã nói rằng lúc hai tay cầm hai quả lựu đạn tháo chốt, một để ém giặc, một tặng riêng mình trong phút khói lửa tuyệt vọng. Nhưng ném quả đầu, giặc chết cạnh mình, ý sống nồng nàn lại trở về và anh lại lóp ngóp mò trên gạnh vụn tìm lại cái khóa lựu đạn vừa quăng đi. Rồi từ cái thời ấu trĩ chuyên bắn ở gờ cửa sổ ở hè phố, được trưởng thành trong khói lửa chiến sự mấy Chi Nê - Ba Thá và Việt Bắc, các anh đã thành công trong những truy kích vừa qua - Và nay luyện quân tập công để mai kia kéo nhau về mà đánh mạnh. Rồi chúng ta sẽ có ngày hạ sơn, đem cái Hà Nội lưu động này trả về cho vĩ tuyến cũ dưới đồng xuôi kia!

Ngày ấy, cùng với đông đảo dân chúng, Văn nghệ kháng chiến chúng tôi cũng lục tục trở về

Hà Nội. Nhà in sách và các thứ tòa báo sẽ nêu biển nghênh ngang đình huỳnh ở phố sáng. Anh em công nhân ấn loát sẽ được xếp chữ chạy máy giữa trời bao la ánh tươi. Máy in sẽ có lúc nhớ lại những hốc đá phủ cây và hầm đất ẩm ướt của một thời bí mật. Và độc giả muốn tìm những cây bút chiến đấu, sẽ không phải tìm liên lạc, tìm Ủy ban kháng chiến địa phương nữa.

Đêm kịch bế mạc Đại hội Tập Trung Đoàn Thủ đô, cái Tháp Rùa bằng phèn chập chờn trong khói lửa trại, đã làm cho tôi đỡ nhớ Thủ đô, càng nhớ thêm Thủ đô và tin chắc ở "Ngày về". Phải về chứ! Ôi, chóng lên chúng ta ơi!

Chợ Chu, Hè 48

MỘT BUỔI THI CHÍNH TRỊ

Trên một khoảng ruộng khô - rộng và phẳng như trường bay - là phòng triển lãm trưng bày những tài liệu sinh hoạt của Trung đoàn Thủ đô. Cạnh đấy là "quán Thủ đô", cái căng tin của anh em. Dưới những khẩu hiệu "Khi tập đổ nhiều mồ hôi, khi xuất trận đổ ít máu", "Bắn trúng hồng tâm" lại dán những miếng giấy màu nhắc nhở đến cái ngon của Hà Nội tạm xa: "Phở Hàng Trống" - "Chả Đồng Xuân" - "Bánh đa Hàng Bè". Tối qua trong buổi mít tinh khai mạc chúng tôi dự bữa cơm đoàn kết ở đấy. Cầm đũa nhìn các bạn quân nhân và anh em cán bộ vui khỏe ăn, chúng tôi cảm thấy Hà Nội là ở chỗ chân núi đá Việt Bắc này chớ không còn là ở chỗ vĩ tuyến phía Nam dưới vùng xuôi kia. Cũng đỡ nhớ Thủ đô trước 19-12-46, và lại càng nhớ Hà Nội ngày về.

Sớm 3-5, "quán Thủ đô" đổi thành buổng thi, thi chính trị. Mỗi đại đội cử mười thí sinh. Năm mươi cây súng trường ấy đã ngồi chật cả phòng, quần áo đều một màu đen mun vững vàng nghiêm khắc. Hai anh kiểm soát đeo súng và bát - xa đỏ đi lại quanh phòng.

Lời huấn từ của Khu trưởng rõ ràng, thiết tha. Tiếng mẹ đẻ chúng ta, Khu trưởng đánh dấu chưa được tinh lắm. Lỗi không ở quốc tịch Khu trưởng. Từ ngữ Âu châu - ai còn lạ gì! - Không có năm dấu và nhà ngữ học bảo rằng năm dấu sắc huyền hỏi ngã nặng là đặc tính của tiếng nói Việt Nam .

Đầu đề đã ra, hỏi bốn điểm về mục đích của cuộc Luyện quân lập công, về thời kỳ luyện quân đã chấm dứt chưa, về cảm tưởng mấy ngày sau thời gian tập luyện vừa qua và cuối cùng là hỏi về cái lý do của công tác địch vận.

Ban giám khảo hỏi to xem thí sinh đã nghe rõ chưa. Năm mươi tiếng trả lời của năm chục bộ vải đen ấy vang lên: "Rõ". Họ cứng người trên ghế thi mà trả lời. Trước mặt họ là tờ giấy trắng nó sạch sẽ như óc họ. Bên cạnh họ là cái súng bạn bầu nòng thẳng thắn như lòng họ. Tờ giấy thì lạnh, nòng súng thì mát và trong người họ thì nóng ran lửa ganh đua đấu trí.

Trước môn thi viết, ban giám khảo đặt một kỳ thi vấn đáp. Đại tá Khu trưởng hỏi trước. Rồi anh Chính trị viên mời anh Đ.P.T và tôi, mỗi chúng tôi hỏi anh em đội viên một câu. Thật là một điều mới mẻ cho đời tôi! Một người vốn nửa đời chỉ sống với hoa nở bên đường, trôi nổi bên

dòng liễu nhàn và thích những vừng mây xa quá tầm với tay của mình, một người nặng căn mộng tưởng như thế, nay nhất đán phải đứng trước chỗ "ba quân" để đố thách những người quân nhân cách mạng!

Mà lại đột ngột, mà lại không được chuẩn bị từ trước.

Ôi, Đại tướng ơi, thật là chỉ có Cách mạng thì mới có được những việc như thế này!

Tôi không thể từ chối lời mời. Tôi lại muốn chứng tỏ sự thân thiết giữa anh em cầm bút và anh em cầm súng. Tôi vò đầu tôi. Sao ban nãy, phát biểu những cảm tưởng của mình với Trung đoàn Hà Nội, tỏ vẻ thiết tha của đứa con Thủ đô mong ngày thắng lợi trở về, thì nó dễ thế!

Gió núi thổi mạnh quá. Tốc cả mái gồi. Rồi mưa. Mưa nặng trên mái gồi. Gió quẩn vùng núi, lúc nhẹ cơn lại phảng phất cái gió ru mành của hồ Kiếm rủ bóng liễu. Tôi trông thấy cái mưa gió của Hà Nội xưa với cái bùn lầy của đường nhựa ba mươi sáu phố phường... Một đoàn xe cao su, với những người phu xe áo xanh có mặt giăng trắng ở lưng, đang khuỳnh cánh tay dẻo dang nhịp chân đều mà chạy qua cái quá khứ của tôi đem vung phí với Hà Nội đô hộ xưa.

Nhưng mà tôi phải hỏi năm mươi anh em

Trung đoàn ngồi kia một câu. Tôi định hỏi: "Tại sao về chính trị, Trung đoàn Thủ đô lại phải giỏi hơn các đơn vị khác" nhưng sợ đặt ra câu hỏi như thế, dễ gợi ra cái ý đố kỵ sai lầm không tốt, nên trước khi nói to lên tôi đã hỏi lại: "Tại sao anh em Trung đoàn Thủ đô lại không được phép thua những đơn vị khác về chính trị?".

Thí sinh rời chỗ, ra giữa phòng trả lời, cứng hẳn người ra lúc khai tên và đơn vị mình. Giọng họ gọn khỏe như lời báo cáo hàng ngày. Nhiều câu trả lời sát câu hỏi, gợi bật lên những đặc điểm này:

1. Gồm đủ từng lớp xã hội.
2. Tập trung anh tài
3. Tượng trưng dân tộc.
4. Trở về chiếm lại Thủ đô
5. Thực hiện chiến thuật tiêu hao và lúc rút ra ngày 17-2, bảo toàn được chủ lực.
6. Nhiều truyền thống vẻ vang.

Câu vấn đáp nào khá được kèm thêm một điểm và ban giám khảo sẽ cộng vào điểm số của bài thi viết.

Mưa gió vẫn không ngớt trên lớp thi chính trị. Có một lúc mưa nặng quá, dùi qua cả mái gồi. Thí sinh nhấp nhô tránh chỗ dột, đổi chỗ viết chữ. Chữ viết họ nhiều bài đã không được đẹp

thẳng. Giọt nước mưa lại còn bôi nhòe. Nhiều trang viết không có xuống dòng chấm câu, trông đến là vui ngộ.

Xa gần tiếng nhiều ngựa đực của Trung đoàn hí vang một góc, rừng ướt xanh bóng như chùi.

Ngày tuyên bố kết quả các cuộc bắn, chính trị, ném lựu đạn, xung phong, cấp tốc hành quân, công văn hỏa tốc, lúc phát phần thưởng chỗ khán đài buổi chiều Việt Bắc ấy, tôi đã sung sướng và cảm động biết bao khi được cái vinh dự trao phần thưởng giải "chính trị" vào tay anh Nguyễn Đắc Két. Một cái xắc cốt da, một khăn mặt và một tá bút chì.

Anh Két đối với tôi không phải là một người lạ. Và anh đã là người biết rất nhiều tật chứng cũ của tôi.

Xưa kia, nghĩa là trước ngày tác chiến, đã có mấy năm liền anh rót rượu cho tôi uống ở ven hồ Hoàn Kiếm. Anh là một công nhân tư gia, một người bồi bàn. Những con người của Hà Nội chè chén ngày trước là phải biết đến người phổ - ky linh lợi ấy của quán rượu Thủy Tạ. Trước buổi hoàng hôn phát thưởng này, lúc mới nhận ra anh Két, tôi ngỡ ngàng như gặp một bóng đen cố nhân hiện về từ kiếp trước. Chúng tôi đã kéo nhau ra chỗ riêng nói chuyện với nhau như đôi

bạn cùng một công tác. Chuyện cũ chuyện mới. Thiếu gì chuyện và ngày nay anh đã là một người có chiến công của Quân đội quốc gia Việt Nam. Thì ra bây giờ, đứng ở rừng chiều đây, anh Két lại vẫn cho tôi uống rượu. Một thứ rượu khác nó không u uất lẻ loi như ngày trước nữa.

Bây giờ, chén rượu sùi lên những bọt men của dân tộc đang lên đường và trong một tương lai gần đây, lên đường về Hà Nội! Rồi ngày ấy, lại vẫn kéo nhau ra bên cái Tháp Rùa yêu mến, ta sẽ nâng cốc để cho bọt nước rung lên trong nắng vàng Thủ đô đã tẩy uế kia những phấn hương của khải hoàn. Tôi uống, anh uống, chúng ta sẽ cùng uống cạn, anh Két ạ.

Chiến khu I, 7-5-48

KHU NĂM - KHU BỐN

(Những tờ rời giữa hai xuân)

1946. Trước ngày toàn quốc kháng chiến một tháng. Núi Buôn Ma Thiêng. Thật là một địa danh gợi cảm cho người phương xa và để lại trong lòng người đến đây một vết kỷ niệm khó mà nhòe nhạt. Ổ tác chiến ấy là một lườn núi. Độ hơn một tiểu đội Vệ quốc Đoàn - Giường nằm là những sàn kết bằng cành tươi ken lại cách mặt đất tám tấc tây. Ban ngày ở đây ngắn lắm. Khoảng chín mười giờ sớm mà mù sương chưa đi hết, cảnh vật một màu bàng bạc của giăng suông. Mười lăm mười sáu giờ đã hết ngày. Buổi chiều ập xuống, phớt cả hoàng hôn. Buổi tối lại đến nhanh hơn buổi chiều như là trốn mau chạy vội một cái ghê rợn gì của núi rừng. Ở phía bên kia, mưa núi đêm dài đánh giọt giờ trên mái tranh. Sàn cây tươi rung lên vì cơn bệnh của một số đội viên. Ánh sáng mai mái đẩy lần cây cỏ lại phía ổ. Bình minh dụt dè về. Tia sáng run lẩy bẩy như cũng vừa tỉnh một trận sốt cách nhật. Trên núi Buông Ma Thiêng, bình minh cũng sốt rét như những người "trấn thủ lưu đồn" 1946. Thời tiết và người lính hiểu nhau, hiểu nhau và

giữ chặt lấy nhau qua mấy lần dây thép gai án ngữ nhỡn giới.

Chúng tôi lần ra bên suối, tò mò đến những con bò cạp lửa nó đỏ như cánh lựu. Nước của giếng tự nhiên nhờ nhờ màu canh hến, uống vào ngọt như thuốc ho nước nhà thương phát cho trẻ. Cũng một bát nước giếng ấy múc đêm qua lắng xuống thì sớm nay mặt bát nước nổi dầu, có những mỡ sao chạy trên nhờ nhờ của canh buốt váng. Tôi nhìn mặt bát nước và nhìn những sắc mặt bủng nằm trên sàn.

Cái mũ sắt dùng được nhiều việc thật. Làm thau rửa mặt, ấm đun nước, làm sanh chảo xào rau. Bữa cơm sáng ăn với mắm ruốc và củ mài xào với lá tàu bay, rồi đi xem phòng tuyến. Giao thông hào ngoằn ngoèo trên mấy cây số, hầm tác chiến sâu rộng, pháo đài lớn nhỏ chi chít. Sườn núi soai soải trước mặt phạt trụi hết cây cỏ để khỏi vướng tầm mắt. Dây thép gai chăng các cọc trên một diện tích vài cây số vuông. Một đồng chí tình báo vừa đi công tác về, quẩy một bó nứa, đeo một túm ngô. Những mẩu chuyện đánh giặc kèm ngô nướng và vui đùa. Tin yêu và giản dị. Anh chỉ huy khen mấy luống cải vừa gieo bên suối: "Thôi ở lại đây ăn Tết cùng bộ đội, Tết này, cải tốt sẽ có ngồng. Đã mấy khi các anh cất công

từ Bắc vô". Anh chính trị viên thân mật báo cho biết là vợ con anh sẽ theo lên vùng núi để thả trâu bò. Cỏ vùng này đẹp như tuyết thảm nhung, gió chạy trên cỏ bao giờ mệt thì mới thôi. Thật là thuận tiện cho nghề mục súc chăn nuôi. Đôi ba năm nữa, bộ đội đòi tự túc lấy về vật chất. Buổi tối ấy, chúng tôi được nghe chuyện kể lại một đội viên gác đêm tại phòng tuyến 1 quá trong kia bị hổ đến vờn ngay ở chòi gác. Anh không dám nổ súng sợ động mặt trận lộ vị trí mình. Anh cứ vững tay súng cắm lưỡi lê chĩa thẳng về phía hổ. Mãnh thú và người lính thôi miên lẫn nhau mấy tiếng đồng hồ. Gần sáng, có người đổi gác cho. Hổ về rừng cao và anh đội viên được chở xuống nằm bệnh xá Sông Cầu. Anh đã mắc bệnh điên từ lúc nhìn hổ.

Cờ màu đỏ, phơ phất trong thành phố không đẹp bằng bay tung nơi đồng nội, in cái đỏ gắt ấy xuống nền lá mạ ruộng cấy hoặc vào nền lũy tre xanh già. Đỏ và xanh ấy bổ túc lẫn cho nhau. Cờ đỏ cắm ở mũi đò biểu tình, hàng trăm chiếc chụm đầu lại chỗ Thương Bạc cũ, soi bóng hồng xuống dòng lam Hương Giang, thế mà còn thua cờ đỏ cắm trên bành voi đi trong rừng Bình Định.

Trên con đường số 19 nối với Tây Nguyên, voi

đi tiếp tế bộ đội, ba bốn con nối đuôi nhau. Voi đi lừ lừ như tàu thủy, làm lá cờ trưng ra được thêm khỏe dữ. Mép bành, nhú lên cái đầu ruồi nòng súng máy và nhô lên cái mũ ca lô. Anh em ngồi trên bành voi âu yếm gọi voi là ông cán bộ. Ông cán bộ số 1 dữ. Ông cán bộ số 2 hiền...

*
* *

Bến Định Quang. Cô lái đò ngang nói chuyện về moóc-chi-ê thạo quá. Chiếc sống đã sát bờ bên kia, cô còn nấn ná với những nét đáng yêu pha dáng Chiêm Thành. Khóe mắt, làn da, đường gáy. Tôi chưa chịu rời thuyền. Biết tôi ở Bắc mới vào, cô hỏi luôn: "Sao ngoài Hà Nội chưa nổ súng? Nổ đi, với đồng bào Nam Trung Bộ, cho nó vui chớ anh!" Cô không nhận tiền đò. Tôi chào hấp tấp, mang theo cái tủi hẹn ra khỏi lòng sống, đi một mạch về Vĩnh Thạnh.

Những con đường mòn dẫn vào Suối Sen thỉnh thoảng giặc vẫn đi về. Đồng lúa chín không bóng người gặt. Ban ngày đánh giặc, đồng bào tản đi hết. Chạng vạng tối mới lần về mà gặt vội. Bộ đội bố trí quanh cánh đồng để đồng bào yên tâm mà gặt và hộ vệ thóc lúa cùng dân chúng trên lối tản cư.

Trên những lối mòn dẫn vào Suối Sen, lần đầu tiên tôi được biết đến cảm giác của dự chiến. Năm sáu anh em bộ đội đủ lựu đạn súng trường súng máy cùng tôi nhanh bước vào Bốc Mum, cứ men theo thân tre khô có mắc dây điện thoại mà đi. Nách lối tắt, chồm ra một cụ già run sợ hoảng hốt. Cụ ra hiệu là có Pháp đang đi gần đây. Bộ đội đưa mắt cho nhau, dừng lại gần một lều vắng và sửa soạn. Tôi còn đang lúng túng trong ý nghĩ thì anh chính trị viên điềm đạm bảo một người đưa tôi một trái lựu đạn. Lần đầu tiên trong đời tôi, tinh thần tôi trực tiếp với lựu đạn. Máy móc quả nổ, tôi chưa biết tí gì. Trong tôi, bao nhiêu là ý nghĩ bao nhiêu là tính toán tưởng tượng. Chờ đợi trong bụi khuất rậm lâu quá, bộ đội lại đứng dậy đi tiếp, thản nhiên: "Chúng nó lại đi con đường vòng khác rồi. Không thành tao ngộ chiến. Giá có gặp, lại có dịp đì đòm, kiếm thêm ít địa đồ tham mưu hoặc đồng hồ, ống nhòm. Anh trượt mất một cái bút máy tốt đó. Thôi, còn khối dịp sau". Tôi lê cái bỡ ngỡ của tôi vào chân Dốc Mum. Dốc nặng quá, dựng như vách thành. Tôi vừa trèo vừa mê thiếp đi khi lên.

Eo Gió. Đông người đang gài bom, chôn địa lôi và đắp thêm ổ súng liên thanh. Bộ đội định nghênh địch ở Eo Gió. Ở đây, bộ đội gọi bom là

heo là *cá thu*. Có những con cá thu nặng năm mươi cân, mình xanh biếc, lẳng lặng trong bụi tươi cao. Anh đội viên giữ việc giật bom lúc nào cũng vui vẻ, tự xưng là em và vuốt ve địa lôi, mơn trớn trái bom treo. Thành ra trái bom hóa ra hiền lành, dễ thương như bộ mặt hồn nhiêu của anh. Thường xuyên đóng ở đây, có những anh em trên đầu chỉ vén vẹn mấy chùm lá khô để chống với tất cả gió đèo và sương nắng và mưa đêm rỉ rả. Tôi mượn chiếc viễn kính nhìn sang đồn địch chót vót trên đỉnh Chớp Xôi. Đấy là một vọng tiêu cao nhất của Pháp thu được toàn cảnh hai đèo An Khê và Mang Giang. Đồn sừng sững, đường viền của kiến trúc thô sơ như cắt dán lên nền trời, gợi đến cái mênh mang cát nắng phong cảnh Bắc Phi. Tôi xuống núi, gặp anh tiếp tế quảy gánh cơm nắm lên. Eo Gió kiêng lửa sợ địch nhận ra khói bếp. Anh tiếp tế giỏi thật. Tính cái dốc, lúc lên mất một giờ, lúc xuống chỉ mười lăm phút, thân mình quăng xuống cứ vèo bay như chiếc lá lìa cành và hai đầu gối đòi bật cả xương bánh chè ra ngoài.

Mỗi lần ở bất cứ rừng nào về thành phố Tuy Hòa là tôi cũng phải tìm đến Câu lạc bộ anh em binh sĩ Đại đoàn 27 để có dịp gặp lại những bộ mặt đáng yêu đã từng nhất kiến ở các mặt trận xa. Đánh cờ tướng đọc báo và trao đổi những giai

thoại về Cách mạng mình và Cách mạng các nước đàn anh. Phòng lúc nào cũng đông người. Vui nhất là các chú bé liên lạc. Hình như Đại đoàn bộ và phòng này mới thật là gia đình các em. Nhiều em kêu rằng ngày nghỉ phép về nhà, thấy cái gia đình riêng của mình là loãng là nhạt. Nhiều chú xin chữ ký và tự dạng tôi. Viết ít dòng cảm tưởng, biếu nhau một vài viên ký ninh, cũng thú. Chỗ anh em lớn thì mời nhau một chầu cà phê, điếu thuốc thơm. Cà phê câu lạc bộ Đại đoàn 27 cũng có hương vị đặc biệt như cái hơi da thịt quen thuộc ở người tình nhân. Sau một thời kỳ lui tới câu lạc bộ, tôi thấy không uống được cà phê của các tiệm ngoài phố nữa, mặc dầu có chỗ họ pha ngon hơn và cũng không đắt. Ngoại giới và nội tâm tôi hồi này chỉ nhận rặt hình ảnh người quân nhân của xứ sở. Bỏ Tuy Hòa đi thăm mặt trận xa nào, lúc trở về Tuy Hòa lại để cả quần áo bụi bặm nhàu bẩn và mang luôn cả cái túi dết, cái bị tùy thân mà nhảy ngay vào Câu lạc bộ uống một chén cà phê nóng, nó khoan khoái ấm áp như là những kỳ về quê thăm vợ sau những ngày vất vả làm ăn phương xa...

*

* *

Núi Lá đang trổ hoa xương rồng. Sông Đà Rằng, mặt nước nhấp nhô những bụi rù rì. Rù rì là một thứ cây tươi đồng bào vùng đây dùng để đun và cái đặc biệt nhất của rù rì là tươi mấy xanh mấy cũng cứ cháy vù vù lửa rất đều ngọn. Từ Cùng Sơn, thuyền xuôi về Mật Hàn. Thuyền xuôi là thuyền bệnh đưa đội viên về Dưỡng Nhãn Đường dưới xuôi, gặp những thuyền ngược dòng, nặng một khoang thuốc, một khoang cháo, một khoang đạn của quân nhu chở lên mặt trận. Cảnh sống chỗ Đồng Cam phảng phất một mùi Trung Cố. Xe vận tái hai bò kéo. Cày ngoài ruộng cũng mắc hai bò. Chiếc cộ bánh đặc đẽo bằng gỗ cà lê (?) Chầy giã gạo làm bằng gỗ sầm (?). Cái cối khoét trũng vào gỗ cầy (?). Mỗi kỳ có mưa núi, nấm phan nấm muối mọc ngập rừng. Đồng bào hái về ăn tươi, nấu cháo thơm béo như thịt gà. Kỳ đói mùa trước tạ gạo lên tới giá một nghìn chín trăm đồng. Cây hổ ngươi mọc rất nhiều hai bên lối đi đụng phải vó ngựa hành quân hoặc bước người ngược suối, cỏ trinh nữ khép mình lại, để cho một cỏ lông heo lẫn chui vào quần áo người qua. Cỏ lông heo chui rất nhanh rất bén vào thớ vải, nằm đấy mà gẫy đôi ra rồi đâm vào da. Cầy hương vùng rừng này để nguyên cả túi xạ mà nấu, ăn nó buồn cười như có ai thoa phấn đầm vào miếng thịt. Cảnh ở đây

buồn rộng quá, nếu không có lớp học Bình dân tối đến đỏ đèn dầu ma dút trong một nếp tranh bên đường cái.

(Về sau này đi thăm Châu Thường (Thanh Hóa) gặp lớp B.D.H.V trong khoảng rừng già - trên một nhà sàn toàn nhi đồng thiểu số - tôi mới phát minh ra cái cảm tưởng quý báu này: là mình hết sợ bệnh lạ của rừng thiêng, hết nghi ngờ bóng tối của vòm lá ngàn và lại còn tin tưởng vào thâm sơn bí hiểm nữa, khi ở đấy có vang lên cái tiếng bập bẹ của đánh vần Việt ngữ).

Chân Đèo Cả, hai ngôi quán đối diện. Một quán lấy tên là "Hồng Quân". Ngoài ý định của chủ quản xế cửa, quán đối diện tự nhiên thành ngay cái tên là "Quán Phát xít". Đồ ăn quán ấy trở nên hết thơm ngon. Anh em bộ đội chỉ lui tới quán "Hồng Quân". Một bên đông khách. Một bên vắng khách. Đáng chú ý là hai chủ quan gặp nhau là cười. Và vui nhất là những khi "Hồng Quân" đông khách thì người nhà "Phát xít" lại chạy sang pha cà phê giúp. Cả khách hàng và hai chủ lại càng cười rộ.

*

* *

Lưng Đèo Cả. Hầm Đại Lãnh. Tôi đã thắp một ngọn nến chui vào lòng núi đá lần theo tụy đạo dài hơn cây số. Bóng tối trong đường hầm dày lắm. Lỗ ra cửa hầm sáng như một chấm Sao Hôm. Ra đến cửa là toàn cảnh của Vũng Rô có chiến hạm Pháp. Bám đá leo ngược lên đỉnh đèo, tôi làm quen với một đại đội. Có những anh em đóng liền mấy tháng ở đấy, ăn ròng cơm nắm ôi lạnh. Hỏi han về đạn dược thuốc men đi bắt sóc ở Suối Dầu, bám dây tơ leo lên ổ nằm dựng trong hốc đá, tối đến căng chăn ra che đèn cho chiến hạm địch khỏi thấy. Ngày ngày ăn vã thịt công bắn được, nói chuyện năm châu bốn bể và ước vọng gởi vào mai hậu rồi lại đánh cờ với anh đại đội trưởng trước kia là một nhà sư vùng tỉnh Đông. Cảnh đẹp, khỏe. Những người gặp ở đấy đều đẹp khỏe như cảnh.

Muỗi Đèo Cả dữ hơn muỗi Đồng Tháp Mười. Đêm thao thức nói chuyện cùng anh đội viên luôn tay đập muỗi. Bóng súng bị muỗi đốt ấy động đậy luôn. Sự canh gác ở đây thiếu đồng hồ đã buộc một số anh em bộ đội nhận vị trí của Sao Cầy trong một đêm mà làm cữ thay phiên. Sao Cầy cứ chấm cái chỏm núi phía Tây ấy là gần sáng. Từ tối đến sáng, sáu người lần lượt gác mỗi người hai giờ. Rồi liệu đấy mà đổi với nhau. Có hôm đêm mới đến người thứ năm mà đã

sáng. Có đêm mãi đến người thứ bảy mà bóng tối vẫn chưa hết. Chắc những đêm ấy mù và mây kín trời, thiếu bóng Sao Cầy.

Những ngày sau, sống ở xa chiến trường, tôi mới thấy rằng dẫu sao chúng ta vẫn còn nhiều đồng hồ lắm. Có những người vẫn ung dung nhàn nhã mà trên thân thể có đến ba thứ đồng hồ. Treo tường, bỏ túi, đeo tay. Và thời gian, ở trên nhiều cổ tay, lại chỉ là một vật trang sức. Thời giờ là vàng bạc để phô phang?

Từ giã khu 5, tôi lại ghé xuống Huế. Tháng chạp 1948. Màu thời gian ở đây không là màu tím Huế nữa. Nó đang là một màu phân ngựa. Phụ nữ, một số dông đã võ trang mặc ka ki. Tôi xin giấy ở Trung đoàn bộ Trần Cao Vân tại Mang Cá, vào Tử Cấm Thành cố tình dòm ngó đến cái chỗ thiết triều của một chính thể chết. Tôi đứng sát cái ngai vàng. Một sợi dây thừng chằng qua ngai, từ tay ngai tả sang hữu. Dòng chữ ở miếng bìa dán vào lòng ngai: "Đừng ai ngồi vào đây". Chắc của Ủy ban du lịch dặn du khách. Cả diện tích sân điện Cần Chánh, là khoai lang xanh tốt. Trên Dám Cũ, sân thờ Khổng Phu Tử, lá sắn dưới đất làm mờ cả tán tùng xanh cổ thụ. Tôi lại đi xem lăng. Không gian sặc mùi nhựa thông. Khói thông, người Tàu

dùng để chế những thoi mực quý "Yên Tùng Mặc". Dân chúng ở Thừa Thiên đã hạ rừng thông trên lăng xuống làm đóm hút thuốc lào, củi nấu và lăn những thân cổ thụ to xuống con đường nhựa Thông Quốc số 1 để cản đường xe díp. Nếu xe Pháp có đè qua những cây thông già trên lăng giồng từ đời Gia Long thì âu cũng là một sự trả miếng xứng đáng của lịch sử.

Huyện Nam Đàn tỉnh Nghệ An. Đoàn kịch lưu động chúng tôi đóng lại, tránh gió Lào đang vừa khóc vừa thổi vừa chạy, quăng lửa đầy trời. Tôi nằm ngủ trưa ở một cái điếm làng. Chỗ tôi nằm là một cỗ đòn đám ma sơn son thếp vàng của hàng xã tháo rời ra từng bộ phận. Thấy động trên phía nóc, tôi nhìn lên : một người ăn mày hủi, da tím đang nằm chênh vênh trên xà ngang điếm, gãi vẩy phong sồn sột. Mấy tường điếm, chi chít những khẩu hiệu địch vận ngoại ngữ. Thuật đúng lại cảnh vật, tôi vẫn bừng bực như có sự dàn xếp của kỹ thuật siêu chân.

*

* *

Cuối chầu gặt vụ mùa năm nay khắp tỉnh Thanh. Mùa trúng. Trăng tháng mười đẹp như

dịp Trung thu, rót bạc xuống những câu hát đạp lúa. Tảng ngọc Năm Kháng chiến II đang điểm rọi vào những vàng cốm của quảng đại dân cầy.

Cánh én xuân mỗi ngày xập xè qua đầu, lại góp thêm tin tưởng vào vốn chiến đấu chung. Xuân Đinh Hợi - Xuân Một của kháng chiến - nhựa thảo mộc cháy cả vào mũi gậy vông và đầu lưỡi lê. Trăng nguyên tiêu Đinh Hợi lung lay trên hồi quang mau khít của bạch binh bốc ngược. Hoa không là một sự kiện của ngoại cảnh. Tự Nhiên là lại là mãn khai trong buồng tim đỏ trong hộp óc xám của lớp người ham sống không sợ chết. Chín chục thiều quang, chỉ đạn hai vị trí đối ngược lại là con thoi dệt nên nhân sự, thinh không dầm dề mùi thuốc cháy, lợm tanh hơi chiến sự không nghĩa địa thường trực. Thấy cô bé Việt bị hãm hại rực tươi những loang lổ son nó gọn như lá đông hồng. Trên thi lạnh, bụi một thứ mưa cành đào kéo sợi cho một nếp màn tiêu liệm. Nội mai sớm nặng mặt đường lệ pha lê lung linh đầu ngọn lá. Một quả tim dân quân bị hy sinh, nằm trên bụi chuối khuất nẻo kia lại giống như một củ thủy tiên nẫu của ngày Khai Hạ.

Xuân Hai này, gốc đa cổ thụ ấy vẫn còn. Nó không toàn vẹn. Nó chỉ còn là bán thân bất toại.

Lưng nó vẫn còn đeo nhiều "ông bình vôi", mình nó còn ôm đồm cái am có mành mành, một cái miếu con thờ tà thần. Dưới chân cổ thụ, con chó đá mù và cụt mõm vẫn ngồi yên như trong thời cũ, kỳ khủng bố tất niên vừa rồi, chim sắt đã vứt thiên lôi vào gần cây ấy. Con chó đã tan xác thành bụi đá. Một lần nữa, cổ thụ còn bị bom tước ngược nửa thân, giơ cánh tay róc trụi lá vẫy một phương giời cháy đỏ. Xuân về. Cánh tay cụt ấy thế mà còn rỉ nhựa sống đang dồn lên từ rễ cái, đọng lại chỗ vết thương giống như hổ phách gỗ ngọc am:

"Cây Từ Hải" ấy là nét chính một góc mặt trận tạm nghỉ tiếng bắn. Một vị bác sĩ Quân Y đứng bên gốc cây nói chuyện với một vị chỉ huy quen và trẻ. Họ lấy ngay chất nhựa xuân ở cây đa bị tử thương kia làm đề cho câu chuyện.

- Cái vấn đề sinh lý trong anh em bộ đội, anh thấy thế nào? Những biến chứng về sự thiếu thốn ấy trong các đội viên - và cả anh nữa - nó có phát hiện ra nhiều không? có những trường hợp đặc biệt không?

Người quân nhân ấy sau một phút ngập ngừng, đã trả lời ông thầy thuốc tò mò nhân đạo.

- Việc này không thành vấn đề. Ở những tổ

chức binh sĩ của đế quốc, người ta săn sóc đến điều này ngang hàng với đạn dược lương thực. Trận Ý đánh Abítsini chẳng hạn. Có hàng đoàn "nhà thổ lưu động" theo cánh quân viễn chinh, chiếc xe nào của lính dùng, xe nào của quan dùng, đều có ghi số hiệu ở ngoài cửa xe sinh lý. Đối với chúng mình vấn đề giải quyết sinh lý đó không đến nỗi thành vấn đề trọng tâm. Vì rằng người lính của bộ đội Việt Nam thấy mình hoàn toàn nhập hẳn vào tranh đấu, tình cảm ý nghĩa và cảm giác đều đặt hết cả vào chiến đấu. Nghĩa là cơ thể và các bộ phận trong con người đều không còn có thời khắc và hoàn cảnh để nhớ đòi đến những nhu cầu khác nó chỉ trở về với những cuộc sống nhàn nhã và yên hưởng. Bộ tuyên truyền của đối phương thường rêu rao chúng ta là bộ đội khổ hạnh. Đúng đấy. Chúng ta là những kẻ tu hành cầm súng đã diệt nổi những thứ dục vọng hạ cấp để đạt tới những khát vọng cao thượng của con người. Ngay đến cái miếng ăn của mình cũng chỉ là vừa đủ thôi. Sự hà tiện là cái đức tính của người đi xa.

Gần chỗ nói chuyện sinh lý ấy là một con đường thiết lộ phá hoại, cỏ xuân đang trùm lên lớp đá củ đậu. Từ ruột những chiếc tà - vẹc gỗ chìm vào đá vụn, rất nhiều nấm lim được mùa xuân đội mũ trắng cho, đang ngoi đầu lên mà

nghếch một quang cảnh xanh non tỏa lộc.

Thấy xuân ấm đã về với dân tộc, áo Trấn Thủ đâm buồn. Áo sắp xa nhạt cái mùi người chiến sĩ đã quen hơi!

Và bé lộc nhiều nhất trong ngày Nguyên Đán vẫn là bộ đội lấy lá cài lên mũ lên lưng, ngụy trang đánh giặc để kiếm quà Tết cho đồng bào.

*

* *

Thôn ổ giờ mở phố. Đô thị cũ là hoang vu san bằng, trên đó dây dợ và cỏ dại thay thế dần cho dân cư rút đi. Những con số địa chỉ của từng gia đình đã trở nên chuyện cổ tích. Chết lây vào đấy là cái hình ảnh đáng yêu của người phắc-tơ đưa thư.

Những cột lô-mét giờ đã thay cho số nhà. Đấy là những địa chỉ mới ở ngay giữa đồng quạnh hoặc sát bên đường chính xứ. "Tôi ở cây số 8. Mẹ tôi ở cây số 20 rẽ vào một quãng". Chiều xuân lữ thứ, ở những thôn xóm héo lánh, cô đơn cũng bốc mùi cà phê của bâng khuâng.

Lều tranh quán lá là những giọt lệ của người tỉnh thành đã bật hắn gốc thị trấn. Thời đại đã vãi thứ nước mắt đó xuống bên con đường đá bị

băm, vằm, mổ, xẻ chưa ráo tiếp giọt này đã tiếp luôn giọt khác. Và giọt lệ ấy cũng biết lưu động. Những gia đình nhỡ độ đường bên dòng sử đã nêu cho người cán bộ đường trường một tấm gương của kiên nhẫn, can đảm, chịu đựng, mong chờ, chiến đấu, và càng tin vào cái đường lối quanh co của sự vật tiến hóa.

*

* *

Không cần mở lịch sử để xem phương hướng xuất hành. Chiến tranh đã làm hộ việc ấy cho cuốn lịch Tàu. Người ta rủ nhau tiến về hướng Tây, lấy gia đình làm đơn vị cho rời lìa. Hạnh phúc ngày mai lại bắt nguồn từ mảnh rừng âm tối. Rừng núi phía Tây là cái bàn đạp dẻo dai để trở về đường trung nguyên sau này.

*

* *

Lòng đường nhựa bị xén đến già nửa, đến ba phần tư. Nước ruộng lẹm vào lòng đường, trên đó nhấp nhô những ngọn xanh bè rau muống lầm mùa đã trổ lên những bông trắng. Cái gia đình

của vô danh tản cư ấy, giờ ăn Tết ở cột lô-mét nào? Những hoa trắng rau muống, ngoảnh lại sau mình, giống như cái lông ngỗng Mị Châu.

*

* *

Chúng ta đã tăng gia sản xuất ngay ở bên đường nhựa. Mạ xanh vụ chiêm tới, tràn dần vào lòng con đường cắt. Trở về qua đường cũ, người công binh phá hoại níu một anh liên lạc, chỉ cái sức sống xanh rờn sắp mặt nước lấn đường kia mà cười. Điệu hát đi cấy ngày cũ, cô thôn nữ lom khom phân phát mạ xanh dưới kia đang đổi thành một khúc ca mới đăng báo khoảng năm nay thôi.

*

* *

Cái ụ đất khổng lồ trên con đường năm xưa ấy đã phủ đầy rêu. Thân gỗ to làm cốt chướng ngại vật, nay lại nẩy mấy chồi lộc. Tôi đang tần ngần bên mầm tươi. Có tiếng nói to: "Yêu cầu đồng chí lánh ra bên". Ấy là một trẻ mục đồng đưa trâu qua ụ đất. Cô bé để trái đào mặc váy nâu, ngồi trên sống trâu, tay cầm cuốn sách Tập đọc lấm

đất, quay nhìn lại tôi, bạo dạn, tươi tỉnh. Vẽ, lúc này thú hơn viết.

*

* *

Năm ngoái thấy đào nở giữa giời, có người hờn mát với Tạo Vật, cho rằng Tạo Vật là một giống chúa vô tình với nhân sự. Vui gì mà phô phang màu sắc trước cái đau thương tự vệ của dân tộc. Người ta liệt Tự Nhiên vào hạng vô sỉ. Trong nhân gian hoa đào "y cựu tiếu đông phong" trở thành một cử chỉ vô lễ. Âm lịch dư một tháng, mãi cho đến tháng hai mà còn thấy đào kết thêm một lượt nụ son nữa; người của thời đại phải kêu lên : "như thế này thì bao giờ mới hết xuân để kẻ thù xích lỵ tiện huyết, mà chết dần!"

Năm nay, trông đào dật dờ trước gió hiên, người ta không nghiêm khắc nữa, không gọi việc ấy là vô lý là manh động, không cần bắt Tự Nhiên phải thông cảm với con người. Đây là một thứ chủ quan sai lầm. Đào cứ việc nở bông. Việc ấy cũng dĩ nhiên như lòng chiến đấu của những con người ham sự mãn khai của Tư tưởng. Đào nở, biết đâu lại chẳng là một ý vui của thảo thụ góp thêm vào cái vui khỏe của Kháng chiến đã

đến lúc tới được cái mực "bình thường hóa" đi rồi. Bây giờ hoa nở giữa chiến khu để sau này hoàn thành sự nghiệp giải phóng của đất nước, hoa lại nở nhiều hơn nữa.

Những khải hoàn môn kết toàn bằng bích đào!

BA-DÔ-CA

Hết tàu hỏa rồi. Ở khu Bốn lần ra Thủ đô đã thành chiến địa đến mười ngày, tai tôi được một bữa no về những tiếng tặc tặc, tắc bọp, đẹt, đoành, đùm, đoàng, vang hưởng một trời ngoại thành Hà Nội. Từ hôm ấy, tôi được biết - một cách mơ hồ - đến súng ba-dô-ca. Nghĩa là anh em chiến sĩ ở ngoài ấy kể lại cho tôi nghe, lúc cuối chuyện, không quên hạ thấp giọng xuống: "Nhưng mà mình vẫn giữ bí mật. Có đem thứ súng này ra dùng, vừa ăn mấy chiếc xe tăng của nó ở mặt trận Chợ Hôm đấy; nhưng mình vẫn không cho chúng nó biết là mình có ba-dô-ca". Câu chuyện ba-dô-ca của bộ đội, đôi khi tôi cố lên mặt sành sỏi về tình hình quân sự và chiến thuật mà kể lại với chỗ quen biết, thì cũng được một vé thầm thì nhấm nháy thôi. Cho đến cuối

xuân năm nay, tôi gặp một nhà quân nhân chỉ huy mặt trận Thủ đô, tôi khẽ đả động đến thứ võ khí lợi hại rất mới mẻ với Việt Nam đó, vị tướng trẻ ấy mới nó bô bô lên : "Dạo ấy, tôi cũng có chân trong việc kiểm duyệt báo chí trong Hà Nội. Một buổi sớm, ngồi kiểm lại tin của một tờ, thấy họ đắc chí đăng lên là mình có ba-dô-ca, là mình dùng nổi ba-dô-ca và lại thành công, cả người tôi nổi điên lên! Tôi định cho các cậu bép xép ngu dại ấy một trận nên thân...". Rồi tôi lại được biết rằng cái cỗ súng ghê gớm ấy chỉ nặng có bốn cân, trông hiền lành như một đoạn ống máng kẽm, nước mưa vẫn chảy qua và mỗi viên đạn chống cơ giới địch ấy trị giá tới gần bốn trăm đồng, đuôi đạn có cánh lúc bắn ra nổ những hai tiếng và súng lại khai hậu. Và bây giờ, các công binh xưởng của mình ở rải rác các chiến khu đang xúc tiến việc chế tạo súng và đạn ấy. Mực sản xuất cứ được đều đều như thế, thì chỉ trong ít lâu, bộ đội ta mỗi trung đội đều sẽ có một khẩu ba-dô-ca mà ngự địch, tha hồ mà đi tìm mồi, mà tiêu diệt ca-nô cùng chiến xa giặc. Sung sướng và khoái vậy thay! Cả ngày ấy và ngày sau, gặp ai tôi cũng nói chuyện ba-dô-ca, làm điệu bộ nói năng quả quyết như một nhà kỹ thuật chuyên môn. Trí tưởng tượng của tôi thêm vào, đối với chung quanh mẩu thời sự khoa học

nghe lỏm và học mót được ấy đượm một màu quyến rũ. Có người quen, lên mặt sành, hạ gọn một vài câu: "Thế kỷ hai mươi, người văn sĩ phải như thế. Nghệ sĩ không có quyền mù vật lý học, hóa học, toán học và chiến học. Phải biết. Biết hết. Tương lai, rồi con người Việt Nam phải nhất nhất như thế cả" (!). Sự thật thì nào tôi có biết ba-dô-ca là gì! Tay tôi chưa được rờ vào vật báu ấy. Mắt tôi chưa được nhìn thấy và tai tôi thì lại càng chưa bao giờ nghe người đồng chí gang thép xinh xẻo dữ tợn ấy lên tiếng thịnh nộ chửi giết bọn khốn nạn bạo bướng. Ồ, bao giờ được đứng cạnh người đồng chí tối tân ấy mà nghe anh nổi lôi đình phà khói đen ra, thổi thốc vào thây giặc tan như xác pháo mãn địa hồng!

*

* *

Một buổi tối chúng tôi sắp đi nghe máy truyền thanh như thường lệ. Bỗng có anh bạn làm giáo viên trường Võ Bị đến rủ sớm ngày mai đi xem thử súng ba-dô-ca. Riêng tôi cám ơn thầm anh bạn cả đêm thao thức như những lần sửa soạn đi chơi xa. Sớm dậy tôi mới biết là đêm qua tôi hút nhiều thuốc lào. Bã và đóm đầy nhà.

Chúng tôi là năm anh em văn hóa kéo nhau qua Cửa Hữu vào thành. Một cái thành cổ phá hoại chưa triệt để, tường thành nhiều chỗ còn nguyên vẹn lần gạch bóc và đứt nối nhiều đoạn như thân một cái đê vỡ chưa hàn khẩu hết. Thời tiết thuộc về tháng cuối xuân năm nhuận, tuy là sớm mai nhưng nắng đã gắt. Chúng tôi vào một cái buồng Khu Bộ, ở đấy đã để sẵn hộp đạn sắp đem thử và cỗ súng ba-dô-ca. Chúng tôi làm quen với một số người lạ đứng ngồi quanh đó, tò mò, hỏi chuyện về thứ súng đạn thời sự, bấy nay vốn làm bận lòng mình và tự cho mình cái quyền rờ mó vào cái đám máy móc bầy ra đó. Một vài người cắt nghĩa cho bọn tôi hiểu đại khái về cách thức bắn, về thực lực sức phá của đạn nổ. Thì ra lại phải dùng đèn pin điện mới bắn nổi thứ đạn này và lòng đạn kia ra lôi thôi từng ngăn thuốc cách biệt nhau. Một kẻ vốn là ngoại đạo của khoa học - thứ nhất là Vật lý và Hóa học - như tôi cố mà hiểu lấy, thỉnh thoảng điểm tí nụ cười trên mặt cho nó đỡ trơ đỡ ngượng. Tôi còn tủm tỉm vì ý nghĩa này nữa : là công cuộc kháng chiến của dân tộc, thật là một phong hội thú vị. Nó cũng không hoàn toàn hẳn là bi tráng. Nó cũng không hẳn là thỏa thích gọn ghẽ trong dĩ nhiên của việc chống giặc nước và bám giữ lấy đất tổ. Trong cái xô bồ muôn vẻ của từng từng

lớp lớp con người đứng ùa lên một loạt, có nhiều cái rất là vĩ đại cao cả rồi đây phải dịch ra ngoại ngữ, có nhiều cái rất là tội nghiệp mà sau này thanh toán lại sổ sách một thời chiến tranh tự vệ, thật là không tiện nói lại với người ngoài - ngoài cuộc, ngoài biên giới. Bên những cái chín chắn vững vàng nó là công trình của suy nghĩ thuận với chiều tiến hóa của tư tưởng làm người, lại thoáng điểm nhiều nét con nít rất là ngộ nghĩnh đột ngột. Cái tàu bay địch rơi xuống ở phòng tuyến mình, ở hậu phương đã có một số người chơi đàn Tây nghĩ ngay đến cách xin hoặc mua cho được cái dây hãm phanh của con chim máy bị hạ kia mà tách ra làm dây đàn - hình như dây của cung Rê hay cung Mi gì đó - nhạc công xứ ta chẳng đang khủng hoảng dây đàn mà lại! Mặt trận ngừng tiếng súng, địch chạy, bộ đội ta chuyển vị trí, người nhà quê của đồng ruộng tăng gia sản xuất liền tìm ngay đến cái đất chiến trường còn nóng hổi kia để... mò một cái đuí vỏ đạn liên thanh về làm cái chuôi dao díp khoét nõ điếu cày - tháng ba ngày tám là lúc giáp hạt, chờ ruộng đé, người nông dân hút nhiều thuốc lào mà lại! Người ta làm quen với chiến tranh lần lần. Rồi trái lựu đạn được gọi là "quả na", bom gọi là "heo lợn" và đạn cỡ nhỏ gọi là "kẹo". Ông thợ cắt tóc, quấn vào cổ khách

hàng mình cái khăn to tướng bằng vải dù! Nhã quá. Rồi, cái dân tộc ưa nhàn, ưa hòa bình này cũng chế ra ba-dô-ca. Lúc mới nhóm lên sự nghiệp Kháng chiến, chúng ta đem cái chủ quan gậy tầm vông ra nhất định đương đầu với cái khách quan cơ giới hóa của giặc. Và bây giờ trong hàng ngũ của một hệ thống văn minh thủ công nghiệp, đứng sắp hàng với gậy vòng dao quắm bạch binh lại có cỗ súng ba-dô-ca, sự phát minh rất gần đây của Khoa học. Vui khỏe đến thế là cùng và cảm động cũng không cùng. Tôi dán mắt vào cái va ly gỗ đựng năm cái xác xe thiết giáp giặc Pháp - tôi muốn nói là năm viên đạn diệt chiến xa ; mỗi viên rồi ăn chắc một xe chứ gì nữa?

Một thanh niên hăm hở bước vào phòng làm mọi người xô giãn ra nhường chỗ. Họ nói thầm vào tai tôi: "Anh D đấy". Tôi gật gù và ngắm anh D. như một độc giả ngẫu nhiên được đứng trước tác giả một cuốn sách mình vốn sùng mộ. Thì ra kẻ thù số một của quân đội Pháp thực dân là cái người thấp đen nhanh nhẩu này đây đang xem lại cái pin điện khẩu ba-dô-ca này đấy! Anh D vui vẻ nói: "Để ta đi ngoài một cái rồi vô thử ba-dô-ca cho bà con coi hề!". Cái người đen thấp của phòng Quân giới thực nghiệm giản dị và linh lợi ấy lại vụt ra ngoài, vai đeo một cái túi vải hình

dẹp đựng giấy má và đầu đội một cái mũ nồi.

Chỗ thứ súng là một tường thành góc thước thợ. Người ta đã cạo sẵn một khoảng rêu phủ gạch mặt thành, vẽ vào đấy một cái hồng tâm tròn làm đích cho viên đạn chỉ một giây lát nữa là đem thử. Sau cái vỏ tường thành dầy bốn mươi phân gạch cổ, còn đúng một thước đất nữa của ruột thành. Đạn sẽ dùi qua vỏ gạch, chui vào ruột đất và hơi nổ của nó sẽ ép mạnh vào cái khối vật chất chắc nịch ấy. Ta cứ cho đấy là một khối chiến xa của địch đi. Và trước tầm đạn ba-dô-ca cái gì phải xảy ra cho chiến xa rồi sẽ được xảy ra tức thời cho mà xem. Tôi cứ cuống cả người lên mà chờ tiếng nổ. Bãi đất nhỏ bên hào thành đã chật cứng những người : các vị Khu trưởng, Tham mưu trưởng, Quân huấn cục trưởng, nhân viên tùy tòng và một số người hữu tâm với súng trận được biết tin này kịp lúc.

Anh D. đã quỳ xuống, một đầu gối sát mặt đất, một vế đùi làm cỡ cho cùi tay trái, và để khẩu súng lên vai. Nhiều người khác và tôi đánh đai lấy anh D. Không ai ngăn cấm chúng tôi cả. Mấy khi tôi được trố mắt nhìn gần như thế này. Anh phụ trách lắp đạn đã cho đạn vào nòng súng và mắc dây điện từ hòm pin ăn vào đuôi đạn có cánh. Mắc xong dây truyền điện, anh phụ

trách đạn lùi ngang ra một bên, ngấc mắt ra hiệu cho chúng tôi đồng thời cũng lùi ngang ra. Thường đạn ba-dô-ca bao giờ cũng phụt lửa lại phía sau, ai vô ý đứng nhầm vào sau họng súng, hơi lửa phụt hậu làm hại tính mệnh như chơi.

Anh D. ngắm hồng tâm vạch ở góc thành rêu cách chỗ anh quỳ độ ba mươi thước. Anh nheo mắt lại, ngón tay trỏ bấm cò. Một tiếng đoàng. Mắt tôi nhìn theo vào góc thành, chờ cái tiếng thứ hai phải bắt nổ tiếp ngay chỗ ấy. Chẳng thấy góc thành phía trước làm sao cả và cũng chẳng nghe thấy tiếng nổ thứ hai. Chỉ nghe thấy cạnh mình một vật rơi bịch. Thì ra viên đạn ấy hỏng, gặp tường thành không những đã tịt lại còn bật quăng lại, sức phản phóng trả hỏa đạn thối trở về chỗ cũ, nghĩa là chỉ một chút nữa thôi, nó sẽ đập trúng người anh D. vẫn còn quỳ trên đất. Người thử súng lặng lẽ cúi nhặt viên đạn, nhìn viên đạn rồi chặc lưỡi lắc đầu. Bản năng tự tồn ở tôi khiến đôi chân tôi lảng xa dần khẩu súng. Có người kêu rằng có lẽ người sắp đạn đã lựa nhầm phải lứa đạn hỏng đã để riêng ra rồi kia mà. Tôi đã theo nhiều người nhảy lên mặt thành chọn một chỗ cao hơn và xa hơn vị trí súng. Dưới chân thành, anh phụ trách lắp đạn đã mắc xong dây điện vào đuôi phát đạn thứ hai. Anh D. lại ngắm hồng tâm. Tất cả bồi hồi chờ

phát thứ hai. Một tiếng đoàng. To lắm. Mắt tôi mở to nhìn thốc về phía tường thành vạch hồng tâm. Chỉ thấy khói đen thuốc súng tỏa mù mà không có tiếng nổ thứ hai nào hết. Một người đứng xem vội kêu thất thanh: "Thôi, thằng D. chết rồi!". Tôi sững trên mặt thành, sự suy nghĩ dừng hẳn lại. Thị giác tôi chỉ nhận được là mọi người đang nhốn nháo và luồng khói đang tan dần: nhìn xuống chỗ anh D. quỳ ban nãy, tôi không thấy anh đâu cả. Cả khẩu súng cũng không. Chỉ có anh phụ trách lắp đạn mặc bộ ka ki Nhật đang nằm trên cỏ mà kêu rên. Cái hình người ấy đang lăn lộn trên đất như người đau đẻ. Sự bất ngờ của tai nạn làm mọi người hoảng hốt, tán loạn. Bây giờ tôi mới đú hiểu và được đặt trước một sự thật ghê gớm: anh D. chết rồi! Chết ngay chỗ anh quỳ xuống thử súng. Thật là một điều đau đớn khủng khiếp xảy ra ngoài dự tưởng. Tôi biết thế nhưng mắt vẫn cố tìm lấy cái xác người chết chỗ mặt đất ấy. Không thấy gì cả. Mấy người bị thương đã được vực đi rồi. Tôi lần đến phía chân thành.

Thì ghê thảm đến bực này: cái đống thịt nát giò giã sống rực màu máu tươi kia là xác người thử súng! Đầu anh D. hình như văng xuống hào nước, cái mũ bêrê xé nát cháy sém như giẻ lau kê ấm vứt trên bãi có hoen. Cỗ súng cũng bật đi

đâu. Nghĩa là cả súng cả người bắn đều tiêu tan bay mất. Tôi vội kêu một người vào lấy cho cái chiếu đắp kín lên đống thịt còn nóng.

Cái chết xảy đến bất ngờ quá. Tôi vừa chiêm bao xong. Tôi vừa sống một cơn ác mộng, trước sau có mấy phút đồng hồ. Đúng như cái sự thật của La Palisse, trước tai nạn này có một phút, anh D. là một người sống. Sống để tìm tòi, để phụng sự quê hương, để căm thù giặc, để cùng run rẩy với cái điên cuồng của anh em binh sĩ ngoài mặt trận bị khủng khoảng võ khí phải uất ức nhìn chiến xa địch nghênh ngang và khiêu khích trên đường cái. Giữa bao nhiêu người xuất trận và người thanh niên ấy ngồi cặm cụi ở phòng thực nghiệm công binh xưởng, đã có một niềm thông cảm cao quý vĩ đại. Ngồi ở hậu phương, anh D. đã tiếp sức cho những người phía trước đói khổ, bò, nấp, rút, tiến, đánh, bắn và bắn. Một ít đồ thủy tinh, một cái cân tiểu ly, những con số bài toán về bột thuốc diêm lưu, trong lúc còn sống để được làm việc cho khoa học, anh D. đã cùng một hoài bão một hy vọng với anh em chiến sĩ của mọi công tác kháng chiến và thứ nhất là bộ đội. Phải chế cho được thử thuốc súng này, phải chế cho nhiều, phải chế cho nhanh. Người lính Việt Nam vô danh đang giục, ban chỉ huy quân sự giục, đồng bào giục,

dân tộc giục, quốc sử giục, và lòng yêu hòa bình công lý lại càng giục nữa, giục mãi. Làm sao cho cơ giới hóa của Pháp tê liệt đi, tan hoại đi cho nhanh cho nhiều để còn rảnh tay nghĩ đến kiến thiết chứ, anh D! Anh hấp tấp, lật đật, hối hả, cuống quít và bao nhiêu hình ảnh sự sống có lẽ chỉ còn thu gọn vào cái dáng một cỗ chiến xa giặc mở máy xốc vào tim óc anh. Thế rồi giờ anh nhắm mắt, trước sự phản bội bất trắc của vật chất.

Tôi không được quen anh D. Chưa nói với nhau một câu nào, chưa gặp nhau một lần nào. Lần này là lần thứ nhất và là lần cuối cùng. Nhưng tôi không thể coi cái "bất đắc kỳ tử" của anh D. chỉ là cái chết của một người sơ, một người lạ, một linh hồn qua đường nào. Sớm hôm nay phải vĩnh biệt một người mới nhất kiến, tôi thấy tôi vừa mất một cái khí giới quý lắm và cần lắm. Một chiếc ca-mi-ông Khu bộ vun vén thể xác anh D. và đưa anh ra nghĩa địa ngoài nếp thành, chỗ gần mộ chí ông Đội Cung. Hoàng hôn nhòa vào tiếng lấp huyệt "Chiến sĩ Tổ quốc ghi ơn". Cái đám ma này đã thành một cái tang thấm thía, trong đó sự đau buồn không phải là một chuyện có lẫn sự giả vờ gắng gượng như ở thói xã giao ngày bình. Không cứ là quen biết, là bạn thân sơ, khi mà người ta là Việt Nam được

biết kịp là người ta đến. Đến để mà đau xót tiếc rẻ thành thực. Giờ cất đám anh D.

*

* *

Ngay cái buổi sớm đi xem thử súng ấy ra về, tôi muốn tìm một cái bờ bể nào mà nghỉ ngơi lấy một vài ngày. Cả người tôi hoang mang, nhớ tiếc buồn giận. Và buổi trưa ấy, chúng tôi chí sợ phải ăn cơm có món thịt trong mâm ăn. Có người lên tiếng oán khoa học, oán chiến tranh. Một anh bạn kêu rằng sau cái tiếng thử súng ấy, trong đầu thấy mọc lên đình chùa và nhà thờ đến năm bảy cái. Chúng tôi hiểu thâm ý anh bạn, lừ mắt khiển trách thì anh vội cất cái ý nghĩ tiêu cực ấy đi và nhớ ngay đến thái độ gần đây mình vẫn hàng ngày, đưa ra mà dựng tư tưởng. Cuộc thí nghiệm nào mà chẳng trị giá đắt đỏ. Và càng về thí nghiệm khoa học càng tốn đến mạng người. Người chiến sĩ lại càng không hay mặc cả về những điều này. Chúng tôi tìm thí dụ trong khoa học giới, tự an ủi về sự mất mát của người hy sinh. Nhưng nói gì thì nói, những giờ làm việc tập đoàn vào ngày sau vẫn có người tự nhiên ngừng bút, ngừng đọc để thẫn thờ với âm một

tiếng đạn dội từ chỗ tưởng tượng nào về. Cách đây một hôm lại có tiếng ba-dô-ca nổ liền liền gần chỗ trụ sở đoàn kịch chúng tôi ở Cống Chốt. Tôi đang tắm. Nghe súng, người tôi bỗng thấy lạnh. Và tôi muốn biết ngay xem ai là người đang tiếp tục thử ba-dô-ca ngoài thành kia. Tôi vội quơ quần áo chạy ra đường. Các bạn tôi đã nhanh chân đi trước rồi. Họ chạy cả vào Hành Cung, vì lần này thử ở trong ấy.

Lúc tôi đến thì vừa thử xong. Mấy phát đạn đều ăn thua cả, thủng lần gạch hai gang và đạn vào sâu trong tường đất đến sáu bảy tấc. Mọi người hân hoan. Lẽ tất nhiên là tôi cũng vui thích. Nhưng giá mà báo cáo được ngay sự thành công này cho anh D. thì sung sướng quá mất đi thôi. Ở "dưới ấy" anh D. đã được biết chưa.

Tôi đã quên câu chuyện thử súng. Bẵng đi mấy tháng. Rồi một ngày nắng tháng năm, đoàn kịch lưu động chúng tôi chỉ đóng ở một đình làng gần phố Cầu Giát. Bỗng có một Trung đội Vệ Quốc Quân hành quân qua đấy và cũng vào đình nghỉ. Chúng tôi lùi sang một bên. Anh em bộ đội đi cả đêm qua, vừa nằm xuống đã nhiều người ngủ. Chúng tôi im tiếng đàn hát, cả cái tiếng tập lại vở. Cổng đình, sáng loáng chiếc đại đao anh bộ tiêu đứng gác. Trên cánh đồng khô bao la gió

Lào rít từng dợt đều đều, thổi từng cơn lửa vào đình rộng. Đây đó góc nền đình, một vài anh ôn lại về lý thuyết kịch. Gió thổi như khóc than kêu hú. Ban ngày mà cũng rợn. Nóng như đốt. Người ta đừng tưởng chỉ có cảnh đông lạnh mới gây thê lương mông quạnh. Lượng sức gió, chúng tôi nằm mà sợ cho cái sân khấu giữa giời. Vài bài trí rồi như buồm ra khơi gặp giông tố. Và tiếng nói diễn kịch nào cho lại với tiếng gió bạt hơi người này. Buổi chiều đến, cơm nước xong, anh em bộ đội quét bếp sạch sẽ, thu dọn nai nịt lên đường ra mặt trận Thanh Hóa lúc bấy giờ đang găng ở vùng La Hán Cổ Lũng. Một anh giờ cái chăn dạ xám ra bọc khẩu ba-dô-ca để lên vai, đi tập hậu. Cái đoàn người đi hàng một ấy lặng lẽ bước. Tôi vụt nhớ đến anh D., nhớ cái buổi sớm xưa tại một góc thành Nghệ An. Tôi nhìn theo cỗ súng xa dần, mong nghĩ đến cái ngày thắng lợi cuối cùng, dân tộc sẽ để cái kiểu súng này vào Bảo tàng viện Kháng chiến. Trong phòng triển lãm mai sau một con bướm mỏng sẽ nhẹ nhàng đặt chân non trên miếng lạnh súng ba-dô-ca cánh màu chập chờn hòa nhịp với cái tiết tấu của Kiến Thiết ngoài trời rộng xa.

NHỮNG VỊ HUẤN ĐẠO CỦA BẤY GIỜ

Một thầy, một cô, một chó cái,
Nửa người, nửa ngợm, nửa đười ươi

Hai câu thơ cũ này của văn chương lớp trước như đã đóng đinh lên thời gian một nhân vật điển hình Việt Nam . Nhân vật điển hình trong vàng son đã nhạt của dĩ vãng nổi bật lên với điều kiện sinh sống và hoàn cảnh xã hội nho phong. Nói đến ông huấn đạo - cái nhân vật điển hình ấy của xã hội cũ - người ta có cái cảm giác là trổ một lỗ cửa về phía sau nhà cho da gáy mình nhận lấy một luồng gió tây của ngày xưa thổi về từ một cõi chết. Lạnh là phải lắm. Ông huấn đạo, cái người ở trong "giáo ban", cái người trí thức không ở trong "chính ban" là cái người chuyên môn bố thí chữ của thánh hiền ấy, thật là một niềm đạo hạnh chân thuần. Cái ông quan lạnh lẽo ấy (lãnh hoạn) đã ăn rất ít mà đã làm rất nhiều, đức phụng sự to lớn đến cái mực không biết gì đến sự hưởng thụ ở cuộc đời nữa. Vào thời cha ông chúng ta trở lên có mấy ông huấn được ăn tiệc, mặc áo đẹp và cho họ hàng được nhờ. Nếu họ hàng còn tha thứ được cho thì

cũng chỉ ở cái chỗ là thân nhân một vị huấn đạo thì thường không bị nghe chửi lây. Duyệt lại những giá trị tinh thần trong đám người của những tổ chức xưa cũ, con người huấn đạo đã được lọc giữ lại để làm một thứ mẫu hàng chắc chân của dĩ vãng. Và cái giá trị bảo tàng ấy đã được đặt lên trên cả việc khảo cứu thuần túy. Đi qua tủ kính của Ngày Xưa, cái mẫu người lịch sử này chỉ gợi ở chúng ta một sự kính yêu duy nhất.

Nhưng mà ông Huấn Đạo chưa chết.

Cái linh hồn huấn đạo vẫn còn phảng phất trên có cây xứ nông nghiệp yêu dấu này. Cái hình ảnh huấn đạo vẫn còn là cái bóng ban của phong cảnh quê hương thân mến này.

Thật vậy, từ ngày Việt Nam giữ lấy chính quyền, nước ta có rất nhiều vị huấn đạo. Và những vị huấn đạo bình dân học vụ đã trở nên phong trào quý trọng của kiến thiết. Khắp thị thành đến thôn quê ai cũng trông thấy, ai cũng nhắc đến họ. Cho đến cả chỗ chân giời mặt bể cũng thấp thoáng cái dáng người cầm hòn phấn trắng. Ngoài những giờ truyền cái đạo Quốc Ngữ, chốn bể xanh rừng đỏ, những vị huấn đạo 1947, lại làm bạn với phong lan chỗ chân chim bóng đá khỉ ho cò gáy, lại làm bạn với mánh sò vỏ

hến của thủy triều ven cát mà không bao giờ nghĩ rằng công mình chỉ là việc dã tràng. Họ vui trong tin tưởng, trong khổ hạnh. Mặt con chữ cái đã trở nên mặt Chúa. Và bờ cõi nước ta có đến đâu thì ở đấy đã có sẵn những bóng người vẽ phấn lên bảng đen.

Họ không ngồi lên một cái xe tay cổ điển sơn đen bằng gỗ - vành bằng gỗ, cả đến nan hoa cũng bằng gỗ - như những vị huấn đạo chân chính của thời cũ đi cung chức ở các vùng phủ huyện. Họ đã tự đẩy họ đi qua Tổ quốc, đi qua thời gian của kiến thiết bằng mọi cách đài tải có thể có được. Nghĩa là phần nhiều là họ đi bộ thường trực. Họ dạy trong đình làng, ngoài ruộng cỏ, trên mặt nước (lớp học của anh em các vạn chài) trong đò dọc, đò ngang, trên hang núi vùng thượng du (lớp học của anh em dân tộc thiểu số) và ở trong hầm trú ẩn (lớp học anh em đội viên). Họ dạy, tiếng giảng bài sang sảng át cả tiếng sông bể át cả tiếng thú rừng gió ngàn, át cả tiếng súng của giặc nã vào cuộc đấu tranh giải phóng của dân tộc. Để vào đâu cho hết được những xúc cảm ở tôi, mỗi lần đi thăm lớp học Bình Dân mở ngay tại tiền tuyến mà giáo viên phụ trách là người lính có chữ lại vỡ lòng cho

người lính chưa có chữ. Thày giáo lưng đeo súng lục, lựu đạn; học trò một tay run run cầm cái bút, một tay gọn ghẽ ôm vào lòng một khẩu mút-cơ-tông vừa nguội nòng. Người giáo viên bình dân học vụ không cần đến nhà trường và nhiều lúc lại không cần cả đến giấy bút nữa. Tất cả những kẻ nghèo khó ấy của một quốc gia mà nền tài chính đã bị bọn đô hộ bòn rút trong bao lâu, tất cả những thầy và trò bình dân học vụ đã viết bằng que củi, que nứa, hòn gạch, viết xuống sân lát, viết xuống đất xuống cát, xuống bùn khô. Trời sao lồng lộng đã tỏa sáng xuống những lớp học lộ thiên này. Nhật nguyệt tinh tú thay phiên nhau mà chứng minh cho cái lòng cầu học của cả một thế hệ của ba bốn thế hệ (có cụ gần 100 tuổi còn tìm thấy cái vui của vỡ lòng). Nền đất Việt không biết mỏi vì sự sinh nở nhiều của tăng gia sản xuất, lại còn muốn dướn trỗi lên mà công kênh con người ở đây tới cho gần thêm nữa với ánh sáng. Thảm thương và ghê rợn thay là trong dư âm của tiếng học lại còn chua vào bao nhiêu vang dội của trận mạc trong nước và chiến tranh ngoài xứ. Vừa đánh giặc vừa cày ruộng vừa dạy học để dựng lại lịch sử mình và thống nhất địa dư mình, khả năng của dân tộc kể đã phong phú

và bền bỉ dẻo dai lắm vậy. Và cái hình ảnh huấn đạo 1947 đã vặn lại cái chiều nghĩ của những kẻ bạc nhược vẫn còn hoài nghi cái ngày mai của quê tổ.

Người huấn đạo 1947 lại hình như không có tuổi. Xưa kia ông Huấn thường là một người đàn ông đạo mạo có tuổi. Bây giờ ông Huấn nhiều khi lại là một thiếu nữ tóc thề hay là một trẻ mục đồng ống quần nâu cao thấp hay là một chị hàng xáo dạy chị em đồng nghiệp cùng họp chợ chung một lều và v.v... Người giáo viên bình dân không phân nam nữ già trẻ, không kể giai cấp tầng lớp và thứ nhất là không kể tuổi. Có lẽ những nhà giáo này không bao giờ hiểu được hai chữ hưu trí và đã quên cả nghỉ ngơi trong phụng sự. Học trò của họ thường không được sạch sẽ thơm tho. Rách rưới, bẩn thỉu hôi tanh nữa, là cái không khí thường xuyên họ phải tẩm mình vào. Nhưng đức làm người duy tha ở những nhà giáo ấy đã trùm tỏa lện cuộc đời đang sinh thành một thứ hương trầm nó đánh tan những xú khí của dèm pha, ghen ghét, của mưu mô trộm cắp. Cuộc Cách mạng đã tẩy uế được phong tục xứ này. Những cái chổi giữ việc vệ sinh chung vẫn cần phải mòn cùn đi nhiều lắm mới

được. Con đường chạy về tương lai vẫn còn gợn rác và có mùi. Nhưng cái điều chúng ta đáng chú ý là chưa có một thằng ăn cướp, một thằng hủi nào dám trêu ghẹo xâm phạm đến người giáo viên Bình dân học vụ.

Thời đại đã đưa ra nhiều mẫu người anh hùng. Người anh hùng cầm súng. Người anh hùng cầm cuốc. Người anh hùng cầm búa, cầm bay. Vẽ lên bìa cứng, trông đẹp như những cây bài lá tô thuốc của một thứ bài cao quý mà thế kỷ sẽ đặt tên và quy định cách đánh và lề lối giải trí cho các em nhỏ đời sau. Có lẽ lá bài hình người giáo viên cầm hòn phấn trắng là xinh nhất.

Sống với hiện tại, giờ là gắng gỏi, phải lấy hết trí tuệ ra để kiềm chế thiên tính, thú tính, phải suy tướng và lúc cứ bị lịm ngất đi như có ai bỏ mình vào một cái hũ lớn mà lắc mạnh đủ trăm chiều. Tế báo của cơ thể lắm phen cứ muốn tự ý mà biệt ly nhau trong thân hình mình, trên thân hình mình. Lá trên đầu mình rụng ào ào. Rễ của chân mình tung bật gãy lìa. Thấy ngòi bút mình chạy trên giấy không kịp được cái đà bước của nhân vật thật tại, đã nhiều lần tôi muốn quẳng ngay cái thằng tôi đi. Chẳng cần phải đố thách mà hồn kẻ bộ hành này, tam tứ thứ, đã muốn

vọt ra ngoài tim ngoài đầu để tìm một trung tâm trọng lực khác ở ngoài cái bản thân mình. Thấy cái đau xót của Tìm Hỏi, của Đợi Chờ tôi muốn nổi điên với tất cả và chẳng với ai cả. Cả người mình chỉ muốn văng ra ngoài thành một cái gì, dẫu rằng cái gì đó chỉ được là một chữ tầm thường mà tự điển không ghi vào. Cả người mình muốn được là một hòn chì nhọn phó mặc cho thời sự mổ cò vào. Cái viên đạn đó đi ra, lại không cần đến mục tiêu nữa kia đấy. Nó trúng vào cái gì cũng được hoặc nó sẽ rơi tõm vào khoảng không sau khi đã thực hiện xong cái đường thăng đạo của nó.

Nhưng tất cả những hoang loạn hỗn độn này đã được dẹp nén xuống mỗi khi tôi nghe thấy người giáo viên Bình dân tay cầm hòn phấn miệng hát lên cái bài vỡ lòng của tiếng mẹ đẻ "I tờ giống móc cả hai. I ngắn tờ dài lại có gạch ngang".

Người giáo viên ấy đã đem nguồn sáng vào nhiều cuộc đời tối tăm tù ngục. Và đã dạy riêng kẻ cầm bút bị khủng hoảng chế tạo này một bài học về đức nhẫn nại, nhẫn nhục, về tu dưỡng, về khiêm ái và thế nhất là về tin tưởng. Cái thầy đồ mới vững khỏe ấy đã khơi hộ ở một nguồn

tình cảm lành mạnh và đẩy tôi vào cái vui trong sinh thành quanh mình.

Mấy trăm dòng này là một lời cám ơn, kính gởi một thầy đồ ân nhân đã gián tiếp đưa được lễ nhạc vào kẻ sục sặc hấp tấp này.

Và hỡi, những bạn mà máy móc trong người đã rỉ cáu hoặc rời rão bệnh trệ, tôi muốn các bạn tìm đến người giáo viên bình dân - có khó gì, ở đâu mà chẳng có, có thể nói là họ đông như thóc gạo kỳ được mùa vừa rồi - mà lấy điện, mà mượn điện. Máy nào rồi cũng chạy đều. Trừ phi cái hòm ắc quy ở đầu chúng ta hỏng đến mực không lên được lửa thì... thì... Nhưng mà hãy cứ tìm thầy giáo Bình dân mà gần mà hiểu đi đã.

Đầu 1947

TAM ĐẢO ĐẦU 48

Tam Đảo là một nơi nghỉ mát đắt tiền, một xa xỉ phẩm của du lịch mà trước ngày Tiền Cách Mệnh, chúng ta không dám nghĩ đến chuyện đăng sơn. Từ khu IV ra Việt Bắc, đây là dãy núi cao đầu tiên chúng tôi băng qua, dốc ngoằn ngoèo có nhiều chỗ dựng ngược lên đến 15 độ 20 độ. Cảnh đang sang hè. Đỉnh cao trên kia là cái phần thưởng đích đáng cho người bộ hành xiết mãi tay vào gậy, gò lưng xuống từ gà gáy cho đến bây giờ trăng đã nhô lên khỏi đầu núi. Chân tôi miết vào dốc Tam Đảo, ngực tôi phồng lên khí lành Tam Đảo, tay tôi khua động trong mây Tam Đảo. Sao trời ở quãng đèo dốc này sáng tỏ hơn bao giờ. Và tôi có cái cảm tưởng là gần với giăng sao hơn cả bao đồng bào rải rác dưới kia đồng bằng. Mây núi ở đây cũng gần lắm. Giơ tay ra là quơ được mây. Mây cứ bám sát lấy núi như cán bộ bám riết lấy dân chúng vùng chiếm đóng. Vô vàn suối thác ồ ồ không ngừng bên tai, vui sướng như tiếng thủy điện hóa trong đại kiến thiết sắp sửa. Giấc ngủ đến, nặng như một đêm lành của người dân cày sau ngày gặt ấy. Tạm quên cái bầu trời pha lê ngoài kia cửa sổ, tôi

nhắm mắt. Cách sườn bên này, khỏi bên sườn núi kia, là Thái Nguyên rồi. Ngủ đi lòng ta ơi! Rồi ngày mai ngày kia đem cái lòng trong trẻo khỏe mạnh vào Đất Thánh. Trấy Việt Bắc, đây mới chỉ là một cung đài tiền trạm của cả cuộc hành hương. Đây mới là một cuống họng phía Nam của Việt Bắc.

Đêm vừa qua tôi đã ngủ trên chỗ tàn binh Communal đóng quân cách đây năm tháng. Bị tỉa mòn bị mất mát sứt mẻ thua lỗ ở Việt Bắc, tàn quân Pháp rút về xuôi và qua Vĩnh Yên, chúng có rẽ lên đây. Cả cái đám tiếp viện ở Cầu Đuống lên nữa. Hai chuyến vào hai ngày 4 và 8 tháng chạp 47. Chúng án binh lại một đêm, đóng ngay ở cái khách sạn Mê-tô-bôn sừng sững năm tầng kia. Đồng bào tạt ngang vào núi kịp, không việc gì. Chúng đốt cháy cả một làng Việt Nam ở cách phố Tây này một cây số về phía dưới. Tôi xuống thăm làng Việt Nam . Sau cơn binh lửa tàn phá, cả làng chỉ còn là ít nền nhà nóc đã ra khói gần nửa năm nay. Gạch sạm vết lửa gỗ sém thành than và vụn thủy tinh tung tóe. Cây chưa lại màu lá ở nhiều gốc già. Hỏi đến chiến sự vừa kéo qua, đồng bào cho biết rằng anh em dân quân xã Tam Đảo có bố trí tập kích giặc chỗ Dốc Sến, khi chúng rút lui ném chín quả lựu đạn, bị hy sinh mất một người và bị chúng bắt mất một

người. Sự thiệt hại ở đây xét ra không đến nỗi nặng như dưới phố Liễu Sơn và làng Mán Cửu Yên dưới kia. Hai vùng dưới ấy, ngoài nạn lửa, lại còn thảm họa hãm hiếp cuồng dâm nữa. Làng Việt Nam (!) ở xã Tam Đảo nay hàn gắn vá víu lại, nhiều chiếc mái lợp tôn, bừa bộn lổn nhổn chờ đợi dọn dẹp. Những giàn su su xanh tốt ra quả, băng bó lại vết thương dân cư. Chiều đến nhìn xuống đường nhựa chữ chi nhấp nhô khom khom những bóng gồng gánh đi chợ tỉnh cây số tấm chở thực phẩm lên Tam Đảo. Nheo nhéo qua vực lam, tiếng chim *Bắt cô trói cột - Bắc Quang Bắc Mục* điểm giọt vào khoảng chênh vênh của đất nghỉ mát. Thác Bạc ồ ồ đổ xuống, xuống mãi. Ở khoảng cao này, thấy mất chân giời. Chân giời là cái tâm sự riêng của người đồng bằng. Ở đây, nghìn thước khỏi mặt biển. Lấp loáng chỗ xa tít tắp của nhỡn giới là dòng sông Nhĩ Hà. Cái nghẹo loáng ấy là cái tai Nhĩ Hà - con sông lớn đất Bắc chúng ta đấy. Lại thấy cả chỗ sông Lô đổ vào dòng Nhĩ. Đứng núi này trông núi nọ, thì phía Tây Nam Tam Đảo kia là Tản Viên Ba Vì chỉ trông thấy ngọn, chân mất hẳn trong hơi khói mịt mùng nhờ nhờ như bột phấn thông như khe lụa là. Tam Đảo có nhiều lâu đài. Biệt thự xanh đỏ trắng vàng trập trùng bám vào sườn đá có hàng trăm tòa. Ấy là sản nghiệp của Pháp

Dùi Cui. Ấy là tàn tích của thực dân. Bến cái nguy nga trùng trùng điệp điệp của một thời ông tây bà đầm, lơ láo vài biệt thự của một vài người An Nam được cuộc đô hộ Pháp đặt vào hàng ưu đãi. Những bất động sản Tam Đảo tường, nóc, trần, nền vẫn y nguyên. Chỉ có cánh cửa là dỡ đi. Nhiều biệt thự còn nguyên cả khung kính. Ở đấy, có thể dùng làm an dưỡng đường cho một số anh em thương binh. Trùng sốt rét hết làm ăn ở đấy. Chỗ cao mát này không phải là vùng kiểm soát của anophèle. Tôi đã vào nhiều lâu đài. Mỗi lúc ở đôi kiểu nhà xi măng ấy trở ra, lòng lại ứ thêm những giận thù. Có bao nhiêu tầng gác là có bấy nhiêu lớp hờn. Những cái tổ mát có sơn bóng, có cẩm thạch, có huê viên phù kiều lan can con triện kia, nếu chúng ta không gọi là hầm trú ẩn lộ thiên của cướp bóc, của dâm uế thông lưng với giặc, của bóp nặn, của chính sự hà khắc lừa đảo, của ích kỷ vô nhân đạo, thì còn gọi là gì nữa ? Đấy là những kỳ công kiến trúc dựng trên núi, dựng lên trên thặng dư giá trị mồ hôi nước mắt phía dưới núi của cha ông ta và ngay cả chúng ta và con chúng ta nữa. Đấy là huyết lệ của số đông bị rút ngược lên đỉnh núi cao. Đấy là sinh mệnh của con người biến ra tường gạch móng đá nền hoa. Rường cột thối nát ấy là xương cốt con người trăm năm đô hộ cũ đó. Có

gianh ngoi trên cuội sân, trên vách lan can tôi thấy như có má mới. Mùi hoang phế ở những điêu tàn khác gợi đến thương nhớ. Niềm tàn lạnh ở đây chỉ càng giục thù oán nguyền rủa. Mỗi một khung cửa sổ vắng cánh kia là một con mắt khuyết đồng tử, nhìn không chớp mắt vào một không gian liên chi hồ điệp những tội ác. Ghé sát vào từng con mắt thông manh ấy, từ đáy nó hiện ra dần dần biết bao nhiêu là đâm chém, tù đầy, bòn rút giả trá mưu mô. Ô, nước dòng suối khít những lầu hoang này có lẽ giờ mới là trong sạch, sau bao nhiêu năm chứa đựng chuyên chở cái tanh lợm của sự hãm hiếp vu cáo và phản bội. Lặn mặt giời, gió quẩn ào ào, từng loạt như tiếng vỗ tay tàn cục của những hồn ma bóng quỷ khiêu vũ yến tiệc thời Tiền Khởi Nghĩa. Trận cuồng phong gặp vách đá có lúc rền rĩ nhại lại cái rên xiết xưa còn chưa tiêu tan hết. Dưới ánh trăng ngà, cái bể bơi của Tây Đầm, khô trơ đáy và lạnh như một cái vạc dầu nguội bếp. Vực Thác Bạc, âm tối như lòng ngục và tiếng suối canh hai lào xào những phân trần của tội nhân xì xồ trong đêm ướt.

Nơi chúng tôi nằm là biệt thự một Tây buôn. Ít lâu nay, sau tiêu thổ, tay và mắt mình quen với vách nứa phên liếp và nền đất. Nay nhất đán lại nhìn rờ đến kền bóng, đến kính, đến

sơn, đến quả đấm sứ, khỏi nào không bỡ ngỡ thâu canh. Tự nhiên lòng lẩn thẩn với chuyện xưa, đâm nghĩ ngay ra mình lúc này là thân nhân một người bồi hoặc một người gác vin-la Tây, lén lút ăn gởi nằm chờ, và hưởng trộm ít khí lành của cấm địa.

Rồi mặt trời phía sau núi lại nhô lên và bật lửa thiêu vào những dãy lâu đài tội lỗi. Tôi để ý đến lũ trẻ chơi trên đường nhựa thả xe xuống dốc, hoặc tụm năm tụm ba ở bãi cỏ Ấu Trĩ Viên, nhún nhẩy trên đu ngựa gỗ, đánh chuyền trên ghế đá công viên. Tây còn ở đây thì lại có cái cảnh này à! Tây mà còn làm chủ núi này thì vạn kiếp nữa trẻ con mới biết cười đùa với cỏ lá bên suối bên cầu! Ô, bóng Lõ đã làm thui héo bao nhiêu nụ cười đồng ấu: Lõ là hình ảnh đồng nghĩa với Ngáo ộp, trẻ đang khóc bỗng nín bặt khi nhắc đến mấy tiếng: "Kìa ông Tây!". Trước ngày Cách Mệnh, ngay đến bố mẹ đám nhi đồng này lúc nhúc dưới làng Việt Nam kia cũng còn lấm lét, đố dám bén mảng lên đến chỗ cao đẹp của phố Tây (!)Tam Đảo này. Bố mẹ chúng nó muốn đem quà bánh lên bán cho bồi bếp chị hai hầu hạ quan Tây thì phải ôm thúng hàng lên từ ba giờ sáng để tránh mặt lão đồn. Rồi đến trưa, giờ Tây nghỉ mới dám lên người không để lấy tiền. Cái đề lao thường phạm Tam Đảo chỉ nhận

tù Vĩnh Yên về vụ lạnh có gió tầu bay có gió đòn càn buốt nhói đến tủy, để sửa sang đường xá vườn tược; mùa hè hai trăm tù phạm lại phải dời đi hết vì bẩn mắt người thượng quốc. Có nhiều Đầm oe con và tuổi tác đã ngất đi vì nhìn thấy người bản xứ rách bẩn quá. Làng Việt Nam dưới kia, độ ba mươi nóc có trướng phố, đất thì đất rừng mà chúng cũng cố quy ra thành thước vuông mà đánh thuế. Cả làng chúng cho vẻn vẹn bốn ngọn đèn điện còn xóm thượng từng chúng thì đèn riêng, mỗi nhà cũng thừa biến thành một thủy tinh cung. Sau ngày Chín tháng ba 45, ngay lúc đã bị Nhật dồn cả lên đây, chúng nhận Tam Đảo làm An toàn khu riêng rồi mà mùa rét năm ấy, bọn Pháp Pêtanh khốn nạn vẫn còn cố bòn rút dân lân cận, bắt dân hai huyện Tam Dương - Lập Thạch, ở trong phạm vi đường kính hai mươi cây số, phải nộp củi cho chúng sưởi, chuyển từ chân núi lên ngọn từng đoàn một thở hơi ra đằng chân tóc! Cái lần chở củi về rừng ấy, chúng trả cho đồng bào mỗi thước khối cúi theo một giá tượng trưng *ba đồng rưỡi!* Chuyến vừa rồi quân Communal Tam Đảo, có nhiều Pháp quan văn cũ và Tây buôn cũng theo gót lên để lấy ra những vàng bạc châu báu giấu trên này trong thời đầu hàng Nhật.

Tôi có sang viếng cái nhà mát của Toàn quyền

Đông Dương dựng riêng ra trên một quả núi biệt lập. Trong toàn tập cáo trạng chế độ thực dân, đây là bản số một. Lần này đã tan hoang, gió quẩn non cao gỡ từng viên ngói đá đen vứt xuống vực sâu. Những viên rơi ngổ ngang trên thềm núi, trẻ con lom khom nhặt về dùng làm bảng đen học quốc ngữ. Của mình đấy, cứ lấy nữa đi, các em ạ! Tôi nghĩ đến những dịp Toàn quyền xưa kia đánh ô tô lên Tam Đảo nằm nghỉ mấy ngày, tha hồ mát mẻ tĩnh trí mà chế biến độc kế để hãm hại dân nước. Dưới mái lầu ngói đen và dưới cái sọ dừa những Thủ Hiến có truyền thống tàn nhũng tham ác kia, ở cái phủ Toàn quyền này đã là khởi điểm của bao tội ác. Tôi thèm một vài quả địa lôi gài ngay vào lầu này!

CHÂN TRỜI VIỆT BẮC

Đã mấy tuần liền, Nguyễn không nhìn thấy chân giời - cái thứ chân giời cụ thể gọi được ra trước nhãn giới mình. Một ngày không chân giời là một ngày thèm khát. Thèm khát hơn cả kẻ tội tù ngóng trông ánh sáng. Nước suối mặc sức mà róc rách, liên tiếp ồ ồ dưới chân. Chỉ thõng tay xuống là vô số nước trong trắng của suối ngọt mát. Vậy mà Nguyễn khát lắm.

Ngày lại ngày, sớm đi chiều ngừng, chân Nguyễn cộng những cây số - nói là những giờ đi rừng thì đúng hơn, vì những cây số lối hẻm lòng rừng cũng co dãn lắm trong ước lượng đến cái mực không thèm đếm nữa. Kể cũng đã khá thời gian Kháng chiến và cũng đã nhiều không gian Việt Bắc. Nguyễn vẫn không thoát được núi rừng. Muốn di chuyển mấy, muốn xê dịch mấy, chàng vẫn là một người tù của thung lũng lúng túng bé nhỏ trong những lòng chảo ruộng bậc thang. Mặt trời chỉ còn mọc và lặn trong thói quen của ký ức Nguyễn. Lắm đoạn đường vượt đèo, Nguyễn hí hửng quên cả vất vả khi leo lên dốc 20 độ. Lên cao, hẳn thấy lại chiều và tịch dương. Thất vọng biết mấy: mặc dầu là cao gần

ngàn thước khỏi mặt bể, trước mặt chàng vẫn là núi án ngữ, chứ không phải là chân giời. Núi xa, núi gần. Núi rừng, trùng điệp đánh đai lấy một lòng ngóng nhớ miền xuôi - cái miền xuôi bằng phẳng thiếu oai phong lẫm liệt của địa hình nhưng biết nói sao! Nó đã là nếp quen của rung cảm hàng ngày. Giá lúc đứng bói chân giời ở đỉnh cao này có ai ghé tai tỉ tê rằng ở cuộc đời này, ngoài núi rừng còn có sông dài bể rộng và có những cánh buồm chạy đè lên cái vệt thẳng tắp của chân giời - vùng khu III chẳng hạn - thì Nguyễn lấy làm bỡ ngỡ hồi lâu kia đấy. Thiếu chân giời còn đau xót cho cơ thể hơn là thiếu chất i ốt, chất muối, chất đường. Thiếu thốn này không những chỉ là một khuyết điểm về tâm lý mà lại cả về sinh lý nữa. Chỉ có những người theo cơ quan đoàn thể công tác lâu ngày ở vùng núi mới hiểu rõ và thương lẫn nhau về khủng hoảng chân giời. Mới hay người đàn bà lắm lúc đã trở nên một sự kiện chóng phai nhạt. Có lắm anh em cán bộ đa cảm đã lìa được hình ảnh người tình ra khỏi đời sống hoạt động khắc khổ của mình mà lại hay nhắc nhỏm thốn thức với một chân giời ngoài lớp lớp núi dẫy! Chân giời đã trở nên một chất gì của cơ thể. Gần hai năm Toàn quốc kháng chiến, rất nhiều chiến sĩ trong suốt thời kỳ làm việc trên núi, đã hoàn toàn tự

túc về tình cảm, coi như hai tiếng đàn bà không có ở cuốn tự điển mình nữa, nhưng chưa có người nào dám tuyên bố mình đã quên hẳn được cái vạch chân giời vùng xuôi.

Bất giác Nguyễn nhớ đến lời anh bạn phụ trách địch vận trên con đường số 4. Bữa nọ gặp ở một bản chân đèo, anh than với Nguyễn: "Mình chỉ mong vớ được mấy chú hàng binh là áp tải về Th. Ng ngay. Đi miết ngày đêm, chỉ 3 ngày đường là được thấy lại chân giời". Nửa năm rồi Th. Ng vẫn còn là trung du còn cách đồng bằng những một vĩ tuyến chếch về Tây mà anh đã đòi có chân giời! Nhưng thôi, đối với người túng thiếu khoảng rộng đã lâu ngày thì một tí thoáng rộng ấy cũng gọi là tiềm tiệm rồi.

Núi rừng làm cho bọn Nguyễn thiếu thốn chân giời và chối ngấy lên vì màu xanh. Xanh đến phát điên lên được. Cây xanh có xanh, đá xanh, đất xanh, quần áo xanh (lam thì khác gì! Cũng vẫn là xanh chỉ loại), da bệnh xanh và gặp ngày phiên thì cả cái chợ cũng xanh um một màu chàm. Tưởng ở lâu trên này có một ngày kia, màu chân mình bị vắt cấn rồi cũng đến xanh lè nốt. Đi sâu vào núi rừng chỗ cao chót vót, có những điểm trắng lốm đốm nhà Mán nó làm cho mắt Nguyễn được đổi món. Nhưng những nhà lé

trắng bệch đó bé như một chấm nhỏ giữa cái bao la vô cùng xanh vĩnh viễn, xanh tất cả. Chỉ có lửa lớn đốt rẫy mới thỉnh thoảng đổi màu sắc đi tí chút cho rừng núi xanh.

Không mỏi chân, nhưng thấy mệt nhiều quá ở đôi mắt, Nguyễn đòi nghỉ. Hai bạn đồng hành Chính và Hoành đều tán đồng ý kiến đó. Khoảng rừng núi chiến khu ấy có cơ quan trung ương, họ bắt liên lạc ngang vào. Cứ như chứng minh thư của Khu Bộ giới thiệu thì họ lên đây sưu tầm tài liệu về chiến công Việt Bắc. Tài liệu về chiến dịch mùa thu trước thì nhiều loại lắm. "Vậy các đồng chí cho biết rõ xem cần những loại gì? - Chúng tôi muốn được xem những báo cáo quân sự của những đơn vị dự chiến hồi ấy, những họa đồ về công sự những vị trí địch hiện đóng trên một vài địa điểm đường số 4 và nhất là được đọc những giấy má bắt được của Pháp và xin giấy giới thiệu với những đơn vị nhiều thành tích - Đồng chí đợi cho vài hôm. Vì cơ quan di chuyển luôn, tài liệu đều phân tán, chứ không tập trung như trước. Chắc đồng chí đi luôn đi lâu, cũng nên nghỉ ít ngày, vừa dưỡng sức vừa chờ tài liệu. Để chúng tôi liên lạc đưa các đồng chí qua nghỉ ít ngày bên chiêu đãi sở đại đội K. 26... Tiện lắm. Xóm này mới dựng xong, chưa ai đến ở cả. Làm việc tha hồ mà tĩnh".

Hoành, Chính và Nguyễn liền theo anh *dét-tê* sang. Chiêu đãi sở nằm lọt vào một thung lũng âm u cách xa mọi bản xóm. Đây là thế giới của hoang rậm. Một con đường độc đạo là lối ra vào ngựa phải dắt cương, người phải đi nghiêng và trời mưa thì phải bò : có những chỗ dốc ngược, gót chân người lên trước chấm trán người leo sau. Ba anh em say cảnh lạ và cây cỏ lỗ mãng man rợ, đều trầm trồ phục cái vô trật tự của thiên nhiên. Chiêu đãi sở là một xóm độ dăm nhà nứa lá gồi mới dựng, tre lạt gỗ tươi còn đầy nền, mai kia, chiêu đãi sở nhận một số hàng binh Trung Âu vừa mới chạy sang hàng ngũ mình ở phòng tuyến đường số 4. họ sẽ ăn ở đây trong những ngày đầu để thụ giáo về lý thuyết tân dân chủ và sẽ họp thành một đơn vị com-măng-đốt biệt động. Những người chiến sĩ ngoại quốc ngày mai của nền Dân chủ Cộng hòa Việt Nam ấy đang lên đường từ biên thùy sắp về đây. Và muốn gì thì gì, ba anh em Nguyễn là người khánh thành Chiêu đãi sở (!) này, nghĩa là bộ ba ấy là người đầu tiên dóm rau dóm bếp cho cái xóm đặc biệt đây. Anh *dét-tê* ấy là anh Năm, kiêm luôn việc tiếp tế hàng ngày cho Hoành, Chính và Nguyễn. Phụ trách với Năm là chú Tranh. Một căn nhà nứa Chiêu đãi sở đỏ lửa bốc khói từ hôm ấy. Anh Năm nấu bếp rất có tài.

Đám Com-măng-đốt nào cũng muốn giữ riệt lấy anh, anh đi nấu ở cơ quan khác là các bạn ngoại quốc ăn kém vui ngay. Số là trước anh phụ bếp ở Mê-tô-bôn thời Pháp thuộc và sau đêm toàn quốc nổ súng, anh Năm là một chiến sĩ anh dũng của Trung đoàn thủ đô. Cái tâm sự lập chiến công của anh Năm kể cũng giản dị và kỳ ngộ. Anh, người Nam Hạ, quê ở tỉnh Thái Bình nơi có tiếng trước kia là lò cung cấp công nhân tư gia cho tất cả Bắc Bộ. Năm là một nông dân, vợ chồng có cửa hàng tạp hóa ở quê nhà. Cuối năm 1946, anh từ Thái Bình lên Hà Nội cất hàng mua ít thực phẩm khô để về bán Tết. Bóng, mực, măng khô, vàng hương, pháo vừa cho vào bồ xong định sớm mai xuôi sớm thì đêm ấy Hà Nội nổ súng tắt đèn và cầm đầu cho các súng trận ở toàn quốc kháng chiến. Nghe lời anh em công binh phá hoại ở bờ sông và anh em Vệ quốc đoàn, Năm liền vứt luôn bồ hàng Tết vào đống lửa lớn của đêm mười chín tháng chạp và vài ngày sau, anh hai lần cầm bom ba càng đâm chiến xa giặc chỗ gần trường Ke Bờ Sông. Sau ngày tử chiến chợ Đồng Xuân - cái túi đựng đạn mỏ chìa của Pháp - anh ném lựu đạn vào Khu Bộ Trung Đoàn Phố Mới, đuổi Việt gian và vào vớt nốt những tài liệu chưa mang đi hết. Diện tích chiến đấu của khu Đồng Xuân bây giờ rút lại còn có mấy trăm thước vuông và dịch

về Ngõ Gạch. Trung đoàn Bộ cho anh làm Tiểu đội trưởng, nhưng anh từ chối, viện cớ rằng mình còn phải được nâng đỡ nhiều về mặt văn hóa.

Anh Năm kể bằng một giọng chất phác đều đều, như là thuật những chuyện tầm thường của một người nào ấy. Đáng yêu quá.

Vào giờ cơm ba anh em Nguyễn lại dừng bút viết và bút vẽ xuống nhà dưới chân núi. Bao giờ cũng có đĩa sà-lát Ruýt, cái tác phẩm xinh tươi của anh Năm. Chỉ có ban ngày đó bếp là thấy bóng anh Năm. Tối đến anh mất: anh bận đi khai hội sinh hoạt. Bóng đọi rọi tường phên nứa tươi càng bật rõ lên cái hiu quạnh của gian phòng ba anh em Nguyễn. Nó cô đơn như một bệnh xá bí mật. Nguyễn thêm nhớ những ngày xưa bị an trí ở *căng* đường ngược. Giá có anh Năm ngủ lại đây mà nói chuyện! Cứ mỗi hoàng hôn anh đưa bình nước pha sẵn lên để đi ra bản ngoài theo những giờ huấn luyện là bọn Nguyễn lại ngập ngừng có ý muốn giữ anh Năm ở lại! Cả đêm họ trằn trọc, mỗi người một giường nứa bé cọt kẹt, mỗi người một cái màn con. Họ chưa quen với cảnh nhà mới làm giữa rừng thẳm, đèn đỏ ngọn cả đêm. Họ càng cảm thấy cái bưng bít của Việt Bắc. Những ngày đi bộ đã thiếu chân giời, những đêm nghỉ tối trong im lặng này càng

đào thêm nỗi xa lìa nhân loại. Muỗi anophèle rung vang ngoài lá màn. Nhạc rừng của lam sơn chướng khí làm cho Nguyễn càng nhớ lại những bóng lá cọ dưới nắng bao ngày. Buổi trưa nào, Nguyễn cũng nhìn ra tua nhọn lá cọ rung múa nhấp nháy trong nắng phủ. Rừng cọ run lên dưới nhiệt độ sáng lóe. Mỗi lá cọ như cắt vào sắt tây sơn xanh, nấc múa phập phồng trong oi ả ẩm hấp. Cả một cánh rừng cọ ấy đang sốt rét giữa mùa hè, mỗi tầu run bần bật như van xin bọn Nguyễn đắp ngay cho mỗi lá cọ một tấm chăn bông. Chung quanh đám lá chưa cất cơn ấy thì cây có chim muông trước Chiêu đãi sở đều phô bầy những hình sắc đồng bóng khó chịu. Hoa chuối mọc ngược chói như màu phượng. Bồ kếp rừng đỏ như chát son nhì vào rêu đá. Vải thiều bừng gắt như mặt người say rượu có râu quai nón. Và thân những cây vầu cây mai thì nhè ra một mầu phấn rí đồng tanh chết người. Như ma xó, tiếng chim bắt cô trói cột nheo nhéo đếm từng chiếc lá rơi. Có những con chim nhỏ, lông rực như lửa, bạo dạn đậu ngay ở khung cửa nứa và trố mắt nhìn không chớp vào lòng Chiêu đãi sở. Lúc nó bay vút thì là một quả cà chua chín vụ xòe cánh. Thằn lằn rơi bèn bẹt vào bụng người nằm ngửa. Nguyễn cảm thấy mình được đọc những truyện quái dị. Quả dại rụng xuống, hàng

tràng tiếng khô và rỗng tiếp tục mãi trên mái gồi rào rào như chân thú đặt nhẹ trên lốt lá nỏ. Không ngủ được, choàng dậy làm việc để quên đêm, trằn trọc thì muỗi rừng và dĩn đốt cả đến trang giấy mở rộng. Nguyễn muốn chống gậy đeo bị lên đường tiếp ngay lúc rạng ngày tới. Thà cứ lủi thủi đi thường xuyên trong núi rừng không chân trời còn hơn là nằm đây để xa cái hoạt động của con người. Nguyễn đặt mình vào lòng sầu xứ, vào tâm sự những giấc ngủ bỡ ngỡ không ngon dài của tốp hàng binh Âu châu sắp tới, khi họ quần quại nhớ đến nước xa, nhớ đến Varsovie, Prague, Budapest và ngẫm đến lễ phế hưng của những đô thị khói lửa ấy. Những giờ nặng ướt ở đây đều đã mọc rêu cả. Những ngày đàm đạm, những đêm khắc khoải nhắc Nguyễn, Chính và Hoành thèm cái tiếng thở dài của nước suối giã gạo bên những nương đã đi qua. Những tiếng suối kĩu kịt nện chày ấy cũng chẳng vui gì, nhưng ít ra nó cũng còn là cái sinh khí của cảnh vật có động biến.

Vậy mà rừng sâu u uất bỗng một buổi trưa vang rền tiếng ngựa hí. Chiêu đãi sở bị kích động như có kỵ binh hành quân qua. Cả bọn Nguyễn đều bỏ công việc ghi chép giấy mực, chạy cả ra ngoài. Một đoàn người Da Trắng đội mũ có sao vàng đang buộc ngựa tiến về phía họ, kèm

một anh liên lạc cũng đeo súng trận. Một vài dáng điệu quen quen điểm nụ cười. Thì ra mấy ông tướng Đức đã từng gặp! Họ cười nói oang oang: "Chiều nay chúng tôi có cuộc khai hội gần đây. Biết các anh làm việc ở đây, chúng tôi tìm đến chơi. Để nói chuyện văn nghệ". Cả bọn Nguyễn mừng rơn. Chỉ có mấy người Đức mà cảnh Chiêu đãi sở đổi khác đi. "Ít ngày nữa, chúng tôi sẽ lên lớp cho đồng bào chúng tôi mới chạy qua bên chúng ta tại xóm này. Góc rừng này xa khuất kể cũng tiện đấy. "Họ rít thuốc lào như dân cày xứ ta. Họ ngắm căn nhà, ngắm địa điểm. Nguyễn ngắm họ. Người nào trông cũng hiên ngang sát phạt cả. Họ đã Việt Nam hóa tên họ từ trước ngày mười chín tháng chạp và có người lấy vợ Việt Nam đã có con. Mình họ sặc mùi thuốc súng, da thịt họ phảng phất mồ hôi mãnh thú, chân tay hoe hoe lông ánh như sợi cước và câu chuyện bật nổi lên một vốn văn hóa rộng trùm nó tố cáo một căn bản Trung Âu - cái ngã tư gặp gỡ của nhiều nền văn minh qua mọi thời đại. Hàm răng họ khỏe và chân thành như những luận điệu họ. Trong khi bàn về hiện trạng chính trị thế giới, về những ngòi bút chiến sĩ quốc tế, họ soạn pha luôn cà phê đem theo bên yên ngựa. Lại biếu bọn Nguyễn ít thuốc lá nữa. Sau tờ báo tiếng Đức địch vận, họ liền bình một

đoạn của Engels viết một cách tiên tri cách đây sáu mươi năm:

"Rồi những chiếc mũ miện sẽ rơi xuống lề đường từng hàng tá một mà không ai nghĩ đến chuyện lượm nhặt". Nói về tài đoán của Engels họ nhìn nhau: "Cái con số mấy mươi triệu vạn người làm mồi cho đạn bom của đại chiến mà ông dự đoán, kể cũng không sai thực tế chiến sự gần đây mấy tí, và về chiến tranh 14-18 và trận 39-45 vẫn là một. Nó là hai đoạn liên tiếp của một sự kiện thế giới, cùng chung một tính cách, chứ không phải là hai trận như số đông lầm tưởng".

Theo lời yêu cầu của bọn Nguyễn, một anh com-măng-đốt già bèn cất tiếng bình một đoạn văn Đức. Tiếng Đức nói bằng giọng hầu thanh, có chập vần nuốt vần chỗ gằn rên, chỗ phớt đi nghe quả là dữ mạnh và quyến rũ được tai người nghe. Bình xong đoạn cổ văn Đức, anh bạn già ngoại quốc cười: "Các anh vừa thấy đấy, trái hẳn với lời tuyên truyền của một bọn Pháp hủ lậu, tiếng Đức không đến nỗi chướng tai quá như họ vu cáo! Âm thanh nó cũng có chất nhạc. Trên hoàn cầu khó nhất là tiếng Nga rồi đến tiếng Đức. Muốn vững về triết và khoa học, nên học tiếng Đức, các anh ạ". Trong buổi họp mặt

chuyện góp linh tinh, nhân xem đến những tập tranh các vùng đô thị tiêu thổ của Chính, họ phục cái chất hội họa đều có ít nhiều trong mỗi con người Việt Nam. Không phải để tỏ ra mình cũng lịch sự khen lại người đã khen mình, bọn Nguyễn phục cái chất nhạc của dân Đức: tai mỗi con người Đức đều có ít nhiều cái đức tính thẩm âm. Và bọn Nguyễn đều tỏ ý tiếc rằng nhạc phẩm Việt Nam gần đây chưa đạt được cái chỗ cao siêu; nếu không thì công việc địch vận sẽ kết quả nhiều đối với cái tai binh lính của Đức bị ép bắn súng thuê cho bọn Pháp phản động. Rồi câu chuyện lại xoay quanh văn chương hiện đại; triển vọng của Việt Nam sau kháng chiến, nghệ thuật tiểu thuyến giờ là một vấn đề kỹ thuật. Mọi người đều đả động đến vài ngòi bút chiến đấu cho thế giới, sự nghiệp họ và cách làm việc của họ. Có người đã từng chiến đấu bên cạnh Tây Ban Nha dân chủ 37-38, ngòi bút cắm hẳn vào máu sôi Tây Ban Nha mà sáng tác. Trong số đó ngày nay có cây bút còn đang hăm hở cầm súng ở Hy Lạp sau khi thoát chết ở Varsovie 39. Một bạn Đức đang âm thầm soạn một cuốn tiểu thuyến về kháng chiến Việt Nam bằng tiếng Đức và muốn mượn ít mẩu chuyển kể lại của Nguyễn để làm tài liệu. Vui tin quá.

Một buổi họp ấy ở rừng vầu Chiêu đãi sở, đã

có bao nhiêu thông cảm, bao nhiêu trao đổi và rung lên, một hy vọng chung giữa những con người khác quốc tịch. Lúc chia tay, ai cũng tần ngần. Chiều tà Việt Bắc buông dần xuống đàn ngựa Com-măng-đốt rẽ dây cương.

Một vài ngày sau, bọn Nguyễn xếp sách vở, trả tài liệu cho cơ quan, lại rời Chiêu đãi sớ, bắt tay anh Năm và chống gậy lên đường tiếp. Núi rừng Việt Bắc vẫn như bao giờ, trùng trùng điệp điệp bít giấu chân giời. Vẫn bé nhỏ trong thiên nhiên Liên khu I, bọn Nguyễn chỉ là ba cái chấm nâu ngày ngày ngoằn ngoèo trong các lòng chảo thượng du xanh lam. Và cái chân giời thèm khát kỳ nọ, Nguyễn thấy không cần tìm ở thiên nhiên vướng khuất nữa. Chàng tìm ngay ở trong tâm tưởng mình. Cái nhãn giới của tư tưởng thì không còn núi rừng của bất cứ thượng du nào bưng bít nữa. Trong những ngày đi tiếp, mặc vách đá chấm mây cao ngất trời trước tầm mắt nó như kiểu đường vào Ba Thục của Lý Bạch (!),Nguyễn vẫn có một chân giời riêng trước mắt trong lòng để hút dẫn mỗi bước mình. Cái hiểm trở của thiên nhiên đã không còn đủ quyền lực để hạn định nhỡn giới sáng tác ở người lên đường.

Bắc Cạn tháng 6-48

TÌNH TỀ

Ta vào chuyện bằng đoạn đầu. Tôi vừa đặt chân lên chợ Đ, mắt còn cay vì những đêm đò không ngủ. Trong cái chen chúc của phiên chợ đông, có tiếng quen quen bỏ nhỏ gọn vào tai tôi: "Có muốn vào Tề không?". Nhận rõ anh bạn vừa chào nhỏ một cách thú vị như thế, tôi mừng quá, kéo ngay anh ra một quán vắng, hãy tự cho mình cái quyền ăn uống đủ chất béo, chất ngọt để báo thù lại những lúc rút bộ đường dài đã. Anh bạn thừa biết tôi đang là một người của phong trào đi sưu tầm tài liệu. Tôi quý anh lắm, - lúc gặp này, anh không bắt chước lối sáo ngữ mà hỏi : "Thế nào, độ này có sáng tác được gì không?" Anh hẹn chỗ gặp, ngày gặp để cùng vào Tề.

*

* *

Cái phố Văn Trai, cái hành lang của Cám Dỗ, Lừa Đảo, Dò Xét ngầm, của Bất Trắc, của Xót Thương và của Ăn Xổi Ở Thì. Nó là một cây số Trại Con Gái, càng đứng xa, càng thấy rõ là một khu phố nhà gianh của vợ lính tập thời đế quốc.

Lòng phố là mặt đất; nhà thì chống cọc tre vào đít mà nghển lên, bám vào dịa đê, chầu hẫu ra lòng, cái nọ nhìn chõ sang cái kia và cái nào cũng y như cái nào. Mặt hàng nào cũng tương tự mặt hàng nào. Bật lửa, lược hóa học, mực bút máy, dép Con Nhạn (!), dây dù, túi dù, nón nỉ và ít thuốc sốt cám Âu Mỹ lăng nhăng. Mình có cảm tưởng là một số lớn cửa hàng gầy mỏng này chỉ là trạm liên lạc cho nhiều thứ việc ám muội. Những xóm tre bao quanh khu phố này có thể là những *đề bô* của *sì tốc* hàng lậu đang chờ dịp chọc thục vòng vây C.A cảnh giới. Cái cửa hàng này rất có thể là chỗ liên lạc thông tin của Phòng nhì Hà Nội. Cái cửa hàng kia có thể là chỗ hẹn hò của bọn rủ người dinh tê Hà Nội. Nó còn là những gì nữa? Giặc mà thọc một mũi dùi vào đây thì, phải biết, còn khối sự lạ! Tôi phải lượn cái phố Văn Trai này ba lượt để chờ anh bạn đưa mình vào đất Tề.

*

* *

Bên kia Cống Đồng Quan, một dãy xe tay nối càng và tôm vào nhau như chờ một anh cai xe thời Tiền Kháng chiến. Những người phu xe này

có hẳn chuyên tâm vào việc kéo xe hay là đang làm nhiều việc nó khác hẳn cái việc kéo xe? Chuông nhà thờ làng Tr. đổ những hồi Angelus. Ruộng lúa chín đang rưng rưng lệ thóc rỏ vào hoàng hôn vùng sát địch. Một nhân viên của Ủy ban kháng chiến, lưu vong nháy chúng tôi, vội vã vượt thẳng lên, thân mật bỏ thõng lại: "Tình hình khá lắm!".

Cuộc khai hội buổi tối hôm ấy của cán bộ phụ trách vùng Tề náo nhiệt trong sự hạ thấp giọng. Nhiều khuôn mặt thanh niên sáng sủa và quả cảm. Anh Cả anh Hai anh Năm... Đặt kế hoạch, phân công giải thích, tiếng anh Cả luôn luôn "anh em có còn thắc mắc điều gì nữa không?". Tôi nhận một tấm giấy căn cước viết sẵn bằng chữ Pháp có dấu của một lý trưởng (!) và của một ông đồn Tây (!). Cả đêm tôi thao thức với cái tên mới của tôi và hút rất nhiều thuốc lá để tập suy nghĩ và xử sự theo với tấm "bản mệnh" mới. Thấy nó hay hay, hơn hẳn cái thư mạo bút danh viết bài.

Con sông có đò rồi đến khúc sông không có đò. Đồng lúa chín bao la trong ánh sáng sớm, không một bóng người gặt. Sông không đò, ruộng chín không người gặt. Biên giới đất Tề bắt đầu. Từ phút này tôi nhớ rõ không được thấy một con

chim nào sập sè trên đồng vàng tít tắp hoặc trên cây to. Chúng tôi lặng lẽ đi hàng một. "Ta vào làng này". Tôi theo anh chỉ đạo rẽ vào một cái làng không có chó không có gà gáy trưa nghĩa là không có con người. Ngõ đầy lá tre khô, tua tủa cành rào. Ao đầy bèo. Đầu ông Phật chùa làng, giặc chém rơi dưới bệ son. Thân một tường gạch, còn ghi rõ mấy dòng không hắn là khẩu hiệu kể tội Pháp ngày ấy tháng ấy về làng giết bao nhiêu, cướp bao nhiêu (trâu bò) đốt bao nhiêu và cuối cùng: "Chúng ta phải trả thù".

*

* *

Phía đồng Kh.Th. có tiếng súng nổ. Đồng lúa chín tắt tiếng đạn, lại càng thăm thẳm hơn. Cái mênh mông vàng nẫu của đồng chín không bóng dáng lom khom của dân cày, trông còn cô quạnh bằng mấy mươi cái tịch liêu xanh lè của rừng. Trong gió hanh, trên đất khô, sóng lửa thầm thì về thảm kịch của vùng kiểm soát. Ở đây khô sáng, ròn rã, vàng tươi. Nhưng lạ thật, tôi bỗng nhớ cái ẩm ướt tranh tối tranh sáng của rừng Việt Bắc với những điệp khúc con "Bắt cô trói cột". Ở đây xa vắng quá, trơ lạ quá.

Một tiếng nổ phát ra từ một xóm lẻ giữa đồng quạnh. Mà nó lại như tiếng tắc bọp. Anh chỉ đạo chậm bước: "Đừng có dừng lại. Cứ vừa đi vừa nói. Có thấy chúng nó hành quân thì đừng có chạy. Mặc kệ nó. Hễ ngơ ngác lấm lét chạy là nó bắn". Anh sửa lại vòng dây da nịt súng. Được một quãng bỗng thấy anh đứng lại, chăm chú nhìn ra xa: "Này anh, anh nhìn kỹ hộ tôi xem có phải mấy đám người đi trên đê xa kia đang rẽ ngoặt lại không? Mấy bọn ấy họ vượt mình từ chỗ bờ sông buổi sớm ấy mà". Tôi nhìn kỹ vào giữa chỗ đồng không ruộng quạnh, cũng không hiểu là họ đang đi tiếp hay là những đầu rắn ấy thấy vướng, chùn lại và rẽ ngang lùi về. Tôi lảng câu hỏi và hỏi luôn lại:

- Thế sao hở anh?

- Nếu những đám người kia họ chùn lại, tức là gần đây có biến và ở phía này chúng ta rẽ luôn đi thôi. Phải tinh ý thế, nó đỡ cho mình những cái phiền gặp chúng nó ở giữa đường. Thẻ của anh thuộc về làng Tề trên, nó gặp anh ở đây là đủ lôi thôi rồi.

- Bây giờ...?

- Bây giờ mình rảo bước lên. Rẽ luôn vào làng Tề kia. Có gì đã có dân chúng chống chế đỡ cho. Ở ngay trong làng thì không sao chứ vu vơ giữa

đồng nhiều nguy hiểm hơn.

Vừa rồi cũng chí là cách quá phòng xa. Nhưng dẫu sao, chúng tôi cũng tới được địa điểm nhanh hơn giờ định. Vài đứa trẻ đang loay hoay phía bờ ao lôi cái thuyền thúng lên. Tây không hay sục sạo các làng vào giờ này. Những chiếc thuyền thúng được vớt lên để đi vớt cái bèo, hái cái rau cho bữa cơm chiều. Rồi gần mờ sáng thì lại dìm đi.

*

* *

Đồng chí dẫn đường hỏi đến tên một người nào là cả làng Tề đều bảo là đi vắng cả. Anh dẫn đường tủm tỉm thầm thì riêng. Ra vì có tôi là người lạ.

Bữa cơm buổi chiều thê lương ấy, tôi ăn rất no. Tối nay phải thức và phải đi luôn cả đêm. Bà chủ nhà đưa tăm, chép miệng thèm thuồng cái đời sống ngoài vùng tự do: "Có bị tàu bay khủng bố ngày mấy lượt cũng còn là cứ sướng hơn trong này, các anh ạ. Mâm và nồi này là vừa mới vớt ở dưới ao lên đấy chứ. Cơm sáng ăn vào lúc còn tối đất, xong một cái là dìm tất cả xuống đáy ao. Ấy chậm giấu đi, tờ mờ sáng chúng kéo vào là mất

hết". Người con trai bà kể thêm cho biết rằng bình dân học vụ ở vùng Tề này khác hẳn ngoài vùng tự do, nay lại dạy vào buổi ban ngày. Tối Pháp không cho đèn đóm, nó trông thấy có ánh lửa hay có đứa nào báo lên bốt là nó đòi hỏi, tra xét, phạt và dọa khủng bố: "Mà bây giờ chúng nó lại cấm đóng cổng làng. Trước kia thì nó bắt đóng cổng cho kỹ. Cả cổng nhà riêng, ngày đêm đều phải bỏ trống. Để cho nó tiện việc kiểm soát. Hễ đóng nó bảo là để che chở cho cán bộ ngoài ta".

Tôi sang nhà khác. Đến mỗi chỗ, đồng chí dẫn đường đều giới thiệu tôi là một nhà báo vào "đi thăm đồng bào". Mấy em nhỏ dĩnh ngộ linh lợi như các em liên lạc, chào tôi đi qua nhà bên và hỏi với: "Bao giờ anh lại vào thăm các em nữa ? Và lần sau vào anh cho chúng em nhiều tranh ảnh kháng chiến và bài hát nhá!" Tôi nghĩ đến một ngày nào trong tương lai gần đây, vùng Tề được giải phóng, các em này sẽ thi hát với những em ngoài vùng tự do.

Tôi đi thăm đồng bào nhiều nhà. Mỗi chỗ mươi phút. Ông cụ Phó ấy đưa ra cổng còn quyến luyến: "Các anh vào liên lạc với đồng bào trong này, thật là quý hóa quá. Chúng tôi vẫn trông ngóng ở ngoài ấy. Khổ lắm các anh ạ. Đêm ngủ không đẫy giấc. Ngày hai buổi chỉ bận bịu vì

nghe ngóng xem nó có kéo qua làng không. Canh tư gà gáy là bắt đầu lo rồi. Chó cắn là giật mình. Có một hồi làng phải góp tiền thuê chung hai người gác. Mỗi người hai trăm rưỡi một tháng; một người đầu làng, một người cuối làng. Bỏ nhà kéo ra vùng tự do, thì nó đến đốt nhà đốt làng. Ở lại, thì đồng bào các nơi ngờ vực, khinh bỉ". Tôi an ủi ông cụ rằng trái lại, *vùng ngoài* đang cảm thông với cái thống khổ của *vùng trong* này đó.

Ông cụ bên cạnh nhà ông Phó là một người phải lên vị trí Pháp nhiều nhất. Ông quắc thước chất phác. Ông bô bô: "Chính vùng Tề chúng tôi còn mong Pháp chóng thua, mong chờ gấp vạn ngoài vùng tự do ấy chứ lại. Chỉ có tiêu diệt vị trí tam giác của nó trên kia đi thì chúng tôi mới ăn ra ăn ngủ ra ngủ được. Chẳng nhẽ đùn cho thanh niên, cứ vài ngày tôi lại phải khăn áo lên *bốt* nó làm lập bô". Ông cụ kể nỗi khổ nhục của người tuổi tác đất Tề và lúc thuật lại câu chuyện khủng bố làng dưới cụ nhắm mắt lại: "Thanh niên trốn xuống hầm bí mật, con gái nó hiếp chết, bấy giờ nó mới đi sục phụ lão. Để đánh trâu bò về *bốt* nó. Đã thấm thía chưa, các anh! Yếu rên, không đưa trâu đi được thì a-lê một băng đạn". Cụ thuật lại cái buổi sớm ấy nó vít làng, nút các ngõ, đốt xóm như thế nào. Tôi liên

tưởng đến những vụ khác "tổng lùng" dân chúng các làng Bình Trị Thiên trong kia.

*
* *

Đình làng đông đủ thanh niên và người đứng tuổi. Tôi soạn sẵn ít câu chuyện lý thú ngoài vùng tự do kể cho anh em ở Tề nghe. Họ thích vui, chăm chú và đôi lúc rầu rĩ. Suốt buổi nói chuyện tôi đều dùng đại danh từ số nhiều "chúng tôi ngoài vùng tự do". Cả ngoài vùng tự do không ai ủy quyền cho tôi vào Tề để nhân danh bà con mà nói chuyện với vùng kiểm soát, nhưng tôi cứ dùng cách xưng hô như thế. Trong trường hợp thăm đồng bào vùng Tề, tự xưng bằng cái "tôi" số ít, sao nó lạnh lẽo nhạt nhẽo và yếu đuối đến thế. Lúc chia tay ở đình, mình có cảm tưởng là một người lén lút về thăm nhà - một đại gia đình bị phạm pháp - rất mau rồi lại lẩn đi ngay. Vào Tề, càng thấy rõ cái tha thiết của giải phóng. "*Chúng tôi* còn tiếp tục đi thăm những làng khác" - "Các anh đừng quên chúng em và *về* thăm luôn nhé!".

Anh dẫn đường lội đồng lầy tài như người nấp bắn vịt giời. Bùn ngập đến gối mà bước rất đều, rút bàn chân lên không một tiếng ọc của hơi lỗ bùn.

Cảnh chùa vắng V.T. rợn rợn như chùa của truyện quái hiệp. Boòng! Boòng! Tiếng chuông tục lụy của chiều Tề.

Những bậc chân chính mộ đạo ở vùng ngoài, hãy gắng vào đây một buổi chiều mà lần tràng hạt!

Dưới nhà tổ, đĩa dầu chập chờn. Có ba bóng đàn bà đang xõa tóc và đưa độn tóc cho ba bóng đen khác. Đây là một cuộc xét giấy. Dân quân và tự cảnh vệ làng nghi ba người thương nữ đi đêm này và giữ lại. Đêm này, đất Tề có việc : xóa ngụy quyền Pháp bày và tiện dịp thì mình lại xóa một chặp, như đêm nay chẳng hạn. Rồi có làng nhất định không dựng Tề, Pháp phải chịu.

*
* *

Sân đình lách cách những tiếng nòng súng, lưỡi lê đại đao va chạm. từng tiểu đội dân quân du kích, tự cảnh vệ, biệt động đội (và cả nữ du kích xã nữa) nhận thêm lựu đạn, nhận ám hiệu tín hiệu và khẩu hiệu, xong rồi đều xuất phát đi quét Tề. Một người nói nhỏ với một anh Công an Danh dự: "Chuyến này tôi xin áp giải hội Tề về hậu phương, nhân tiện sẽ chơi chợ vùng tự do ít hôm. Xuống hậu phương chơi cũng thích, chỉ phải cái khổ nhất đoạn đường về. Ngại lắm. Mình quyến luyến với hậu phương lúc bứt ra về rồi nhớ

lắm đấy! Chuyến trước cũng về xuôi, tôi đã định không quay lại đây, mặc liều cho nó đốt nhà đấy".

Đêm ấy không tối giời lắm. Tôi ngồi ở bờ đường nhựa, chờ nghe những hồi moóc-chê của đồn Pháp câu ra sau những luồng đạn quấy rối của bộ đội đã bố trí sẵn để yểm hộ cho đêm tổng phá ngụy quyền...

... Gần sáng, sáu bảy chục Hội Tề đã tập trung ở gần một cái am vắng. Họ sặc mùi rượu, nối đuôi hàng một, qua cầu tre, bước cao thấp trên cỏ sương lối mòn, được đưa về hậu phương ít ngày. Có người trùm chăn, có người khoác chiếu. Họ thì thào mấy tiếng gì như là "... chính quyền âm dương!". Họ xuýt xoa: "Bữa nọ, con lão Hàn lại kiếm được một mẻ to. Bị Chính phủ ta bao vây kinh tế, hắn liền đút tiền cho Tây Đồn giả vờ đi càn quét mấy làng giáp giới vùng tự do. Đồn cảnh giới phải lưu vong. Thế là hắn theo đuôi đám càn quét ấy mà đưa hàng ra...". Họ than khổ, thắc mắc về chiến tranh, về cái bấp bênh của họ trong ngày tới. Họ thở dài, vừa đi vừa ngủ. Nhìn cái Sao Mai đang lên ở phía đông, có người kêu là pháo hiệu của đồn Pháp. Trông dẫy tường hoa ngôi đình trắng lốp bên sông lạnh, có người lại cho là Tây chiếu đèn pha.

4 Tháng chạp 48

NẮM MIỀN XUÔI

Thuyền tôi qua Cầu Bầu, thuyền tôi qua Quán Bóng, thuyền tôi trôi xuống cống Đồng Quan. Tôi là một người khách lạc điệu giữa một chuyến đò đông. Chuyến đò chợ này là một cái chợ tiền nổi trên dòng kênh. Bờ kênh lập lòe lửa pin của đèn buôn lậu. Lửa bờ lờ đông như đom đóm. Trong khoảng đó, nhiều đèn pin cũng bắt đầu sáng chói. Người ta thò tay xuống dòng cọ đôi dép cao su con Hổ con Nhạn con Bướm vừa gỡ ở chân ra. Tôi thừa biết rằng những cái pin đang cháy ở trên bờ kia và trong khoảng này, đôi dép cao su đang kỳ cọ kia, người ta sẽ bán cho người khác - sau khi dùng giả vờ một hồi để che mắt thuế quan.

Khoang đò chật thế mà cũng có người cố cởi được cái váy ra để bán luôn cho người khác vừa ăn giá xong. Váy rộng đúng bảy bức. Sột soạt thứ vải đen Mỹ rộng thước mốt Tây. Dép bán, váy bán, đèn pin bán, người đàn bà mặc quần lót ấy - cũng vẫn mới - còn bán đến cái gì nữa? Chung quanh tôi, người ta tíu tít bấm đèn đếm tiền. Nào giấy 20 đồng "Cụ Hồ đi nhanh", "Cụ Hồ đi chậm", giấy trâu xanh lá mạ, giấy 100 đỏ nhẵn

mặt, giấy 100 đỏ xù xì. *Phơ, tờ, ti*, người ta đếm, đếm mãi. Nước kênh óc ách trôi theo người mải đếm.

Cống Đồng Quan in bóng đen lên nền giăng suông lồ lộ cái cốt một chiếc máy chém chờ đầu người. Bến và dọc đường lờ mờ nhân ảnh thì thầm những tiếng lóng của mậu dịch. Thời cực thịnh cửa Đồng Quan chưa phải tản cư, số xuất nhập ở đây có ngày tới 10 triệu bạc hàng.

Có ai muốn xem mặt giời mọc ở Văn Trai không? Hãy tới đây sau một đêm đò thúng để mà chán sự đời để mà mạt sát đời sống. Gian nào cũng tô hô ra mặt phố; mặt giời rọi ngang vào cái lộ liễu của những giấc ngủ nặng nề co dúm của sau những tối đếm, tính, điều tra lừa đảo. Người đàn bà ấy vươn vai ngáp. Cái giường còn nóng hơi người ấy lại biến thành cái mặt hàng ngoại hóa. Và mặt cửa hàng nào cũng dễ lẫn với bất cứ hàng tạp hóa nào. Lại có những cửa hàng ghé nữa. Kê nhờ! Cái bàn con vào bên cạnh một ngôi hàng chính rồi đặt lên đấy vài cái đồ vặt Âu Mỹ lăng nhăng. Không có bàn thì thuê bàn. Có khi một chiếc bàn 3 chân, phải thuê mỗi ngày 20 đồng. Vì thế cho nên muốn dọn hàng ở phố, nhiều người đã dựng lấy cửa hàng. Đất thì nhờ, còn tre gianh công xá của mỗi ngôi hàng

hai gian, mất độ 1000 bạc. Phố Văn Trai cứ thế mà dài thêm mãi theo dọc bờ sông Nhuệ. Tôi đứng xem người ta đấu đất làm nhà. Cái đặc biệt của sự kiến trúc những nhà cửa ở thị trấn nấm độc đáo chỉ có một phố dọc duy nhất (chứ tịnh không có phố răng bừa rẽ ngang) như đây, là người ta đào hầm trú ẩn trong lòng nền ướt đã rồi mới trồng cột và đặt thòng lọng. Người ta làm nhà, người ta bán nhà. "Nhà này muốn bán, cả đồ đạc..." Nhìn cái biển, mình liên tưởng đến những người tổ chức sửa soạn dinh - tê vào Hà Nộ - cái A.T.K. bập bênh như cái trứng để đầu mũi tổng phản công của ngày tới!

Ở những nơi quần tụ tứ chiếng chung chạ này - nó mọc lại, hiện ra, rồi tàn lụi chuyển lên đi xuống theo cái đà của chiến sự lan tràn - Ở những *thị trấn nấm*, ở những *phố cao su* ở những *chợ cóc nhẩy* này, tha hồ cho chúng ta cọ chạm với nhiều thứ tâm lý tiêu cực của thời đại. Ở đây, người ta có một lối nhớ khác hẳn số đông. Họ không nhớ những niên hiệu 6-1, 9-3, 19-8, 23-9, 19-12; nhưng nói đến những tên cao đan hoàn tán Âu Mỹ khó đọc đến mấy, họ đều thuộc lầu. Họ không đọc một tờ báo nào. Hoặc giả có đọc thì cái thái độ rõ rệt của họ là hoài nghi tất cả những dòng ấn loát của bây giờ. Họ chỉ tin tưởng vào những kiện hàng. Họ tích cực đếm tiền. Họ

phổ biến trong giới họ cái khẩu hiệu cứng ngắc: "Sống để đếm tiền". Thà họ chết chứ không chịu sống mà không được đếm tiền. Mồm họ là một thứ đài phát thanh tư nhân vô liêm sỉ liến thoắng vị kỷ, tay họ là một sự đong đưa tham ô hết đếm tiền khô thì lại hơ tiền ướt lên lửa, hết giấu hàng lậu t hì lại dấm dúi hàng chợ đen. Họ đếm đêm, họ đếm ngày. Giữa lúc tàu bay khủng bố, họ vẫn tiếp tục đếm, họ đếm ở trong ruột hầm trú ẩn gia đình, ở miệng lỗ hầm cá nhân. Họ không nhìn thấy cái đau thương tránh bom tránh đạn quanh họ, họ coi thường cái chết đang diễn ra, và bất chấp phi cơ khạc lửa, họ ló đầu lên miệng hầm làm giá hàng nốt với một người khác cũng đang ló đầu trên miệng hầm dãy phố bên kia - Tôi nhìn họ, tôi nhìn lên trời. Hai con Spitfire như hai thằng ăn cắp giữa giời, chiếc lượn chiếc cản, lao một hồi chì nóng xuống chợ. Hai thằng ăn cắp trên giời làm xong việc bay đi, thì dưới mặt đất lũ trộm cướp lại nghênh ngang ra phố ùn ùn những người. Một anh tình báo nội thành liền kể cho nghe nhiều chuyện, vừa kể vừa điểm luôn mặt người qua lại. Cái con mẹ bụng to kia, tấy phất lên vì chăn len Úc, sắp vác bụng vào đẻ trong Hà Nội đấy, vì ngoài này thiếu cờ-li-ních. (Tôi nghĩ đến những chữ đệm Công, Hùng, Thắng, Việt của trẻ khai sinh ở Thị chính

Hà Nội giữa khoảng Tuyên ngôn độc lập và tác chiến. Chữ đệm tên đứa trẻ của mụ chăn len Úc kia rồi sẽ là chữ gì?). Cái thằng béo xị đang đốt Cotab đội Fléchet kia chuyên môn vào Hà Nội để mang hàng ra, mỗi chuyến cho thuê cái bản thân hắn như thế, hắn kiếm khối tiền. Lúc vào, nó đóng khố, lúc ra nó quấn hàng may sẵn vào đầy người. Tôi trông ngờ ngợ quen. Thời Nhật Bản, hình như thằng này quen xí chỗ ở ghitsê ga Hàng Cỏ để lấy hộ vé - ăn hỏa hồng - cho người khách đi tầu tốc hành Sài Gòn. Rồi hắn buôn Quan Kim, bán rong thuốc lá thơm. Rồi hắn chuyên môn ngủ đêm giữ chỗ trước Ngân khố Hà Nội. Ai cần ghi số giấy bạc 500 đổi nhà băng Pháp thì hắn bán lại chỗ cho mà đứng. Còn thằng kia, còn mụ kia? À, kia là một tên trùm bờlờ, chuyên môn lấy vợ lẽ đặt làm trạm dịch độ ở các chợ cóc nhầy, suốt từ Hiệp Hòa, Đức Thắng, So Sở, Văn Trai, Cống Thần, Đống Năm, Phát Diệm, Cầu Bố, Cầu Giát, Đô Lương. Hắn cưỡi xe đura, đồng hồ 5 kim, bút Parker đầu ngòi có đèn, đeo súng, và trên người cái gì cũng là vải là sợi Mỹ cả. Một chuyến hàng đi vào gần phân khu khu IV, hắn tổ chức thành tiểu đội xe đạp lưu động có tiểu đội trưởng đeo Côn Bát và mỗi chuyến phất hắn lại vứt ở từng trạm đường có vợ lẽ hắn bao, cứ từng phuýt dầu xăng một; vợ lẽ

hắn đem chôn rồi chờ lúc khan mà bán lẻ từng lít. Còn, còn những cái mặt kia thì là những cái gì gì của dòi rác nữa? Còn nhiều thứ lắm. Nhưng thôi, ta đi đi. Mệt lắm.

*

* *

Đến phố Cống Thần thì mình mới hiểu rằng cải trang ở đây có nghĩa là thắt càvát, đi giầy Tây có cả bít tất! Chúng ta quên điều đó cứ mặc cả bộ quần áo nâu cán bộ đường trường mà tiến vào một hiệu ăn nào, là tất cả bấy nhiêu cái mồm nhồm nhoàm kia đều ngừng nhai, hạ thấp giọng xuống: "Cờ bờ!". Trong cái nhìn của họ, lẫn cả khó chịu và khiêu khích. Thế là chúng ta đâm ngượng, lại chạy ra giữa đường, thành một cái kỳ quan giữa phố độc đạo nhan nhản những con người dép mới, áo vải Tây mới trắng lốp, đàn ông đàn bà bó cứng trong vải còn nguyên lần hồ, tay xách bị, xách cặp, xách túi dù. Họ mậu dịch ngay giữa đường. Họ buôn đứng, họ bán đứng. Kẻ buôn trong nhà thì ngồi dạng háng trên miệng hầm, một mắt nghếch phi cơ một mắt ngóng ra đường. Họ chỏng lỏn xỉ vả khách, quăng hàng vào mặt người mua: "Giả tiền đi!".

Cống Thần vào những ngày mùa lại càng bày rõ cái hình ảnh một hành lang của cám dỗ, nhục lụy. Đường phố lầy như tráng mỡ nước. Ruồi muỗi đậu ngay vào lỗ của vệt chân nặng. Đất phố nhào vữa ra và như một con đường của riêng loài trâu ngựa. Trên cái đống bùn ấy người ta bày bao nhiêu là bàn chải đắng răng trắng tinh. Dưới dòng, không thấy nước chảy mà chỉ thấy bao la bèo Nhật Bản lừ lừ xuôi Chợ Đại. Cắm thuyền ở quãng Cống Năm Cửa cuối phố Cống Thần mà vục khăn xuống rửa mặt, tức là chúng ta đưa bao nhiêu cứt đái của cái thiên hạ trên thượng lưu Cống Thần vào mặt ta.

Danh từ Cống Thần, tôi tưởng như đó là tên một truyện quái dị, gọi đến một thiên tai có sự rùng rợn của thủy hỏa đạo tặc. Tôi nghĩ đến một cơn lốc khổng lồ lật ngửa những mái gianh đang úp vào mặt bùn kia, hút ngược thuốc Âu Mỹ, chế tạo phẩm, mực bút máy và bao nhiêu cái nhố nhăng kia lên giời và quét sạch cái không khí dịch tễ ở nơi này đi.

Phải nói thật to lên rằng không khí ở những "phố cao su" này không bao giờ đem được sự tin vui vào lòng mình. Còn như sự vệ sinh thì lại càng không có nữa. Vệ sinh cho thân thể cũng như cho tâm tư mình. "Chợ cóc nhảy" của "thị

trấn nấm" đồng bằng không thể là nơi cho ta kết tinh một điều khóe đẹp nào đáng kể. Nỗi vui sống, thường chúng ta lại gởi vào các vùng xa, ở rừng xanh cao, mặc dầu *trên ấy* và *trong kia* vẫn là nơi tiêu thụ nổi tiếng về Quinacnine. Cái náo nhiệt ở đây có tính cách làm loãng nhân điện lắm, các bạn ạ.

Tất cả những điều xấu kể trên, trong một tối nói chuyện gần Hòa Bình, tôi đã thuật lại với anh em bộ đội miền Tây vào kỳ lên đường lập công thu đông vừa rồi. "Thưa các anh".

"Một đêm đốt lửa thệ sư lĩnh kiếm để xuất phát đánh giặc vui khỏe như đêm này, tôi lại đi kể cho anh em nghe những cái bẩn nhớp vừa rồi để làm mệt trí anh em, chẳng hóa ra tôi đã làm một việc vô ý thức lắm sao? Chỗ dụng ý của tôi, thật ra, chỉ là "báo cáo" một cách rườm rà thân mật với anh em một thực trạng sinh hoạt của một thứ người trong liên khu mình. Họ chỉ là những đồng bào đáng tội nghiệp chứ không nên ghét hẳn, bỏ hẳn. Cái điều thấy rõ nhất là chúng ta nên tìm cách nào để cho họ có một thái độ đúng đắn hơn đối với sự nghiệp kháng chiến chung của tất cả mọi người. Để cho họ được trở lại làm những tâm hồn tử tế, hiểu biết và tin vào những điều thiêng liêng của kiếp người, thì

không gì bằng các anh tiêu diệt địch cho thật nhiều, để nêu cao thành tích thu đông này và để cho họ thấy rằng, ngoài công việc đếm tiền hàng ngày cho riêng cái hầu bao mình, còn có bao nhiêu việc đẹp khác đáng tính đếm hơn..."

Sau kỳ nhảy dù Trà Châu vừa rồi và giặc đóng ở Đục Khê, tôi lại có dịp từ Đống Năm và qua Cống Thần. Ba anh bạn cũng tìm đường lên Việt Bắc và tôi nằm chung một con đò cắm sát Cống Năm Cửa. Đò, đêm mưa, khoang vắng. Thế mà không buồn tí nào. Cả đêm chúng tôi nằm đếm tiếng nổ, cố phân biệt tiếng nào là của mình. Sớm sau đổ bộ lên phố Cống Thần - vắng hết người chỉ còn biển hàng sơn ngũ sắc hai dãy hàng cài răng lược vào nhau qua lòng phố trở nên rộng lạnh hơn mọi ngày - chúng tôi mới đọc báo và được tin Trung đoàn miền Tây đang lập nhiều chiến công ở vùng Đục Khê Bạch Tuyết và đầu giặc rụng như sung vì lưỡi kiếm của anh em định nêu hắn lên thành một truyền thống đúng với chương trình luyện quân ngày nọ.

Chúng tôi dẫm lên bùn tái mét phố Cống Thần, niềm vui sống đặt hẳn vào những tiếng đồng vọng của núi Hương Tích xa đang dồn lại.

Chợ Cháy, hết 1948

LẠI NGƯỢC

Cuốn lịch túi đã gần hết dòng cuối cùng của trang cuối cùng. Sắp sang 1949 rồi, sắp bước sang năm thứ tư của trường kỳ kháng chiến rồi, chúng ta ơi! Chỉ còn ba ngày nữa, chỉ còn hai ngày, chỉ còn một ngày hôm nay nữa thôi. Sớm 31-12-48, chúng tôi dậy thật sớm, ba lô túi dết đi miết lên trạm liên lạc hỏi đường lên Việt Bắc.

Trên đường về Vân Đình, dân chúng gồng gánh lũ lượt. Hai ba hôm trước họ chạy giặc, nay có tin giặc rút, họ rảo bước trở về. Mặt đất kìn kìn những dòng người hồi cư. Trên đầu, inh ỏi tiếng tiếp tế của Pháp. Hôm nay, tàu nó bay cao, khác hẳn những hôm trước trời u ám phùn mù, nó là là chỉ trên đầu các ngọn tre, tưởng cứ súng trường cũng cứ ăn chắc hàng hai ba chiếc. Thu đông năm nay, liên khu III vui quá, nhộn nhịp suốt ngày đêm, dân chúng và bộ đội đều di chuyển không ngừng. Sự sống ở vùng xuôi biến chuyển tới tấp, sức kháng chiến lấp lánh muôn vẻ. Giá mình được ở lại khu II này mà làm việc, không phải lên, thì sự lượm lặt ghi nhận sẽ dồi dào biết đến chừng nào!

Đã đến trạm liên lạc. Lại vẫn chưa có chyến đi. Sớm mai kia mới có chuyến lên. Công văn và

sách báo còn ứ đấy cả hai khoảnh giường giữa trụ sở. Các "chú" ấy vừa "trên ấy" về, hôm nay nghỉ, sớm mai mới đi sớm. Chán quá. Thật vậy, không gì cực lòng chúng ta bằng những phút đợi chờ ở trạm giao thông. Thế là ngày hôm nay lại vẫn nằm ở đây để nghe giặc bắn moóc-chê mở đường rút về, để nhìn những đám khói đốt làng, để nhìn lửa khủng bố phía núi trong kia. Không biết đêm nay bộ đội có tập kích như mấy đêm trước không? Đã có mấy lần rồi, chúng tôi mò lên cái làng hẻo lánh này để tìm liên lạc băng qua đường số 6? Chúng tôi thuộc làu địa dư vùng này. Một dọc bên kia sông Đáy, áp tựa vào núi từ Đục Khê đến Tuy Lai, chúng tôi biết rõ cụm tre um tùm kia là làng nào, cái cây cổ thụ kia là vùng nào. Sêu... Tiết... Đanh... Vài... Chiên. Sải... Mỗi đám khói khủng bố chỗ xa kia ùn ùn nổi lên, mình biết ngay đấy là vùng nào. Lắm buổi bước tiến bọn tôi song hành với đường kéo quân của Pháp đang lúng túng rút đi. Tết Noel nó đã không rút được, đến Tết Tây này nó lại vẫn cứ loay hoay với một phần con đường 21. Trông Dakota và Junker tiếp tế của nó hổn hển trong mù sương của ngày mưa ẩm, mình thấy khoái trong lòng mặc dầu thời tiết có dằn vặt mình trên những con đường lầy trơn như tráng mỡ nước. Trời hửng sáng lên một chút là khu trục

Pháp lại được dịp lũ lượt rủ nhau bắn phá bến, chợ, đường cái và dọn đường về cho đám quân bị vây. Trời cứ mưa đi, cho bộ đội bám chặt lấy chúng nó thiếu tiếp tế và tỉa dần chúng nó, tiêu diệt chúng nó không còn một mống nào trở lại được căn cứ. Trời cứ mưa nữa đi, mặc dầu dưới đường ruộng này, chúng tôi chỉ đi 2 cây số một giờ. Nhưng mà trời đừng mưa lên lòng chúng tôi đang bồn chồn với cái khổ đợi chờ ở trạm giao thông. Trạm giao thông trông thẳng vào dãy núi Tuy Lai. Mây thấp nặng những hơi nước. Khói các làng bị bốc cháy lên nặng nề vàng đục, úa đen , trắng loãng, quằn quại. Trong cái xôm xốp của khói chiến, nặng trĩu bao nhiêu giết cướp đốt khóc than thù oán. Mây khói cứ đùn lên trước trạm liên lạc như bao nhiêu quỷ đông quỷ tây của một hoàng hôn cường bạo đốn đời. Phía chân núi trước mặt kia, bao nhiêu là những máu đọng dưới những đám khói nhạt nhòa với buổi chiều ngoài trạm nghỉ.

Tối nay chúng tôi không ngủ sớm để thức giấc vào giữa khuya mà nghe lựu đạn và súng tập kích của bộ đội như mọi đêm. Tối nay chúng tôi đi tìm những anh em du kích nội thành ra đây theo học lớp cán bộ du kích Hà Nội. Nó cũng đỡ được cái rỗng tuếch của một ngày hụt khởi hành. Mỗi người chúng tôi nói một vài mẩu chuyện đời

kháng chiến với anh em du kích nội thành đông nghịt trong lớp học. Anh em là những phần tử linh lợi qúa cảm hằng hoạt động tích cực trong nội thành và đang gây điều kiện cho ngày về Thủ đô nay mai. Anh em là một trong những cơ sở của ngày về chiếm lại Thủ đô. Sống một đêm giao thừa tại khu III với anh em du kích nội thành để sáng ngày mai của năm mới 1949 lại mải miết trên con đường đi Việt Bắc, thật là một điều thú vị. Trông anh em du kích Thủ đô, mình không bỡ ngỡ chút nào. Hình như chúng ta tháy đều có gặp qua những con người này ở một vài nơi nào rồi thì phải! Ở một cái ngõ cụt, ở một cửa ô, ở một ngã ba ngã tư gần chợ Đồng Xuân hoặc ở một con đường nào quanh Hồ Kiếm? Anh em làm đủ nghề trong Hà Nội và những kỷ niệm công tác của anh em đang thuật lại kia càng hối hả chúng ta mau trở về Thủ đô bỏ vắng quá hai năm rồi. Không khí đêm giao thừa đầy một niềm tin cậy thân mến say sưa đến nỗi anh em du kích kêu gọi chúng tôi là các "đồng chí văn nghệ". Một số anh em, lúc cười nói, để lộ những hàm răng đen nhánh. Cái vui của chúng tôi đêm ấy hồn nhiên giản dị và không khó khăn chút nào cả. Lại nhớ lại cái buổi gặp anh em biệt động đội - mới chỉ cách hai ba hôm nay thôi - sao mà nó thắng thắn vui khỏe thế! Đi qua liên

khu III, chỉ nghe những chuyện dinh tê, chuyện buôn bán phản bội, của một số người trong Hà Nội bây giờ mà không được gặp những anh em du kích Thủ đô và Biệt động thì chúng ta không thấy rõ được cái sức tranh đấu của Thủ đô đang âm thầm tự tạo cơ sở cho ngày tới mặc dầu ngày nay của Hà Nội đang vang động gót giày đinh của giặc và tiếng rú của tra tấn và cơ giới.

Sau khi chia tay với du kích thủ đô, giấc ngủ chúng tôi cứ vụn nát ra vì nhiều nguồn tin vừa nhận, mỗi người cho tin một cách khác. "Đường số 6, khó đi lắm, thong thả hãy lên... Nó đang tiến ở Chợ Bến lên... "Nó đang đánh ở Dót Dét, cố liên lạc với toán bên này"... "Nó vừa đến Đồng Xô. Khéo không mà lại đi vào đúng chỗ nó khép gọng kìm"...

Súng bên kia sông, đêm nay coi ra lại nổ nhiều hơn những đêm trước. Ra mình cứ bám sát lấy nó, quấn chặt lấy nó. Có vô số dân chúng phủ Mỹ Đức và Ứng Hòa nhảy cỡn lên mà ủng hộ thực phẩm cho bộ đội. Những tiếng nổ phục thù đêm nay càng gầm dội nhiều. Một đêm thấp thỏm, bồn chồn ba lô không tháo hết miệng túi. Ngày mai, đã vượt đường số 6 chưa đây?

*

* *

Mờ sáng ngày mồng một của năm Cộng hòa thứ năm, chúng tôi qua ngã ba Thá, dừng lại hút một điếu thuốc lào với một anh Công an già. Anh báo chúng tôi cứ đi quá vào phía Miếu Môn mà hỏi thêm về tin tức mặt trận.

Trong mưa phùn dây thần kinh chúng tôi căng thẳng. Đường cứ vắng dần. Rồi đến lúc không có lấy một bóng người. Quãng Đồng Mít bao la vắng tanh trong sương sớm lạnh trắng. Cỏ cứng cằn xơ. Ban nãy, quãng bờ sông Đáy lên Ba Thá, vui tươi bao nhiêu! Dân chúng nhan nhản ngoài đồng màu. Làng xóm vang tiếng cười hát giã gạo. Bờ, xum xuê su hào cải bắp cải dưa. Dấu hiệu của chiến sự ấp ủ bao nhiêu thân đò nan thuyền thúng của dân chúng dìm xuống nước đã bao hôm rồi. Giữa sông vắng quạnh liên tiếp lô nhô những mui thuyền và đầu sào. Cảnh tượng đò dìm trên mấy chục cây số lòng sông ghê rợn hơn cảnh phá hoại trên đất bằng. Nó lành lạnh. Mưa phùn nhòa dần cảnh chung quanh cảnh trước mắt. Chúng tôi càng dè bước, tai mắt nghe ngóng. Rất có thể gặp "chúng nó" ở quãng này. Bắt lên đường số 21, chúng tôi mới đỡ chợn. Ở cái quán nước gần bến G., lại nhận thêm một tin nữa, không thú gì cho hành trình mình. Sâm sẩm tối hôm qua, nó chuyển quân đi Hòa Bình, lính gác của nó bắn chết mấy người gánh vải

ngay chỗ chúng tôi định băng qua đường số 6. Và 10 giờ đêm nó còn sục sạo ở Đồng Táu, vào sâu bên kia đường số 6, cái chỗ chúng tôi định ngủ lại đêm nay.

Quãng đường này, anh giao thông đã giục chúng tôi đi nhanh. Bạn đồng hành đã thêm được một vài bóng dân chúng. Cái bóng dáng của một con người thêm vào cái đoàn mình trên quãng đường nơm nớp và tái lạnh này, sao quý đến thế! Một người xem đồng hồ để tính độ đường "Bốn giờ chiều, chúng mình qua đường số 6".

Đồi trọc và ruộng hoang. Và chỉ có thế. Năm 1947. Trung đoàn Thủ đô xơi hai phi cơ của nó ở khoảng đường này đây. Từ đây trở đi, có rất nhiều gồng gánh ráo đi ngược lại phía chúng tôi. Họ gánh xẻng mới cuốc mới đi từ Bắc Ninh về Vân Đình. Và khởi hành đã từ năm hôm nay rồi.

Qua một dòng suối, chúng tôi đều để ý đến một thứ âm thanh không rõ rệt nó vang vang lào rào từ phía đồi khuất trước mặt dội lại. Gió thông đâu đây? Nước thủy triều đâu đây? Ấm quá. Chẳng khác gì hơi nước sủi tăm. Bao nhiêu điểm trăng trắng hiện dần lên lố nhố sau lớp cây rừng. Nón, thì ra đây là nón của dân chúng đang họp chợ, anh em ơi! Vui và ấm biết mấy,

sau những giờ đằng đẵng lúi thúi. Chúng tôi dừng lại chợ một lúc lâu không để mua sắm gì mà chỉ cốt để lắng thêm mình thêm vào cái hơi nóng nhộn nhịp sinh hoạt và tiếng nói của con người. Chợ, tươi ấm như một bếp lửa nhà sàn Việt Bắc. Từ sáng đến giờ, lạnh lòng quá. Rời chợ Tăng Gia, chúng tôi hơi tiếc. Trời đã ngả về chiều. Trước mặt sau lưng chúng tôi, cơ man là người gánh muối lên Việt Bắc. Họ lượn trên đường cắt chữ chi, vui đặm như trẻ chơi rồng rắn. Cả bọn, tin lẫn vào nhau mà đi tới, đi nhanh. Từ phút này, chúng tôi không còn là bộ hành cô đơn của một con đường quân sự nữa. Đông quá. Và nhiều như đi trẩy hội Phủ Giầy ngày xưa. Thật đúng như lời ông già nói ở quán ban nãy: "Mỗi ngày có đến bốn nghìn dân chúng vượt đường số 6. Có ai sợ nó đâu. Ấy mưa thế này, đường lầy nhưng lại đỡ được cái trò tàu bay". Bám sát vào gót dẻo những người gánh nặng, mình mới cảm thấy cái sức mạnh vô cùng của luồng sống. Dòng người cứ đều như dòng nước, không gì ngăn được nó, không ai ngăn được nó, mặc dầu "ai" đây là quân giặc tàn bạo. Gần mỗi vị trí giặc, dòng sống thấy bị vấp thì lại rẽ sang phải sang trái mà tuồn lên, tuồn ngày, tuồn đêm, tuồn mãi mãi. Hãy nghe một người gánh muối nói oang oang trên đường cái:

"Trong 4000 người mỗi ngày đi qua đường số 6, không may mới có một hôm có vài người bị bắn ở quãng Vai Đá. Nó cứ đứng mãi được chỗ ấy mà gác à? Nó gác ở đấy thì du kích sẽ lập kế diệt nó. Và bà con ta sẽ đi tránh lối khác. Chúng nó có thể thằng nọ nắm tay thằng kia dang tay dạng chân nối liền nhau từ Mai Lĩnh lên đến Lương Sơn mà đan thành một cái hàng rào mũ đỏ không? Bao giờ nó có thể làm được như thế thì chúng ta mới hết gánh muối. Còn không thì chúng ta cứ nhận gánh tiếp tế cho vùng trên như thường". Mọi người đều vui cười theo câu nói chí lý. Qua Đồng Tr, đồng S., chúng tôi men vào sườn đường số 6 để băng qua bên kia. Dân chúng mở con đường mòn này, cũng độ tháng nay thôi. Thấp thoáng trước mắt, đã hiện lên những cột giây thép chỉ còn trơ những vệt đen dọc chơ vơ. Dầu sao trong người cũng có ít nhiều hồi hộp. Máng nhựa loáng của đường số 6 đã hiện rõ, chậm bước lại băng nhanh qua đường. Lòng đường cỏ đã mọc cao như lối hoang dại. Một bóng vụt qua. Hai, ba năm bóng vút qua. Sao mà nhanh thế. Cứ như lao thoi. Cả những người gánh cũng vậy. Chúng tôi lướt qua cái gốc cây hôm qua nó vừa bắn bốn người gánh vải. Vào sâu nữa, sâu mãi, chúng tôi giờ mới thừa tâm trí để thưởng thức phong cảnh một buổi chiều ánh sáng

tạnh mưa còn níu lại trong hoàng hôn. Mười giờ đêm đêm ấy, đến trạm liên lạc, lấy làm bằng lòng về một ngày đầu năm hồi hộp gắng sức rút đường, tôi ghi vào sổ tay : "Xuân hành 49". Và đêm ấy, tôi đã bắt đầu nhớ một cái gì, nhớ lại nhiều tên người tên đất liên khu III còn phải suốt một ngày mai nữa mới hết địa phận. Đêm mai thì vượt Đại Hà. Bên kia bờ Hồng Hà, đã là khu X. Nhưng bên này bờ, chỗ cái bến phải vượt đêm là sát vị trí nó. Còn phải một đêm vất vả nữa.

Lại bắt lên con đường 21. Vượt qua mỗi cái chỏm thạch tiêu, lại vẫn chưa xa Xuân Mai là mấy. Khó chịu quá. Cứ thấy như chốc chốc giặc lại có thể thốc vào lưng mình. Hoang vu trùm lên đồi trọc. Gió heo thấm vào sỏi cuội đường vắng. Đồn Hòa Lạc chỉ còn là một đống gạch vụn xếp trên đỉnh cao phất phơ vài gốc thông già. Chúng tôi đi nhanh, cứ nhằm phía tỉnh ủy Sơn Tây mà hát. Mỏ Chén, rồi Muỗi, rồi Đá Đen. Nhiều tên những chặng đường nôm na cộc lốc cục mịch, giờ mình lại thấy dễ ưa hơn là những tên chữ Hán, văn vẻ nhịp đôi nhịp ba ngày nọ. Chiều tà, mưa mau, tất cả nhân điện bọn tôi căng thẳng vào một cái bến đò Sông Cái sẽ vượt qua đầu canh hai. Bến đò này mới mở cho dân chúng và cán bộ qua lại độ tuần lễ nay và chỉ cho qua sông từ

lúc mặt trời lặn. Tay phải bến là vị trí giặc tay trái bến là hội Tề. Tối đến, anh em du kích xã lên đường cái gác cho dân chúng ra bến. Dân chúng qua làng giáp bến phía trong đê này, anh em du kích phải dẫn đường : làng có gài mìn. Có đêm nhiều người qua lại quá, hết canh ba mà chưa ngớt tiếng mái chèo lạnh trên khúc sông đen mờ.

Từ vị trí Pháp, nổi lên nhiều tràng liên thanh và tiếng nổ lớn. Mưa phùn tăng thêm ánh lửa của đuốc trên đồng hoang, xa gần. Ánh đuốc chập chờn ẩn hiện như đèn pha vị trí nó quét chân giời. Bao nhiêu gồng gánh đi ngược lại phía bọn tôi đang mải miết húc đầu vào mưa, húc đầu ra đê sông. Đêm tối như trát hắc ín. Chúng tôi nắm vào ba-lô nhau mà đặt bước xuống đất thịt. Luôn luôn có những tiếng quát "Ai?" của bọn con buôn đi ngược dòng bọn tôi. Trong cái âm thầm của đêm lưu động, lại có những tiếng hỏi rất khẽ rất gọn, nó cho mình biết ngay đấy là tiếng hỏi của bộ đội hành quân. Thật là một đoàn quân ma đều đều mà bước, lẳng lặng mà đi. Trong đêm mưa tí tách giọt lá, cái đoàn dài ấy trườn cạnh chúng tôi. Không một tiếng lách cách của ca sắt, của lưỡi lê, của nòng súng, của bước chân. Giặc sợ những cái bóng ấy. Chúng ta càng yêu quý những bóng ấy! Chúng tôi nép vào bên lối

lầy, nhìn những bóng mũ tròn và đầu nòng nhọn lướt mãi qua tầm mắt. Những cái bóng đen này trong đêm làm cho mình ấm lòng ngang với những chấm lửa của lớp bình dân học vụ. Buổi tối vùng rừng sâu. À, không khéo đêm nay lại tập kích vào tỉnh lỵ đây!

Đường ra phía đê Đại Hà vắng bóng người. Ba anh du kích ấy là người cuối cùng ở ngoài bến đi vào. "Hết đò rồi, các đồng chí sao ra chậm thế!". Chúng tôi muốn ngã dúi xuống mặt đường lầy. "Thôi, các đồng chí về ngủ với chúng tôi rồi chiều mai sang sông vậy. Bây giờ công nhân đò ngang, họ về bên kia sông và giấu hết đò vào quá trong bãi rồi". Sao mà cuộc đời lại có thể xuống đến mực ấy! Đêm nay mà phải ngủ bên này bờ sông thì không còn gì khổ hận hơn được nữa. Anh tiểu đội trưởng du kích, sau một lúc ngần ngừ, bảo khẽ hai du kích có súng có lựu đạn cứ chịu khó đưa chúng tôi ra bến vậy: "Ra đến bến, thứ bật bật lửa lên ra hiệu với bên kia bờ. Hễ họ bật lửa lên thì đành chịu quay về vậy. Thôi các đồng chí mau bước lên". Chúng tôi hấp tấp trong tối tăm bì bõm, ngã không biết mấy lần. Chốc chốc lại gọi sẽ nhau cho khỏi lạc đường. Leo qua đê, phải bò, tay bám vào cỏ ướt bùn nhão mà tụt đê. Trong một cái miếu bên sông, anh du kích đánh bật lửa ra hiệu. Mặt nước

lặng im. Sự lo ngại hồi hộp của chúng tôi lên đến cực độ. Ánh bật lửa lóe lên ba lần. Chúng tôi căng rộng mắt nhìn qua phía bên kia bờ mịt mùng mưa phủ đặc.

Không thấy gì là ánh sáng của bên bờ kia. Thôi thế là tuyệt vọng. bên kia là Liên khu X rồi nhưng đêm nay vẫn cứ phải ngủ lại địa đầu Liên khu III này với bao nhiêu lo phiền, hai liên khu chỉ cách nhau có một con sông đêm vừa hết đò!

Lửa bên bờ đối ngạn không thấy trả lời lại nhưng trên mặt sông có tiếng mái chèo đập nước. Chúng tôi lắng. Có tiếng người dưới lòng sông hỏi vọng lên. Thì ra ông lái đò "Mấy người tất cả? Có hàng không?" Vui mừng biết bao! Ra đây là chuyến đò cuối cùng đang chèo về bên kia bờ tỉnh Vĩnh Yên để kéo đò lên bãi và chỉ vừa ra quá giữa sông, thấy lửa ám hiệu, đò lại quay sang. Bờ cao, mặt bến thấp, chúng tôi lại nhào xuống. Trơn ơi là trơn! Mọi người đều xuống bằng đít và bằng tay. Thế rồi đò nhả bờ. Chúng tôi mừng rơn như người vừa xổng ngục. Khỏi bến được mươi sải, có tiếng trên bờ cao nói xuống. Nói trong mưa, nói trong đêm tối, nói từ bờ ra giữa dòng. "Chào các anh sang bên ấy nhé!" Thôi chết chúng tôi rồi! Tiếng anh du kích, tiếng hai đồng chí du kích, tiễn chúng tôi sang đò! Trong

lúc vội vã, chúng tôi đã quên từ biệt hai anh du kích và những cảm xúc quá mạnh dồn dập chỗ bến đã làm chúng tôi quên đứt hai anh bạn đường đưa mình ra bến. Riêng tôi, tôi thấy ân hận nhiều. Mặt nước phía dưới kia, bập bùng những ánh đuốc với củi dầu... "Chào các anh sang bên ấy nhé". Câu này bé hơn câu trước. Đây vẫn là tiếng anh du kích ban nãy hay là tiếng anh du kích thứ hai? Hay đấy vẫn là tiếng của một người chào thêm một lần nữa mà khoảng rộng giữa bờ và thuyền này đã làm cho bé đi yếu đi? Nào chúng tôi có biết. Tôi chỉ biết rằng cái tiếng chào của du kích đưa nhau sang đò một đêm này còn vang hướng đến tận mãi tương lai đời tôi nữa kia. Anh du kích, anh dễ thương quá và rồi đây quên anh sao được! Trong Kháng chiến, đã có bao nhiêu con người chúng ta chỉ gặp trong giây lát lưu động để rồi phải thèm phải nhớ mãi và có khi lại tiếc thương hàng đời nữa. Nhiều người mình không rõ tên - không rõ cả mặt nữa - chỉ thoáng gặp có một lần để rồi không có thêm lần nào nữa.

Tôi ngủ ở nhà gianh một anh dân quân trong bãi mía phủ Vĩnh Tường. Mờ sớm tôi bừng giấc giữa một bãi mía mênh mông chất ngọt có những tiếng trâu kéo mật. Bã mía ngổn ngang mặt cát bãi bốc mãi lên cái mùi say ủng của mật pha

loãng vào sương ướt. Thấp thoáng trong mía tía, nhiều bóng thôn nữ sải tay gỡ tóc dài bên những thúng muối trắng phau sắp cất lên vai. Đêm qua, họ ngủ trong bãi ngọt. Tôi vọng sang phía bờ bên kia của Liên khu III, đem theo đi mấy hình ảnh ấm áp của anh biệt động, anh du kích Thủ đô, anh du kích liên xã. Họ là những con người gần kề chúng tôi nhất, trong mấy ngày cuối cùng Hà Đông Sơn Tây.

Vai đê Đại Hà cỏ dầm sương mai nũng nịu một chất tuyết của nhung tơ. Những gánh muối, thuốc lào ngược lên cất tiếng vui chào những dòng chè, sơn và giấy dó Phú Thọ đang trôi chảy về xuôi. Tường đình nghè cầu quán trường học chi chít những khẩu hiệu mới tô lại nét bút. Rồi có một ngày gần đây những dòng chữ quốc ngữ này sẽ lấn hết chỗ của những câu đối chữ Hán cẩn vào vôi đã nhòa nhạt dần. Đồng trong đê phưng phức một mùi đất mới vỡ giồng màu. Sau những cảm xúc miên man của đêm qua sông, tôi càng thấy rõ cái đậm đà của cuộc sống. Tôi mua thêm đường, cố rẽ lên phố phủ Vĩnh Tường chỉ vì mấy câu thơ Hồ Xuân Hương vừa vang dội vào cái say lưu động của mình "ăn tiêu còn về nhiều", dôi thêm mấy cây số thì có là mấy! Phố phủ tan hoang, dân chúng thưa thớt. Sau ngày dù Việt Trì 7-11-48 Pháp có về đây đốt phố. Lá bao

nhiêu cây cổ thụ úa một màu sơn cánh gián.

Bến Quãng đò dọc sông Lô khêu gợi biết bao! Tôi đổ lên bộ, xuyên rừng rẽ vào đoàn bộ anh em Pháo binh sông Lô, thăm cỗ trọng pháo 105 ly, kể ít chuyện miền xuôi cho anh em nghe và xin thêm một số tài liệu về chiến công "Voi gầm". Buổi họp mặt với gia đình pháo binh vui quá. Tôi phô bày cùng anh em những bồng bột của lòng tôi từ hôm bước sang năm thứ tư của kháng chiến. "Chiến dịch thu đông này, ngoài việc chiến đấu ở ven sông như năm ngoái, anh em lại còn đánh ở rừng và đất bằng nữa. Năm 49, chúc anh em gầm đến đâu, giặc câm họng cấm khẩu đến đấy. Chúng ta gầm một chuyến cho thật lớn để rồi sau này con cháu chúng ta được rảnh rang mà chỉ biết 105 tĩnh tại và lưu động sẽ được đưa về thủ đô để triển lãm và tất cả mọi người sẽ cắm hoa vào miệng súng nòng đã mát đi vì cảnh hòa bình. Một con chim xanh lơ của thời đại sẽ đậu lên đầu ruồi cái nòng nguội mà hót vang những lời Xây dựng thuần túy. Thưa các anh, tôi có cảm tưởng rằng năm 49 sẽ dẫn, đang dẫn chúng ta tới gần một điều gì kỳ thú tươi sáng lắm đấy...". Từ biệt gia đình Pháo binh sông Lô, tôi lại mải miết với bao cánh đồi chi chít chè và dó. Nương dó suốt mấy vùng Hạ Hòa, Đoan Hùng đang thi nhau trổ hoa. Hoa trắng nở từng chùm

ngào ngạt bốc quyện hương thơm của một trời sản xuất điều hòa. Đường hoa vui ngát như thế này thì bao giờ mới mỏi chân được, hỡi các bạn đường! Hoa dó tỏa hương nồng mời chào con người Liên khu X thi nhau mà chế tạo giấy tốt để những con người khác cầm bút viết lên đấy những cái gì vui tươi nhất, mạnh nhất của 1949. Hoa dó đẹp như... một tờ giấy lệnh trắng đang sinh thành lả lay giữa tự nhiên, cợt thách thi nhân của một mùa chiến đấu.

Hạ Hòa, 15-1-49

TÌNH CHIẾN DỊCH*

(Tùy bút)

Thân ái,
gửi các "chất mến" ở hai đơn vị
Lũng Vài, Thủ đô
NG. T.

Hội Văn nghệ xuất bản 1950

TÌNH CHIẾN DỊCH

Đầu năm quyết định có khác. Cứ trông thoáng cũng biết ngay là họ sắp đi mở chiến dịch. Mặt cán bộ, mặt đội viên nào cũng tươi như hoa. Mũ đều lên sao. Sao có vành nữa thì chất huy hoàng không còn chê được vào đâu nữa. Mỗi người là một cái cờ cắm giữa trán. Mỗi người là một lá cờ mở trong bụng. Những anh đại đội trưởng rất quen thuộc từ chiến dịch Tây Bắc hè 1949 cũ quây lấy tôi, nháy tôi: "Thế nào, cùng đi chứ anh?". Tôi chưa kịp nói thì một anh cán bộ thân mến và tươi trẻ khác đã tiếp "chiến dịch này hay hơn chiến dịch trước nhiều. Nhiều cái lạ lắm. Nhưng mà làm gì mà anh lại chả biết. Phải đi chứ anh nhỉ!", tôi gật gật nháy nháy. Họ tản đi. Một anh cán bộ trước ở ban tác chiến và hiện phụ trách đơn vị phóng pháo, đập giầy đinh mới đánh cộp một cái tay nâng ngang mày rất là chính quy rồi hạ giọng: "Chuyến này thì đại biểu diễn bom bay. Các anh phải đi với phóng pháo thì mới viết được nhiều". Bên cạnh anh, đã có sẵn một chú Thiếu sinh quân cũng đang cứng người ưỡn ngực, tủm tỉm đôi môi tươi như vừa ăn kẹo hạnh nhân. Mến quá đi mất! Tôi nắm tay

chú, chú mân mê các đầu ngón tay tôi: "Này anh ạ, chuyến này vui lắm. Vui hơn chuyến trước. Ban chính trị cũng cho em đi đấy. Anh xuống luôn với đám litô các em nhá!". Tôi nhớ lại những ngày nắng dọc sông Thao hè 49 và hình ảnh các chú ở các bàn đạp Tây Bắc. Bé thế nhưng mà thần làm dáng, mỗi lần có mở hội chiến thắng với dân chúng sau những kỳ san bằng đồn giặc. Mình cảm thấy mình là một phần tử nào của đại gia đình Trung Đoàn này sắp đi mở chiến dịch.

Tôi nao nao trong lòng, rẽ vào chỗ Ban chỉ huy trung đoàn. Vẫn những khuôn mặt quả cảm đặm đà. Anh Trung đoàn trưởng vẫn bắt tay rất chắc và có cái cười rất rộng của người công nhân giản dị. Anh Trung đoàn phó hỏi thẳng ngay: "Thế nào, chuyến này các ông cho mấy ông đi và ông có đi nữa không?". Chết chửa, anh Trung đoàn phó lại gọi mình là ông và lại dùng danh từ các ông để chỉ Hội Văn nghệ!

- Tôi đi hay không cũng còn do tất cả anh em ở nhà quyết định. Chỉ biết trước là sẽ có một số đi theo các anh sang bên ấy đấy.

- Thế các anh không thể cùng đi luôn đơn vị xuất phát à?

- Sẽ đi sau. Sẽ tìm các anh ở bàn đạp.

Anh Trung đoàn phó thân mật hỏi tôi xem ở ngoài đơn vị, có ai bàn tán gì về cuộc đi này không.

- Dân chúng giờ tinh lắm. Lính cũng không toang toác lộ bem đâu và dân cũng không có dám hỏi đâu. Nguyên tắc thì là như thế nhưng mà.... Này nhá: anh đội viên nông dân toàn đi vét kim, vét chỉ và khuy hàng xén ở chợ, ở phố; ông văn phòng đi sục mực bút máy, giầy đinh mới phát khua vang phố; các ông xủng xẻng thì tổ chức những chầu to liên hoàn riêng với nhau ở nhà bánh giò T.G., nhà đậu rán T.V.; và tất cả đều và dép và giầy, nhờ máy lại quần áo, cắt ngắn ca-pốt làm va-rơ rồi khíu lại quai ba-lô, rồi là ùn ùn đến các hiệu cắt tóc làm một cái đầu mới để xuất phát. Hàng tuần rồi, cứ lũ lĩ ra phố ra chợ may và sắm sửa đều cứ như là bảo nhau sẵn mà làm cho giống nhau. Có anh lại còn hiên ngang đứng trước cái hiệu sách quen thuộc mua một cuốn lịch bỏ túi và nói một câu rất là lãng mạn: "Đố chị biết Tết này tôi ăn tết ở đâu nào?"

- Chết chửa, Tết này chúng tôi lại ăn tết ở mặt trận. Mấy năm đều như thế cả anh ạ.

- Tức là lại truyền thống của đơn vị. Và cái truyền thống ấy, dân chúng cũng để ý đến lắm. Các tướng gần như là con nuôi phố này rồi còn gì

nữa. Họ thầm thì bảo nhau là đơn vị sắp chuyển quân đi xa để củ cả Tây và cả Tàu trắng nữa. Họ biết các anh sắp "ăn" tết to lắm.

- Bậy quá nhỉ!

- Họ biết đại khái thế thôi. Chứ còn như hướng đi và bàn đạp, họ làm thế nào mà biết được.

Tôi lẳng xuống bếp châm cái đóm. Anh cấp dưỡng cười và rụt rè: "Thưa anh, chuyến này anh lại đi nữa chứ? Em nghe nói chuyến này địa phương bên ấy chuẩn bị sự tiếp tế chu đáo hơn chiến dịch trước nhiều. Có hẳn một chính sách về bò lợn gà và chất ngọt nữa. Lại khối cá tươi. Lại khối đồ hộp *Baxiphích*. Đúng như lời các anh ở trên Ban trên Phòng vẫn nói, em thấy đời lại tươi rồi!". Nét mặt anh cấp dưỡng hồng mọng bên lửa bếp. Anh thu cái cười răng đen, nheo nheo, mắt tránh khói củi tươi. Lửa bếp reo vù vù. Trong lòng tôi nhộn nhạo hơn lúc gặp những anh em khác trên đường vào ban chỉ huy. Chao ôi, cái bếp anh cấp dưỡng gợi nhiều chuyện mặt trận quá đi mất! Những ngày, những đêm hành quân, trú quân bên suối, bên sông, trong lán rừng, những giờ khắc chuẩn bị xuất kích và phút đánh thắng ầm ầm kéo về quây lấy bếp cấp dưỡng. Tôi xin anh cấp dưỡng điếu thuốc lào.

Tôi không nghiện thuốc lào, nhưng hình như nó đã thành một cái quy luật sinh lý, hễ cứ ngồi cạnh anh cấp dưỡng là hai ngón tay mình lại xoe xoe ra hiệu rất thân mật về điếu thuốc.

- Chiều, em phải ra phố mua trữ ít bánh, không có rồi lại quên mất. Để dân vận và hút dần trong chiến dịch. Chắc nhiệm vụ lại cũng đến ba tháng như chuyến trước anh nhỉ! Thuốc bên ấy không ngon, đắt và thường thường là không có nữa.

Ít hôm sau, tôi quay lại đây. Chỉ có mỗi một anh giám mã đang chải cho ngựa. Góc cụm tre, bóng anh thông tin liên lạc đang kiễng chân cất giây và rút điện thoại. Mấy thước dây ngoài sân trước nhà B.C.H. chùn lại, rơi xuống nền gạch loằng ngoằng lùi theo ra phía cụm tre. Tôi hiểu ngay. Thế này là chỉ trong ngày hôm nay sẽ bốc đi hết, tất cả những ai đi sau là sẽ đứng dậy hết, và lao dần về hướng mục tiêu của chiến dịch xa. Tất cả là một mũi tên chổng đầu nhọn về phía Tây Bắc.

Tôi ngủ ở một cái phố nằm trên đường chuyển quân của đơn vị, nghe những bước nặng nặng vội vội của người đi lập công tận biên giới. Có cả nhiều tiếng xe bò vận tải chuyển bánh theo ra mặt trận. Tiếng giầy đinh nữa. Nhớ miên man.

Tôi không nhớ một người hai người. Tôi nhớ hàng trăm người một lúc, nhớ người mà không nhớ ra tên. Nhớ từng bộ phận, nhớ từng binh chủng, nhớ cái không khí sinh hoạt luôn luôn chuyển chỗ như là nước chảy không bao giờ tụ lâu. Con trăn gió dài đang quăng sang vùng tạm chiếm, sẽ cuốn vào lô cốt, ở đâu có lô cốt sẽ thêm một nút chăn, sẽ thít mạnh vào cứ điểm, sẽ bóp méo, bóp vỡ lô cốt và ầm một cái, sẽ nhổ quang những hệ thống ung thư này ở biên giới Tây Bắc. Những đơn vị được mệnh lệnh đi tiền vệ chắc đã sang sông chắc đương qua đèo. Họ sang nhiều con sông nhiều khúc sông. Con đường sang Tây Bắc, tôi đã theo anh em chiến dịch trước, có thể nằm ở quán này mà ước lượng được từng chặng nghỉ, chặng ăn ngủ, chặng đi của đơn vị như là một anh ở công tác đội vậy. Chuyến này ca-nông không đặt lên vai nhau nữa mà tiến bộ hơn, lại có xe chuyển đẩy đi, mặt đường Tây Bắc tha hồ mà vang dậy. Đất cũ, anh em sang bên ấy sẽ gặp lại một số đồng bào quen từ mùa hè năm ngoái. "Cho mình nhắn theo một vài câu với!". Tết âm lịch tới của đơn vị, rồi không để đâu cho hết cái vui. Đánh tất niên, đánh giao thừa, đánh mừng tuổi dân chúng giải phóng, đánh để chào hàng xóm láng giềng mình bắt tay

chỗ biên giới. Đơn vị khai hỏa, giời đất khai hỏa. Xuân biên ải Tây Bắc thiếu gì đào. Lại đào Tầu. Ở đây, mùa chiến thắng này toàn là hồng đỏ, không ai ngụy trang lá xanh nữa. Đơn vị sẽ gài đào lên mũ tre đan, lên ba lô lam, cứ phết đào lên người, cứ chặt từng gốc đào song thọ mà buộc vào mình ông súng, mà xông vào rừng hoa mà lập công đầu năm đi thôi. Cái Tết huy hoàng này ở chiến khu Bắc bộ là tết cuối cùng đấy. Tết sau, chúng ta đã hạ sơn rồi. Cống hỉ sắn nìn hà!

Con đường buổi sớm hôm nay không còn bóng một người nào. Quán xá nhiều hàng quen đã rủ tôi hôm nào mồng một thì về đấy mà ăn Tết, sẽ có nhiều thứ lắm, sẽ ngon hơn Tết năm ngoái, mặc dầu năm nay giá gạo lên cao. Con người bộ hành ở trong tôi xiết đỗi cảm động. Tôi nhìn về phía núi mịt mùng, nhớ cái đơn vị hậu vệ đi qua đây đêm qua và hiện đang hành quân tiếp trong quãng đèo mây xanh mù kia. Một số dân chúng đang đắp đường để tổng phản công. Những gánh đất đầy ăm ắp có ngọn đổ ào xuống. Mặt các rãnh chữ chi, các lỗ hoa mai, bốc lên ít khói bụi đỏ. Chị gánh đất sửa lại quang; nói về bộ đội đêm qua đi đông quá và đã đi mở hàng cho quãng đường nắn lại này. Chị vui đúng như là một người đắp lại đường, chứ không phải là phá

đường đau khổ như năm nào. Chóng quá, kháng chiến!

Trên đường về cơ quan, chân tôi nằng nặng một sự quyến luyến với người đang bạt ngàn thiên đã đi hoạt động tích cực trên đất cũ Tây Bắc. Tây Bắc như hai *nốt* nhạc trở đi trở lại mãi trong đầu. Sinh hoạt sát với bộ đội qua các chiến trường, trong tôi đang lớn lên những xúc cảm lạ. Song song với cái tình đất nước thu hồi từng bộ phận, trong người tôi rào rạt một cái tình đơn vị, một cái tình chiến dịch. Những chiến dịch từ Tây Bắc qua Đông Bắc. Những hình ảnh nhà sàn, những câu nói giản dị, những tính tình hồn nhiên chỉ có trong chiến đấu, những số hiệu đơn vị, những bí hiệu cứ điểm, những sa bàn vương vãi bên mộ chiến sĩ, những con suối hè trú quân, những ngọn núi mùa xuân chuẩn bị chiến trường, những khúc sông mùa thu hành quân và những đám cháy mùa đông vây phòng tuyến Pháp bao nhiêu là cảnh là người, nhất là người. Người hình như nhiều hơn cây rừng. Không nhớ hết tên. Tên họ tan hòa dần vào một khối Đại Vô Danh của ý chí hạnh phúc. Tôi vừa hoan tống đơn vị Tây Bắc và lúc này ngồi bên cửa sổ mở thẳng vào núi, lố nhố cây dọc chỏm lá đặc sệt mây mù chiến khu, tôi cố nhớ lại những bóng

dáng, những hành động của chiến trường Đông Bắc cuối năm 49.

Con đường số 4. Con sông Kỳ Cùng. Cao Bằng, Lạng Sơn và một khoảnh huyện Bằng Tường bên kia biên giới, cửa ải Nam Quan và những di tích hoang vắng, những pháo đài Quốc dân Đảng Tầu. Hai chữ chiến khu vừa buột ra và tôi thấy hơi lạ tai. Mấy năm nay mình sống với chiến khu đâm ra quên bẵng hẳn đi cái không gian chiến khu, và đây là chiến khu. Tôi hồi tưởng lại quãng cuối năm 45 đầu năm 46, còn ở Hà Nội, thỉnh thoảng có người tìm tôi và trong câu chuyện nói kín, hay nhắc đến chiến khu. Hồi ấy tôi hình dung nó phải là những khu vực kỳ ảo ẩn hiện những bóng người kỳ dị. Chắc giữa Hà Nội đầu năm 1950 này, vào những buổi sớm buổi chiều đau thương, cũng có những tâm hồn sám hối đi tàu điện lên Hồ Tây thèm thuồng nhìn lên sơn hệ Tam Đảo mờ xa mà tự nói rằng sau cái chòm mây trắng đỉnh Tam Đảo tít xa ấy là thế giới của lẽ phải, của tươi sáng và hy vọng. Họ cảm nghĩ giống người ghép hình ảnh đẹp bài thơ Đường. Đối với họ, chiến khu là một sự trừu tượng ghê gớm ngoài tưởng tượng và khó lần được lối vào. Chiến khu là mây xa.

Những con người chỉ nghĩ xuông và liền mấy

năm nhảy một chân mãi trên một đồng bằng tù hãm ấy, đứng xa nhìn thấy một đám mây ngũ sắc. Những người sống ở Việt Bắc, đi trong mây ấy, gây cơ sở trong khu vực mây ấy, đấm đuối với việc làm, tranh thủ thời gian, bốn mùa ngụp trong mây cụ thể, quen quá đến nỗi quên cả mây. Nhiều buổi làm việc một mình hoặc khai hội đông, quên không hạ cửa, mây lững thững đi vào nhà, tụ lại thành bóng nước, trước sự thản nhiên của mọi người. Có ai chịu khó xua đuổi những "con" mây tọc mạch suồng sã ấy thì là những lửa củi rừng của buổi sinh hoạt cán bộ.

Tôi ngồi bên cửa sổ có bóng mây, nghĩ đến những đơn vị đi Tây Bắc đang luồn trong mây đèo phía bên ấy, và ghi lại ít sắc thái chiến trường thu đông vừa qua dưới bầu mây biên giới Đông Bắc.

Các đơn vị nhộn nhịp sửa soạn vượt đường. Đường số 4. Đã có những cán bộ tiếp tế vượt trước sang bên kia chuẩn bị kho gạo muối đường. Đơn vị chúng tôi có một bộ phận súng ca-nông cũng vượt đường. Bộ binh bảo vệ cho "ông súng" vượt đường và sang đến bên ấy. Với lại bắn trợ lực cho bộ binh quét đồn. Hay lắm.

Ngày hành quân đầu tiên, đơn vị khinh binh vừa chuyển binh vừa học tập. Rèn chỉnh trên

đường chiến đấu. Bài học sớm nay là vấn đề vận động phục kích. Từ trên xa truyền xuống ra bài. Lá đầy người, túi gạo đầy người, nối sát nhau hàng một, đoàn quân nói choang choang trên lối rừng loằng ngoằng. Anh đi trước tôi kẹp mạnh súng, nghiêng cái đầu xuống phía tôi: "Các cán bộ tiểu đội thảo luận. Truyền xuống". Tôi là một cái vòng giữa cúa dây chuyền, tôi nghiêng đầu nói với anh đi dưới: "Các cạn bộ tiểu đội thảo luận. Truyền xuống". Do miệng những người nối nhau cự ly đều nhau, câu nói cứ xuống, xuống mãi. Nhiều phụ nữ Thổ Nùng ngừng tay liềm dưới ruộng lúa chín nhìn lên cái đoàn lá tươi chuyển động, nghểnh tai và cười: "Các đội viên nêu kinh nghiệm. Truyền xuống". Tôi giật mình, truyền xuống. Lại cứ thế mãi mãi cho đến lúc dừng cả lại bắc bếp bên suối ăn cơm sớm.

Các đồng chí gần tôi đang nêu to kinh nghiệm bỗng nín tiếng, thở hụt hơi. Cái dốc ấy nặng quá.

Chiều trong thung lũng, các bếp trung đội, đại đội bốc khói lam lung tung, phảng phất một chút nhớ nhà. Dân chúng thưa. Đạn 105 ở vị trí nó thỉnh thoảng vẫn rơi ở chỗ mặt ruộng quanh nhà sàn. Họ bỏ đi hết, trừ một vài gia đình người Thái Bình, lên đây đã lâu, sống với nghề hàng

xáo và buôn muối tận phố Bình Gia. Nhà sàn xiêu vẹo. Bộ đội dù là đi qua, cũng tổ chức ngay đời sống. Về việc vệ sinh, hội đồng binh sĩ đã cắm sẵn những cái biển con đề: "Cấm không ai được *Vĩnh Thụy* ra đây". Mặt ruộng lởm nhởm gốc rạ cũ, súng đạn, ba lô, sọt gánh, ngổn ngang mặt ruộng khô. Nó như một bãi sắp dựng lều xiếc. Nó như một cảnh chợ chiều vang vang tiếng nói. Buổi tối anh Chính trị viên tiểu đoàn tìm chúng tôi để cùng đặt kế hoạch vận động Văn nghệ trong toàn thể đơn vị. Chúng tôi thảo luận về tiến trình biểu cho công tác văn nghệ lúc ở bên này đường và lúc sang hẳn bên kia đường số 4. Dưới mặt sàn, quanh bếp lửa anh đại đội trưởng thảo luận với cán bộ trung đội về vấn đề bộ binh tích cực giúp đỡ pháo binh, tức là vấn đề vác hộ Voi ngày mai vượt các dốc cao dãy núi hói. cán bộ bao giờ cũng thức khuya hơn đội viên. Ngọn đèn lù mù mãi bên cuốn sổ công tác của anh Đại đội trưởng. Ở một gian nhà sàn đầu xóm, vẫn le lói một ánh đèn nữa. Tôi biết đấy là chỗ B.C.H. Và anh tiểu đoàn phó đang tính toán nhiều trên bản đồ xanh lè của công binh. Anh phải đặt mệnh lệnh hành quân. Tuổi anh ít, nhưng mặt anh già câng. Có lẽ anh già trước tuổi vì cứ cúi mãi xuống bản đồ. Lúc tôi mở mắt dậy

thì còn tối lắm, đũa bát lách cách trên bếp sàn. Ăn sớm, hành quân sớm. Tôi tung bạt, sà xuống ăn ngay. Tôi cũng đã quen với các tác phong ăn cơm ba bốn giờ sáng không cần súc miệng.

Trời khô nắng hanh. Núi trọc, núi hói. Dốc cao. Lính nhễ nhại mồ hôi, mặt đỏ dừ. Thân đạp, chân tỳ, lá chắn, bánh xe, nòng máng, ống chụp, nặng ôi là nặng. Bộ binh ái hộ Voi lên dốc, luân phiên nhau ghé vai nghiêng. Một anh họa sĩ trong đoàn văn nghệ đi chiến dịch vẽ nhanh những tờ tranh hoạt họa đưa cho các đồng chí truyền tay nhau xem cho nó tươi quãng núi trọc nắng gắt. Ba bốn anh nhạc sĩ, mang đàn chạy lên trước, ngồi vắt vẻo trên đỉnh núi, dưới gốc cây đánh đàn để động viên pháo binh lên dốc. Người lính khiêng nặng hạ đòn khiêng bộ phận ca-nông lên những nạng đem theo chống như ba toong. Anh lau mồ hôi đứng nghỉ nghe đàn, tủm tỉm: "Văn nghệ có khác. Tươi dấy các anh ạ". Buổi chiều ngày thứ hai, rừng nứa trú quân nổ bôm bốp như tiếng đốt nương. Không, tiếng dao của anh em chặt nứa chặt tre làm lán ngủ đêm nay đấy. Buổi tối, tôi gối đầu lên một bị đầy nhật ký vừa thu ở các đơn vị, sau buổi sinh hoạt lửa trại phổ biến ý thức làm văn nghệ cho anh em đội viên. Nhớ lúc sáng bế mạc lễ phát động

văn nghệ trong tiểu đoàn, lời anh chính trị viên của đại đội nhiều thanh niên tính nhất: "Chúng tôi như những bó củi nỏ chờ lửa. Từ trước chưa bốc cháy hoặc có cháy thì cũng lem nhem thôi Nay"... Dễ mến quá. Ánh sáng ngày thứ ba cuộc hành quân rọi trên những mái lán, lợp bằng các thứ lá óng loáng sương đêm thu. Chốc nữa, sang ngang sông Kỳ Cùng. Và lặn mặt trời thì vượt đường số 4. Mọi người nô nức. Hàng nghìn người vượt một lúc.

Tối nay là luồn vào nách đồn nó, luồn vào giữa khe các cứ điểm chuỗi của nó sang đường. Tây chẳng biết gì cả. Biết thì cũng chẳng làm gì nhau. Hễ lò dò ở bốt ra là đánh ngay. Vượt đường số 4 vẫn vui nhộn hơn là vượt đường số 5, số 6. Nhưng mà trọng tâm công tác chính trị đề ra trong chuyển quân ngày này là tuyệt đối giữ bí mật, qua khỏi sông Kỳ Cùng là cả vùng đều tề. "Cấm không được vào làng dân chúng nói chuyện. - Đi ỉa đào hố mà chôn - Cấm không được ăn quà bánh, đề phòng thuốc độc". Truyền xuống! Qua bờ bên kia là đất địch, sinh hoạt không được to tiếng. Hỏa lực bắn chéo của hai đồn ỷ giốc của nó đã lấy cỡ sẵn trên các quãng đường nhựa. Và vấn đề rèn chỉnh dọc đường vẫn là học tập về vận động phục kích. Cảnh khô, đất

đỏ, đồi uốn lưng nhấp nhô như sóng bể cứng sững đông đặc lại. Một vài vọng tiêu dân quân, nền lay lứt ít gốc củi cháy từ đêm qua. Bộ phận ái hộ voi đã cuốc sẵn những bực cho pháo binh lên dốc và chọn riêng một cái dốc cho voi xuống bè. Ăn cơm nắm trên một núi trọc không có tí suối nào. Một vài đội viên tỏ cảm tình chân thật, bứt cho chúng tôi ít quả me nhấm cho đỡ khát. Nghển người lên, chúng tôi thấy rõ lá cờ tam tài ở dãy núi đằng kia. Anh chính trị viên đại đội xung kích chỉ cho tôi chỗ đứng thuận tiện xem cái vuông vải tam tài ấy, giọng trịnh trọng hơn. "Tối mình luồn nách đồn ấy mà sang đường". Những đơn vị có nhiệm vụ bố trí canh gác hai đầu cho anh em vượt đường, đã bắt đầu đi ra phía ấy.

Nhá nhem nhiều băng đạn nổ vu vơ ở các phía vị trí. Cứ bám sát ba lô nhau mà tiến dần ra đường cái. Nhiều khi ở trên dừng lại mình không nhìn thấy. Thế là dập vào nhau như dồn toa tầu. Tới những chỗ đường rẽ đã có người đứng chặn sẵn. "Cấm ho - cấm nói to - cấm hút thuốc lá". Truyền xuống. "Hỏi xem pháo binh đã tới kịp chưa?". Truyền xuống. Và có những trường hợp truyền lên nữa. Gần nửa đêm, chúng tôi xộc ra đường số 4. Không có gì báo hiệu trước cho mình

biết là sắp ra đến đường cái nhựa. Mặt đường nhựa còn hâm hấp cái nắng ban ngày. Mùi ét săng, mùi ma dút của công-voa nó còn vương vít trên cây, trên cỏ mép đường và xốc mạnh vô mũi. Mấy anh Đại đội trưởng bố trí ở đây bắt tay tôi, cười nói thỏa thê, mỗi anh khoác cái chăn xám, đi lại như bóng người đổi gác. Có anh lại còn cho tôi một mẩu đường phên để nhấm cho đỡ mệt. Đêm nay hành quân đến hẳn sáng bạch nhật mới tới gần biên giới kia đấy. Rừng bên kia đường. Tối như bưng mắt. Tất cả đều đi bằng tai. Cứ nghe tiếng thở của người trước mà bám miết. Cứ nghe tiếng lá ngụy trang khô ròn từ hôm qua nó kêu lạt sạt trên lưng người trước mà bám miết. Những giờ luồn rừng men mép vực sâu, lại là lúc buồn ngủ như khâu lấy mắt. Góc các ngã ba rừng, vẫn có người gác, có những cái đầu ngóc ra ngoài đống chăn bềnh bệch hỏi sẽ: "Đơn vị nào?" Chỗ ngã ba ngày tới đồn nó chỉ độ hai cây. Dưới đất, cạnh bước đi mình, chốc chốc lại có rất nhiều kim đồng hồ xanh lè. Một vài anh gài những lá nứa mục có chất lân tinh ấy lên ba lô người trước để dễ nhận đường. Vai cứ muốn xuôi thõng xuống. Bây giờ tôi mới sực nhớ đến cái túi dết da đựng đến ba bốn chục cuốn nhật ký của các đơn vị đưa đọc để rồi nêu ưu khuyết điểm

văn nghệ quân đội! Lấp ló trong màn sương ánh đèn cứ điểm Pháp. Gà anh cấp dưỡng lên tiếng gáy để có những tiếng truyền xuống: "Bóp đi, bóp đi". Sáng bạch nhật gần ra khỏi cửa rừng. Nghỉ và thay lá ngụy trang mới. Cửa rừng lao xao tiếng bẻ cành bứt lá và rộng quang hẳn đi.

Đơn vị đánh quen các mặt trận có khác. Họ đánh vận động chiến, công đồn đã có truyền thống. Sau khi phổ biến kế hoạch đánh đồn Na Han, anh đội viên đại đội nào cũng thử lửa cả rồi, họ phớt tỉnh đều. Chỉ có cán bộ là vẫn thận trọng. Các buổi khai hội tính chất của từng đại đội, khẩu hiểu cắt bằng lá chuối đính vào vải căng dài: "Không chủ quan khinh địch". Bội đội tản mạn vào rừng mỗi người khiêng một cây tre dài về dựng lán, làm thang xung kích vượt rào công đồn, làm cáng thương binh tử sĩ, làm sọt công sự. Tôi đi qua dẫy lán mới dựng lẫn vào núi cây. Trông như những dẫy chợ, chia ra từng sít tăng bày hàng. Anh đội viên xung kích mời đùa: "Hàng hôm nay chưa có gì anh ạ. Mai nhổ xong Na Han, có thứ hàng gì không cháy là sẽ đem bày hết ra đây. Cái kho quần áo nó mà không bị đạn lửa mình đốt thì quần áo lấy về bày ở đây cũng thừa một cái chợ giời". Tối, sinh hoạt thầm không đốt lửa trại, vì cách nó chỉ có một quả núi

và một quãng rừng con. Tôi đứng giữa vòng binh nhì ngồi xếp vòng tròn, cạnh tôi là một cái đèn bão, giảng nốt cho anh em về cách ghi xúc cảm vào nhật ký và nhân dịp đánh đồn này, tập viết ký sự để cho vào bích báo tường thuật trận Na Han. Nhà sàn nào cũng có cuộc khai hội. Bãi ruộng nào cũng có đơn vị sinh hoạt. Chỗ này Hội đồng binh sĩ thảo luận về chi tiết kỷ luật thu dọn chiến trường trong đồn cháy ngày mai. Chỗ kia anh chính trị viên đại đội đang dặn anh em thế nào là cái máy vô tuyến điện, nó có dây bọc cao su nó có bóng đèn xanh đỏ con con, hễ thấy thì phải lấy và giữ gìn cho kỳ được nguyên vẹn, nó còn quý hơn cả các thứ súng này. Nhà sàn Ban chỉ huy lạch tạch máy chữ mổ quá khuya và liên lạc lên thang xuống thang tới tấp.

Tối hôm sau, giải quyết đồn. Chỉ có không đầy nửa giờ đồn cháy ra than, than hồng rừng rực đến bạch nhật ngày khác. Tôi đã không muốn vào đồn bốc lửa một tí nào vì tôi ngán cái mùi đồn cháy đã ngửi mấy lần rồi. Nó hôi khắm một cách phức tạp. Vải bạt cao su, bựa đồ hộp, mỡ bò, mỡ giặc cứ theo khói và lửa mà phả vào mặt vào mũi, quện lấy xống áo mình. Nhưng sau cùng tôi cũng leo dốc lên để so đọ thực địa tan hoang với cảnh đồ yếu đồ nghiên cứu hôm trước. Hôm đi

chuẩn bị chiến trường về, anh trinh sát báo cáo là nó làm thêm nhiều công sự ở chân tường đồn cứ ụ lên từng khối đất vàng. Đất vàng ấy đang bốc cháy thành ra trấu. Thì ra đây là cót thóc giặc quây sẵn ở chân tường đồn. Thóc này hiếp của dân Tề làng Ngườm dưới chân đồn rộng chạy dài kia.

Tôi đã có được ít nhiều kinh nghiệm về việc lấy tài liệu sáng tác vào những dịp theo đơn vị đi nhổ các đồn. Cái điểm chính không phải là đi "xem" (?!) đánh đồn và vào cái đồn cháy cho nó thỏa thích tính hiếu kỳ của mình. Cái tụ điểm quý giá nhất về tài liệu mỗi đồn đánh là ở chỗ không khí chuẩn bị trận đánh và sắc thái sinh hoạt của dân chúng quanh cứ điểm. Sau trận đánh, trước trận đánh và nhất là cái phần phối hợp của quân dân chính giữa lúc đánh. Nếu không nhận kỹ mấy điểm căn bản này, thì theo đơn vị đi dự rất nhiều lần đánh, sự thu thập tài liệu cũng không tiến được mấy. Cái đồn cháy nào mà chẳng có súng nổ cả hai bên và bao giờ mà chẳng có khói lửa nghi ngút cùng tiếng reo hò.

*

* *

Tự nhiên tôi thành ra cán bộ dân vận. Ban chỉ huy đại đội đóng ở các nhà sàn lợp ngói. Con ông ké Thổ chủ nhà ấy làm cán bộ thông tin xã. Ban ngày tất cả văn phòng chuyển xuống lán dựng ở bờ suối sâu để khỏi bị máy bay đến làm gián đoạn công việc. Tôi lân la bên bếp lửa, hỏi chuyện gia đình ông ké và tình hình dân chúng ở thôn này. Nhà ông ké cũng có mua một khẩu súng cho dân quân xóm mượn tập hàng ngày. Học trò xã này, hôm bộ đội đến đóng quân, có tổ chức đến thăm đơn vị và mang quà tặng. Tôi ngỏ ý với anh thông tin xã muốn dự một buổi khai hội của dân chúng trong thôn. Anh cán bộ thanh niên Thổ thích và bằng lòng. Một buổi tối anh đốt đuốc lội suối đi tìm tôi, rủ đi khai hội.

Nhà sàn lục đục người kéo đến. Các ông ké sù sì, các bà ké khô gầy, các em thiếu nhi, các thanh niên lanh lợi và các chị phụ nữ đơn giản. Tất cả ngồi xuống thành một vòng tròn áo chàm. Anh Thông tin xã bảo tôi góp ý kiến để xếp đặt khoản mục chương trình nghị sự. Tôi bàn với anh về mấy điểm chính. Tôi yên trí ra tham dự cuộc khai hội. Anh bạn Thông tin xã đứng dậy tuyên bố lý do, giới thiệu tôi. Thế rồi anh tuyên bố luôn là tôi sẽ nói về điểm thứ nhất, tức là tình hình chiến sự địa phương. Tất cả mọi người

đồng thanh hoan hô tôi. Ơ hay sao lại thành ra thế này? Anh bạn Thông tin bảo tôi cứ nói đi rồi anh bổ khuyết sau. Ô hay, sao tại tôi nói và anh bổ khuyết sau. Ô hay, sao lại tôi nói và anh bổ khuyết? Nhưng thôi, mọi người đang nhìn chỉ có tôi và chăm chăm chờ nghe tôi. Tôi bèn trình bày điểm thứ nhất. Đồng bào ở đây chỉ đa số lõm bõm tiếng phổ thông. Anh bạn Thông tin thông ngôn lại. Đến điểm thứ hai, anh tuyên bố: "Bây giờ đồng chí văn nghệ nói về nhiệm vụ của thôn xã chúng ta đối với bộ đội đóng ở đây". Kìa đùa dai quá đấy! Tất cả lại hoan hô. Anh bạn lại giục: "Anh cứ nói nhiều, rồi tôi bổ khuyết". Không thể nói khác được, tôi bất đắc dĩ lại nói tiếp và giải thích để đồng bào ngồi đấy nên giúp đỡ bộ đội về những vấn đề tải thương, chuyển vận nay mai khi đánh những đồn gần đây và ngay bây giờ phải tổ chức việc gánh thóc và thực phẩm cho bộ đội. Tôi lại còn giải thích dàn hòa về việc chặt tre: "Bộ đội hành quân đánh giặc đeo ở trên người nhiều thứ: ba lô, ruột tượng gạo nặng ba bốn cân. Lựu đạn, dao, đạn, súng trường. Tre để dựng lán, bộ đội không thể mang theo trên người được vì nặng quá rồi. Bởi thế phải dùng tre của dân chúng địa phương mà làm lán. Bộ đội cũng biết xã ta dành tre để mùa xuân

làm những guồng lấy nước cấy ruộng. Nhưng việc bộ đội làm lán ở còn cần hơn. Có nhổ được đồn giết hết giặc thì rồi ở đây mới có cộn nước, guồng nước, mới yên ổn mà cày cấy. Đồng bào không nên kêu ca về vấn đề chặt tre. Bán, bộ đội trả tiền sòng phẳng. Có muốn nói gì về bộ đội thì lên ban chỉ huy bao giờ cũng sẵn sàng chờ đợi ý kiến nhân dân. Nhưng khi nào bộ đội đã rút khỏi rồi, thì không nên phàn nàn lúc người ta đã đi hết". Tôi lại trình bày cả về việc bộ đội mượn nồi, mượn chảo. Mọi người cười nói tỏ ý hiểu một cách vui vẻ. Anh thông tin xã được thể, nhắc luôn tôi nên làm luôn cả cái vấn đề đề phòng địch khủng bố sau khi bộ đội rút lui. Tôi lại nhẩy sang cả nhận xét về phi cơ địch và nên tránh nó như thế nào. Các ông ké, bà ké gật gật, các chị phụ nữ vui cười. Tôi nhìn lại đồng hồ thì ra tôi đã nói luôn hai tiếng. Thật là ngộ nghĩnh. Tôi có cái cảm tưởng là mình được ban chính trị phân công cho việc này và chính mình đã chính thức triệu tập dân chúng để giải thích.

Bế mạc buổi khai hội bất ngờ, anh Thông tin xã bảo các em nhi đồng hát một bài thiểu số liên hoan "đồng chí Văn nghệ"! Hôm sau tôi đem việc này kể lại với một số cán bộ đơn vị, mọi người khúc khích cho là ưu điểm! Và những ngày sau,

tôi đi chơi các nhà dân chúng. Sự mời mọc đặm đà hơn những dạo trước và hỏi mua lạc, mua khoai các bà ké không từ chối nữa. Nếu ở nhà hết hoặc không có, mấy chị phụ nữ lại mau mắn nhận đi mua hộ cho ở nhà khác, xóm khác. Ngoài giờ công tác ở các đơn vị, tôi xách cái túi gai chạy đi các nhà, ngồi góp chuyện bên bếp lửa, tập nói tiếng địa phương. Tôi thấy tôi trở nên thân mật với người ở bản xóm như là đã quen biết từ lâu lắm. Rồi nó thành hẳn một nếp tình cảm. Những lúc đơn vị chuyển địa điểm sang bản khác, mình thấy nhớ tiếc. Nhiều gia đình rủ tôi đầu năm tới về đấy mà ăn Tết. Có lần đơn vị chuyển đến một bản gần bờ sông. Bản buồn quá. Tre cụt đầu vì trận bom tháng trước. Nhà sàn siêu vẹo, sàn hoang bếp lạnh, phên, cột, gỗ sàn chỗ nào cũng có vết đạn 12,7 tước sơ thớ gỗ, thớ vầu, chiều đạn xuyên đủ các phía. Dân chúng phân tán chạy vào lán, chiều chiều một vài gia đình phái người về cắm mấy nén hương lên bàn thờ giữa nhà. Cữ này tôi công tác ở một tiểu đoàn khác và một bộ phận đóng ở cái bản ăn đạn bom này ở sát mép khuỷu sông Kỳ Cùng. Nước chỗ này lừ đừ gần như tù đứng, mặt sông rêu bọt đóng thành nhiều vệt to tròn. Khúc ngoặt này sâu lắm. Có con giải vẫn ngoi lên mép

vàng ệnh, rình vịt dân chúng bơi xuống là đớp. Những ngày nằm ở đây chờ tin tức của anh em trinh sát về tình hình địch tôi thấy sốt ruột quá. Địch đóng một tiểu đoàn rải rác trên các quả đồi kiểm soát con đường hẻm mình vẫn dùng lúc vượt đường số 4. Đơn vị chúng tôi vẫn đi về luôn luôn như là lượn rồng rắn qua ngang đường nhựa.

Lần này nó bố trí ở đấy một là vì có đoàn xe công-voa sắp đi. Hai là vì nó cũng định rình mình nữa. Nguyên tắc của đơn vị sang đóng bên này và lại sắp sang đường về là phải tuyệt đối giữ bí mật thành ra anh em trinh sát cứ phải bám xiết nó. Nó rút là mình lại vượt ngay, cùng giả lắm thì mới đánh.

Chuyến này nó đóng liền mấy hôm trên các quả núi đổ xuống đường nhựa cũng ăn lương khô, căng bạt, ngủ rừng, tự chuốc lấy sự gian khổ giả tạo. Và mình thì án quân lại nằm chờ. Mọi đơn vị lợi dụng thời gian để kiểm thảo kinh nghiệm chiến đấu trau dồi kỹ thuật, tu sửa tư tưởng, nghĩa là không lúc nào ngừng rèn chỉnh.

Ban ngày, bọn tôi cũng không ở nhà sàn đề phòng khu trục. Đây là đất cũ của đơn vị, các cơ sở hoạt động của đơn vị trong chiến dịch mùa xuân trước. Mộ chiến sĩ vẫn còn lố nhố dưới bóng

cây bản này. Nhưng bây giờ dân chúng phân tán cả rồi. Tối một vài bóng người địu con về thăm qua nhà.

Tôi ngùi ngùi trong lòng, muốn gặp mặt đa số bà con ở đấy. Gặp một đồng chí đánh cá bán cho hợp tác xã của đơn vị, tôi ngỏ ý muốn nói chuyện với đồng bào một buổi tối nào đó. Thật ra từ cái lần giải thích ngộ nghĩnh với dân chúng do anh Thông tin xã giới thiệu đột ngột, tôi thành thực cảm thấy cái thú sinh hoạt với đồng đảo đồng bào Thổ địa phương, tuy tôi không nói được tiếng miền núi. Cái nhà sàn rộng, đạn xuyên trông rõ cả nền trời cứ lỗ chỗ hằng chuỗi sao sáng, đêm ấy đốt nhiều củi giữa bếp. Tôi đóng vai chủ nhà mời các giới đồng bào đang leo thang lên. Anh đại đội trưởng tủm tỉm nhìn tôi và chào hỏi nhiều cụ, nhiều chị, nhiều anh. Các *nhình*, các *ca*, các *noọng* toàn là người cũ anh thuộc tên. Anh đã hoạt động nhiều ở đây từ đầu năm. Dân chúng niềm nở soắn suýt lấy anh, phàn nàn hết cả "ngà" vịt, lạc, đỗ, không bán cho bộ đội được đủ như chiến dịch trước. Tất cả quây quần lấy bếp lửa. Nhà sàn rộng chứa được gần trăm người. Tôi ngồi giữa bắt đầu kể chuyện, tìm những mẩu chuyện kháng chiến ở các khu xa. Tôi kể chuyện bắt đầu bằng con đường số 5 cho

đồng bào của đường số 4 nghe. Chuyện gặt vội thóc ở những vùng sát địch dưới xuôi phải gặt lối chải tóc. Nhiều cụ già trầm trồ về anh Sáu Đậu đánh mìn trên đường xe lửa Hà Nội - Hải Phòng. Các chị phụ nữ cười lăn như điếu đổ nghe câu chuyện "cô Ky" con khỉ hút thuốc lá Phi-líp làm gián điệp cho quân đội Pháp ở mạn Bắc Ninh. Rồi chuyện sinh hoạt dân chúng trên mặt các sông lớn kênh nhỏ khu 3 chuyên chở bằng thuyền gỗ thuyền nan chứ không có bè mảng như ở sông Kỳ Cùng "trên ta" này. Rồi đến chuyện Bình Trị Thiên, những lớp học nổi bình dân học vụ ở khu 4 dạy trong khoang thuyền ở những vùng Tây kiểm soát. Đến chuyện Nam bộ có chị Hai Vườn Chuối, các công binh xưởng lênh đênh lưu động trên các rạch sông và bao giờ ăn Tết cũng là đốt rừng cao su, đồn điền Pháp. Tất cả đều lấy làm lạ lắm. Tôi đã có một cái tủ sẵn kê liền mấy đêm cũng không hết. Lúc gần khuya ra về, nhiều người bắt tay tôi nắm rất chặt. Ông ké vẫn chở bộ đội qua lại hai bờ sông từ mấy năm nay, nắm mãi tay tôi giọng nói run run: "Đi đâu rồi tết cũng cố về đây nhá. Tôi sẽ câu con giải ngoài vực kia lên mời đồng chí ăn. Thịt giải ngon lắm. Lần trước cũng có câu được một con to bằng gần cái nong. Ăn uống ròng rã ba ngày vui

quá. Đồng chí nói nhiều chuyện tôi nghe thích lắm, và nhiều chuyện cụ thể hơn của thông tin xã".

Tôi sinh hoạt với dân chúng địa phương được đến dăm thôn trong xã rộng. Ai cũng hẹn trở lại ăn tết. Tôi cũng nhận nhời nhưng không tin mình trở lại kịp tết một chút nào. Trong bụng chỉ tự nhủ sẽ trở lại đây một năm nào, nhận một công tác ở nông trường đang lên ngày Kiến thiết sau này. Tôi biết rằng ở đây nhiều đồng bào đã nhớ tên tôi và cả người tôi đã thấm sâu vào cảnh và người mộc mạc đáng yêu nhất vùng này. Nhiều khi đơn vị sắp chuyển chỗ tôi đi từ giã bà con, bộc lộ hết tình cảm dạt dào. Nhưng lại cũng là một dịp để tôi nhận thêm một bài học của cuộc đời chiến đấu, là ở mặt trận, không nên chào hỏi ồn ào quá. Ở lúc nào biết lúc ấy, đi thì cũng lắng lặng mà chuẩn bị. Thấy trong người phát sinh nhiều ý tình thì cũng chỉ nên biết vậy mà giữ trong lòng. Cũng là một sự miễn cưỡng nó làm cho bề ngoài của một số cán bộ đượm mầu khô khan. Nhiều khi mệnh lệnh là rời ngay địa điểm, hôm sau lại trở lại đóng ngay tại giữa cái nhà sàn hôm qua mình vừa om xòm gửi lời chào bùi ngùi cùng là ước hẹn. Tôi bị bẽ hai ba chuyến như thế. Rồi kệch.

Bộ đội rút về bên này đường số 4, bao giờ dân chúng cũng buồn. Nhiều người đòi đi theo, nhiều em kêu mới tập hát được có mấy bài thì các anh lại đi mất rồi. Có em đòi bó học đi theo và có em tự an ủi là rồi sẽ có nhiều anh khác ở đơn vị khác sẽ tới. Tây chưa rút lui hết thì còn nhiều anh khác thay nhau mà đến với! Tôi lẽo đẽo theo dòng hành quân, rung rinh lá ngụy trang, cổ còn ngoái lại nhìn các em vẫy tay cạnh những guồng nước cao bằng ngọn cây to. Nhiều chị phụ nữ gánh đạn, gánh gạo tiễn bộ đội sang đường, gọi là theo bộ đội đi Tây Nam, Đông Nam. Vượt đường một đêm, lao sào chở mảng qua sông, đơn vị về tới khu an toàn, các chị phải quay lại mắt rưng rưng lệ, tần ngần đi lại quãng đường vừa rút đêm qua. Ông ké dẫn đường bộ đội cũng quay về, chỉ xin mấy viên ký ninh vì đang gây gấy. Thời đế quốc ông buôn thuốc phiện lậu, vì đầu kháng chiến ông bị Tây bắt làm phu ở đồn Thất Khê. Ông dặn lần sau các đồng chí có sang thì lại tìm ông để cho ông đi dẫn đường đánh đồn. "Tôi thuộc nhiều con đường kiểm lâm của đế quốc trong toàn huyện Thoát Lãng đấy".

Nói cho hết được chuyện con đường số 4 thì kể ra còn nhiều lắm. Cũng như bây giờ, tất cả chúng ta ai dám nhận là kể được hết nông nỗi,

nói được hết chuyện của tất cả con đường trong nước. Chúng ta chưa đả động đến những con đường liên tỉnh lộ mỗi con mang một số hiệu một số phận. Chúng ta hãy cứ bàn riêng về những con đường quốc lộ mà trước Tây gọi là đường thuộc địa và giờ thì chúng mệnh danh là đường liên bang. Đường liên bang số 1 của toàn cõi Đông Dương. Đường liên bang số 2, số 3, số 4, số 5, số 6, số 18 của "Bắc Kỳ", đường liên bang số 9, số 14 của "Trung Kỳ!" và nhiều, nhiều con số liên bang rải nhựa ở Nam Kỳ (!). Có lẽ chúng cảm thấy từ lúc mới đến đặt cuộc "Bình định" xứ này rằng những hệ thống đường xá lớn này, một ngày sau đây, sẽ lại nhuộm dần máu chúng nên chúng sơn đó sẵn những chỏm thạch tiêu cột lô mét trên các nẻo đường liên bang. Trong quá trình kháng chiến, không những toàn thân mốc đá, những cây số toàn cõi, đã nhuốm đó máu cả chỏm cả chân mốc mà hố đào từng thước đường nhựa đều thành những vũng máu của tất cả đám da trắng, da đen và cả bọn lính da vàng mà tâm hồn thân thể đã cầm cố cho quỷ sứ cướp giặc và vua chúa u tối. Mỗi con đường lớn ngày nay đều có riêng một tâm sự, đều đang ngậm mìn ôm bom mà chuyển mình vặn đổ cơ giới Pháp và giẫy mạnh hất chúng xuống hố nhân tạo, xuống

vực thiên nhiên. Sau này ổn định chiến tranh cục bộ toàn bộ, chúng ta sẽ tổng kết về tâm sự của đông đảo đường nhựa, gọi số hiệu từng con đường quốc lộ ra mà tuyên dương công trường và cho tất cả nói lên, cho tất cả những con đường máu ấy gặp nhau xót xa mừng mừng tủi tủi như những nhân vật tiểu thuyết, nhân vật kịch giữa ngày đại hội chiến thắng. Chúng ta đang giải phóng cho con người của tất cả chúng tả trong nước và cũng là giải phóng cho các con đường chiến lược trong bờ cõi. Ta làm chủ vận mệnh ta và đang tiến tới sự làm chủ đường đất ta.

Tôi đã nói được một phần sơ lược nào về đường số 4. Con đường ấy đang vui nhộn vặn mình luôn luôn trong những đêm Cao - Bắc - Lạng nhổ đồn và vận động, phục kích, tiếng động văng đến biên giới Bắc và ảnh hưởng sâu xuống trung du, đồng bằng và như đợt sóng điện đài vang vang thấu Đồng Tháp Mười. Cuối năm 47, Tây tốc chiến tốc quyết, bon bon xe sâu dóm trên đường này, đánh một cái đai sắt, đai lửa lên đỉnh đầu Bắc bộ. Chúng xây dựng hằng hệ thống vị trí, phát trụi đồi, sườn đồi nào cũng bị lột da trơ đất thịt đỏ như máu.

Các pốt nhô lên giữa các sơn hệ như một xâu mũ đỏ đánh rơi ven đường. Chiều tà Việt Bắc

Đông Bắc rừng rực trên những đồn Pháp chiếu ống nhòm trông như những mâm cà độc dược, như những kim tự tháp loét ngọn. Mở bản đồ Bắc bộ ra nhìn thấy nhiều khuyên tam tài, thấy nhiều nốt ruồi rớm máu mọc hai bên gân trán Việt Bắc mà đâm ngại ngùng cho công cuộc trường kỳ ba giai đoạn. Hai ven đường và hai ven sông Kỳ Cùng, không có một cái bản nào không xước ra vì đạn khu trục và sườn đồi sạm trụi vì lửa bom. Tưởng ở đây không còn ai cười được, không còn ban kịch lưu động nào đàn hát được với địa phương nữa. Người bên kia đường không thông cảm được với bên này đường. Mỗi bên đường là một thế giới cách biệt và con chim bên kia không tạt bay được sang tổ ở cành cây bên này. Nó định chăng một cái lưới nhện, yên trí là cả đến ruồi bên kia cũng không sang được bên này đường. Nó dựng một dải trường thành cắt đôi cái trán Việt Nam. Nhưng sang 48, đường số 4 không an ninh. Đã có những mũi tên thuốc độc tạch ngang vào sườn đường, đã có những viên đạn lấy lườn đường làm mục tiêu và mìn nổ như sấm dậy từng chặng ngoặt. Dân chúng vẫn lọt qua kẽ đồn, cán bộ vẫn chọc qua đường. Tiếng giầy đinh pa-tờ-rui (patrouille) thưa dần tiếng cơ giới không phăng phăng mà đâm ra cẩn thận

như bước đi của một quân đội già lẫn. Rồi đến ngày nay, mỗi lần Tây định chuyển chỗ trên đường nhựa thì phải tốn nhiều ét xăng, nhiều ma dút, nhiều diêm sinh, nhiều thịt, nhiều máu. "Đường số bốn trắng xóa dưới trăng mờ", trắng xóa những đầu lâu những bộ xương lê dương, Ta-bo, Ma-rốc sau này sẽ tha hồ dùng làm tài liệu phát cho các đại học đường giải phẫu học khảo cứu về xương cốt căn bản của cơ cấu những con người tội ác. Cho đến khi tôi theo chiến dịch thu đông vừa rồi thì tình trạng ông Tây và máy móc phụ tùng của quân đội nó bi lắm rồi. Đường số 4 bật mình, cứ điểm bị cơn địa chấn nhân tạo lật ngửa đổ nhào gẫy cụt ngã xuống cứ như giời giáng. Con đường máu lại thành con đường lửa. Việc nó phải bán sới khỏi đường "liên bang" số 4 chỉ còn là một câu chuyện ngày giờ. Tôi lại nhìn vào cái bản đồ anh chỉ huy mở ra mỗi lần ta vừa làm xong một đồn. Cứ điểm lại lố nhố hơn là ở bản đồ năm 48. Nhưng đã có nhiều nét gạc chéo trên những khuyên tam tài. Bên cạnh tôi trầm ngâm, anh chỉ huy lạnh lùng cầm bút chì màu gạc một cái thập ác đỏ lên cái đồn vừa nhổ. Có buổi anh gạc luôn ba bốn cái thập ác đỏ lên mép đường tả hữu đường số 4. Quân đội Việt Nam tiến bộ bây giờ trong một đêm, giải quyết đồng

thời hàng chuỗi vị trí. Các đơn vị lãnh nhiệm vụ nhổ đồn lẻ trong kế hoạch công đồn chung, còn thi đua nhau xem ai đánh nhanh và lại bắn ít đạn nữa. Tây chán cái vùng này lắm rồi. Cái thời chúng nghễu nghện trên đường "liên bang" tổng kết rồi. Mùa thu 49, đồng bào thân mến các nơi xa đường số 4, có biết nó tiến quân như thế nào không? Nặng nhọc ỳ ạch lắm! Mỗi chuyến công-voa lên công-voa xuống là chỉ chết tiền của những anh những ả đóng thuế tận bên "chính quốc". Rầm rầm hùng hục mà chẳng đi đến đâu cả. Đến nỗi cán bộ nó không đi cơ giới nữa, nhảy cả lên tầu bay mà rời mấy thị xã Cao Bằng, Đông Khê, Thất Khê, bỏ lại những thằng lính trơn đánh thuê nhận ăn mìn ăn đạn dưới mặt đường. Dakota, Junker mắc đèn dưới cánh, bay cả đêm nữa. Bây giờ nó không dám hiên ngang nối nhau đi dài nữa. Cứ 500 thước một chiếc. Chiếc ô tô đầu đã đến Thất Khê mà chiếc đoạn hậu của công-voa mới mở máy rời thị xã Cao Bằng. Ma dút, dầu xăng khét lẹt mặt đường. Trên giời cũng khét lẹt ét xăng của phi cơ hộ tống. Hằng tiểu đoàn bộ binh đi sục sạo hai bên đường nhựa. Thế rồi các thứ đồn ngày hôm ấy thi nhau mà uỳnh oàng mà đổ đạn cầu vồng xuống mặt ruộng dân chúng, bắn cả vào vách đá

giữa giời.

Có đồn bắn đến 200 phát inh ỏi một vùng sông núi hữu tình. Để rồi hễ gặp ta mai phục trên đỉnh núi bắn tạt xuống là lại trùn cả lại như con rắn thụt dập đầu. Chúng bị động đến nỗi ta phục kích ở quãng nào thì chúng cố dựng ngay đồn ở đúng quãng ấy. Những chuyến chúng đi thoát thì sự sinh hoạt tự giam hãm của đám lính giữ đồn lẻ lại có cơ hội tốt cho những ý nghĩ đen tối tiêu cực, tràn ngập tim óc những thân bách chiến càng đánh càng đần. Những thằng lính của công-voa đi chật vật từ Hà Nội lên ba hoa kể chuyện nhẩy đầm, uống rượu, thổ đĩ ở Hà Nội - Hải Phòng. Những tên lính thú biệt xứ ở trên này thèm thuồng nghĩ đến sự rút lui mau chóng về. Về dưới ấy, rồi về quê hương. Vá chăng thư từ của bố mẹ, của vợ nó vừa nhận được chỉ một mực thúc gửi tiền về, thúc nó phải khôn ngoan xoay xở mà về chứ đừng nên chết "anh dũng" ở thuộc địa, ở tiểu khu này làm gì. Đoàn xe dừng ở vị trí lẻ bên đường rồi lại chuyển bánh ngay nếu quãng trên chưa thấy ta nổ súng. Những con thú lông lá hạng bét đứng trên đường nhựa số 4 thèm thuồng trố mắt mèo nhìn những con thú lông lá hạng nhất chuyển bánh xe ô tô Mỹ còn mua chịu. Bánh chuyển rì rì như xe lục lộ

xì nhựa đường. Thị oai, đoàn xe làm ít tràng trái phá 40 Bô-pho nhịp tư. Ngày trước, một tháng công-voa Hà Nội lên hai lần. Ngày nay, có khi lâu lắm mới có một chuyến lên, có khi lên nửa đường rồi bốc cháy, xác xe bị ta xung phong ấy xuống vực để các đồn lẻ ngong ngóng một cách vô vọng. Ngày nay công-voa Hà Nội lên thất thường. Nhiều khi quân báo ta sơ hở thì vụt một cái đi nhanh từ Lạng Sơn lên Cao Bằng và bắt những đồn lẻ tập trung quân lại canh gác trên đỉnh núi hàng năm sáu ngày trước, nằm sương gối đất cũng như bộ đội ta quen với kham khổ trong rừng già. Nhưng, chúng mày chịu gì được kham khổ. Chúng mày luôn luôn tự hỏi chúng mày là gian khổ để làm gì? Theo lời bác sĩ cho biết thì những thằng da đen to xác như thế nhưng mà sức khỏe và số mệnh cũng mỏng mảnh lắm. Không kham nổi thủy thổ Việt Bắc nó chết bệnh rừng cũng nhiều.

Nhiều khi chúng nó có công-voa đi ngoài đường là ở trong rừng sâu, đơn vị nghe rõ hết. Tiếng nó đi nghe đặc biệt lắm. Nó như tiếng rú của hổ, khỉ, lợn lòi, chó sói. Tiếng ga cơ giới rú, tiếng ọc ạch của xe tăng chuyển xích. Trên giời hàng chục khu trục cổ ngỗng hồng hộc nhào lên nhào xuống trông không khác gì cú vọ đi tìm gà

con. Bắn lung tung vào hang dơi, ném bom xuống vực cá và phá hoại cây cổ thụ của sở Thủy Lâm chúng nó đặt lấy lệ ở Hà Nội. Thật là những đứa vung tiền đốt giời. Bao nhiêu mồ hôi nhân dân Pháp đóng thuế biến thành ét xăng phí phạm trên khinh không Việt Bắc. Thật là những đứa bốc giời. Đơn vị chúng tôi hành tung phải giữ bí mật không có nhiệm vụ phục kích. Và hết sức tránh tao ngộ chiến. Những hôm nó làm nhộn rừng, nhộn giời, nhộn đường cái như thế là lại chưa vượt đường vội. Nhưng trinh sát về báo là tiểu đoàn bố trí của nó đi rồi thì tất cả chúng ta lại sang đường. Nó vừa đi lúc 5 giờ thì 7 giờ tối chúng tôi đã đến. Còn thấy rõ vỏ đồ hộp, vỏ thuốc lá mới tinh. Hằng trung đoàn lại rầm rập kéo qua đường. Thật là đáng buồn cho Tây hết chỗ nói. Người sang, súng đại bác sang, thương binh nằm cáng sang, các chị phụ nữ gánh ủng hộ mỗi người hằng bốn hòm đạn Browning sang, nồi niêu soong chảo sang và cả hằng đoàn bò Đông Bắc ban tiếp tế đưa sang. Một vài anh nhớ đường cái, xin phép trồng cây chuối đi bằng tay một tí cho vui. Một số đông lượn rồng rắn anh em pháo binh khoái quãng đường phẳng dài rộng nghĩ đến nông nỗi chuyển voi lên các dốc hẻm trong rừng sâu, reo lên một cách hóm hỉnh "giá

cứ có đường này mà hành quân đều thì có thể rước *Chính ủy* đi khắp nhân loại". Họ thân mến gọi lòng đại bác là chính ủy. Cái suối quen thuộc của những đêm vượt đường trước đây, vẫn dồn nước gõ cái mõ đuổi chim đêm khỏi ăn màu ruộng.

Chuyến vượt đường sau cùng về bên này dưới giăng sáng, mấy anh đội viên còn mê mải với sự tiếp tục lập công, có ý buồn. "Sang đường lần này là hết chiến dịch của đơn vị em. Thôi, mau mau về tổng kiểm thảo rồi mùa xuân tới lại lãnh nhiệm vụ mới. Anh đi nữa chứ?" Tôi dám hứa ngay với những đồng chí tôi đã thuộc cả tên cả lý lịch chiến đấu. Chân tôi còn dẻo lắm. Tôi nhớ lại kỳ sơ khảo rèn chính của trung đoàn, cây số chuyển quân của đơn vị nêu lên. Mà ngộ nhất là đội viên hành quân chiến đấu, số cột lô mét cộng lại lại thua cán bộ. Đội viên đi 1500 cây và cán bộ thì 2000 cây. Đầu và tim vì có chuyến đi này thấy càng vững khỏe lên nhiều. Lại qua đèo Tam Canh, lại qua Bắc Sơn kỳ vừa rồi được tuyên dương quân công hạng nhất. Tôi biết tôi đã để lại đây và trên xa kia một phần của tôi. Bọn tôi rẽ vào nói chuyện mặt trận với anh chị em học sinh trường trung học Việt Bắc. Đã tưởng ở đây là hậu phương, mình có thể tạm quên những

hình ảnh anh em cán bộ và đội viên của đơn vị chia tay. Nhưng càng nhìn những thanh niên học sinh khôi ngô trắng trẻo ngồi ở ghế lớp đệ tam niên, đội mũ nồi chăm chú nghe, tôi lại càng nhớ đến một số anh em cán bộ đại đội. Cũng trẻ, cũng xinh xắn nhỏ bé và luôn luôn tươi cười như thế. Họ đến với cuộc sống chiến đấu tự nhiên như đóa hoa hàm tiếu chờ phút mãn khai. Đứng trong lớp, hát đồng ca cho anh chị em học sinh nghe một bài hát học trong chiến dịch, bọn tôi càng vấn vương thêm với khu vực chiến trường bên kia đường số 4. Có lẽ thu sau, mình đi lên trên ấy thì đã rút dọc vượt chếch theo toàn bộ đường số 4, chứ không dọc ngang như chuyến mùa thu vừa qua nữa.

Chân Tam Đảo, Tết Canh Dần.

CHÁY BẢN THẢO

Kính tặng anh chính trị viên B.T.
yên nghỉ tại biên giới cạnh mộ anh
Trần Đăng

Vậy là anh Trần Đăng đã bị đạn và chết vào lúc đơn vị kết thúc chiến dịch tại biên giới. Trung đoàn cho biết là lấy được xác và chôn anh ở N.L. gần cái cổng gạch số X ở mấp mé vạch biên giới Hoa Việt. Chuyến vừa rồi, tôi đi nhiều ở vùng đây. Ngồi ở nhà lúc này, tôi hình dung được hết cả khung cảnh biên thùy chỗ để mộ anh Đăng.

Tôi nghĩ về cái chết của anh Đăng, tôi nghĩ cả về chiến dịch vừa qua có anh Đăng dự vào những đợt cuối.

*
* *

Nếu đời người lính kháng chiến quả là một chuỗi đi dài, thì mùa chiến dịch vừa rồi, riêng một đơn vị tôi bám sát, người lính đã đi rất nhiều và đánh thì không mấy. Thành tích hành quân qua đêm qua mưa qua Tề, qua hành lang, cứ

điểm nhiều hơn là thành tích giết địch diệt đồn. Thành tích nghiên cứu sa bàn chuẩn bị chiến trường cũng rất nhiều cán bộ đội viên đều làu làu về địa lý Đông Bắc, về tình hình đóng quân và chuyển quân ở các đồn giặc và nhất là về sự tình thái độ của nhân dân quanh các cứ điểm. Tinh thần chiến đấu rất cao và kỹ thuật chiến thuật luôn luôn cải tiến thích ứng. Nhưng, những cơ hội thực hiện rất hiếm mặc dầu là lúc nào cũng tạo điều kiện để đánh địch và quyết tâm làm tròn nhiệm vụ. Qua những thực tế chiến đấu quân sự ở chiến dịch thu đông qua, chúng ta nhận thấy rõ chiến tranh lúc này ở ta là một sự tính toán cân nhắc tỉ mỉ; phải làm thế nào mà vừa giữ vững quân số của đơn vị để thực hiện những nhiệm vụ liên tục sau, và lại vừa tiêu diệt được sinh lực địch; vừa tiết kiệm được đạn mình và lại phá nhiều của địch. Trước, hễ gặp là đánh ngay. Nay chọn rồi mới đánh, giữ thế chủ động mà khai hỏa. Chúng ta, giờ trưởng thành trong khói lửa, đã trở nên khó tính một cách khoa học rất đáng buồn cho quân đội Pháp.

Người lính trong chiến dịch vừa rồi chuẩn bị rất nhiều nhưng chưa gặp thời cơ để thực hiện ý chí và chưa dùng hết vốn vào chiến dịch. Các anh ấy rèn chính học tập, sửa soạn những chiến

dịch quyết định của 1950 này. Các anh ấy đang tổng kiểm thảo tổng hợp kinh nghiệm và rút nhiều kinh nghiệm ngay trong thực tế chiến đấu và triền miên chuẩn bị với một tinh thần ngày đêm căng thẳng. Cùng sinh hoạt với các đồng chí trong hoàn cảnh luôn luôn chuyển động của các chiến trường Bắc bộ, anh Trần Đăng đi cũng rất nhiều, nhưng chưa viết mấy. Anh cũng đang gây vốn, tính toán suy nghĩ và chuẩn bị nhiều điều kiện cho nhân vật mình có cơ sở vững chắc mà hoạt động có kết quả trong một tương lai gần đây.

Nói đến vấn đề chuẩn bị, tôi nhớ lại trận tiêu diệt chiến đồn Nà Han sát biên giới, lô cốt cố thủ của nó xây bằng đá tảng. Mình đánh nhanh quá. Tất cả có 5 phút từ lúc voi khai hỏa cho đến lúc anh thông hiệu thổi đợt kèn chiến thắng. Đánh nhanh quá thành công mau quá đến nỗi một số anh em chiến đấu viên coi thường cả thành tích rực rỡ của mình. Và anh chỉ huy đã giải thích : "Làm được chóng như thế là vì có sự chuẩn bị chu đáo và lâu dài tỉ mỉ. Tính ra phải chuẩn bị mất gần nửa tháng để đốt vèo trong không đầy nửa tiếng. Chuẩn bị chu đáo tức là nắm được năm mươi phần trăm thành công. Thời gian chuẩn bị bao giờ cũng tốn nhiều và lúc thực

hiện thì rất chóng".

Trần Đăng nhận rõ vấn đề chuẩn bị nói rộng và lại càng thận trọng hơn trong vấn đề chuẩn bị sáng tác. Chúng ta thấy Trần Đăng ở sách, ở báo chưa có mấy. Trái lại chúng ta thấy Trần Đăng rất nhiều ở các mặt trận tức là ở thời kỳ sửa soạn sáng tác. Chiến dịch nào cũng lẽo đẽo hăm hở, mỗi khi có chiến trường mới, anh lại khoái trá nói giống như tất cả cán bộ và đội viên: "Chiến dịch này mới có nhiều cái hay!". Mỗi chiến dịch mới, anh đặt hết tin tưởng vào và tin rằng nhân vật của anh sẽ xuất hiện đông đủ. Anh sống với đơn vị, đặt cả bản thân mình vào cái sống cố gắng và đầy tinh thần khắc phục mọi gian lao của đơn vị tiền tuyến. Trong chuỗi ngày lửa khói, anh muốn gạn lọc ra được cái chất truyện của những gian khổ và ước vọng chung lớn của thời đại bắc cầu này.

.Tiểu thuyết Việt Nam hiện đại, Trần Đăng quan niệm nó một cách chính quy, và nó phải là một pho trường thiên liên tục, chia ra làm nhiều phần, gồm rất nhiều chương. Mỗi chiến dịch anh dự, anh hiểu đó chỉ là một chương của pho truyện lớn anh định dựng. Và nhân vật dựng sẽ là những thanh niên thuần túy của thời đại, sẽ là cả những lớp người có dĩ vãng ngược lên

những giai đoạn trước tổng khởi nghĩa và hành động còn kéo dài cả sau thời gian kháng chiến, nghĩa là đến giai đoạn kiến quốc chúng ta vẫn còn theo dõi mãi những nhân vật bây giờ đang đúc lại trên thực tế chiến tranh. Pho truyện sẽ nhung nhúc những hình ảnh cử động ồn ào ngụy binh, tù binh, hàng binh; sẽ rầm rập tiếng chuyển chỗ phân phối hoặc tập trung của nhiều binh đoàn, nhiều binh chủng; sẽ ngồn ngộn hơi thở, tiếng nói, nỗi lo, tình vui của nhiều giống người Kinh, Thổ, Nùng, Mán, Mường, Mèo Sạ Phang, Phàn Sình, Ngái, Trại, Thanh Y v.v...; sẽ cuồn cuộn các dòng nước sông Thao, sông Cầu, sông Thương, sông Lục Nam, sông Kỳ Cùng; và sẽ ầm ầm vang dậy đủ các thứ súng cũ, võ khí mới đủ các thứ đạn nội hóa, ngoại hóa nó bàng bạc đủ các loại cuồng loạn khóc oán buồn nản của quân đội đế quốc và cũng đủ các kiểu hồn nhiên chiêu đăm các mẫu tin tưởng và tếu nhộn của chiến sĩ Việt Nam. Thật lầ một công việc trường kỳ. Không rõ anh Đăng có điều khiển nổi cái số đông nhân vật tập thể và sự việc chằng chịt trong cái hệ thống tương quan rộng rãi bao trùm ấy không. Nhưng cái hoài bão, cái tham vọng ấy thật là chính thống. Tin ở mình ở cuộc đời thanh niên hoạt động để phục vụ của mình,

và tin là sẽ gặp được hết cả nhân vật của mình trong quá trình kháng chiến, anh Đăng đeo trên vai cái bạc đà, chiến dịch mở đến đâu anh có mặt ở đấy. Anh sống sát những tâm lý xung phong, anh sống giữa dân chúng vùng kiểm soát, vùng giải phóng, trong đầu sinh thành lần lần cái bố cục phức tạp của tác phẩm. Anh tham dự những đợt xung kích, anh bám theo bộ phận nhẹ các cán bộ đi chuẩn bị chiến trường, suốt ba bốn chiến trường lớn năm 49, bên cạnh những đồn bốc cháy, giữa những phút nguy nan bị phản động đánh úp, trong tưởng tượng của người làm truyện, lố nhố hiện lên vô khối là nhân vật. Giữa những đám cháy to rền vang tiếng chém, bắn, đâm, giết, quần áo thấm mùi khét các chất nổ, Đăng tập trung ý nghĩ xúc cảm và tưởng tượng vào một cuộc xây dựng. Anh Đăng tha thiết sống những giây phút phá hoại địch ở một mức tối cao của đơn vị xung trận và đồng thời vẫn chuẩn bị không khí cho nhân vật tác phẩm. Vấn đề chuẩn bị, anh cũng hiểu nó không khác người quân nhân đang lập công. Chuẩn bị lâu, đánh mau. Chuẩn bị, ghi chép tỉ mỉ, quan sát suy luận nhiều, đặt sẵn kế hoạch, chi tiết cho nhân vật theo một đường lối vững chắc. Đến lúc viết ra giấy, đến lúc sau này thực hiện ở bàn giấy sẽ

không mấy thời giờ. Cho nên mặc dầu tên anh Đăng còn thưa thớt trong những sáng tác gần đây, một số anh em viết tiểu thuyết cầm chắc Đăng sẽ là người giật giải thi đua sáng tác, khi mà những tài liệu ghi chép của Đăng đã hết sượng, đã nhuyễn, đã được chế biến đi.

Cái chết Trần Đăng ở mặt trận có cái ý nghĩa hiển nhiên của Văn nghệ góp phần nào phục vụ chiến thắng, dưới cái khẩu hiệu chung "Tất cả cho tiền tuyến". Ngoài điểm vinh dự góp phần xương máu vào sự nghiệp chung của dân tộc, tất cả những cây bút sáng tác cho kháng chiến và kiến quốc, tất cả chúng ta đều thấy cái chết Trần Đăng có một ý nghĩa đau xót của một bản thảo tiểu thuyết dài gặp nạn lửa đốt vèo và chúng ta không chạy không giật được phần nào. Đấy là một kho kinh nghiệm sống về quân đội, về nhân dân trong khói lửa chiến đấu, một kho kinh nghiệm chưa được sơ kết chưa được tổng kết. Đấy là một dự tính kiến thiết hết điều kiện căn bản để thực hiện, một ý chí căng thẳng bị đứt mạch máu. Đau xót hơn nữa, đấy là một hy vọng gẫy cánh. Đau xót cho bản thân anh bạn chết trẻ, sự nghiệp riêng chưa hiện hình và chưa kịp nhìn thấy cái kết quả dĩ nhiên của sự nghiệp chiến thắng chung đang tới. Nó còn là một đau giận

chung của tất cả anh em Văn nghệ sĩ đang thiếu người đồng hành để cùng lo, cùng học, cùng giảng, cùng phụng sự, mong muốn và xây dựng. Anh Đăng mất gửi lại cho những người viết truyện Việt Nam một gánh nặng. Có bao nhiêu điều không nói được, chưa nói kịp, hoặc mới nói nửa chừng. Có bao nhiêu thắc mắc có bao nhiêu mong mỏi chỉ mới ở trong tim óc chứ chưa thoát ra giấy. Lại còn cả một tốp nhân vật chưa được chính thức khai sinh, bơ vơ và đang chờ những cửa sáng tác, đang mong được thác sinh lên thành người thật. Tất cả những điều ấy, cả cái gánh cảm xúc và tư tưởng ấy, Đăng dồn lại cho chúng ta.

*
* *

Tôi ghi lại mấy ngày cuối cùng sống với Trần Đăng ở Đông Bắc.

Đơn vị vượt đường số 4 về bên này được ít hôm rồi. Ban tham mưu nhân sự đang thâu góp các chứng từ kế toán để tổng cộng về các khoản chiến phí của suốt chiến dịch, giục các bộ phận thanh toán tiền nong để báo cáo. Các cán bộ đều khai hội sơ kết để chuẩn bị cho Hội nghị tổng

kết kinh nghiệm của trung đoàn. Và anh em Văn nghệ "tùy quân ký giả" thảo luận với Ban chỉ huy về thời khóa biểu và địa điểm cho lớp huấn luyện văn nghệ ngắn kỳ tĩnh tại cho đơn vị dưỡng quân rèn chỉnh nay mai.

Tiếng Trần Đăng ở đầu dây nói Ủy ban kháng chiến Lạng Sơn. Trần Đăng vừa đi ở phía đường số 18, số 13 về, hụt chết, bị thương ở chân và đạn dùi cả áo, mất cả tài liệu. Chúng tôi hẹn gặp nhau ở địa điểm trung đoàn mở lớp. Mưa sướt mướt. Một buổi tối ở B.C chỗ B.C.T đóng, Đăng bước lên nhà sàn ướt át. Lửa bếp rọi vào một khuôn mặt xạm gầy toác nẻ một bộ răng rất trắng. Đăng kể những chuyện khó khăn ở quãng Biển Động, Mai Siu, Đình Lập, Lộc Bình và những kinh nghiệm đối phó giặc, vây giặc, úp giặc phục, sự khắc phục thủy thổ và nhân tâm như thế nào. Ở đấy có những chuỗi đồn gọi là đồn cầu an nó như một hàm răng lung lay chỉ giật mạnh là rụng hết. Nhưng lại có những cuộc khai hội mà cán bộ phải tự túc về ăn uống trong suốt thời gian hội nghị. Cơ sở dân chúng ở đấy tương đối lại vẫn dễ nằm hơn là hoàn cảnh kinh tế. Điều kiện chiến đấu ở vùng này có những hình thái đặc biệt. Ở những khu vực hoạt động hậu địch khác, sự đau khổ chỉ do con người tạo

ra. Ở đây, sự khó khăn và cạm bẫy lại còn do thiên nhiên nghiệt ngã tạo ra. Sông, núi, rừng, đồi ruộng đều thưa người. Bên cạnh những dân chúng lừng khừng, lại có những người tích cực, đại khái những lái đò vùng tạm chiếm dìm thuyền ở bên đồn và nhất định đi theo bộ đội. Cảnh khô ác. Những bài hát thông thường của vùng đại tự do chưa phổ biến đến đây. Vì sự nhu cầu của xúc cảm thường xuyên, cán bộ tự đặt ra nhiều điệu hát rất ngô nghê lạ tai. Đăng có chép được mấy đoạn, nghe rất buồn cười và rất thương. Sau những mẩu chuyện nóng hổi kể lại về đời sống "bên ấy". Đăng vồ lấy anh Trướng ban chính trị, đòi chép lại cái bài thơ Ph.Ph. tử trận ở Bản Trại, cảm xúc về con sông Thu Bồn của quê xa.

Ban giám đốc lớp huấn luyện văn nghệ ở riêng một nhà sàn gần cái đình dùng làm giảng đường cho gần 100 học viên. Trần Đăng cũng đến ở với chúng tôi, nhận giảng cho ít giờ về đường lối bích báo. Nhà sàn có một nữ đồng chí người Nùng, trước làm cán bộ huyện. Mưa liên miên ở huyện Bằng Mạc cũ này. Đăng nhớ lại một câu hợp với cảnh: "Mưa là một vấn đề quan hệ trong cuộc đời xúc cảm". Từ hôm khai mạc lớp, cả ban ngày cả tối, chúng tôi luân phiên

nhau xuống thang bì bõm lò dò sang đình "lên lớp" cho anh em chiến sĩ của đơn vị về các môn, văn, thơ, họa, nhạc, kịch, bích báo. Đăng chỉnh học viên ghê quá. Anh bảo học viên, những con người đã ít nhiều chọc tiết Tây, rằng: "Chúng ta rèn chỉnh cả về tình cảm nữa. Phải khóc cười thế nào cho đừng sai..." Một số học viên chưa hiểu con người Trần Đăng, cũng có phần hoang mang xôn xao.

Tối tối cả bọn quây lấy bếp lửa, rang lạc ăn, nói chuyện công tác, sáng tác và đều bốc đồng muốn dựng ngay nhân vật bên cạnh lửa sàn. Chị cán bộ Nùng vừa cười vừa học hát. Lúc mọi người lẻ tẻ đi nằm thì Đăng thắp đèn ngồi chữa lại cái truyện ngắn định đưa đăng tạp chí Văn nghệ. Đầu đề truyện ngắn cuối cùng của anh là "Người gác tầu bay", dựng lên một người đánh kẻng báo động cho cả khu phố chung tiền thuê mình canh khu trục đến quấy phá sự làm ăn ở hậu phương. Trần Đăng vốn là một người chuyên môn bám sát các chiến dịch, sống lệch hẳn về mặt trận và lúc sáng tác lại thích viết về những hình ảnh và con người của hậu phương. "Những ngày cuối năm" rồi lại "Người gác tầu bay"! Có lẽ anh sợ tình cảm của anh lệch đi về thực tế chiến tranh luôn luôn xúc tiếp, nên lúc biểu hiện cảm xúc,

anh lại ngả về một phương diện nhân dân khác cho con người mình giữ được sự cân đối chăng? Cái bản thảo truyện ngắn này anh chưa bằng lòng nên không đưa lại ngay cho chúng tôi cầm về vội. Anh vốn thận trọng với sáng tác. Và nếu bản thảo ấy thất lạc trong chuyến Đăng gặp nạn vừa rồi thì thật là một điều đáng tiếc.

Trung đoàn vừa nhận nhiệm vụ mới của Bộ trao cho. Vừa sửa soạn cho một bộ phận lại sang đường cái. Lẽ tất nhiên, Trần Đăng là người đi theo. Chúng tôi ai cũng bồn chồn, đặt nhiều giả thuyết cho chiến công mới của bộ phận sắp lên đường. Ngày bế mạc lớp cũng gần tới, và xong lớp thì chúng tôi giả công tác cho Trung đoàn quay về hội Văn nghệ. Hai anh chị em cán bộ Nùng giã gạo nếp suốt đêm làm bánh dầy tiễn cả bọn lên đường. Ngoài nhà sàn, vẫn mưa liên miên. Hôm ra đi, Trần Đăng chụp ảnh cho mọi người. Anh cùng anh Tân Sắc vui vẻ xuống thang. Như thói quen vui nhộn mọi ngày chia tay, chúng tôi ở sàn nứa mưa ướt nói xuống : "chiến thắng thủ đô!". Ở mặt ruộng lầy, Đăng cũng quay lại, chào với lại: "Chiến thắng thủ đô!". Chị cán bộ Nùng phàn nàn: "Anh Đăng đi vội quá không ở nhà ăn bánh dầy với các anh". Lớp học ngày bế mạc hôm ấy, tôi làm nốt hai giờ cuối cùng, giảng kém

hào hứng, lòng dạ phân chia với hoạt động mới của tiểu đoàn mình đã quen thuộc và phải chia tay từ ngày mai.

Cái hình ảnh Trần Đăng để lại ở tôi một lần cuối cùng ấy là cái dáng hăm hở bước đều của một người đeo ba lô đi dưới mưa trên cỏ ruộng lầy Đông Bắc.

*
* *

Để trả thù cho người chết, chúng ta sẽ tích cực hơn nữa trong sự xây dựng. Xây dựng những nhân vật, những con người đáng yêu đáng kính, những con người cán bộ, con người quần chúng phải được yêu được kính. Chúng ta lại xây dựng cả những con người chúng ta thù ghét khinh miệt nữa. Người viết truyện tạo nhân vật, sẽ dựng kê tìm lên cho đủ chi tiết: để tất cả nhìn thấy rõ mà bắn trúng vào điểm đen. Năm nay công tác ngụy vận và tất cả công tác vùng tạm chiếm đều có giá trị ngang hàng với công tác vùng tự do, chúng ta sẽ gắng nghiên cứu dựng cứu lên kẻ thù để tất cả nhìn thấy rõ hơn và bắn trúng. Kẻ thù là một hiện tượng phức tạp hơn, chứ không đơn giản như những vai Việt gian và

Tây mũ đỏ của sân khấu lưu động năm kháng chiến I hoặc II, hiện ra để chết ngay rất chóng rất gọn. Kẻ thù lúc này cần phải dựng lên dưới hình thức nhân vật truyện, chúng ta lại còn hiểu theo một nghĩa rộng. Kẻ thù đây không phải chỉ riêng những Tây trắng, Tây đen, Tàu trắng và những ngụy binh khố vàng có thực sự cầm súng bắn vào kháng chiến. Kẻ thù đây còn gồm cả những kẻ không cầm súng, cầm dao, giữa chỗ đông người chưa hề nói to những lời bậy bạ thoái hóa nhưng thực ra trong lòng còn ngầm chứa cái tư tưởng trở về một trật tự xưa cũ nó vốn thuận lợi cho dục vọng ích kỷ. Ở quanh chúng ta còn phảng phất nhiều thứ tình cảm cần phải được dựng lên thành điểm đen xạ trường. Và cả ngay ở trong bản thân mình nữa. Ở đây cái túi bản năng con người sâu kín mình, còn có nhiều cái sóng ngầm ghê gớm hơn cả những viên đạn bắn thuê của lính địch.

Cái câu hỏi của Trần Đăng lúc sống: "Tại sao chúng ta chưa dựng lên cái hình ảnh của kẻ thù?", chúng ta vừa hiểu nó theo một nghĩa sống. Chúng ta đủ ý thức và ý chí để tạo hình và điểm danh cho tất cả những kẻ thù ấy bằng cái phương pháp duy nhất của chủ nghĩa hiện thực

công phá. Bây giờ đã là lúc cần đến làm cái việc này rồi.

Anh Trần Đăng chết ở mặt trận, bởi một viên đạn, bởi một tràng đạn của kẻ thù. Chúng ta nhớ tiếc và đau giận. Nhưng không nên khóc suông như đa số đám ma thời đã qua. Khóc Trần Đăng cho xứng đáng, chúng ta sẽ xây dựng nên những nhân vật, những con người anh phải bỏ dở. Những con người không phải là muôn thuở nhưng là những con người muôn mặt. Những con người bạn, những con người thù. Có biết thù ghét một thứ người nào thì rồi chúng ta mới biết yêu quý những con người nào! Những con người, những nhân vật ấy là của chung của tất cả trong kho báu tài liệu nhân sinh hiện đại. Cái phần riêng của anh Trần Đăng làm chưa trọn, anh gửi lại cho chúng ta thực hiện, ngoài những phần thực hiện của riêng sáng tác chúng ta đang tiếp tục làm.

Tết Canh dần.

ẢI KHẨU - NAM QUAN

Tôi vào địa phận dầu tỉnh Quảng Tây sau một đêm luồn rừng. Sáng đã lâu lắm rồi tôi mới bắt đầu vào con đường đá nối Đồng Đăng với Long Châu. Gió xoáy từng cơn bụi vù vù và lau phất phơ những chùm hoa nhẹ như sợi bông gạo. Mùa thu biên giới lúc này chỉ giục tôi thèm ngủ. Nhưng trước mắt nặng chĩu kia là một thị trấn nóc nhà lố nhố, giác độ hồi tưởng không cái nào giống cái nào. Tôi mở đôi mắt cay vì thiếu ngủ liền mấy ngày đi núi, đưa cả đôi chân nặng cho thị trấn Ải Khẩu hút lại. Quá cái lô cốt đầu phố thì tôi tỉnh hẳn, trông có điều vui mắt thật.

Một tấm biểu ngữ bao ngang mặt đường đá rộng như đường số 4, chỉ phải cái không rải nhựa thôi. Một dòng chữ quốc ngữ đỏ chạy dài biểu ngữ: "Hoan nghênh chính phủ cộng hòa nhân dân Trung Hoa". Dưới khẩu hiệu đỏ chói nhiều đầu người nhấp nhô như chỏm sóng biển động. Toàn áo chàm rộng tay và quần áo xám kẻ dọc. Tôi lẫn vào cái đại khối ngồn ngộn vang vang những tiếng lạ tai. Có tiếng khu trục xa rồi gần mãi lại. Mắt tôi tìm nhanh chỗ nấp định bỏ phố tìm tử giác. Nhưng cả một dãy phố đông

người vẫn tiếp tục hoạt động, không bận gì đến tiếng động trên không. Tôi mới sực nhớ rằng đây là đất Trung Hoa và những gầm rít lồng lộn kia chỉ là những tiếng rú nổi lên từ không phận Việt Nam mình vừa rời khỏi lúc gà gáy. Bên kia dãy núi là Việt Nam và Pháp đang bay. Chắc lại có chuyến xe công-voa sắp đi trên đường số 4 và phi cơ lại yểm hộ lên, yểm hộ xuống. Biên giới lại đến nhức đầu cá ngày hôm nay mất thôi. Mấy năm trời đánh nhau với Tây, ngồi giữa một thị trấn đông đúc và lại giữa ban ngày, chưa bao giờ tôi được yên trí đến như thế này. Tôi chấm vào bát xì dầu những miếng đậu rán to bằng bàn tay, tẩm bổ ngay cho máy móc bán thân vận động nhiều trong mấy ngày liền. Ngoài cửa hiệu ăn, trên mặt đường rộng, sức sinh hoạt buổi mai đang chớp bóng luôn luôn qua mắt những thước phim liên hồi về nhân chủng học. Áo xanh, áo xám cộc, mũ nồi, mũ dạ, những cái búi tóc đàn bà, guốc dép nối tiếp nhau mãi. Không ngớt xuôi không hết ngược. Tôi không lạ họ. Họ là cái nội dung của "Đất Tầu" Pearl Buck, là bóng dáng mập mờ của những chàng "Tchen" của Condition humaine Malraux, họ là mụ Tường Lâm, là Ả Quy, là Khổng Ất Dĩ, là Lỗ Quý, là Lý Tam của Lỗ Tấn, Tào Ngu, chứa sẵn một tiềm lực sinh

hoạt ghê gớm. Họ đầy đường kín phố, đông như cái tính cách của tiểu thuyết hiện đại nhiều nhân vật nghĩ, nói, làm đều bàng bạc gửi vào cái khối đại chúng vang dậy chỗ lộ thiên. Tôi khoác bị lượn lên lượn xuống như tất cả đám đông.

Nước Tầu thật là một cái sự nhiều. Nhiều đất, nhiều người, nhiều con trẻ, nhiều ông già, nhiều đàn bà, nhiều cướp giặc, quân phiệt phong kiến, nhiều chiến tranh. Và thịt cá bầy bán ở chợ ở phố càng nhiều nhiều. Đây là một vùng xoàng xĩnh heo hút thay lảy ra sát biên ải mà cá thịt rau đậu miếng sống, miếng chín ê hề như ở quanh bếp núc một đám khao lớn. Vẫn hay đây là một cái chợ bên lề đường cái chính xứ, ai có tiền thì mua sắm tùy túi tiền, tùy sức sở thích cần dùng. Nhưng tôi có cái cảm tưởng là ở quê mình, những mặt hàng thực phẩm trông nó gầy guộc thanh đạm hơn nhiều, sự bày bán ở chợ nó có vẻ điều độ hơn nhiều. Chợ họp giữa phố Ải Khẩu ngồn ngộn đủ các chất. Lợn phanh tươi cả con, lợn pha ra thành súc đồ sộ, hằng khối thăn hồng nung núc, hằng tảng mỡ sống quện dính, la liệt trên hàng mấy chục mặt bàn độc ngậy bóng. Chất tanh cũng không kém gì chất nhờn. Không biết họ đánh được ở sông ở hồ nào mà có những con trắm to bằng cả một đùi người. Xoàng ra

cũng là bốn năm cân. Họ pha cá trình bày cá cũng khác mình. Mình cắt lẻ thành khúc ngang, họ bổ dọc cá con, cái thú thuốn vào móc câu sắt lúng lắng và môi còn ngáp, mang còn phập phồng. Hai dãy phố thắm tươi đặm đà vì thớ cá thớ thịt. Lòng thòng nơi cửa hiệu phở chua, ít chục con vịt chín hồng mọng những ánh lửa lò quay. Thấy nhớ nhà qua hình ảnh miếng chín nơi tha phương. Thấy nhớ những buổi chiều trước kháng chiến ở phố Hàng Buồm thủ đô, phố Hàng Cháo Hải Phòng và phố Chợ Cũ Sài Gòn. Mấy anh tiếp tế quân đội đứng lịm người trước sự tự trình bày lặng lẽ và hùng hồn của chất tươi. Mấy anh lẩm bẩm tính và nghĩ nhiều đến chuyện cấp dưỡng đơn vị. Lút đầu người ngồi hàng, những xúc vải các mầu. Rồi thuốc lá thái bán cân phơi bừa bộn mặt đường.

Đến những bìa đậu phụ thì càng thấy rõ cái tính cách ăn to bầy lớn của người bạn láng giềng. Óc đậu đổ thành khuôn, mịn nhuyễn, trắng phau như tào phớ, mỗi khuôn dầy dặn bằng một cuốn truyện dài ngoại quốc. Trông nghiêng cái bàn bìa đậu, thấy trắng tréo sắc gọn như một chồng sách mới xén. Hàng bên cạnh, bóng loáng màu vàng cánh gián của bánh mật rán mỡ nóng. Trông những táng đường phèn

rộng bằng khổ tuần báo, càng bồi hồi nghĩ đến những kỳ vây cứ điểm Pháp mà mỗi người có được một góc mà nhấm dần thì dẻo dai biết mấy! Thế rồi hằng thúng lạc khô vỏ tía cánh sen, thúng nào cũng cao vút ngọn tháp. Đỗ xanh hạt mẩy bằng hạt bắp. Hồng không hạt, lê, sấu, táo tươi to bằng quả đấm, chuối khỏi tay người chọn vội lăn lông lốc trên nền đất nhà hàng. Lấn cả ra mặt đường đá những xâu ngó sen già sù sì một chất bùn và bệt xuống hè biết bao nhiêu là củ đậu to lớn không kém những âu trầu. Những cây cải thìa trắng, những sọt cải xanh, cuống to bằng ngón chân cái. Bao giờ mình tăng gia được như thế này lấy vài sào cho cơ quan trong núi! Mấy anh bạn họa sĩ cứ quýnh lên định vẽ. Đây là thu gồm tất cả mầu sắc nóng mát tươi đậm của những bức họa tĩnh vật vĩ đại. Nhưng mà tĩnh thế nào được với những hơi người, tiếng người, tiếng chèo kéo giá cả thách thức mậu dịch mỗi lúc một đông nghìn nghịt. Người đông lũ lĩ, gánh đòn kìn kịt, chợ phố nhộn nhịp, cá thịt rau củ lại tú hụ gấp mấy người. Bên Tầu, cái gì cũng lớn. Tôi nhìn từng người, tôi nhìn vào từng nhà. Tôi để ý đến những người đang ăn những bữa cơm thường trong những căn nhà lụp xụp, thấy họ đầy đủ hơn mình. Cái mức sống vật chất

hàng ngày của họ, quả thật là cao hơn mình và càng thấy rõ mình là những con người vốn kham khổ từ bao lâu ở cách cảm, cách nghĩ và cả ở sự ăn mặc mỗi người. Tôi so sánh và tin tưởng vào sự cải thiện nhân sinh đang thực hiện gay gắt và nhẫn nại ở phía bên kia dãy núi biên giới. Bốn chiếc khu trục cổ ngỗng vẫn lượn vù vù rú ga theo mép biên giới. Ở Ái Khẩu đến trường bay Mai Pha của Pháp theo đường chim bay cũng gần lắm, nhưng chợ Ái Khẩu chưa bao giờ vỡ một chút nào. Trái lại từ hôm qua, chợ Đồng Đăng dưới kia của Pháp, dân chúng và hàng họ thưa vắng trông thấy. Chả là Ủy ban Biên giới mới thi hành luật bao vây kinh tế địch, kiểm soát hàng hóa và dân chúng. Số tiền xuất nhập ở chợ Đồng Đăng báo cáo với nhà binh. Nhà binh cho đánh bốn xe cam nhông lên phía Nam Quan chẳng rõ là để làm gì, nhưng lên gần đến địa đầu thì lại quay về.

Tôi lảng dần khỏi chợ. Tường nhà phố chi chít những khẩu hiệu viết bằng phấn, bằng vôi, bằng gạch, bằng than, bằng mực. "Hoan hô Mao Chủ tịch", "Đả đảo Tưởng Giới Thạch đế quốc lấu cấu", "Hoan hô Lương huyện trưởng kiến thiết Tân Bằng Tường". Tôi đứng đọc. Vài anh du kích Trung Hoa cười chạy ra bắt tay. Từng tốp quân

đội ngụy trang đầy người đang tuôn dây mắc điện thoại qua phố. Có lệnh cho quân đội không được ăn quà bánh ở phố đề phòng gián điệp, Hán gian, Việt gian đánh thuốc độc. Vùng này là địa bàn hoạt động của Phòng nhì Pháp, gián điệp Mỹ và đặc vụ của Tưởng. Con đường đi Long Châu, bên trái là những đồn trắng của một hệ thống cống bốt gác Pháp quét vôi rải rác trên lườn núi biên giới. Dãy núi bên phải, song hành và đối lập với phòng tuyến Pháp cũ là một dãy pháo đài của Tưởng nay chỉ còn những ụ hoang tường trống. Đường đá cũng cắt chữ chi như bên mình do dân quân phá hoại cách đây hai tháng. Đây đó bên vệ đường rậm, ít chục nóc nhà bị cháy trụi nóc vì lửa khủng bố của quân Tưởng qua đây hồi nọ. Trong mắt những người dân nguyên là chủ những nhà cháy này còn mang nặng vẻ khiếp sợ của binh hỏa quân Tưởng. Quá trong núi kia là con đường xe lửa đi Nam Ninh. Sự thật, xe lửa không còn nữa, cả đường sắt nữa. Cũng như ở ta, sắt đường ấy đã biến thành khí giới để võ trang toàn dân rồi. Ở đấy chỉ còn lại cái nền đường hỏa xa cỏ dại trùm kín đá củ đậu.

Tôi tìm về một đại đội bộ, đóng tại một cái miếu hoang, đọc mấy số bích báo vừa làm xong, mang những cái tên rất khêu gợi. "Vượt đường",

"Lên biên giới", "Đất bạn", "San bằng... biên thùy", "Ta mơ trần gian san bằng thùy". Đúng đấy. Ở những đâu đâu thì chưa rõ thế nào, chứ ở khoảng biên giới này, chúng ta đều thấy cái vạch biên thùy là một hiện tượng giả tạo, một sự bịa đặt. Hai bên nói vạch ước lệ chính trị ấy ở bản đồ tham mưu, thật ra thiên nhiên bên này vạch và thiên nhiên bên kia vạch không có gì là biệt cách tương phản nhau cả. Con người cắm làng phố dựng hai bên vạch thì lại càng không có gì khác nhau cho lắm để đến nỗi phải kè kè một cái giấy thông hành và bịa ra nhiều kiếm ấn cộp vào giấy mỗi lần dẫm qua vạch nhân tạo. Cái sống hàng ngày giữa dân chúng bên này và bên kia là một thực tế thông đồng bén giọt về tâm tình cũng như về vật chất mậu dịch. Thường thường họ vẫn lượn rồng rắn trên những lối mòn kiểm lâm, trên những đường rậm hẻm vẫn thường mệnh danh là đường buôn lậu và từ ngày Tây sang đến giờ, đã có bao nhiêu bàn chân ái quốc lẩn lút bước qua trốn ra ngoài. Tôi nghĩ đến một ngày không xa lắm đâu, phố Ải Khẩu sẽ là một phố ga. Ga Ải Khẩu nằm trên con đường hỏa xa quốc tế Việt Quế sẽ có những hai đồng chí xếp ga, một Việt Nam, một Trung Hoa, vé in hai thứ chữ, cùng phất cờ khoa đèn cho những

chuyến tốc hành toa nào cũng có cả hành khách đủ các giống người Đông Nam Á Châu. Cái ngày ấy là ngày Anh Mỹ bán lại tất cả cổ phần doanh nghiệp cho Trung Quốc và cũng là ngày Việt Nam lấy lại và bắc lại xe lửa đường rộng một thước hai, một thước tư. Ở biên giới này tắt tiếng súng rồi sẽ có tiếng còi tầu.

Ngày hôm sau tôi đi Nam Quan. Những cột dây thép bên đường bằng cả cây gỗ tươi sù sì, chỉ có mỗi một sợi thép. Ít khóm nhà tranh méo vẹo: gia đình Nùng ấy chạy ở Na Sầm về kêu rằng: "tản cư được ba tuổi rồi" chạy Tây chạy Tầu trắng bốn năm lần rồi và than thở rằng người sang ở bên Tầu này mà trâu nghé thì còn bị giữ ở bên Việt Nam không rõ có còn sống không. Dưới mép vực là nền con đường xe lửa đi Nam Ninh với cái cửa tò vò đường hầm, trên miệng hầm đục chữ Hán "Phục Ba lĩnh tụy đạo". Nắng hanh vẫn làm cay xót mắt. Hoa lau càng lả lay trên đường đi Nam Quan. Cửa ải lịch sử (và địa lý nữa!) đã dần dần hiện lên phía núi trước. Lần đầu tôi tới Nam Quan và lại đi từ phía nội địa Trung Hoa về và chui qua ải. Ngày bé nhìn ảnh các-bốt-tan của Pháp quảng cáo du lịch, mình nghĩ nó to lớn hơn nhiều. Cảnh ở đây thật là vắng vẻ xa hút. Dưới cống tò vò đá là trụ sở của một số đồng chí công an biên giới người Thổ

áo chàm súng mút chéo vai. Bóng mấy cây mạy lầy cao lớn lung linh trên ngọn ải răng cưa ăn liền lên sườn núi sâu. Trước ải ít bước, là mấy dân quân du kích Trung Hoa đi lại dưới cột cờ đỏ một sao mẹ năm sao con. Anh liên lạc của bọn tôi giới thiệu và chúng tôi quây lấy một bàn đá mặt vẽ bàn cờ tướng, lù lù giữa đường cái. Tất cả, chia nhau trèo lên đầu quan ải khắc rõ ba chữ "Trấn Nam Quan". Chúng tôi hướng về Việt Nam. Chỗ lờ mờ nhà cửa trước mặt kia là thị trấn Đồng Đăng. Con đường cái thăm thẳm. Hôm kia, nếu không có người giữ lại thì một đồng chí tiếp tế đã nhẩn nha đi lầm thẳng về đấy. Tối đến Đồng Đăng cũng không có đèn. Tôi nhìn kỹ và đoán được những đường nét rất quen thuộc, những công thự và trại lính của một lối kiến trúc thuộc địa. Một đêm tháng trước, một anh xã đội trưởng du kích ta cũng do con đường này lần vào giữa thị trấn kiểm soát, dắt ra một lúc hơn chục con ngựa Tây ngày nay vẫn thồ muối trong các pò các bản mép biên giới. Núi ở đây toàn núi trọc. Trong cái khe núi bên trái kia là đồn Bản Lâm có độ 30 ngụy binh. Lão đội ở đồn Bản Lâm theo Pháp vốn là người vùng đây bữa nọ có dẫn ngụy binh về gặt ở cánh đồng dưới chân ải kia và bị địa phương quân bắn chạy. Chuyện nơi quan ải rất nhiều. Cái hồi 1940,

Nhật tấn công Pháp Đồng Đăng cũng là đi từ Ải Khẩu qua ải này mà đánh. Lại hồi tháng 7-1949, Quốc dân Đảng Tầu đóng ở cửa ải này, bị ta bao vây hãm nước mấy ngày rồi chạy về với Pháp. Chuyến ấy địa phương quân của Long Xuyên thu được trăm khẩu súng trường Mỹ và một số súng máy. Cái trại lính dưới kia của Pháp xây đã lâu và nay bị phá dở vẫn còn đủ gợi lên những bóng dáng của Đồn Thủy, Trại Cửa Đông, Cửa Bắc trong Hà Nội và thành Mang Cá ở Huế. Nó thật là những cái mẫu nhà điển hình của trại lính đế quốc.

Đèn Nam Quan, không thể không nhớ đến lịch sử. Núi, con đường thăm thẳm, thành ải đồn trại, tất cả thiên nhiên ở đây là những bài trí của *"Hận Nam Quan"*. Mấy trăm năm về trước, chắc Nguyễn Phi Khanh và Nguyễn Trãi khóc than và thề thốt ở quanh đâu đây. Biết đâu không là ngay ở chỗ mình đứng đây. Không những chỉ có Nguyễn Trãi trên khúc đường này. Ở đây đã có bao nhiêu đoàn sứ giả đi kiệu, đi cáng sang triều cống Yên Kinh ngày trước. Ngày trước đã có bao nhiêu quân tướng quan lại đem đau khổ tới cho mình bằng con đường này. Ở đây đã có bao nhiêu chinh chiến, bao nhiêu thất tán. Hình như tôi còn nghe được trong không gian buổi chiều thăm ải này, cả cái tiếng ô tô mở máy

rất nhanh của lãnh sự Pháp ở Long Châu chạy qua chạy lại quãng này để vận động mưu mô toàn những việc ác độc chỗ biên phòng ngày trước. Không gian thì thào tiếng Nhật tiếng Anh tiếng Mỹ tiếng Pháp tiếng Việt. Cáng ngựa xe kiệu trung cổ lẫn với ô tô hàng xe cơ giới tối tân xao động trong ánh chiều tà, bụi đỏ mù, gió heo hút, lau sậy rì rào. Con đường qua ải Nam Quan in dấu giày của bao con người xưa. Đây là rất nhiều sự tình dĩ vãng. Và đến nay mai Việt Nam hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc thì con đường này còn có một tính cách đế quốc rất lớn. Con đường này nay mai sẽ dẫn chúng ta đi xa lắm. Nơi đây là một triển vọng ngoại giao mở rộng để đón mãi mãi những luồng gió Bắc đầy sinh khí.

Khói lam chiều bốc lên từ những hốc đá chỏm đồi cây um tùm. Bếp của quân đội. Mép biên giới, tối đến lập lòe những ánh đuốc, cự ly lửa đều quãng. Cán bộ đi họp bạn, đi sinh hoạt, đi phổ biến kế hoạch quét đồn mới. Tôi trở về một đơn vị, dự một buổi khai hội để thi hành kỷ luật chiến trường đối với những chiến lợi phẩm tập trung được trong những chiến thắng gần đây.

... Một hôm có cơm đoàn kết với dân chúng biên giới. Dân chúng cử đại biểu đến mừng quân đội vừa giải phóng đất đai cho mấy bản ở chân

núi. Cảm động nhất là mỗi người dân đều đem theo bát đũa đến để ăn cơm thết của quân đội. Các đơn vị chia nhau ra mà nhận đại biểu. Nhiều chị Nùng muốn tỏ ra mình là những con người đã tiến bộ, tuyên bố là ăn được thịt bò vừa giết khao và các đồng chí không phải nấu nướng món ăn đặc biệt cho dân chúng.

Tối ấy có *Un phún kệch*. Sân khấu kịch liên hoan dựng ở sân đền thờ Mã Viện. Diễn viên là anh em quân đội. Vở cũng của anh em quân đội, có sự tham gia của đoàn văn nghệ, về phần kỹ thuật. Anh em Văn nghệ theo chiến dịch giúp thêm phần nhạc và hát. Một nhân viên Ủy ban biên giới đứng ra ngoài màn sân khấu thông ngôn lời kịch và lời hát với đông đảo dân chúng Trung Hoa. Nhi đồng và phụ nữ biên giới vui thích. Ít khi họ được vui một cách đông đủ như thế. Họ hiểu thêm một phía nữa về sự sinh hoạt văn hóa của người quân nhân Cách mạng Việt Nam. Biên giới đêm ấy có giăng suông. Phố Tầu thức khuya hơn mọi ngày. Nhiều bếp lửa bập bùng giữa đường cái bên hè quán, lòng chảo nóng lềnh bềnh những viên bánh chay nước đường. Anh đồng chí húp mỗi người một bát sánh chất ngọt bốc khói.

BÀN ĐẠP TÂY BẮC

Tất cả những bộ phận, tất cả những ai chưa kịp xuất phát ngày đầu tiên lên đường mở chiến dịch này thì rồi đều liên lạc ở bàn đạp trên ấy. Mọi người đều hạ thấp giọng xuống khi phải nhắc đến tên bàn đạp, nhiều khi cũng chỉ gọi tắt. Đoàn người hằng trăm hằng nghìn tay súng bắt đầu chuyển. Sao Hôm và sao Mai luân phiên nhau mà nhấp nhô trên đầu ruổi súng mút. Trong bóng đêm, không ngừng cái tiếng nặng nặng của những bàn chân viễn chinh. Mưa không thành vấn đề. Một đêm và nhiều đêm. Đây cũng có ruộng nhấp nhánh dưới ánh chớp ngắn, những gốc lúa của đồng ruộng không nhiều bằng chỏm núi của những sơn hệ mịt mùng. Tây Bắc đấy. Và đây là đất bàn đạp đầu tiên. Ui gia, còn nhiều bàn đạp. Kế hoạch chuỗi đế giải quyết hằng chuỗi đồn thì bàn đạp còn là cơ man chưa biết thế nào mà nói trước được.

Bàn đạp đầu tiên, mọi người bỏ bạc đà khỏi vai, cười. Chưa có gì, chưa âm chỗ mà mọi người cũng cứ nhốn nháo mãi lên là đời đang tươi biết mấy! Một đêm ngủ ngon, ngày sau người ta so sánh nhỡn tiền với kỷ niệm, người ta suy bì chất

thực phẩm, thời giá loại mặn chất béo loại ngọt. Dưỡng quân vui nhộn gớm và rồi tất cả căng thẳng chờ phút phổ biến kế hoạch. Thỉnh thoảng lại hiện về một vài bóng người đeo bị cói đội nón trông rất bí mật quan trọng, lừ lừ đi thẳng vào tiểu đoàn bộ. A! đám trinh sát đem tài liệu cuối cùng ở đất địch về. Trong thung lũng kế đến tiếng ngựa hí nhiều hơn, có buổi về luôn một lúc đến ba bốn con. Anh tiểu đoàn trưởng trao dây cương cho chú liên lạc, mặt có tóp đi và râu đâm ra nhiều. Anh nhoẻn miệng: "Khỏe mạnh cả chứ?" Đắp sa bàn đến nơi rồi, các đồng chí ạ. Người nọ bỏ nhỏ với người kia, từ phút ấy, bàn đạp lào rào âm âm như ong kéo nhau đi hút nhị tạt ngang đầu.

Và đúng đấy, sa bàn dựng đến nơi rồi! Cả một ban tác chiến nhộn nhịp, vẽ trên giấy, găng yếu đồ cảnh đồ lên mặt bàn cát đang nhủ dần lên những hình núi đồi vị trí vùng chiếm đóng. Trên nền gạch gian nhà rộng, đang hiện dần lên một phong cảnh xa lạ hẳn với mắt người vốn quen với những hình ảnh đời sống vùng tự do. Trong một diện tích độ chín thước vuông cát vàng có những hàng gạch rêu đánh đai chung quanh vuông vắn, từng tí một, đang mọc lên một khóm lâu đài thành quách nhà cửa cây cỏ núi non.

Từng thỏi đất thó ướt đã được nắm lại chuốt thành khối đánh thành cạnh vuông, to bé cao thấp chiếu theo tỉ lệ ghi trên giấy tài liệu. Một chú bé khác, ngồi cắt những mảnh mo cau tươi, uốn khum mảnh mo xuống như người Việt Nam cổ thời vẫn bẻ khuôn cho thỏi vàng hồ. Một vài cái gai chanh ghim vào mảnh mo nhẹ gọn gợi đến lối ghìm vỏ bánh mảnh cộng xu xê. Một chú bé khác đội những cái mũ mấn mo tươi lên những thỏi đất thó. Thân lô cốt đã có nóc rồi, anh công binh liền điệu nó lên cái mô cát khum khum mai rùa. Đôi ba cái đồi cát mu rùa ngổn ngang những thỏi đất hình quả nem Huế, hình bao diêm, hình bánh khảo sùm sụp cái nóc mo. Quanh chùm bánh khảo đất, một chú tủm tỉm cắm xuống nền cát đôi ba hàng tăm tre chéo cánh sẻ. A à, hàng rào lông rím mình phải sẻ, phải ghếch thang lên nhảy vào từng đợt đây! Nhưng sao trông nó vẫn "đồ chơi" trẻ con thế này, mặc dầu ngoài hành lang phòng đây, vẫn có anh bộ đội cầm súng đang đi đi lại lại ngăn người ngoài đến gần! Các chú và tôi cùng nhớ lại một thời xa xôi ngồi lê nặn đình, nặn chùa săn tổ chim. Vài nhát kéo cuối cùng cắt vụn ít lá tươi bày lên mặt các mu rùa cát, giả làm bụi cây dại, sườn cỏ xanh. Vừa rắc vừa xếp, càng gợi đến

thuở bé xúm quanh người nhà đơm mặt cỗ bát. Ngoài kia phòng vừa dựng xong bàn cát, ít con chào mào kêu líu tíu và thoảng đưa vào một mùi phong lan. Yên lặng và vẹn lành trùm lên cái bán đồ chơi rẻ tiền.

Nhưng mà liền sớm ngày sau, quanh cái bàn cát xinh lặng đồ chơi ấy, đã vang dậy lên rất nhiều tiếng sát phạt của Quân đội Việt Nam. Bao nhiêu sao vàng, bao nhiêu súng ngắn, bao nhiêu vẻ mặt gân guốc những ý tiêu diệt, bao nhiêu thông minh quyết tâm đã vây quanh lấy cái đồn Pháp tô hô giữa sa bàn. Cái giấc mơ hiền lành bữa qua nặn đất đắp cát rắc lá vụn biến trong tiếng động của gươm súng cán bộ. Bàu cát đúng là một bàn mổ trên đó sóng sượt một cơ thể Pháp chờ giải phẫu. Ánh nắng mai, soi ngang cửa sổ, rọi thấu đồn và hàng rào đồn, một cái kiến bò ở đấy cũng không lẩn được. Anh đoàn trưởng chống sào bên sa bàn, giọng sang sảng: "Hôm nay, Ban chỉ huy triệu tập các đồng chí lại để cùng nghiên cứu kế hoạch công đồn. Đồn Đ.B. chúng ta phải diệt đồn này. Trong kế hoạch của chiến dịch, chiến thắng Đ.B. là một chiến thắng căn bản để mở chiến dịch, để lấy đà cho những chiến thắng tiếp tục khác của cả chiến dịch... Vậy nói qua về tình hình vùng

này..." Sổ tay các cán bộ lật trang liên tiếp. Không khí sa bàn nghiêm lặng như một lớp học trong đó một giáo viên mặc binh phục đang giảng về địa lý. Núi ở Đ.B. cao độ bao nhiêu thước, đồi có chỗ là cỏ gianh, cao bao nhiêu và thấy quá đồi nó đóng dốc lên bao nhiêu độ. Quanh đồi nó đóng có con suối chảy theo... Cái sào của anh đoàn trưởng chỉ sát vào bàn cát, mũi sào lượn theo một băng giấy màu lơ ngoằn ngoèo đặt trên lớp cát gồ ghề, rồi anh ngấc đầu hỏi sẵng anh trưởng ban tác chiến: "Bắc đâu? Phương Bắc đâu?". Một mũi tên to dài bằng giấy đỏ vứt xuống sa bàn. Mọi người nghiêng ngoẹo đầu nhận hướng. Rồi anh cho biết về địch tình, về dân tình, hỏa lực và xung lực các đơn vị bạn cùng phối hợp trong trận này. Anh tóm tắt phần đầu của buổi họp: "Chúng ta phải quyết tiêu diệt đồn căn bản mở chiến dịch này. Tôi không đặt ra vấn đề rút lui. Năm giờ chiều sẽ khai hỏa. Phải giải quyết trong nửa tiếng. Năm giờ rưỡi chúng ta sẽ chào cờ giữa sân Đ.B". Nhiều tiếng hân hoan của các cán bộ đại đội trung đội giai thích. Rồi anh đoàn trưởng đanh hắn tiếng lên, gân trán nổi hằn, đầu sào anh chỉ quá mạnh vào giữa sân đồn làm vẹo luôn cả cái cột cờ tam tài. Tất cả đều tập trung ý nghĩ vào cái tăm cắm

nghiêng giữa đồn sa bàn. Và từ bây giờ mới là lúc náo nhiệt nhất quanh bàn cát. Khói lửa đã bắt đầu ngùn ngụt bốc khỏi mắt khỏi mặt các cán bộ thảo luận chi tiết tác chiến. Anh phụ trách đồ bản mở ra một phong bì, đổ ra những ký hiệu đỏ màu đủ các hình, trông như bùa phù thủy, vứt những mũi tên có vòng có chân vào từng góc sa bàn, chỗ thì xung lực chỗ thì hỏa lực, vây kín quanh cái đồn đã có một vài cục lô cốt xiêu vẹo vì đầu sào. Đã có nhiều cán sào điểm liên tiếp vào mặt đồn, mỗi cán bộ đều phát biểu ý kiến. Họ lần lượt cầm sào dài điểm những ngọn đồi quanh Đ.B. bố trí người, bố trí súng quanh đồn đều bằng mũi sào. Những mũi tên đỏ, những hình ký hiệu bị xách từ sườn đồi này qua sườn đồi khác tùy theo kế hoạch đưa ra của mỗi ngọn sào và tất cả bấy nhiêu mũi tên đỏ máu đều châu cả vào lô cốt giữa đồn. Có anh cán bộ say mê quá với lối phân đường tiến của mình lúc vào chiếm lĩnh trận địa, đứng vành ngoài chỉ bằng đầu gậy tre, anh chưa cho là đủ, anh đặt cả bàn chân vào lòng sa bàn làm sụt cả một góc quả đồi, cây cỏ đều bẹp dí, in chìm một hình dép con Hổ tượng trưng lên cứ điểm giặc. Thảo luận đến phần đánh nội chiến trong đồn, không khí sôi sục như lúc giáp lá cà, mọi người đều như

muốn tràn vào lòng sa bàn. Nhiều ngón chân ngứa thịt đã làm sứt mẻ thành bàn cát. Nắng trản Tây Bắc thối lùa vào gian phòng một mùi sinh sát, những thói lô cốt teo tóp dần và có cái đã nứt rạn. Vài giọt mồ hôi cán bộ nhỏ xuống nền cát. Và cát sa bàn uống cạn ngay giọt mồ hôi chiến sĩ. Mặt trời lên cao dần, rút ngắn bóng linh động các cán bộ đang tranh luận và kéo đứng lên chiếc đồn đang lê mình trên cát. Mồ hôi rỏ đều trong một triển vọng máu sẽ chan hòa phía bên kia sông cũng chẳng lâu la gì nữa. Tiếng anh đoàn trưởng lại cất lên lạnh lùng: "Vậy kế hoạch đặt như thế tỉ mỉ chưa? Nếu không có đồng chí nào thắc mắc nữa thì tôi kết luận chiến trường...". Nghĩa là cái đồn kia rồi san bằng cho kỳ được, phải bạt đi thành bình địa, một đợt không xong thì hai đợt và xung phong nữa. "Chúng ta quyết tâm lấy đồn này, và không ỷ lại hoàn toàn vào hỏa lực của pháo binh. Về vấn đề nội chiến trong đồn cán bộ trung đội phải chú ý. Và về phổ biến kế hoạch rõ từng chi tiết". Ngoài kia, dồn dập tiếng ngựa hí. Nắng ngoài sân rọi đúng đỉnh mũ sắt anh bộ tiêu gác ngoài phòng. Trên cao một chiếc Junker tiếp tế phía Bảo Hà đang quay mũi về, lấy mép sông Thao làm cữ bay xuôi.

Buổi chiều, sa bàn có lúc vắng quá. Im lặng đến cái mực nghe thấy cả cái tiếng ký hiệu giấy hồng điều đang quăn dần và vụn lá rừng sa bàn khô cuốn vàng tái trông thấy, đã có một thỏi lô cốt ngã vật xuống nền cát nổ. Lớp hàng rào, giờ nhìn gần, không khác gì đám gai bưởi nhể ốc nhồi và đã tung tóe vỡ gục hàng mảng như vừa bị phá bởi bộc lôi. Mảnh cờ Pháp bằng mẩu giấy đã rách nhầu trên đầu cái tăm cắm cờ giữa đồn. Hai anh cán bộ võ trang tuyên truyền ngắm nghía cái làng Việt gian dưới chân đồn: "Vào đây ta đốt ngay cái chiếc nhà chánh tổng phản động này. Và cắm quốc kỳ trước lên. Không nên đốt tất cả. Chỉ cần vây chặt lấy. Không cho một tên nào thoát".

Núi ngoài cửa sổ đỏ rực. Có tiếng lộp độp đều, rừng nứa đốt nương nào cháy nổ quanh đây? Tôi đi ra. Dưới chân đồi , bên giếng, một hàng rào lông nhím mọc từ bao giờ, và một tiểu đội công binh bò giật câu liêm và nằm ép bụng xuống cỏ đồi hoa đao chém lia lịa nứa rào. Một anh tiểu đội trưởng xem đồng hồ kiểm thảo buổi thực tập phá rào lông rím: "Mất hai phút. Mai sẽ là buổi kiểm thảo bắc thang phên". Núi đỏ rồi núi tím. Một tiếng địa lôi dội về. Thử lại ống phóng bom nặng!

Cơm chiều ấy, khẩu phần ăn đúp. Bàn đạp vang tiếng cười. Các đồng chí cấp dưỡng trổ tài nấu, vỗ anh em tợn. Lại còn dặn dò nữa: "Rau tầu bay, mai kia nấu với thịt hộp cũng hay lắm. Kiếm vài cái nồi nhôm cho nó nhẹ vai cấp dưỡng đi theo anh em nhé!". Tối đến, trăng Tây Bắc rọi vào những mẩu giấy bóng trang kim đang sột soạt. Ban chỉ huy mặt trận sông Thao cho gửi đến nhiều hòm kẹo, ngoài mỗi hòm kẹo có vẽ hình mấy chị Thái múa xòe giải phóng. Ngọt, đẹp và tươi quá. Ăn kẹo dưới trăng bàn đạp, bộ đội ngồi quây tròn. Giữa vòng là mấy bóng văn nghệ sĩ đang ngâm thơ, kể chuyện và đánh đàn. Tây mà biết rõ những chi tiết sinh hoạt của bàn đạp thì Tây buồn biết mấy!

... Thế rồi một buổi chiều vàng, đeo chéo hai suất cơm nắm còn bốc khói, tôi theo anh em sang ngang. Bến vui như bến hội bơi chải. Dân quân chở mãi, đầu bơi chèo tráng loáng từng chuỗi sao chiều trôi theo nước rỏ giọt. Cát bờ bên kia, lúc đặt chân xuống lại nhắc đến cát sa bàn hôm mới đây. Chiều nay là mặt nước sông hành quân chiến bị, nhưng chiều mai thì đã là lửa tiêu diệt cứ điểm. Nhận kỹ tín hiệu ám hiệu, khẩu hiệu, tôi bám sát anh em. Tối lắm, vất vả lắm. Nhưng mai mặt trời lại mọc, lứa buổi chiều lại

ngất cao và những cái lô cốt dựng trên bàn cát bên bờ kia lại tàn lụn làm tro than bón cho ruộng bên bờ đang vào sâu này. Đúng như lời người lính hằng tuyên bố: rồi đời lại hồng tươi biết mấy! Cả ngày hôm sau, nấp trong vòm lá cách địch ba trăm thước, tôi đối chiếu đồn ở thực địa với cái mô hình dựng trên cát bàn. Dựng cái hình thù bé lại ở bên kia sông để xóa bằng cái đồn to năm trăm một ngàn lần bên này sông. Các thứ súng đã lên tiếng trong nắng một buổi chiều, đúng vào giữa cái giờ G. ngày N. đã định. Mỗi thứ súng một thứ tiếng. Mỗi thứ súng một thứ khói. Và tất cả đã bắn tan cái "sa bàn" ở thực tế vùng tạm chiếm. Giai đoạn này, đời người lính là một chuỗi dài công đồn. Và là một chuỗi sa bàn đắp thêm nữa không bao giờ mỏi tay. Đến lúc mà dựng được sa bàn Hà Nội, cứ các cửa ô mà phân đường tiến vào thủ đô thì sự đời biện chứng kể ra cũng gọi là đã khá tươi lắm rồi đấy, anh em ạ.

Hè 1949

LỬA SINH NHẬT

Gà vùng tạm chiếm vừa gáy sáng thì chúng tôi chiếm lĩnh trận địa: một sườn núi đất chi chít nứa dại. Có một hồi trống điểm thùng. Đoán biết là tôi ngạc nhiên, anh đại đội trưởng nói ngay: "Nó đấy!". Nó, nghĩa là cái đồn Đại Bục san phẳng chiều ngày 19 tháng 5 này đây. Tôi vẫn theo anh em đơn vị luồn qua những thân nứa ngổn ngang. Mình càng nín hơi nhẹ bước, lá khô, cành khô càng được thể to tiếng. Cả đơn vị suýt lẫn nhau. Chỗ leo này um tùm quá. Anh trinh sát bấm tôi dừng lại thọc ngón tay trỏ qua nách: "Nó, nó bên này này". Nhiều tiếng sau lưng giục: "Đi đi chứ". Không, tôi không thể đi được nữa, tôi đành lách qua khỏi hàng và nằn nì với anh cán bộ: "Cho mình xem một tí đã". Anh cán bộ vạch bụi nứa tươi. Tôi nín thở nheo mắt lâu như là định chỉnh đầu ruồi sắp bóp cò vào đồn. Sao lại có thể rõ như thế này nhỉ! Một cái lô cốt... Hai cái lô cốt... Cái thứ ba đang sáng lên với ánh nắng. Lại cả cái mầu tam tài cờ Tây nữa. Đã lâu mình quên lứng cái sự này. Tôi còn muốn dán mắt nữa vào quả đồi trọc vàng khè tua tủa ba lớp hàng rào bẫy hổ, tôi kiễng chân lên thì một

bàn tay giật gấu áo tôi. Anh chỉ huy! "Thôi chiều xem nó bốc hỏa thú hơn, hãy đi ngủ đi đã". Anh đưa tôi một điếu thuốc, tôi biếu anh một quả chanh. Chúng tôi nháy nhau mà cười như là những kẻ ghê gớm đang nắm chắc những bí mật tạo tác cho một vùng Đại Bục này. Ở đây rồi sẽ thay đổi hết, thay đổi tất cả. Chỉ dăm bảy giờ đồng hồ nữa thôi. Trống dưới cứ điểm địch lại tùng một hồi. Khí nóng lung linh bốc ngùn ngụt, đồn Đại Bục khẽ động ảnh như một linh hồn say nắng. Những tiếng ới ới của đám vợ giặc vẳng vào rừng nứa. Nghe lạ tai lắm. Nhiều đội viên đã lăn ra ngủ. Giấc ngủ ngoan như giấc nhi đồng. Đầu kê lên bình toong nước mà ngủ. Cánh tay luồn xuống nòng súng, đùi quặp lấy báng súng. Đàn kiến lửa bò quanh hình trắng khẩu hiệu báng súng: "San phẳng cứ điểm Đại Bục để mừng ngày sinh nhật Hồ Chủ tịch". Gió cửa rừng lùa nhẹ trên nền cỏ ẩm. Dăm bóng lính miết vài hột cơm vãi vào góc khẩu hiệu gần bong khỏi báng súng. Nước uống mặc dầu là nước lã múc ở suối hành quân, bây giờ đã lên giá. Đã có một vài nhát dao chặt đốt nứa tươi tìm nước giải khát. Đây đó một vài tiếng ho. Lại suyt. Ho là một điều dễ truyền nhiễm. Người ta vẫn sợ lộ nhưng vẫn cứ ho. Có anh rít răng: "Bảo mãi! Nó ở dưới

chân kia kìa! Không giữ được hả? Cho vạt áo vào mồm! Hễ anh nào còn ho nữa tôi đổ sẻng đất vào mồm đấy". Nhiều người tủm tỉm: "Lúc nào voi ho, thì chúng tôi tha hồ mà ho". Voi vẫn chưa thấy đến. Khẩu đại bác đêm qua cùng hành quân theo ấy vẫn chưa đến khu rừng này. Mọi thứ súng - súng lục chỉ huy, súng máy các cỡ, các thứ súng cầu vồng và súng trường đội viên - đều nóng lòng chờ cái khẩu "Anh Cả" ấy. Người "Anh Cả" bệ vệ hằng tấn ấy đang luồn trong khu rừng bên. Mỗi lần "Anh Cả" đi trận, mệt lính Cụ Hồ lắm. Nhưng có "anh" đi thì xôm trò và Tây thì vô khối là tan cửa nát nhà. Đến chiều "anh" ấy yên chỗ rồi mà lên giọng thì khối đứa dưới cái quả đồi mu rùa kia ôm nhau mà khóc trong hội lửa.

Sọt nứa ngổn ngang dưới bóng rừng tối. Vẫn chả mùi gì. Bao nhiêu người phải chẻ nứa đan thêm sọt. Đã biết mình nhiều súng nặng lắm. Chết chết, sao lắm công sự thế này! Còn gì là đồn ải phản động nữa hở giời! Bụng tôi cứ rối lên. Kim đồng hồ tay nhích chậm quá. Làm cái gì cho nó chóng đến chiều đi, cho nó chóng đến năm giờ chiều? Tôi ngóng giờ khai hỏa. Chờ người nhân ngãi buổi đầu cũng chỉ thế này thôi. Nắm cơm chiều qua dắt theo thắt lưng, bị hấp hơi bên mông suốt một đêm hành quân, giờ đã

thiu chảy cả ra. Nhưng thôi, cứ bỏ nó vào mồm. Cái ngon của một ngày công đồn không phải ở nắm cơm mà ở bữa tiệc lửa chiều nay kia. Tôi tu bình toong nước suối. Tôi lấy tay áo quệt ngang miệng. Chung quanh, nhiều người cũng làm như vậy. Tiêu diệt nó xong, mai tắm giặt. Yên chí. Tôi gối lên đàn kiến càng, cố nhắm mắt. Tai áp sát đất, càng nghe rõ cái tiếng dội của thuổng đào công sự.

Bỗng có tiếng nổ. Nổ rền. Dưới chân núi, về phía tay trái. Ô hay, cái gì thế này? Lộ rồi à. Khổ quá! Tiếng nổ càng gần. Liên thanh nữa. Dưới ấy nổ? Trên này chuyển quân. Rừng nứa cựa mạnh. Bước chân thình thịch vút vút. Tiếng anh chỉ huy: "Vây chặt, bắt sống lấy nó!". Nó nổ ít phát nữa rồi lính theo lối suối vào đồn. Ta diệt ba tên, thu hai súng. Thì ra nó đi tuần, thấy vệt chân chạy lên, tưởng để chộp trinh sát. Nhưng một bộ phận chặn ngay lại, nó liền rút luôn không kịp phạm vào cương vực mình và cũng chẳng biết mình là bao nhiêu và chẳng hiểu gì về sự bố trí của mình. Mọi người hả hê, ngắm hai khẩu súng vừa thu. Chiều nay cố sẽ thu bằng nghìn thế! Tôi lại rón rén vạch nứa ra nghển xuống cái đồn Đại Bục. Mái lô cốt nóc nhà trắng loáng như kim khí? Tường trình nhẵn nhánh.

Cảnh này đúng với sa bàn thu nhỏ lại 500 lần hôm nghiên cứu về Đại Bục quanh bàn cát. Nhưng hôm cán bộ vây sa bàn để đặt kế hoạch công đồn tại bàn đạp, tôi nhớ rõ nó tốt hơn thế này nhiều. Có lẽ vì những cục đất khó nặn hình đồn, hình lô cốt ấy nó ẩm ướt nên trông khác hẳn với thực địa xế chiều này. Ba giờ chiều rồi, nhiều cán bộ lấy lại đồng hồ mình theo giờ của ban chỉ huy. Tôi ngắm Đại Bục chói nắng, tôi lại vạch túm nứa khác nhìn sang đồn Đại Phác cách chúng tôi độ ba cây số chim bay. Ấy, cái "thằng Đại Phác" chốc nữa, rồi số phận cũng ăn mày như "thằng Đại Bục" dưới chân núi này thôi!. "Tên tiếc gì mà lại đặt là Bục với Toác. Nó đã điềm ra đấy rồi còn phải bàn gì nữa. Cứ đặt tên như thế là anh mày bó túi ráo!" Anh đồng chí cười hóm hỉnh sau tôi. Một anh khác vươn vai: "Đi chợp một cái đã. Chốc nữa theo anh em vào thu dọn chiến trường cái chơi!". Một đồng chí nằm ngửa đùa với những hào xu ánh nắng nhẩy trên mũ sắt người bên cạnh, níu gấu quần tôi, kéo tôi ngồi xuống.

Chuyến này đi sát chiến dịch, anh sáng tác vung tí mẹt lên đấy nhỉ? Thôi cám ơn anh. Em hút sợ khát nước lắm. Chiều, chào cờ giữa sân nó, rồi sẽ lắm chất khói. Chắc nhiều thuốc lá lạ

lắm đấy anh ạ!

- San phẳng Đại Bục, đồng chí thích lắm đấy nhỉ?

- Cũng thích vậy vậy thôi. Đánh cường tập không sướng bằng đánh kỳ tập.

- Nhưng mà đồng chí có thích không? Và nếu cường tập mà chỉ thành ra tiêu hao địch thôi, thì đồng chí có buồn không?

- Sao lại tiêu hao? Tiêu diệt chứ lại. Cũng thích lắm chứ! Thứ nhất là không thất tín, có quà mừng Cụ đúng ngày sinh nhật. Thứ nhì là xứng đáng với Bố nuôi đỡ đầu. Thứ ba là... người lái đò.

- Người lái đò?

- Người lái đò ngoài sông Thao xâm xẩm tối qua ấy mà. Sang sông đánh dồn mà không ăn thua gì mấy, chúng em sợ nhất là người lái đò, lúc rút về, đặt hai chân xuống ván đò anh dân quân, sao nó nặng mặt thế hở anh!

Tiếng Ban chỉ huy gọi điện thoại cho pháo binh:

"Alô, còn 5 phút nữa". Cho voi ăn mía đi! Một quả đạn đại bác thuốn vào nòng bố. Thế là bão táp sắp khai quật Đại Bục lên rồi. "Anh Cả" sắp ho đấy! Bao nhiêu người xoa tay. Nắm cổ. Bao nhiêu người né dần xuống lỗ công sự.

Oàng! Bụi đất tạt vào tôi. Rừng lắc cắc. Tôi nằm ngang ở một góc tử giác, đếm ca nông và đếm tiếng tim mình chờ moóc-chê địch câu sang. Đến tiếng ho thứ năm thứ bảy của voi ta, giặc vẫn nín, lạ đấy. Thôi, chết cha nó rồi! Trúng giữa đồn nó rồi! Voi diệt súng cầu vồng của nó rồi! Nó ôi là nó ôi! Tôi nháy chồm ra khỏi tứ giác đây này. Tôi chạy đến phía sau Ban chỉ huy. Bây giờ thì không sợ lộ nữa. Lát nữa ở đây quang đãng như ngồi trong cửa động mà nhìn ra ngoài. Dưới kia chỗ nắng chang chang kia gió đang chạy, cát đang bay. Trại giặc thất điên bát đảo, cái gì cũng tung phơi cả lên. Đất phun hóa mù, lửa vọt loạn xạ. Giặc mặc quần đùi chạy như vịt. Ống phóng bom của trợ chiến rót không lối vào đồn, vào lô cốt cố thủ, vào sân vô-lây. Rừng nứa sau đồn bắt đầu cháy. Nứa thi đua với các cỡ súng. Đồn là một lò quay bừng bừng lửa giời. Bom bay giáng xuống sân Đại Bục tựa tầm sét Thiên Lôi. "Anh Cả" vẫn đều giọng, tiếng nố nhì cặp nhất đều đều một điệp khúc: "Này thì Bục - Này thì Toác!".

Lá tươi trước miệng ca nông tái héo dần. Tôi nhẩy cẫng lên lưng công sự. Tôi nhấp nhô như một cơn sóng vấp bờ. Từ bé đến giờ, mình vẫn là một đứa trẻ đói thanh đói sắc, nay được một

chầu thỏa thuê cho tai cho mắt. Bắn nữa đi! Lật ngửa đồn nó ra! Cho lô cốt của nó lộn tùng phèo đi! Ha ha, cột cờ nó đang lả, đang lao đao thành cột buồm của ghe chìm. Hàng rào cháy rồi, anh em ôi! Có bao nhiêu ngón tay cấu mạnh lên bả vai tôi nhả dần ra, tôi quay lại cùng cười với anh bạn cũng đang say lửa công đồn. Chúng tôi đang mơ chung một cơn hỏa mộng. Hỏa thiêu Đại Bục. Xích Bích giữa rừng khô. Trước mặt tôi hoàn toàn là cửa gạch, là cánh phượng cuối niên học, là hoa vông, là hoa mã, là thép lò, là vàng thổi chảy, là cửa nồi súp de, là suối, là vực lửa, là... chớp đánh nhoáng, đảo đánh nhoáng là... là cứ rối cả mắt cả tai lên, ngứa điên cả người lên! Thụt lửa xuống, rót chì vào, thụt mãi rót mãi, ôi leo ôi! còn gì là xương thịt của tội ác! Đại Bục ngụp trong bể lửa, ngạt thở trong khói súng. Đại bác, trọng liên của ta át hẳn giọng địch. Lơ láo, vài tràng liên thanh đồn địch hấp hối ằng ặc như tiếng bị bóp cổ. Tằng tằng tằng. Cục cục cục. Mấy đồng chí trợ chiến điều khiển 12,7 chắc đang khoái lắm! Hôm nọ, mình ngồi thử lên cái yên sắt cỗ M.G. ấy, thấy thú như ngồi xe đạp có lắp súng ở ghi đông mà phóng thẳng vào mặt đối phương.

"A lô, pháo binh nghỉ bắn! Đã lắp môt viên

nữa rồi à. Hết nhát này thì nghỉ để xung phong!". Xung phong đến nơi rồi! Kèn đâu? A kèn thổi bét quá. Thì trống! Trống đâu? Những hồi trống ngũ liên ầm ầm rung chuyển rừng tươi. Nó kêu ầm ầm như thủy triều dâng lên mặt đê. Trống giục, nước dâng, cái đồn Đại Bục lọt thỏm dưới thung lũng kia phỏng còn gì nữa? Tiếng trống cái đang cuộn dần lũ giặc từ đồi A xuống đồi B. Trống dâng nước rung đến đâu, lưỡi mác xung kích dâng cao lên đến đấy. Búp đa thép chơm chớm như có bồng nước lũ. Tôi vớ luôn một cành khô, nện vào một mặt trống nữa. Trống kêu cả hai mặt. Trống kêu to lên nữa. Kêu thế chưa đủ; kêu to cho bõ lúc đêm qua hành quân, mỗi lúc đụng quệt vào cây lá bên đường, rền vang ung uỳnh làm tất cả mọi người phải khó chịu bực mình. Tôi cuống quýt bên tang trống. Vậy ra giờ ta đánh đồn, có cả kèn có cả trống, đội mũ mặc áo tử tế mà đánh - mai mốt lại "lên" nan sao vàng mà đánh - chứ không phải là mặc tiện y quần anh áo em nửa nâu nửa đen mà xông trận nữa. Mà lại có máy nói, mà lại đánh giữa ban ngày! Đám khố đỏ dưới đồn chí chóe: "Chúng nó đánh chính quy, tụi mày ơi!". Tây buồn biết mấy! Rồi sang năm, các con còn buồn gấp nghìn gấp vạn chuyến này kia. Giờ thì đã

mùi gì. Bộ đội này đến lúc mà đấu phép thì đừng có hòng điều đình nhá! Còn là nhiều cái Ông súng cầu vồng lạ kiểu nữa kia, địch ạ. Nói chuyện với chúng mày lâu quá rồi. Nói chuyện với chúng mày thì chỉ có quân giới Việt Nam mỗi ngày nhân thêm đường kính miệng súng cối lên thì lũ mày mới chịu nghe thôi. Kỳ này hãy hỏi chuyện mày bằng 60, 80 cái đã.

Choét! Choét! Ùng! Các ông 60, các ông 80 làm việc đều tay. Tây cứ nhao cả lên dưới sân đồn. Rồi đến đạn lõm của anh em công binh thì không chê được! Badôca hay quá sẹt! Này một cái chớp thụt hậu, này một cái chớp nữa phọt thẳng vào tường đất. Thế là bỏ mẹ những thằng trong lô cốt; À, mày chạy lên từng trên bắc súng máy xuống hả? Cứ lỗ châu mai hàng trên ấy mà phóng vào. Bấm điện đi! Sẹt! Oàng! Cả bấy nhiêu thằng giặc bị tung hê lên. Trần lô cốt sập. Chúng nó rụng rời nổ đốt, tay nhả súng, lao từ trên mặt chòi xuống ngã quay cu lơ. Rụng như thị mõm. Rơi như khỉ giật mình. Có thằng lom khom mới tụt xuống nhưng nấc mạnh lên, vọt lên như tia nước, uốn ván rồi cắm ngửa xuống dưới rào lông dím. Nó lại còn giồng chuối, múa ngược chân lên. Ai đùa với nó kia chứ! A lê, lưỡi kiếm xung kích beng luôn cái đầu củ chuối. Bắc ống dòm trông rõ quá. Nhưng kìa, cái gì mà một

hàng dài người đang ngược lên dốc đồn thế kia. Bộ đội mình. Nhưng sao lại quần mầu xám và áo màu trắng lốp? Thôi phải rồi, quần đẫm nước ruộng chiêm và áo ka ki bị nắng chiếu trắng lóe lên đấy. Thế có chết không, màu sắc thay đổi. Nhớ lấy cái kinh nghiệm nầy mà nhận nhau ở xa, một anh cán bộ nhẩm to một mình.

Ơ mà này, cờ đỏ đang phất mạnh ở góc lô cốt cuối cùng phát hỏa. Ký hiệu! Ký hiệu chiếm xong đồn rồi! Mới 30 phút!

Tôi quăng tôi xuống chân núi, cọc gai, nứa nhọn, phát hết. Mau lên, không có thì nhạt hết khói dưới ấy rồi. Anh bạn nhiếp ảnh mới đến phát ca nông thứ hai mươi ban nãy đã xin ban chỉ huy một liên lạc để vào đồn chụp những cảnh nội chiến rồi.

Cái dốc lên đồn kể cũng khá nặng. Càng trèo lên mới nhận rõ nó đóng cũng đã hiểm. Bao vây quanh hàng rào là đất nhẵn phạt trụi không một tí bụi cây, tí mộ đất tử giác nào. Cứ vàng khè nhẵn thín. Nhiều bóng lố nhố đè lên màn lửa, màn khói. Có ba thằng Tây thất thểu lem luốc rời khỏi cổng đồn: Những tù binh.

Tôi nhập vào một cảnh tan hoang. Chỉ còn có lửa đang uốn khúc lè lưỡi và kêu rống lên những tiếng gió giông chạy. Một cái trật tự gì ở đây vừa bị tung bắn đi, xóa bẹp đi. Mặt đất vương vãi tro

xám tro nóng than hồng than đen. Tàn cháy bay quanh vung lộn trên cái lô cốt què cụt, bay mãi không chịu rụng xuống sân đồn. Từng tảng đất tường khô nhả dần thân đồn. Đất rơi huỳnh huych như giặc bổ nhào ban nãy. Những lỗ châu mai huếch dần, toác dần rồi lôi cả mảng tường trình sạt xuống. Tàn lụn tàn vụn. Bộ đội đang hóa vàng. Nhiều bóng dáng hối hả tất tưới *xoay quanh một đàn tràng phá ngục*. Khét quá, nồng lắm, tanh tanh gây gây nữa, một thùng ét xăng nổ pằm, át những mùi thịt nướng mùi giẻ len vải. Lửa bập bùng rọi vào những mẩu đối thoại:

- Thằng X, khó lòng...

- Anh Y. Hỏng rồi. Chân rào thứ hai ở bụng.

- Báo cáo anh: A bị tiện hai ống chân, B ở mặt, C ở...

- Thôi, thong thả. Sẽ nói sau. Và cũng đừng truyền đi vội. Hãy tập hợp chào cờ ngay.

Từ những gian nhà lổ loang hốc hác nhem nhở, tản dần ra nhiều bóng người bê súng bê đạn lễ mễ. Họ lôi thôi xốc xệch. Chà, ở trong ấy mới thật ghê gớm. Kẽ giao thông hào, xác cháy nối nhau hàng chục hàng tá mà chết nứt. Giặc và vợ giặc, như mỡ bò đổ khuôn nến, thúc đầu gối nhau dính liền vào nhau chịu hóa hình. Phần nhiều là cụt như hủi xém. Đứa nào còn phắng phất cái thân hình nhân chủng thì da thịt cũng

vàng ứng như lễ phẩm tam sinh của một ngày tế cáo giời đất phong kiến. Suối lửa ngào đúc tất cả lại thành một khối tội lỗi khét lợm. Trên mặt đất, khói giao thông hào, thịt nhiều đứa bị quăng ra sân, sóng soài, cùng với vô số đồ hộp, ca, cốc lèm nhèm.

Lửa xô bồ phá phách, không tiếc thương Đại Bục. Càng về chiều, càng giận dữ hơn, gặp bất cứ cái gì của đồn giặc là đều quơ tay với lấy hết. Sắt, đất, tre, gỗ, vải giấy, đều ngấu nghiến nhai vụn đôm đốp và loáng mắt, khạc ngay ra vụn xám, ra tàn đen. Thật là một vụ tuyên án Đại Bục bằng lửa người, trả thù cho tất cả những linh hồn bản, xóm, làng, chợ cóc nhảy, phố cao su của chúng ta bị giặc đốt trong mấy năm nay. Không riêng gì Đại Bục. Ngoài xa kia, chỗ đầu đồi gianh kia, lại cũng đang bừng bừng ngất trời. Đại Phác cháy rồi! Đồn Đại Phác trong kia, nằm trong kế hoạch tiêu diệt chúng chiều nay, cũng đang vù vù cao ngọn. Chúng nó thi nhau mà trả nợ trong khói lửa luận tội. Như tập thể thao, nhiều đồng chí nhảy cẫng lên, hai tay giang ra ba khẩu súng trường - một còn nóng hổi lửa đồn.

Tất cả tập hợp đầy sân. Anh quản tượng phụ trách ca-nông diệt đồn được hoan hô vang rền. Rồi cờ đỏ bay trên lửa Đại Bục. Hay quá. Đúng như lời anh tiểu đoàn trưởng tuyên bố, sớm nay

trong khu rừng bên: "Chiều nay, chúng ta ăn cơm trong Đại Bục!". Những phuy ét xăng nổ bùng bùng, lưỡi lửa cao nhiều lúc gió tạt mạnh, lại muốn uốn cong mình mà nhoi sang lá cờ phần phật.

Làng tập trung dưới đồn, dân chúng tay xách nách mang và lưng địu trẻ con, đang nghe anh chính trị viên giải thích. Tù binh và Việt gian, đứng riêng một chỗ. Đồi A và đồi B lập lòe những ngọn đuốc quét dọn chiến trường.

Bây giờ nhiều người mới nghĩ đến chuyện ăn cơm chiều. Nhưng mà nhiều đồng chí không muốn ăn. Vô khối hộp thịt bò chiến lợi phẩm hếch nắp bị bỏ dở. Anh chỉ huy chờ liên lạc cho biết rõ thêm về Đại Phác. Chốc chốc trên đồn cháy rực có người chạy xuống báo cáo thêm về số võ khí moi thêm được ra khỏi đống lửa. Những chiếc nhà sàn dân chúng, bếp nào cũng sáng trưng đun nước. Ai cũng thấy khát nhiều hơn là đói. Nhà nào cũng đông nghịt những tiếng cười chiến thắng kể dăm bảy câu chuyện. Chuyện không ngoài hỏa lực và xung lực của đơn vị. Không gian của chuyện là cái đồn cháy và thời gian xảy ra chuyện là một buổi chiều sinh nhật. Một vài khuôn mặt lặng lẽ tập trung ý nghĩ tưởng nhớ lại những người bạn thiếu vắng từ bây giờ. Dân chúng quanh bếp, cũng tí tê nỗi niềm.

Tôi theo đuốc ra bến trở về bàn đạp tả ngạn sông. Đồng giỏ gianh vang đều tiếng cười chiến thắng. Đuốc đi nhanh như nước mã hồi! Chẳng bù với đêm qua... Không để cho chúng tôi tường thuật, những người lái đò chiều qua và cho cả đêm qua, ngày nay và tối nay ở quãng bến này, đã hí hứng khoe: "Trông rõ lắm. Và chưa bao giờ vùng này nổ nhiều đến thế. Nổ ghê quá, các anh ạ. Cứ thế này luôn luôn thì chúng em chở đò ủng hộ suốt đời cũng không biết mệt đấy các anh ạ". Tôi nhớ lại câu chuyện tâm sự trong rừng nứa buổi sớm nay với anh đội viên có ba lẽ để hứng thích trong trận cường tập này: một là có quà mừng Cụ đúng ngày lễ, hai là xứng đáng với sự mong mỏi của Bố nuôi, ba là... người lái đò, những người lái đò này đây.

Nửa đêm ở giữa sông, lửa hai đám cháy Đại Bục và Đại Phác phía rừng xa bờ kia, càng đỏ ngòm như không bao giờ tắt được. Nó là hai đám mây hồng to rộng. Hai vừng hồng tươi nhích dần lại nhau, hòa làm một, soi thấu đáy sông Thao. Nước sông đỏ bóng. Người Pháp gọi là Fleuve - Rouge.

Tây Bắc hè 1949

MẢ BÊN SÔNG THAO

Mùa hè lên tới cái mực cao nhất của nhiệt độ. Khúc sông Thao bải hoải bên thị xã sóng soài. Nước từ bên Tàu đổ về, mệt quá, nóng quá, không muốn chảy nữa, chỉ muốn ì ra tìm một cái bóng mát dằng dặc nào che nổi cái thân mình dài ngẳng. Bờ thành phố tiêu thổ Yên Bái chỉ có bóng phượng chói lòa màu *minium* sơn cầu. Giời thẳm cao rút ngắn dần cái bóng người dân, người lính và chói mãi lên một niềm xanh tuyệt vọng. Tàu bay tiếp tế cho Lao Hà húc sâu vào bể lửa xanh, cánh quạt rung vang lên cái vung pha lê úp lên nắng trản bao la. Nhiều anh vệ quốc luôn luôn rút những mảnh mùi xoa Liên hiệp phụ nữ vừa tặng sau ngày công đồn. Nóng thế này thì còn gì là Tây không dân chủ nữa. Những chiếc dù trắng chiến lợi phẩm căng rộng lấp loáng như bạc bóng. Tôi vào phòng triển lãm. Ánh sáng lọc qua lụa dù bàng bạc trên những nét hân hoan trầm trồ, trên những cái lon vàng của chỉ huy Pháp vừa chết, ở Đại Bục, Đại Phác, trên những tấm ảnh vừa rửa đang quan góc trên những nòng trọng liên, đại liên. Tất cả những cái nóng hổi thời sự của tài liệu chiến thắng làm người ta tạm

quên cái nắng ngoài kia. Dưới chân phố, nước sông Thao lừng khừng một màu nâu non, càng vẩn ngầu lên những bột canh cua đồng chờ lửa bếp. Tôi rảo bước chui về cái đồi chè có bóng cây nhưng có cả những bóng u hồn của nạn nhân đám Việt Quốc 1945-46 khủng bố tỉnh Yên Bái vướng vất trong cái trại hoang xiêu vẹo này. Buổi chiều tôi lại ra ngồi dưới chiếc dù trắng, giải khát cùng vài đồng chí võ trang tuyên truyền. Ngày hội chiến thắng, giờ này mới hút nhiều người ra đường. Nắng dịu đi là những nụ cười lại nở ngay. Dân chúng thị xã tản cư cười. Nhân viên cơ quan cười. Người lính thắng trận cười. Các chị phụ nữ đoàn thể vừa đong chè vừa cười. Cốc nước chanh quả tươi mát một hương vị của thanh bình. Đuốc cháy giữa bãi mít tinh và gió tối rung vải cờ. Hàng quán đèn đông như đại chúng. Chất tươi tô hô trong đáy bát khói, tênh hênh trong lòng đĩa mát và bồng bềnh trong thánh cốc, như xa như gần. Đời lại tươi! Trên sân khấu xinh gọn, bốn chị Thái múa xòe nhịp nhàng tám hình quạt giấy. Các chú thiếu nhi đàn và hát. Lính cụ Hồ lại hết mệt rồi. Trước sân khấu, trên hàng ghế đầu danh dự, điểm ít bóng thương binh cả cũ lẫn mới. Vài đôi nạng đã nhẵn bóng kèm vài cái đầu trắng nuột bông

băng mới hấp nó là cái kỷ niệm thấm thiết nhất của bên kia sông Thao mới ngày hôm qua hôm kia gì đó thôi. Cái cằm vướng băng bông trắng ấy chốc chốc nhìn lên sân khấu gật gù nhoẻn miệng và theo khúc hát nhi đồng, theo điệu xòe miền núi. Thay cho một cái đoạn chân khuất vắng một vài đầu nạng gõ nhịp vào thành ghế. Tôi nhìn vòng quanh ra cái vui múa của đêm hội, liền có ngay cảm tưởng là tất cả đám người lành mạnh kia đã được toàn quyền ủy nhiệm của một thiểu số sứt sẹo thiếu hụt này chính thức ủy quyền sự tiếp sống qua nét cười lời ca và bước múa. Đuốc lửa đêm hội cháy đều.

Nhưng, tôi càng thấy nhớ một điều gì - không xa lắm đâu - vừa gửi lại bên con sông Thao này, cũng ngay ở phía bên này bờ chỗ khúc sông này. Vài chục cây số cũng sát bên con đường xe lửa bọc sắt này. Ngược lên vài ga nữa thôi. Chỉ sau hôm tiêu diệt Đại Bục, Đại Phác có một ngày thôi. Phải đêm ấy đuốc cũng cháy như đêm nay, cháy nhiều hơn gấp mấy thế này nữa kia. Nhưng đó là một thứ ánh sáng tôn nghiêm rừng rực một bầu khói của trả thù, của nguyền rủa, của thương tiếc, của sự tiễn nhau chỉ có một lần. Đêm ấy là đêm khiêng quan tài, đêm hạ huyệt mấy đồng chí hy sinh trận Đại Bục.

Ban ngày cũng nóng chẳng kém cái nắng trản của ngày hội này. Tôi nằm trong căn nhà lá anh du kích, nhìn ra những đoàn chiến sĩ lễ mễ đeo các thứ súng tải từ bên sông về. Phóng pháo và thám thính của giặc lồng lộn trên đầu. Có những chiếc cáng nứa vun vút đi qua. Những chiếc chăn bông nhuộm sim lổ loang sẫm ấy lướt nhanh lắm. Tôi vụt nhớ ra, hạ nhanh mũ ra và đứng thẳng người lên. "Hừ, có lẽ - có thể lắm - đêm hôm kia, mình đã cùng hành quân vào chiếm lĩnh trận địa cùng đi sát hàng mấy cái cáng không may kia đây. Không biết những đồng chí nào thế nhỉ!". Tôi nhớ đến khẩu hiệu "Đổ nhiều mồ hôi đế bớt đổ máu" của những kỳ luyện quân. Nhưng đây là kỳ lập công. Mồ hôi có nghĩa là máu. Đều là xót và khát cả. Anh du kích đã kiếm cho ít lá rừng ít đóa hoa mua và hoa thờn mát kết thành một vòng hoa. Ngoài phía trường học, trong nắng xế, dội vang lên tiếng đóng đinh ván thiên nó nhói vào giác quan.

Nứa rừng có khác. Lửa đốt thành một luồng gió mạnh kêu vù vù. Mỗi chị phụ nữ, mỗi em nhi đồng một bó đi hai bên. Sau hàng rào lứa danh dự đến hàng rào súng danh dự. Giữa là hàng quan tài. Gỗ tươi, mộc, cứ tám người một. Đủ cả. Trợ chiến xung kích, quân y, văn phòng, tác

chiến, chính trị, văn nghệ v.v... Sao mà nặng nhọc quá thế này? Lòng quan tài nặng hay lòng mình nặng. Tôi muốn khuỵu chân rời tay mấy lần. Tôi thoáng nghĩ đến những anh em pháo binh lúc chuyển "voi", từng bộ phận voi ra trận; tôi suy luận về những tổn phí mất mát không thể đừng được của chiến tranh, của chiến dịch, của chiến trường và nhất là của chiến thắng như Đại Bục này. "Mà nay, ngày Tổng phản công rồi mới là lúc tốn nhiều người đây!". Rồi sẽ còn bao ước mơ bị ngắt ngọn, bao nhiêu hoài bão bị buông tay súng và những cái gánh đứt giữa đường ấy lại khoác lên vai những người còn lại trong đời sống: "Sống là một ý muốn nó tiếp truyền qua cá thể. Sự khăng khít giữa kẻ khuất với người còn. Cái trách nhiệm đối với người chết, đối với những người đã làm xong cái phần riêng của họ".

Hai khẩu đại liên Browning khai hỏa, chào linh hồn những vị anh hùng Tổ quốc ghi ơn đã đến chốn yên nghỉ cuối cùng. Khẩu cũ và khẩu "Đại Bục" mới vừa thu được đêm qua bắn chéo cánh sẻ nhiều băng đạn xanh đỏ. Dân quân dòng quan tài xuống từng miệng huyệt. Điếu văn của ban chỉ huy.

Rồi đến Hội văn nghệ. Đầu óc tôi còn ngổn

ngang những lửa cứ điểm, những tiếng nổ, những khói, những reo hò của Đại Bục, của ngày nay ở đây của ngày mai ở nhiều nơi khác. Tôi lịm đi trên đống đất mới đào. Chưa đeo số hiệu của đơn vị, nhưng lòng tôi đã ùn lên mối tình đơn vị. Tôi nhìn xuống những chiếc quan tài bạn "Thưa các anh, nhân danh tất cả anh chị em văn sĩ, nghệ sĩ kháng chiến"...

Sau lần theo anh em đơn vị đi đánh đồn Dóm, tôi lại về qua cái tha ma xinh bé bên sông đã rào quây lại và vòng hoa đã chắc lại như vòng hoa cườm. Lần chần bên mộ chiến sĩ, tôi càng thấy rõ những người nằm đấy không phải là những người chết. Cả một đơn vị của họ đang đi về rầm rập trên hai bờ sông này, họ vẫn còn sống trong lòng mỗi người đồng ngũ cùng đơn vị và khác đơn vị, và trong lòng của bao người đang trở về làm ăn bên hữu ngạn kia và còn trong bao tấm lòng khác nữa. Chỉ có những cá thể họ là tạm ngừng đập tim chứ đơn vị của họ thì chết thế nào được. Đơn vị của những anh hồn đây sẽ đeo hộ nhiều huân chương cho người vắng mặt trong đại hội thanh bình ngày mai. Đất khép lại và dưới ấy các đồng chí của trận này đã bằng lòng!

Rồi ở chỗ xương thịt tạm quàn kia, mai sau sẽ mọc lên một cái ga vận tải. Hoặc là một nhà

truyền thanh, nối thẳng xuống bờ sông Thao này lúc bấy giờ đã thành một bến lớn, một vạn chài đông đúc người ngừng mái chèo để theo dõi những tin tức kiến thiết mở mang khắp xứ. Từ cái cốt nằm dưới lòng má cho đến cái tiếng nói vang vang nhà thông tin xã 1951 - cùng lắm là 52 thôi. Tôi tin như thế lắm ở dọc quãng sông này, sự sống vẫn không có gì là đứt quãng cả. Khoáng nghĩa địa này biết đâu ngày ấy sẽ chẳng là một miệng hầm lớn để rút khoáng chất ra khỏi lòng đất. Cái bia kỷ niệm chiến sĩ nằm đây sẽ khẽ chuyển chỗ, sẽ gắn trên miệng hầm và khắc chặt vào lòng những hiệp công nhân ra vào theo một điệu còi của sản xuất đều nhịp.

ĐỜI LẠI MẤY MƯƠI TƯƠI

Thời đại này đặt trọng tâm vào hành động. Chúng ta tìm cái thú vui trong cứ động có kết quả. Hết rồi những nỗi u sầu giả tạo. Xong rồi những cái vui mênh mông trừu tượng đặt vào những cái thiên đường ngoài tầm với. Ngoài những khó khăn gây nên bởi chiến tranh, kháng chiến giành vô khối là cơ hội vui sống. Tranh ảnh, bìa sách đã hứng lên những màu tươi sáng. Hoa nở trên đầu súng, nhạc reo trong lửa đốt đồn, nhân dân bộ đội đốt đuốc liên hoan chất ngọt chất tươi. Chúng ta đã tạo ra được cái vui, dựng lên cái vui mỗi ngày một nhiều. Theo người lính mà chứng kiến cái vui của những vùng vừa giải phóng, chúng ta mới thấy sống trong tranh đấu là một điều vinh dự cho xúc cảm mình. Sống một ngày ở mặt trận, bằng kéo lê bao nhiêu tháng ở hậu phương. Chào cờ Việt Nam trong đồn Tây sân còn nóng hổi, đó là một điểm khoái chá nghìn vàng cũng không mua được ở chỗ xa tiếng súng tầm đạn của đất an toàn.

Theo người lính chủ lực, chuyến vừa rồi tôi nhớn hẳn lên, tôi khác hẳn đi. Lửa ở đấy chính hóa lại mình. Tôi đã dự một bữa tiệc huy hoàng

trong đó xác giặc chảy ra thành canh sôi khói nghi ngút cả đêm cả ngày hôm sau. Bữa tiệc ấy chẳng bao giờ nguội được. Mắt tôi ngày nay còn chớp chớp luôn với cái ánh sáng tột vời đem theo từ chiến thắng về cơ quan lấn trong mây núi lúc này. Cái gì đáng kể lại trong mớ sung sướng của chiến thắng buổi đi tìm tài liệu quanh đồn và giữa đồn bên sông Thao nhỉ? Bộ đội thu chiến lợi phẩm, vui lắm. Nhưng dân chúng trở về dựng lại chính quyền gây lại màu mỡ ruộng đất, đặt lại nhà học, lại còn rầm rộ hể hả gấp mấy thế nữa. Hội ở quanh mình, cờ múa trong lòng mình, còi rúc trong bắp thịt, đèn thắp ngay trong mắt mình. Vừa nhảy cẫng lên, vừa nhìn cái tươi thắm đang thay thế cho khô trụi của chiếm đóng. Cười to vang, cười hết cỡ để nghe đồng vọng của vách núi trả lời, để báo thù cho những kiếp sống miệng bị gắn chám đường mười tám tháng ròng ở đây.

Từ khi Tây dựng đồn Đại Bục, đóng bẹt một cái đinh lớn bên hữu ngạn sông Thao, một năm rưỡi giời, vùng đây đã bặt hẳn tiếng chim. Cá chiên cá trắm đều lảng xa khúc sông kiểm soát. Những lối mòn khép dần. Cỏ gianh mọc quá đầu người, cứa vào mặt người trinh sát, đánh dấu vào tâm khảm người đi công tác cái đau xót đầu tiên

của vùng Tây Bắcc u tì. Hoang dại như sơ khai của tạo thiên lập địa.

Vậy mà sau một đêm san bằng lô cốt cố thủ, xé hàng rào lông dím, triệt hạ cờ Pháp xuống, là cuộc đời ở đây đã ngóc dậy, bật sáng lên như lò xo duỗi mạnh. Cỏ gianh lại dẹt xuống dưới gót chán người trở về. Lối lại mở rộng thành đường cái, sừng trâu hồi canh của dân chúng lại gạt quang gai cỏ và nhường lối cho chính quyền đường hoàng tiến vào những ngọn đồi tan hoang bừa bộn đang chờ một kế hoạch tổ chức không vướng tay vướng mắt giặc nữa.

Tôi ở bên này sông. Tôi chạy sang bên kia bờ, người dân quân chở đò bến Đại An đã thuộc mặt tôi, cái túi dết tôi, vừa đủng đỉnh trên dòng Thao vừa tỉm tỉm: "Anh bận nhỉ! Chúng em bây giờ đâm bạo ra và chỉ mong có nhiều dịp liên tiếp dẫn đường cho bộ đội. Sang ngang bên này, giờ không phải lấm lét nghe ngóng động tĩnh nữa. Bến đã về với đò rồi. Vài hôm nữa, lại cười lại chợ, đi về như mắc cửi đấy anh ạ!".

Một toán người xanh biếc, bước chân xuống chiếc đò gỗ còn lấm tấm ít giọt máu thương binh đêm trước. Gánh gồng kĩu kịt, thúng giỏ đầy ăm ắp thực phẩm quần áo. Lại xẻng cuốc nữa. Lại cả trâu lợn gà vịt cùng xuống đò. Các chị Thố cười

vang mặt sông: "Về Đại Bục mà. Ruộng bỏ vắng lâu quá rồi, bỏ hai ba vụ lúa rồi, không về mau mà làm lại thì đấtnó quên mình đi. Các anh vừa nhổ hộ đi một cái đinh râu mọc ở mặt bến này đấy. Bao giờ chín lúa có cơm mới, các anh nhớ về cho đông mà ăn mừng cơm đoàn kết của xã các em nhé". Trên người các chị, chằng chịt những dây xanh đỏ dệt toàn tơ, cái thì buộc xiêm, cái thì níu địu, cái thì buộc vó dao rừng. Dây ngũ sắc này hôm nọ các chị phụ nữ huyện Trấn Yên đây cũng có gửi làm quà mừng bộ đội cùng với những tấm quạt nan viết khẩu hiệu. Có anh cán bộ, đã lấy cái giải rút thắm đỏ buộc vào chuôi súng lục thay cho mấy thước dây dù đã quá tầm thường. Một chị Thổ khác ngặt nghẹo, nửa đùa nửa thực: "Chuyến này về, chúng em mà bắt được thằng Chánh Diện đi với Tây ấy thì nhất định chúng em phải ăn tươi thịt nó như nó đã mượn thế Tây đồn mà ăn thịt những trâu cướp của các em. Trâu bây giờ một nghìn một con. Chúng em nhớ lắm. Chạy đi xa nhưng chúng em có biên cả đấy. Chánh Diện nó đưa lên đồn Đại Phác mười chín con. Ở Đại Bục nó giết làm thịt mất mười con. Nó lại còn xui Tây ra lệnh cho chúng em phải cầy ruộng trước ngày mùa để nó lấy trâu ăn thịt. Anh tính nó gớm như thế đấy".

Đồng chí Trưởng ban Bình dân học vụ chen vào: "Đây là những chị học trò của tôi chạy giặc và tôi đưa sang bên này sông. Vừa học tập vừa tăng gia tự túc ở vùng Yên Thái này đấy. Nó còn đóng ở Đại Bục thì còn khổ lắm, bình dân học vụ cũng phải lưu vong, chả cứ gì hành chính các anh ạ. Bây giờ thì tha hồ mà thắp đèn mà học vớ! Hết khóa này lại mở luôn khóa khác. Làm ruộng xong cho kịp mùa, những chị học trò này lại sẽ ép lấy dầu chấu mà thắp ở lớp. Ủi già, lớp học sẽ dựng lại to đẹp hơn trước nhiều. Hôm nào bộ đội sang chào cờ khai mạc với xã Đại Đồng thôn Đại Thịnh đi". Một chị bé thon đẫm mồ hôi áo chàm giơ một cái bu nan đang quạc quạc: một con vịt bầu "Mua ở chợ Uông đấy. Bảy chục. Để về ăn cơm đoàn kết với hàng xóm rồi là gieo mạ đấy". Đồng chí trưởng ban bình dân học vụ nói rằng hôm đốt Đại Bục, đồng chí còn ở lại đến hôm sau xem cái bọn dân chúng theo Tây kia che mặt xấu hổ và khóc lậy các đồng chí mình che chở cho "Chúng nó lại gọi em là ông và dụt dè gọi là đồng chí nữa, có buồn cười không vớ! Tiếc quá, đêm ấy, đồng chí lại về ngay bên này sông. Ở lại hôm sau mà vẽ cái mặt họ thì đẹp lắm đấy. A, lại còn cái đám thanh niên vẫn đi ba chui cho Pháp quanh vùng Nghĩa Lộ, cũng kéo về xin nộp

súng cho chính phủ ta đấy. Trông nó xấu quá, đồng chí nè". Anh cán bộ đứng tuổi rít mồi điếu can, nhổ bãi nước bọt khinh bỉ xuống dòng nước đại hạ. Tôi rưng rưng một cái vui thấm thía nhìn hạnh phúc trong đời sống tự do bằng bạc trên mặt sông và gió đang lùa vào sâu ven bờ giải phóng. Không cần hiểu rồi ý nghĩ này sẽ dẫn mình tới đâu, tôi muốn ghép ngay tôi vào với một cuộc đời chị Thổ học trò kia trở về cầy lại thửa ruộng hoang để cùng nhau tìm thêm ánh sáng cho rừng núi dầy đặc của Tây Bắc. Tôi ngồi giữa một cái đò áo làm lộ thiên. Đầu các chóm núi hai bên sông vươn lên cái màu đỏ những cây coỏng đang lung linh lá thắm. Một dòng lá thắm, một đàn chim lam. Thiên nhiên buổi đò ngang sớm mai thênh thang ấy được tô lục chuốt hồng từ bến tự do này qua bến giải phóng nọ. Hong hóng như chờ coỏng nở. Đàn chim lam ấy líu ríu nhìn lá đỏ chòm núi không chớp mắt. "Cây coỏng đỏ lá thì gieo mạ. Còn kịp cày cấy các anh ạ. Một năm, coỏng ra ba lần lá đỏ, mỗi lần xa nhau nửa tháng. Lần đầu, lá coỏng bảo mình tra lúa mọ, cho hạt vào thúng. Lần thứ hai, tra lúa dé, quẩy mạ, chờ lúa tháng chín. Lần thứ ba, tra quẩy lúa lim, thứ lúa muộn gặt vào tháng mười". Tôi lặng nghe bài học canh tác miền núi, nhích

thêm vào phía chị Thổ mình định gá nghĩa: "Dưới xuôi, cái lối làm ruộng phổ thông là ở luôn một chỗ mà cày cấy chứ không lưu động qua các sườn núi như trên này. Đại Bục có bao nhiêu mẫu để cấy lúa lim và lúa dé hở chị?" - "A, Đại Bục có độ sáu bảy trăm mẫu. Đồng Cau có độ ba mươi mẫu. Cả tẻ lẫn nếp". Tôi đăm đăm nhìn coóng đỏ ngọn núi xa vời. Nó cũng hơi giống cây bồ kếp rừng. Tây Bắc bôi những vệt son lòng chai lên một bức tranh sơn mài. Vẫn con chim lam ấy líu tíu lên lớp về thảo mộc Tây Bắc: "Cây coóng đỏ lá bảo chúng em làm ruộng. Hết coóng thì đến cây phách trổ hoa. Trông phách trổ màu nhạt hơn lá coóng, chúng em lại làm đến đỗ. Hết mùa này qua mùa khác, làm việc luôn tay. Tháng một hái lá chàm về ruộm vải may áo ăn Tết. A này, gần đây quần áo các anh bạc rồi, các anh về đây, xã em sẽ ruộm lại áo quần cho bộ đội, bộ đội áo lam sẽ ở lại với vùng em không về nữa". Tôi nóng bừng người, hỏi: "Độc lập rồi các chị về Hà Nội chơi tết giải phóng toàn quốc chứ?" - "Em muốn về lắm, nhưng đường dưới xuôi không có dốc, bước mỏi lắm. Và ít núi quá. Trên này lúc nào cũng không mất núi, thành ra đi thấy gần lắm". Tôi trông theo những bóng áo chàm rẽ ngoặt vào lối có Đồng Cau. Mười tám tháng nay,

lối cỏ này mới lại có bóng người đàn bà không sợ hãi.

Đò anh dân quân đưa tôi về bên này bờ. Cứ dọc sông, tôi đi lên tôi đi xuống, nhòe mình vào những gồng gánh ùn ùn kìn kìn chất tươi thực phẩm. Hỡi anh hồn những chiến sĩ hy sinh ở Đại Bục thế phách quấn tạm ở ven ghềnh góc núi này, hãy nghển dậy mà nhìn những mạch sống đang tiếp diễn song hành với lòng sông. Công trình tái tạo sự sống của các anh đấy! Thật là cụ thể nhất! Các anh phảng phất trên ngọn rau, trong lòng những quả tươi nhấp nhô bên con đường xe lửa đã bóc hết sắt. Bước chân người gồng gánh đang bước tiếp hộ các anh bộ đội những bước của mạch sống không sức nào ngăn nổi.

Bánh mì hôm nay đã đưa ngược lên xã Đào Thịnh. Đường phèn đường hoa mơ rủ nhau kĩu kịt từ Trại Nhoi lên đến Mậu A. Hôm nọ hành quân qua đây chưa sang sông san phẳng Đại Bục, bới đâu ra chất ngọt ở những hàng quán lèo tèo quãng này. Vậy mà giờ la liệt chè đỗ đen, chè hoa cau, chè bột sắn, nước chanh quả. Nhiều quán lại lấp loáng tấm gương đứng của anh thợ hớt tóc to như cửa cánh tủ. Lại có tiếng máy khâu nữa, thế có rền tai không. Bao nhiêu chõng

tre kê sát ra đường chi chít bát mở bát úp ủng hộ nước chè mới đun. Bã mía trắng xóa dọc đường. Đời mát ngọt quá. Người ngồi nghí dưới bóng râm, ngạo nghễ phớt bao nhiêu chuyến phi cơ bà già tiếp tế khu trục lồng lộn tìm các đồn chết. Gánh bí xanh, gánh cà chua đỏ, quả là một tuần lễ rau có. Sinh tố vung vãi trên đường cái. Khói lò mật ven sông tỏa mãi mùi béo nóng. Trong bãi mía um tùm, mấy chị phụ nữ ơi ới gọi nhau đi ăn một đám cưới đời sống mới. Đò nan kề lò mật. Các chị xuống đò, quần áo còn nếp gấp. Chuỗi đò ấy xuôi về Cổ Phúc. Dòng sông bè trôi khít như lá tre. Bè chở lá gồi lợp nhà dựng quán. Bè chở người đi chợ. Trên một đám bè cắm ở cửa ngòi Trạng, một cụ già đang khề khà trước một mâm cá chiên vừa vớt khỏi lưới. Cụ vuốt râu như một hiền giả thuở thanh bình, ê a ngâm:

"Vợ con tha thẩn bên rừng,
Thương con nhớ vợ xin đừng theo Tây"

Cửa ngòi Thía, cái con ngòi chảy cạnh đồn Đại Phác cũng vừa gục bữa nọ, nay nhan nhản trẻ tắm truồng ném thia lia, bốc vãi bọt nước, í ới rỡn trên những mỏm đá vun vút bóng con đò... ò. Thông đồng bén giọt, nước xuôi thuyền chợ cũng xuôi theo. Gió ngược đẩy buồm những chuyến đò ngược dòng, đưa thực phẩm lên các quán trên.

Đời tươi một màu rau mới ngắt, một màu quả mới hái.

Anh hồn các đồng chí hởi dại nằm rải rác ven sông, đang mỉm cười dưới đó.

Bờ sông, không biết dựng lên từ bao giờ, những khẩu hiệu Thi Đua ÁiQuốc kết bằng nứa bằng vầu thấp thoáng trong bãi ngô. Ruộng trong xóm kia cũng lại thập thò những khẩu hiệu Tăng Gia vặn bằng nùm rơm.

Mấy ngày sau, hỏa lực mình đốt đồn Róm, cháy đỏ cả đêm trong giông lốc bờ sông, tôi còn nghe một gia đình tản cư gần Trái Tút hãi hùng trước cơn mưa đang kéo tới, khấn vái lẩm rẩm: "Lạy giời, đừng mưa đêm nay. Ngô, đỗ, lúa hãy cứ đợi đấy. Ngày mai ngày kia hoa màu nứt mầm, cũng chẳng muộn. Miễn là đừng mưa trút nước đêm nay để bộ đội hỏa thiêu đồn Róm".

Đồn Róm mà cháy tàn gục xuống, thì đường thì dứa, thì mía, cả một hệ thống chất tươi chất ngọt còn kéo tít mãi lên đến Bảo Hà chứ chẳng phải đùa đâu. Nghe 12,7 nổ giòn, băng nào cũng cứ ngọt xớt đi. Có nhẽ rồi mai kia, đêm đêm dân chúng đến phải đốt thêm đuốc mà họp chợ nổi trên sông Thao thì mới thỏa thuê cho sự buôn bán đi lại một vùng vừa mở rộng.

GIÓ LÀO

Đoàn kịch kháng chiến chúng tôi lưu động biểu diễn qua ít vùng thôn xã hai tỉnh Thanh, Nghệ - Xuất phát rời Vinh giữa hôm duyệt binh hành lễ Lao động Quốc tế - nay lại lộn về Vinh. Lúc đi thành phố nguyên vẹn, đèn điện, nóc ngói, mặt đường nhựa bóng mài. Nay trở về, cái tráng lệ đồ sộ của thị trấn đã là một nỗi niềm thuộc hắn dĩ vãng. Chỉ có mở tự điển ra mà tra hai chữ tiêu thổ ta không thấy hết được hình ảnh dữ dội cụ thể của định nghĩa. Phải đứng hẳn lên đống vụn của vữa hồ khô rộng lớn này ngào với ngói gạch sắt gỗ lim ngổn ngang trên một diện tích mười mấy cây số vuông đây, ta mới thấu rõ đến chỗ đáo để của danh từ tiêu thổ. Bàn tay người không thể phá hoại hơn được. Tưởng chiến tranh trực tiếp diễn ra ở đây, tạc đạn không lôi trọng pháo có liên tiếp hoạt động ngay trên thành phố này cũng không thể thành công gọn đến như thế trong việc san bằng một tỉnh lỵ. Từng dãy phố lầu gạch báo nhau nằm rạp xuống, lắm chiếc hấp tấp quá liên lụy đến cả sinh mệnh người. Nóc chợ tỉnh, nhà ga, phố xá, dinh thự, thành nhà Nguyễn, tất cả những cái gì của con

người dựng lên qua mấy đời thì nay con người lại kéo sạt xuống sát tịt mặt đất. Trong cái hiện trạng tụt nghiệp của một nền kiến trúc long vỡ, các nguyên liệu lìa rời vĩnh biệt nhau, liền liền nhào ngã gẫy cụt, sóng sượt bừa bãi trên đất bằng. Tiếng vồ gỗ, tiếng búa tạ khai tử cho một thị trấn. Vinh đã trở nên một thành phố hoàn toàn trụy lạc theo cái nghĩa thật bó hẹp của trụy lạc. Tay mình làm ra, tay mình lại phá đi hết, cả cái dân chúng "phá gia chi tử" ở đây liền rút hết về phía Tây, bỏ lại sau mình một đô thị gục gẫy, - xác tan như pháo giấy và không linh hồn.

Đoàn chúng tôi đóng lại gần chùa Diệc, nghỉ ít ngày lấy sức rồi mai mốt đi tiếp lên Nam Đàn, một phần ba đoàn viên, nếu không run bắn lên vì cơn sốt rét thì cũng lả ra vì gió Lào. Tháng tư âm lịch, gió Lào đêm ngày nối tiếp kêu gào như sinh vật bị cắt họng. Có lúc gió rống lên như đàn chó già sủa bóng. Bị lục địa xua rượt từ Tràng Sơn thốc ra bể Đông, gió chạy một chiều rất nhanh rất bạo qua một cái tỉnh vắng rộng. Còn linh động được ở đây là chỉ có cát và bụi thôi. Vả chăng cứ gì đông lạnh mới là tiêu sái thê lương. Đây là một chuyện tê tái của phong cảnh cộng với lửa bừng bừng của mùa. Gió cứ một điệu ù ù thổi từ đất ra biển, không một phút nào ngoảnh

cố lại. Cái điều ác hại nhất là gió lại nóng hơn cả nắng lóe, bực bội hơn cả mùa hè. Đất ùn chướng lũy, uất lên với nhiệt độ gió Lào, mất dần từng chút sinh ướt mịn nhuyễn của bản thể, cho đến mực không toát lấy được một giọt mồ hôi. Trên gạch rụng, rêu chết dần. Không một chút bịn rịn với hoang tàn nhớn nở mãi lên. Bụi cát không tích tắc nào nghỉ bay. Trước mắt quanh mình, trời đất quấy tro nóng. Áp lực không trung đè mình xuống, cấu nghẹt cuống hô hấp. Khí trời ong ong, khí người ráo kiệt. Chao ôi còn thứ giống đực giống cái nào dám nghĩ đến nhau lúc gió Lào đang về này! Tiếng thương nhau mà kêu lên bây giờ chỉ là một giọng khàn cố đẩy ra khỏi hầu rất khó mà qua được cổ bóng. Thật chỉ là một nỗi khát nước vô cùng tận nó mê sảng, đau khổ gấp vạn lúc bị trúng đạn máu ra nhiều. Nói thêm về cái buồn rợn của gió đang cấp bức lên đường, đang chui bừa qua những dẫy phố gạch không một cái nào còn cửa mà ngăn mà đóng, một anh bạn diễn viên kể lại rằng thường niên trong vùng Quảng Trị, xưa kia có những người mẹ hễ thấy gió Lào nổi về là ôm chầm lấy con mình mà khóc, khóc như con chết, khóc như gào thi với gió độc. Gió từ néo lưng đèo ùa về đưa tiếng khóc đàn bà qua những cồn cát

trắng, trắng đến mực ngao ngán, qua những rú xanh truông cằn trên đó còn phất phơ cái ú ớ mê tín ma Hời. Nay ở đây, gió Lào rên ngân thêm nữa cái đau thương của chiếm đóng quằn quại trong hãm hiếp bắn chém. Ôi gió Lào ơi, tôi muốn đưa cả cho gió những ngày đầy hẹn ước của đời tôi, để gió đừng rên kêu trong một buổi, chỉ một buổi thôi! Tôi quăng hết quần áo, nằm đờ trên đất. Chập chờn, gió Lào thổi cả vào giấc mộng khô ướt đã mấy lần mồ hôi. Tôi chồm đứng dậy, muốn phá trùng vây của lưới lửa. Gió phả, cát rang vào khắp da tôi, gió Lào lại ùa thốc cả một khối lửa lên lưng lên mặt và dội vào gáy. Tôi muốn ôm lấy đầu tôi, nhưng lớp tóc dài khô cứng chớm dựng như bàn chải lông thép đặt ngửa. Tôi tìm chỗ trốn, tôi chạy đi trốn vào những nơi có nước. Trông cái thành cổ bị phá bóc hết gạch, tường đất đứt như đê sạt, tôi thấy cái hào cạn mà đảm sợ. Lòng hào nẻ ra tựa mặt ruộng cửu hạn. Dưới ba thước ta, còn đào thấy cá rô chết khô. Ý niệm của tôi về thiên đường lúc này là một lỗ giếng đào. Tôi chạy vụt sang cái giếng láng giềng, cả người chỉ còn một manh khố vải tấm. Tôi chạy trong phố như là vẫn chạy trên bãi bể ngày xưa. Thông trường quốc học cũ, rền rỉ dưới gió Lào. Tôi múc nhanh gầu nước.

Nhưng gầu nào cũng có kiến. Kiến trốn nắng, đào tổ tìm mát trong lòng đất, đã đi nhầm vào dòng mạch nước ngầm và lềnh bềnh ứa trôi ra kẽ hốc giếng đào. Chạy sang giếng khác thì nước vàng sặc tanh một mùi gỉ sắt chảy theo mép, nước chát xít một vị nhựa cây. Tôi chạy về nhà, chưa chi mà khố đã ráo, tóc lại bợp như bàn chải. Thèm một ít mồ hôi mà cả người cũng không có. Một vài anh em đang chùm chăn lên cơn cách nhật. Thấy người nằm rung dưới lớp chăn đắp tôi cũng muốn bệnh cũ trong người tái phát lại. Tôi muốn viết một bức thư gửi về Bắc. Cây bút máy mới đi xin mực, ruột ống mực đã ráo cạn. Lòng nhớ cũ muốn vợi ró mà cái nước mắt hồi kẽ chốc lát gió Lào đã chùi ráo ngay cho rồi. Một đợt gió vấp qua nhiều hồi tường khểnh sứt so le ngân reo lên cả câu "Âm - u - ai - khóc - than - trong - gió - Lào", lẩy ra từng tiếng một.

Tầu bay ù ù trên đầu. Trống báo động nhen thêm bầu khí nực. Trống đổ gần quá. Đấy là trống của bóp Công an, bàn giấy đặt ngay trên cái toa xe lửa ngoài kia, ở một đầu toa thõng xuống chiếc trống cái sơn son. Thì gió Lào lại cười lên tiếng trống báo động, hấp tấp lên đường. Cây lớn cây nhỏ đổi vẹo về một hướng, tiễn đưa gió Lào, chầu cả ra bể. Cổ thụ lá to lá

tròn, hay cây mới lớn lên lá mảnh lá dài, cây nào cũng thành ra phong cầm của gió Lào, vi vu một trời dương liễu, reo như giữa cát bờ. Bên trường Quốc học chỉ còn có móng chân tường, hoa phượng đỏ rực những vụ nghỉ hè xưa đang nhỏ nhiều giọt huyết. Cái chói gắt của bầu khí lam trong nỏ làm bật nẩy lên cái tươi gắt của cánh phượng tuôn chảy trong vòng lửa lựu. Lam gắt và hồng rực bổ túc lẫn cho nhau trong chói lòa. Người ta mù quáng vì ánh sáng màu sắc mùa nghiệt đang được âm gió Lào đàn mãi lên và phổ rộng mãi đi. Cánh phượng chưa lìa hết cành mẹ và đã khô rồi. Gió Lào gạt những son khô quắt vào bên lối nhựa, vào góc sân bộn, tiếng ròn tan như một chạp hết năm lùa vỏ hạt dé rang. Một đàn bướm trắng xập xòe trên cái táng chói thắm của son phượng. Không rõ từ đâu hiện ra, cánh bướm do dự trên đầu mình trên tầm với mình, bay không mỏi và cả đàn lấp lánh bóng loáng giống hết đuya-ra phi cơ. Đàn bướm mỏi dờ dẫm đặt chân lên lưng gió Lào. Nhưng gió trơn và lắn mạnh quá, đàn bướm trắng liền nhào vào một toa xe lửa chỉ còn vẻn vẹn có khung hoa sắt nằm tênh hênh bên đống đá trước kia là đường thiết lộ. Toa xe giống hệt một cái nhà táng lớn khung nan bằng loại kim chưa phất

giấy mã. Không, cái toa hống ấy là một con cá nhà táng, ai đã khéo gỡ hết thịt, cả bộ xương còn lại không gẫy lệch một cái nào. Đàn bướm trắng luồn uốn trong bụng cá nhấp nhánh mở khép như ma trơi giữa ban ngày thăm thắm gió nắng. Hội bướm đã bị gió Lào đốt chết gần hết. Cứ bay như thế mà chết khô dần. Rụng từ giữa giời xuống nền đá cú đậu xe lửa. Hình như ai giận dữ gì ai đem xé ngấu nghiến một tấm thư giấy trắng mênh mông nào mà ném vứt ra bấy nhiêu mảnh nhỏ vụn rải rác. Cánh bướm bệch nằm thở trên cánh phượng tía nẫu.

Mép những con đường chính bị xẻ sâu xuống thành giao thông hào, trong đó sót lại những đoạn ống gang dẫn nước sặc sụa mùi hóa chất thuốc lọc nước bốc mùi tanh-ki-dốt bệnh viện. Bên những giao thông hào ngẫu nhiên này, nhiều cột bê tông gẫy gục gập đầu xuống, buồn nặng như dáng tội nhân bị xử giáo. Bãi rộng ngã ba ngã tư phố, nhiều chỗ mọc ngược lên những tà vẹt sắt hỏa xa nó là trụ cột của hầm tác chiến nay mai. Cái máy nước vô duyên vòi đã khô gỉ biến thành cái giá gác xe đạp của anh em công binh đang triệt hạ những nhà to gần đây. Chuột rú nhau từng đội một bò qua phố, nên lạc bên này phố khểnh với dãy đối diện bơ vơ trên gạch

gỗ rời rụng, đã trở nên những hộp thư đáng nhớ đáng yêu. Nét than đen, gạch đỏ, phấn trắng ghi lại những địa điểm ghi vội. Chủ nhà chắc tản cư về đấy và lúc đứng dậy không quên chữa thêm: "Nhà này tự ý phá lấy". Nét chữ đá thảo đã nói được lên cái hãnh diện của người tự tay mình, hủy cơ nghiệp mình mà đi ra rất gọn. Những dòng chữ này, riêng tôi còn thấy cảm động hơn nhiều khẩu hiệu địch vận chi chít trên tường lở. Tôi đi sâu mãi vào khu phố. Tính không còn có lấy một cánh cửa sổ gỗ sơn nào cho gió Lào đưa đẩy trên cái hoang dại liên tiếp cho nó đỡ buồn tay, gió Lào làm cho nhiều bóng râm cây bên đường hóa ra thừa. Mãi đến chiều tối mà chuông Chùa Diệc thu không vẫn chẳng tắt nổi nắng cháy và gió lửa của một ngày. Cái bể nước hình tròn nhà ga Vinh bằng bê tông cốt sắt chênh vênh đã lìa rơi cạnh xưởng ga hoàng hôn, trông xa giống hệt một khối thực phẩm đóng hộp và chữ "VINH" đã biến thành một thương tiêu đồ hộp vĩ đại.

Gió Lào về chiều, về tối càng thổi thốc lửa lên những ngôi sao đúng hẹn. Tôi thiêm thiếp lấy từng súc vải ka ki bài trí làm gối kê đầu nặng. Gió Lào cứ thế này mà thổi đều thì đến nghỉ lưu động mất. Mỗi tấm cánh gà vải căng này gặp gió

Lào là một cánh buồm bị dồn ra khơi đây. Đèn lửa nào, âm nhạc nào, tiếng nói vở kịch nào chống lại được với thử thách của gió Lào.

Sau đấy hơn nửa tháng, đoàn lưu động chúng tôi đưa nhau lên trại Thanh S. Một trại thực nghiệm tăng gia sản xuất và di cư. Đất mới. Rừng già. Mỗi trại viên là một cuốn truyện dài chưa rọc phần sau. Diễn xong cho tuần lễ thương binh, bọn tôi muốn bốc ngay đi. Gió thổi dữ quá và mùa này ở Nghệ, tránh đâu cho thoát gió Lào. Nằm trên đồi trọc cao nhất của trại, nghe gió vặn cột nhà gianh, tôi thấy thèm đọc lại cuốn Windering heights của Emily Bronté. Chà, gió Lào cay nghiệt quá, khắc khổ quá đối với cây cỏ với con người. Nó không có tí độ lượng nào đối với ruộng đất, cuộc đời có chút gì là nhuần nhị tươi mượt là gió Lào lấy hết. Đến đồ đạc, cột kèo trong nhà, gió toàn xé dọc thớ. Tôi ngồi mà chiêm bao, đứng mà chiêm bao. Cố gượng lại với những giấc ngủ trưa nguy hiểm, tôi nhìn ra lưng đồi trồng toàn sắn. Gió Lào dí đóm vào cây cỏ và vò nhũn lá sắn hàng mấy chục mẫu, hít xoáy bụi đỏ lên không trung. Tôi ngửi thấy từng đợt sóng nâng lên trước cửa mãi. Tôi ngủ thiếp đi với dư âm gió Lào hít xoáy bụi đỏ. Giấc mơ xé lẻ phức tạp. Gio cầm tay dắt tôi vào vùng chiếm đóng.

Tiếng cỗ trọng liên 12,7 của giặc đang khạc lửa sang mình thì gió Lào nổi lên, vứt cát vào nòng súng giặc, càn quét cứ điểm Pháp trong liền mấy ngày. Gió đưa tôi đến những nơi có nhiều thóc gạo cũ, và gió Lào giúp dân cày trộn cát lẫn với thóc, chỉ có một buổi mà xong cả, tha hồ sau này giặc có đốt cũng chẳng cháy được và cướp lấy thì cũng chẳng ăn được. Gió lại chạy đến những quân y viện xô cửa kính vào. Gió nậy cửa kính buồng giải phẫu, nhào vào buồng giữa lúc bác sĩ rạch bụng chiến sĩ gắp chì ra, gió Lào rắc vào thịt tươi ấy bao nhiêu là bột cát. Chắc xót lắm. Trong giấc mơ có người thét lên. Tôi tỉnh. Trời nóng và oi như hầm máy tầu bể. Tôi rủ anh em đi ra ngoài trời. Nhiều cánh rừng qua, gió Lào đốt khô tre nứa, bương, luồng, tiếng nổ hệt tiếng lửa đốt vị trí. Bọn tôi dừng lại bên Khe Nước Sốt, một ôn hỏa toàn, vứt con gà xuống vớt lên ngay là ăn được rồi. Nước suối đùn khói. Quanh vùng suối âm u một mùi diêm sinh sát trùng. Suối trong thấu đáy, đáy suối rêu đỏ bợt sủi tăm. Phía trên xa năm ba hiệp thợ đấu đất nhễ nhại cố đào giếng ngọt. Gió Lào thổi vào một đàn hươu sao bị nhốt ở quả đồi úa đang cất tiếng gáy cho ngày hết trên Khe Nước Sốt. Rừng trong kia mờ rung lên những nguyên nhân gần nguyên

nhân xa của sốt rét, hợp xướng với gió Lào lầm đường ra bể. "Âm - u - ai - khóc - than - trong - gió - Lào". Trong hơi gió hình như có âm tín mật mã về chiến sự miền Tây. Tôi muốn níu gió lại, tôi muốn hỏi mượn gió cái thìa khóa thanh âm, gắng lần cho ra một vài tin cuối cùng của liên quân Lào - Việt nhắn về phân khu.

Khu IV, hè năm 1947

GIỮA MỘT THỊ XÃ KHÔI PHỤC

Án ngữ tầm mắt là núi Cứu Quốc có lẽ còn giữ nguyên những vết bàn chân của cán bộ Việt Bắc 1947 vận chuyển tài liệu máy móc cơ quan. Nắng chiều đủ thếp vàng cả một thung lũng còn lấp lánh những mảnh ngân nhũ của hồi tường trắng lốp các nhà gạch chen sát nhau. Một cái thành phố còn y nguyên! Nhà cửa phố xá nóc ngói hiện bật lên như trong những giấc mơ tranh ảnh ngày nhỏ. Gần hai năm bọn tôi không biết đến nhà lầu ngói gạch hai tầng. Hay quá, trên bao lơn các tầng gác, lố nhố những người. Dưới đường phố, các tốp áo nâu người kinh, áo nhạt bộ đội, áo chàm đồng bào miền núi, tất cả đang đổ vào bãi vườn hoa giữa tỉnh. Mít tinh kỷ niệm cách mạng tháng Tám vừa bắt đầu. Tôi ngây người ra cứ nguyên cả ba lô túi dết đứng giữa một thành phố đang nói to lên, đang hô lớn lên cái vui của giải phóng. Có một số quốc kỳ rất mới bằng vải phin nhuộm màu hoa đào. Quân dân chính, các đại biểu liên tiếp lên nói không dứt lời. Ánh đuốc rọi xuống vô số đầu người đang nghếch nghe những câu những tiếng mà suốt ngày 22-2 kể từ cái buổi sớm 7-10-47 nó nhảy dù thị xã đánh Việt

Bắc - ròng rã, họ chỉ biết một cách vụng trộm thầm lén năm thì ba họa, nhiều khi bị chế biến sai lạc cả đi nữa. Trong hai năm, bất cứ mùa hè, mùa lạnh, giờ này là đã phải đóng cửa đi ngủ, dân ở phố Mới ôm khăn gói chăn chiếu dồn hết cả lên phố Chính, ai dám ngó đầu ra đường. Nói chi đến chuyện nhẩy bổ ra giữa vườn hoa hàng nghìn người bật đuốc lên mà vui chơi ca hát như thế này. Tiếng vài cán bộ bỏ nhỏ sau đám mít tinh: "Có tin nó rút khỏi Bằng Khẩu nữa và bảy mươi hai đang truy kích nó - Ngày mai bắt đầu tiêu thổ thành phố - Trong thị xã nhân khẩu độ hai trăm rưỡi, đàn bà nhiều hơn đàn ông. Nó có tất cả độ 500 đứa, kể cả lính và bộ máy chính quyền thành ra cứ hai giặc thì một dân hầu hạ cung phụng gần 2 năm - Tinh thần đồng bào ở trong thị xã kém quá. So với đồng bào thiểu số tỉnh Bắc Cạn, lạc hậu trông thấy! - ấy thế, nhưng phong trào tản cư phiên chế họ đi, rồi họ cũng bước đều ra phết đấy". Trung đoàn 72 diễn kịch giữa giời. Người thị xã dụi mắt nhìn lên sân khấu, bỡ ngỡ trong trước ánh sáng tập trung. Đã lâu lắm, người thị xã chỉ quen với một ngọn đèn nhỏ bằng hạt đỗ thấp vụng sau tấm cưa gài chặt. Tôi bắt đầu đi hỏi chuyện một vài nhà dân phố một chú khách lai thọt đã kể ngay chuyện lính

Pác-ti-dăng lấy thế lão Ba phòng Nhì đánh mấy con nhà thổ làm bộ ta đây tháng tháng đi tàu bay từ Hà Nội lên. Rồi chuyện lão Ách mặt đỏ, lão Hai mắt xanh. Tớm quá! Người nào cũng thở dài trước khi trả lời. Một người thợ cạo nói về giá sinh hoạt trong thời chiếm đóng:

- Gà 120 đồng một con, nó chở tầu bay từ Hà Nội lên. Thịt lợn 120 đồng một cân. Trứng 25 đồng một quả, chỉ trong nhà có người chết thì mới dám mua để cúng. Còn mỡ thì có đi lính Pác-ti-dăng cho nó, mỗi tháng được phát 2 cân. Cả nhà tôi, trong mấy năm, cậy cục mãi mua được một cân hành. Hành cũng do đường tàu bay mà vào tỉnh.

Bà cụ đẻ ra bác thợ cắt tóc chen vào:

- Hai năm, toàn uống nước lã. Làm gì mà có nước vối. Đến lá ổi quanh thị xã cũng trụi hết. Đâu nó cũng cho đi lấy quả vài lần, trẩy ổi, sim, bứa. Mỗi gia đình được cử ra một người. Nhưng ai đi chệch quá cái bụi chuối nó định làm giới hạn là nó bắn ngay. Có cái quả nào ăn được thì Tây và Tàu nó hái từ hôm nào ấy rồi còn gì! Ở trong này, nó ra lệnh cho nhà nào cũng phải giồng khoai lang. Để đầy gầm giường. Khoai hà khối ra, các anh đều thấy đấy. Trong này cái gì cũng thiếu. Gạo sau này nó chỉ cho mua 5 cân

một tháng. Từ tết năm nay, không có chuyến xe nào về, toàn tiếp tế bằng dù.

- Thưa cụ, thế trong này đồng bào đun nấu bằng gì? Củi thối ròng rà hai năm, lấy ở đâu ra?

- Ấy cứ chặt quanh chặt quẩn. Trước kia, quanh phố rậm tịt lắm. Cứ chặt dần. Đào, mận, cây ổi, cả cau nữa, bây giờ quang hết cả đấy.

Người con thêm vào:

- Ai có tiền thì mua củi của Hoa kiều bán 450 đồng Đông Dương một cúp. Tụi Hoa kiều thì chuyên môn đi tàu bay, 400 một người 6000 một tạ hàng.

Đêm đầu tiên ngủ ở thị xã, tôi đã uống ở quán một cốc nước chanh hóa học bột li-mon hòa vào nước giếng. Đây nhiều ét xăng máy lửa cái nào cũng nhậy, bật lòe luôn luôn ngoài phố. Sớm ngày sau, lại được điểm tâm bằng chục chiếc bánh cuốn nồng mùi dầu hỏa. Bị đánh gấp, khi rút, Pháp tưới dầu đầy vào số gạo phải bỏ lại, ngoài những tấn chúng đổ xuống suối ngoài Cầu Phà cùng với muối kho.

Tôi trèo lên quả đồi Anh-tăng-đăng thăm anh em du kích Ba Bể, xem kho đạn của Pháp Đề lao trên đồn, màu sặc sụa cái mùi nồng lợm khăn khẳn của tất cả những đồn Pháp, cao su, mùi sơn vải bạt, mùi kê-din, mùi mồ hôi tù uất cộng với

mùi nhựa đồ hộp. Giữa cái ô uế tối tăm này, chúng tôi được nghe về một chiến sĩ Trung đoàn Thủ đô ai cũng đều biết và mến phục. Hình ảnh đại úy Lê Đức Nguyệt đã nổi bật lên tươi sáng như tất cả những bóng dáng của tranh đấu. Ngày 13-6-48, Pháp đã bắn Nguyệt dưới lò gạch dưới kia. Và còn 40 người bị giam ở lao Bắc Cạn, Pháp đem theo lúc rút chạy đi Bằng Khẩu vừa rồi, số phận giờ ra sao? Ngoài sân lao, và quanh lao và cả quả đồi này, bao nhiêu là dấu tích của một sự bỏ chạy vô trật tự. Vỏ chai, vỏ đạn, sổ sách tung vãi, giày tuột giây, mũ lộn mề, áo dạ cháy và đồ hộp ngổn ngang. Tôi lại lên đồi Hành chính. Hơn 120 cái mả Tây mới: sĩ quan, hạ sĩ quan chết vì chiến tranh xâm lược, đủ cả thủy lục không quân. Đây là mả hạng nhất; thứ mả hạng nhì của các thứ lính các màu da chết oan thì ở phía bên đường đi ra Cầu phà, Pháp đã bóc hết bia trên mả. Dưới chân chòi vô tuyến điện của tiểu đoàn lê dương giữ Bắc Cạn, một hàng chữ bằng đui đạn 12, gắn vào sườn đồi: "Qui s'y frotte, s'y pique". Thế sao lại chạy mất? Vào đến nhà thương, một đồng chí ở đơn vị địa phương đùa: "Cẩn thận không có ở đây có tủm la bay đấy". Đường xoáy ốc quanh đồi, vương vãi tung tóe không biết bao nhiêu là ca pốt cao su. Nhục

nhã đến thế là hết chỗ nói. Ca pốt song song với lốt xe tăng đánh dấu cho sự thoái triệt của quân đội viễn chinh Pháp. Đứng đấy mà nhìn ra cứ điểm Cầu phà ta đã san bằng và vị trí đề lao cũng đã toạc vỡ, càng nhận rõ cái thế tam giác tương hỗ của ba cái đồn Pháp trong thị xã. Con suối Phạc Tràng, thượng lưu của sông Cầu uốn khúc dưới chân đồi: Tiếng búa công binh đục chân cầu. Cầu phà đế gài mìn đã dội về nhói rõ từng nhát. Tôi lại xuống phố. Chỗ nào cũng vỏ đồ hộp. Vứt giữa đường, vứt khe cống, cắm lên đầu nứa hàng rào cứ điểm như đầu lâu bị bêu, kết vào dây thép thành một kế hoạch kỳ cục. Một vài con ngựa ăn cỏ, đụng cương vào cái hệ thống gỉ loáng ấy thì cả một bãi tha ma vỏ sắt cũ lại ngân sẽ lên cái tiếng thở dài phản chiến của nhiều lính đen lính trắng. Giặc Tây vẫn còn ở lại chống với ta, thì đã khối là băng đạn trọng liên bắn vu vơ phí phạm ra phía con ngựa này rồi đấy. Vỏ đồ hộp đã trở nên một sự điển hình, mùi hôi vỏ hộp đã thành một ám ảnh mà sau này chiến thắng, bao nhiêu nụ cười làm lành và bao nhiêu nước hoa của đám phục thiện cũng không làm mất được. Đặt tầm mắt vào bất cứ chỗ nào cũng là nhan nhản vỏ đồ hộp. Tất cả những khẩu hiệu chữ Pháp kẻ ở trong tỉnh, ở

cổng tỉnh, lúc rút, Pháp lấy hắc ín bôi xóa đi hết cũng như chúng đã gỡ hết bia ở mả Tây. Tôi tìm đến nhà một bác cai Lục lộ, sống những ngày ghê gớm trong này bằng nghề kẻ biển sơn. Anh đang kẻ những biển mới cho Ủy ban. "Nó nhảy nhiều nhất là ở bãi sít-tát. Nó thả cả xe bình bịch, dân chúng đều tập trung cả trên đồi, rồi nó dồn xuống cái nhà ôten Cao su kia. Chật thế mà đến hai nghìn con người đấy. Rồi nó mới phân phát dân bị vây ra từng tốp đi nhặt dù nhặt hòm đạn, nhổ cọc sân trường bay. Bọn Hoa kiều thì kéo cờ Tàu ngay, và Hoa kiều tay người nào cũng có đeo bờ-rát-xa, dẫn Tây dẫn Việt gian sơn đen người đi chọn dân chúng chia ra thành từng lô từng chòm một, lấy sơn tây đánh dấu chữ số vào mặt vào cánh tay. Có những tốp bị mất tích hẳn từ hôm ấy. Cái thằng Thiết Việt gian ở trên giời rơi xuống đóng quan hai vứt luôn dù đấy, cả đêm bấm đèn pin, sục sạo giẫm cả vào mặt người nằm ngủ, cốt chộp một số cán bộ. Nó tưởng đồng bào chưa nhận ra nó, nó vỗ ngực tự giới thiệu: "Có còn nhớ Thiết ngoại thương cục không?" Ngày hôm sau, nhiều gia đình mới nhận được ra người nhà thất tán. Và ghê sợ nhất cũng là ngày hôm ấy. Cứ ầm ầm trên nóc chợ. Các thứ súng hòm đạn rơi như mưa đá trên đầu mình. Nửa

tháng liền cứ ở trên trời nó thả dù xuống".

Phố chính nhốn nháo nhiều bộ mặt chưa hoàn hồn. Mấy trăm con người bị tù hãm, bị mất vệ sinh trong hai năm, bị trận khủng bố của lính đen Ma-rốc hiếp bóc liền mấy tiếng đồng hồ, Pháp tuyên bố bãi luật. Khi rút chạy. Tất cả những đau khổ ấy còn mang nặng trên mặt rụt rè và dáng đi khạng nạng. Cái suối chảy thông suốt thành phố song hành với phố chính, cái suối cạp xi măng dưới nắng to phì bốc mạnh, mùi nước cống của một thị xã cần tẩy uế cả xác lẫn linh hồn. "Hà Nội sau này về khôi phục lại, chắc cũng mệt lắm về sự quét dọn và rồi còn phải làm nhiều lắm". Anh bạn trẻ nói câu ấy, cùng tôi tiến vào nhà Hội quán Tầu. Đây là nơi lính da đen triển lãm những bức họa cuồng dâm vẽ ngay lên tường vôi cạnh bàn thờ Đức Thánh quan. Những hình nhảy dù dùng làm mẫu chính cho nền gấm tường vôi. Những nhà mái tròn, bóng cây cọ Phi Châu, chai rượu, vú đầm, đùi đầm, xi líp phơi trên cần vô tuyến điện, xe díp ngoằn ngoèo, một con trường sà 12,7 rồi bu gà, bài xì và thuyền và buồm và "Vive la quille" tất cả những mẩu bích họa tố cáo một sự nhớ nhà, thèm hồi hương, bàng bạc qua những thoi tật trụy lạc của tâm hồn đánh giặc thuê. Lính thì vậy mà quan thì

cũng không hơn gì. Thị xã rất nhiều nhà xeéc. Tường nhà xeéc nào cũng nổi bật lên những hình vẽ mông và vú. Một người lính ngự lâm đội mũ cới truồng nâng một cốc rượu máu, ôm một bà đầm khỏa thân cầm một thanh kiếm rất là tượng trưng. Và quanh các câu lạc bộ, lại tha ma vỏ đồ hộp, vỏ chai, ca pốt, vỏ đạn. Một nền kỹ thuật, những biểu tượng của một thứ văn hóa! Lợm quá. Ngột thở quá.

Tôi tìm đến nhà một chị biết về những hoạt động bí mật của mình trong hai năm chiếm đóng.

- Nó bắt chị ở chợ Mới rồi đưa lên đây?

- Buổi sớm nó nhảy Bắc Cạn, buổi chiều nó nhảy chợ Mới, nó bắt được và 50 ngày sau, nó đưa về Bắc Cạn. Có trận đánh chợ Mới, ngày 15-10-47, tôi biết rõ lắm, nó chết nhiều, riêng mấy chúng tôi phải đi đào những xác Tây, đếm được 26 cái toàn liệm vải dù trắng, chở lên xe cùng đi về chợ Mới. Nó bắt nhiều người lên đồn làm bồi bếp cho nó. Còn chúng tôi, hàng ngày nó bắt đi dọn đồ hộp, quét phố và cắt cỏ sân trường bay. Cứ mười ngày nó lại giục đi Cao Bằng, nói rằng trên ấy nhiều gạo hơn.

- Quang cảnh ngày tết trong thị xã như thế nào? Chị ăn tết với đồng bào như thế nào? Có

chúc tết nhau không?

- Tôi ăn liền hai cái tết trong này. Tết chỉ có đóng cửa khóc thầm. Ra đường gặp đồng bào thì khóc to hơn, giọt dài hơn. Thường đồng bào chúc nhau là chóng bình thời và năm nay mong cho nhau chóng tìm thấy người nhà. Nhiều gia đình cúng ông vải bằng đồ hộp vì thịt sống 120 đồng một cân và phải luồn lọt Hoa kiều thì mới mua được. Tết năm thứ hai, ở thị xã có thêm sòng tài sửu đố chữ sóc đĩa của Hoa kiều, phố xá cũng có đông hơn tết trước nhưng người mình đóng cửa vẫn nhiều.

- Chị bắt được liên lạc với anh em ở ngoài đã lâu chưa?

- Tôi bắt được đầu mối, cũng mới gần đây thôi. Chả là chị em chúng tôi phải ra làm vườn gần suối. Ở chỗ vườn, đầu tiên chúng tôi còn nhận được quà bánh, bánh kẹo và truyền đơn cứ để sẵn đấy như là cúng ma ấy. Sau rồi gặp các anh ấy. Có anh mặc giả làm phụ nữ nữa. Một lần một anh cái trang vào nói chuyện, gặp mấy chị Minh Hương, vô ý để hở lựu đạn giắt theo. Thế là các chị ấy chưa quen, sợ quá, chắp tay lạy, bảo anh ấy đi ngay đi kẻo Tây nó xuống. Họ túm tụm lại mà lạy, lấm lét tháo cầy, dắt trâu, vác cuốc lảng dần và gần về đến tỉnh, họ ù té chạy. Lính

gác ti dăng thấy nhộn nhạo, hỏi họ thì họ bảo là bị ong đốt. Ở trong này, có người lính Đức nào trốn là dân phố cũng biết. Chuyến ta đánh Phủ Thông ngày 25-7 năm ngoái, cũng có biết cả. Các anh ấy làm bàn giấy trên đồn đều có kể lại hết. Và những chuyến anh em du kích Ba Bể vào ném lựu đạn trong phố, ai cũng nhớ cả.

- Nó đánh đập có nhiều không?

- Nó bắt khai tên tuổi người nhà dán ra cửa. Nhà này canh lẫn nhà khác phòng sự đi trốn. Có khi từng bốn năm gia đình chịu trách nhiệm chung về một người trốn ra. Nó tra tấn ghê nhất là cho chó béc giê cấu cắn tước thịt nát mình mẩy. Nó để đất đèn vào môi, đợi cho nước bọt mình làm nhuyễn đất ra rồi nó gí bật lửa vào mồm, môi phun xèo xèo. Ác nhất là thằng Hai mắt xếch và tên Hiếu, tên Chí ở Phòng Nhì đặt trên đồi. Cùng trên đồi ấy có bốn cái má cai đội Đức trốn ra nhưng nó bắt được đem bắn ở Lò gạch. Ở đây, nó bắn ai, cũng đem ra phía Lò gạch, anh Lê Đức Nguyệt cũng bị bắn ở phía ấy. Hôm bộ đội vào giải phóng tỉnh, có mấy hàng binh người Đức, bạn của mấy người bị bắn ấy, cũng mang hoa lên viếng mộ trên đồi hành chính đấy.

Một chị phụ nữ khác, tôi vừa làm quen tối qua

tổng kết câu chuyện: "Từ khi bắt được đầu mối, chúng em mới tin là có ngày được thoát khỏi. Chúng em chỉ yêu cầu các anh ở ngoài là lúc nào đánh thị xã thì cho biết trước để chạy. Hôm mình đánh nó vừa rồi, chúng em chạy cả về Đồng Thượng đấy chứ".

*
* *

Thị xã chiều ngày 20-8 rộn rịp rủ nhau đi xem xử Việt gian. Tòa án binh mặt trận họp lộ thiên ở hiên Ủy ban tỉnh. Lương Ôn, Lý Bắc Sinh và Triệu Thạch Kim bị tử hình. Tiếng nhốn nháo của thân nhân tội phạm la khóc, tiếng dân chúng tham gia ý kiến hoan hô tòa án. Nhưng Quốc ca bế mạc phiên tòa át mạnh hết cả. Và 10 phút sau, án thi hành ngay ở chân tường Ủy ban, cách chỗ tòa họp mươi bước. Đuốc bật sáng lên và 6 phát súng trường cùng nổ như một tiếng gọn vào ba tay sai đắc lực của Pháp ở Bắc Cạn. Dân chúng bằng lòng. Trong một gian nhà dân phố đỏ lửa , bên một mâm cơm tối vừa mới so đũa, có tiếng người nhồm nhoàm vọng ra phố một cách hể há: "Ai bảo đi xem xử bắn về mà lại ăn cơm không được?"

Mấy phát súng tòa án binh mặt trận hình như đã chỉnh lại bước đi của người trong thị xã, dân chúng đã lại hồn, cán bộ, bộ đội và dân chúng thân cận nhau hơn mấy ngày đầu. Hàng quán thực phẩm đã mở nhiều. Các đơn vị, các bàn đạp vây quanh thị xã Bắc Cạn và nhất là các đơn vị đuổi theo tiêu diệt giặc ở Phú Thông, Ngân Sơn và Bằng Khẩu đã trở về lại cả nhạc binh kèn đồng trống đồng nữa. Đi đều như se chỉ. Dân chúng hoan hô. Tiếng hoan hô rền trong 30 giây đồng hồ. Các tấm cánh cửa của cả một thị xã đã được hạ xuống làm giường. Dân chúng các vùng Bạch Thông, Chợ Mới, Chợ Rã, Chợ Chu đổ về xem hội chiến thắng ngủ la liệt đầy hè. Từng phái đoàn cán bộ đi nghiên cứu lại công sự cả ba quả đồi cứ điểm Pháp thì đều thấy là đúng với dự tính của kế hoạch đặt ra. Công sự, hỏa lực, hàng rào, hầm cố thủ đều thua đồn bên Tây Bắc. Mình mới khai pháo có vài bộ phận mà nó đã biết thân rút ngay, kể năng lực lính quân báo của nó cũng khá đấy. Mấy phi cơ thám thính vút qua không phận thị xã, bay cao ngoài tầm súng, rồi biến ngay.

Chiều 24, tại sân bay phía Cầu Phà, đại tướng điểm binh và tuyên dương công trạng. Thép kiếm, thép súng, sao huy chương lấp lánh trong

ánh đuốc của thị xã khôi phục vang động tiếng hàng mấy ngàn người. Nỗi vui lớn của một thị xã giai phóng đầu tiên này trong mùa chuẩn bị tổng giải phóng tất cả những vùng chiếm đóng là một niềm vui khai vị cho nhiều buổi liên hoan giải phóng toàn bộ sau này. Trong ánh nến bàn tiệc đoàn kết hai trăm khẩu phần đủ cả quân dân chính áo chàm, áo nâu, áo ka ki, nhiều người nhắc nhở đến Hà Nội vùng xuôi. "Sau ngày tác chiến, thủ đô chuyển về huyện Thanh Oai. Rồi Quốc Oai. Rồi Phú Thọ. Rồi Tuyên Quang. Rồi Bắc Cạn. Bắc Cạn bị nhảy dù rồi nay lại chiếm lại Bắc Cạn. Nghĩa là tiến mạnh tới việc giải phóng Hà Nội đấy. Có đà lắm rồi, Tây đang buồn lắm đấy". Quanh bàn Đại tướng, có nhiều cảm tưởng, nhiều dự tính.

- Nhưng mà chuyến này còn phải kinh qua một giai đoạn vất vả khó khăn cố gắng lắm đấy. Trong một ngày đường, cây số cuối cùng bao giờ cũng là khúc đường khó nhọc nhất.

- Thế nhưng mà "mỏi chân thì gần chợ " rồi đấy đồng chí ạ.

- Này, nhưng mà thống nhất lại giờ Việt Nam cho thị xã giải phóng này đi chứ. Hai năm nay, giờ của Pháp đóng ở Bắc Cạn chênh với giờ Việt Nam 60 phút đó. Phải ra lệnh lấy lại giờ đi.

- Trong thị xã, mình nghe thấy tụi trẻ con tự hỏi sao mấy hôm nay lại không cho chúng nó chơi pháo. Ở giá có pháo cho các chú ấy đốt và trống ếch nữa thì tha hồ mà nhộn chẳng kém gì nhạc binh mấy.

Một vài cán bộ thầm thì đổi kinh nghiệm để sắp cho ra cuốn *"Những kinh nghiệm chiếm đóng các thị xã"*. Ở góc bàn đằng kia, người ta đang gắn thêm nến trắng. Ra họ đang bàn về sự điển hình người lính của trung đoàn 72 địa phương.

"Trong đơn vị 72 có hai thứ đội viên, tâm lý khác nhau.

1) Anh đội viên nguyên quán ở tỉnh Bắc Cạn. Giải phóng được tỉnh lỵ anh khoái lắm. Nhưng vấn đề quyền lợi, anh hiểu nó một cách thu hẹp lại trong phạm vi tỉnh mình. Gạo tiếp tế sẽ đỡ khó khăn nhiều. Người và gạo sẽ được đi đường nhựa, đỡ phải băng qua đèo. Anh sẽ về thăm nhà, tẩm bổ bằng chất tươi, cho nó bõ công theo đuổi chiến tranh trong hai năm cố gắng.

2) Anh đội viên quê ở những địa phương khác. Giải phóng tỉnh lỵ anh có thể vỗ ngực: Tây nhảy dù xuống, và đuổi Tây đi, ta đều có mặt cả! Chiến thắng được thị xã, anh cho là xong nhiệm vụ. Vui chơi xong ít ngày, hưởng xong cái không khí giải phóng mấy ngày ở thị xã, anh hiểu một

cách nông nổi rằng phải đi hoạt động ở địa phương khác. Anh không muốn ở vùng này nữa, vì anh đã ngấy Bắc Cạn..."

Nhưng mà muốn gì thì gì, câu nói bữa nọ của một chú em liên lạc ở 72 vẫn làm cho tôi thú mãi: "Thế này thì là từ bây giờ, em đi liên lạc, toàn đi bằng đường cái! Rộng, sáng, nhanh, mang công lệnh hỏa tốc đi rồi lại mang công văn về, bẩy mươi cây số vừa đi vừa về, em có thể đi luôn cả ngày cả đêm được. Đường cái rất nhiều dân chúng, không sợ đau chân nữa. Chỗ cây số 62 đã thêm mấy quán tươi nữa rồi đấy anh ạ".

Sau ngày Đại hội diễn binh Chiến thắng là ngày dọn tỉnh, là ngày bắn tỉnh. Và cũng là ngày bọn tôi chia tay với thị xã. Phố xá lại một phen nhộn nhịp từ tờ mờ đất, sương mù làm mất hẳn triền núi Cứu Quốc. Dân chúng bộ đội đều ra khỏi tỉnh. Bị, tay nải, gánh lẵng, người thị xã tản ra các nẻo, tản ra các phố nhà lá họ đang dựng dở khỏi xóm Nhà Thờ. Thị xã này rồi sẽ gục xuống như các thành phố khác trong tiêu thổ kháng chiến toàn quốc. Ở những sườn núi vây lấy tỉnh, pháo binh sửa soạn khai hỏa thử vào lòng tỉnh một vài thứ đạn nặng kiểu mới hôm nọ công thành chưa cần mang ra dùng. Trong một vài khóm rừng tứ giác, cán bộ lại vẫn đắp sa bàn

thị xã để kiểm tháo thêm về sức phá của bom đạn mới hôm nọ chưa dùng đến toàn lực. Cũng là ra khỏi thành phố, nhưng dân chúng chững chạc bình tĩnh chứ không như Bắc Cạn chạy năm 47. Trong số người rời tỉnh, nhiều gồng gánh chưa có kinh nghiệm tản cư, còn cồng kềnh tham lam quá. Cũng còn phải vài mẻ nữa rồi mới gọn được cho cả quang gánh lấn bước đi. Trên các thân cây đã xa thị xã lắm vẫn còn lồ lộ những áp phích bướm "Hoan hô đồng bào về dự Đại hội chiến thắng 24-8-49".

Dưới nắng lóng lánh một đoàn nữ cứu thương miền núi, mỗi bàn tay đèo ít vỏ chai hôm qua đựng rượu giặc hôm nay đựng thuốc quân y. Dòng suối nhấp nhô một chiếc máng xuôi về chợ Mới. Trên máng, những tấm cửa kính và gạch tráng men xanh men trắng đang nô rỡn ánh sáng đường trường. Cái mảng nứa ấy sẽ ngừng lại ở một quãng nào để thành một buồng giải phẫu nhưng trên dòng, còn một số bè máng nữa đủ cả gái trai già trẻ xuôi thẳng về Thái Nguyên, và xa hơn nữa, để liên lạc với gia đình nay mới đoàn tụ. Tối hôm ấy, bọn tôi ngủ lại ở Sĩ Bình, miên man nghĩ tới một cảnh tượng hồi cư đông đảo. Hàng trăm người căng màn nâu màu nhuộm chàm ngay bên vệ đường. Lửa rừng bập bùng soi

ngang nét mặt chịu đựng khắc khổ của một đám đông cùng rủ nhau chạy một ngày và cùng trở về cùng một ngày. Họ là cả một cái xóm Thổ đi đủ về đủ. Thấy họ cười một cách tự nhiên chào mình trong bóng đêm, mình thấy càng không sợ sự sống và thấy con người bao giờ cũng thắng được đau khổ. Trâu của cả xóm hồi cư, nằm hai ven đường phì phò nhai sương đêm. Mấy chiếc quán vắng hôm đi qua, nay đã có đèn dầu và nóc vẩy thêm trái tả trái hữu.

Còn tối đất mà đường nhựa quốc lộ số 3 đã nhộn tiếng người. Người ngược hơn là số người xuôi. Có những người cứ nhẩn nha lần về từ chợ Chu, qua Đèo Bút, đi liền mấy hôm rồi, tối đâu là cả nhà ngủ đấy, buộc trâu lại bên giấc ngủ. Toàn áo chàm, toàn áo vá. Nhưng nét mặt tiếng chào của họ không vá víu dăn dúm. "Không về kịp mít tinh giải phóng vớ. Trẻ con nhiều. Trâu cũng nhiều. Lần sau công tác, mời các anh vào chơi nhà mới ruộng mới. Bây giờ về dọn có đây". Rồi họ cho địa chỉ, *Nà* nọ *Nà kia*, nghe nà nào cũng như vần của ca dao. *Nà* nào cũng đều ở vùng quanh thị xã, rải rác bên quốc lộ phía trên cả. Chị Lầu ở Nà Lụng cầm một cái ô vá ruộm chàm, che cho đứa con ngủ lọt thỏm trong một cái địu xanh. Anh Sối ở Nà Háy vác một cái vai cày gỗ bóng. Tôi mó cái cày, anh báo cái cày này

không bằng cái trước, cái này mới được có hai năm, lúc chạy Tây cái cũ lạc mất đầu rồi. Tôi khen mấy con trâu của anh Sối béo khỏe, anh bảo còn hai con nữa khỏe béo hơn nhưng Tây bắn mất rồi: "Bây giờ ruộng mình thành rừng. Phải làm nhiều mà ít trâu quá. Tiếc quá. Rồi đi qua, vào chơi nhà. Đứng ở ngoài đường, trông thấy ruộng tôi đấy". Nhiều quãng dài đường nhựa không bị cắt, trẻ con chạy lon ton theo cha mẹ hồi cư, nhanh cứ như lăn bi. Mình trâu béo lẫn với đường nhựa bóng. Chỉ có những con trâu thồ tay nải chàm là không bị lẫn vào quốc lộ nhưng lại lẫn vào cây lá chi chít. Đếm trâu hồi cư khó quá. Chỉ nghe tiếng mõ gỗ, mõ bương khái hoàn nối tiếp nhau rất là nhiều. Buổi sớm hửng dần lên vách đá 90 độ màu da đồng sát bờ đường. Đường nhựa lại trông thẳng xuống thượng lưu sông Cầu trong thấu đáy, đếm được từng hòn cuội mảnh sỏi. Tôi trông theo đám người vùng núi, vùng thung lũng lôi thôi rách và đang nhấp nhô hồi cư trông theo không biết mỏi mắt. Mãi đến buổi sớm quay về này tôi mới thấy hài lòng. Thực tình ra, mấy ngày ở giữa thị xã, tôi đã quá khắc nghiệt với những người ở lại trong trận nhảy dù. Trái hẳn lại, lúc này người tôi rộn ràng, lòng tôi cởi mở dào dạt với dòng áo vải chàm đang lùa ngược trâu về đồng cũ. Không rõ như thế này có là vô chính trị hay không, chứ

thật ra, mình không thích thú được những người ở lại thị xã bằng những người đang líu tíu lần dò về bản cũ kia, cái cầy ở vai, con trâu ở tay, đứa nhỏ ở lưng, mặt mày khô rắn nhưng mắt miệng vẫn vui nhanh thiết tha. Hình ảnh nhiều quá. Sự cố gắng, sự sống nhiều quá! Bài ca vỡ đất đang rập rờn trên lối cũ tình quê. Cholokov đấy chứ ở đâu nữa. Cái chất ấy ở ngay tầm với bọn chúng ta, gần lắm, không phải lúc nào cũng cứ tìm ở tận sách Nga, sách Tàu nó thêm xa xôi vật nẻo ra. Họ hồi cư, lại dóm nhau dóm bếp, lại rẫy có, đốn tre ngả gỗ ngàn, lại dựng lên bản xóm, lại chống với thiên nhiên, lại tổ chức đời sống, cái đời sống mới. Bọn tôi cứ mê cả đi, hỏi nhau: "Hay là không về xuôi nữa. Bám luôn họ, quay lại và dừng lại ở *trên ấy* một thời gian?". Phút này, hay nhất là theo ngay những con người nông dân thiểu số đang hồi cư lập nghiệp kia, ở lại đồng hoang bản mới bằng cái tư cách cán bộ xã, theo dõi từng cái trứng gà nở, cái trứng vịt ấp tăng gia chăn nuôi, từng nhánh lúa của mùa đầu, từng tảng đá khuôn ở lòng suối vào ngõ xóm, từng cây tre dựng chòi thông tin phát thanh, từng con người, từng gia đình, chà chà! Bao nhiêu là sự việc thắm đượm, bao nhiêu là nhân duyên lành vững trong cái khoảng của một cù lao nếp xanh ròng ròng lớp mồ hôi trở về!

Bỗng có tiếng trống đồng, rồi thuỳnh thùynh

luôn mấy nhịp nữa. Tôi quay lại. Nắng lung linh đang nhảy đùa trên tang đồng chiếc trống cái. Nhạc binh cũng rời thị xã về xuôi. Một ông già Thổ, đặt con xuống đất, tay vẫn còn cầm dùi trống, miệng cười: "Thế là nó hết kêu mỏi chân rồi!". Chiếc trống dựng nghiêng, đứa nhỏ kiễng chân với tay vẫn không chấm được đến cái nốt trung tâm mặt da trống. Nó thè lưỡi ra, rụt cổ một tí rồi chạy ra xa lăng quăng trên mảnh nhựa cát to bằng năm sáu chiếc chiếu nối dài cạp xanh. Nó sà xuống những mẹt thị bày bán ngay ven đường. Thị chín một màu vàng nhẹ mỏng của những bức họa tĩnh vật. Chị Thổ bán thị ngồi cách gốc thị có mươi bước. Cây thị rụng hết lá, cành nhẵn hửng lên toàn là quả mọng, nắng vờn quanh những quả cầu vàng nhạt, trông đẹp mắt đẹp lòng quá đến nỗi bọn tôi phải hỏi nhau mà ngờ rằng cái trước mắt ấy không phải là một sự thật có thể bứt ăn được ngay. Núi rừng xa như những tấm diềm màn trang trí. Nắng sớm lộng lẫy vừa phải như ánh sáng sân khấu, soi vào cây thị giả tạo đặt ở một góc chợ phiên của một điệu múa thuở thăng bình chốc lại bẵng quên và chốc lại thoáng nhớ đến.

Gốc Thông, 31-8-49

NGOÀI NÀY, TRONG ẤY

Những đêm xuôi đò sông Lô, những buổi chiều dừng chân bên tả ngạn sông Thao. Theo dòng trôi lòng mình gởi xuôi về Hà Nội. Những lúc sang ngang sông rộng, đò chậm chạp vượt Đại Hà vào giờ ngớt sít-phít-phay, lại càng nhớ đến chiếc cầu Bồ Đề, cái bãi Nghĩa Dũng xanh một màu dâu bắp bốn mùa. Lại còn những buổi đeo ba lô đẫm mồ hôi, tần ngần bên những thạch tiêu quốc lộ "c1 Hà Nội 12 km" - "c2 Hà Nội 159 km" - "c6 Hà Nội 27 km". Đi đến đâu dầu là sơn cùng thủy tận, giời cao, đồng lúa rộng, tất cả những mạch thủy lục đều dắt tâm hồn người bộ hành về với Hà Nội. Chốn ấy là một tâm sự làm nặng thêm bạc đà kháng chiến.

Thu 49, những bàn tay vấy máu vẫn còn chấm vào những lá sen mẹt cốm vòng, thơm ngát một nỗi niềm đất quê hương. Lúa ở ngoài thành gãy nhánh hạt dưới sức càn quét của ngoại xâm. Hè phố Hà Nội cồm cộp tiếng giày đinh của mũ đỏ, da đen, khố vàng, ngụy quân. Phải chóng giải phóng cho Hà Nội thì mới yên được bề nào trong hoài bão của mọi người tản rời Hà Nội. Đèn điện Hà Nội đỏ ngòm, đục ngầu như những con mắt

vừa ráo lệ. Đêm đêm, có bao nhiêu người Hà Nội, lặng ngẫm trên tờ báo của người ngoài này chuyển vào...

Bao nhiêu cánh tay ý tứ giữ gìn đã khép lại những tấm cửa sổ che kín ánh đèn khỏi lọt sinh hoạt riêng của mình trong nội thành. Và chờ mong cái giờ mà giải phóng *"Người đi người chưa về... mái buồn nghe sấu rụng"*. Đèn khuya. Những cánh tay khép cửa sổ, ngăn những tiếng giầy của ba-tui, của phòng nhì khỏi dội vào tim mình. Chao ôi, nhìn tấm ảnh biệt động đội bóc ở Hà Nội gửi ra, nhìn những bóng nữ học sinh đội nón bị dồn vào những cuộc biểu tình trần tráo mà lại càng xót thương cho đau khổ của những tâm hồn trong trắng bị hãm trong lòng địch. Chao ôi, kể ra sao cho hết những tâm hồn lành mạnh còn biết tin tưởng và không vấy bùn mặc dầu bị sót lại trong bùn Hà Nội, Hà Nội đang hồi hộp chờ ngóng những nhát chổi của ngoài này về tẩy uế một thị trấn khai thối. Hà Nội rồi sẽ phải có những tuần lễ vệ sinh chung.

Đêm Hà Nội nặng, mang một thê thảm dò xét, rình mò, tra khảo: Tiếng đĩ, tiếng gian thần, tiếng giặc cuồng dâm làm vẩn ngầu lên những kiếp người muốn thở khí lành. Sao một trời thủ đô tái đi vì xấu hổ.

Ngày Hà Nội âm vang điệp khúc, phi cơ cất cánh bay ra "hậu phương" (!) . Ở trong ấy thì không tầu bay nào ném bom bắn cháy nhà cửa giết người. Nhưng mà trong bản thân những con người ở lại Hà Nội nếu còn được nhất điểm lương tâm, thì làm thế nào mà ăn ngon ngủ yên được khi chính những chim sắt ấy của Hà Nội đang gieo tai vạ, đang vung vãi cái chết dã man lên trên mọi phiên chợ, bến đò, làng mạc, ruộng nương ngoài các bản xóm vùng tự do.

Bất giác tôi nghĩ đến mối tương quan của sự vật. Một anh bạn cũ trước làm tham tá sở Khí tượng, gần đây cũng lẻn về Hà Nội, xin lại cái chân công chức như ngày nào. Một tháng ba mươi ngày, y đo gió, y ngắm mây, y làm ký tuyến đồ, rồi lĩnh tiền, cho rằng việc làm của mình là để bảo đảm cơm áo của mình trong đời sống khó khăn "loạn lạc". Nhưng chính y đã dự vào những cuộc ám sát tập thể, có dính líu mật thiết với những vụ tàu bay khủng bố giống nòi ngoài này: ai đã dùng những khí tượng biểu của người công chức nghiện ngập khôn ngoan và ích kỷ kia? Không quân Pháp, phi công Pháp, phi cơ Pháp, bom đạn Pháp; chợ Thắng Bắc Giang hại hàng trăm linh hồn vừa rụng dưới gốc đa và bao nhiêu bến đò và bao nhiêu phiên chợ thành nghĩa địa

tập thể, người công chức ấy có biết không? Đã thấy rõ cái liên qua giữa những chợ oan ngoài này và cái cứ chỉ cầm máy đo gió đo mây tưởng là vô tội ấy không? Người thư ký sở thiên văn và giặc hai cánh bốn cánh đã thành một hệ thống tội ác. Tay người cầm bút công sở Tây ấy đã vấy máu. Người ta thường ví cuộc kháng chiến Việt Nam là một trận lốc vĩ đại, là một cơn địa chấn nhân tạo làm rung lâu đài thành thị của một chế độ móm tàu, và lay lắc bật nhổ các gốc rễ một số giai cấp rồi phân phát đều cho khắp nẻo đất nước khói lửa. Riêng tôi, tôi thấy cuộc chuyển động này như những xoáy nước quay tít trong lòng những vại nước sông có đánh phèn. Nước chưa hết xoáy và các thứ bùn cặn đang lừ lừ đọng xuống đáy vại. Cũng như số phận các thành phố tạm chiếm và với một tỉ lệ cặn bã nặng hơn. Hà Nội đang là một cái đáy vại, một cái đáy thùng sắt tây gỉ.

Xấu hổ và ghê rợn trùm lên cả đêm, trùm lên cả ngày Hà Nội. Những chuỗi ngày đêm ấp úng, lộn sòng thất thân với những con thú lông lá hung bạo. Ở đấy làm gì có tươi sáng. Những con người họa sĩ trong ấy, dùng màu nguyên chất nào tươi thắm đến mấy rồi cũng hóa ra than muội, điều hòa ánh sáng kỹ thuật có tế nhị đến

mấy rồi cũng thành ra xám ngoét của điêu tàn. Trên khoảng bốn cửa ô đã ngất đi vì cường bạo, đã có những tiếng động gì đáng chú ý? Đóng cửa, mặc dầu chưa muốn ngủ. Quá giờ thiết quân luật, còn phất phơ ngoài đường thì lòng phố vắng vang hưởng một tiếng đạn lẻ, ngân trong đêm tuần tiễu. Đóng cửa rồi, phải khai số người, tên người trong căn nhà, dán lên cánh cửa kín bưng. Tiếng đập thùng sắt tây, đập mẹt, báo hiệu một vụ cướp bóc hãm hiếp như xưa đuổi gấu ăn giăng. Phố vắng leo lét, điện thưa dài thượt như hành lang nhà giam.

Ban ngày, tiếng chuông tàu điệu leng keng một điệu tìu cảnh của đám cháy giải oan. Tầu càng chạy, tiếng leng keng càng gọi những cô hồn của một cảnh nhộn nhạo giả vờ, dối trá, không dứt khoát. Một đồng từ Đồng Xuân xuống chợ Hôm. Nhưng ai bước chân lên tàu ma? Đầu các ngã ba ngã tư đông đúc, luôn luôn diễn ra cái trò Nhật thuộc căng dây bắt người. Phim trinh thám khủng khiếp đang quay giữa ban ngày lộ thiên. Những tiếng xe nhà binh hãm phanh, một bọn phòng nhì đầu chùm kín túi vải, chỗ hai đôi lỗ mắt đen ngòm thao láo. Người hàng phố diễu qua chúng. Những con mắt ấy điểm danh và gật đến đâu thì ô tô Pháp lôi bừa họ về mật thám

Liên bang. Cối cửa sắt đè kêu trong đêm lạnh. Và đã có bao nhiêu tiếng hát của tù ngục vắng lên những đêm lấy khẩu cung. Hỏa Lò, Nhà Tiền, Tám Mái. Sức tranh đấu âm thầm. Đêm đỏ rực máu người. Đêm khuya, phố lặng đọng trên tờ giấy báo cáo nhấn ra ngoài này. Mặt đất đầy đau khổ tức thở. Ngửa mặt lên giời tìm một chút yên tâm. Thì giời xanh vẫn ình ình tiếng phi cơ từng đoàn đi thả bom về. Buổi sớm cũng thế, buổi chiều cũng vậy. Gần đây nó lại bay đêm từ đường số 4 về, cánh mắc đèn đỏ ngầu như mắt thần trùng bay đánh hơi mùi chết dưới thành phố.

Hà Nội là một ung thư. Làng tề ngoại thành là một cái đai mủ nổi gờ quanh vết thương. Du kích, biệt động, công an là một hệ thống bạch huyết cầu quây lấy mụn loét diệt trùng tấy mọng. Người Hà Nội hãy cố gắng lay nhổ cái đinh đóng vào mặt đường nhựa hoa thị ấy đi. Nhớ lời André, nói về giá trị con người trong cuốn *Balê sa đọa* của Ehrenbourg: *"Ngày nay người ta phải lấy máu của bản thân mình để chứng tỏ thiện căn của lòng mình. Đấy chúng ta đã tới cái mực ấy"*. Trót yếu hèn vụng tính không kịp theo bộ đội rút ra khỏi Hà Nội. Trót làm những người ở lại thì các bạn ôi; hãy cố chuộc

điều lầm đó bằng máu. Góp phần máu đi. Hãy vững tâm mà tin tưởng. Hãy rú lên cho đều. Balê được giải phóng ngày 25-8-1944. Nhưng trước đó bốn ngày người Balê đã biết vùng dậy. Balê thất thủ ngày 14-6-1940 tính ra gần bốn năm. Từ đêm Hà Nội 19 tháng chạp năm 1946 cho đến giờ, cũng gần được bốn năm. Bốn năm Hà Nội tủi hổ thấy nó dài như nghìn năm tại ngoại. Hãy vùng dậy, lớn bé gái cùng trai! Vứt sách bỏ trường, tàu điện, xe hơi, máy đèn, xe lửa, vứt cả lại nếu không nổ mìn được, mà đi ra ngoài này hết. Ở lại mà phá địch ngay trong lòng nó để tái sinh cho thủ đô trong ngày tái hợp tương lai với ngoài này. Lúc này Hà Nội với Tây còn là một hòn đảo tù thoi thóp những khóc than oan trái tội oán. Ở ngoài này thênh thang trên một bể bao la những buồm máu đang gặp gió vây lấy vùng tạm chiếm. Hà Nội hết tơ nhưng chỉ còn trơ ra khố tải. Người tự vệ sao vuông đã đi rồi, cái nhân phẩm ở đấy cứ thế mà xuống dần. Nhưng không, Hà Nội không hoàn toàn tiêu cực. Bên cạnh những tâm hồn chịu thất thân với giặc, vẫn có những cánh tay cương quyết chống giặc, phá giặc, đang gấp rút chuẩn bị chiến trường thủ đô. Họ là nhân viên thành, cán bộ thành, dân chúng thành. Nội thành, ngoại

thành, ngành dọc, ngành ngang. Đêm làm việc, ngày chuẩn bị cho công việc thực hiện vào buổi khai hội đêm. Ngày kín tiếng, đêm kín tiếng. Tây vây không xuể. Tây bắt không trúng. Tây lần không ra. Trung kiên thay! Những mầm sinh thành này của một Hà Nội giải phóng đang tôi đúc thử thách trong đạn lửa tạm chiếm. Hà Nội không là an ninh. Trấn Nam, Trấn Tây, Trấn Bắc, nội ngoại thành vẫn có tiếng nổ, có những tiếng súng lẻ của phản kháng. Hãy lắng nghe cho kỹ những tiếng nổ ấy và nhớ lấy rằng mỗi một người vươn dậy ấy mà không may ngã gục thì đó là một hy vọng gẫy cân và dồn chất trách nhiệm lên vai những kẻ còn ở lại. Nặng nợ lắm, còn phải trả nhiều, hỡi những người dại dột trót chui vào tròng, hoặc chậm chân rút ra! Đứng mà chết và quỳ mà sống. Hãy quỳ xuống mà hôn mặt phố như kiểu Raskolnikov. Sám hối, hỡi những người vẫn còn mê lú về ngày mai. Nghĩ đến Hà Nội, một số cây bút kháng chiến gần đây đã tìm cho nó một tác dụng tiêu cực trong một giai đoạn. Là người viết tiểu thuyết tạo nhân vật, lúc chúng nó đông quá và tác giả phân vân trước sự giải quyết một số tâm lý trở nên nhạt trò, người ta không bắt nó phải tự tử hoặc hạ thủ nó như một lối cổ truyền của kỹ thuật nữa.

Chỉ cho nó dinh tê vào Hà Nội là gọn nhất. Vào Hà Nội là tự tiêu rồi, chẳng phải cần đến sát nhân, đến án mạng, đến tự sát gì cả. Ấy đấy, Hà Nội lúc này, trong giá trị tài liệu của thời đại chiến đấu giành độc lập! Những con người Hà Nội ở lại, có muốn nhận cái vai trò tiêu cực ấy không.

Nhưng thôi, khóc tủi vô ích! Phân trần vô ích! Hãy nghiến răng chảy nước mắt ra mà chống Tây cai trị, chống lính, chống khố đỏ, chống bù nhìn, chống phu, chống thuế. Hãy nhận và phủ nhận tất cả những gì ở trong ấy lúc này và hãy vùng lên! vào đấy, ở lại đấy là mất hết, trừ ra cái hy vọng gửi vào ngày tới! Nước mắt chảy và máu rơi rồi sẽ đánh giá lại cho Hà Nội. Can đảm lên. Không có gì là tuyệt đường danh nghĩa cả.

Ngày nay thì rất nhiều thị trấn đã là nơi tập hợp của đê nhục đầu hàng. Chính chúng ta đã là những người tản cư ra đi và lớn lại trong chiến đấu. Đồng quê và núi rừng ngọn nguồn lại chính là đất tái sinh của mình. Chúng ta đã thiết tha nhớ đến một cái hàng tản cư, một bản, một thôn xóm trước kia đóng cơ quan ở đấy, một hang đá ngồi lánh nạn nhảy dù với bao nhiêu người là những gì rất thân cận trong hoài bão gửi vào ngày tới.

Lòng nhớ Hà Nội đã nhạt nhòa đi nhiều lắm rồi! Thấy nó xa lạ với mình quá. Thấy nó là một quãng xong rồi của tiền kiếp. Đất nước rộng bạt ngàn, thiếu gì nơi dựng trấn mới nguy nga đồ sộ. Cái điều đáng hận nhất là vẫn không tiêu thổ kịp Hà Nội. Có một hồi, người thanh niên "sống chết với thủ đô". Quay lưng lại với cầu Sông Cái, ôm theo cây súng ra ngoài này lên núi tiếp tục chiến đấu, cả một trung đoàn ấy đã bịn rịn suốt một đêm lạnh luồn cầu sắt khoảng đầu 47. Năm thứ tư của kháng chiến, đứng trên núi cao mà nghiên cứu sa bàn các đồn trại Pháp, chúng ta lại đặt ra vấn đề gấp rút tiến tới việc chiếm lại thủ đô. Không phá gục xuống, thì phải lấy lại và quét dọn sửa sang lại.

Xem phim ảnh Libération de Paris mà thấy bồn chồn, tự mình hối hả mình làm việc cho chong chóng lên rồi còn vượt núi, vượt sông mà về chứ! Bọn Pháp và đám tôi mọi giặc ở trong ấy! Thong thả hãy cười. Tổng kết được trận cười trong Hà Nội vẫn là cái phần của người ngoài này kéo về đông đủ mặt. Lúc bấy giờ thì Hà Nội mới thật là Hà Nội của nhân phẩm. Chứ còn bây giờ thì ở đây tanh hôi quá.

Hà Nội chân chính đâu có thế. Người Hà Nội, những người tử tế đã ra hết cả ngoài này rồi.

Nhớ câu của André trong *Balê sa đọa:*" Sự thực hay chưa tàn phá thành phố Balê, các người tưởng đã lấy được Balê. Nhảm, đó chỉ là một sự tưởng tượng không lành mạnh của người thôi. Balê đã bỏ đi. Có người đã nói rằng nhiều người đã trở về. Không phủ nhận điều đó. Có những kẻ đã trở về nhưng Balê thì không. Balê không trở về".

Đúng, Balê, Hà Nội. Trở về! Dinh tê Hà Nội, giờ không ở cái vĩ tuyến cố định của bản đồ tham mưu.

Hà Nội tản mát khắp ven sông, chân núi, bàng bạc suốt vùng tự do. Lúc nào thuận tiện tập trung những tản mát đó mà hạ sơn thì cái khối Hà Nội chân chính ấy mới đủ đại biểu cho đô cũ. Và cái ngày Hà Nội trở về Hà Nội thì là ngày cáo chung của bầy lũ cướp giặc Pháp sẽ chồm xuống tàu bể tót lên máy bay mà đi thẳng. Nước lại thanh bình, những tay cầm súng lại cầm lấy cái chổi để quét dọn rác rưởi Hà Nội, và cầm lấy cái bay mà xây đắp tô điểm.

Còn như bây giờ, muốn thương, muốn xót, muốn tiếc nhớ bao đi nữa thì Hà Nội vẫn là một nỗi buồn giận cần phải chuộc lại bằng máu. Máu và nước mắt của trong ấy cộng với mồ hôi và tiếng sửa soạn của ngoài này. Một ngày gần đây

chúng ta sẽ gặp nhau ở cái điểm trong đánh ra và ngoài đánh vào, ở trong khởi nghĩa dậy và ngoài phản công vào. Hãy đánh địch trong lòng địch hãy đứng vào hàng ngũ địa hạ quân mà tạo lại nhân phẩm cho mình và dựng lại địa vị mới cho thủ đô cũ, hỡi tất cả những phần tử đau khổ của trong ấy!

"Ngày nay, người ta chỉ có thể lấy máu ra mới tỏ nỗi thiện căn của mình".

Ở ngoài này đang luyện quân lập công, rèn cán chính quân, đắp sa bàn đánh cứ điểm, đánh công kiên thành phố tạm chiếm, xây truyền thống đánh đồn, đánh sông, đánh đồng bằng và bắn phi cơ phóng bom nặng. Văn nghệ đang chuẩn bị triển lãm kháng chiến trong Hà Nội giải phóng, và đêm đầu đặt chân vào Hà Nội, lại sẽ diễn ngay ở Nhà hát lớn những vở kịch huy hoàng trong đó người Hà Nội trót ở lại và người Hà Nội trở về vừa là khán giả, vừa là diễn viên.

Giải phóng Hà Nội. Nghe như là một khẩu hiệu ngàn ngàn miệng đang hô to. Và ngày hội lớn ấy đang xuống núi đi dần về Cầu Đuống.

Xuân 1950

QUÁN TƯƠI

(Truyện ngắn)

Khâu đeo ba lô vào tỉnh sớm quá đấy. Mấy dãy lều chợ thị xã chưa ai ngồi. Nhưng không hề gì. Chẳng mấy chốc sẽ tắt nắng, chợ chiều sẽ họp. Khâu nhớ câu của anh bạn về đây chuyến trước: "Mình bây giờ nhiều hơn thời đế quốc. Chiến tranh mà lại hóa ra đông người thêm thế có lý thú không! Cứ chiều đến là các nơi ngồn ngộn người đi, người đứng, người ngồi, chợ phố ê hề miếng sống miếng chín và ngùn ngụt hơi người, tiếng người". Qua dãy lều hớt tóc, Khâu đều nhô đầu vào cười một cái, ngắm bóng mình trong gương to của mỗi gian. "Xin mời anh cứ soi tự nhiên". Tất cả bấy nhiêu anh thợ xén nhếch mép theo Khâu, cái tay rỗi việc vẫn lách cách chiếc kéo nghề. Khâu đi thẳng ra ngoài tỉnh, ngắm nghía một quán cà phê không có gì là "máy chém" lắm. Cô bán cà phê không lộng lẫy, phích phiếc, cốc kiếc, người, thủy tinh đều sạch sẽ một vé trung bình.

- Không tôi không uống cà phê. Chị cho tôi một cốc trứng đường.

Thế rồi Khâu lại chồm ra đường cái reo to:

"Hay quá lạ sẵn hiệu vá dép ngay đây". Miệng nói, tay tháo phăng dép đưa luôn cho ông cụ đeo kính ngồi giữa một thế giới da, một lớp cao su đen, cao su đỏ: "Xin cụ cho cháu mấy mũi vào hai chỗ quai gần đứt này. Cháu lấy ngay đấy ạ". Đằng sau lưng Khâu một người nói qua vai chàng, nói vào trong hiệu dép: "Cụ làm sớm cho tôi tôi đi ngay đấy cụ ạ". Khâu chợt để ý đến một cỗ yên ngựa giữa hàng lòng thòng mấy sợi chỉ gai đính dở vào cái bàn đạp. Cô cà phê nói vọng sang: "Mời ông về xơi trứng kẻo nguội".

Có tiếng ầm ầm inh inh gần mãi lại. Khâu lắng. Không khéo lại tàu bay! "Thưa ông, tiếng xe bò đấy ạ. Vâng, xe bò". Cô hàng không nói đùa, nhưng Khâu cứ bước ra ngoài. Đoàn xe bò thật, nhưng cái xe rất mới, thùng xe ăm ắp áo quần đồng phục mới tinh màu lá cơi và chăn kháng chiến thì vô kể là bó đang nhảy nhảy theo đà xe. Anh Vệ quốc mặc quần áo mới đẩy xe mới chạy băng băng, anh nào cũng có vẻ phởn. Ra đều thông thạo, anh đồng chí có cỗ yên ngựa khâu dở, cắt nghĩa ngay cho mọi người: "Chả là năm nay rồi cái gì cũng đều tiến tới chính quy hết. Quân trang, quân lương phải là xe bò mới được. Không thể gánh được như trước nữa. Gồng gánh trông không khoa học một tí nào. Ấy, bây

giờ là mình đều đắp lại, nắn lại những đường đào mà lại! Này khéo không mà dép của ông cụ đâm ra hỏng kiểu đấy nhá. ông cụ không thấy các cấp chỉ huy bây giờ toàn đi giày da có cổ cả đấy à! Cuối năm nay, cả binh nhì chúng tôi cũng đều là tiến tới đi giày mà hành quân tất cả kia đấy". Ông cụ cứ khâu tiếp nhìn anh đồng chí nửa ngờ ngửa tin.

Ở dưới này, ra cái gì trông cũng hay cả. Đến cái nắng buổi chiều vàng nhạt trên mái gianh cũ gianh mới, trông cũng lung linh tệ. Ở chỗ cơ quan trên ấy, Khâu nhớ hình như nắng buổi chiều nó lãng nó tái hơn chứ không vàng lòa thiết tha như ở phố dưới xuôi này. Nắng lòe nhảy trên những chiếc ca có quai, chiếc đèn bão con lắp kính, chiếc loa thông tin một cửa hiệu thợ thiếc. Khâu không thể ngồi im được nữa, tu vội cốc trứng, nhảy luôn sang cái khoảng nắng tắm tràn trề cả một bên đường. Khâu mân mê đèn, ca, loa và hộp sơ-ranh đựng ống tiêm. "Cái loa này mang về làm quà cho Thông tin xã thì anh ấy thích lắm đây! Cái hộp này mua đựng ống tiêm để bảo vệ sức khỏe cho anh em nhà. Còn cái đèn này bỏ vào ba lô có thể làm việc đêm ở trạm nghỉ được tiện quá đi mất. Làm thế nào mà tha được hết cả về nhỉ! ". Ông cụ thợ

thiếc dẻo tay kéo, luôn tay cắt các mảnh sắt tây. Giữa lò lửa, cái mỏ hàn nằm chờ vẩy thiếc hàn. Nhanh như khía kim cương, cạnh nét những phôi sắt tây xoắn cong nhấp nhánh sáng. "Không cần nhiều, giá cứ rủ được độ một ông thôi, lên trên ấy bán đèn bán loa thì chợ vùng núi sẽ đông thêm". Có đến ba bốn con ngựa hí giống như đánh hơi cái, có con đá vung cả lên và xô gần mũi vào hiệu thợ thiếc. Khâu lại chạy sang hiệu lò rèn bên cạnh, chống tay vào đầu gối, đứng xem người ta bắt móng ngựa. Bễ thụt hiệu rèn đều đều tiếng. Trên giá vách lem luốc vài mẫu mã tấu dao găm đầu mắc búp đa lại cả kiếm rèn theo kiểu Nhật. Bên những vật sắc nhọn chống giặc, lưỡi và mũi láng chảy theo ánh lửa lò, nhô lên vài chiếc lưỡi liềm quá mùa gặt, Khâu thấy mến tất cả những cái ở quanh đấy. Hiệu rèn vung vãi gió than, đen bẩn lổn nhổn. Nhưng Khâu yêu ông cụ lò rèn, cảm tình với cái đe, cái kìm, cái búa, với cô bé lênh nghênh kéo bễ, với con ngựa ngoan ngoãn đương co chân sau chờ bắt móng ngoài cửa hàng. Cái đồng chí khâu yên ngựa ban nẫy đứng ngay bên con ngựa đóng móng, chào Khâu, nét cười mở rộng. Hai người nói chuyện như là đã quen nhau lâu, rồi lại cùng kéo nhau về ngồi bên quán trứng. Bây giờ Khâu

mới biết quán có một cửa con ăn thông sang hiệu dép. Và cô cà phê lại đi từ cửa bên ấy về bên này mà bảo chàng: "Thưa anh, dép khâu xong rồi đấy ạ". Anh đồng chí yên ngựa vui vẻ! "anh Kha có hay về nhà không hả chị Vinh?" Bỗng dưng Khâu biết tên người bán cà phê. Chị Vinh đưa thêm một đĩa bánh ngọt. : "Anh Kha em hôm nọ cũng có về qua đây. Về một lúc, vứt dép cũ đấy, rồi lấy của ông cụ em đôi giày da lộn bày mẫu hàng. Ông cụ em khôi hài bảo sao không đi mà tước giầy của tây mà lại về tha giầy của nhà đi". Đồng chí yên ngựa chen vào: "Ông cụ khâu yên ngựa khâu dép cho chúng ta ở bên kia là dẻ ra anh Kha và chị Vinh. Anh Kha trước hoạt động ở Hồng Quảng và lập nhiều chiến công ở Tây Bắc. Tôi trước ở đơn vị anh Kha. Anh Kha hay cho tôi sách và giấy để sinh hoạt". Thế là Khâu biết hết cả. Khâu thấy càng mến thêm ông cụ chữa dép và người em gái "anh cán bộ Kha" hồn nhiên linh lợi như một cô học sinh trung học các vùng tự do.

Bên lò rèn gọi với sang: "Mời đồng chí về lấy ngựa. Xong móng rồi". Khâu nài đồng chí ăn thêm cái bánh ngọt, anh đồng chí xin khiếu vì "vừa ăn cơm xong", đứng thẳng người chào, tạt nhanh sang bên kia đường, Khâu quyến luyến

nhìn theo, nhớ lại những ý kiến của anh đồng chí vừa rồi về "lúc vào phố, có khu trục đến bắn, không gì khổ bằng có dắt ngựa theo. Nó khổ hơn cả cái nông nổi đi mua thóc hằng ngày cho nó trong suốt cái thời kỳ ăn độn khao hạn chế dạo nọ". Nhiều quang gồng, nhiều gánh hàng xén, nhiều người đi vội theo một chiều vun vút lướt qua quán.

- Đồng bào đi đâu mà đông thế chị Vinh nhỉ?

- Thưa anh, đi họp chợ đấy ạ. Chợ tỉnh vui lắm. Gia đình nhà em tản cư dọn hàng đến đây là chặng thứ mười sáu mười bảy mà chưa thấy nơi nào đông vui như đây. Chiều đến cứ như là hội. Ban ngày thì vắng sợ tầu bay.

- Tôi cũng ra chợ bây giờ. Ban nẫy tôi qua chợ sớm quá.

- Vậy, bây giờ thì đang đông lắm. Dép của anh xong từ ban nãy. Ở dưới gậm bàn ấy.

Người và nhiều người quá ở ngoài đường. Ban nãy, Khâu vào tỉnh chỉ thấy vẻn vẹn có vài anh công an, dăm bảy bóng cao đen ở đơn vị Bắc Phi, ít anh thợ cắt tóc, còn thì là gạch vụn ngói rêu và trùm lên tất cả là những vòm cây xanh um rậm dày khiến người đi qua có cảm tưởng đây là cửa rừng để riêng cho chim làm tổ. Tiến theo mọi người về phía chợ, Khâu thấy tất cả những

chấm đậm nhạt gồng gánh mang xách nhấp nhô vào chợ chiều lúc này cũng vẫn là những thứ chim đang về tổ. Tiếng nói rào rào âm ấm vang rộng đến quãng đường. Khâu đang xốc tới. Người ta nối vào nhau, người ta vượt nhau, ùn ùn, lũ lĩ. Dép cao su trắng, cao su đen, dép da sống da chín quẹt mạnh quẹt nhanh trên nhựa, tiếng đều hơn miết hơn các tiếng chổi quét lá sớm mai của người phu lục lộ ngày xưa. Có người hối hả quá, lại đi tắt qua những đống gạch tiêu thổ, đổ ra phía sau những cửa hàng lộ thiên bán quần áo cũ của một góc chợ giời con con. Chết chết, người gì mà đông như là đi biểu tình nghe Tuyên ngôn độc lập thế này: xe đạp đưa theo vào chợ, ngựa cũng đi theo vào chợ, ngựa thồ, ngựa cưỡi lóc cóc bước một, len qua khối già trẻ gái trai đông đảo nghìn nghịt. Cũng lơ thơ một số bóng chậm chạp nhưng mà sao bò ở đâu mà đi mãi, dắt mãi qua chợ làm người ta sốt ruột thế này! Ba bốn lái bò chạy theo bộ đội dắt bò nằn nì: "Các anh mua ở vùng trên ấy có bảy nghìn cả chỗ ba con này. Em xin giá ngay là một vạn hai. Lãi gần gấp đôi rồi, đồng chí bán lại bò cho em". Anh đồng chí dắt chỗ ba con bò cười nhe bộ răng đen lại nói cái câu đã nói rồi: "Không được, đã bảo không bán mà. Của đơn vị đấy. Sức khỏe của đơn vị

đấy, không ai bán đâu". Ngựa, áo chàm, bò Đông Bắc, chợ Trung du gợi một chút gì biên giới. Người đi chợ, xuôi ngược thành hai dòng rõ rệt. Khâu thấy hai tay mình đâm ra cồng kềnh. Khâu nhìn, nhìn rất nhiều, nhìn rất kỹ. Một anh bạn cũng về xuôi đi lớp huấn luyện bị tụt lại sau, hẹn chiều nay gặp Khâu ở chợ. Trước gian hàng bán thuốc Âu Mỹ có mấy người trông ngờ ngợ đang ngồi xổm khảo giá thuốc. Tí nữa Khâu vỗ vai nhầm. Chắc lại cũng cán bộ đường ngược hoặc quản lý cơ quan vùng trên ấy đây. Cuối chợ, chất tươi nhiều quá. Rau xanh củ trắng, cà chua đỏ mọng, muối lấp lánh phau phau, lợn gà cựa quậy xao động nhốn nháo hơn cả người đi chợ. Khâu đi xuống, đi lên, đi xuống rồi lại đi lên nữa. Người bán người mua ai cũng trợn mắt múa tay nhăn nhó kêu oai oái về tiền rách, nhưng rốt cục, ai cũng đều là bỏ tiền ấy vào túi, vào ruột tượng cả. Ai cũng mè nheo kêu thóc gạo cao vút, nhưng Khâu thấy trong chợ không có một người ăn mày nào. Vải len nhan nhản, giấy ngoại hóa giấy bản chồng chất và sao lại có thể nhiều tấm khăn mặt nội hóa sạch sẽ nõn nà đến nhường này! Ánh sáng kéo vàng, phai nhạt trên các màu đồ ăn thức dùng. Đèn đóm thắp lên trong các gian hàng từ lúc nào Khâu không nhớ nữa. Khâu

chỉ còn mang máng là cái lúc nhọ mặt người vừa qua, dân chúng, quân đội, cán bộ chen lách nhau, hình như nhiều hơn lúc đỏ đèn chợ này. Khâu nghe tiếng leng keng, bèn tìm đến cái hòm ảnh ống nhòm đặt ở giữa phố chợ kê lên một đôi mễ đường hoàng và lão chủ hòm nhòm ngồi nghễu nghện giữa chợ đông như là bất chấp tất cả đang đun đẩy lẫn nhau qua hai dẫy lều quán. Lão khoe lão làm ăn với cái hòm nhòm này từ ngày đế quốc vẫn còn mạnh kia. Khâu bỏ ra hai đồng, chống mông nhòm vào hòm ảnh sáng rực, xem một "bài" những mười hai cảnh, nào là cảnh "đánh Nha Trang, bắn tầu chiến Pháp", nào là "mặt trận Lào Việt bên sông Mê Công", "đánh Hồng Gai" – "đồng bào Mọi kháng chiến ở Tây Nguyên" – "đốt mỏ, chém đồn điền cao su Nam bộ". Nghĩa là cứ theo lời giải thích của chủ ống nhòm thì những cảnh, những ảnh có thật ấy người Việt Nam chân chính nào lúc này đều cũng phải bỏ tiền ra mà xem cho nó hả. Lão láu cá, ảnh ở đâu đâu chụp một đằng, lão chú thích một nẻo lão bịa đặt chuyện, lão xuyên tạc ảnh để ăn dỗ tiền của tất cả những công dân giữa chợ. Khâu biết thế, nhưng lâu lắm, không được sống lại những phút sống còn trẻ, chàng thấy thu thú ghé mắt vào ống nhòm để ông lão đánh lừa

mình. Sự thật nghe lão nói thíchh hơn là xem của lão. Lão nói nhăng nói cuội, cũng nhớ thời sự ra phết, lão giải thích cả những tấm ảnh mà lão gọi là "Ngày mùng sáu tháng ba"; lão hát giọng ê a như là giọng chạy bài tổ tôm điếm. Chợ vợi người. Nhiều tiếng hỏi nhau to nhỏ xem đêm nay đã có chỗ ngủ chưa. Khâu chợt nhớ là mình cũng chưa biết ngủ đâu và đồng thời càng thấy đói. Anh đồng chí yên ngựa ban nãy mách Khâu nên tìm cái hiệu cơm gần cột đèn, thì có nước mắm ngon, có dưa giá và hay có tôm cá nữa. Khâu đến trước một cái quầy sáng có mấy bát tôm rang đỏ mượt đầy vút ngọn và ngờ ngợ trước một người đang chặt thịt quay trên thớt hàng. Nhận ra người thặt thịt chính là ông cụ vá dép ban chiều, chàng vui sướng hỏi:

- Cụ ở đây à?

- Kìa đồng chí! Mời đồng chí vào xơi cơm. Chả là cứ đến chiều tối thì tôi không khâu vá giầy dép nữa, giao cho cháu Vinh hạ cửa xuống và ra chợ đỡ tay cho u cháu Vinh đây.

- Vui quá nhỉ. Cả nhà ta thành ra dọn những ba cửa hàng. Tôi chưa thấy mấy gia đình chịu khó tháo vát như gia đình nhà ta đấy. Mỗi cụ lại ở một góc phố, kể cũng có điều diệu vợi đấy.

- Thì mỗi người cũng phải xoay sở cho nó đủ

ăn đủ mặc. Mới trông thì thấy là phân tán ra nhiều sở, chứ chúng tôi vẫn thống nhất đấy ạ. Chốc nữa hết khách ăn là bà cháu lại dọn cả về quán cà phê cháu Vinh. Hai gánh thôi. Được cái miếng chín ở hàng tôi hôm nào cũng bán hết.

Cái bàn ăn bên cạnh, có tí rượu thành ra vui nhộn gớm. Đúng rồi, lâu ngày họ mới tình cờ gặp lại nhau trong buổi chợ tối. Anh trong cùng nói chuyện công tác ở khu Ba. Anh ngoài cùng kể những mẩu sinh hoạt sốt dẻo của Bắc Giang chạy khủng bố chống càn quét, có những nhận xét rất qúy về việc gặt thóc giấu thóc tháng mười. Còn anh ngồi quay lưng lại Khâu thì đang tả cánh bên Cây Đa Nước Chảy và lên án cái thằng "có răng vàng bắt bí khách ăn cơm bữa nhỡ độ đường ở Châu Tự Do". Cái đám ngồi ăn nhanh ở đầu ghế sát đường thì đang xỉa răng, bàn nhau nên thuê đò riêng hay là đáp đò chợ xuôi về kè Đức Lân. Ở đây là một cái ngã tư lớn của vùng tự do Việt Bắc có khác. Ngoài đường, người ta đốt đuốc, đốt ruột cao su, đốt mép lốp ô tô sáng rực cháy bùng bùng, mùi khói nứa mùi khét lốp và bóng người lũ lượt múa động ơi ới gọi nhau, chẳng khác gì cảnh nhân dân liên hoan với bộ đội sau những đêm nhổ đồn Tây trên đường số 4 Khâu có dự một vài lần.

Khâu gợi chuyện với ông cụ về vấn đề tìm chỗ ngủ.

Nếu ở đây mà không quen ai, thì vào giờ này cũng hơi khó đấy. Nhà ai cũng có người ngủ nhờ đã dặn từ chiều. Chỗ hiệu dép của tôi không được rộng sạch, nhưng anh em đi công tác qua, cũng có nghỉ lại vài bận.

Khâu nhận ngay, yên trí đeo ba lô xin về trước và ra đường mua hai đồng hai bó đóm. Đường phố sáng trưng, từng đống gạch hiện rõ dưới ánh đuốc tan chợ. Chị Vinh lại chào Khâu trước:

- Anh đi chợ về?

- Tôi có ăn cơm ở quán nhà ta. Lâu không được ăn tôm cá, vừa rồi tôi ăn nhiều quá. Và may hơn nữa, cụ lại dặn về bên hiệu dép nghỉ đêm nay.

- Anh có cần đèn làm việc tối thì để mua thêm dầu ta. Thỉnh thoảng những anh bạn anh Kha em đi công tác nghỉ lại đây, anh nào cũng thức thật khuya và ngồi viết cả đêm ấy.

- Chị cho tôi một quả cam Bố Hạ. Cam trông thích quá thế này mà anh em ở quân y được một quả mà ăn thì sướng lắm đấy. Hội mới đánh nhau còn có ai là dám nghĩ đến những thứ này, có phải không chị Vinh?

- Chẳng cứ cam, đến cả nhiều thứ khác nữa,

như là ảnh chẳng hạn. Cái năm nó ào ạt lên, thật không ai dám tưởng đến còn có ngày góp nhặt ảnh kỷ niệm. Năm nay thì lại nhiều ảnh quá. Anh Kha em báo mỗi người cán bộ, trong túi dết bây giờ ai cũng có một quyển an bom dán ảnh gia đình, ảnh mặt trận, ảnh hậu phương. Ở thị xã đây cũng có đến ba bốn hiệu ảnh. Em thấy họ phơi những phim ảnh mặt trận của cán bộ đi qua đưa rửa nhiều phim trông đẹp và lạ lắm.

Khâu tiến lại phía bàn con, nó nhỏ như cái bàn học, có một cậu em dáng thong thả lật trang sách dưới đĩa đèn. Vinh nhìn theo Khâu và gọi:

- Em Lai đứng dậy để anh ngồi. Em đưa cam vào.

Khâu giữ Lai cứ ngồi nguyên, và ghé vào cuốn an bom ảnh. Lai đang giở xem. Một tấm ảnh to in rõ hình ông cụ bà cụ, Vinh, em Lai và một thanh niên đội ca-lô khỏe đẹp, tất cả đứng chụp chung trước quán, cái biển : "Quán Tươi" rõ từng nét.

- Có phải đây là anh Kha không hả chú Lai?

- Anh có biết anh Kha em à? Nghe nói anh Kha em sắp đi mở chiến dịch mới phải không anh?

Khâu lẳng ra ngồi vào cái bàn vuông giữa

quán, khách vừa đứng dậy. Người quân nhân ngoại quốc còn đứng chờ giả lại tiền kia đang dở câu chuyện với một cán bộ người mình: "Nếu người ta cứ kêu mãi về họ tức là không biện chứng tí nào. Lòng tay những người tiểu trí thức ấy đã có chai. Những người chuyên môn ngồi xe cao su dạo phố ấy đã có những thành tích hành quân xéo lấm qua đá, qua gai Việt Bắc. Tôi còn nhớ hồi ấy là khoảng giữa năm 1947, tôi ngồi nhìn họ hành quân qua bến Bình Ca. Buổi sớm một tốp khiêng cái bộ phận chính khẩu đui-xết. Mãi đến trưa mới thấy cái nòng trổ dua diễu qua. Gần chiều mới thấy mấy người khiêng cỗ chân đang ngơ ngác tìm hai tốp trước. Tôi đã dè dặt không dám phát biểu ý kiến hồi ấy. Nay thấy họ nền nếp lớn mạnh sau ba năm chiến đấu càng dẻo dai càng gân guốc, tôi phục cái đơn vị ấy trong công việc xây dựng chung của quân đội Cách mạng Việt Nam. Thần tình và khá quan lắm!".

Quây lấy cái bàn giữa, Lai và Vinh và Khâu chụm đầu lại xem cuốn an bom. Khâu nhắp cốc nước cam. Có tiếng trống ếch nhi đồng vọng từ xóm xa về. Không, trống nghe cũng gần đây thôi. Nghe rõ cả tiếng hát đồng ca nữa. Vinh cười với Lai.

- ĐámThiếu sinh quân về đóng gần đây rồi. Chắc lại sắp có lễ kỷ niệm.

- Thế nào chị cũng nói với anh Kha lần sau cho em đi Thiếu sinh quân khu, chị nhá. Ở nhà chỉ bưng cà phê và trứng, chả bao giờ được hát to cả.

Khâu nhìn Lai, buột miệng gọi Lai là chú:

- Chú Lai thích hát thì rồi đi với anh.

Lai ta vồ ngay lấy câu chuyện học hát, hỏi dồn Khâu là đi có xa không và đi bao nhiêu ngày. Khâu cười cười bảo Lai là thế nào cũng xin phép anh Kha cho Lai đi. Chàng ngắm Vinh, trỏ vào cái biển nền giấy:

- Này chị Vinh này, sao quán nhà lại đặt tên là "Quán Tươi"? Nghe hay đấy.

- Thưa anh trước gọi là Thủ Đô. Tên này là mới đặt. Ông cụ em kêu chữ Quán Tươi ngô nghê cọc cạch nhưng anh Kha em thì bằng lòng lắm. Chả là em cứ thấy các anh ấy qua lại đây lúc nào cũng nói đến chữ tươi nên em đặt luôn cho quán. Cái tên cũ thấy nhiều quá rồi. Nhiều Thủ Đô quá.

Ông cụ, bà cụ ở chợ về, đám đuốc rừng rực trước quán. Vinh ra đỡ gánh cho mẹ. Và Lai thì chạy vù sang gian dép bên thắp sẵn đèn. Chắc mọi ngày vẫn thế. Ông cụ nhìn Khâu cười cười,

rủ luôn Khâu cùng sang gian bên cạnh: "Đồng chí sang bên này. Hôm nay cứ kể còn tôm rang thì còn bán được nhiều. Ngày mai ta đi mua nhiều tôm mà làm hàng, u con Vinh ạ. Hôm nay đồng chí nằm giường kia với tôi. Còn Lai thì nằm chõng kia". Khâu hơi tiếc. Giá được nằm một giường với "chú Lai" thì thích hơn. Chàng vụt nhớ đến những chú giao thông liên lạc của cơ quan trên ấy, hay nằm chung với Khâu hay ủ cho Khâu những đêm núi đá toát lạnh nhiều quá.

Còn ít thịt luộc mang về ông cụ mang ra đánh chén ở cái bàn bừa bộn dùi, kéo, chỉ, dao. Chú Lai đặt một chai rượu và hai cái chén. Ông cụ lại cười cười: "Đồng chí lại đây. Tôi cứ xong hàng, tối nào về nhà cũng làm mấy chén trước khi đi ngủ". Khâu xin kiếu nhưng cũng lại ngồi gần bàn có chú Lai ngồi sẵn đấy, chầu hẫu nhìn ông cụ đang nói. Trong này ông cụ nói, bên gian cà phê bà cụ cũng nói. Vinh và bà cụ đang nhẩm tiền hàng và thu dọn nhiều thứ. Ông cụ uống rượu vui tính. Chuyện đang xoay quanh vấn đề dép cao su. Khâu không nhớ rõ tại sao lại sang đến vấn đề cao su. Lúc đầu nói về trống ếch ông cụ bảo "trống ếch bây giờ thay cho trống đình trống cái", thế rồi không biết nó chuyển sang giầy dép từ lúc nào. Ông cụ chỉ cái lô dép và cái đám lốp,

ruột lốp còn nguyên chưa phá cắt, vuốt râu: "Ấy, chính vì cái thứ hàng này mà tôi dọn nhà lên thị xã Bắc Cạn, giải phóng không đầy một tháng là tôi về làm ăn ở đây. Bây giờ nhiều săm, nhiều lốp quá chứ hồi ấy cao su còn có giá trị lắm. Bây giờ thì chỗ nào cũng bày bán dép đen, chứ hồi ấy, chiều chiều ra bến đò sông Cầu mà nhìn thuyền tải săm lốp từ Chợ Mới về, chuyến nào cũng chỉ có bánh ô tô, bánh cơ giới, là tôi cứ mê tơi cả người, bỏ cả ăn. Chỗ cầu bê tông, đã có lúc gọi là bến Cao Su đấy. Lắm quá đi mất. Thế này thì còn gì là "nó". Chết cứ như ra". Thái độ ông cụ phân minh hơn nữa khi ông cụ cầm những chiếc dép bên cạnh chai rượu giơ lên kéo dài giọng ra: "Đây là ruột non, ruột già chúng nó đấy. Đây là ruột đen ruột đỏ quân giặc đây!". Khâu chen vào:

- Thưa cụ vâng ạ, đây là những kết quả cụ thể các trận truy kích phục kích đường số 3 đường số 4. Nhưng thật ra, đây cũng còn là máu mủ của đồng bào Nam Bộ nữa.

Hà, thế này thì cũng hơi khó hiểu đây. Ông cụ ngừng chén chớp chớp mắt chờ Khâu cắt nghĩa thêm. Khâu mới trình bày cho ông cụ dép nghe về câu chuyện các đồn điền cao su Nam bộ, Cao Miên, sự bóc lột thặng dư giá trị cần lao trong ấy

và vấn đề tiêu thổ của Nam Bộ, một phần lớn là phá hoại các đồn điền cao su, chém gẫy hàng trăm triệu gốc cao su xanh tươi rườm rà và đốt cháy cơ man là bát mủ thùng nhựa ra gio ra than. Chiến tranh cao su kích thích chú Lai và Lai lờ mờ tìm ra một mối tương quan giữa "chiến tranh mủ" và cái súng cao su chàng nạng gỗ ổi chú dắt dưới đáy bị từ hồi mới theo mẹ, theo chị chạy về các thôn xóm ngoại thành. Lai giục Khâu:

- Anh Khâu nói chuyện về chiến tranh cao su nữa đi anh!

Riêng đối với ông cụ, "chiến tranh cao su" làm tốn rượu thêm mấy chén nữa, quá hẳn cái mức uống mọi tối.

Ngoài cửa liếp, nhiều tiếng giày đinh lộp cộp trên đường đá. Tiếng xe bò. Tiếng móng ngựa thồ, hàng đoàn ngựa thồ. Ông cụ nhắp chén rượu cuối cùng để đi ngủ, chỏ chỏ ra ngoài đường, hạ thấp giọng: "Mình đấy! Bộ đội mình lại chuyển đấy. Rầm rập cả đêm cả ngày. Lâu nay là cứ liên miên như thế. Tôi khâu vá kể cũng đã nhiều cho anh em mà cũng chẳng còn biết đằng nào mà nhận ra ai với ai nữa. Người nào trông cũng tài hoa lỗi lạc, nói năng lễ phép. Ông nào cũng nhận là con nuôi của phố này cả. Hay thật. Tây

mà cứ nhấy dù xuống đây là có chầu dừ đòn". Khâu lách cửa đi ra ngoài. Đã khuya thế mà vẫn còn nhiều nhà có đèn. Khâu dạo một lúc. Trong các nhà sáng, nổi lên nhiều tiếng máy may rền đều như không bao giờ ngừng hết. Khâu vào đến ba bốn hiệu giá vờ hỏi giá may. Ba bốn hiệu đều nhất loạt: "Chúng tôi không dám nhận thêm của ai nữa. Và còn bận đến mấy tháng liền nữa. Ấy toàn của bộ đội địa phương cả đấy. Lại còn bao nhiêu bộ ka ki phải làm ngay nữa. Nghe đâu ta sắp có phái đoàn các nước tới thăm, ai cũng may sắm chờ đón tiếp cả. Nghĩa là chúng tôi may cả ngày cả đêm, cứ tối mắt tối mũi lại đấy anh ạ". Tiếng máy khâu sè sè vui đều trong phố thức khuya. Khâu nhớ lại những tiếng máy may năm Bốn nhăm đâu đâu cũng hối hả may cờ, mua cờ, làm cờ. Mấy nhà sáng đèn góc phố, không có tiếng máy khâu, nhưng nhiều bóng người đang cong lưng cúi xuống hàng đống công việc. Đây là một hiệu khắc gỗ, khắc tranh vẽ báo tranh áp phích, dao trổ linh động, ý nhị tỉa gỗ mềm như là gọt thủy tiên ấy. Đằng kia là một cửa hàng thêu, có nhiều phụ nữ thùa mép kim tuyến cho phù hiệu sao vàng của năm chính quy. Khâu trở về thao thức cả đêm vì những hình ảnh kỳ diệu dồn dập của sinh hoạt quanh mình và cả ngay

trong lòng mình. Tiếng giày đinh lộp cộp mãi, tiếng ngựa, tiếng xe bò ngân dài loang rộng mãi qua thị xã đã từ lâu không còn mảnh tường đứng nào. Khâu dào dạt cảm xúc và chuyến này về núi, buổi lửa trại thân mật trong cơ quan nào cũng kết quả khi chàng đứng ra nói chuyện trung du cho toàn thể anh em nghe.

Khâu chợp mắt có một lúc mà gà đã gáy sáng. Ông cụ ho. Có tiếng ù ù như gần như xa. Khâu ngồi nhổm dậy chăm chú. Ông cụ khuyên cứ ngủ tiếp đi: "Bố nó cũng chả dám dù chỗ này. Tiếng xe goòng của công đoàn ra lấy than đấy mà". Ngoài tấm liếp đóng, lại vẫn rất nhiều tiếng người đi, tiếng giày đinh, tiếng móng ngựa trượt trên đá. Hình như cả đêm, có rất nhiều người không ngủ nối nhau mà đi trên đường cái.

Sáng đã lâu. Khâu ngồi uống cà phê, mắt không rời mặt phố. Người nào đi qua, túi cũng dắt một cái bút máy hoặc sắm một cái bút chì vào sắc cốt da bên cạnh. Rồi là kĩu kịt, loang loáng qua "Quán Tươi" không biết bao nhiêu là gánh bột tre, bột dó. Nắng sớm mai nhấp nhánh trên nhiều phiến đá li tô trắng bóng vuông vắn ấp trên vai một đoàn người vận tải áo nâu. Tất cả bút mép túi, bút sắc cốt, gánh bột giấy và đá in, tất cả những người gánh người đi linh tinh

ngẫu nhiên nối lẫn vào nhau kia đều như là một bức hoạt cảnh có sự xếp đặt để tuyên truyền cho một phong trào học tập sôi nổi. Khâu ít hút thuốc lá nhưng các gói thuốc bày hàng có những tên đặt dễ ưa: *Bắc Sơn, Lô Giang, Công Đồn, Công Kiên, Công Thành, Phản Công*. Khâu thở khói thuốc nhìn nắng hứng trên đường. Thôi chàng không đợi người bạn chậm nữa, chàng xóc ba lô, chào ông cụ, chào chị Vinh và quyến luyến nhiều với chú Lai. Cả nhà ai cũng đều bảo Khâu lần sau đi công tác qua thì cứ đến "Quán Tươi" mà nghỉ đêm.

Qua bãi rộng ngoài tỉnh, Khâu đứng lại xem bộ đội mặc quần cụt đá bóng tròn. Tiếng còi trọng tài, tiếng chân sút bóng da bình bình trên cỏ ướt. Khâu thấy lạ tai lạ mắt. Mấy năm đánh nhau với Tây, giờ Khâu mới lại nhớ lại những biểu diễn này và quả là sự sống kháng chiến đến năm thứ tư này đã được bình thường hóa một cách thú vị. Giá biết là có đá bóng vui thế này thì lúc đi Khâu đã rủ em Lai cùng ra bãi chơi. Bây giờ quay về thì cũng không tiện. Chàng nhẩm tính độ đường cho ngày hôm nay, nhất quyết lần sau về qua đây thế nào cũng cố nèo ông cụ cho Lai theo mình về cơ quan. Khâu tin chắc sẽ rủ được Lai, đem Lai về văn thư cơ quan,

nâng đỡ Lai. Lai chỉ ở với cơ quan trong một thời kỳ là sẽ "trưởng thành" trước lứa tuổi. Cái phố nhỏ chặng đường này cũng nhộn nhịp ra dáng. Lại xe đạp vận tải, lại quang gánh, ba lô, bị cói, địu nâu. Khâu đi miết trên đường còn những hai chục cây nữa mới đúng chặng nghỉ, nhất định không nghỉ vặt. Nhưng cái hiệu bán cơm và bán cả sách này này trông hay quá. Dây gai giăng đầy mặt hàng, lòng thóng báo chí sách mới và phơ phất nhiều tấm lịch 1950. Khâu bật bật những tờ a-đăng-đa rộng khổ in ngày tháng bên cạnh. Lại có cả những khẩu hiệu mới và những tranh to để ghi thành lịch thi đua. Khâu mua một cuốn ký tên lên bìa bỏ ngay vào túi.

- Năm bốn bẩy tưởng như là kháng chiến thì không còn làm gì có ngày tháng nữa, tưởng không còn in được lịch vào đâu nữa ông hàng nhỉ!

- Vâng, bây giờ lịch in nhiều và đẹp. Người mua cũng nhiều. Tôi có cái ý kiến là càng lúc gần thắng lợi, ngày tháng càng được chú ý hơn. Tâm lý ai cũng thấy là cần ghi chép, tính toán ngày giờ để xếp đặt công việc.

Ngoài hè quán có mấy gánh vừa đỗ xuống trông khác thường. Khâu ghé gần, sờ mó vào, cầm xem những mảnh sắt nhẹ đuya-ra, chặt cắt

ra từng miếng nhỏ sáng bóng, cạnh rất sắc. Mấy anh gánh nhôm thân tầu bay nhìn Khâu không nói gì, chỉ tủm tỉm rất là hóm hỉnh. Không khi nào Khâu lại còn đi hỏi mấy anh vận tải Xê Bê Ích này xem nhôm kia là lấy ở đâu, gánh đi đâu, để làm gì. Khâu nhớ lại, cố nhớ lại những cột báo đã đăng về tin hạ máy bay gần đây. Người gánh nhôm và người xem những mảnh vụn thân tầu bay đang gặp nhau trên khóe mắt phản chiếu một nỗi hãnh diện thầm, một sự tự tin hể hả không cần nói ra ngoài. Khâu thân mật : "mời các anh ăn cơm" để năm bẩy người gánh đuya-ra ngoài chõng vui vẻ nói vào: "Xin mời đồng chí". Tay vẫn cầm bát đũa, đôi lúc Khâu đăng trí: "Đuya-ra, Đuya-ra! Đích là dùng làm đầu đạn moóc-chi-ê đây".

Việt Bắc xuân 1950
Tạp chí Văn nghệ
số 20, 21 tháng 2, 3-1950

"TRÊN NHỮNG NẺO ĐƯỜNG CHÂU ÂU" CỦA ILYA EHRENBOURG

(Đọc sách)

"Những người lính đã xong chiến đấu, nhưng trên những nẻo đường Âu Châu, người cầm bút vẫn chưa được yên tâm mà ngắm những thiếu nữ và những cảnh cũ: bóng tối của một dĩ vãng chưa xa còn kéo lê thê trên đồng nội và đè nặng trên tâm hồn".

Sau cuộc đại chiến thứ hai, năm 1945, Ehrenbourg đi thăm lại châu Âu, nhất là những nước ở Trung Âu: Lỗ, Bảo, Nam Tư, Anbani, Tiệp Khắc và sang Đức đã dự phiên tòa Nuremberg xử những tên trùm Nadi tội phạm chiến tranh. Tập văn "Trên những nẻo đường Âu châu" do hai nhà xuất bản cùng phát hành lần in đầu tiên tại Moscou, không hẳn là một cuốn sách nghiên cứu tỉ mỉ về các nước Đông Âu nhưng ở đây người đọc có thể thấy được những nét lớn trong quá trình chiến đấu của Đông Âu chống phát xít vừa rồi – Dưới những chương, những mục dành riêng cho từng nước một, Ehrenbourg thiết tha giới thiệu từng dân tộc qua những tập quán di truyền,

những điều kiện lịch sử, những hoàn cảnh chiến đấu riêng của từng khối nhân dân với những cổ truyền chống xâm lăng của mỗi địa phương, mỗi dân tộc. Sự việc linh tinh. Tài liệu phức tạp – Cánh dữ dội, người quyết liệt, lời văn thống thiết – những đau khổ của nhân dân chịu đựng trong chiến tranh và cả sau chiến tranh – Những tội ác của đám quyền qúy phản dân tộc, những tình tình đằm thắm của nhân dân đối với quê hương, những thành tích tranh đấu bền bỉ của chiến sĩ, cả một cái bảng giá trị các con người dân tộc trong công tội với chiến tranh vừa rồi. Và những cuộc khởi công kiến thiết, những mừng vui, những niềm hy vọng của xây dựng trong trật tự mới ở Đông Âu.

Nước Lỗ-mani trong đại chiến thứ hai, bị quốc xã Đức lôi kéo vào việc đánh Nga, do sự mù quáng, bợ đỡ của bọn tay sai phát xít đem nhân dân Lỗ ra làm đích cho đại bác. Nhân dân Lỗ bị đời sống dưới thống trị và ách ngu dân, nên nước Lỗ đã là nơi phát triển trong một thời gian của phát xít. Đa số dân chúng chưa bị nhiễm những nọc độc của phát xít, trừ một số trong tầng lớp trên. Cái vấn đề lớn lao đặt ra gần đây cho Lỗ là sự huấn luyện cho một dân tộc có nhiều đức tính – Nó khác hẳn cái vấn đề tái tạo đặt ra cho

nhân dân Đức.

Nước Lỗ vốn là một nước nhiều sự trái ngược.

Sát kề thủ đô Buy-ca-rét hào nhoáng, là những vùng mỏ than, thợ thuyền lúc nhúc trong lòng đất như thế giới loài thú – Ngoài một số nữ thị dân lộng lẫy theo những mốt trang sức đem từ Balê về thì vô số thôn nữ xéo lấm, mặc áo rách do tay họ dệt vải. Nạn đói thường xuyên ở các vùng núi lại đặt gần những bữa tiệc của một khoa ẩm thực tế nhị cũng học được ở Pháp. Những khách thính bàn về thơ tượng trưng, trong khi đó và ở ngoài phạm vi khách thính ấy thì hàng triệu dân mù chữ ký vào giấy tờ bằng một dấu chữ thập thay cho tên ký – cả nước Lỗ có 7.000 ông thầy thuốc thì 4.000 ông đóng ở thủ đô, còn bệnh nhân ở các vùng quê nằm mà chết bệnh như là ở năm sáu thế kỷ trước đây – trí thức không biết một tí gì về đời sống nhân dân, trừ một số nhỏ các nhà văn hóa phụng sự quyền lợi nhân dân kịp thời. Người ta kêu nước Lỗ là một xứ lười, sống hời hợt và phù phiếm – Ách phát xít vừa rồi đã dìm Lỗ xuống tận đáy đau khổ nhưng chiến tranh vừa qua cũng lại làm cho Lỗ ngoi lên được. Cái thời phán phúc của những chính khách và chính Đảng lừa dối và bán ré

dân chúng đã qua. Ngày nay nhân dán đã có ý thức về mình và thợ thuyền Lỗ đã đạt được nhiều thành tích xây dựng lại xứ sở trong trật tự dân chủ Trung Âu.

*
* *

Bây giờ ta sang đến nước Tiệp Khắc, gần đây có nhiều liên lạc chặt chẽ với Việt Nam, thường có đại biểu Việt Nam ở một số đông hội nghị.

Trong đại chiến vừa rồi, Tiệp Khắc là một nước chịu đựng khá nhiều về tai ách phát xít quốc xã định tiêu diệt Tiệp và kế hoạch dã man thôn tính Tiệp được bộ tham mưu tối cao Đức gọi lóng là "kếhoạch xanh", cũng như chúng gọi lóng kế hoạch thôn tính Ba Lan là "vụ Himmler", việc xâm chiếm Liên Xô là "kế hoạch Barberonese" – Chiếm Tiệp, đặt chân vào thủ đô Prague, Goering lớn tiếng tuyên bố: "Chúng ta không rời khỏi nơi này". Người Đức sau đó không muốn rời Tiệp, nhưng cơ giới Hồng quân đã đuổi quân Đức đi khỏi và Tiệp bây giờ đang gây dựng lại quê hương bị tàn phá bóp nặn trong sáu năm ròng. Sau những năm quằn quại khắc khoải dưới chính trị hà khắc cúa ngoại xâm – Tiệp bị rút ruột gần

hết về tài nguyên trong xứ – Cái gì cũng thiếu lúc này. Cầu, cống, hầm, đường xe lửa đều bị phá hỏng nhiều – Ngày trước Tiệp có gần mười vạn toa xe lửa. Sau ngày giải phóng, tổng số toa xe lửa chỉ còn 17.000 cái, than đá hết, củi gỗ thiếu. Toa để chở than cúi đá không đủ, vậy mà cũng đã chở được một triệu con người hồi hương – Đường xá Tiệp lúc nào cũng nhan nhản những người khác quốc tịch lếch thếch hồi cư.

Tiệp vốn là cái khoảnh đất gặp gỡ của nhiều dân tộc và là nơi trao đổi của nhiều nền văn minh cổ kim. Sau nạn dịch tễ Đức phát xít, ở Tiệp cái gì cũng thiếu cả – Do từ vấn đề giao thông vận tải, nhỏ đến những thức đồ ăn như bia Pilsen, đồ thủy tinh pha lê Bohême vốn nổi tiếng – Phố xá các thị trấn Tiệp và nhất là Prague vẫn còn những vệt máu của những cuộc khởi nghĩa. Máu đảng viên, máu những người bị giữ làm con tin, máu thanh niên, máu sinh viên, máu của tất cả những người tích cực phủ nhận nền trật tự của Đức, trong đó có máu nhà văn nghệ Vanchoura bị Đức đen bắn trong khu vực thành – Trước ngày giải phóng, thủ đô Prague vùng dậy khoảng tháng năm, cậy nền đá gạch, súng lục cầm tay chống cơ giới Đức – Đá thủ đô Prague vẫn còn mang dấu vết cuộc đổ máu của

sinh viên Tiệp dựng cờ cho nền cộng hòa ngày 17-1-1939 – Ngày nay trên mỗi bước đi nơi phố thủ đô Prague, người ta đều thấy những bó hoa tươi vừa đặt xuống, những bó hoa tưởng nhớ các chiến sĩ dân tộc. Và ngày nay, mặc dầu là một nửa số nhà máy trong nước đã bị tàn phá, đây đó trong toàn quốc, nhiều ống khói cơ xưởng đã phun khói không ngừng. Sự kiến thiết trong nước đều đều theo một đà mạnh mẽ của xã hội chủ nghĩa. Chương trình quốc hữu hóa các nhà băng và nền đại kỹ nghệ, lẽ dĩ nhiên đã làm cho một thiểu số trở nên bất mãn – Trong số này có hãng Bata. Hẳn chúng ta còn nhớ đến thứ giày Bata bán đầy dẫy ở phố thị trấn nước ta trong thời đế quốc, của ông "vua" giầy đế quốc Bata có nhà máy rất lớn ở Zline.

Ông "vua" khai sáng cho triều đại Bata là Thomas Bata đã lùi về làm thái thượng hoàng và băng hà, để lại cơ nghiệp giầy cho con và em. Sự bóc lột nhân công của nhà Bata nổi tiếng có phương pháp khoa học trên thế giới và trong nhà máy họ cũng có những khẩu hiệu riêng: "Giầy hãng tôi không làm đau chân" – "Chúng ta nên vui tươi" – "Chúng ta không nên đọc tiểu thuyết Nga vì sách đó làm cho chúng ta mất hết sinh thú". Trong chiến tranh vừa rồi, vua giầy có người tẩu đi ngoại quốc, hoặc ở lại thì phụng sự

Đức, dựng riêng một trường học ở Zline để phổ biến văn hóa Đức. Vua Bata trung thành liếm giầy Đức và khâu giầy Đức – Ngày nay các vua Bata thất tán ở Luân Đôn, ở Nam Mỹ, ở Zline đều to mồm đối với chương trình quốc hữu hóa các nhà máy ở Tiệp. Các vua khác (có ngoặc kép và cả không ngoặc kép) đối với những việc cách mạng xã hội đều nhâu nhâu lên tiếng và đoàn kết để phản đối – Các vua phim chớp bóng ở Hollywood, đứng trước công cuộc quốc hữu hóa nền điện ảnh ở Tiệp cũng đòi can thiệp vào – Rồi thì các vua khác cũng nhốn nháo với nước cộng hòa Bảo vì vấn đề thuốc lá Djebel, với Nam Tư về vấn đề mỏ kẽm. Và riêng về câu chuyện xung công hãng Bata, họ mong nhà máy sẽ bị phá sản sau khi bị quốc hữu hóa – nhưng mặc dầu nguyên liệu thiếu, giầy của nhà máy Zline ngày nay vẫn sản xuất đều do sự cố gắng của thợ trong xưởng – Chân người thợ Tiệp ngày nay dận những đôi giầy do tay mình làm ra cho mình và cho toàn thể giai cấp cần lao trong xứ. Ở các ngành sản xuất khác cũng vậy.

Thủ đô Prague vốn là nơi có một đời sống văn hóa tưng bừng – Sau những năm gián đoạn vì chinh chiến, các trường đại học lại mở cửa để đón các sinh viên thanh niên – sách lại được xuất bản đầy đủ – sự sinh hoạt về văn nghệ

càng dồi dào – Cuộc đời sân khấu luôn luôn có ánh sáng của biểu diễn – Nhà đạo diễn Bouriane, người cách mạng cho nghệ thuật sân khấu Tiệp, ở căng Đachau về điều khiển hai hý viện và cho thực nghiệm ngay những kỹ thuật mới. Thành phố luôn luôn có triển lãm hội họa của họa sĩ trẻ tuổi trình bày những họa phẩm mới có cả những triển lãm về hội họa cũ. Và đáng lưu ý nhất là cuộc triển lãm những bức vẽ của Bedrich Fritte. Họa sĩ bị Đức tra tấn và cũng bị chết một lúc với 150.000 người bị hành hình ở Térésina. Những bức vẽ này ghi lại những nét đau khổ những ngày cuối cùng, của những con người sắp bị bắn – Fritte vẽ xong, đem chôn và những tài liệu này đã được đào lên và đưa ra ánh sáng triển lãm – Những tập thơ mới của nhiều thi sĩ trẻ đều có một hơi thở tươi khỏe và đã thanh toán gọn gàng cái vấn đề "nghệ thuật vị nghệ thuật". Sau những năm chiến đấu thực tế vừa qua. Những quán cà phê Prague đã trở nên những câu lạc bộ văn nghệ, những nơi đọc sách xinh xắn, những nơi thảo luận về sinh hoạt quốc tế và nhất là Âu châu.

*

* *

Trong 7 nước đi qua và quan sát tỉ mỉ về nhân dân, địa dư, lịch sử, tính tình tập quán, và ưu khuyết điểm của từng dân tộc, có lẽ tất cả cảm tình của tác giả đều đặt vào nước Bảo.

Sau khi đọc qua thảm sử của Bảo và hiểu cuộc tranh đấu anh dũng của xứ này có một hồi đã là một tỉnh của thống trị Thổ Nhĩ Kỳ, cảm tình của tác giả cũng là sự quyến luyến của chúng ta đối với nhân dân Bảo – Thế giới biết đến nước Bảo chưa được một thế kỷ, từ năm 1860, nông dân cầm búa cầm liềm nổi dậy khởi nghĩa. Nhà văn Pháp Hugo và nhà văn Nga Tourguéniev có nói đến cuộc khởi nghĩa này. Tính đến năm 1923, các chính phủ phát xít đã giam giữ tất cả là 1.500.000 người ái quốc và xử tử và tra tấn chết 25.000 người. Riêng năm 1944, 28.000 chiến sĩ giải phóng Bảo bị xử tử và chỉ còn có 18.000 đảng viên được thấy sự nghiệp giải phóng của dân tộc. Nhân dân Bảo đối với tội phạm của dân tộc, khác hẳn dân Pháp đối với Pétain; nên ngày hội giải pohngs Bảo cũng là ngày tuyên án 11.000 phạm nhân phát xít và tòa án nhân dân đã xử tử 2.025 tên nặng tội nhất.

Nước Bảo có những thời gian nô lệ kéo dài hàng thế kỷ, máu đã đổ nhiều trong thời kỳ chống Thổ và gần đây Bảo có những chinh chiến

trái với ý muốn của nhân dân – Thân thế dân tộc Bảo đỏ ngòm máu tranh đấu – Phong cảnh nước Bảo khắc nghiệt nhưng thực ra vẻ mặt bi đát của người là ảnh hưởng do lịch sử gay go của họ. Mặc dầu là dân thuộc về phương Nam, người Bảo ít lời, mím chặt môi, và lửa mắt đục tối. Họ ăn ớt, xéo lấm, quay sợi dệt lấy áo quần, nghiêm nghị, ít thổ lộ – Ngôn ngữ thiếu hẳn bay bướm, nhưng đã có bao nhiêu là tha thiết tâm tình, chứa đựng trong những điệu hát bình dân cuồn cuộn sức sống – xưa kia người Bảo viết bằng chữ Hy Lạp và sống dập theo người Thổ Nhĩ Kỳ – Chỉ còn lại có những điệu hát là có tính chất dân tộc thôi. Dân tộc chỉ còn biết nương tựa vào những điệu hát ấy mà giữ vững tính chất Bảo – Chúng ta thử nhận xét ít câu:

"Ta sẽ đi, ta sẽ tìm kẻ đã nhục mạ ta – ngựa của ta, ấy là sự đau khổ – Nước mắt, ấy là những viên đạn – Tình yêu, ấy là sự chiến thắng – Cái bóng ta. Sẽ là cái chết cho người Thổ – Hơi ta là luồng thở của tự do.

...

Vì sao rừng tươi xanh phải khô héo đi? Rừng sợ tuyết giá chăng? Hay là rừng sợ đám cháy? Ta không ngại tuyết, ta không sờn lửa. Những con người nô lệ lướt cạnh ta. Thanh niên kêu: Quê

hương ơi vĩnh biệt! Thiếu phụ khóc than: Chao ôi, con chúng ta đâu? Thiếu nữ đi qua cất tiếng hát: Ôi vườn của ngày mơ, ôi nguồn yêu! Các chị hát và nước mắt các chị trào xuống. Ta héo hon vì những giọt rỏ ấy. Ta vốn là cây rừng, giờ ta trở thành những mũi tên".

Dân tộc Bảo, bên những thành tích chiến đấu giành tự do, còn có những thành tích hoạt động văn nghệ như hội họa, âm nhạc, thi ca. Thi sĩ đại diện cho dân tộc Bảo là *Christo Botev* ở thế hệ trước. Nhưng thế hệ thanh niên của những năm tranh đấu giải phóng sau vẫn ào ạt tiến lên theo nhịp thơ của Christo Botev. Nữ chiến sĩ Liliana Đimitrova là một thiếu nữ đẹp, trẻ, vui, thích đàn múa, yêu sách, say mê *Hamlet, Anna Karénine,* không rời tay những tác phẩm của Gorki, Zola, Hugo, London. Trong thời kỳ chống Đức, chống phát xít chị chứng tỏ rằng ngoài việc đọc văn và ca múa, chị còn biết đến những công việc khác nữa. Chị gia nhập dân quân. Tháng sáu 1944, bị phát xít vây hãm chị chiến đấu suốt đêm bắn hết đạn và tinh sương ngày sau, chị tự kết liễu mình.

Trong chiến tranh vừa qua, Đức bóp nặn Bảo đến không còn gì. Than gỗ, tơ vải, rau, ngũ cốc, da, rượu. Phát xít ăn không 5 triệu con cừu, 3

triệu con lợn và hút hết 700 triệu cân thuốc lá Bảo. Cho đến bây giờ, nguồn thuốc lá *Djébel* của Bảo vẫn còn là một mối lợi mà tư bản ngoại quốc luôn luôn dòm dỏ.

Sau những năm đau khổ, và để chống lại những lời vu khống chia rẽ của phản động, thợ thuyền và nông dân Bảo cố kết nội bộ trong đời sống hàng ngày. Điền địa đã có chính sách mới và Nhà nước kiểm soát những nhà máy. Thủ đô Sofia đang có đà xây dựng. Trong số 7000 ngôi nhà bị tàn phá thì có 1200 ngôi đã kiến thiết lại. Vẫn hay là đồ ăn thức dùng đều thiếu, nhưng cái điều đặc biệt của nước Bảo là sau những quầy hàng, mặt sau các cửa hiệu, không một ai buôn bán chợ đen như ở các nước khác sau chiến tranh. Quán rượu (cất bằng quả mận) đều là những câu lạc bộ náo nhiệt về những vấn đề quốc tế thiết thực. Thôn xã, nhà hội đồng nhân dân đều có thư viện và cả phòng chiếu bóng nữa. Nước Bảo là một nước hiếu học. Dân số có 6 triệu mở được 230 trường trung học. Có 24.000 sinh viên, có 31.000 giáo viên. Nhật báo ở Sofia, tổng số phát hành hàng ngày là 750.000 tờ.

Dưới đây là những dòng cuối của thiên tùy bút thắm thiết nói về nước Bảo:

"Sức mạnh của nước Bảo là ở khối liên kết

chặt chẽ giữa nông dân và trí thức, giữa nhân dân và xứ sở. Khi đi qua các vùng, điều này càng thấy rõ hơn là ở thủ đô Sofia; thi nhân, chính khách, nhạc sĩ, giáo sư, tất cả đều xuất thân ở bình dân, người ta chỉ những nếp nhà họ vui đùa ở đấy khi còn nhỏ. Vậy mà hiện nay trong những nhà trường thôn xã, có những trẻ chỉ trong một phần tư thế kỷ nữa sẽ tạo vinh quang cho nước Bảo. Dân tộc là một khối; không có sự đoạn tuyệt hoặc a dua hoặc rời rẽ. Vì vậy cho nên nhân dân Bảo đã chiến thắng phát xít chủ nghĩa một cách dễ dàng hơn là những dân tộc khác có tiếng là văn minh hơn. Cũng vì thế mà người ta hay chỉ trích họ. Và người ta đã lầm khi nói Bảo là nước nhỏ; ở đây, những con số không cần đến, chưa bao giờ những người nhỏ bé lại có nhiều kẻ thù đến thế. Mặc dầu là ít về nhân số, dân tộc Bảo khỏe và chín chắn trong tâm hồn. Tôi nghĩ đến cặp mắt đen cô thôn nữ Bảo, đến cái trán dô và đôi lông mày nhíu của cô. Không, từ nay nước Bảo không thể lầm lạc nữa. Cái hạnh phúc ấy càng phải qúy giá hơn khi phải trả bằng ngần ấy đau khổ.

Kế những nước vào bậc trung, có những nước khác giàu có hơn hay hơn và huy hoàng hơn nước Bảo. Đất này không kích thích du tử về cảnh sắc

cũng như về sự súc tích. Con người thì lầm lì: Khó mà hiểu được ngay; phải nấn ná với họ, đi sâu vào đời họ, đoán những lo âu và tìm hiểu những thầm lặng của họ. Nơi đây, tâm tình không cởi mở ngay: Không có những nụ cười dễ dãi và bâng quơ. Ở đây mỗi tiếng thở dài đều có ý nghĩa.

Sự trang sức của thôn nữ khắc khổ: màu đỏ và màu đen. Một đôi bò. Một phụ lão gân guốc râu bạc cưỡi lừa. Tuyết, núi, chỗ nào cũng có núi và những cây vả to dưới chân núi. Những trẻ xéo lấm và một tòa nhà rộng kiểu kiến trúc Trung Âu; một trường trung học. Một cái quán và ánh đèn le lói một ngọn đèn dầu, những cuộc thảo luận quá khuya. Một thiếu phụ nặng trẻ hát một điệu ru con đã xưa như cuộc sống. Những hình bóng cách mạng chí sĩ. Những cuộc biểu tình. Những miền mỏ và những an dưỡng đường đẹp, những nhà máy, những hiệp thợ, những bích báo, nghĩa là đời sống mới. Và nước Bảo cũ hiện lên với ta dưới hình thức cổ thư và đá, nhưng chúng ta thấy lại nước Bảo cũ ở trong ngôn ngữ, trong lòng đất, trên khuôn mặt nhăn nét của ủy viên các ủy ban xã. Và nhiều bông hồng. Và những ngôi sao một bầu trời thu. Ở xứ này có một niềm tha thiết lớn chưa biểu lộ hết; chính

điều này đã tạo cho nước Bảo có hẳn một vẻ đẹp. Khi nào người ta lần dò được tâm hồn nước Bảo, người ta không thể không mến và không tin vào ngôi sao chiếu mệnh của nước Bảo".

*
* *

Sau khi cho chúng ta thấy được một phần nào về các nước Lỗ, Anbani, Nam Tư, Tiệp, Bảo cả về mặt điêu tàn đau khổ trong đại chiến và cả vẻ mặt tưng bừng xây dựng và hy vọng hiện tại, Ehrenbourg đưa chúng ta sang Đông Đức dự vào phiên tòa xử tội phạm chiến tranh tại Nuremberg. Sau những tàn phá, sau những vết tích của tội ác, bây giờ chúng ta nhìn thẳng vào những thủ phạm chính cống của đại tội ác. Qua những lời chống chế vụng về, những sự đổ vấy giữa bọn trùm quốc xã vờ vĩnh giả điên giả dại, Ehrenbourg phải nhận rằng đó là những tội nhân quá tầm thường đã gây nổi những tội ác khổng lồ. Nhiều đoạn bị cáo và trạng sư của chúng viện những mặt luật ra để chứng tỏ là tòa án quốc tế ở phiên họp ấy không đủ thẩm quyền. Thật ra muốn viện luật lệ gì đi nữa thì khi người ta giết hàng triệu sinh mệnh, người ta không thoát khỏi tội sát nhân. Hơn thế nữa, đám bị cáo Nuremberg lại còn là những kẻ bành thích vô số

dân tộc. Những nhà nghiêu cứu luật sẽ tìm và sẽ định quyền hạn cho Tòa án. Nhưng không cái thẩm quyền nào rõ rệt và chính đáng bằng hằng hà sa số sinh linh đồ thán và những chiến sĩ đã nguyện đi tìm ánh sáng chân lý cho bằng được và đã hy sinh xương máu mình để tìm cho ra công lý. Trên những nẻo đường dẫn đến phiên tòa Nuremberg, đã rải rác bao nhiêu điêu tàn, bao nhiêu oan hồn, bao nhiêu tha ma pháp trường.

Tại phiên tòa này, Ehrenbourg đã gặp một nhà nữ văn hào Pháp, một người đã từng lên tiếng đứng hẳn về phía Cộng hòa Việt Nam: bà Andrée Viollis. Bà Viollis kể lể sự tình về những đau khổ của Balê trong bốn năm Đức chiếm đóng với tác giả pho truyện *"Balê sa đọa"*.

Ở thiên cuối tập tùy bút viết sau khi đã đi qua nhiều ngàn cây số đường trường Âu Châu, tác giả phải kêu lên rằng những tàn phá trước mắt, những vết thương ấy thật là quá nhiều đối với cảm xúc của một thế hệ. Người lữ khách không còn dám yên trí mà ngắm cảnh nữa, mỗi một viên đá đều nhắc nhở sự suy nghĩ, mỗi một cái mả đòi hỏi người sống một câu trả lời. Những người đuối trong tâm óc không khỏi hoang mang. Bọn phát xít đã đem đến cho thế giới bao nhiêu là đau thương. Những thị trấn ở Âu Châu vốn

không giống nhau. Mỗi tỉnh, mỗi thành phố đều có một sắc thái riêng. Nhưng mà người ta cứ triền miên đi trên điêu tàn như là đi qua một cảnh tha ma mênh mông và sau khi đã trông đến cái thành phố thứ ba mươi, thứ năm mươi, sau khi đã phải trông đến cái thành phố thứ phải mấy mươi cũng một màu tàn trụi như thế, thì người ta không còn biết phân biệt thế nào nữa. Người ta có cảm tưởng như là đã lui tới quá quen thuộc với cảnh hoang phế và đã bạn bầu lâu năm với tro với đổ nát. Nhưng mà sau những đống mả lớn, sau những tan hoang bừa bộn cỏ dại trùm kín, đã dựng dần lên một bình minh của ngày mới.

Trong một cảnh tranh tối tranh sáng, đường viền và góc cạnh của sự vật không hiện rõ ra và cũng khó nhìn. Đặt trước một mớ ngổn ngang bừa bộn, một cái máy ảnh vô tri thức thì không phân biệt và làm bật lên thế nào là cảnh hoàng hôn hoặc cảnh sắp bình minh. Hai thứ ánh sáng ấy cũng đều lờ mờ như nhau. Nhưng người văn sĩ phải nhận định cho đúng về chỗ sớm mai và chiều hôm của sự vật đang tàn rụng và đang trung hưng và tin chắc vào những vui tươi đang sinh thành giữa lòng hoang phế Trung ÂU.

Tạp chí Văn nghệ số 22 (4-1950)

TRÊN ĐƯỜNG ĐẾN VỚI ĐẢNG.

(Hồi ký)

Trong chiến dịch đường 4 sông Thao, tôi theo bộ đội hành quân đánh đồn Đại Bục, Đại Phác. Tôi được Ban chỉ huy tiểu đoàn cho theo dõi họp hành từ lúc chuẩn bị, lập sa bàn rồi hành quân tiếp cận vị trí... Khi nằm trên đồi theo dõi hành quân, ta mở đợt tấn công, nhìn rõ, nghe rõ trọng pháo, súng máy của ta rót vào đồn, đồn địch bốc cháy mù mịt, tôi đã khoái lắm. Đến khi chỉ huy ra lệnh xung phong, kèn trống nổi lên thúc quân tới tấp thì tôi phấn khích quá cũng rút ngay một cành cây nện vào trống thật lực. Chỉ trong mấy chục phút quân ta hạ xong đồn Đại Bục. Tôi theo chân xung kích vào chào cờ ngay giữa sân đồn địch đang mù mịt khói thuốc súng. Tự nhiên tôi liên tưởng công việc của người lính đánh đồn với công việc của nhà văn.

Anh lính đánh đồn mà tổ chức trinh sát thật giỏi, chuẩn bị sa bàn thật chính xác, phối hợp giữa các binh chủng thật nhịp nhàng, chỉ huy thật cương quyết thì việc hạ đồn sẽ nhanh gọn và nắm chắc trong tay. Nhà văn cũng vậy thôi, nếu anh đi sâu vào cuộc sống, anh đọc nhiều để

nắm vững kiến thức, anh thu thập tài liệu thật phong phú, tất nhiên cũng phải có năng khiếu, thì việc anh làm ra tác phẩm cũng chỉ là việc ngày giờ.

Trong đợt hành quân này, bộ đội họp chi bộ, họ cũng mời tôi dự họp, tôi nghĩ có lẽ mình được xếp vào diện đối tượng từ hồi đó. Nhưng cho đến hồi đó cái tính ngang ngang của tôi chưa dứt được. Tôi nhớ trong một cuộc họp liên chi tôi còn phát biểu là: tôi tự tìm đến chủ nghĩa Mác qua việc tìm đọc sách Mác Lênin chứ không có ai hướng dẫn bảo cho tôi cả.

Sau chiến dịch sông Thao trở về ông Chính Hữu, lúc này là chính trị viên Trung đoàn Thủ đô hỏi tôi: "Sao cậu lại không vào Đảng nhỉ? "Tôi hỏi lại: "Có cần thiết, và có thể vào Đảng được không?". Chính Hữu khẳng định lại: "Cậu nên vào Đảng". Như vậy người đầu tiên gợi cho tôi ý nghĩ cần phải vào Đảng là Chính Hữu. Tính cách của tôi với Chính Hữu là hoàn toàn trái ngược nhau: tôi thì ngổ ngáo, ngang ngạnh mà Chính Hữu thì hiền lành, chuẩn mực.Vậy mà tôi có thể rất qúy và tin Chính Hữu vì tôi nghĩ rằng Chính Hữu hiểu tôi, không nhìn tôi về những cái bề ngoài.

Đầu năm 1950, Nguyễn Huy Tưởng bảo tôi

viết đơn xin vào Đảng. Tôi hỏi lại: "Tao thấy mọi người vào Đảng, có ai làm đơn đâu?". Nguyễn Huy Tưởng cười thông cảm và bảo: "Ai vào Đảng cũng có đơn, cậu là Tổng thư ký, viết đi".

Dự định Nguyễn Đình Thi và Nguyễn Huy Tưởng là hai người giới thiệu vào Đảng. Nhưng đến ngày tổ chức lễ kết nạp 8-4-1950, Nguyễn Đình Thi bận đi đại hội liên hoan thanh niên thế giới ở Bu-ca-rét, anh Tố Hữu ở T6 (mật danh chỉ Ban tuyên huấn Trung ương) về dự lễ và nhận luôn là một trong hai người giới thiệu tôi.

Thế là trên bước đường cách mạng của tôi, anh Lành là người trong từng giai đoạn đã có những tác động tế nhị mà quan trọng.

Nhớ hồi đầu cách mạng, một hôm Hoài Thanh xuống phố Cầu Mới nói với tôi: "Nhà thơ Tố Hữu muốn gặp anh, anh thấy thế nào?". Tôi trả lời: "Tôi có đọc và cũng thích thơ Tố Hữu. Kể ra gặp nhà thơ xứ Huế ấy mà cùng nhau đàm đạo văn thơ cũng hay đấy nhỉ!". Hoài Thanh nói: "Anh Tố Hữu muốn bàn công chuyện với anh đó". Chả là hồi này tôi còn e ngại, ngủng ngẳng với cách mạng, chưa thật sự theo Việt Minh. Chắc là anh Tố Hữu đoán biết điều đó nên muốn gặp tôi để lôi kéo tôi đi làm cách mạng.

Tôi định thử anh Lành chơi bèn nói với Hoài

Thanh:

- Thế thì ta hẹn gặp nhau ở nhà Thủy Tạ nhé! (Tôi biết hồi này Thủy Tạ là nơi đi lại của những phần tử khá phức tạp, nào tây đầm, nào tay chân các đảng phái phản động đều tụ tập ở đây ăn uống). Hoài Thanh nghe tôi hẹn như vậy hơi e ngại nói rằng để về hỏi ý kiến anh Tố Hữu đã. Hồi này anh Lành đang ở trong nhà kho bạc cũ phía sau vườn hoa Chí Linh. Không ngờ anh Lành lại nhận lời. Anh đã gặp tôi, cùng chạm cốc ở Thủy Tạ. Tôi thấy anh Lành có bản lĩnh, chịu chơi, tôi bắt đầu nể anh, từ chỗ có cảm tình với anh Lành tôi có cảm tình và theo cách mạng. Tiếp sau đó là việc anh Lành tổ chức cho tôi cùng một số anh em văn nghệ sĩ theo bộ đội Nam tiến. Rồi đầu kháng chiến, tôi về Thanh Hóa, anh Lành cũng dắt dẫn tôi cùng Sỹ Ngọc, Nguyễn Văn Tỵ, Nguyễn Lương Ngọc, Chu Ngọc xúm vào làm tờ báo *Chống giặc*. Việc tôi từ Thanh Hóa lên Việt Bắc rồi đến Đại hội Văn nghệ toàn quốc tôi được cử làm Tổng thư ký, tôi nghĩ là đều có sự sắp xếp của anh Lành. Ở Việt Bắc, có lần anh Lành rủ tôi lên thăm Bác, nhưng lúc ấy nghĩ rằng mình chưa làm được gì, tôi lần chần và nói với anh Lành: "Ông cho mình từ từ, để mình in được một tập sách tử tế mang lên

biếu Bác thì chắc là vui và hay hơn".

Vậy mà sau này tôi cứ vẫn sục sặc với anh Lành về việc này việc khác. Ấy, cái tính của tôi nó vẫn kỳ cục khó chịu vậy.

Cuối năm 1950, tôi về công tác khu III – Tây tấn công Hòa Bình, cơ sở Hội Văn nghệ khu III phải chuyển về đóng trong thành nhà Hồ, địa phận khu IV – về đây tôi tham gia chấn chỉnh, củng cố Hội Văn nghệ khu III. Ngày 13-2-1951 tôi được tuyên bố đảng viên chính thức ở chi bộ thông tin khu III. Cuối 1951 tôi lại trở lên Việt Bắc.

Theo *Tuyển tập Nguyễn Tuân* –
Tập III, tr. 508-510

THẮNG CÀN*

(Truyện vùng sau lưng địch)

Quy, Tam và Đinh cùng đại biểu Ban võ khí huyện kiểm tra lại tất cả số lựu đạn, mìn muỗi, mìn dưa và đại bác. Từng loại riêng xếp đống dưới cụm tre, cạnh giếng khô đầu xóm. Không quả nào thối hỏng cả. Súng lớn địch bắn cầm chìa phía mặt trận Hải Dương kêu ùng ục. Mấy hôm liền, làng Nghìn vợi dần người. Ông bà già, em bé, các bà có con mọn sang ngang sông con, vượt đường cái chiến lược, từng tốp từng đoàn tạm lánh sang các xã huyện bạn. Bà Tư là người cuối cùng rời khỏi làng Nghìn; thức gần trọn cả đêm bà mới trát xong bùn cho bịch thóc giấu ngoài mé gò. Bà Tư chào anh cán bộ lạ mặt: "Chào đồng chí mới về công tác". Với anh xã đội trưởng Quy, giọng bà thân mật hơn: "Thóc tôi không cất giấu hết cả đâu. Vẫn còn một ít tôi để ở nhà. Cả chĩnh tương nữa. Dưới nền gạch ấy. Anh em cứ đến lấy mà ăn. Bà cháu tôi đi mấy hôm. Im, thì lại về ngay đấy. Lần này sơ tán, liệu có lâu hơn mấy kỳ trước không hở các anh?".

* *Ngành Văn nghệ trung ương* xuất bản năm 1953.

Quy trả lời là: "cái này thì cũng còn do ở lực lượng của ta ở đây và tinh thần phối hợp của các nơi nữa". Tiếng tầu bay nghe gần lắm. Quy giục: "Bà đi cho sớm. Còn cháu bé. Còn qua đò". Hai bà cháu khuất ụ đất.

Đồng chí Ban võ khí huyện thu xếp đồ đạc dụng cụ, cuốn lại cuộn dây mìn, chào anh em, xuống chữa mìn tiếp cho xã dưới. Nắng hoe đã có bóng. Ba người lễ mễ khiêng võ khí ra phơi, lấy mo che ngụy trang lên từng quả. Tầu bay nó lượn chéo qua làng mà không có tiếng đổ hồi của quả bom tạ mọi ngày vẫn dùng làm kẻng báo động. Không có tiếng gia súc, tiếng trẻ í ối, lối vào các ngõ xóm bỗng rộng thêm sâu thêm.

Quy, Đinh, Tam đi tắt qua liền liền mấy cái sân hoang. Đoạn tường đổ góc nhà ông Phó có mươi hôm không đi qua, xương rồng đã lên cao chơm chởm. Mé ao nhà ông Tuynh thình thịch tiếng đào đất đổ đất. Lại có tiếng nói nghe quen quen: "Có càn thì càn ngay đi, để người ta còn chợ búa cấy hái". Quy ngừng lại ra vẻ khó chịu vì câu nói, vội phân công việc tu sửa hầm cho anh em du kích, ai đi cú soát các ống tre lồng giây mìn, ai đi xem lại quan sát đài, ai chui xuống các cửa hầm giao thông. Anh giữ Đính và Tam lại, nói nhỏ: "Một số các đồng chí chúng ta sẽ chuẩn

bị rút vào bí mật. Một số đồng chí và tôi cho là đồng chí Tam và đồng chí Đính có lẽ đủ điều kiện rút bem. Vậy buổi họp tối nay hai đồng chí góp ý kiến và tổ sẽ quyết định sau". Quy rẽ sang bờ ao. Các chị phụ nữ xã tấp nập bưng xảo đất moi hầm, truyền tay nhau một hàng dài. Quy cúi nhìn, góp thêm kinh nghiệm moi đất và đi lại phía hầm trong cùng bờ ao. Minh lồm ngồm bò ra, quần áo khăn mỏ quạ lấm bết.

- Vừa rồi, chị nói "có càn thì càn chóng đi", tôi thấy câu ấy không đúng. Sẽ ảnh hưởng không tốt đến chung quanh.

- Vâng, tôi nói câu ấy định động viên chị em làm việc vui vẻ thêm nhưng nói xong thì cũng tự biết là sai.

- Ngày hôm nay xong được hầm thương binh không?

Minh gật gật, máy miệng định hỏi xem tiểu đoàn trên tỉnh bao giờ về đây nhưng lại thôi ngay. Quy thấy ngập ngừng, hỏi Minh: "Chị thấy có vấn đề gì?".

- Không... Có, cái vấn đề Xim em em mà ban xã đội để nó ở lại chiến đấu bên cạnh trung đội. Tôi không rõ tinh thần Xim có gì thay đổi không? Hai chị em cũng không mấy khi bàn bạc việc nhà, việc thôn xóm. Công tác của tôi thường

thường là đi vắng luôn.

- Chị Xim tự nguyện ở lại đánh càn, chứ không phải là có sự cưỡng ép. Đồng chí chúng ta sẽ dìu dắt chị ấy dần dần. Điểm chính vẫn là chị Xim có quyết tâm. Xim được cái là có căn bản sẵn. Sau mấy kỳ gánh thóc thuế và chuyển vận võ khí, trình độ chính trị Xim có tiến nhiều. Xim tinh nhanh và gan ra trò. Chưa biết đâu chuyến này chị ấy lại còn lập công hơn cả một số đồng chí chúng ta nữa kia. Tổ đang theo dõi để đặt vấn đề phát triển đấy.

Trong làng, tính số người có mặt, cũng chẳng có mấy. Hầm giao thông moi khoét kiểu chân rết, một số du kích sửa chữa hiện nay đang ở cả dưới ấy. Trên mặt đất, có lẽ ngoài số các chị hoàn thành hầm thương binh đây, thì cũng chẳng còn ai nữa. Ngoài đồng, trên gò đống, loáng thoáng mấy bóng nhỏ bé viễn tiêu canh gác. Không một con gà nào gáy. Buổi trưa thấy dài hơn mọi ngày. Bờ ao bờ giếng, không có nước động không có tiếng gầu múc. Súng giặc vẫn nổ xa ùng ục nhưng mấy năm liền ngày nào mà chả nghe và nó cũng quen tai đi rồi. Những tiếng đạn lẻ càng làm cho không khí vắng quạnh hơn. Xa lắm, vài chiếc dù trắng từ từ biến mất sau những vệt làng mạc có vị trí. Nhiều người căng

thẳng tinh thần, dán mắt vào mấy đốm trắng đặt thầm giả thuyết về địch tình. Gần xế chiều, làng Nghìn thêm nhiều tiếng bước tiếng nói. Dân công toàn thanh niên chuyển thóc thuế của Ủy ban vừa về, mồ hôi nhễ nhại. Họ nghỉ một lúc, rồi xẩm tối lại đi nốt chuyến cuối cùng. Xim chuẩn bị quanh gánh chốc nữa nhập bọn. Đồng chí chủ tịch xã cầm tờ công văn của giao thông huyện vừa chuyển đến, đọc một cách khó khăn, thỉnh thoảng lại ngẩng nhìn vào lối ngõ. Hai thuyền thúng lù lù đi ra, sáu người đội cứ hướng đê mà đi chếch lên. Đò nan khênh đi rồi là đồng chí chủ tịch cũng rời vào trong xóm. Đoàn dân công cuối cùng đã gánh thóc đi hết từ lúc còn chạng vạng. Thế mà xóm ngõ lại càng đông người. Đồng chí chủ tịch liền rẽ ngay vào nhà đồng chí tuyên truyền xã. Tối quá. Ai đấy? Nhiều người nhìn sát vào mặt nhau. Người quen cả. Toàn bà con xóm giềng sơ tán mấy hôm nay, chờ mãi chưa thấy gì, lại trộm phép Ban trật tự, chạy về một lúc xem nhà cửa ra sao. Có mấy gia đình vừa rời làng mới từ hôm qua, cũng đã lại lẳng nhẳng kéo về, đèn đóm lập lòe góc ao đầu vườn. Trên cổng gạch sứt, bỗng nổi lên tiếng loa: "A lô... Lệnh sơ tán tiếp tục thi hành triệt để. Đồng bào có nhiệm vụ do chính quyền và đoàn

thế giao cho thì hãy ở lại trong làng làm việc. A lô... Chú ý... Đồng bào...". Người ta phân vân trước những đồ vật bừa bộn dưới bếp ngoài sân. Dù sứt vỡ, gẫy, mòn, trong đời sống thiếu thốn và khó khăn, vật gì lúc này cũng dùng đến hàng ngày. Họ nhớ lại những lần nó đến nó đốt nó lấy nó phá hết. Mặt mũi dáng dấp giọng lưỡi bọn Tây bọn ngụy đi khủng bố dã man hiện rõ lên trong trí nhớ mọi nười. Góc sân, cái cầu ao, chuồng lợn, khoánh tre, bể nước mưa, cây rơm, tất cả đều như níu chân người sơ tán lại. Đúng như lời các anh du kích vẫn báo là chỉ có khi nào hết tiệt cái giống xâm lăng thì đời sống thôn xóm mới hết những đau xót những đe dọa như lúc này. Đồng bào làng Nghìn chạy giặc tam tứ thứ rồi. Sống để bụng, chết mang theo chứ quên sau được những vụ nó giết lẻ, nó giết tập trung, tra tấn ngay bên cửa hầm. Nhưng tần ngần, quyến luyến mấy rồi cũng phải rời đi trong đêm nay. Mỗi người lễ mễ đem nốt ít vật dụng vừa lọc lại trong các đống ngổn ngang. Xóm ngõ hết hẳn những bóng lếch thếch. Riêng ở đầu làng sát khu nhiều ao bèo Nhật, vẫn có ánh đèn. Quy loáng qua khung cửa sáng, ra phía bụi chuối đằng sau nhà dặn đồng chí đang gác cho hội nghị: "Đồng chí về mời hai đồng chí Tam và Đinh đến họp

ngay. Đi qua điếm gác trong, đồng chí bảo chuyển vọng tiêu ra điếm ngoài đồng".

Buổi họp liên tổ Đảng kỳ này có cả đồng chí bí thư. Có nhiều việc cần kíp phải kiểm điểm kỹ về mọi mặt công tác chuẩn bị chống càn. Không khí nghiêm trọng. Qua mỗi mục chương trình công tác, các đồng chí Chi bộ làng Nghìn lần lượt đưa ra những kinh nghiệm xương máu. Cả những kinh nghiệm của những đồng chí hy sinh cũng được nhắc lại thấm thía. Đến mục rút một số đồng chí vào bí mật, một vài người giở đi giở lại cuốn sổ tay. Người khác lúi húi ghi chép. Nhiều người nhìn ngọn đèn. Hình như ai cũng đều có ý kiến nhưng chưa hiểu nên đưa ra như thế nào.

Tam và Đinh lúc sớm chui xuống hầm giao thông chữa nắn lại lòng hầm chiến đấu, thấy: thở gấp, ngực tưng tức, nước mắt như muốn trào ra. Nhiều đoạn hầm thắt nhỏ lại, họ nghiêng người trong rãnh ẩm ướt, lách như cá rô. Qua hũng nước ngăn khói hun, Đinh và Tam mỗi người lách theo một đường rẽ. Tam tự vấn mình đã có những sai lầm gì gần đây mà đoàn thể lại chuyển mình sang công tác khác. Cái lần nó cuốc hầm trên đỉnh đầu, anh cũng lo toan rất nhiều. Nó đào trúng thì tiếp tục chiến đấu đến cùng

như thế nào, chụp thời cơ vọt chạy như thế nào, nếu nó bắt sống thì đối phó như thế nào cho xứng với người đảng viên. Những ý nghĩ cấp bách nhưng dứt khoát, Tam bình tĩnh chờ đợi việc xảy đến. Chứ như lúc này thấy nó phức tạp quá. Từ lúc tổ trưởng Quy cho biết cái tin mình có thể đổi công tác, Tam không an tâm. Anh tự biết mình nghi ngờ và thắc mắc như thế là không đúng, nhưng nó cứ luẩn quẩn trong đầu thế nào ấy. Tam gối đầu lên tay, ngửa nhìn trần hầm. Những giọt nước đọng ở trần hầm nghe tí tách đều đều. Trong hầm con, Đinh cũng thắc mắc. Đinh cũng đang tự hỏi vì lẽ gì mình không được tiếp tục chiến đấu như cũ nữa. Tiếng tre đưa võng trên mặt đất vọng dội xuống, càng bận rộn rối thêm lòng Tam. Tam mong chóng đến buổi tối, sẽ trình bày nguyện vọng trước tổ Đảng.

Tam ngồi giữa cuộc họp, đầu óc tản mạn, có một lúc đã tưởng mình giơ tay lên được và phát biểu luôn một mạch, nhưng lại thôi. Tự nghĩ việc này cũng còn là dự kiến của một vài đồng chí thôi, chưa phải là một nghị quyết. Không khí cuộc họp vẫn trầm lặng. Đồng chí bí thư gợi ý dần dần.

- Thưa các đồng chí, vấn đề này đáng lý phải làm xong từ lâu và đây là một khuyết điểm lớn

của chi bộ chúng ta. Tôi có ý kiến là trước khi bàn định, trước hết chúng ta hiểu rõ thế nào là rút vào bí mật. Tại sao phải đưa một số đồng chí chúng ta vào bí mật? Vì cuộc đấu tranh sau lưng địch là một giai đoạn giằng co, một cuộc cầm cự lâu dài, phong trào lúc lên lúc xuống. Phong trào lên không bộc lộ hết lực lượng, lúc xuống vẫn đủ dự trữ để nắm vững được cơ sở Đảng và nhân dân. Rút vào bem, không phải là nằm im bỏ nhân dân mất dần vào tay địch mà chính là chịu đựng gian khổ kiên quyết hơn nữa để tranh thủ lấy nhân dân. Không phải là thủ tiêu tranh đấu mà chính là tranh đấu gay gắt với địch bằng mọi hình thức dẻo dai, trong những trường hợp khó khăn hơn, trong những hoàn cảnh phức tạp hơn.

Nhiều cái đầu gật gật. Tam men lại gần Quy. Đinh giả vờ tìm cái điếu, cũng chuyển chỗ lại gần phía ấy, cử động thấy thoải mái. Không khí nhà họp bốc chuyển khác hẳn lúc mới đặt vấn đề. Giọng đồng chí bí thư lại đều đều:

- Khi Đảng rút chúng ta vào bem, không phải là Đảng nghi ngờ chúng ta. Thật ra, thì là Đảng đặt nhiều tin tưởng vào tinh thần và năng lực những đồng chí trung kiên được nhận công tác này.

Tam thấy hình như đồng chí bí thư theo dõi và

đọc rõ tư tưởng mình, đang giải quyết thẳng cho mình. Đầu óc anh nhẹ nhõm. Anh nhận rõ mình buổi sớm nay đã có lúc hoang mang, mất tự tin. Tam dựa mạnh vào Đinh. Hai người cảm thông với nhau. Ý kiến mọi người có rất nhiều nhưng cuộc họp không ồn ào. Kết quả là bốn đồng chí sẽ rút vào bem: Đinh, hai đồng chí đi công tác vắng mặt và nữ đồng chí Minh.

Công văn hỏa tốc bên tiểu đoàn chủ lực chấm dứt cuộc họp. Đồng chí bí thư khoác sắc cốt đi luôn với anh liên lạc. Ngõ xóm nhiều hầm hố gồ ghề, ngói gạch lởm chởm. Không ai thụt và vấp. Minh và Đinh miên man với những rộn ràng mới. Họ càng thấy phải cố gắng và tự tin mình hơn nữa. Minh đồng ý với Đinh là càng rút vào bí mật, càng phải xung phong làm mọi công tác phục vụ như đồng bào. Nhưng mà từ trước giờ, đã lộ tí nào mình là người trong tổ chức chưa? Mình quay lại phía sau. Quy đang hăm hở vượt lên đi thẳng về điếm gác. Đồng chí chi ủy già đã có ở đấy rồi. Vẫn kè kè cái điếu cày và mảnh cót thay chiếu; bao lâu nay đồng chí vẫn đều như thế, không ngủ cả đêm thì ít nhất cũng nằm chung với du kích một vài trống canh. Quy hội ý với anh em, sắp xếp lại một lần cuối cùng ai ở tuyến ngoài, ai ở tuyến đánh mìn và ai ở tuyến

lựu đạn đánh giữa làng. Có thể là mai nó quây sớm. Đồng chí chủ tịch xã cũng vừa đến nói vọng vào điếm: "Đồng chí nào đi với tôi ra bến đây nhí?". "Có tôi". Một du kích trao điếu đóm cho người khác, vụt chạy ra ngoài. Quy gọi giật lại: "Sao lại không mang tiểu liên đi? Nhanh mà về ngay nhá".

Một bóng người ngồi thù lù ôm gối có vẻ suy nghĩ nhiều. Quy nhìn mãi mới nhận ra Tam.

- Đi ngủ thôi chứ Tam?

- Mình muốn nói chuyện với Quy.

- Gì thế? Cần không?

Hai người khoác tay nhau đi ra ngoài, Tam thân mật nắm tay tổ trưởng Quy.

- Sau khi đồng chí phổ biến tin rút bem, tôi có những khuyết điểm lớn. Đáng lẽ tôi phải phấn khởi để nhận công tác mới thì tôi lại có những ý nghĩ rất sai lầm. Vừa rồi đồng chí bí thư đã làm cho tôi sáng mắt ra rồi. Nay, tôi không được rút vào bem nhưng tôi thấy cần phải tự phê bình riêng với đồng chí nữa mới đủ.

Quy ôn tồn:

- Thựa ra tôi cũng khuyết điểm là không giải thích rõ khi phổ biến tin rút bem với Tam. Thôi bây giờ Tam đi ngủ để sớm mai còn làm nhiệm vụ.

II

Liền mấy năm quần nhau với ứng chiến và dõng ngụy tràn đến, hình như lúc nào làng Nghìn cũng sẵn sàng để có một quang cảnh mới. Đường cái to ngày trước xe cao su ở tỉnh vẫn về đi thẳng vào cổng chính thì nay bạt bằng đi lẫn với các chân ruộng; giữa cánh đồng lù lù dựng lên một con đê khuyến nông giữ nước làm chiêm; hướng làng xoay lại, mở lối mới, ngõ cũ vít lại tre xóm giữa đánh ra ngoài lũy, đất hầm hố dưới sâu đổ lên thành ụ đống tác chiến. Làng Nghìn luôn luôn cải biến địa hình địa vật. "Bây giờ cả làng ta lấy đêm làm ngày đã quen rồi. Ruộng cấy chiêm mà hỏng thì cả làng lại giúp nhau xoay ra làm mầu hết". Bà Tư mỗi lần nguyền rủa giặc thường vẫn nói thế. Rồi thì là quen tất. Nói thế nào cho hết được. Mấy phen cả làng chạy chìm chạy nổi, lúc cùng kéo nhau đi hết, lúc lại cùng kéo nhau về cả. Thực vậy, ở gần nó, không khuất phục nó, nhất định chống lại nó đến kỳ cùng, thì rồi thế này chứ có thế nào đi nữa, đều cũng là phải quen hết. Nhưng mà thật tình ra đã có mấy cụ, mấy em bé mấy bà có con lánh nạn hiểu rõ cho nỗi bâng khuâng của trung đội du kích ở lại giữ làng Nghìn nhớ bà con xóm giềng thân thích

đã tạm rút đi cả. Làng Nghìn bao la khoảnh tre, trở nên trống trải, cả trung đội lọt thỏm hẳn đi. Mảnh sân nhỏ bằng bốn cái chiếu giờ thấy nó cũng mênh mông.

Bờ giếng không có người đánh đổ nước gánh, gợi nhắc hơn là những cái bếp ông đầu rau tro nguội. Chia nhau đi canh gác, du kích nhìn vào chỗ nào cũng thấy nó thế nào ấy. Họ nao nao nhắc thầm đến tên nhiều gia đình. Gió thổi cành tre, hun hút thăm thẳm.

Vậy mà làng Nghìn lại rầm rập người đi lại, rì rào chuyển động trong bóng đêm. Cả súng lưỡi lê va chạm lách cách. Tiếng bước đi thình thịch. Ông giáo Ly giá có ở nhà đã tưởng là biệt kích của nó mở cổng lẻn vào định chộp người của ta.

Các đồng chí của chú lực tỉnh về đóng tại làng Nghìn phân tán nghỉ ở các nhà đồng bào, không phải cho đợi thu xếp chỗ như mấy lần trước. Chỉ phải cái là vách đất mái gianh thủng dột vì tầu bay trái phá, giường vẫn không có, ổ rơm cũng không. Các đồng chí chủ lực cười nói với anh em du kích là : "đến một năm nay mới lại có dịp trở về làng Nghìn. Năm ngoái còn có giường, nhưng thôi, ngủ trong nhà đồng bào thế này là qúy lắm".

Tiếng xay thóc nổi lên ở một vài nơi. Nồi này

bắc ra khỏi bếp, nồi khác đã kê vào ngay. Cơm nắm chia cho mỗi chiến sĩ chủ lực là ba nắm. Vạc kêu mấy đợt, lửa bếp nhạt dần. Từng tốp hai ba người, các chị cấp dưỡng rời khỏi làng, mong đơn vị lại về tổ chức "lửa chiến thắng" ngay ở sân đình làng mùa nông tác và dạy cho những bài ngụy vận mới như lần trước. Mình đi theo một chị dặn dò kế hoạch giúp đỡ mấy gia đình neo người sơ tán sang bên kia sông.

Một tổ du kích lặng lẽ đi qua, cuối hàng là một chị bé khiêng một quả mìn nhỉnh bằng trái dưa hấu.

- Xim đấy à?

- Chị Minh đấy à?

Minh nhìn em rẽ ngoặt vào ngõ tối. Hai chị em thường là không nói chuyện công tác với nhau và chưa lần nào nhìn thấy nhau giữa thực tế công việc. Lần đầu Minh thấy rõ Xim vác mìn bước dài như người nhớn. Xim bám sát tổ mìn đi bố trí, biết chị Minh đang chuẩn bị lương thực cho chủ lực và phụ trách những đồng chí thương binh vừa gửi đến. Cái đêm làng Nghìn rộn ràng phối hợp với chủ lực đánh càn, cũng là đêm đầu tiên mà hai chị em suy nghĩ về nhau rất nhiều, gắn bó với nhau hơn cả tình ruột thịt, thấy gần nhau hơn tất cả những ngày đã qua. Giữa phút

chuẩn bị căng nhất của cuộc chiến đấu giữ làng Nghìn, Minh và Xim nhận rõ nhau trong công tác cụ thể của mỗi người. Minh tin tưởng vào phong trào làng Nghìn sẽ còn lên cao hơn nữa và lôi hút gắn chặt Xim và Minh vào sự tiến bộ chung của địa phương. Bờ ao quanh co mấp mô, nhưng bước chân của Minh thật là chắc và nhẹ. Minh cùng mấy chị hộ lý đưa cháo nóng đến các cửa hầm thương binh. Hầm để ngỏ cửa, nhưng hơi nóng từ lòng hầm vẫn hầm hập thối mạnh ra. Anh thương binh dập chân, tuy mệt nhưng cũng kể qua về trận vận động phục kích đoàn xe nó trên đường cái liên tỉnh, cách đây tuần lễ. Năm đồng chí bị vướng trong tầm súng cầu vồng địch. Từ hôm bị đạn ép được di chuyển qua bốn địa điểm và hầm làng Nghìn này dễ thở hơn ở các hầm các xã khác. Anh ôm chân tỏ ý tiếc không được lành mạnh để lập công tại chiến trường làng Nghìn và có kỷ niệm chung với anh em du kích. Đơn vị anh rất quen với đồng bào làng Nghìn, nhưng riêng anh là tân binh thì lần này mới về đây là lần đầu. Minh khẽ đỡ người anh cao lên. Bát chào đi khói, Minh giục anh húp dần.

*
* *

Còn tối đất, tầu bay nó đã lên. Đại bác xe cơ giới rót tập trung vào làng. Đúng như nhận định của trên, sớm hôm nay địch mở càn. Quân nó tản ra đen ngòm cánh đồng, dựng như hình bắn bia trên mặt đê cao phía đằng đông. Con đường liên tỉnh vang vang ì ì đoàn xe căng bạt xanh, tầu bò lạch xạch nặng nặng. Luồng bụi cát cuốn bốc không có đầu không có cuối. Lửa tóe từng chòm từng chuỗi ở đầu làng, giữa làng, trong làng, ngoài mặt đồng. Tàu bay cổ rụt chúc thẳng xuống đầu tre, tiếng rú đâm lên lao xuống lồng lộn khạc lửa rào rào. Tầu bay hai thân sạt mái nhà, lượn vòng rộng. Mùi xăng bom lửa khét lẹt. Những đống khói đặc sệt của na-pan đen cuộn bốc song song với những cột khói xanh cây rơm rạ, mái gianh cháy lém lém. Chuối tăng gia dập gẫy từng khóm từng hàng dãy một. Mắt mọi người đỏ ngầu căm giận. Tất cả du kích xót xa nghĩ đến công của của dân làng gây dựng giồng giọt. Lại hàng năm nữa mới được trông thấy quả. Những tiếng xé dã man của đại bác phọt dựng cao, tung tóe lòa mắt. Lá tre bay như lốc. Xim tụt xuống, rời ống tre quan sát, toài theo hầm chéo đến báo cáo với Quy:

- Báo cáo đồng chí xã đội: địch chia làm hai cánh. Tiến vào đây và tiến sang bên Bưu.

- Đồng chí Xiêm liên lạc ngay với các tổ mìn. Không tổ nào được lãng phí mìn. Có thể quần nhau cả ngày với nó.

Xim bò ra ngoài. Quy ngoái lại nói theo:

- Cứ bình tĩnh. Có các đồng chí chủ lực phối hợp thế nào cũng thắng to hơn lần trước.

Bên làng Bưu, chúng nó đang hò la húc vào nhưng vấp ngay, lại thấy lùi hết cả ra. Bưu và Nghìn cách nhau một cánh đồng rộng. Nửa đêm về sáng, chủ lực đã lặng lẽ chuyển sang làng Bưu, chỉ để lại hai tiểu đội phối hợp với du kích, Bưu có địa thế lợi hơn làng Nghìn.

Tổ mìn Xim bố trí gần cổng tán chặn ngay lối vào ngõ cụ Hội. Cổng vẫn để nguyên không hạ. Xim nhấp nhổm nhìn ống viễn tiêu thẳng chiếu ra đầu cổng gạch đổ.

- Chị trông thì cứ trông, nhưng chưa có gì đâu. Bom và đại bác nó còn dọi như thế thì bộ binh chưa vào đâu. Nó còn yểm hộ. Ngớt súng lớn và bom, nó mới vào. Bao giờ cũng thế.

Giọng Tam đều đều, chắc nịch. Xim quay lại. Tam bật lửa rít điếu thuốc lào, nói trong khói: "Chị nhớ tháo cái múi giây mìn quấn vào cọc không thì lại giật đứt tay mà không nổ đấy". Xim liếc nhìn Tam, đỡ hồi hộp hơn ban nãy. Tam giật mìn có thành tích, kinh nghiệm địa lôi

của Tam được nêu khắp các xã vùng du kích đây. Trận càn lớn này, Tam vững vàng tin mình, tin trung đội mình, tin các đồng chí chủ lực. Thời đế quốc, Tam đi cày thuê sống khổ, ngày tối như đêm. Kháng chiến, anh có ruộng cày, và vào du kích bảo vệ ruộng mình và ruộng làng. Anh bám ruộng đất anh, ruộng đất của toàn xã mà đánh giặc. Nó mà đến được thì mất hết. Thì nó lại đè lên, chà đạp lên con người ta, rồi cuộc đời lại tối tăm đau đớn hơn cả ngày xưa. Nó là thế đấy. Đốt hết, phá hết, giết hết. Không thể như thế được. Hễ quân nó đến gần mìn chôn, là anh kéo gọn đầu giây. Tam tự nhủ là cố gắng khắc phục gian khổ bây giờ rồi sau này sẽ hoàn toàn rảnh tay mà cầm cái cày cái cuốc, muốn giồng thứ gì cũng có muốn cày ngày hay cày đêm cũng là do mình định lấy cả. Nhưng lần này, Tam thấy có khác mọi khi. Là nhận trách nhiệm đi gần Xim, giữ vững tinh thần và dìu dắt Xim đánh mìn. Không thành vấn đề, trái lại Tam còn có cái tự hào của người đảng viên của người du kích đi sát với đồng bào chống giặc giữ làng. Nhìn Xim nghĩ về Xim, Tam còn coi Xim như một người em gái từ nay sống gần mình rất nhiều. Xim cũng ngắm nghía Tam, thoáng có lúc hai má đỏ ửng, cúi mặt xuống. Tam tì cùi tay trên gối, tai nghếch lên

dính hẳn vào trần hầm, lắng nghe những tiếng nổ vang nặng trên mặt làng. Tiếng bom, tiếng trái phá trên đất đã im nghỉm. Tam chuyển dáng ngồi.

- Chị Xím nhìn kỹ ra đầu ngõ nhá!

Ở tổ mìn khác, tổ viên chuyển động. Lòng hầm chật vướng, họ lấy gân, tập trung hết tư tưởng vào một ý nghĩ chính, khuôn gò người vào những dáng điệu dồn căng. Trong khu hầm ác chiến điểm của tuyến trong cùng, tổ viên các tổ lựu đạn bắt đầu rút chốt. Tuyến đánh súng bố trí quanh hào trong, có những đầu người khẽ nhô lên khỏi mặt hầm công khai. Chủ lực tỉnh và du kích xen kẽ nhau, lê dần đầu ruồi súng vào các lỗ châu mai chân lũy. Chủ lực có nhiều đồng chí quen thân với Quy và Tam từ mấy lần cũ đi quấy đánh vị trí. Chiến trường chuyến này lại ở đây, chủ lực không bỡ ngỡ với địa hình địa vật, với trung đội xã. Họ thân mật căn dặn nhau để cùng khai hỏa. Quân nó cẩn thận tiến vào. Đại liên trung liên nó thút thút qua cành rào, gõ bục bục vào chân lũy. Bụi mù mịt, một vài tích tắc, không nhìn rõ tốp quân bộ đằng góc tha ma. Bọn da đen xông lên trước, dõng ngụy rồi đến rất đông da trắng. Súng trường làng Nghìn nổ tập trung. Trung liên chủ lực cứ ba viên một ba viên

một. Nó vấp lùi ra, ép người bên các chõm mả. Tầu cào cào nghiêng vè vè trên đầu. Đợt bom và đại bác thứ hai chuyển hướng sang phía Bưu. Bưu dồn dồn những tiếng nổ to rền. Khói đen khói vàng bốc lên ngùn ngụt, đứng sững trên làng, không tìm được lối tiêu thoát. Lợi dụng đại bác và bom nó nổ to, moóc-chê nặng của chủ lực bên Bưu cũng bắt đầu vào trận. Làng Bưu kín một góc giời lửa cuộn trong khói đen. Rồi không còn biết đằng nào mà phân biệt tiếng nổ của ta tiếng nổ của nó. Tàn gio lửa bên ấy vương bay lùa cả sang bên này. Nó chuyển đoàn cơ giới lại, bắn đạn vào chính diện làng Bưu, làng Nghìn. Còn đoạn cây cau nào là gục nốt. Không một tầu lá chuối nào nguyên vẹn. Càng quá trưa nó càng bắn nhiều. Nó xung phong vào làng Nghìn thành nhiều mũi, nhưng không dám chủ quan nghênh ngang nữa. Tố súng Quy trực tiếp đi sát, bắn tỉa không chệch một phát nào, chiến sĩ chủ lực reo lên mà khen: "Mỗi viên một quân thù". Nó chết nhiều nhưng vẫn cố bám lấy gò đống bãi tha ma làng, đổ đạn vào cành rào. Đến chiều nó dội chừng hai trăm bom chùm lên làng Nghìn, có cái vẻ muốn chiếm cho bằng được, dùng Nghìn làm bàn đạp đánh sang Bưu. Và có thể nó nhắm làng Nghìn làm nơi đóng quân đêm. Quân nó lại lom

khom nhảy trên các mảnh ruộng, nhấp nhổm chuyển nhích theo các mép ruộng, bò toài trên bãi thả trâu mọi khi. Đạn lửa quạt suốt vào lòng ngõ sâu phía Tam đặt mìn. Xim cúi sát vào Tam, miệng kề vào tai Tam:

"Anh Tam, anh Tam, nó tiến vào cổng gạch".

Xim nghe tim mình đập mạnh, càng dựa sát nữa vào Tam. Xim thấy mình rất tin tưởng vào Tam, lúc này ở trong hầm và cả ở những hoàn cảnh sau này bất cứ ở đâu đâu. Đi gánh thóc gánh đạn nhiều lần với các anh thanh niên, hò hát vui sống với các anh rất nhiều, nhưng chưa lần nào Xim có những ý nghĩ triền miên như lúc này ở bên cạnh Tam. Xim khẽ hỏi:

"Để nguyên cổng tán hay sập xuống hở anh?"

Giọng nói của Tam không được tự nhiên như mọi lúc: "Giương cổng lên mà đánh... Ta đánh nó ở trong này. Kéo giây được rồi đấy. Kéo đi, chị Xim!"

Tam lách nhanh sang cửa ngang, luồn ra. Xim nín thở, kéo giây. Khói đen quả mìn đại bác 75 loang rộng đầy ngõ. Tam định nhảy lẫn vào đống khói ngụy trang cướp súng. Nhưng trung liên no bắn xả vào đám khói mìn, bắt nát cả xác thằng chết, yểm hộ cho những thằng vào cướp xác đang cầm cổ giầy đinh lôi xềnh xệch.

Đợt sau nó vẫn đường này tiến vào. Tam ghé sát viễn tiêu, giữ tay Xim không cho giật vội, bỗng lắc mạnh vai trái Xim. Tay phải Xim liền rút giây. Lần này Xim không nhắm mắt nữa. Tam lại giật giọng: "Kéo nữa chị Xim". Xim nhìn thẳng vào mắt Tam, gật đầu. Quả thứ hai nổ sát ngay quả vừa rồi. Đầu góc trận đằng kia, Quy reo to: "Bọn Tam và Xim ăn to rồi. Ít ra là hai tiểu đội ở chỗ mìn đôi ấy". Các tổ súng vẫn bắn tập trung ra. Khẩu trung liên của bộ đội chốc lại chuyển chỗ. Quy làm được một khẩu súng Mỹ. Anh tiểu đội trưởng chủ lực vui cười với tổ súng du kích phục anh em bắn tỉa và nói là chuyến này lấy được của nó bao nhiêu chắc Ban chỉ huy tỉnh đội sẽ để lại cho các đồng chí ở đây hết, trừ súng cầu vồng và súng máy lớn. Tầu bay nó hồng hộc vòng quanh, rú lên rú xuống. Súng lớn của ta ở bên Bưu rót vào phía sau đoàn xe tập trung của nó. Chớp của bom đạn nó và ánh chớp của súng chủ lực nhằng nhịt vào nhau, Quy không thể phân biệt được nữa. Một chiếc tầu trực thăng hiện trên nền khói, đỗ xuống sau đám xe vải bạt quây tròn trên ruộng xa.

Nó vẫn quát tháo lẫn nhau thúc nhau vào làng Nghìn. Quy chuyển tổ súng vào tuyến giữa tăng cường cho các tổ đánh cận chiến giữa làng.

Quy lách nhanh vượt các đoạn hầm chìm, nhảy vọt lên cửa hầm, băng tắt qua một cái sân hai cái sân, lại chui xuống các cửa khung đầu mối hào chìm, vào các tổ mìn, tổ lựu đạn.

- Cho nó phân tán vào các ngõ, các nhà. Tuyến mìn đánh cuối cùng đấy nhá!

Nó tỏa vào các ngõ tỏa đến đâu, những con mắt bí mật ở các lỗ viễn tiêu nơi kẽ gạch, kẽ vách,, kẽ máng tường theo dõi nó đến đấy, không bỏ sót một động tác nào, một câu thảng thốt nào của giặc. Tổ viên lựu đạn nghển sẽ người lên đều tay thả lựu đạn xuống lòng ngõ, chưa kịp nghe nổ lại vụt xuống ngõ dưới. Nó đổ huych trong ngõ, la rống kêu hét. Các tổ súng chia đánh chim sẻ, mỗi lần chuyển chỗ là bóp cò, không lãng phí viên nào. Bấy nhiêu đứa lại ùn ùn lùi ra cổng. Mìn dưa mìn muỗi mấy quả đại bác 75 giờ mới nổ lại kết quả hơn là giật ngay lúc nó vừa vào. Giời chạng vạng. Cả ở Bưu cả ở Nghìn, quân nó rút ra, dựa lưng vào đường cái mà đóng lại. Mặt trận Hải Dương xa vọng lại những tiếng moóc-chê vu vơ trong đêm tối. Gần nửa đêm, chú lực bên Bưu gửi thêm sang cho hai tiểu đội, đề phòng ngày mai nó thí thân vào Nghìn lấy đà chọc sâu các xã trong.

Trung đội du kích họp kiểm điểm trận đánh

ngay trên mặt hào ngổn ngang tre ngói đất tảng tung vãi. Không ai bị thương nặng, trừ Tam. Các tổ súng trường lần này mắc phải nhược điểm là trong mấy đợt đầu, một số tổ viên đã ỷ lại vào chủ lực. Đồng chí Quy đi sát các tổ súng, đưa ra những nhận xét cụ thể. Nhưng tổ súng đã sửa chữa được ngay trong những đợt cuối, đồng chí nào cũng tích cực phát triển lối đánh chim sẻ giữa làng. Các tổ mìn nhiều ưu điểm. Nhất là tổ Tam và Xim. Mọi người hoan hô "anh Tam và chị Xim". Xim đang đun nước sôi và xé mảnh khăn vuông cũ, chờ chị hộ lý đến buộc thuốc cho Tam bị ở cánh tay. Tiếng mọi người đề nghị Xim ra báo cáo tỉ mỉ trận giật mìn. Tam tươi tỉnh giục Xim: "Xim chạy ra với anh em đi". Xim trù trừ đứng dậy, còn kê lại cái gối quần áo cho Tam. Tam nhìn theo. Xim ra diễn tả lại trận đánh, rắn rỏi khác hẳn mọi ngày. Cả trung đội mải nghe, nhiều lúc quên bẵng đi Xim là một nữ du kích mới gia nhập trung đội. Một đồng chí bần nông hỏi chị Xim giật mìn như thế nào, thấy nó thế nào. Xim nhíu nhíu đôi lông mày cong, nhớ lại một cách khó nhọc và kêu là "nó nhẹ như rút cái tăm và nặng như tát gầu dai". Trên nhiều khuôn mặt bụi đất còn bám đầy nở rộng những tiếng cười.

Ban chỉ huy tiểu đoàn ra mệnh lệnh chuyển hết thương binh cả cũ lẫn mới đến y xá bên kia sông con trong đêm nay. Một số anh em du kích đang say đánh đều thắc mắc, khi thấy điều động họ sang công tác chuyển thương binh, nhất là những anh chưa được lập công trong suốt ngày hôm nay. Quy giải thích thêm: "Tôi nhắc lại. Đồng chí Đinh chờ sẵn ở bến sẽ chuyển anh em thương binh xuống thuyền. Xong, anh em sẽ về ngay đây, các tổ vẫn bố trí nguyên chỗ cũ. Các đồng chí đi nhanh về mà giành những chiến công trận ngày mai". Nền làng chỗ hoắm xuống như chuôm ao, chỗ đội hẳn lên thành nhiều gò đống nhỏ.

Không phải là một cuộc đi thăm hỏi chính thức, không ai bảo ai nhưng tất cả du kích làng Nghìn lẻ tẻ đến dần và xúm quanh các đồng chí thương binh của chú lực. Xim không nói, nhìn rất lâu anh em thương binh, nhìn rất lâu những vết thương cũ vết thương mới. Xim chen vào vòng trong dắt lại chăn, dính cả máu vào tay mình. Xim nắn nắn tay anh thương binh cúi cúi như định nói một câu gì. Người Xim nhoi nhói, cánh mũi phập phồng, mắt ướt dần, lảng ra. Du kích vòng lấy võng tre tươi loang đẫm máu. Thương binh và du kích nói với nhau không nhiều, cảm

thông với nhau trong một niềm căm thù lặng lẽ. Một đồng chí thương binh bạnh hàm răng cắn chặt, chống nạnh tay gượng nghển đầu lên, giọng run run: "Đồng bào tả ngạn, ai cũng biết tiếng, ai cũng nói đến các đồng chí du kích làng Nghìn. Tôi là tân binh trong đơn vị. Nay được gặp mặt toàn thể các đồng chí tôi rất tin tưởng. Tình đoàn kết chặt chẽ của du kích và chủ lực nhất định chiến thắng chúng nó".

Thế là từ bây giờ Xim không bao giờ quên được nét mặt hiền hậu anh tân binh bị thương ghé một đêm ở làng. Nếu không có lệnh tập hợp du kích khiêng cáng đi ngay thì Xim đã chạy đến nói riêng với anh tân binh là Xim còn giật mìn nữa, nhiều nữa để trả thù cho anh. Minh đứng sau Xim, giật gấu áo cánh Xim. Hai chị em mắt đều sáng to cả ra ôm chầm lấy nhau.

- Xim giật mấy quả tất cả?

- Quả đầu em run tay. Có anh Tam ngồi bên, sau em tin tưởng làm được nhiệm vụ. Giật xong, chính em không nghe thấy mìn nổ. Mà nó lại rung người lên. Lúc kiểm điểm các anh khen em, lại còn nhắc là: "Em chị Minh đấy"... Thế bây giờ chị đi với các chị hộ lý đưa các anh ra bến đò đấy à?

Minh gật: "Rồi chị theo sang luôn bên trạm

cứu thương..." Cáng võng đã đặt lên vai anh em du kích. Chị hộ lý gọi Minh. Minh tuông đi theo, ngoái cổ lại: "Hôm sau về, nghe cô kể nốt nhá!".

Bảy cáng thương binh men lối đầm ao khuất khúc. Thương binh không ai có ba lô, chỉ phủ lên mình chiếc chăn trấn thủ nâu. Người khiêng nào cũng súng trường lựu đạn. Minh cũng một quả bên hông. Chỉ có mấy chị hộ lý là đeo túi dết không thôi. Đồng chí đeo tiểu liên đi chặn hậu bỗng kéo giật Minh lại. Sẹt sẹt liền mấy tiếng, hỏa pháo nó bắn vọt lên sáng lòa. Đoàn cáng được đặt xuống ngay, mọi người ngồi thụp xuống. May là vừa qua hết những cánh ruộng bùn. Pháo hiệu chiếu vào thân đê sáng tựa ban ngày. Minh bò lên, dắt mép chăn, kê lại đầu, đưa nước khắp lượt cho bảy đồng chí thương binh. Đồng chí thương binh ban nãy phát biểu ý kiến với du kích, nhìn Minh chớp chớp ngập ngừng muốn nói. Hỏa pháo tắt. Minh vừa đi vừa lo tính công việc trước mắt. Rút vào bí mật, công tác dân vận cụ thể của Minh là phục vụ xong thương binh và sang đến quân y xá rồi, thì bắt đầu liên lạc ngay với một số gia đình sơ tán, theo sát tình hình tư tưởng đồng bào và đặt kế hoạch giúp đỡ. Mình không rõ lần càn này quy luật địch tiến quân đóng quân có những gì khác những kỳ trước.

"Nếu nó đóng lại, mà đóng lâu, và kiểm soát bờ sông đường cái thì công tác mình sẽ gặp nhiều khó khăn mới. Nhân dân lưu vong, phân chia, ăn gửi nằm nhờ bên xã bạn, tinh thần cũng dễ hoang mang. Kế hoạch của mình bây giờ phải tỉ mỉ đến từng gia đình từng cá nhân một". Nhiều băng súng máy nổ choàng phía đường cái sau mấy tiếng lựu đạn. Đồng quạnh lặng xuống như cũ. Đinh ngồi xốm bên đường, chờ đoàn cáng đến gần. Anh vỗ nhẹ tay ba cái cho anh em biết là người nhà, ghé gần vào từng người: "Cứ yên tâm xuống đò. Chủ lực cảnh giới hai đầu đê rồi". đò nan lớn mỗi chiếc nhận hai thương binh cá cáng và bốn dân công.

Minh kể tường tận cho Đinh nghe những chi tiết đánh càn ở làng. Đinh chăm chú nghe kể về Xim, nhìn chăm chăm Minh, có ý cân nhắc so sánh hai chị em. "Xim còn nhiều triển vọng, chị Minh ạ". Hai người sang chuyến cuối cùng, yên tâm qua đò như ở một bến ngoài vùng tự do. Minh nghĩ đến những ngày mai ngày kia của bến sang ngang. Có thể bến sẽ nâng lên. Có thể hạ bến xuống. Và có thể là Minh vẫn đi về trên sông con này mà không cần có bến nữa. Lờ mờ hiện dần trong đầu Minh hình ảnh miếng vải nhựa ni lông xanh đỏ bọc túm quần áo lúc vượt

sông cấp kíp. Mình hình dung lại cảnh quê làng, càng nhớ Xim, tự trách mình có nhiều thiếu sót đối với em; riêng đối với mẹ thì lại còn có sai lầm nữa. Những người thân thích trong gia đình mình, đấy là quần chúng tốt, cứ gì phải ở đâu xa mới có! Hỏa pháo nó lại vọt lên xanh lè. Nhưng đoàn thương binh đã chuồi nhẹ hết sau thân đê bên kia rồi. Mình đi sau rốt. Bóng đen chiếc khăn mỏ quạ lụt dần xuống.

III

Bến đò vẫn nguyên như cũ. Con dâu bà Tư vẫn chở. Đò đông. Quang gánh thúng bị tơi nón. Người làng Bưu, làng Nghìn, làng Vôi, người quen, người chưa quen. Vài con trâu buộc giấu dưới gốc nhãn. Bò chứ không phải trâu: bò ngụy trang một lớp bùn khô. Nhưng trâu hay bò thì cũng phải đợi nhá nhem mới cho sang được. Thật đấy, trâu bò lúc này là qúy như mạng người. Tầu bay nó còn là đi báo thù vặt. Một anh cồm cộm khẩu súng lục ở cạp sau quần nâu nói: "Theo tin tức của nó mình vừa lấy được thì nó bị một thằng quan tư. Tên nó dài lắm. Lòi ruột. Tầu bay trực thăng đưa về Hà Nội, chết ngay ở nhà

thương Đồn Thủy, Moóc-chê 80 của chú lực đấy! Rót đúng vào Ban chỉ huy nó đóng chỗ đoàn cơ giới quây tròn trước làng Bưu". Ai cũng có một câu chuyện muốn nói ngay.

Chị chở đò đề nghị mọi người im đi xem có phải tiếng khu trục không. Vẫn còn giờ của nó đấy. Một chị loay hoay với quang gánh và hai con nhỏ. Mình san lại đôi thúng cái và ẵm đỡ một em nhỏ.

- Đã hôm nào phải ăn cháo chưa hở bà?

- Chạy dài nữa thì rồi cũng đến thế đấy. Nó mà còn ở nước ta thì chẳng bao giờ đủ cơm hai bữa được. Chẳng rõ bên Bưu chúng tôi nó đốt cháy có mất nhiều không đây. Thôi chị đi công tác mạnh khỏe. Xin chị cháu bé, tôi rẽ tắt quãng này.

Loa xã bạn lanh lảnh phía bến, mời đồng bào ở đâu về đấy tiếp tục tăng gia làm ăn. Loa giây truyền xã này phát thanh chưa hết thì xã bên đã tiếp vào, nhắc lại ngày Tổng tuyển cử năm nao. Tối sập thì Minh về đến Nghìn. Bếp nhiều nhà lom đom củi lửa. Mẹ cũng chưa về. Xim vắng nhà. Trên bệ đất đĩa khoai sọ ăn dở, có củ còn âm ấm. Chắc là Xim luộc ăn trước khi đi họp. Minh nhai thều thào mấy tiếng rồi thiếp trên bục đất. Lúc Minh cựa mình thấy vướng, mở mắt

thì Xim cũng đang ngủ sát cạnh, có vẻ mệt hơn mình. Giăng lói trên ngọn cau cụt, sói ngang vào sân đất trước nhà bừa bộn đất tảng. Bể nước mưa bay đi đất mất. Ở đây là một cái hố hoắm xuống, bằng thùng tôi vôi. Minh phác qua danh sách các gia đình, ngày mai đi thăm nhà nào trước nhà nào sau. Ao hàng xóm ì uồm, lao xao tiếng chửi rủa Tây. Minh nhổm dậy. Xim choàng nắm chặt tay Minh vừa nói vừa ngáp:

- Chị Minh đi đâu đấy? Chị sang bên kia sông đấy à?

- Không, bây giờ thì lại công tác quanh bên này và ở nhà lâu. Chị chạy sang thăm cụ Tuynh bên cạnh.

- Em cũng đi với.

Cả nhà cụ Tuynh bì bõm dưới ao, vớt lên những mảnh ván khung giường, ghế chõng, bùn loang loáng rỏ giọt.

- Chào chị Minh vừa về. Kìa, chị Xim cũng sang chơi. Trẻ con nhà này nhắc đến chị Xim luôn. Rồi cũng tập nặn quả mìn, đào hầm khoét lỗ, nghịch đất suốt từ sáng đến giờ. Chúng nó vừa đi ngủ, chứ không thì các chị còn bận khối ra với chúng nó.

Cụ Tuynh rửa tay nói tiếp:

- Thật cũng là trông cậy vào bộ đội và anh chị

em du kích chứ không đánh mà nó vào được nó ở lại được thì còn vô khối là nhục nhã.

- Thưa cụ đấy là nhờ tinh thần đoàn kết chặt chẽ của toàn dân dưới sự lãnh đạo của Hồ Chủ tịch. Du kích là con đẻ của nhân dân, nhiệm vụ chúng cháu là chiến đấu bảo vệ đồng bào giữ lúa giữ làng.

Minh thấy yêu Xim quá. "Hôm nào mình phải lục sổ tay con bé này xem nó ghi chép được nhiều chưa. Bán lợn sẽ không may áo nữa. Sẽ đi chợ đường cái mua cho Xim cái bút máy". Hai chị em chào cụ Tuynh lững thững ra cổng làng. Có giăng, chắc đông người trở về. Quả bom gang thõng bóng xuống gốc đa loang lổ vòng to. Gia đình ông giáo Ly và bà Tư cũng vừa đỗ gánh xuống.

- Có đấy chị Minh ạ. Tuy phải chạy nó, nhưng tôi vẫn theo dõi được tin tức thắng trận. Ở xã bên ấy, chưa mấy người biết rõ tên tuổi chị Xim nhưng các chị phụ vận đã động viên ngay thanh niên, đề cao trung đội làng ta đã có nữ du kích giết được ứng chiến. Quãng dưới kia, nó thả truyền đơn tôi nhặt được khối đây này. Chả hiểu nó nói gì đây?

Bà Tư cầm lấy tập giấy bươm bướm.

- Phải đấy, ông giáo cho tôi nắm truyền đơn, tí

nữa vừa dóm bếp nấu cháo. Chị Minh và cô Xim cùng sang ăn cháo nhá! À mà cô Xim này, mấy hôm đánh nó, anh em du kích và cả chị nữa, có nhớ ra cái chỗ gạo và tương tôi ủng hộ đấy không? Hôm đi tôi có nhắc anh Quy cẩn thận.

Ai cũng nghỉ lại dưới gốc cây đa sáng giăng, lau mồ hôi. Ông bà giáo Ly, bà Tư chào mọi người về trước. Minh gánh đỡ bà giáo, Xim gánh đỡ bà Tư, sức con gái băng băng như lên kho đổ thóc. Lối ngõ nhiều bóng quang gánh lố nhố. Mỗi cái vấp mỗi cái thụt chân xuống hố bom đạn mới, là tất cả lại đào mả ông mả cha quân tướng chúng nó lên.

Minh và Xim tưởng ngủ ngay được mà hóa ra thao thức cả đêm. Minh gợi chuyện, tìm hiểu thêm em. Xim hay nhắc đến Tam trong mọi việc kể lại.

- Căn cứ du kích nó như thế nào hả chị? Chả là hôm qua em nghe anh Tam bảo vùng ta vừa rồi chống càn để tiến lên xây dựng căn cứ du kích và tăng gia nhiều hơn lên.

Thế rồi giấc ngủ đến, Xim ú ớ dồn Minh vào sát vách. Về sáng, gió đồng đã lạnh lạnh.

Thôn Giếng, thôn Chùa, xóm Giữa, xóm Cuối, tất cả người làng Nghìn đều về đông đủ, kịp ngày mở đầu tuần lễ an dân và chuẩn bị ăn

mừng trận thắng.

Tinh mơ, loa dóng dả trên cổng gạch đổ. Giếng đất giếng xây lúc nào cũng lũ lĩ người gánh nước. Lối ngõ cổng xóm, sân bực các nhà ướt như mới tạnh mưa rào. Những vết máu dưới lối đi, ở sân nhà hoang đã sạch. Nhưng chân tường mặt đất vẫn còn đọng từng cục. Tiếng chổi cọ đều đều, tiếng xối nước ào ào từng thùng đầy. Ngay du kích lợp nhà giúp dân, rơm rạ quảy từ từ bên kia sông con về, qua đồng vào xóm, bà con chen nhau tựa ngày mùa. Nhiều gánh rơm phải mua, cũng có nhiều gánh đồng bào xã bạn đến ủng hộ. Đồng chí bí thư úp gianh soắn lạt, ngồi trên nóc mới, vừa lợp vừa nói sang các mái gianh khác nhấp nhô những đầu du kích bù xù. Chẳng còn ai nhớ tất cả là bao nhiêu lần dựng nhà lại. Quên đi thì thôi chứ nhìn thấy đám gio than tre gỗ nham nhở thì lại nhộn nhạo cả người lên, tiếng mìn tiếng lựu đạn lại vang vang bên tai. Nhà ông giáo Ly và cũng là lớp học của ông, chỉ còn chênh vênh một cái khung đen gẫy cụt. Ông giáo đang tập hợp một số em lớn, thầy trò cùng lội xuống ao vớt gỗ ván, chùi cọ phơi phóng để tiếp tục giảng lớp mù chữ. Nhiều tiếng chặt tre rào làng nổi lên trong hào ngoài lũy. Cành rào kéo lê đều đều cả buổi. Vết thương ở tay chưa lành hẳn, nhưng Tam cũng quanh quẩn ở chỗ

đông người rào làng, góp với tốp này một vài kinh nghiệm với tốp khác một vài mẩu chuyện vui. Nhưng Tam không nhìn thấy Xim đâu cả.

Ông chú ruột Xim đang bảo mọi người là chuyến này liên hoan, ta cứ làm đúng như cái lần ăn mừng du kích chiến thắng trước, mỗi gia đình đón một đồng chí về mời đồng chí đoàn kết một bữa rồi kể lại trận đánh cho cả nhà nghe. "Tôi cho như thế là hay hơn cả".

Cái điều Tam thấm thía nhất là thấy rõ được cái thấm thía của mọi người trong thôn xóm đối với du kích. Riêng với các cụ thì nói cho đúng ra, các cụ vào hàng cha chú cả, nhiều đồng chí đều là con cháu nội ngoại các cụ cả. Các cụ thì thiếu dân chủ lúc bàn bạc, nhưng ưu điểm là có rất nhiều ý kiến, nhiều mưu mẹo giết Tây săn sóc nâng đỡ du kích coi như thân thích máu mủ.

Trong lòng, có điều gì lâng lâng, Tam mốn hát hò lên như những lúc đi dân công ra vùng tự do. Tam tự nhủ kỳ "Lửa chiến thắng" sắp tới, thế nào mình cũng xung phong ra hát chèo. Sẽ rủ cả Xim cùng hát. Lâu nay lo nghĩ nhiều, mặt mày dăm đăm như thế cũng không lợi cho công tác. Vào đến giữa sân nhà rồi Tam mới biết là mình đến tìm Xim. Anh vui vẻ chào bà đẻ ra Xim.

Xim hỏi khẽ Tam đã gần khỏi tay được chưa. Bà đẻ ra Xim nói luôn: "Xim nó nói anh bị

thương mà tôi cũng chưa sang hỏi thăm anh được. Dọn dẹp bận quá. Đâu sáng nay con chị Minh nó cũng nói là đi hỏi thuốc lá rịt cho anh đấy".

Bà nhìn Xim, lại nhìn sang Tam, lắc đầu:

- Tôi vẫn không tin. Bảo là Xim nó giật mìn giết được mấy đứa, nhưng tôi cho là công của du kích nam giới đem nhường cho nó. Con gái như nó thì cứ đi dân công gánh đạn cũng là giỏi rồi.

- Thưa bà, chính là chị Xim giật mìn. Những thành tích này phải báo cáo tỉ mỉ lên huyện lên tỉnh, chứ không phải là muốn ai nhận cũng được.

Xim chạy sang hàng xóm từ lúc mẹ nói về mình. Bà cụ mắng yêu con gái út vắng mặt:

- Cứ nhoang nhoáng về nhà một lúc rồi lại thoắt một cái, gọi chả thấy đâu nữa... Này, anh Tam này, thế em Xim nó vào nữ du kích nhưng vẫn cứ tăng gia tiếp tục chứ?

- Thưa bà, tố nông hội đang vận động các nhóm đổi công cày giúp ruộng du kích một buổi. Anh em trong trung đội có ruộng tạm cấp đều nhường quyền ưu tiên cho ruộng chị Xim. Cũng chỉ xong ăn mừng chiến thắng là bắt ngay vào tăng gia cho kịp mùa màng. Chắc mai kia, thế nào cũng có người trên ban võ khí về đào những đại bác câm của nó cắm đầy mặt ruộng làng ta đấy bà ạ.

Tháng 1-1952

CHÚ GIAO LÀNG SEO

(Truyện thiếu nhi vùng tạm bị chiếm)

Ngày cướp chính quyền tỉnh, người làng Seo nai nịt kéo lên huyện rất đông. Ngoài cánh đồng, sau các khoảnh tre, chỗ xa chỗ gần, khắp nơi phấp phới cờ đỏ sao vàng. Không chỗ nào là không vang động tiếng cười nói chúc mừng Cách mạng, chúc mừng Việt Nam độc lập. Cho đến nửa đêm, chiếc máy khâu bác Tư vẫn sè sè đều đều tiếng máy cờ. Mọi người đều đội mũ dự các cuộc họp. Ruộng lúa cũng thấp thoáng ca lô và mũ cói.

Giao đang thèm một cái ca lô màu lam, y như cái mũ của thằng Khang con ông Chủ tịch. Giá thầy u Giao còn sống cả, thế nào Giao cũng có mũ. Giao nhớ đến thầy u, mắt dơm dớm, muốn cho trâu về ngay. Nhưng lại sợ trâu chú thím đói. Cánh đồng nổi gió càng mênh mông hơn, Giao đưa trâu về chuồng, không ăn cơm chiều. Chú thím cho là Giao đã chểnh mảng trâu, đàn đúm với trẻ làng ăn nhám nhí ngang bụng rồi, liền mắng Giao: "Thằng Giao lêu lổng, tao nhất định không cho mày đi học. Anh Thanh có đến đây mấy lần xin cho mày đi học bình dân.

Nhưng mày hư như thế có học thì rồi cũng đến giả chữ cho thầy thôi".

Thầy u Giao đều chết trong nạn đói. Chú thím đem về nuôi. Giao làm mọi việc vặt trong gia đình chú thím. Việc chính của Giao là chăm nom con trâu của chú thím, ngày ngày cho nó ra đồng ăn cỏ. Chú thím Giao không có con, Giao cũng không đến nỗi khổ lắm, nhưng Giao rất thèm được đi học. Đi học vui hơn đi trâu, được ngồi ghế, được hát, được chào cờ, được diễn kịch. Thấy chú thím nói anh Thanh đến xin cho mình đi học, Giao mừng nhưng lại lo chú thím không muốn cho mình đi học vì nhà không có ai chăn trâu thay. Cả đêm, Giao cuộn tròn trong ổ rơm nhưng mắt thao láo. Hôm sau đánh trâu ra bãi có mọi ngày, Giao đã thấy đủ mặt các bạn chăn trâu đang nhảy nhót, nói cười bô bô là sắp được đi học. Thì ra ở huyện về, anh Thanh cũng đã đến từng gia đình có trâu để xin cho tất cả đều được đi học. Giao càng mơ tưởng đến ngày được cắp sách đến trường.

Bỗng tất cả bấy nhiêu đứa reo to: "Anh Thanh đây rồi, chúng mày ơi. Hoan hô anh Thanh cho chúng em đi học!". Anh Thanh tươi cười bảo mỗi em buộc trâu vào gốc cây rồi cùng ngồi cả xuống có thành một vòng tròn. Anh Thanh ngồi giữa.

Cả bọn đều xấp xỉ tuổi nhau vào khoảng mười, mười một tuổi. Anh Thanh đều gọi cả bọn là cháu ngoan của Bác Hồ. Anh bảo : "Cháu nào của Bác Hồ cũng đều đọc được báo, đều viết được, đều cố gắng học tập và giúp ích cho gia đình, thương yêu đồng bào". Lớn làm việc lớn, bé làm việc bé, các cháu Bác Hồ đều biết yêu nước, thù ghét giặc xâm lăng, và sau này lớn lên sẽ thành những cán bộ tốt làm vẻ vang cho Tổ quốc. Anh Thanh hỏi: "Thế đi học thì ai sẽ đi trâu thay cho mỗi em?". Cả bọn lúng túng không trả lời được, nín lặng, mắt chớp chớp, lo lắng. Anh Thanh nói ngay: "Vẫn có thể chăn trâu khỏi mất công việc gia đình, và vẫn có thể đi học được. Miễn là các em biết đoàn kết giúp đỡ nhau". Anh liền bày cách cho cả bọn chăn trâu.

Từ hôm ấy, mỗi ngày chỉ cần ba em dắt cả đàn trâu của mười mấy gia đình. Cứ mỗi ngày ba em, hôm sau lại đến phiên ba em khác, còn bao nhiêu thì đều được đến trường học cả. Mỗi em đi trâu xong một ngày thì đều được đi học ba ngày liền. Cả bọn thay phiên nhau cho trâu đi ăn cỏ tập đoàn và thay phiên nhau đi học. Tính ra ngày đi học vẫn nhiều gấp mấy lần ngày đi trâu. Học xong, mỗi em lại đến thẳng cánh đồng nhận lấy trâu của mình. Trước khi đưa trâu về nhà các

em đi học nhận xét về các em giữ trâu xem có khuyết điểm gì không. Giao được toàn đội hoan nghênh nhất. Bao giờ đến lượt Giao chăn dắt, là cả đàn trâu đều no cỏ. Ở lớp, Giao ngoan ngoãn, chăm chỉ, tuy rách vá nhưng rất sạch. Chị Lê là giáo viên chỉ chê có một điểm: Giao ít cười đùa, còn bé mà cứ lặng lẽ nghĩ ngợi như một người nhớn. Giao lại ưa vẽ. Không có giấy và chì xanh đỏ. Giao lấy gạch non vẽ lên tường lớp, tường đình. Ảnh Hồ Chủ tịch, Giao truyền lại không những rất giống mà lại còn giản dị và hiền hậu hơn cả bức ảnh chính treo giữa lớp. Anh Thanh và chị Lê cho Giao bút chì và sổ tay để Giao khỏi vẽ lên tường. Sổ tay của Giao lại càng nhiều hình Bác Hồ, cái vẽ nửa người, cái vẽ toàn thân, lúc ngồi làm việc ở bàn giấy, lúc đứng nói chuyện giữa vườn tăng gia, lúc đứng trên tàu biển. Bức nào cũng thêm một lá cờ sao năm cánh.

Tới một ngày Giao đã đánh vần được ngay trên mặt báo CứuQuốc. Chú thím Giao mua báo đoàn thể và chiều tối là Giao đọc báo cho cả bên hàng xóm sang nghe nhờ. Giao nhớ được nhiều tên sông tên núi, tên các tỉnh, tên các lãnh tụ và các vị anh hùng lịch sử Cách mạng.

Làng Seo thành lập đội thiếu nhi "Măng Mọc"

có hẳn một bộ trống ếch, tang trống ghi tên đội, kèm theo hình vẽ ba cái măng non mọc sát nhau. Giao đội mũ ca lô lam như ngày nào vẫn ước muốn, và đánh trống ếch vang dồn mọi cuộc họp trong thôn xã.

II

Toàn quốc kháng chiến bùng nổ. Làng Seo nhiều người quyên tiền, du kích mua được cả tiểu liên. Cơ quan trên tỉnh trên huyện đóng ở làng Seo. Bộ đội qua lại luôn. Các em thiếu nhi "Măng Mọc" tự động tập quân sự. Bãi cát bờ sông là bãi tập của thiếu nhi. Toàn đội tập bắn súng, lấy rơm và cói vặn thành những con bù nhìn cắm ở bãi ngô để làm đích bắn súng. Nhiều con bù nhìn béo quay như Bảo Đại. Lúc đầu, súng làm bằng tàu chuối, róc hết lá, cắt khấc mang rô vào tàu chuối, vuốt mạnh một cái, nó kêu lốp đốp loạch toạch. Rồi mỗi thiếu nhi đều có riêng một súng gỗ sơn đen, bắn bằng miệng hô đoành đoành. Có một lần, cả đội lại bắn súng có đạn thật. Cò súng là chiếc đinh dài có dây nịt cao su kéo căng ra. Lấy đạn súng mút cắm vào nòng chuôi đạn đui xết. Đều một loạt, đội "Măng Mọc" hướng

thẳng vào những con bù nhìn, một thiếu nhi hô, cả đội thả nịt cao su, đầu đinh mổ hạt nổ. Một tràng tiếng nổ đều và kêu to như một băng trung liên. Cả làng giật mình, kéo nhau ra bãi ngô. Vài bù nhìn trúng đạn ngã kềnh trên ruộng bãi. Mọi người khen "Măng Mọc" chơi quân sự giỏi. Nhưng anh Thanh đem việc này ra phê bình toàn đội. Giao bị phê bình nhiều hơn vì đã dự vào việc lấy đạn của bộ đội đem ra bắn chơi. Anh Thanh còn bảo là hơn chục người rơm đội niêu đất vỡ, không có một cái đầu Tây thực dân nào, mới chỉ có bọn Việt gian thôi.

Giặc đã vài lần tràn về các xã bạn quanh vùng Giao ở. Làng Seo chuẩn bị đánh giặc. Chỗ tiêu thổ, chỗ đào công sự. Trong làng, ngoài đồng, đội "Măng Mọc" sát cánh với các anh các chị các cụ trong việc đào hầm chống giặc. Những gương chiến đấu anh dũng trong huyện, những tin tức chiến thắng, những chuyện hy sinh dũng cảm trong nước vang dội luôn luôn về làng Seo. Giao mong chóng trở nên người nhớn để được nhận công tác. Giao thù ghét giặc xâm lăng, Giao càng quấn quít với bộ đội, càng gần các anh các chị cán bộ. Trạm quân y mới chuyển đến xóm đình, Giao và toàn đội "Măng Mọc" đi lấy củi bẹ ngô, cứ hai người một mà khiêng nước cho thương

binh. Thiếu nhi làng Seo qúy yêu thương binh như anh ruột như anh nuôi mình. Bên cạnh những người què cụt sẹo mặt sẹo cổ, lúc nào cũng có trẻ em quấn quít hỏi chuyện.

Đầu năm 49, giặc về đóng bốt ở xã bên cạnh. Bốt Xồ chỉ cách làng Giao độ hai cây số đường chim bay. Đội thiếu nhi "Măng Mọc" ít có dịp đánh trống ếch nữa. Tiếng hát đồng ca đội "Măng Mọc" thường lẫn vào tiếng moóc-chê bốt địch cầm canh.

III

Đường dây truyền vào vùng sau lưng địch, đi qua cánh đồng làng Seo. Trạm nghỉ đặt ngay ở làng. Khoảng canh ba và lúc gần về sáng, không đêm nào là không có những bóng người lặng lẽ đến làng, mang xách rất nhẹ. Ban ngày ăn cơm ở trạm xong, mọi người tìm chỗ ngủ lấy sức để tối lên đường đi tiếp.

Nhiều lần bộ đội về đóng dài ngày, cùng tăng gia và tập luyện với du kích làng. Thỉnh thoảng bộ đội lại đào súng lên, đi vắng một đêm. Các anh du kích làng cũng đã đi vắng từ chập tối. Bộ đội và du kích vắng khỏi thôn vài tiếng đồng hồ

thì y như rằng, phía vị trí Xồ và trên những quãng đường nó hay đi tuần lại vang lên những tiếng súng, tiếng mìn, tiếng lựu đạn. Nhất định là hôm sao Giao lại được nghe nhiều chuyện lạ về trận phục kích, về trận đánh bốt.

Trong việc gây qũy giúp du kích, Giao sốt sắng nhất trong đội "Măng Mọc". Một mình Giao đã giồng được mấy khóm chuối lùn du kích và chăn nuôi một đàn gà du kích hai mẹ mười con. Đội thiếu nhi lại có thêm một cách gây qũy. Nhiều xã bị nó bắt trâu giết trâu, thiếu trâu cày và phải ra vùng tự do mua trâu về. Mỗi lần đưa trâu vào lại phải gửi trâu lại làng Seo, chờ dịp thuận tiện sẽ luồn trâu qua nách bốt Xồ. Đồng bào các nơi gửi trâu lại Seo, rồi cứ việc đi thẳng vào các xã phía trong bốt Xồ chờ đấy. Ủy ban Seo giao việc chăm nom trâu cho thiếu nhi "Măng Mọc". Mỗi lần thiếu nhi đưa trâu đi lọt qua vị trí Xồ, chủ trâu đưa một số tiền, Giao đưa trâu đi nhiều lần, Giao lanh lợi lại cẩn thận và cũng thuộc lòng nhiều bờ bụi, ngòi con, lối tắt. Tất cả tiền chủ trâu giả, Giao và Thiếu nhi "Măng Mọc" đều bỏ vào qũy du kích.

Việc học tập ở Seo bây giờ không được đều đặn như trước. Trường học nó ném bom không còn gì. Thiếu nhi "Măng Mọc" chia nhau cắt

phiên canh gác nơi đầu làng. Mặt đồng chân đê, lưa thưa những bóng gầy nhỏ mò cua bắt ốc cắt cỏ nhưng cặp mắt tinh nhanh vẫn theo dõi những người lạ mặt lảng vảng quanh làng. Có ai đáng nghi, thiếu nhi báo ngay cho người nhớn. Làng Seo bước vào hoạt động bí mật, xóm ngõ nhiều cuộc khai hội. Giao cầm dùi mõ ngồi trên cây đa to, bám sát tình hình địch trên đường cái, dán mắt về phía bốt Xô đỏ nhờ nhờ.

IV

Cuối năm 50, địch lập vòng đai trắng. Nó đóng thêm bốt Truôn. Đại bác và moóc-chê nó câu suốt ngày đêm. Giao và thiếu nhi "Măng Mọc" không họp hành ca hát được tự nhiên như mọi khi nữa. Thường chỉ họp chớp nhoáng ngoài cánh đồng. Hôm kỷ niệm Cách mạng tháng Tám, thiếu nhi tản ra đồng như mọi ngày, người đi cỏ đi củi đi trâu, người mò cua bắt lươn. Nhưng quá trưa thì toàn đội đều tập trung chỗ mấy bụi duối to cạnh miếu Thành hoàng. Đội chia làm hai tốp, cùng rước ảnh Bác Hồ. Không có ảnh thật, toàn đội lấy lá tươi kết hoa dâm bụt thay chân dung Bác Hồ. Hai tốp từ xa đi lại gặp

nhau, hỏi.

- Ai?

- Cháu.

- Cháu nào?

- Cháu Bác Hồ.

Xong, nhập thành một, cùng kéo nhau vào miếu kín, chỉ để lại một người canh gác phía sau gò muỗm. Tường trong cùng, Giao đã lấy gạch vẽ sẵn hình Hồ Chủ tịch. Cả đội "Măng Mọc" bước vào tường, se sẽ hát: *"Đoàn quân Việt Nam... chung lòng cứu quốc"*. Gió ngoài đồng thổi rít qua kẽ ngói qua đầu hồi miếu. Ở trong lại hỏi nhau "Cháu Bác Hồ thì phải làm gì?". Thay câu trả lời, thiếu nhi dãy bên phải đọc thuộc lòng *"10 điều ngoan"*. Thiếu nhi dãy bên trái cũng đọc thuộc lòng *"6 điều yêu ghét"*. Toàn đội khe khẽ cất tiếng hát: *"Bác Hồ Chí Minh muôn năm"*. Sắp giải tán thì người canh gác bên ngoài chạy vào, vừa thở vừa nói:

- Có hai người lạ mặt đang tiến vào đây.

Ai nấy ra khỏi miếu vội vàng, người đi tìm giỏ cua, gánh cỏ, người đi gọi trâu ơi ới. Hai bóng người vẫn chiếu thẳng cái miếu mà đi nhanh đến. Cách Giao thửa ruộng, họ cùng lên tiếng:

- Kỷ niệm Cách mạng tháng Tám vui quá nhỉ!

Giao chột dạ, cố nhìn kỹ mà không nhận ra

ai. Bỗng hai người cùng cười to. Chết chửa! Anh Thanh và chị Lê! Giao cuống quít.

- Anh Thanh, chị Lê mà em không nhận được ra đấy.Trông anh chị đen và gầy quá.

- Em Giao trông cũng gầy đi nhiều.

- Lâu lắm anh Thanh chị Lê không về, chúng em nhớ lắm. Chuyến này về, phải ở lâu với các em.

- Chị Lê và anh còn phải đi nhiều nơi trong huyện ta để gặp nhiều đội "Măng Mọc" khác nữa. Không có anh thì đã có những anh khác cũng về Seo luôn luôn. Anh chị nào thì cũng đều thương yêu các em cả... Thế bây giờ chú Giao họp cả đội lại đây anh nói chuyện, nhớ cho một em canh gác cẩn thận.

Thiếu nhi đến đủ, chị Lê kể những việc dã man của địch ở quanh vùng, rồi kể sang những mẩu chuyện anh dũng của các cháu Bác Hồ ở vùng sau lưng địch, ở vùng tự do, ở Nam Bộ như chuyện "Em Đuốc Sáng" tẩm dầu xăng vào mình đốt cháy kho đạn giặc. Anh Thanh nói Pháp đang tung ra nhiều mật thám; tụi nó hay lảng vảng đến làng Seo; nó lại cho cả trẻ con lưu manh đi dò xét nữa đấy.

- Anh về đây tổ chức lại đội "Măng Mọc". Thiếu nhi ở Seo có bổn phận giữ gìn bí mật và

phòng gian thay thế cho các anh các chị nhớn bận những công tác khó hơn. Đội ta bây giờ sẽ có cả con giai cả con gái. Đội ta bầu ngay lấy đội trưởng mới.

Tất cả đều bầu Giao. Hôm sau, anh Thanh chị Lê lại đi ngay, thỉnh thoảng mới về, trông càng gầy càng đen hơn, quầng mắt thâm đi trũng xuống nhưng mắt hai người lúc nào cũng sáng quắc.

Tình hình ngày càng căng. Làng của Giao không nằm trong vòng đai tấng nó nhưng nó vẫn sục đến luôn. Có thấng nó quây mấy lần, còn tối đất đã ập vào. Lần nào cũng hiếp, cướp, giết, đốt. Chúng nó rút đi, nền đất còn nóng hầm hập sang ngày hôm sau. Ao đầm rãnh giếng đỏ ngầu. Chú Giao bị nó bắt đi mất tích. Thím Giao bị nó làm nhục rồi giết luôn tại chỗ.

Thôn xóm nham nhở gio than, máu vương vãi, khắp sân khắp ngõ. Khẩu hiệu ta nó xóa đi hết. Giao tức lắm, nhất định phải tô vẽ lại được như cũ. Ban ngày đông người qua lại không làm được thì chờ đêm tối. Cần nhất là phải bí mật, như anh Thanh đã dặn. "Măng Mọc" đi bắt sẵn đom đóm bỏ vào vỏ trứng. Một đêm thanh vắng, các bạn canh gác mọi nơi, Giao mang than và gạch viết lại khẩu hiệu. Một bạn rọi đom đóm sát

tường cho Giao viết. Những chỗ cao thì một bạn khác kiệu Giao lên vai. Viết xong, ra về, trong giỏ mỗi bạn đều có vài con lươn đưa về nhà để mọi người đều cho là đi bắt lươn.

Một lần nó quây sớm quá, Giao không chạy kịp, nó bắt Giao, nó tra tấn các cụ các bà, bắt phải chí hầm. Thằng quan hai phòng nhì đem cái hòm điện ra, nói tiếng ta rất sõi, bảo bọn tay sai: "Người già, đàn bà con nít thì càng phải đánh khỏe cho bật ra những đứa dưới đất". Các cụ các bà kêu rên chửi mắng. Nó liền bắn chết mấy cụ ngay tại chỗ. Giao bị dánh đòn bộ, bị tra điện. Ngất đi thì thôi chứ tỉnh lúc nào là Giao luôn luôn thét lên như đứt được cuống họng, nhưng nhất định lắc đầu không khai gì cả. Du kích và cán bộ nằm các hầm gần đấy, nghe không sót một tiếng kêu nào của Giao. Một vài người lo lắng sợ Giao không chịu được thêm sẽ khai ra mất, và đã lên sẵn cò súng rút kíp lựu đạn chờ đối phó. Giao đau lắm, quằn quại, nắm chặt tay, nhắm nghiền mắt lại, cố nghĩ nhiều đến cờ đỏ sao vàng, nghĩ đến Bác Hồ, nghĩ đến anh Thanh, nghĩ đến chị Lê. Giao cắn răng chịu đựng, quyết tâm làm thiếu nhi anh dũng của vùng chưa giải phóng. Dưới hầm, nhiều người hồi hộp. Nó rút đi lúc nào Giao cũng không biết. Các

cửa hàm bật nắp. Các đồng chí vỗ nước lạnh vào mặt Giao, Giao mở mắt ôm chầm lấy cổ một đồng chí du kích già. Các cán bộ quây lấy Giao; một đồng chí bế Giao ôm ghì Giao vào lòng. Má Giao ướt đầm nước mắt anh du kích.

Thành tích của Giao nên lên tỉnh lên khu. Từ đấy Giao thành một chiến sĩ thiếu nhi. Chú thím Giao không còn nữa, Giao sống luôn với các tổ du kích, cùng ăn cùng làm cùng học. Thường những lúc đường dây gặp khó khăn bị nghẽn, thì Giao đi bám đường để dò xét địch đóng quân hoặc mai phục như thế nào.

Không ai nghĩ Giao mới chỉ có 15 tuổi, mọi người đều yêu qúy Giao như một chiến sĩ giỏi.

V

Giặc về làng Seo lập tề. Nó đòi nộp phu nộp tre, nộp tiền ảnh căn cước, nộp sổ sách ruộng đất. Mỗi tuần lễ nó bắt ban Tề lên trình diện một lần, tát đá ra oai, nhổ râu vả miệng, sổ khăn sổ tóc, làm đủ tình tội. Giao phải luôn luôn đi phu thay người nhớn. Lúc đầu, tối nào về, Giao cũng khóc mếu với các anh cán bộ. Các anh đều giảng giải cho Giao là nhất định giặc sẽ chết

và Giao phải hết sức giữ bí mật. "Tình hình bây giờ có đen tối nhưng phong trào thế nào cũng có ngày sáng sủa. Chú Giao cứ bền trí".

Ngày ấy và ngày khác, thiếu nhi "Măng Mọc" phải thay phiên nhau đưa tre lên bốt Truôn. Lần nào đi tre, thiếu nhi cũng đùm sẵn nắm cơm ăn trưa, gần tối mới về đến nhà. Giao thương nhất các cụ chân chậm vai yếu, ho như xé phổi, cứ mỗi quãng lại phải chống đầu tre xuống nghỉ. Thiếu nhi muốn vác đỡ các cụ nhưng trẻ già người nào cũng đều phải vác một cây lên cho nó và cây nào cũng cồng kềnh dài nặng như nhau.

Trong sân bốt, nhiều đám đông rách rưới lom khom xếp tre thành hàng thành đống. Từng đám tề chia ra từng góc, vòng tay trước ngực đứng chờ. Đội da trắng và thông ngôn ra điểm danh. Kiểm lại tre, bao giờ nó cũng bảo không đủ. Nó quen mồm bắt nọn: "Làng Seo chúng mày vẫn có Việt Minh chui hầm. Người khỏe tốt, chúng mày cho đi dân công cho Việt Minh còn những thằng già và oắt con thì để lên đây. Thế lý trưởng đâu? Mai bảo lý trưởng phải lên. Chúng mày rồi chết hết". Có một mụ béo, vợ thằng phòng nhì, rất ác. Gọi là chị nó chửi; nó bắt gọi là bà. Nhìn thấy Giao nó cốc luôn mấy cái vào đầu: "Làng mấy đứa ôn con này nhiều du kích lắm đây. Sao

không đì đẹt nữa đi? Bà truyền hồn cho chúng mày hễ chồng bà mà chạm mìn địa lôi thì cứ là bà chôn sống chúng mày tất".

Giao không chịu để cho nó cốc đau mà không nói lại "Bà có giỏi thì đi tìm du kích mà cốc người ta, sao bà lại cốc người vác tre lên đồn?" Con mẹ béo hay bắt Giao quét nhà cho nó. Giao quét xong. Nó cho tay vào mồm thấm nước bọt di bôi vào sân, giơ ngón tay trỏ lên xem rồi xỉa vào trán Giao chửi luôn: "Tiên nhân mày thế này mà quét sạch rồi đấy à?" Nước thùng to thùng nhỏ đều đầy cả rồi, nó vẫn cứ bắt gánh. Một hôm dọn dẹp, Giao vớ được cái mũ của thằng chồng. Giao đưa trả cho con vợ, vờ hỏi: "Sao dải mũ bê rê lại thòi ra như cái dải rút quần ấy nhỉ!". Nó quơ luôn thanh củi đập chảy máu trán Giao: "Sư cha con nhà mất làng, đứa nào dạy mày nói thế?". Trong khi thu dọn và làm mọi thứ cỏ vê trên đồn, Giao để ý đến từng chỗ để súng để đạn, chỗ ăn nằm của quan của lính và giờ chúng nó đi về.

Giao lại đánh bạn với thằng Le. Thằng Le là một đứa tré bị nó bắt được trong một trận càn. Phòng nhì đem về dạy cho làm chỉ điểm đi mò tin ở các vùng ta hoạt đồng. Thằng Le u mê đi. Những cuộc đi quây, thằng chỉ huy đem theo chó

béc giê và thằng Le nữa. Chó béc giê đánh hơi, thằng Le đi chí các hầm. Nó thưởng cho béc giê cân thịt tươi và thưởng cho thằng Le cân thịt hộp.

Giao ghét con chó béc giê vẫn cắn cổ cắn mặt dứt thịt người bị tra khảo, trong bụng Giao đinh ninh thế nào cũng tìm cách giết chết con chó. Còn thằng Le thì Giao phải tìm cách gần nó thấy nó sống như con chó săn mà không hiểu biết cái gì, Giao theo nó, vờ chơi đùa quanh nhà chỉ huy, dần dần biết rõ chỗ nào để hòm vô tuyến điện, chỗ nào là hầm súng cối, chỗ nào đặt pháo hiệu. Giao nhớ tường tận. Thằng Le lúc nào cũng mày tao với các thiếu nhi. "Mày đem rổ vỏ chai bia đập nhỏ ra. Mang xuống chân hàng rào mà đập, đập giữa sân quan hai bắn chết giờ". Thằng Le cũng xuống chân đồn. Nó ra bộ hách dịch thét to: "Oe con nhà quê kia, xuống tất cả đây. Mang hết vỏ chai xuống đây. Chúng mày có biết mảnh chai này dùng làm gì không? Để rắc vào chân hàng rào và chân tường. Việt Minh đi lên đây là què chân hết".

Giao rùng mình nghĩ đến các anh bộ đội và du kích giẫm trên mảnh chai lạo xạo. Giao tức quá, hỏi dồn:

- Thế tại sao Việt Minh vẫn vào đánh được các

bốt trong tỉnh ta?

- Chắc nó biết là có rắc mảnh chai nên nó đi giầy tây đề phòng.

- Thế sao báo là Việt Minh suốt đời xéo lấm cầm súng?

Bị dồn, thằng Le đâm bí, quát: "Thôi đập nhanh tay lên".

Việc vặt ở bốt lúc nào cũng nhiều, ai cũng có quyền sai bảo mắng đánh. Nhiều hôm nó gần bắn súng hạ cờ rồi mà vẫn chưa được cắp nón về Seo.

Ở cái buồng lấy khẩu cung, vẫn có tiếng chửi rủa thét to vọng ra ngoài sân. Lần nào cắp nón rời bốt về, Giao cũng tê tái trong lòng. Đã ra khỏi cổng rồi, nó còn gọi giật lại. Tiếng thằng đội da trắng rồi tiếng thằng đội thông ngôn: "Tất cả bấy nhiêu đứa ngày mai phải mang liềm lên cắt cỏ... Đứa nào ở Seo phải bảo lý trưởng lên nộp tiền thuế. Mai mà không lên, chúng ông phải bắn moóc-chê gọi, thì chúng mày mang thêm tiền lên để giả tiền đạn. Hai mươi đồng một phát...". Từng bọn Tề mệt mỏi xuống dốc đồn, lặng lẽ rời nhau, không ai chào hỏi ai, chiếu hướng những khoảnh tre xơ xác vàng cháy phía xa mà rảo bước.

Lũy tre làng Seo thưa lắm. Thế mà người các

làng Tề khác quanh vùng còn tìm đến van nài hỏi mua hàng mấy chục gốc một lúc. Họ nhăn nhó than thở rằng làng họ trước kia kín lũy, con chó con gà chui không lọt, con chim con bướm không bay qua; giờ trống huếch trống hoác, ai muốn vào cũng được. Không nói ra, ai cũng đều mong bộ đội về nhổ bốt. Chỉ có nhổ xong bốt Truôn đi thì tre mới còn có ngày ấm được bụi, thì măng non mới còn có ngày lên cây được thôi.

Kỳ đi tre nào lên bốt là Giao cũng có mặt. Sân bốt nhiều lúc tới tấp những người là người. Nó đang xây thêm. Đây là những người nó càn bắt về, bị ép làm thợ nề xây công sự cho nó. Lính da đen, đội da trắng múa roi gân bò luôn luôn quất vào mặt vào lưng thúc làm cho nhanh. Chỗ kia là đám Tề phản động vừa đi dỡ đình làng khác về, đang nhốn nháo xếp đống gạch ngói dui cột để nó xây thêm ụ súng, nóc hầm. Chốc chốc cam nhông nhà binh lại rú lên lùi đít vào sân đồn chở bớt tre gỗ đi các vị trí khác. Tây điên, Tây say chồm chồm lên, tay lăm lăm khẩu súng. Giữa sự ồn ào quát tháo, vẫn nhói lên cái tiếng kêu nghẹn ngào lọt khỏi nhà giam và buồng khẩu cung dưới kia. Lòng Giao quặn lại. Giao càng không quên nhận xét tình hình quân lính, súng đạn, giờ giấc công việc của giặc ở Truôn.

VI

Suốt ngày hôm ấy, Giao và cả đội "Măng Mọc" canh gác mọi ngả đường vào làng Seo, có quãng phải đặt gác đôi. Đêm qua, các anh ấy về đông lắm, mang nhiều kiểu súng chưa trông thấy bao giờ. Chắc các anh ấy đang ngủ say cả. Giao vui sướng trong bụng quá, quên cả cơm sáng; đến quá ciều rồi mà cũng không thấy đói.

Chập tối trong làng Seo tấp nập bộ đội. Các cụ và các bà họp bàn khao mừng bộ đội tối nay. Một số khác sắp đặt cứu thương tải thương. Giao được đưa sang Ban chỉ huy tiểu đoàn. Anh đại đội trưởng trông quen lắm. Anh cũng nhìn Giao cười cười. Giao gặp cả anh Thanh. Anh Thanh bây giờ tên là anh Hồng Lưu. Anh đi với một anh nữa mang cái loa to và nhiều bó truyền đơn bươm bướm.

Giao dẫn đường cho bộ đội và du kích lên đánh bốt Truôn. Giao kể tường tận cho các anh nghe chỗ ruộng này thế nào, chỗ bụi cây kia ra sao, mé chân đồn nào ít dốc. Giao vẽ lại những nhà, những góc súng trong sân đồn.

Giao bò toài, bụng dán xuống mặt cỏ, linh lợi hơn cả mọi ngày. Cán bộ và chiến sĩ hỏi thêm

Giao điều gì. Giao trả lời rắn rỏi, mắt sáng, nhìn thẳng. Nửa đêm súng bộ đội nổ. Các cỡ súng của ta bắn vào lô cốt như mưa bão, đạn hoa cải thun thút vào lỗ châu mai. Súng ta át súng địch. Đồn bắt đầu cháy. Giao thẳng người dậy, vỗ tay cuống cuồng. Anh chính trị viên kéo Giao nằm ép xuống. Giao lại ngóc dậy; "Cháy nhà quan hai rồi. Em biết đúng chỗ ấy là nhà chỉ huy". Lửa lại phùn phụt trên nóc nhà khác. Giao khản hẳn tiếng: "Cháy nhà radiô rồi. Đúng rồi. Thằng Le hay ngủ ở gần góc đang cháy ấy. Thằng Le chết cháy rồi. Thằng Le phải chết".

Phía vị trí Xồ, súng cũng nổ đều, lửa bốc sáng lòa. Thân đê sau làng Seo đen dài thẳng tắp trên nền giời bập bùng. Pháo hiệu nó cầu cứu xanh đỏ vọt lên không ngớt. Giao mới hiểu là bộ đội đánh cả hai đồn cùng một lúc. Đồn Truôn chống cự yếu dần. Loa địch vận anh Thanh tiếp tục gọi nó, lúc tiếng Tây lúc tiếng ta. Bỗng trên đồn có tiếng bọn nó kêu thất thanh là đã chặt đầu quan hai, và "xin các anh ngừng bắn để chúng em ra hàng". Giao bước dài như người nhớn, bám sát bộ đội tiến vào. Lửa đồn bừng bừng chiếu vào cờ đỏ sao vàng ta vừa cắm lên. Giao chạy qua than lửa, qua cả đạn nổ lục bục trong lửa, chạy xuống mở

cửa trại giam các đồng chí du kích và cán bộ. Giao vực những anh tê liệt ra. Giao thấy thằng Le ngồi tập trung giữa sân. Thằng Le không chết. Giao cho là thôi cũng may cho nó. Nó đang khóc thút thít chắp tay lạy van bộ đội. Giao tống nó một quả, mắng nó là chỉ có đế quốc và bù nhìn thì mới còn lạy vái thôi. Trong lúc nhốn nháo, Giao sục đi tìm con chó béc giê chỉ sợ nó xổng chạy đi mất rồi. Giao định lấy dầu xăng đốt chết con chó béc giê, tay sai đắc lực của phòng nhì. Nhưng lửa đồn cháy đã thui chết nó nhăn nanh ra ở góc tường, mùi khét lẹt.

Đêm hôm ấy, toàn đội "Măng Mọc" vẫn thức chờ anh đội trưởng Giao. Giao về ôm lấy các bạn, cùng nhảy nhót hẹn nhau ngày mai lên giữ đồn. Các cụ các bà bận rộn mừng bộ đội và du kích. Nhiều cụ mừng quá, nước mắt chan hòa. Tù binh chuyển qua làng, nhiều người rút luôn lưỡi lê của bộ đội, nhảy bổ vào đâm những thằng đã hãm hại vợ con cha anh mình. Các anh cán bộ ngăn lại, ôm lấy, giải thích. Nhân dân chỉ mặt bọn tù binh: "Vì có lệnh của Hồ Chủ tịch, hãy cho chúng mày giữ tạm cái đầu".

Hai ngày liền tàu bay nó đến ném bom báo thù. Nhưng làng Seo không ai việc gì vì đã đào

nhiều hố tránh bom. Riêng đội "Măng Mọc" cũng đào được 10 hố cá nhân sâu lút đầu người. Hôm lửa trại chiến thắng, Giao được tỉnh khen. Các anh du kích và bộ đội địa phương công kênh Giao lên.

Các bạn "Măng Mọc" reo hò xúm quanh.

Bây giờ làng Seo đã được thấy ánh sáng. Tiếng hát nhi đồng, tiếng hò anh chị phục vụ vang dậy ngoài bến sông. Không ai phải lén lút gánh nước đêm như trước nữa. Người làng đã quang gánh đi trên mặt đê, đi giữa ban ngày, chứ không sợ hãi trốn giấu như lúc còn cái bốt Xồ. Dưới sông, đội thiếu nhi chơi té nước, chơi dìm giặc. Lại còn tập bơi cây chuối, quần áo đội lên đầu, bơi sang bờ bên kia, giả vờ chuyển công văn qua vòng đai trắng. Tự nhiên Giao thấy nhớ chị Lê. Làng Seo đã giải phóng, không biết chị Lê có về mở lớp bổ túc để Giao xin đi học thêm. Giao lại nghĩ đến Bác Hồ và nhớ câu nói của các anh nhớn trong lễ mừng chiến thắng: "Cứ đánh được càn, thì mặc dầu là ở vùng sau lưng địch, tất cả gái trai già trẻ chúng ta nhất định sẽ có ngày được thấy Bác..."

Tháng giêng 1958

BÚT KÝ ĐI THĂM TRUNG HOA*

NHỮNG LỜI NÓI ĐẦU

Đi dự Đại hội Hòa bình Thế giới tại thủ đô nước Phần Lan, tôi có dịp qua thăm Liên Xô và Trung Hoa. Tôi được thấy đất nước Liên Xô và Trung Hoa rộng lớn; tôi được thấy nhân dân Liên Xô và Trung Hoa là tươi trẻ và hùng mạnh; tôi được thấy sự phồn thịnh trong kiến thiết của Liên Xô và Trung Hoa. Nói một cách khác, tức là tôi được thấy những lực lượng vô tận và vô cùng lớn lao của Liên Xô và Trung Hoa. Trước, tôi đã hiểu Liên Xô và Trung Hoa là trụ cột của phong trào Hòa bình Thế giới. Nay tôi hiểu vấn đề một cách thấm thía hơn nữa, hiểu bằng cảm xúc trực tiếp. Cho nên, đối với nhân dân Xô Trung trước đây tôi đã gần gũi trong tình cảm và trong tư tưởng, nay càng thấy thân cận hơn nữa trong mọi dịp gặp gỡ hằng ngày.

Những ngày ở Liên Xô và Trung Hoa, nói chung là vui sáng. Nhịp sống ở đây ầm ầm tiến nhanh tiến mạnh. Cái gì cũng to lớn quy mô, việc lớn việc nhỏ, việc trước mắt việc lâu dài, đều là

* *Nhà xuất bản Văn nghệ* - 1955.

nằm trong những kế hoạch tính trước từng năm năm một. Ở xa, nghe và đọc những tin tức kiến thiết này, sự phấn khởi thật là không cùng. Nay tới gần nhìn thấy rõ, sự vui sướng thật càng không có bờ bến. Nhưng bên cạnh những cảm tình hào hứng ấy, nghĩ lại cái hoàn cánh đấu tranh hòa bình rất phức tạp lúc này ở Việt Nam, tôi không khỏi có những ý nghĩ bồn chồn. Đây cũng là cái còn rớt lại của nhân sinh quan cũ. Cái lối nghĩ cũ ấy có những lúc đã thì thào với tôi: "Ở nhà, lại thấy yên tâm hơn. Đi quốc tế, lại tăng thêm một chứng bệnh đã nặng sẵn: sốt ruột". Mà không sốt ruột sao được! Tôi đứng thần ra trong nhà máy cày Sta-lin-gờ-rát: cứ hơn 6 phút, lắp xong một máy cày đang chạy thử ngoài sân. Trong khi ấy, những xã thí điểm đã cải cách ruộng đất ở ta, năm 54, có nơi còn có cái cày lưỡi bằng gỗ (như ở xã Trần Phú, Thái Nguyên). Tôi đứng thần ra trong nhà máy đúc thép Hoa Bắc: cứ mỗi giờ lại chế tạo được hàng trăm tấn đường ray xanh biếc thép mới. Trong khi ấy thì việc kiến thiết xe lửa ở miền Bắc Việt Nam phải đi moi từng cái đinh cái thanh sắt, còn phải vớt lên khỏi lòng sông những nhịp cầu sắt chìm xuống bùn sông hàng chục năm; sự cố gắng thật là nhiều, sáng kiến này nở cũng nhiều, nhưng cũng

có rất nhiều tâm trạng nóng lòng sốt ruột.

Trên con đường trở về nước, đối toa xe lửa ở ga Bằng Tường, có người trong đoàn thấy cái toa tàu của mình còn bé hẹp quá. Đoàn tàu Việt Nam chạy từ biên giới về Hà Nội, thời giờ đỗ lại và chờ nhiều hơn là chạy...

Nhưng tàu về đến Bắc Giang, rồi về đến Bắc Ninh, người tôi bỗng vui hẳn lên, tâm tôi như bừng sáng lên. Những cái tự cho mình là bé nhỏ tầm thường, phút này tôi thấy hoàn toàn là không đúng. Đầu tôi nghĩ và mắt tôi đang dán vào những đồng ruộng bên đường xe lửa. Tôi nhớ lại những cánh đồng rộng lớn ở Liên Xô và Trung Hoa. Cánh đồng nước bạn thật là mênh mang vĩ đại, con cò trắng ở quê hương ta mà có dịp bay trên đó được thì cũng phải đuối cánh và đậu nghỉ nhiều lần trên nhiều thứ cây lạ. Sau mấy tháng ra ngoài, được nhìn thấy những cánh đồng cỏ và cánh đồng lúa mì chạy mãi lên chân giời, nay trở về nhìn lại cánh đồng lúa vùng Bắc Bắc, trên đó khom khom những bóng người áo nâu nón lá hoặc thoăn thoắt những bóng dáng gồng gánh xa xa, trong cảm nghĩ của tôi đối với đất nước, bỗng bật lên nhiều khía cạnh mà trước đây hình như chưa mấy khi tôi được thấy một cách thấu đáo. Tôi nhớ lại những giờ những ngày

xe lửa băng băng trên cánh đồng Xô Viết, thấy máy cày, cảm xúc của tôi cũng có những vươn lên để hòa với những cảm xúc xã hội chủ nghĩa, tôi cũng tin tưởng rằng cái máy cầy ấy có một ngày trong tương lai gần đây, rồi sẽ cầy những cánh đồng Việt Nam. Nhưng trước những đàn trâu máy kia, tôi vẫn thấy bóng dáng con trâu thiên nhiên đồng chiêm ruộng bùn Việt Nam, có con trâu mình mốc như cao su tắm đất thó, cái con trâu da đen bóng như nhựa con đường cái vắt qua đồng nước hâm nóng mùa hè, là gần gũi với tình cảm mình hơn. Nhìn cánh đồng lúa mì Trung Hoa tít tắp ít bóng làng mạc, tôi say mê trước cái hùng vĩ của bể lúa không bị địa hình địa vật chia cắt vụn vặt và thấy đó mới đúng là cái địa bàn vung vinh của những đàn trâu máy mai đây. Nhưng tầm mắt của tôi chưa quen với những cái quá rộng lớn, nhỡn quan tôi còn ngợp trước cái mênh mông cánh đồng bạn. Lòng vui, nhưng đôi lúc thấy mỏi cặp mắt, thấy cần có một cái gì quen quen ở đâu đây để gửi tầm mắt chốc lát. Chính phút đó lẫ nhớ rất nhiều đến những cái hình thù quen thuộc vẫn rải rác trên đồng xứ quê mình. Cái cầu một cây cong cong, cái mái ngói cũ giữa đồng quạnh, cái chòi canh trên đầm cá, cái lò gạch, cái lều chăn vịt, cái bóng tre làng.

Nó hiện lên với tất cả những đau thương của những người làm ruộng được nói lên trong phát động quần chúng. Nó hiện lên với tất cả sự sôi nổi của các thôn xóm đang vươn lên trong các đợt cải cách ruộng đất. Tất cả những cái xinh bé nhỏ nhắn ấy có một tâm hồn, có một cái ý nghĩa rộng lớn và sâu sắc của nó. Thì ra cánh đồng Xô Viết và cánh đồng Trung Hoa đã truyền dần vào tôi nhiều cảm xúc lớn đối với ruộng đồng và nhân dân nước bạn, và đồng thời càng làm cho tôi tha thiết hơn nữa đối với đất nước Việt Nam đang chuyển mình.

Xa đất nước trong mấy tháng, thấy nhớ phong cảnh Việt Nam vô cùng và càng thấy con người mình gắn bó chặt chẽ với vận mệnh xứ sở, nhất là trong giai đoạn đấu tranh giành Thống nhất này. Chính cái hôm đứng ở bờ sông Vonga, nhìn lên cái nhà máy thủy điện đang dựng của thành phố Sta-lin-gờ-rát với một tấm lòng ngưỡng mộ sức lao động ở Liên Xô, chính hôm đó cũng là hôm tôi nhớ con sông Hồng, nhớ những con đê chạy ven theo tất cả sông Việt Nam, và vô cùng qúy yêu những công trình đời đời xây đắp hàn gắn trên đất nước mình và ngày nay, sau chín năm chiến tranh, lại giồng lại từng cây tre, đặt lại từng hòn gạch, moi lên từng thói sắt cũ... Nay

lại trở về thấy lại cảnh đồng quê bao la gò đống kéo lên ngoài cửa sổ toa tầu hỏa, kia là cây đa, đây là cái bờ tre, nọ là cái cổng làng, kia kìa là cái quán nước. Tất cả đều không rời rạc mà nó quấn quýt lấy nhau. Những bóng người, rất nhiều bóng người đang làm cho tất cả những cảnh vật ấy sinh động lên. Những chiếc khăn mỏ quạ đen đang khom khom trên mặt ruộng nước sấm sấp. Những chiếc nón lá nhấp nhoáng theo đà những quang gánh nặng trĩu. Ngoằn ngoèo phía xa là những dòng người hàng ngũ đều đặn, đầu hàng có cờ đỏ sao vàng. Gần mép đường, người ta đang rót cái ấm sành, hút cái điếu cày, lấy nón quạt những vòng rất rộng. Tất cả đều như gắn vào những bóng tre xanh và in bóng mình lên bóng lúa bóng cỏ. Tầu chạy ầm ầm, nhưng hình như đang vang lên câu chuyện của những người nông dân lao động đang đi trên cánh đồng. Họ đang bàn về tổ đổi công, về tậu bò tậu trâu chung, về đắp đường đắp đập, về cường hào ác bá đánh gục. Họ đang tỏ lời biết ơn Đảng, họ đang nói về Hòa bình Thống nhất, về những cuộc đấu tranh mạnh của đồng bào miền Nam hướng về ngoài này. Tôi không nghe rõ, nhưng tôi biết rằng tất cả câu chuyện bao nhiêu người đang nói dưới một cánh đồng rộng kia đều là những câu chuyện

chịu thương chịu khó, cố gắng làm, vui vẻ và tin tưởng trong việc làm, dìu dắt nhau cùng làm, cầm tay nhau mà vượt mọi khó khăn để cùng nhất tề tiến lên, không một thiên tai, địch họa và âm mưu đen tối nào ngăn nổi. Trong toa tàu, tôi như vẳng nghe nổi lên tiếng hát của đồng quê. Lúc này, tôi thấy con tàu hỏa như chạy nhanh hơn ban nãy nhiều. Và tôi càng nhớ rằng đã có không biết bao nhiêu con người Việt Nam, nhất là người nông dân góp công sức vào con đường sắt đoàn xe đang chạy này. Cái đinh ốc nhặt ở bờ ruộng, cái thanh sắt nhổ lên ở lối xóm, rút lên ở đáy ao đáy giếng, cái tà vẹc gỗ rừng Việt Bắc, đều là có cái bàn tay người nông dân đang hát dưới ruộng kia dưới kia. Những người nông dân du kích trước đây lặng lẽ bí mật đặt mìn đổ tàu Pháp chở súng đạn binh lính, thì vừa rồi đã hát rất nhiều trong các đợt thi đua kiến thiết đoạn xe lửa này. Những chị nông dân đi dân công ở các tuyến ngoài mặt trận, thì mới rồi ở các công trường làm đá rải đường sắt, cũng vừa gõ đá núi vừa hát lên những điệu hát vẫn hát bốn mùa trên đồng lúa quê làng. Và ngày nay anh chị em lại vẫn tiếp tục thi đua tại các công trường đường sắt ở rải rác trên khắp các cánh đồng các tỉnh miền Bắc. Trong toa xe lửa, tôi nghe vẳng lên tất

cả những điệu dân ca của đất nước yêu dấu. Tôi muốn nói thật to lên với những người bạn đường cùng một chuyến đi: "Đất nước Việt Nam đẹp vô cùng! Con người Việt Nam chúng ta dễ thương dễ qúy và đáng cho chúng ta tự hào vô cùng!". Chị bán quà Bắc Ninh đưa chùm nhãn Hưng Yên qua cửa sổ tàu. Tôi căn quả nhãn. Tôi biết đánh giá đúng cái chất ngọt của hoa quả đất nước, và thấy rõ quả của ta bé nhưng thường là ngọt và có những thứ quả đã ngọt thì ngọt sắt lại. Lúc này những tình cảm dào dạt của tôi đã lắng được xuống, đã đọng được lại. Hình như ra ngoài rồi trở về nước, chúng ta thấy sự việc có nhiều khía cạnh mới hơn và thấy con người trên đất nước ta có nhiều đức tính thêm hơn nữa. Sau khi cảm hòa với nhiều cái lớn cái đẹp ở Liên Xô và Trung Hoa, tôi càng thấy rõ Tổ quốc chúng ta là đẹp không cùng. Sau khi thấy cái đẹp của rừng thông Liên Xô xanh ngắt, sau khi thấy cái đẹp trên cây liễu cây dương Trung Quốc xanh rờn, tôi thấy tre xanh Việt Nam càng óng mượt một màu vĩnh viễn. Cánh đồng Việt Nam chúng ta không bao la rộng lớn, nhưng nó xinh gọn và có những cái duyên dáng bốn mùa của nó. Sau những ngày cải cách ruộng đất, từ hòn đất từ bờ tre, vút lên bao nhiêu tiếng hát mạnh mẽ và dịu dàng nó nói lên

cái cá tính của một cánh đồng quê, và càng làm cho chúng ta qúy yêu nó bội phần. Mảnh đất nước ấy, giờ đây tôi càng thấy tôi yêu nó với tất cả những điều kiện dịa dư lịch sử đã sinh thành ra nó. Nó là cả một sự chắt chiu lâu đời, luôn luôn chịu đựng nhiều thử thách và ngày nay, vẫn là tiếp tục cái truyền thống vượt khó không ngừng ấy. Chính những điều kiện chiến đấu riêng biệt ấy của dân tộc chúng ta đã đem lại cho chúng ta mỗi ngày một nhiều thêm cảm tình thế giới, và làm chúng ta phấn khởi và tự hào vô cùng. Cái mà trên kia tôi thắc mắc tự cho mình là một người đến chậm, và nóng lòng sốt ruột, thật ra chỉ là một cái cảm nghĩ cũ chưa kịp kiểm tra lại cho thật đúng. Chính ra, những thực tế được nhìn thấy trong chuyến đi vừa rồi đã bồi dưỡng nhiều cho tôi. Sự dào dạt lúc ra ngoài càng giúp cho tôi có được một niềm phấn khởi tính táo lúc trở về. Tôi thấy tự tin mình nhiều hơn. Đã bật rõ hẳn lên cái ảnh hưởng qua lại giữa tinh thần quốc tế và tình yêu đất nước Tổ quốc mình. Bởi vì tôi đã được cảm thông với cuộc sống vĩ đại ở Liên Xô, Trung Hoa mà tôi càng thấy gắn bó hơn nữa với sự cần cù từng bước chắc chắn của những con người dũng cảm phấn dấu không phút nghỉ tay ở quê hương Việt Nam.

Và cũng chính bởi vì tôi biết vui mừng với từng cái thành tích lớn cũng như nhỏ của mọi người Việt Nam đang góp vào sự nghiệp Hòa Bình và Thống nhất ở Việt Nam, mà tôi càng biết qúy yêu tất cả những thành công lớn lao của nhân dân Liên Xô và Trung Hoa. Những cái gì đang bừng bừng chói lọi ở đấy, một ngày nào rồi cũng phun khói sáng ngời trên đất nước tôi.

Riêng đối với Trung Hoa, tôi thấy có một điều rất đặc biệt. Mặc dù là thời gian đi thăm Trung Hoa còn ngắn ngủi, đứng trước sự việc, tiếp xúc với nhiều người, trong chủ quan tôi, tôi cho rằng tôi có thể hiểu được nhiều. Đi vào giữa cuộc sống vĩ đại của nhân dân Trung Hoa ngày nay, cho là không có đồng chí hướng dẫn đi nữa, không bao giờ tôi nghĩ rằng tôi có thể lạc đường được, mặc dầu tôi không đọc viết được và không nói được tiếng Trung Quốc. Tôi chưa phân tích được hết trong sự muốn diễn tả ý mình, nhưng có thể nói ngay rằng giữa mình và tạo vật chung quanh và nhân dân Trung Hoa, đã có sẵn một sự thông cảm rất bản năng, một thứ bản năng đã nâng lên thành lý tính không rõ từ bao giờ. Hôm về tỉnh Triết Giang, thăm Hàng Châu, tôi càng thấy rõ được sự thông cảm đầy đủ giữa mình và cảnh vật chung quanh.

Buổi sớm đó, chúng tôi đi thăm cánh Tây hồ. Đây kia xanh dằng dặc là một cái đê toàn những gốc liễu cổ thụ, gọi là đê Tô, - Tô Đông Pha xưa bị đày về làm quan ở nơi xa xôi này và thường ngâm vịnh ở quanh quất vùng đây nên tên mình đã thành ra địa danh. Góc Tây hồ đây, một mảnh xây tròn là mộ Tô Tiểu Tiểu. Chỗ kia một khoảnh xây tròn nữa: ấy là mộ nghĩa sĩ Võ Tòng truyện Thủy Hử. Hàng Châu rất nhiều thần thoại và nhiều truyền thuyết. Thanh xà Bạch xà, và Lương Sơn Bá Chúc Anh Đài là truyện của vùng này. Việt kịch là hình thức tuồng của vùng này. Hình như nàng Tây Thi cũng là người quê ở Hàng Châu gần đây... Trên đất bạn, có nhiều cái mình gặp lần đầu không những không lạ, mà lại còn là cảm thông sâu sắc nữa. Như là buổi đi thăm sông Tiền Đường lấy ra đây làm ví dụ. Tôi đứng trên cầu xe lửa Hàng Châu – Quảng Châu, tôi đứng trên ngọn tháp Lục Hòa nhìn xuống dòng sông Tiền Đường một buổi chiều mưa, bãi sông còn in cái ngấn nước thủy triều mới rút.

Nhìn lòng sông Tiền Đường, sao tôi thấy nó phảng phất giống một quãng sông nào ở Việt Nam, nó gợi gợi một cái phong cảnh bờ sông nào chỗ gần Hưng Hóa, Lâm Thao, Việt Trì...

Càng thấy như hiển hiện trước mắt, tất cả sự

tình trong một câu chuyện cũ của Trung Quốc đã được Nguyễn Du đem Việt Nam đi thành những câu thơ Kiều sống lâu bền trong lòng nhân dân Việt Nam. Và thấy một cách cụ thể rằng trong một số hình ảnh do sách của truyện xưa để lại trong tưởng tượng, tình cảm của mình đã có những cơ sở rải rác trên đất nước Trung Hoa. Chung quanh bàn rượu bữa ăn tối, giữa các bạn Trung Hoa và chúng tôi, câu chuyện đã xoay quanh con sông Tiền Đường thăm lúc chiều. Qua câu chuyện Kiều và sông Tiền Đường, càng rõ lên cái quan hệ văn hóa đã lâu đời giữa Việt Nam và Trung Hoa, sự giao lưu vốn đi từ nhiều nguồn và thể hiện ở nhiều mặt. Cho nên, đi vào cuộc sống Trung Hoa ngày nay thấy nó dễ chan hòa... và mọi cuộc tiếp xúc với con người và thiên nhiên ở đây, bao giờ cũng để lại một ấn tượng sâu sắc. Đó là những viên đá ngày càng đặt thêm vào và càng xây cao mãi lên cái tình hữu nghị anh em giữa nhân dân hai nước Việt Nam và Trung Hoa. Đồng chí chủ nhà in ở Hàng Châu lúc cạn chén, liền giới thiệu luôn về thứ rượu Hương Tuyết đó là rượu ở Thiệu Hưng tức là quê văn hào Lỗ Tấn cũng ở gần đây thôi. Biết tôi thông cảm với những truyện ngắn của Lỗ Tấn, đồng chí chủ nhà in lại cho biết thêm là truyện "Chúc phước"

ngày nay đã soạn thành việt kịch nó là thứ kịch ca của vùng hai tỉnh Giang Tô và Chiết Giang này.

Bắc Kinh đã lớn rồi, nhưng thủ đô chính trị văn hóa ấy vẫn không ngừng xây dựng. Cựu Bắc Kinh Tân Bắc Kinh, lúc nào và chỗ nào cũng thấy đang dựng thêm trường lớn, viện lớn, công thự, lâu đài. Ở Bắc Kinh, không tuần lễ nào là không có phái đoàn các nước vừa tới hoặc sắp ra tàu lửa tàu bay. Có thể nói Bắc Kinh giờ là một cái ngã tư văn hóa. Đấy là một trái tim vĩ đại ngày đêm đập mạnh đập không ngừng theo một cái nhịp sinh hoạt quốc tế. Nhân dân thế giới tiến bộ hằng ngày dõi theo cái tiếng phát thanh của Bắc Kinh. Tiếng nói nồng nhiệt của Bắc Kinh ngày càng vọng tỏa xa rộng trên thế giới.

Tại Bắc Kinh, trong một ngày lễ lớn, tôi nom thấy chủ tịch Mao Trạch Đông vui tươi và khỏe mạnh. Đi thăm vùng Hoa Bắc và Hoa Đông, thấy cái vui tươi khỏe mạnh ấy chan hòa trong cuộc sống muôn mặt của nhân dân lao động, tôi càng thấy rõ sự mật thiết và đồng nhất giữa lãnh tụ và nhân dân Trung Hoa. Giữa cuộc sống ào ào phơi phới tiến lên trong thời gian và trên một cái quy mô lớn như là Trung Hoa ngày nay, nhiều lúc tôi cứ nhớ đến những lời "bàn về tổ chức và kỷ luật"

của đồng chí Lưu Thiếu Kỳ để càng thấy rõ mồn một sự dính liền khăng khít giữa những câu văn lý luận đanh thép và những thực tế sinh động tươi sáng trước mắt của một cuộc sống đã được tổ chức và đang bước những bước dài trên con đường xã hội chủ nghĩa quang vinh. Sự vật vui trẻ lành mạnh ngày nay của Trung Hoa cũng là cái hình ảnh tươi sáng của Việt Nam ngày mai. Cho nên những cảm nghĩ nhiệt tình của tôi trước cuộc sống của nhân dân Trung Hoa trong chuyến đi thăm nước bạn vừa rồi, cũng là những phấn khởi tin tưởng của tôi đặt vào những cố gắng những chuyển mình lớn trên đất nước Việt Nam.

Những điều mắt thấy tai nghe của tôi về thực tế Trung Hoa quả thật còn là ít. Đi cũng được nhiều nơi, và cũng được gặp nhiều tâm hồn bạn, nhưng sổ tay của tôi còn là những dòng ghi vội. Có nhiều điều muốn đi sâu để phát triển cảm xúc, có nhiều tài liệu muốn đối chiếu lại, muốn tìm thêm cho chính xác và có hệ thống. Nhưng ngày giờ ít quá. Nhiều khuôn mặt bạn gặp chỉ loáng thoáng vút qua. Nó thật là hối hả, nhưng nghĩ cho cùng, cũng thấy thật là vui mắt và ấm lòng. Và tôi thấy cần chia sẻ ngay cái vui cái ấm đối với chung quanh.

Bởi thế nên tôi đã lọc lại sổ tay và viết. Những

bút ký còn viết vội, nhưng rất chân tình. Cảm thấy sao thì nói ngay ra như vậy. Những bút ký đây còn là một dịp tôi sốt sắng phát biểu cảm tưởng về nước bạn. Vui hơn nữa, là tôi lại được phát biểu vào dịp chào mừng sáu năm thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

Hà Nội, ngày 1-10-1955

CUNG THIẾU NIÊN

Các cháu Trung Quốc thân mến!

Đồng chí Tá Lâm, tổng biên tập báo "Thiếu niên Trung Quốc" yêu cầu Bác viết ít câu cho các cháu. Những lời Bác muốn nói là:

1. Các cháu Việt Nam nhờ Bác chuyển tới các cháu lời chào hữu nghị thân ái nhất.

2. Bác yêu mến các cháu cũng như yêu mến nhi đồng Việt Nam.

3. Bác Mao dạy các cháu "năm điều yêu". Bác cũng học tập bác Mao dạy nhi đồng Việt Nam "năm điều yêu". Bác hy vọng các cháu Trung Quốc và các cháu Việt Nam cùng nhau thi đua

xem ai là người làm theo "năm điều yêu" khá nhất.

Bác hôn các cháu.

Bác của các cháu
HỒ CHÍ MINH

Đại hội các lực lượng hòa bình thế giới họp tại thủ đô Phần Lan hoãn lại một tháng, cho nên khi dự xong Tết Lao động quốc tế tại Bắc Kinh, chúng tôi tạm vắng Bắc Kinh vài tuần, tranh thủ thời gian đi thăm hai vùng Hoa Bắc, và Hoa Đông. Chương trình tham quan là rời Bắc Kinh ngày 10-5 đi một vòng lên Thẩm Dương, An Sơn, Cáp Nhĩ Tân, quay xuống Thiên Tân, Thượng Hải, Hàng Châu, và trở về Bắc Kinh trước ngày 1-6-55, để kịp dự ngày Thiếu nhi quốc tế.

Ngày kỷ niệm thiếu nhi quốc tế tại Trung Quốc cũng là ngày bảo vệ nhi đồng ở Trung Quốc. Bảo vệ nhi đồng ở Trung Quốc. Bảo vệ nhi đồng không có nghĩa là khoán riêng cho một tổ chức nào mà là đặt chung cho nhân dân phải bảo vệ. Ủy ban nhân dân toàn quốc bảo vệ nhi đồng đều có đại biểu các đoàn thể và cơ quan chính quyền tham dự, và có nhiệm vụ hướng dẫn bảo vệ nhi đồng. Nhân dân liên lạc với ủy ban, phản

ảnh tình hình phong trào các địa phương, rồi ủy ban đề ra những ý kiến với các bộ phận hữu quan. Để giải quyết những vấn đề cụ thể về xã hội và văn hóa đối với nhi đồng, tổ chức nhi đồng kết hợp với các tổ chức quần chúng, với bệnh viện, trạm gửi trẻ các khu phố, nhà giữ trẻ, nhà trường. Bảo vệ nhi đồng có nghĩa là bảo vệ nó từ khi còn là cái thai trong bụng mẹ; công cuộc bảo vệ đặt ngay từ nhà hộ sinh, từ lớp tiểu học.

Nhi đồng Trung Quốc có hẳn một tờ báo lớn nhất. Báo "Tân thiếu niên" mỗi kỳ ra tới 1 triệu 20 vạn số, bán khắp cả nước. Báo nhằm giáo dục trẻ em tinh thần yêu nước và tinh thần quốc tế một cách thích hợp với tuổi trẻ. Báo đăng những chuyện anh hùng gương mẫu, làm cho các em noi gương về tính gan dạ, thành thật, lòng chí công vô tư, tinh thần kỷ luật, nói chung là những đạo đức của luân lý mới. Báo dạy trẻ em những thường thức khoa học qua những hình vẽ và những câu giải thích vui nhẹ dễ hiểu. Báo trả lời những câu hỏi của nhi đồng và dạy các em giữ vệ sinh, và chơi vui có ích. Báo còn tổ chức và hướng dẫn phong trào thi đua, giúp cho nhi đồng phát huy sáng kiến và tính tự động. Cho nên đối

với nhi đồng toàn quốc, báo "Tân thiếu niên" đã trở nên người thầy mến, người bạn thân. Nhiều nhi đồng đã tự động lãnh trách nhiệm bán báo giúp. Thường thường, tòa soạn nhận trung bình năm trăm thư của các em báo cáo công tác, cho tin, nêu thắc mắc và ý kiến. Có rất nhiều vị giáo sư, nhà văn nghệ, thày thuốc, các nhà chuyên môn viết bài cho báo. Hàng ngàn nhà giáo nam nữ liên lạc chặt chẽ với tờ báo. Ba trăm giáo viên và các cô các bà mẹ nhận làm phóng viên cho báo nhi đồng.

Kỷ niệm ngày Thiếu nhi Quốc tế, ngày 1-6 năm nay ở Bắc Kinh, có hai mươi đoàn thể đứng tên để tổ chức. Ở trong nước thì gắn ngày này với phong trào bảo vệ nhi đồng, đồng thời gắn luôn với phong trào bảo vệ hòa bình thế giới và một mặt khác, chuẩn bị cho Đại hội các bà mẹ thế giới họp tại Lô Dan vào tháng bảy. Nói chung, lấy ngày 1-6 để nâng cao ý thức chính trị cho toàn thể nhân dân. Rất nhiều hoạt động các ngành các giới đều hướng vào ngày 1-6 của các em nhỏ. Sẽ chiếu phim không lấy tiền tại các rạp cho các em xem. Sách sáng tác về nhi đồng cho nhi đồng, tranh vẽ nhi đồng sẽ in rất nhiều và bán giá rẻ. Các hiệu sách tổ chức việc bán cho

nhanh cho nhiều cho vui. Ở khắp các nơi công cộng, trên xe lửa, đều phát thanh và nói chuyện về những vấn đề trẻ em. Thành thị và nông thôn đều nói chuyện về nhi đồng. Các ngành như y tế, văn nghệ đều kiểm điểm công tác của mình đối với thiếu nhi để tăng thêm hiệu suất về mặt công tác đối với các em nhỏ trong nước. Các chiến sĩ anh hùng toàn quốc viết thư cho các em. Các em đều viết thư cho những người lớn có tên tuổi có danh vị trong sự nghiệp Tổ quốc. Các em lại viết thư cho thiếu nhi quốc tế. Nhân dân các nơi tổ chức những cuộc họp bạn thân mật, những tiệc trà cho các em. Nhà gửi trẻ khắp nơi đều tăng suất ăn của trẻ em. Các cô các chú các bác đến thăm và tham gia cuộc vui của các em. Ngày 1-6, các em đều nghỉ học, ngày 2-6 các em đi cắm trại. Tại Bắc Kinh, tầu điện cả ngày chở các em không lấy tiền, trên khắp các khu vực có tầu điện, thiếu nhi muốn đến chỗ nào muốn đỗ chỗ nào đều tùy tiện các em. Trên xe, lại dành những chỗ ngồi tốt cho các bà mẹ nhiều con nhỏ. Ngày 1-6, các em thiếu nhi điều khiển mọi công việc nội bộ ngày Tết nhi đồng và tập đi đầu vào những công việc tổ chức. Các em không diễn thuyết không nói chính trị, các em chỉ tổ chức

cuộc chơi của tuổi trẻ. Buổi sớm và trưa, dành cho các em có mẹ kèm. Từ chiều đến tối dành cho các em từ bảy đến mười lăm tuổi. Cây bông sẽ đốt lên rất nhiều để kết thúc ngày Tết thiếu nhi.

Buổi sớm 1-6, nắng hoe hoe dần trên những lá cây dương các đường phố Bắc Kinh. Mặt đất đã đỏ ối những khăn quàng đỏ chói như cái màu hoa phượng mùa thi của học sinh Việt Nam. Đường phố cái và từ các ngõ hồ đồng, tại các cửa hàng tranh hàng sách, chỗ lên xuống tàu điện, chỗ ga chờ xe ca xe buýt, tuổi trẻ đã có mặt từ lúc tinh mơ ngày hội hoa niên.

Tôi nhìn theo các em không chớp mắt. Thật vậy, chỉ có ở trong những chế độ lành mạnh tươi sáng thì con người ta mới có tuổi trẻ, và sự trong lành tươi sáng của tuổi trẻ mới được gìn giữ và nảy nở mãi mãi. Nói đến sự săn sóc của Nhà nước nhân dân Trung Hoa với nhi đồng, tôi không thể quên được cái buổi đi thăm cung thiếu niên ở Thượng Hải.

*

* *

Tòa nhà nhiều gác, có khu vườn cây, ngoài cổng đề "Thiếu niên cung". Trước đây là của một người Anh tại khu tô giới Thượng Hải, nay trưng thuê. Cung Thiếu niên được lập nên năm nay đúng vào ngày kỷ niệm 1-6, với cái mục đích rõ rệt là trên cái tinh thần của chủ nghĩa xã hội, sẽ bổ túc thêm cho nền giáo dục học đường đối với nhi đồng. Cung thiếu niên là câu lạc bộ của thiếu nhi sau những giờ học ở nhà trường, có đủ chỗ cho 1200 em cùng dự. Một tuần lễ, nhóm họp tại cung thiếu niên hai lần. Giấy mời sẽ gửi đến nhà trường, triệu tập thiếu nhi nhóm những cuộc họp đông đảo mỗi khi có giảng tập, biểu diễn của thiếu nhi, hoặc tổ chức những cuộc gặp gỡ có tính chất quốc tế. Năm ngoái, giữa Thượng Hải đây, có một ngày gặp gỡ giữa thiếu nhi Thượng Hải và thiếu nhi Việt Nam đấy. Ngoài ra thường xuyên có những cuộc gặp gỡ giữa thiếu nhi và các anh hùng chiến sĩ quân đội, xí nghiệp, nông thôn.

Hoạt động của thiếu nhi ở cung thiếu niên chia ra nhóm khoa học và nhóm nghệ thuật. Các em chọn nhóm tùy theo năng khiếu và sở thích của mình.

Thể thao cũng có mấy tổ, môn bóng rổ phát triển mạnh nhất. Một bức họa sơn dầu to lớn

dập mạnh vào mắt người sắp sửa bước lên tầng gác chia ra thành nhiều gian Cung thiếu niên. Lòng tranh vẽ toàn thiếu nhi đủ các màu da màu tóc, gái và trai mặc đủ các kiểu phục sức dân tộc. Tôi đếm bằng mắt có đến trên dưới một trăm em, em nào cũng tươi tỉnh. Tôi lần lượt đi thăm các gian.

Cả cái gian vật lý, tất cả những vật dụng về điện học là do các thiếu nhi Liên Xô gửi tặng thiếu nhi Trung Quốc. Cái món quà do lòng thảo của bạn nhỏ đối với những người bạn nhỏ, thật là một ý nghĩa lớn. Em nhỏ Trung Quốc sẽ dùng những dụng cụ máy móc này để kết hợp lý thuyết và thực hành, làm quen dần với khoa học. Tuổi hoa niên ở đây đi dần vào thế giới cơ học và rồi tương lai đã sẵn dành cho các em ưu tú về năng khiếu đối với cơ khí, những chỗ rất xứng đáng ở khu kỹ nghệ Đông Bắc cho các em phát huy sáng kiến đến cùng. Tuổi hoa niên ở đây là cái vốn dự trữ nhân tài của nhiều kế hoạch năm năm sau này. Nhóm khoa học ở đây gồm có 19 tổ và gồm 800 em nhỏ. Có phòng thí nghiệm, bầu và ống thủy tinh lóng lánh để các em tập hiểu hóa học và vật lý. Trên các giá kính, bày đủ các thứ lọ, phễu thủy tinh, và cối chày, cân. Cuối gian, có một số các phân hóa học lấy ở một hợp

tác xã nông nghiệp về, và các em cũng đang tập thí nghiệm. Có đủ giảng viên chỉ vẽ cho các em nắm dần những bí quyết thông thường của tạo vật chung quanh. Thiếu nhi học tập dần về những quy luật khoa học, hiểu dần về những hiện tượng dưới bể trên trời. Lý thú nhất là hai cái gian đóng tàu thủy và làm tàu bay. Đây là những chiếc tàu bay nhỏ, xấp xỉ những chiếc diều của người lớn. Giữa bàn to, để một cái cốt tàu bay mẫu, khung và nan toàn thứ gỗ nhẹ đã sơn. Các em nhỏ cứ dập theo kích thước từng bộ phận mà làm, vừa làm vừa học về vấn đề chính xác trong kỹ thuật khoa học. Làm xong từng cái rồi lắp theo kiểu chiếc tàu bay mẫu. Cuối cùng là phất giấy lên. Thỉnh thoảng có tổ chức những cuộc bay cho những tàu bay mới chế tạo xong. Một chiếc đã bay được ba phút và được giải thưởng. Gian đóng tàu thủy thì dùng dụng cụ gỗ và cả sắt tây. Đóng cả tầu buồm, đóng cả tàu máy đi bể. Tàu buôn cũng có và tàu chiến cũng có. Có một chiếc tàu trông rất hiện đại Đây là một công trình tập thể do ba em làm: phân công mỗi em làm một số bộ phận, cuối cùng lắp vào, rất ăn khớp, rất thăng bằng và chạy như thật. Những giờ sinh hoạt về khoa học vật lý, hai gian tàu thủy tàu bay rất vui nhộn nhưng cũng rất êm

ả để các em tập trung ý nghĩ vào việc làm tỉ mỉ. Những cô chú và bác ở công hội Thượng Hải cũng chế tạo ra một số ô tô buýt, tàu bể chạy than đá, chạy dầu, và những chiếc cần trục để biếu các em vừa chơi vừa học.

Gian trưng bày nhiều qúy vật nhất tức là gian "Thiếu nhi quốc tế" nổi bật lên cái ý nghĩa tình hữu nghị của nhi đồng các nước. Ở đây đủ các phù hiệu và các mẫu khăn quàng của thiếu nhi quốc tế; trong mớ khăn các màu đỏ lại có cái khăn quàng màu nước bể của thiếu nhi nước Đức. Ở đây đủ các thứ cờ và mặt chữ các nước thêu trên cờ. Trong rừng cờ thiếu nhi các dân tộc, cái cờ của thiếu nhi Việt Nam trông vui mắt quá. Nền vóc đỏ thêu lá tre xanh quan lục, ngôi sao vàng Tổ quốc chiếu thẳng xuống cái măng mọc ánh ánh chỉ tơ nhoáng. Có một khung lớn toàn ảnh thiếu nhi tiền phong Việt Nam đang quây quanh Bác Hồ. Gần đó là cái tủ kính có thư thiếu nhi Liên Xô gửi thiếu nhi Trung Hoa có kèm bản dịch ra chữ Hán, và những chiếc vạn năng cơ thu nhỏ, do thiếu nhi Liên Xô làm ra. Thiếu nhi Đông Đức gửi rất nhiều cánh hoa và cỏ lá mọc trên đất nước Đức, thứ nào cũng như mới ép vào sách học và đựng vào trong những túi mica. Trong đám cỏ khô hoa khô này, thoát lên một

cái tình rất hồn nhiên rất sống và rất kêu gọi. Trên tường nhiều tranh màu của những họa sĩ thần đồng. Trong tủ kính, nhiều con búp bê đang múa cười, tay mũm mĩm. Tủ khác, bày những mẫu bưu thiếp của thiếu nhi đã nghĩ ra.

Hoạt động văn nghệ của các em và sự tổ chức học tập văn nghệ cho các em tại Cung thiếu niên cũng rất chu đáo. Thư viện gồm 5 vạn cuốn sách để các em đọc, mỗi lần mượn thì các em nhân danh lớp học mình mà mượn về. Bàn đọc và ghế ngồi xem sách đều thấp bé dưới đầu gối người lớn. Trên tầng sách, ảnh văn hào An-đặc-sinh (Andersen) hiền từ không nói, nhưng cặp mắt như muốn hỏi các em về cảm tưởng của mỗi người độc giả thiếu niên, đối với những truyện nhi đồng mình viết trong suốt đời trứ tác. Thỉnh thoảng Cung thiếu nhi lại vang lên những lời nói ấm cúng và khoan thai của những văn sĩ, những tác giả đương thời đến nói chuyện với thiếu niên về những sáng tác của mình. Và luôn luôn có những buổi nói chuyện cảm tưởng và thu hoạch về những sách mượn đọc. Những buổi này, diễn giả là những người nhỏ tuổi của Cung Thiếu nhi.

Nhiều bức vẽ tô màu của thiếu nhi treo ở tường buộc người lớn phải ngừng lâu. Có em tự soi gương, tự truyền thần mình ra, bức tranh trông hóm ra dáng. Có những bức vẽ đông người

rất vững về bố cục. Có một họa sĩ thần đồng, bố là thợ chuyên môn ở Thượng Hải, vẽ Lênin, bức vẽ nửa người càng xem lâu càng thấy sinh động. Gian vẽ và gian thêu, nói chung thấy các em nhỏ con các gia đình công nhân đều có năng khiếu về vẽ và thêu.Dĩ nhiên là những em gái đều thêu đẹp cả. Một em thêu cả tấm địa đồ Trung Hoa, màu chỉ rất có tình cảm. Xưởng họa rồi xưởng nặn. Xưởng nặn có đủ mẫu bàn tay bàn chân và đầu người đổ khuôn để các em học tập. Tổ trổ giấy màu, trổ được nhiều kiểu hình hoa trang trí rất ý nhị. Các em tập bó con múa rối, may vá cho nó tùy thích mà chọn màu vải màu lụa. Các em tự ý cắt lấy lâu đài phong cảnh để bài trí cho truyện múa rồi đem ra công diễn tại Cung thiếu nhi. Ánh sáng điện cũng do các em điều khiển lấy. Giấy mời, vé, và trật tự trong những buổi biểu diễn do các em đảm nhiệm hết. Gian học nhạc, hàng dẫy, hàng dẫy ghế nhỏ đối diện với một chiếc đàn dương cầm to tướng. Lúc nào học nhảy thì xếp tất cả ghế lại phía chân tường. Ở đây, có những buổi hướng dẫn về nhạc, về múa, và tập cả cho các em điều khiển một dàn nhạc. Những em được học, lúc trở về trường mình, sẽ hướng dẫn lại các bạn nhỏ khác. Buồng bên là các trò giải trí như bình boong, bi a và các thứ cờ

vây, cờ lợn, cờ hổ, cờ chó v.v...

Tôi sang thăm gian sân khấu, các em diễn kịch và tổ chức các cuộc biểu diễn nhạc, múa. Thường đây cũng là gian khai hội thiếu nhi. Trên tường, những khẩu hiệu rõ nét: "Dũng cảm", "Thành thực", "Hoạt bát", "Kiện tráng". Các em tan giờ học, đang lục tục đến câu lạc bộ của mình. Nhiều em khăn quàng đỏ, đang tung tăng sang thư viện mượn sách. Phòng họp đông dần, rào rào tiếng động như tổ ong đi lấy mật về. Hai chú nhỏ xíu đứng giữ trật tự hai bên cửa chính, cánh tay đỏ chói cái băng "trực nhật".

Các em nhìn đoàn chúng tôi. Chị phụ trách giới thiệu là phái đoàn Việt Nam. Nhiều em nheo nheo mắt có vẻ tìm tìm lại xem Việt Nam nằm ở chỗ nào đây. Tôi vẽ lại cái hình Việt Nam cạnh cái hình Trung Hoa. Các em nhẩy lên gật gật. Chị phụ trách lại nói đây là đoàn đi dự Hòa bình Quốc tế. Các em lại cười, má càng lúm đồng tiền. Anh phụ trách lại giới thiệu từng người, nhất là những đại biểu du kích và lao động mô phạm, các em cảm thông rất nhanh, càng níu áo nắm tay. Tôi hỏi chị phụ trách xem Thượng Hải có độ bao nhiêu thiếu nhi. Thì ra, riêng thiếu nhi Thượng Hải có 24 vạn em. Tôi cười. Trong ý nghĩ hiện lên hình ảnh thủ đô Hà Nội một ngày đón

thiếu nhi quốc tế, và có rất nhiều thiếu nhi Trung Hoa, có rất nhiều thiếu nhi Thượng Hải. Ồ, rồi Hà Nọi sẽ mở mang to ra nhiều chứ. Thủ đô Việt Nam sau đấu tranh thống nhất thắng lợi, rồi quy mô kiến trúc sẽ còn lớn nhiều, nhiều lắm.

NGÀY THIẾU NHI QUỐC TẾ TẠI BẮC KINH

Tranh vẽ trẻ con, xưa kia, tôi đã cho áp phích tư sản vẽ hình trẻ Ca-đôm là tài tình. Đến sau này, ngắm tranh Trung Quốc màu sắc đỏ rực và xanh gắt có những hình em bé phốp pháp hai má mọng lên như hai quả táo phương Bắc, ánh lên như da đào chín Vân Nam, tôi thấy hình trẻ Ca-đôm màu sắc trở nên tái nhợt hẳn đi. Hôm tết nhi đồng ở Bắc Kinh ngày 1-6 vừa rồi, tôi lại thấy những bức tranh vẽ nhi đồng Trung Quốc ấy bỗng kém cái đặm đà bụ bẫm. Bởi vì trong thực tế, nhi đồng Trung Hoa đẹp hơn trong tranh nhiều, nhiều lắm. Có đem ví các em với những nụ hoa hồng lóng lánh giọt sương mai, cũng vẫn thấy chữ và hình ảnh đưa ra còn khô và nghèo.

Xin mời các bạn cùng dự luôn vào ngày Tết "Khánh chúc lục nhất quốc tế nhi đồng" tôi cố

gắng thuật lại đây.

Trong ngày 1-6, phái đoàn Hòa bình Việt Nam ba lần đến dự Tết nhi đồng, cả sáng, cả chiều, cả tối. Trong đoàn cũng nhiều vị tóc bạc râu ria. Nhưng suốt ngày Tết các em nhi đồng Trung Hoa, cả đoàn không ai thấy mệt, đều thấy tuổi mình như trẻ lại, sự cảm nghĩ thấy tươi tắn hẳn lên.

Buổi sớm, chúng tôi vui với một ngàn hai trăm nhi đồng gồm cả thiếu nhi quốc tế đủ các màu tóc vàng óng, nâu nhạt, đen mượt. Phòng Khánh tiết khách sạn quốc tế trở thành một cảnh cắm trại sáng sủa lộng lẫy. Sàn gỗ đánh bóng phẳng lì không em nào sợ vấp ngã, nhiều em đi như trượt tuyết. Ánh sáng điện rừng rực, như cắm trại lộ thiên trời nắng chói. Nền cờ Hòa bình và chim trắng Hòa bình vươn cánh gợi cho các em nhớ lại những ngày trại hè ven bể vùng Hoa Đông. Ảnh Chủ tịch Mao Trạch Đông như giục mặt trời phương Đông mọc cao thêm nữa trên nước biển. Các em cầm tay nhau, xóng tay nhảy đoàn kết. Sơ mi trắng quần dài, quần cụt, váy hoa, tóc tết có nơ bướm có hoa gài. Và khăn quàng đỏ. Các em thiếu nhi Đông Đức khăn xanh màu nước bể. Các bà mẹ người Á người Âu dẫn nhiều em còn chập chững tiến gần thêm nữa vào

giữa vòng đoàn kết. Nhiều vị quan khách tí hon được đặt lên mặt ghế, được ngồi lên thành ghế. Mọi công việc tổ chức buổi lễ ở đây cũng như ở mọi cuộc lễ trong khắp thành phố Bắc Kinh gồm 30 vạn thiếu nhi toàn thành, đều do thiếu nhi làm lấy hết. Đồng chí trưởng ban tổ chức 15 tuổi mời đồng chí chủ tịch ngày đại hội nhi đồng ra nói mi-cờ-rô. Đồng chí đại đội trưởng thiếu nhi chủ tịch buổi lễ cũng khoảng 15 tuổi, vòng tay ra sau có lúc lom khom trước máy nói, trông rất lành rất ngoan nhưng cũng rất hiên ngang. Thay mặt cho 30 vạn thiếu nhi nam nữ ở Bắc Kinh, vị chủ tịch hoa niên gửi lời cảm ơn các bác các chú các cô thím công nông, tất cả các bậc cha anh đã chiến đấu vì hạnh phúc "chúng em"; và gửi lời nhiệt liệt chúc mừng các bạn trẻ trong nước... Ông phó thị trưởng Bắc Kinh đáp từ, chúc các em "... chuẩn bị sau này phục vụ cho Tổ quốc... học tập... làm một người thiếu niên và người học trò xứng đáng của Mao Chủ tịch...". Bà Nguyên soái Chu Đức vỗ nhẹ vai nhiều em đang giữ những bó hoa quanh các bàn bánh kẹo. Quan khách người lớn không ai hút thuốc lá sợ khói mù sẽ che giấu mất nhiều cái đẹp trên tuổi hoa niên. Em Vương Mã Lan, 15 tuổi, lên báo cáo các tiết mục, đều cúi đầu hai lần chào trịnh trọng

như người lớn. Bắt đầu múa câu chuyện "Gà mẹ, gà con, và con mèo", gà con hóa trang màu vàng nhạt, mãn hóa trang màu tro, thì nhi đồng khán giả cứ thắt chặt mãi vòng lại, sâu khấu cứ bị thu hẹp mãi. Các đại đội trưởng tay áo có phù hiệu, lách qua nách người lớn, tìm nhau hỏi kinh nghiệm giữ trật tự, ngồi xệp xuống sàn, lấy mình làm mốc làm địa giới cho sân khấu. Một vài bà mẹ đang ẵm trên tay, đưa bó hoa vào tay con, thả con xuống lòng sàn. Em nhỏ bước ngắn, khua bó hoa, đến tặng hoa các nghệ sĩ măng non. Em Trương Tiểu Bằng ở trường tiểu học Hoa Bắc lên hát bài "Con nhạn bay". Em là giải nhất ở lớp ca nhạc và chính em đã hát một bài riêng cho các bạn thiếu nhi Việt Nam hôm thủ đô Hà Nội được giải phóng năm ngoái. Khán giả tập trung theo dõi các tiết mục, má đỏ càng trũng thêm xuống những cái lúm đồng tiền. Văn công quân đội đi bốt mà biểu diễn, đá quét trên mặt sàn, đá qua đầu, càng hấp dẫn. Hai cô cháu cộng lại không quá 12 tuổi, dắt nhau lũn cũn chạy những bước ngắn ngắn qua cái sàn bóng, mang bó hoa lên tặng các chị văn công quân đội. Chạy chậm quá, hai cô cháu nhỡ tàu, và cứ đỗ luôn ở giữa sàn, sau phải có hai đội trưởng lên đưa về chỗ. Bên kia, cũng một thiếu nhi khăn quàng đỏ ẵm một

em nhỏ, chạy veo veo lên tặng hoa. Thiếu nhi các nước từng tốp đi tìm nhau gắn anh-si, lấy chữ ký vào ảnh bưu thiếp. Người nhớn mang hòm ảnh đi theo trẻ em để kịp thời ghi lại những dáng nét hồn nhiên, chốc lại nháy nháy những tia chớp lửa điện. Nghiệm ra cái thế giới nhi đồng luôn luôn đổi chỗ, đang ở đây đã thoắt sang bên kia rồi. Tay chân không lúc nào yên, vừa đi vừa cười. Cuộc vui vẫn xôm đều. Những cái đầu to và đầu nhỏ vẫn cứ nghển lên mãi. Và lúc này nhiều người lớn cũng muốn được làm thiếu nhi, muốn ghếch cái chân lên mép ghế. Buổi sớm ngày tết nhi đồng, tạm chấm hết bằng bài hát "Chiếc khăn quàng đỏ". Cả phòng khánh tiết đồng ca vang vang, nhi đồng ùa lên như một cái sân phơi thóc bay vù đàn chim sẻ, mỗi con khệ nệ bó hoa lên tặng một đồng chí quân nhạc.

Buổi chiều, chúng tôi đến ăn Tết nhi đồng với các em học sinh một trường tiểu học ở khu Đông Từ. Trường trung tâm số 1 này, chiều nay kỷ niệm ngày Thiếu nhi quốc tế, có làm lễ tuyên thệ cho một số học trò nhỏ nhập đoàn thiếu nhi. Rồi sau đó, là phần các trò chơi. Nhà trường ở lọt trong một ngõ hồ đồng, rất rộng, sân trường đủ dựng các gian hàng cho một ngàn một trăm thiếu nhi vui chơi suốt buổi Tết trẻ. Trường

thành lập từ 1905, với 18 lớp gồm 961 trò. Sau ngày giải phóng, từ 1951, số lớp và số trò em ngày mỗi tăng, và nay có 40 lớp gồm 1974 học sinh nam nữ. Tổng số các em vào tổ chức thiếu nhi là 1.105 em. Tuổi vào thiếu nhi lấy từ 9 đến 15 tuổi. Các em đều chỉ học một buổi. Chương trình học là giáo dục toàn diện: học, chơi, khỏe, đẹp. Hầu hết học trò nhỏ ở đây là con em công nông và nhân dân lao động. Nhà trường có treo nhiều hòm có khóa như hòm thư; thiếu nhi nào có ý kiến muốn đóng góp với thầy giáo hoặc có ý kiến về giáo viên, thì cứ bỏ vào. Hết mỗi ngày, ông đốc trường mở những hòm thư.

Giữa sân trường, các đội thiếu nhi đã tập trung dầy đủ. Các đội trẻ lần lượt báo cáo quân số, tay phải chào vắt chéo qua đầu. Chị đại đội trưởng trực nhật dõng dạc: "đã nghe báo cáo của đồng chí". Nhiều đội trưởng nhỏ tí ti. Có nhiều đội trưởng khuỳnh cánh tay sát nách, chạy ra lập chính là cá trường đã cười rộ. Có nhiều đội trưởng cảm động quá, quên cả quân số. Nhạc trưởng là một em gái cho cử bài chào cờ của đội.

Đến mục "tân đội viên nhập đội" truyên bố số đội viên mới. Lễ tuyên thệ, các em làu làu đọc rành rọt những lời thề. Một hàng dài thiếu nhi áo trắng được lần lượt quàng khăn đỏ. Quàng

xong mỗi người, các anh chị phụ trách giơ tay chào lối thiếu nhi. Em nhỏ cảm động chào lại. Sau đó là các em tỏ lời biết ơn thày học. Nhà trường tuyên bố các đội và các đội viên ưu tú nhất trường, và phát giải thưởng. Rồi giải tán, chuẩn bị các trò chơi. Sân trường lại như cái sân phơi thóc, có hàng ngàn con bồ câu non mình trắng cổ thắt lụa đỏ đang bay vù.

Đây là một cuộc chợ phiên nhi đồng, các gian hàng đều do các em xếp đặt, điều khiển và ra trò. Đúng với nguyên tắc, chúng tôi cũng được các em phát cho mỗi người một vé đi xem các buồng trò. Vào bất cứ gian nào, dù là đại biểu, phải có vé do Ban tổ chức của thiếu nhi đóng dấu. Một tấm vé ấy vào lọt mọi phòng trò vui, nhưng chỉ được vào mỗi cửa một lần. Những em soát vé rất là nguyên tắc. Có những em soát vé lúc chấm vé lại chấm nhầm sang cái cột kiểm tra của em khác, thế là các em đề nghị đừng vào vội để thảo luận lại đã. Chúng tôi gặp khó khăn, nhưng đồng thời cũng gặp luôn những cái cười hồn nhiên của thiếu nhi đang lúng túng chỗ cửa vào. Nguyên tắc nhưng mà cũng linh động được vì chúng tôi là người lớn, lại là đại biểu quốc tế, lại là "thượng khách" của nhà trường, nên em canh cửa đã tránh ra bên, mời chúng tôi vào.

Đến cửa gian nào đã bắt đầu trò chơi rồi, phải xếp hàng chờ cho có trật tự, không chen đẩy nhau.

Gian chiếu áo đăng, có hai em gái đứng thuyết minh cạnh bảng đen. Đang chiếu cái truyện "Bà mẹ và ba người con".

Gian vẽ tranh, có nhiều công trình của thiếu nhi đập vào mắt ngay. Có những bản mô hình đắp nổi bản đồ Tổ quốc. Có những bản đắp hình đảo Đài Loan. Lại cả bản đồ vẽ lại thời Tam quốc. Đầu bàn rộng kia, rung rinh nhiều cành hoa giấy ngũ sắc dưới bốn chữ lớn: "Hữu nghị chi hoa". Đây là những lá thư do thiếu nhi viết, mỗi thư đặt trên một đóa hoa giấy màu.

Gian biểu diễn thể thao, xiếc và quyền thuật cũng hút nhiều khán giả nhi đồng. Vui nhất là đi xong một bài võ Tàu, nhà lực sĩ tí hon đứng thế bái tổ và chào bằng lối chào thiếu nhi vắt chéo cánh tay phải qua đầu. Góc sân đằng kia, thánh thót điệu dương cầm của gian "Tiểu âm nhạc". Sang nghe đàn nhi đồng, tôi phải chờ lâu ngoài cửa vì vừa biểu diễn xong. Thính giả của cuộc hòa nhạc đã ùn ùn kéo tới. Gian phòng sáng, những chiếc ghế sơn màu đều xinh bé như những đồ chơi. Ghế đủ bốn chân, vành dựa, nhưng chỉ có một tay thôi. Em trật tự nheo mắt đề nghị tôi

ngồi xuống. Dương cầm đệm "Bài hát hòa bình". Em hát đơn ca có đôi lông mày xanh biếc cong cong. Nhiều thính giả mím môi, há miệng, răng cắn ngón tay, tập trung tinh thần, và sự khoái trá hiện lên đủ các dáng nét. Hát song ca, rồi hành khúc, rồi âm nhạc thuần túy không có lời. Nhiều nét mặt hóm, nhiều nét mặt ngoan, nhiều nét mặt nghịch ngợm. Nhưng tất cả đều như hoa đào, đều như quả đào: đàn hát đang thổi nhẹ qua cái vườn đào ngả nghiêng. Cuối cùng là bài "Muốn gặp bác Mao". Phòng ca nhạc êm đềm, thì phòng thuyết thư lại càng nhiều tiếng cười to. Phòng học chuyển thành buồng che, báng đen vẽ những vai tuồng điển hình, áo mũ và hóa trang mặt tô đủ thứ phấn màu viết bảng. Hai chú ra trò tay cầm quạt, nói chuyện trên trời dưới đất, kể đến đâu, dưới này nhi đồng bá cổ nhau mà cười rộ đến đấy. Ngoài kia, nhiều em bám vào cửa sổ, thò đầu vào cười góp để em giữ trật tự nhắc: "nếu có vé vào, thì mời vào hẳn trong phòng này mà vui cười chung".

Phòng đố chữ bên cạnh, lủng lẳng nhiều tràng hoa giấy dính những tờ hoa tiên viết chữ nét to. Đấy là những câu đố. Dưới hoa, nhiều em ra chiều nghĩ ngợi. Tấp nập vẫn là khu mở ngân hàng và mở hợp tác xã. Hợp tác xã bày đủ kẹo

bánh gói trong giấy bóng, kêu loạt soạt. Quả dâu và nước đá ê hề. Gian này toàn những thức ngon lành thơm ngọt. Nghe hát ở phòng tiểu âm nhạc rồi sang đây mua thực phẩm thì thích thật. Bộ máy phục vụ lại toàn những em bé đội bê rê trắng, mũ cát két trắng, mặc bờ lu trắng, đi lại tíu tít. Em thiếu nhi ở quầy giao hàng luôn luôn bận tay, miệng cười thay lời chào hàng. Nhưng mà hợp tác xã không nhận tiền mặt. Xin mới các "đồng chí" sang đổi tiền bên gian ngân hàng đổi lấy những tấm phiếu lĩnh hàng. Có phiếu năm xu, có phiếu hai hào. Mà xin sắp hàng theo thứ tự đến trước sau cho. Đông quá. Nhiều cái mũ bê rê trắng lại lom khom vẩy nước để bụi sàn khỏi bay đậu lên bánh kẹo. Cửa ngân hàng và hợp tác xã không lúc nào vợi người. Nhiều cái miệng cười ở đây đều dính bột bánh kẹo. Ăn xong, sang gian bưu điện gửi cái thư ngày Tết. Trên ghít sê, dán khẩu hiệu: "Chúng tôi làm nhanh chóng. Thư gửi đi, đều bảo đảm không thất lạc". Gian này là chỗ tập trung những thư của thiếu nhi nhà trường gửi cho các chiến sĩ ở các đơn vị. Bưu điện thiếu nhi sẽ soạn thư, gửi ra nhà giây thép chính Bắc Kinh nhờ chuyền đi các nơi. Tôi lom khom ở cửa ghít sê, cười cười, nhờ gửi cho một cái thư. Em bé ngồi trong cửa bán tem lắc đầu: "Đây chỉ

nhận thư trẻ con, không thấy nói về thư của người nhớn".

Ông giáo nhà trường cho biết là càng những em học kém, thiếu sót về tư cách, càng nhận được vé vào xem các trò, và có khi lại còn được nhận vé nhiều hơn. Các em càng đi xem nhiều, càng được giáo dục nhiều, càng có sự cố gắng tự vượt. Một buổi đến ăn Tết nhi đồng với các em trường tiểu học Bắc Kinh, tôi thấy rõ cái ý nghĩa của nền giáo dục ta đối với trẻ em. Vừa chơi vừa học. Học trong cái chơi. Qua các trò vui, các em có ý thức dần dần về tổ chức xã hội và hình dung ra một cách cụ thể về những gánh vác và trách nhiệm của mình lớn lên sau này.

Hôm sau được xem phim ảnh "Những đóa hoa Tổ quốc", càng thấy rõ vấn đề chăm sóc và giáo dục đối với thiếu nhi. Phim nhi đồng này là một tác phẩm điện ảnh Trung Quốc đạt cả về hai mặt tư tưởng và nghệ thuật và xây dựng cơ sở cho phim nhi đồng của Trung Hoa. Tài tử chính lấy ngay ở thực tế cuộc sống. Xưởng làm phim cố gắng hoàn thành phim để kịp chiếu vào dịp tết nhi đồng 1-6-55. Tối hôm kỷ niệm thiếu nhi quốc tế, các rạp chiếu bóng ở Bắc Kinh và các thành phố lớn đều chiếu phim "Những đóa hoa Tổ quốc" và đại bộ phận khán giả đến là thiếu nhi. Các

rạp chiếu phim về nhi đồng cho nhi đồng xem. Nhưng ở vườn hoa Tôn Trung Sơn, buổi tối 1-6, hàng vạn thiếu nhi họp lại nhảy múa vui cười, tuổi thơ ấu quang cảnh thật như chiếu đèn pha lên gấm lên hoa. Cây lớn trong vườn Tôn Trung Sơn có cây tùng thọ đã một nghìn năm, cây bách lớn đến cái mức năm em bé nối tay nhau mà ôm cũng không hết vòng. Hoa mẫu đơn vườn Tôn Trung Sơn nở đầy công viên lộng lẫy dưới bóng hoàng hôn. Nhưng so với mẫu đơn nở bung chiều Tết nhi đồng, thấy diện sắc thiếu nhi còn tươi thắm hơn. Cây to nào cũng nặng trĩu những trái lửa. Vườn Tôn Trung Sơn biến thành một vườn táo rực rỡ ẩn hiện dưới cây sẫm, một vườn táo được mùa sai quả. Dưới quả sáng, dưới cây già, các lứa tuổi măng trẻ rủ nhau ca hát và nhảy các kiểu dân tộc và quốc tế. Tiếng hát nhi đồng là tiếng hát của cái vốn dự trữ cho xây dựng ngày mai sáng tươi hơn nữa. Nhi đồng Triều Tiên cũng tham gia đông. Phái đoàn Hòa bình Việt Nam đến vườn hoa, các em thi nhau ra mời nhảy. Hết sân này mời đến sân khác chèo kéo thân mật. Các em mạnh bạo hơn người lớn, và chính các em đã làm cho người lớn trở lại hồn nhiên. Cuộc vui múa ở vườn cây, nhiều người còn muốn kéo dài lâu nữa. Nhưng hôm sau, các em

còn phải đi học: ngày Tết của các em đã kết thúc trước nửa đêm. Đêm Bắc Kinh, nhiều toa tàu điện sáng trưng đưa các hành khách nhỏ tuổi về các khu phố, về các miền phụ cận. Các em không phải mua vé. Tuổi hoa niên các em là một cái vé đảm bảo nhất rồi. Toa nào cũng đầy những hoa giấy hoa thật, khăn quàng đỏ và nụ cười. Các góc phố, đếm không hết nhi đồng xếp hàng chờ xe buýt, xe ca, tàu điện, cổ quàng khăn hồng tay vẫy hoa đỏ.

XƯỞNG MÁY DỆT GAI Ở CÁP NHĨ TÂN

Nhà máy dệt gai nhiều máy tự động. Số công nhân vài nghìn anh chị em, nhưng có người một mình điều khiển cả một máy hoặc phụ trách một lúc cả hai máy. Máy có những cái tự động, như là con thoi nào hết sợi thì cứ tự ý rớt rụng xuống để con thoi khác đã mắc sẵn sợi, lên thay thế; chỗ sợi kinh (sợi dọc) nào đứt thì ở đấy bật sáng ngay lên một ngọn đèn đỏ báo hiệu cho chị coi máy đến nối dây kịp thời. Ống gai chờ bàn tay xinh lẹ chị công nhân nối lại cho nó rồi nó mới chịu quay tiếp. Các sợi gai được chải kỹ và đã se rồi, đánh ống xong, thì gai tự động biến thành

những cuốn dài vô tận và chiếc máy cứ nuốt dần hút dần đến lúc nào hết thì máy cũng ngừng và chờ những "dòng" gai vô tận và óng mượt khác. Ở những khung máy nối sợi gai, có những chiếc gương lắp sẵn, chị phụ trách máy cứ trông vào gương mà nối sợi. Tấm gương con phản ảnh tình hình sợi dệt và luôn thể cũng chiếu lên cái khuôn mặt hồng hào chị công nhân đội cát két vải trắng.

Có những gian lọc gai và chứa gai rất hấp hơi và rất bụi. Bụi gai như gió tháo nguyên thổi cát về. Mùi gai ẩm nồng lên mùi cơm hẩm. Xơ gai bay như lông gà lông vịt. Công nhân đều có *khẩu chao* bịt miệng. Trên đầu ống dẫn không khí luôn luôn đưa khí lành ngoài trời vào trong nhà máy. Trong suốt quá trình sản xuất, nhà máy luôn luôn bảo đảm không khí tốt lành cho công nhân. Sức khỏe của người coi máy ở xưởng luôn luôn được giữ gìn. Máy nào có băng cua-roa da to cuốn nhanh, ở ngoài đều có sắt che phủ, tránh được những tai nạn xảy ra. Các buồng dãi gai tẩy gai, gai trắng như sữa, kéo dài từng cuộn bốc thơm như những con mi tươi chờ nồi nấu chín. Những con gai nõn nà vặn theo kiểu chữ 8, lại được máy đem đi giặt giũ, vắt và hong ra. Các phòng giặt gai cửa kính sáng dịu, ống dẫn không

khí thổi hơi mát vào, các chị đều áo bờ lu trắng mũ vải trắng càng làm việc càng hồng hào. Một đại biểu trí thức trong đoàn níu tôi lại, nói se sẽ: "Đây là một cái bến Trữ La của Trung Hoa kỹ nghệ hóa. Và ở đây có rất nhiều Tây Thi mới. Tại sao người ta tả về nhà máy, người ta cứ hay nói đến nhem nhuốc và lầm lì?". Lần lượt qua các gian máy hồ, máy sấy và máy đánh bóng sợi gai bằng sáp. Rồi đến máy nhuộm, hai máy cái to lớn đầy mấy gian nhà, mà chỉ loáng thoáng vài bóng công nhân điều khiển. Ở đây chỉ dệt có hai thứ vải gai, thứ mỏng dùng vào may mặc và thứ dày dùng vào lợp mui các thứ xe. Sợi thô dùng dệt vải mui xe dày như da thú, và sợi thanh dùng dệt vải mặc mỏng nhẹ như vải cát bá.

Đến cái gian máy đo vải, gấp vải, cắt vải, thì những tiếng ào ào như gió bão các máy khác đã tắt hẳn. Máy ở đây êm đềm. Không những êm ả mà còn tươi nhẹ nữa. Bên những súc vải khổng lồ trắng muốt ngà ngà, có nhiều chậu hoa khoe màu dưới ánh sáng đèn nê ông. Ở đây, nữ công nhân phải dùng mắt nhiều, và óc phải nghĩ phải tính nhiều, nền xưởng máy tạo thêm điều kiện tươi dịu cho các chị phát triển thêm được công tác. Các gian bên, máy ép các súc vải thành

những kiện vải vuông vắn, đánh đai chắc chắn, chờ xe tàu phân phối cung cấp cho hai mươi sáu tỉnh trong toàn quốc. Mỗi ngày xưởng dệt vải Cáp Nhĩ Tân sản xuất được 5 vạn thước mét vải.

Chúng tôi xem xong thì cũng vừa giờ tan tầm. Công nhân đi tắm, thay quần áo. Buồng tắm nữ nổi lên nhiều tiếng cười trẻ giòn. Buồng tắm nam cũng rộn rã tiếng cười. Ngoài kia, sân nhà máy trồng nhiều hoa cỏ lạ càng làm thanh thoát hẳn lên những khối kiến trúc nhẹ nhõm của nhà máy. Nữ công nhân tắm xong ra về, lúc qua sân nhà máy, thì vườn hoa giữa sân càng rực rỡ thêm màu sắc. Áo vải in các chị mặc, cũng là những mảng vườn hoa con con rồi. Người xách túi, đội mũ, người đi ô giấy líu ríu tươi đời. Trước đây, phụ nữ Đông Bắc không một ai tham gia lao động, chỉ ngồi trong buồng kín khâu giầy. Người ta còn cho tôi biết rằng những kỳ Tết Lao động 1/5, một nửa công nhân toàn xưởng đi biểu tình, đem cái khỏe cái vui góp vào cuộc du hành. Tôi rẽ nhanh vào nhà giữ trẻ, đủ 200 chỗ cho nữ công nhân gửi con lúc làm việc. Trên tường, có nhiều tranh ảnh tô màu nhắc nhở các em về học tập và giữ gìn vệ sinh. Có những cái giường con con cho các em đủ bò, chung quanh giường có lan can để khỏi ngã. Có những cái thang xinh xinh.

Có những con vật bằng gỗ rất ngoan cho các em cưỡi. Nhiều em bò chơi dưới sàn, nhưng không em nào nhọ nhem thân hình. Lúc tôi vào, nhiều em đang leo lưng một con voi màu phấn hồng. Các em rất bạo, rờ mặt rờ tóc đại biểu đoàn Việt Nam. Lúc ra về, bắt tay các em, các em lắc cái bàn tay xinh xinh mỗi ngón bằng cái cuộng cần, miệng lắp bắp "tái kiến! tái kiến!" như người lớn. Hình như ở nhà trẻ này, không có em nào phụng phịu. Đời sống tập thể đã làm cho các em mạnh bạo và chan hòa với tất cả chung quanh từ cái lúc còn chưa biết nói đủ tiếng. Nó đúng là quang cảnh "đời sống vui và tin tưởng ở ngày mai" cứ thế mà lớn lên, và lớn đến đâu thì cứ khấp dần vào cuộc sống thiên hạ, không một sức hắc ám nào chen ngăn nổi. Các bậc cha mẹ các em nhỏ ở nhà gửi trẻ đây còn là những người sản xuất vải mặc của chế độ xã hội chủ nghĩa, nhưng các em rồi sẽ là cái lứa tuổi thanh niên của thế hệ cộng sản chủ nghĩa trên đất nước Trung Hoa bền vững đời đời. Nó đúng như lời chị nữ du kích và chiến sĩ đường sắt trong đoàn chúng tôi phát biểu cảm tưởng với anh chị em xưởng máy ban nãy.

Xưởng máy dệt gai Cáp Nhĩ Tân là một xưởng trang bị tối tân, dựng từ 1950, và bắt đầu sản

xuất từ 1952. Liên Xô giúp cho 130 chuyên gia hướng dẫn cho những kỹ thuật mới nhất. Ở đây máy tự động thay thế cho sức lao động con người rất nhiều. Máy nào có thể nguy hiểm, đều có những bộ phận báo đảm an toàn. Trong quá trình sản xuất luôn luôn đặt ra vấn đề bảo vệ sức khỏe công nhân. Người thợ đau yếu, được uống thuốc và điều trị không phải trả tiền. Cạnh con sông Tùng Hoa, nhà dưỡng bệnh của xưởng có sẵn 60 khung giường với cả một chế độ bồi dưỡng người lao động. Nhà ở của công nhân đã làm xong 18 khu và còn đang làm nốt 12 khu nữa. Trung bình mỗi gia đình 3 người, thì ở một khoảng 15 thước vuông nhà xây, mỗi tháng trả 5 đồng. Xưởng có nhiều máy tự động và trong số 3.000 thợ, có 60% là thợ thanh niên. Nữ công nhân có trên một ngàn. Các chị công nhân xưởng dệt gai có con thì mỗi ngày chỉ làm việc 7 tiếng, mỗi buổi dành nửa tiếng cho con bú. Chị nào sinh nở, thì trước và sau ngày đẻ, đều được nghỉ hai tháng rưỡi lĩnh cả lương; và khi cái thai được 7 tháng thì người mẹ đó được điều sang các bộ phận máy móc nhẹ nhàng hơn để dưỡng sức. Ở đây có vườn trẻ có câu lạc bộ cho hàng ngàn người. Và vấn đề chính trị, văn hóa, kỹ thuật

được luôn luôn nêu cao trong kế hoạch tổ chức học tập cho toàn xưởng.

Tối hôm ấy, văn công tỉnh Hắc Long Giang và văn công thị xã Cáp Nhĩ Tân biểu diễn một buổi riêng mừng phái đoàn Hòa Bình Việt Nam. Tôi nhớ mãi cái tiếng hát thăm thẳm vang hướng của một chị nữ công nhân bưu điện, hát hai bài "Đợi người tình" và "Mao Chủ tịch về làng tôi". Điệu hát Đông Bắc của chị nữ công nhân bưu điện càng làm tôi nhớ lại bao nhiêu hình dáng tươi khỏe yêu đời, yêu cái máy dệt, yêu lao động của một ngàn nữ công nhân xưởng máy dệt gai thăm buổi sáng. Hôm sau, đi thuyền trên sông Tùng Hoa, liễu trên bờ xanh rờn, tôi vẫn quyến luyến với những hình ảnh sáng dịu của xưởng dệt gai. Tôi lại nhớ lại những hình ảnh liệt sĩ Đông Bắc ở nhà kỷ niệm Đông Bắc, và ảnh chị Diệu Nhất Mãn đã cùng các liệt sĩ Đông Bắc khác, hy sinh trong thời kháng Nhật. Có cái sự nghiệp chiến đấu anh dũng ấy của Đông Bắc, nên ngày nay Đông Bắc mới có sự nghiệp kiến thiết vĩ đại và tươi vui. Trên sóng sông Tùng Hoa, còn như vang vang câu: "Chủ nghĩa cộng sản không có gì ngăn nổi. Lửa đom đóm nhưng đốt cháy hết có vùng thảo nguyên. Anh hùng liệt

sĩ muôn tuổi!" của Mao Chủ tịch cho khắc lên nền bức trâm treo giữa nhà kỷ niệm liệt sĩ Đông Bắc.

GANG THÉP KHU ĐÔNG BẮC VÀ NGƯỜI CÔNG NHÂN TRUNG HOA

Liên xưởng An Sơn.

An Sơn là một liên xưởng (combinal) gồm 58 nhà máy, trong số 141 liên xưởng Liên Xô giúp đỡ vô tư cho Trung Hoa. Liên xưởng An Sơn nấu gang, luyện thép, đúc ra đường xe lửa, ép thép bản làm những tấm thép mỏng, và đặc biệt sản xuất ra những thép ống không hàn.

Số công nhân lên tới 17 vạn. Đường phố An Sơn không thấy hàng rong và ở các góc phố đều có họa báo chống Mỹ vạch mặt Tưởng và đặc biệt là nhiều tranh ảnh họa báo đề cao những lao động mô phạm. Tượng kỷ niệm Hồng quân giải phóng An Sơn dựng giữa một ngã tư phố, trên ngọn tượng có hình một chiến xa đang chồm lên.

An Sơn lúc nào cũng ầm ầm máy chạy, bầu giời khói sản xuất sớm chiều ùn ùn như mây.

Quang cảnh An Sơn là một vùng phồn thịnh náo nhiệt, máy ngày đêm đỏ lửa quanh năm; nhưng trước ngày thành lập nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, An Sơn đã có những ngày vắng lạnh, lò tắt ngấm, mái xưởng thủng, tuyết rơi vào phủ kín máy, Đế quốc Nhật chiếm An Sơn từ năm 1934, và rút ruột Đông Bắc cho đến 1945 nhường chỗ cho giặc Tưởng đến phá phách. Cuối 48, An Sơn mới giải phóng; không có xí nghiệp nào ở An Sơn lành vẹn máy móc nhà cửa, công việc tiếp quản An Sơn có nhiều khó khăn lớn. Nạn đói lại còn lan tràn trên thành phố kỹ nghệ vắng vẻ. Nhiều công nhân buồn nản muốn bỏ nghề về quê. Đế quốc Nhật bản đầu hàng rồi nhưng quân nó vẫn còn đóng lại. Số đông thợ An Sơn vẫn bị Quốc dân đảng lừa gạt nhiều, trở nên nghi ngờ. Họ cho rằng phải dăm chục năm mới khôi phục được An Sơn. Họ thiếu tích cực. Đảng Cộng sản và Chính phủ Trung Quốc càng tích cực giúp đỡ và làm cho anh em dần dần thấy rõ vai trò mình trong sự nghiệp kiến quốc. Nhờ có sự cứu tế, nạn đói đã qua. Dưới sự lãnh đạo cua Đảng Cộng sản Trung Quốc, Công hội tổ chức dần dần đời sống thợ thuyền, và đặt ra những cải cách dân chủ. Người thợ An Sơn so sánh

trước và sau, và thấy nay khác xưa. Nhiều người đã rời nhà riêng, đem đồ dùng thúc ăn vào ở hắn trong xưởng. Cuối năm 49 và sang đầu 50, đã khôi phục được hai lò cao (haul fourneua). Lại tiếp tục dựng lại hai lò cao nữa. Hồi Nhật, thì cứ mùa đông tuyết xuống như thế là nghỉ thôi, nhưng nay thì công nhân đã giác ngộ và cố gắng làm. Ở đây, rét dưới 30 độ và mùa đông kéo dài bảy tháng liền. Bọn kỹ sư đế quốc Nhật Bán lại vẫn xui là mùa đông thì không nên làm gì. Lò cao số 4 làm khó nhất vì bị phá hư nhiều nhất. Bọn kỹ sư đế quốc Nhật nói ra nói vào, bảo là phải ba bốn năm họa chăng mới xong. Bọn chúng bảo thế, nhưng chuyên gia Liên Xô bảo là chỉ một năm thôi. Và trong một năm, lò cao số 4 đã ăn than và đỏ lửa máy. Công nhân càng tin tưởng kỹ thuật Liên Xô. Đảng liền kêu gọi luôn anh em ra công học tập kỹ thuật Liên Xô và bắt đầu phát động phong trào thi đua ngắn hạn.

... An Sơn ngày nay có mười lò cao. Mười lò cao ngày đêm đỏ lửa nấu gang, mỗi mẻ nấu bốn tiếng liền miệng lò chảy ra những suối lửa và lúc người đem cân lên được 1.100 tấn gang. Tôi đứng trước lò cao số 6, số 7, số 8, lửa cứ luôn luôn cháy ra khỏi nút lò đang tháo nước gang sôi sục. Cái

sức nóng rát mặt xoăn tóc 1700 độ nóng này càng làm cho tôi nhớ lại sự lạnh lẽo của lò cao An Sơn những năm đầu mới tiếp quản vùng này, nhất là lò số 4. Thoáng một cái tôi lại nhớ chuyện ở nhà, nhớ đến tình trạng nhà máy sợi Nam Định đang khắc phục khó khăn để tiếp tục sản xuất; tôi lại không khỏi không nghĩ đến những vùng Hồng Gai Hải Phòng tám năm chiếm đóng, nhân dân và nhất là công nhân bị chúng lừa gạt, bóc lột và gần đây chúng tháo mang đi Nam bao nhiêu tài sản máy móc của ta. Còn là nhiều vấn đề... nhưng chúng ta sẽ tiếp quản, và rồi anh chị em công nhân Việt Nam với lòng tự hào chủ nhân ông, sẽ lại đẩy mạnh sản xuất hơn bao giờ...

Suối gang chảy rừng rực, lửa gang nảy tia pháo hoa cải. Công nhân cầm xẻng, miệng đều bịt khẩu chao. Ở đây cả ngày cả đêm, lửa gang cứ chảy đều theo cái nhịp điệu đòi hỏi kỹ nghệ hóa của kiến thiết toàn quốc. Cửa lò cao nóng như giữa cuộc cháy rừng, nhưng người công nhân điều khiển ở xa bằng táp lò có đồng hồ máy. Nhiều chị công nhân điều khiển táp lò má đỏ rực ánh lửa.

Tôi đứng xem gang chảy ở lò cao và nghĩ đến

sáng cũng đứng trước bộ lò Mác-tanh xem đúc thép. Cũng 9 bộ lò đặt trên một từng gác lát toàn sắt. Ở đây cũng lò tự động lửa không phụt ra. Nhưng 9 bộ lò cùng làm việc, lửa sáng đến cái mức mắt mình không còn nhìn thấy gì nữa. Cạnh tôi anh công nhân thanh niên và đồng chí công nhân già đều nhanh nhẹn tươi cười gỡ khỏi đầu cái mũ cát két có lắp kính xanh đưa cho tôi mượn. Tôi đội mũ, nhìn qua kính xanh biếc, thấy lửa trong lò rừng rực tím. Thông nào reo đâu đây. Không, lửa réo đấy. Lửa kêu như gió bể bão. Nói chuyện, ghé sát vào tai người bên cạnh mà không nghe thấy gì. Cửa lò rộng đến mấy người chui vào cũng vừa. Sắt chất đầy lên những cái to bằng chiếc xe goòng do cần trục điều khiển và trút vào cửa lò trước. Thép chảy ra cửa lò phía sau, hứng vào những cái vạc, lòng vạc lát bằng thứ gạch chịu nóng cháy già. Cần trục giữa trần nhà máy điều khiển những vạc thép sôi, chuyển ngang tầm các khuôn và rót thép sôi vào. Cái vạc không, lúc trở về ngang mặt tôi, tỏa một hơi nóng nồng xém. Những khối thép được trục máy rút ra khỏi lòng khuôn vừa đổ, và đặt nhẹ lên trên những cái đà tròn chuyển đi theo dây xích. Các khối thép đổ khuôn ra vẫn còn đỏ tươi, từ từ

trơn lăn trên con đà như những vừng mặt trời mới mọc đang nhoai mình.

Lò gang lò thép, và gang thép ra khỏi cửa lò khổng lồ ở liên xưởng An Sơn để lại những ấn tượng sâu sắc trong người tôi lần đầu làm quen với kỹ nghệ nặng. Thật là vô cùng lớn. Trước cái lớn ấy mắt cứ mờ đi. Người tôi còn choáng váng khi đặt chân sang nhà máy cán sắt chuốt thanh sắt đường ray. Những thanh sắt đỏ ngòm lăn qua lăn lại trên một cái sàn thép rộng bằng mẫu ruộng chạy dài; những thanh sắt luồn chui qua máy cán nhiều lần. Đứng trên bao lơn thang gác nhà máy, nhìn xuống những đống sắt đỏ chói đang được sàng trên sàn thép, mặt tôi nóng rực. Cái cưa máy, mỗi lần cắt thanh sắt thành đường rầy, lửa tóe tròn và tiếng thép cắt sắt gằn lên xoáy vào mang tai người xem. Ở đây mỗi ngày làm ra được 920 tấn đường rầy. Giao thông vận tải của Trung Hoa ngày nay tập trung chính quyền về trung ương và kinh tế phát triển, là một sự đòi hỏi rất lớn và không ngừng về sản xuất đường rầy xe lửa. Năm 54 vừa qua, Trung Hoa tu sửa 9534 cây số đường xe lửa cũ, đặt thêm được 2774 cây số đường mới. Kể cả những con đường sắt đôi, đi một đường về một đường

trên quãng Bắc Kinh – Thẩm Dương – Cáp Nhĩ Tân; Thẩm Dương – An Đông – Đại Liên, Nhà nước Trung Hoa đến cuối 54, có tất cả là 25.500 cây số đường sắt (từ Hà Nội đến Sài Gòn, quãng đường xe lửa dài nhất ở Việt Nam là 1.750 cây số đường sắt). Về sắt, mỏ Trung Hoa nắm 60% tổng số sắt thế giới. Về nhiên liệu, Trung Hoa đứng vào hàng thứ tư về mặt mỏ than đá. Với những cố gắng nỗ lực, với cái trình độ kỹ thuật đã cao, với những sáng kiến trong kiến thiết trong kế hoạch khai thác hầm mỏ của giai cấp công nhân Trung Hoa ngày nay, số lượng nguyên liệu than sắt còn có triển vọng tăng lên nhiều nhiều nữa. Nghĩa là về mặt nhiên liệu nguyên liệu và kỹ thuật về kiến thiết đường sắt, Trung Hoa đủ than để đốt lò chế sắt, đủ sắt để chế ra đường rầy và đủ thợ và kinh nghiệm để giải quyết vấn đề giao thông trên đất Trung Hoa rộng lớn.

Tôi choáng váng về tiếng cưa máy đang cưa sắt đường rầy không ngừng và vít xoáy nhĩ tai. Trước mắt tôi, múa nhảy những thỏi đường sắt rừng rực. Tôi đứng lặng trên cầu thang sắt, chợt thiếp đi bên lan can sắt. Nhiều hình ảnh công nhân xe lửa Trung Hoa hiện lên chập chờn. Tôi

thấy công nhân hỏa xa đang biểu diễn điền kinh và giật nhiều giải lớn trong các phong trào thể thao. Tôi lại thấy lại cả tổng đội công trình gồm những công nhân xe lửa ưu tú Trung Hoa xung phong sang giúp Việt Nam làm đường sắt. Và cả cái ngày hội ăn mừng đường xe lửa Hà Nội-Mục Nam quan đã mở tại ga Bằng Tường, có hàng mấy ngàn anh chị em nhân dân lao động Việt Trung đang ăn cơm đoàn kết nâng cốc lên nhiều đợt và nhảy đoàn kết nhiều vòng dưới lều vải. Chính ủy tổng đội công trình 102 là đồng chí Lật Chiêm Huê vui cười nói với tôi là hôm trước có được gặp Hồ Chủ tịch. Hôm khánh thành, cái đầu tầu của chuyến tàu thứ nhất mang hai ảnh truyền thần Hồ Chủ tịch và Mao Chủ tịch, hôm ấy thật là một ngày vui của nhân dân hai nước và một ngày hội lớn của công nhân Việt Trung...

Nhà máy sản xuất thép ống tròn không hàn kích thích cảm nghĩ người xem đến một mực rất cao. Thép đánh tròn như một thân cây. Cây thép dài, đỏ rực, truyền qua nhiều bộ phận máy thúc. Và cuối cùng cây thép đặc đã trở thành một cây thép rỗng lòng. Cái ống thép còn đỏ là nguyên một khối, không một đường hàn nào. Ống thép tròn ấy là đúc ra một khối chứ không phải là gò.

Miệng nòng muốn làm to hoặc nhỏ là tùy ý. Tôi nhìn những ống thép đã cắt ra từng đoạn xếp thành khối cao. Tôi biết rằng đây là những thứ dùng làm ống dẫn nước chôn chìm dưới mặt đường các thành phố. Và ở các vùng có mỏ dầu, thì đây là những ống dẫn dầu hỏa. Làm được thép ống không hàn là đã có một trình độ rất cao về kỹ thuật và kỹ nghệ nặng. Kỹ thuật này, đế quốc thường áp dụng vào kỹ nghệ chiến tranh, đúc ra các cỡ nòng súng đại bác. Nhưng, ở An Sơn đây, kỹ thuật ấy góp vào việc sản xuất những ống dẫn dầu dẫn nước. Những ống sắt ấy hiền lành, và yên ổn giúp vào cuộc sống làm ăn. Thật là những hình ảnh của Hòa bình trên đất Trung Hoa.

Tôi cứ miên man với ý nghĩ này, và nhớ lại rằng phong trào Hòa bình ở Trung Hoa rất mạnh: 600 triệu nhân dân phát động trong bốn tháng mà số người đòi cấm vũ khí nguyên tử đã lên tới 100 triệu chữ ký. Và riêng thành phố kỹ nghệ An Sơn đây (dân số 70 vạn gồm cả công nhân) đã góp 57 vạn chữ ký. Nhìn những chuyên gia và những anh chị em thợ chuyên môn đang điều khiển sự sản xuất thép ống không hàn, lại nghĩ đến lúc anh chị em lau cái tay dầu may,

cầm sang cái bút ký tên mình hưởng ứng phong trào Hòa bình, cái hình ảnh đó gợi thêm sự quý mến và tôi thấy tin tưởng vô cùng vào cuộc sống. Sau một ngày liền thăm liên xưởng An Sơn, đầu óc căng thẳng, rất mệt, nhưng tôi thấy thật là bằng lòng.

XƯỞNG MÁY MẪU CƠ Ở THẨM DƯƠNG.

Trước giải phóng, xưởng trong tay Quốc dân đảng. Khi rút chạy chúng phá hỏng rất nhiều. Xưởng đây sản xuất những mẫu cơ phục vụ cho công nghiệp Trung Hoa, chủ yếu là những máy khoan máy bào. Ở đây không nhận những việc riêng mà mọi việc đều làm theo kế hoạch quốc gia. Máy ở đây sản xuất ra, đều phải làm bằng thép tốt, đòi hỏi một trình độ rất cao về sự chính xác. Những máy ở đây làm ra có quan hệ chặt chẽ với kỹ nghệ quốc phòng và bảo vệ Hòa bình, như chế tạo ra tàu bay, xe tăng, pháo nặng v.v... nó rất quan hệ với vấn đề giao thông như chế tạo ô tô, xe lửa... Công việc xưởng rất nặng. Từ nguyên liệu thô sơ làm thành những bộ máy cái đầy đủ, từ bộ phận lớn đến bộ phận nhỏ, nhất nhất cái gì cũng do xưởng này làm lấy cả. Mỗi bộ máy cái, có đến hàng ngàn bộ phận. Yêu cầu đặt

ra rất cao, cả về hai mặt chất lượng và số lượng. Mỗi năm, ở đây sản xuất được trên 1.000 mẫu cơ. Mẫu cơ, thường là nặng độ một tấn và cái nặng nhất là trên 10 tấn. Nhờ có sự giúp đỡ tận tâm của chuyên gia Liên Xô mà nhà máy đây hoàn thành được kế hoạch. Chuyên gia Liên Xô cũng chịu đựng gian khổ như công nhân chuyên môn Trung Hoa, trực tiếp bắt tay vào việc bên cạnh các máy. Dưới những khẩu hiệu thi đua phủ lên những xà ngang sắt, thường thấy những chuyên gia Liên Xô sát vai sát cánh với công nhân Trung Hoa bên những cỗ máy cái bóng loáng dầu mỡ, ngời lên ánh thép xanh. Trong năm 54, chuyên gia Liên Xô giúp cho xưởng 583 kiến nghị sửa chữa về các mặt quản lý, thiết bị, điện khí, kỹ thuật.

Trong các gian nhà máy, la liệt những bộ phận các máy cái vừa làm xong và chờ lắp vào thành từng bộ. Các bánh xe các cỡ, răng đều, thép tốt. Các bộ phận thép vừa làm ra đều chuyển sang một gian riêng để duyệt lại từng cái xem có chính xác không. Thép chưa đủ chất cứng, đều được tôi lại trong lò điện, lửa nóng từ 800 đến 1.200 độ. Phòng tôi thép, mùi thuốc tôi thép bốc mạnh như mùi đất đèn. Nền xưởng rung lên vì những nhát búa máy giáng xuống,

mỗi lần búa tạ đập xuống sức nặng đúng một ngàn cân. Các bộ phận máy làm ra đến đâu, có máy trục chạy ngang trên trần đưa chuyến rất nhanh. Chúng tôi nhìn cái buồng máy trục làm việc đều đều, có anh công nhân Trung Hoa luôn luôn nhìn đoàn chúng tôi, lúc cười để lộ hai hàm răng rất trắng. Ngoài sân xưởng, nhiều hòm gỗ dựng lên sừng sững, mỗi khối to bằng dăm cái tủ áo ghép lại: đó là những mẫu cơ đã lắp xong và sắp chuyển giao các xưởng đặt làm...

Trong phòng khách, ông giám đốc kể cho nghe về tình hình xưởng và anh em công nhân. Xưởng có 4.600 công nhân và nhân viên, trong ấy có 3.600 là công nhân thanh niên. Công nhân có 8 bậc lương, ít nhất là 30 đồng (tiền mới) và cao nhất là 80 đồng. Lương cao nhất của công trình sư là 270 đồng. Ngoài số lương nhất định, công nhân còn được tiền thưởng về những cái mình sản xuất ngoài mức định. Giá sinh hoạt ở Thẩm Dương, mỗi người thợ ăn 8 đồng là đủ, nếu có gia đình thì thuê một buồng một tháng mất 5 đồng. Xưởng có nhà gửi trẻ cho 200 em nhỏ con công nhân và có trường học thiếu nhi. Các em rất bạo, không những không sợ đông người, người lạ, mà gặp người lạ, các em dễ cười và dễ gần.

Về học tập, chia làm hai mặt. Mặt văn hóa thì

học trường kỳ gọi là lớp học nghiệp dư tổ chức vào ngoài những giờ sản xuất. Mặt kỹ thuật thì nâng cao từng bước, và có kế hoạch cho công nhân đi học các trường chuyên môn nhà nước.

Xưởng đã bồi dưỡng công nhân ưu tú, 1 người đã được cất nhắc lên làm xưởng trưởng; 65 người được đưa lên phụ trách các ngành và khoa trong xưởng; 1 đại biểu mô phạm được vào trong Hội đồng nhân dân thành phố, và xưởng có một lao động mô phạm toàn quốc: đồng chí Mã Hằng Xương. Mã Hằng Xương còn là đại biểu Quốc hội.

XƯỞNG MÁY PHONG ĐỘNG Ở THẨM DƯƠNG.

Xưởng bắt đầu dựng từ 1950, được đẩy mạnh trong năm 52 và nhờ có sự giúp đỡ vô tư của Liên Xô, năm 54 đã hoàn thành. Toàn xưởng, trong số mười mấy nhà máy chỉ có hai nhà là máy cũ, còn toàn là máy của Liên Xô và gồm có các bộ phận: trang bị cơ khí; - ép gang; - nấu gang ; - cắt thép; - sửa chữa công cụ; - làm mẫu cơ v.v...

Ở đây, có nhiều thứ máy chạy bằng hơi ép. Như máy khoan đá, rất thông dụng trong việc khai mỏ. Búa tạ máy ở đây nặng đến hai tấn,

người công nhân phải học hai tháng mới điều khiển được búa máy. Những hòn đe đều in hình những khuôn nhất định để lúc búa máy đập xuống, khối thép đỏ ửng bắt luôn lấy những hình dáng đầu tiên. Máy soi các khối thép cuốn tròn lên những cái phao bào màu thép phơi lúc xanh lúc vàng. Sự chính xác của máy móc sản xuất ở xưởng này đòi hỏi một sự tinh tế tới cái mức một nghìn phần ly. Về đo lường, cái cân tiểu ly ở đây run run lên mỗi khi thêm bớt một phần vạn một lai chất kim. Chỗ máy mài, tiếng kêu xé tai và lửa tóe từng chòm. Nhiều chậu dầu có pha thuốc tôi khoa học, đang chờ những vật dụng hấp đỏ trong lò điện. Những ống thay khí giời luôn luôn đưa hơi mát vào phòng hấp điện. Tôi rất chú ý đến phòng thí nghiệm về chất thép. Những đức tính của kim khí đều được đưa ra thử thách về đủ các mặt, dưới đủ các sức kéo, sức vặn, sức ép, sức xoắn của mọi máy thử. Phiến thép, sau cùng còn đưa vào chiếu điện. Đã có những tấm ảnh cho biết rõ ràng về bệnh của từng lứa thép, mẻ thép. Thép xấu, có nhiều phiến rỗ hoa như lỗ hút của thịt giò lụa. Lại còn nhìn vào các quang phổ mà nhận xét về chất liệu từng loại kim. Đứng trước cái khối thép luyện kỹ, láng lên cái ánh xanh sáng trăng, tôi thấy sung sướng hơn tất cả

những lần đứng trước các khối vàng khối bạc bông. Những khối thép luyện như chờ đón một bài thơ của tất cả những người yêu cuộc sống mới. Đồng chí cán bộ đang dẫn giảng cho chúng tôi là một cựu sinh viên tốt nghiệp trường Đại học Hóa học, đã du học thêm một năm ở ngoài. Tôi càng gần gũi thêm được với đời sống của xưởng máy khi nghe đồng chí giám đốc kể qua về sinh hoạt của xưởng. Công nhân nhà máy phong động, cứ bốn người thợ thì có ba người là thanh niên. Nguyên tắc kiến thiết ở đây là: sản xuất cho nhiều và giữ vững an toàn cho công nhân. Tôi nhớ lại những ống dẫn khí lành mát vào các phòng máy chạy nóng. Tôi nhìn ra các khu sân xưởng có thảm cỏ, có cây giồng, và có hoa đỏ trắng. Công nhân thanh niên xưởng đây có một tiểu tổ gọi là "đệ nhất thanh niên sinh sản". Tức là tiểu tổ anh Hồng Tác Thành đã hoàn thành kế hoạch ba tháng chỉ trong có 13 ngày. Tiêu chuẩn thi đua của tổ Hồng Tác Thành là:

- Hoàn thành số lượng sản xuất
- Bảo đảm chất lượng
- Tiết kiệm nguyên liệu sản xuất
- Làm hạ được giá thành
- Giữ vững an toàn cả về người cả về máy móc.

Đặc biệt là trong việc giữ gìn máy móc của

chung, công nhân luân phiên chăm sóc giữ gìn, hết ban này đến ban khác mà máy vẫn tốt đều. Tổ Hồng Tác Thành đưa ra rất nhiều ý kiến về công tác sản xuất và đã đoàn kết được tổ mình với tổ khác. Mỗi tổ từ 15 đến 20 người.

Buổi đi thăm nhà máy phong động, tôi thấy tình cảm mình gần lại thêm mãi với máy móc và có những rung cảm mới đối với những thành tích của khoa học luyện kim.

Đi thăm các xưởng máy kỹ nghệ nặng kỹ nghệ nhẹ, trước khi bước vào xưởng dầu, tôi cũng còn dè dặt. Cho là mình ít hiểu về kỹ thuật, sẽ kém thông cảm. Nhưng cảm tình của tôi đối với anh chị em công nhân Trung Hoa nói chung đã làm cho tôi nhận ra kỹ thuật không phải là một sự trở ngại. Một mặt khác, nhiệt tình của người thợ Trung Hoa ở mỗi khu vực máy đối với đoàn Việt Nam, tất cả sự sốt sắng chu đáo và sự hướng dẫn của anh em ở các xưởng đã giúp tôi thấy được cuộc sống ở khu kỹ nghệ. Tôi đi thăm máy, nhưng cái chính là để gặp người, gặp những người công nhân Trung Hoa. Tôi qúy mến người thợ cho nên tôi đã gần được những cái máy. Tôi cố gắng tìm hiểu người thợ nên tôi đã biết được về cơ cấu nét lớn của máy. Gần với máy và

xưởng, tôi thấy máy ở Trung Hoa ngày nay nhiều và tốt, nhưng ngời công nhân Trung Hoa đã đem đến cho những máy cũ và máy mới đó một ý nghĩa đẹp và lớn. Mỗi lần vào một xưởng, là các đồng chí hướng dẫn Trung Hoa đều nhấn mạnh vào sự giúp đỡ vô tư của Liên Xô nên kỹ nghệ Trung Hoa mới lớn mạnh được như thế. Tôi thấy rõ điều ấy, các đồng chí Trung Hoa mỗi lúc nhắc càng làm cho tôi thấy rõ điểm ấy. Nhưng tôi thấy thêm điều này nữa: cái chính vẫn là người thợ, người thợ chuyên môn Trung Hoa. Có máy tối tân của Liên Xô, có chuyên gia và kinh nghiệm Liên Xô, có sự giúp đỡ hào hiệp và vô tư của Liên Xô, nền kỹ nghệ nặng Trung Quốc nhất định có một triển vọng lớn lao. Nhưng bên cạnh, phải có người thợ Trung Hoa, phải có cả cái thế hệ công nhân tại chỗ ngay trên đất nước Trung Hoa, thì cái nền kỹ nghệ nặng ấy mới càng phát triển mạnh và nhanh được.

Lại còn điều này nữa: Trung Hoa có rất nhiều sắt và than. Sắt có 6890 triệu tấn; về mặt than, thì Trung Hoa là nước đứng vào hàng thứ tư trên thế giới. Nguyên liệu có, nhiên liệu có, và có cả những máy mẫu cơ làm ra. Nhưng cái chính vẫn là phải có người thợ để sử dụng tài nguyên ấy và điều khiển máy. Có người thợ thì tất cả những

cái kia mới có ý nghĩa mới có linh hồn. Thấy rõ người mới là cái vốn chắc chắn. Và người công nhân,và toàn thể giai cấp công nhân Trung Hoa lại càng là cái vốn qúy báu hơn nữa. Trong nền công nghiệp nặng và trong vấn đề kỹ nghệ hóa nước nông nghiệp Trung Hoa, bản thân anh chị em công nhân Trung Hoa cũng đã là những thứ thép chịu lửa, được thử thách qua nhiều luồng lửa, được tôi luyện già dặn qua nhiều thử thách lớn. Triển lãm bày ở Cung Văn hóa công nhân tại Thượng Hải đã nói rõ lên sự trưởng thành của công nhân Trung Hoa trên hai mặt chiến đấu và sản xuất, đã nói rõ lên vai trò của giai cấp công nhân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc thành lập đã hơn ba mươi năm ngay giữa một thành phố rất đông thợ thuyền và tỏa rộng khắp thành thị và nông thôn.

Xưa kia đế quốc viết và nói về người Trung Hoa, thường kêu la khắp nơi là nước Tàu không có vệ sinh, quen ở bẩn. Và một cái nước có những người bẩn ấy thì không bao giờ có nền công nghệ được. Máy móc là phải sạch sẽ, chính xác. Đế quốc nói một cách quả quyết rằng không bao giờ Trung Quốc tiến lên có công kỹ nghệ được. Khói của tất cả ống khói đầy bầu trời Đông

Bắc và thép và gang cuồn cuộn ra khỏi lò, đã là những cái đủ nút lại tất cả những cái lỗ miệng xuyên tạc hôi bẩn đó. Chế độ dân chủ nhân dân và xã hội chủ nghĩa ở Trung Hoa đã bồi dưỡng đề cao được anh chị em thợ thuyền và giai cấp công nhân làm tròn được trách nhiệm kiến thiết quang vinh cho Tổ quốc. Cái chế độ tốt đẹp và vững bền ấy, Đảng Cộng sản Trung Quốc và Mao Chủ tịch đã tạo ra và vun đắp mãi lên. Trên đất nước Trung Hoa rộng lớn, tất cả những người công nhân Trung Hoa là cái đầu tầu kéo các tầng lớp khác trong nước và Đảng Cộng sản Trung Quốc là người lái cái đầu tầu ấy. Qua câu chuyện khôi phục lại những lò cao nhà máy đúc thép nấu gang ở An Sơn lấy ra đây làm một ví dụ, đã thấy nổi rõ lên vai trò của người công nhân trong sự nghiệp xây dựng kỹ nghệ. Riêng về kỹ thuật, tôi không biết gì cả, dù là những điều cơ bản về cơ học. Nhờ có sự tìm hiểu về khía cạnh chính trị và xã hội trong cuộc đi thăm các nhà máy, mà cảm xúc của tôi đã làm quen dần với máy. Từ chỗ yêu mến qúy trọng người công nhân Trung Hoa, tôi thấy máy móc có truyền cho tôi những xúc động mới. Những nơi máy móc tôi được xem, tôi thấy nó không khô khan chút nào.

Trái lại, rất nhiều nhiệt tình.

Lúc tôi viết đoạn ký này, cũng là lúc tôi nhận được cái tin đoạn đường xe lửa Hà Nội – Nam Định, sau khi đã đặt thanh rầy đầu tiên vào ngày 11-9-55 đã bắc qua khỏi cầu Phủ Lý và đường rầy chỉ còn cách Nam Định có 20 cây số. Bên cạnh những thanh rầy sắt gỉ đỏ vớt lên từ bùn ào kháng chiến, nhiều người đã cảm động nhìn những khối đường rầy vừa mới gửi ở Trung Quốc sang, còn ánh ngời chấp thép xanh, xếp từng chặng, nằm theo dọc đường quốc lộ I chờ bắt vít vào tà vẹc. Biết đâu lại chẳng là những thanh rầy sản xuất ở lò các xưởng An Sơn! Ở ngay cái xưởng mà ánh lửa đã soi ngang vào những hàm răng trắng khỏe của hiệp thợ trẻ Trung Hoa vừa làm vừa cười chào chúng tôi đứng lại xem máy, mặt người nào cũng đỏ rực như đang uống một thứ rượu mạnh.

MỘT LÀNG NGOẠI THÀNH

Làng Cao Bi Điếm ở cách Bắc Kinh mươi cây số. Tôi đến thăm làng một buổi chiều nắng. Đất quanh vùng là đất xốp, ô tô vào tận giữa làng,

bụi bay mù mịt. Làng Cao Bi Điếm đã cải cách ruộng đất mấy năm, đã có hợp tác xã nông nghiệp. Cao Bi Điếm cũng chỉ là một cái thôn bình thường như số đông nhiều làng khác ở quanh thủ đô Bắc Kinh. Nó không điển hình lắm, nhưng nó ở gần chỗ chúng tôi ở, nên chúng tôi đã đến thăm được. Và sau buổi thăm làng, tôi có nhiều cảm tình với Cao Bi Điếm sáng sủa, tôi quyến luyến với anh chị em nông dân ở đấy, và tôi ghi lại đây những nét phác thảo về sinh hoạt ở Cao Bi Điếm.

Mấy gian phòng rộng sáng quét vôi trắng có cửa kính đây trước là một cái đền thờ, nay thành ra phòng văn hóa có 16400 cuốn sách đọc và hàng ngày trung bình có năm chục anh chị em nông dân tới đọc sách tại chỗ hoặc mượn sách về nhà. Đồng chí hương trưởng tiếp chúng tôi ở phòng văn hóa. Khăn vải trắng đã phủ lên những cái bàn ping-pông rộng. Chúng tôi quây chung quanh bàn, uống nước trà nóng hút thuốc lá và nghe đồng chí hương trưởng cung cấp tài liệu về tình hình cơ bản làng Cao Bi Điếm. Các chị nông dân mặc áo vải in hoa tươi, luôn luôn thay những chén nước trà bốc khói. Ngoài phòng họp, tiếng thiếu nhi đùa hát như xa như gần. Đồng chí hương trưởng nắm vững tình hình làng

mình, con số thuộc làu làu, tôi ghi rất nhanh nhưng vẫn không kịp. Chà, lại thấy nhớ những ngày tham gia phát động quần chúng ở quê nhà. Hình ảnh hương trưởng gợi đến hình ảnh anh đội trưởng đội công tác phổ biến tình hình cho toàn đội.

Làng Cao Bi Điếm gồm 1.425 gia đình và tổng số ruộng đất có 8.500 mẫu (5 mẫu Trung Quốc bằng 1 mẫu Việt Nam). Trước ngày giải phóng, bần cố trung nông nộp tô và đóng thuế nặng cho Quốc dân đảng, 40 gia đình địa chủ chiếm 3.600 mẫu: ruộng của mỗi địa chủ đổ đồng là gấp 44 lần ruộng của mỗi bần cố nông. Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo cải cách ruộng đất, tịch thu ruộng đất địa chủ chia hết cho người nghèo người thiếu ruộng làm, tiêu trừ chính quyền phản đông, lập ra nông hội, và tổ chức lại đời sống ở làng. Trước, chỉ có 7 guồng nước; 19 xe; sau giải phóng, guồng nước tăng lên thành 18 chiếc và xe tăng lên thành 150 chiếc. Con cây cũng tăng lên gấp bội. Sản lượng cao nhất của một mẫu trước đây là 90 kilô thì nay vượt lên cái mức cao nhất là 200 kilô. Chính quyền cao nhất ở Cao Bi Điếm ngày nay là Hội đồng nhân dân gồm 49 đại biểu trong ấy có 18 đại biểu phụ nữ.

Tiếp đến đồng chí chủ nhiệm hợp tác xã trình

bày. Đồng chí trước cũng ở cho địa chủ, và làm công nhân vận tải. Người rỗ hoa, cách nói mộc mạc và chắc chắn; trông cũng hao hao như số đông cốt cán ở ta.

Làng Cao Bi Điếm ruộng đất ít, dân số nhiều, nên người làm nghề phụ có đến nửa dân số làng. Ngoài việc giồng ngô và lúa mì, thường là làm nghề chuyên chở, bán rau cá, làm ngói, thợ nề, thợ mộc, và phụ nữ thì thêu dệt. Đồng chí chủ nhiệm hợp tác xã nhấn mạnh rằng ở các làng các nơi khác thì tỷ lệ vào hợp tác xã thường là 80% nhân số trong làng. Hợp tác xã nông nghiệp ở đây lập lên được, cũng có qua nhiều khó khăn. Một số gia đình ở các tổ hỗ trợ không muốn tham gia, cho là đứng ngoài kinh doanh lấy vẫn hơn, ruộng nương vẫn do mình cày cấy lấy. Nhưng sau được giáo dục chính sách, họ cũng tự nguyện tự giác vào hợp tác xã; ai lao động nhiều được chia nhiều, ai lao động ít được chia ít. Ai ở nhà làm ruộng được thì góp sức lao động vào canh tác; ai muốn làm nghề phụ thì tùy ý. Sau khi xin vào, có một gia đình lại rút ra. Họ xin ra cũng dễ dàng như lúc họ xin vào. Cái chính của vấn đề là giải thích sâu rộng cho mọi người thấy rõ lợi ích của hợp tác xã. Năm 53, có 9 tổ hỗ trợ hợp tác; năm 54, lên 48 tổ. Những vụ chiêm

mùa, các tổ hỗ trợ đều làm kịp thời vụ hơn là nông dân làm riêng lẻ. Trên cơ sở 48 tổ đó, đã dựng lên hai hợp tác xã nông nghiệp. Hợp tác xã cung tiêu dựng lên từ năm 50 với 500 cổ phần, mỗi ngày bán ra 60 đồng thì nay cổ phần đã tăng lên tới 4500 và mỗi ngày bán ra 1000 đồng (tiền mới).

Hợp tác xã ngày nay gồm 258 gia đình bần cố, 54 gia đình trung nông, sức lao động trai gái là 420 người. Của chung là 2513 mẫu ruộng, 48 mẫu vườn rau. 446 mẫu ao thả cá, 33 trâu bò, 30 cái xe, 8 cái cầy và 6 cái bừa kiểu mới, 14 guồng nước. Và 6 cái giếng. Ở đây mưa ít, phải đào giếng để lấy nước vào ruộng, giếng phải đào sâu đến chín thước.

Chúng tôi đi thăm làng. Bắt đầu bằng thăm trường học làng. Trước giải phóng, chỉ có một trường tiểu học với 230 học sinh, nay số học sinh tăng lên 784. Trường trung học thành lập sau giải phóng có 265 học sinh.

Trong số học sinh hai trường, có nhiều con gái làng. Đều xinh đẹp linh lợi, nhiều chị tươi sáng như phụ nữ đoàn văn công. Anh chị em đều xếp hàng chờ đón đoàn Hòa bình Việt Nam, cùng chan hòa với đoàn vào sân trường vào lớp học. Lớp học rộng rãi, bàn ghế đẹp, học cụ nhiều. Học

sinh đều quần áo lành đẹp màu sắc và người nào cũng khôi ngô khỏe mạnh, nụ cười không tắt trên môi. Tôi lần chần, không muốn vội rời khu trường học. Dưới bóng liễu, nhiều cột gỗ sơn để tập thể dục trên sân trường.

Nhà thương làng ở đầu xóm. Nguyên là một dinh cơ của địa chủ sửa sang lại. Phòng cho thuốc, chai lọ long lanh, ngăn thuốc giá thuốc tủ thuốc gọn gàng đầy đủ. Tường dán nhiều tranh về giữ gìn sức khỏe, phòng bệnh, rất vui mắt và yêu đời sống lành mạnh. Anh chị em phụ trách đều mặc bờ lu trắng. Ở đây thường có hướng dẫn cho dân làng về phép hộ sinh mới. Biết trong đoàn Việt Nam có hai bác sĩ y khoa, anh chị em quây tròn lại hỏi chuyện rất nhiều.

Làng có những đống phân những rất gọn, rất sạch quây xa ra ở những bãi thoáng. Phóng uế cũng vậy và đều có hàng rào kín ken bằng thân ngô khô nó. Đường làng cũng loanh quanh vui mắt. Chỗ này chỗ kia, những xe vận tải, vành bánh dầy bằng gang tay đóng đinh to bằng quả cà pháo. Đây đó, những chiếc cày kiểu mới có bánh xe, và lưỡi cày lại chếch về một bên. Vui nhất là các ngõ làng đều có biển sắt sơn xanh kẻ chữ trắng và ngõ nào cũng có số hiệu. Đầu ngõ, có hòm bỏ thư bưu điện. Qua mỗi ngõ, là được

dịp nghe thêm những đợt vỗ tay hoan nghênh của gái trai già tre cười nói vẫy tay mừng đoàn. Nhìn vào nhiều nhà đều thấy có xe đạp. Nhà thôn, tường đắp đất trộn rơm và nhà đều lợp bằng sậy, trên phủ đất. Nhiều mái nhà, phất phơ những ngọn cỏ may do chim do gió đưa đến từ lâu. Trên nhiều mái, gió thảo nguyên thổi về đang lung lay những cái cần ra-đi-ô. Thiếu nhi quàng khăn đỏ thấp thoáng trong các lối ngõ. Nhiều chị nông dân chạy ra khoác tay đại biểu phụ nữ và cười hát đưa hướng dẫn thăm làng thăm ngõ, cùng nhau đồng ca bài "kết đoàn". Tôi bước vào một cửa hàng bách hóa của hợp tác xã làng. Trong tủ kính, nhiều thứ bút, giấy, mực, sổ, sách, bàn con toán sừng, nến, giầy vải, xà phòng thơm, bút máy, khăn, tất, may ô v.v... Rồi chậu thau, ca, cốc, thuốc đánh răng. Thịt ướp, rau, đậu. Và những cái vại cái kiệu đựng xì dầu, sắng sáu và nhiều thứ nước chấm. Hàng bày bán ở đây chứng tỏ nhu cầu của nông dân Cao Bi Điếm đã lên một mức cao. Tôi còn nhớ một điều đặc biệt nữa ở làng này. Là trong nhà, ngoài lối xóm trên bãi cỏ hố phân, bờ vũng nước, không thấy bóng một con ruồi. Tôi không khỏi nghĩ đến cái lớn lao của những cuộc vận động "vệ sinh yêu nước", dựa hẳn vào lực lượng quảng đại quần

chúng và làm trên quy mô cả một nước to rộng.

Đoàn rảo bước đến thăm nhà chị cố nông có chân trong Hội đồng nhân dân. Chị chạy vút từ nhà ra nắm lấy tay từng đại biểu, cười nói, vồn vã mời vào. Trông chị, thấy sao dễ gần, dễ thân mật cảm tình ngay. Tôi chú ý đến chị ngay từ phút thoáng thấy. Chị nhanh nhẹn cởi mở và làm cho chung quanh dễ dàng cởi mở được ngay. Chị là cả cái sự giản dị của người nông dân đang reo lên cái phấn khởi của tất cả những người nghèo được nhận ruộng được sản xuất và ngày nay cần cù vui vẻ làm ăn. Chị cầm tay từng người ân cần đưa vào nhà; giữa nhà, một cái quá hấp bánh bao đang bốc khói. Chị nói chuyện ríu rít. Trước giải póhng, cả làng, người nghèo ngày Tết đầu năm mới thấy cái bánh bao. Nhiều người cùng nói. Câu chuyện xoay quanh việc so sánh giữa trước kia và bây giờ. Nay cứ nửa tháng ăn ngô và nửa tháng ăn bánh bột mì hấp. Mỗi ngày ăn ba bữa sớm trưa và tối. Mùa đông tháng tuyết được sưởi bằng củi, bằng than, hoặc bằng sậy khô. Trước cả làng, chả mấy người biết thủ đô là gì. Nay, đi Bắc Kinh luôn luôn. Tết Lao động Quốc tế 1-5 vừa rồi, Cao Bi Điếm cũng được cử 60 đại biểu đi dự cuộc du hành mấy mươi vạn người ở Bắc Kinh và được thấy rõ Mao Chủ tịch

hồng hào đứng vẫy mũ trên lễ đài. Tháng tháng, dân làng luôn luôn được xem chớp bóng và ảo đăng. Chuyện đang vui, chị đại biểu Hội đồng Nhân dân vụt đứng dậy, chạy ra ngoài. Rồi thoáng một cái chị lại chạy về, khoe với mọi người một bức thêu hoa lá. "Tôi thêu, bán cho hợp tác xã, mỗi ngày thêm được năm hào nữa". Chị cũng có chân trong Hợp tác xã. Chị còn là lao động mô phạm ở làng. Đồng chí hương trưởng nói nhỏ với tôi: "Đấy là chị Vương Thục Lan. Chị là đồng chí Đảng". Tôi cũng ngờ ngợ như thế từ lúc đầu, khi thấy chị có một tác phong chan hòa và đằm thắm ngay với mọi người. Tôi càng ngắm chị, càng liên tưởng đến nhiều chị bần cố nông được kết nạp vào các chi bộ Đảng Lao động Việt Nam tại các xã đã phát động liên tiếp các đợt ở quê nhà.

SÂN KHẤU TRUNG QUỐC

Hơn một tháng ở Trung Quốc, ở tại Bắc Kinh và các thành phố lớn đi qua như Hán Khẩu, Thẩm Dương, Thiên Tân, Thượng Hải, Hàng Châu, đoàn chúng tôi không mấy đêm là không đến các rạp hát lớn. Cùng với nhân dân Trung

Quốc đi nghe nhạc, xem múa xem hát, tôi làm quen dần với cuộc sống ban đêm ở nước bạn. Ban ngày, thời giờ làm việc lúc nào cũng rất chặt, không đi tham quan thì có những buổi tọa đàm. Ban đêm, đi xem, thì sân khấu càng kích thích tư tưởng. Có những ngày làm việc nhiều, tưởng tối lại đi "nghiên cứu" sân khấu nữa thì quá cái sức làm việc của mình. Buổi xem biểu diễn nào cũng kích thích tâm trí nhưng thật ra có một tác động rất lành mạnh điều hòa. Rồi tới một lúc nào đó, đi xem hát buổi tối đã thành một thói quen, bận việc sinh hoạt đoàn mà không đi tới các rạp được thì thấy nhớ. Mỗi lần đi xem, tôi càng thấy tôi cảm thông với những chi tiết và ý nghĩa những tuồng kịch cũ mới biểu diễn trên sân khấu Trung Hoa. Thật vậy, sân khấu là nơi phản ảnh thực tế xã hội. Cuộc sống tưng bừng chưa bao giờ có trên lịch sử đất nước Trung Hoa. Đầu sông lườn núi, ven hồ, trên mặt đất, trong cả lòng đất, chỗ nào cũng đang vang vang âm điệu xây dựng. Ở nông thôn, ở nhà máy, ở các góc đường thành phố lớn, đâu đâu cũng sắp khởi công một cái gì để tiếp ngay vào những khối công trình sắp sửa hoàn thành. Cái tưng bừng phấn khởi ấy, hình như ban đêm, dưới nhiều hình thức, nhiều sắc thái nhiều cách điệu, chúng

ta lại gặp lại đầy đủ ở trên các sân khấu các rạp đem gộp lại. Sân khấu đem đến cho nhân dân Trung Quốc sự vui sáng trẻ mạnh và cố gắng phản ảnh đầy đủ về thực tế xã hội. Mặt khác nhân dân tìm đến rạp hát như tìm đến với một người bạn vui vẻ có thể giúp đỡ mình nhiều việc. Cho nên chúng ta không lạ khi thấy các rạp tuồng hát ở Bắc Kinh lúc nào cũng đông người và phải lấy vé từ buổi sớm thì mới còn chỗ. Trước kia, Mai Lan Phương chưa bận vào việc huấn luyện kịch viện, những lần có Mai Lan Phương diễn, người ta phải lấy vé trước một tháng. Nhân dân Bắc Kinh có 2 triệu rưỡi người. Thống kê năm 1954 về số khán giả của 36 rạp tuồng kịch Bắc Kinh là 5 triệu người. Tính đổ đồng trung bình mỗi người thị dân Bắc Kinh đi xem tuồng hai lần trong một năm. Ở Thượng Hải, gần 100 rạp hát lớn bé, mỗi đêm hút 10 vạn người xem, và thường xuyên mỗi đêm có 7000 tài tử nghệ nhân làm việc trên sân khấu. Nói chung toàn quốc tổng số nhân dân 600 triệu, thống kê năm 1954, ghi 400 triệu người đi xem tuồng cổ điển. Nghĩa là năm ngoái, sân khấu tuồng cổ Trung Quốc đã phục vụ được hai phần ba nhân dân toàn quốc, cứ ba người thì đã có hai người đi xem. Đi xem tuồng kịch là một nhu cầu

hàng ngày của nhân dân Trung Quốc. Càng thấy rõ cái tác dụng giáo dục quần chúng, và vai trò quan trọng của sân khấu về mặt liên hệ với quần chúng nhân dân hàng ngày. Trước ngày giải phóng, tình trạng sân khấu các thành phố lớn rất là bừa bộn phức tạp. Quang cảnh sân khấu ở các đô thị ngày nay xôm tươi như vậy, đúng như phương châm "trăm hoa cùng đua nở" của Mao Chủ tịch, là nhờ có những chủ trương đúng, có chính sách rõ rệt, mọi công việc có liên quan đến sân khấu đều có tổ chức.

Năm 1949, vùng tự do cũ, cũng có nhiều đoàn văn nghệ; giữa vùng Quốc dân đảng, có hẳn những đoàn do Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo và sau khi giải phóng, những đoàn ấy đã biến thành những đoàn văn công. Trong năm 1949, tại Bắc Kinh có mở đại hội diễn, có rất nhiều đoàn văn công tham gia, cùng với những đoàn tư nhân và rất nhiều tài tử cá biệt.

Trên đất nước Trung Hoa rộng lớn, tỉnh nào thường cũng đều có hình thức kịch tuồng riêng. Như Xuyên kịch của Tứ Xuyên, Quế kịch của Quảng Tây. Việt kịch của Hàng Châu, Việt kịch của Quảng Đông, Bình kịch của Đông Bắc, Điền kịch của Vân Nam, Sở kịch, Kinh kịch v.v... Việc kê khai sau ngày giải phóng là một việc cần

thiết và đòi hỏi rất nhiều công phu. Rồi từ chỗ đó mà tiến lên chỉnh đốn các đoàn kịch trên cơ sở làm lợi ích cho nhân dân, đó là cả một vấn đề lớn của Bộ Văn hóa sau ngày thành lập chính phủ. Toàn quốc gồm có 2.100 đoàn tuồng kịch. Có đoàn có vở riêng, có những đoàn có những vở trùng nhau. Nhưng đối với tất cả những vở cũ của bấy nhiêu đoàn trong nước, nói chung là đều phải đánh giá lại và chỉnh lý lại.

Vở nào lợi cho nhân dân thì giữ lại và khuyến khích. Vở nào không lợi trực tiếp cho nhân dân, nhưng không có gì hại, t hì vẫn giữ lại để nhân dân vui sống. Vở có hại như là nội dung tư tưởng phản động và hình thức xấu, thì phải thải. Nặng nhất là cấm hẳn, còn thường thường là sửa đổi rồi mới cho trình bày.

Tất cả vở tuồng cũ đều phản ảnh chuyện cũ. Nay loại ra những tư tưởng phong kiến, giữ lấy những tư tưởng tiến bộ. Tuồng vở cũ, rất phong phú, nhưng cái tốt lẫn lộn cái xấu nay cần phải lọc kỹ. Vở tốt là những vở có nội dung yêu nước và có hình thức tá thực. Trong quá trình chọn lọc, đã đúc được nhiều kinh nghiệm, nhất là phân biệt rõ ràng giữa những vở *tình ái* với những vở có tính cách *khiêu dâm*; giữa những vở rút ở *thần thoại* với những vở có tính chất *mê*

tín. Tóm lại sân khấu cũ đã được chỉnh đốn lại trên ba mặt:

- cải tạo nghệ sĩ
- cải biến vở
- tổ chức lại gánh tuồng hát theo chế độ mới.

Trên hai ngàn đoàn tuồng kịch tư nhân ấy nay chuyển dần thành hợp tác xã. Nhiều nghệ sĩ nghệ nhân được học tập chính trị và lý luận văn nghệ, và được nâng cao về trình độ văn hóa. Được giúp đỡ, họ viết những đề tài lịch sử với quan điểm mới và đi dần vào việc diễn được những vở mới.

Một mặt khác, Bộ Văn hóa thành lập những đoàn kịch quốc doanh. Những đoàn kịch quốc doanh đối với những đoàn tuồng tư nhân cũng ví như quân đội chủ lực đối với các tổ chức dân quân. Về tư tưởng nội dung nghệ tuhật, càng ngày càng nâng cao. Những tiết mục trình bày đều gắn với những phong trào những cuộc vận động lớn trong nước (như giúp Triều chống Mỹ) để động viên chính trị và giáo dục đạo đức mới trong nhân dân. Có tất cả 140 đoàn quốc doanh gồm 3 đoàn ca vũ, 38 đoàn thoại kịch (các đoàn thoại kịch đã diễn 7.180 lần thu hút 7 triệu 35 vạn khán giả) và 69 đoàn tuồng. Những đoàn này, lúc đầu kinh phí do Nhà nước trợ cấp rồi

dần dần tiến tới tự túc. Hàng năm, các đoàn quốc doanh đều có kế hoạch biểu diễn liền ba tháng sáu tháng. Tại các nhà máy, đơn vị, và nông thôn, các đoàn xuống diễn ba tháng. Mỗi một năm các đoàn tuồng diễn sáu tháng, các đoàn thoại kịch và ca vũ diễn bốn tháng.

Trong việc học tập, các đoàn đang đấu tranh chống tư tưởng duy tâm của Hồ Thích và Hồ Phong, cụ thể là chống tư tưởng không coi trọng di sản dân tộc, chống chủ nghĩa hình thức chỉ nhìn bề ngoài v.v...

Quản lý những đoàn kịch quốc doanh này, chính là vấn đề quản lý cho được những việc trình bày các vở tuồng kịch. Việc tổ chức sáng tác tuồng kịch do Bộ Văn hóa giúp đỡ, luôn luôn động viên các nghệ nhân chỉnh lý các vở có đề tài lịch sử, luôn luôn hướng thoại kịch về mặt biểu hiện những thực tế trước mắt. Lối kịch một màn rất được khuyến khích. Các vở tốt đều được phổ biến. Nắm được vở tức là nắm được cái khâu chính trong vấn đề quản lý đoàn kịch.

Đêm ấy ở Thượng Hải, tôi đi xem việt kịch diễn tích *Hồng lâu mộng*. *Hồng lâu mộng* (dịch nôm: Cái mộng gác tía) là một truyện Trung Quốc ta có dịch ra từ lâu và rất quen thuộc với

dân tộc Việt Nam. Nhân vật chính và phụ đều là họ xa họ gần trong một đại gia đình phong kiến quan lại địa chủ. Đây là một áng văn cổ điển Trung Quốc về đời nhà Thanh thế kỷ 17. Đây cũng là câu chuyện tình. Một câu chuyện tình không những không kết quả mà còn là kết thúc một cách thảm khốc nữa. Chàng Giả Bảo Ngọc, nàng Lâm Đại Ngọc, đều là nạn nhân của chế độ phong kiến. Cái chế độ ấy đã làm cho nàng Lâm Đại Ngọc phải chết và đã làm cho chàng Giả Bảo Ngọc hóa điên. Câu chuyện cũ ngày nay đem soạn thành tuồng kịch, bằng hình thức việt kịch, lấy tên là kịch *Bảo Ngọc, Đại Ngọc*. Kịch có cải biên chút ít trên cơ sở tôn trọng điều kiện lịch sử của câu chuyện. Kịch dài tám màn. Khác với kinh kịch vai đàn bà do đàn ông sắm, việt kịch là một lối tuồng toàn phụ nữ thủ vai, các vai ông già hoặc tướng, cũng đều do phụ nữ hóa trang đóng giả cả. Việt kịch vừa ca hát, vừa múa, và có nói; lúc nói, âm nhạc ngừng tiếng. Việt kịch rất được giới sinh viên, phụ nữ, nhất là nữ công nhân ưa thích. Nó không cao xướng (hát to) như kinh kịch. Ước lệ của nó tương đối gần với thực tế cuộc sống hơn.

Tôi xem diễn *Bảo Ngọc, Đại Ngọc* tại một rạp ở Thượng Hải tôi không nhớ tên, nhưng về gánh

hát, thì tôi biết rằng đó không phải là một tổ chức quốc doanh. Tài tử và nghệ nhân chưa chính huấn nhưng thời thường vẫn được học tập chính trị.

Qua tám màn việt kịch, *Bảo Ngọc, Đại Ngọc*, người xem theo dõi bốn nhân vật có vai trò bật lên trong vở:

Bảo Ngọc, Đại Ngọc, Tử Quyên (đều đại biểu cho cái tốt) và Tiết Bảo Xoa, đại diện cho cái xấu.

Trong bốn vai này, chỉ có Bảo Ngọc là vai đàn ông (do phụ nữ đóng), còn là phụ nữ cả. Tử Quyên là đầy tớ gái của nàng Đại Ngọc. Bảo Ngọc là anh em cô cậu với Đại Ngọc và đồng thời là anh em dì già với Tiết Bảo Xoa. Đây là cả cái không khí sinh hoạt của một đại gia đình phong kiến quan lại, họ hàng bên nội bên ngoại rất đông: ông chú bà thím, ông bác bà dì, bà cô v.v... Nó như một cái triều đình nhỏ, luôn luôn có những khuôn phép trấn áp tư tưởng và tình cảm: luôn luôn có những âm mưu này âm mưu nọ gây bè gây cánh. Cả cái đại gia đình ấy đều muốn Bảo Ngọc học để rồi đi thi, thi đỗ rồi làm quan. Đấy cũng là những ý nghĩ tha thiết của nàng Tiết Bảo Xoa. Tất cả những bà cô bà thím bà chị của cái đại gia đình ấy bèn bày mưu đặt kế buộc

Bảo Ngọc phải lấy Tiết Bảo Xoa làm vợ, mặc dầu tất cả bấy nhiêu người đều biết rằng Bảo Ngọc yêu thương Đại Ngọc. Họ làm cho Đại Ngọc nghi ngờ Bảo Ngọc. Đại Ngọc héo dần trong mê sảng ốm tương tư, trước khi nhắm mắt đem đốt hết những bức thư tình. Bảo Ngọc vẫn không biết gì cả. Trong khi ấy cả cái gia đình ấy cứ tiến hành cuộc hôn nhân cưỡng ép. Họ dối với Bảo Ngọc là sắm sửa cho chàng thành hôn với Đại Ngọc. Cô dâu mặt che khăn nhiễu ấy là một cô dâu đánh tráo, chính là Tiết Bảo Xoa chứ không phải là Đại Ngọc. Muốn cho Bảo Ngọc hết chỗ nghi ngờ, họ lại bắt người đầy tớ gái riêng của Đại Ngọc là Tử Quyên phải đi bên cô dâu giả. Màn thứ bảy của vở kịch, màn động phòng hoa chúc rất nhiều kịch tính, ở cái nút kịch thắt chặt, ở tình tiết éo le, ở cách diễn tả, ở màu sắc của bài trí (tâm hồn tang ma đặt vào một màu đỏ rực màu hạnh phúc lộn sòng). Người xem hồi hộp mỗi lần Bảo Ngọc tiến lại gần cô dâu mặt rũ buông tấm khăn nhiễu điều. Tưởng người ngồi bên giường đó vẫn là Đại Ngọc, Bảo Ngọc kể lể những nỗi niềm thầm yêu trộm nhớ. Lúc Bảo Ngọc nâng niu hồi hộp nhấc tấm khăn nhiễu lên khỏi mặt cô dâu, thì cái đêm rừng rực lửa tân hôn bỗng tối sầm lại trên giữa sân khấu. Không phải Đại Ngọc,

như Bảo Ngọc tướng... mà chỉ là Tiết Bảo Xoa. Bảo Ngọc tướng là cơn ác mộng, cầm đèn soi tận mặt người mặc áo đỏ bên giường. Tiết Báo Xoa lấy tay che mặt. Cái mặt ấy là cả bộ mặt của phong kiến bỉ ổi. Tiết Bảo Xoa càng che giấu, người xem càng thấy rõ cái xấu xa, giả dối bẩn thỉu của cả một chế độ phong kiến đắc tội với hạnh phúc con người. Cái bẽn lẽn lấy hai tay đỡ mặt đó không phải là cái bẽn lẽn cổ tục của riêng một cô dâu đêm hợp cẩn phong kiến nữa, mà nó là cả một sự trơ trẽn của một cái chế độ thối nát đã đến cái lúc không còn cách gì che đậy nữa. Tiết Bảo Xoa bị gỡ mặt nạ phủ nhiễu xuống, nghĩa là trên sân khấu diễn lại tích cũ, ta thấy hiện nguyên hình cả một cái xã hội phong kiến ngoài thì vàng son lộng lẫy nhưng trong là cốt gỗ mục nát! Xem *Lương Sơn Bá Chúc Anh Đài*, cảm tình của chúng ta đều đưa cả về phía hai nhân vật nạn nhân của phong kiến và công phẫn của người xem tập trung vào cái vai người bố đại diện cho phong kiến. Ở vở việt kịch *Hồng lâu mộng*, lòng căm phẫn của người xem tập trung cao độ hơn và chĩa đều tất cả vào bảy nhiêu nhân vật cùng đại diện cho chế độ đại gia đình phong kiến. Vở truyền căm phẫn vào người xem, không ào ạt, nhưng rất thấm. Với cái khả

năng hữu hạn của tuồng kịch cổ tham gia vào việc giáo dục người xem bằng sân khấu, tôi không đòi hỏi vở *Báo Ngọc Đại Ngọc* phải làm quá cái khả năng của nó. Dùng lại tích truyện cũ để phản phong, không có nghĩa là đem nhân vật phong kiến lên sân khấu mà đấm đá, bắt qùy bắt lạy, vứt khăn xé áo một cách thô lỗ, mà cũng không phải buộc nó phải đưa ra một giải quyết cuối cùng đúng với cách giải quyết ngày nay. Mà cứ đưa cái xã hội cũ ấy lên đúng với thực chất của nó, với bối cảnh đúng của nó, tức là vở có tác dụng rồi. Sau khi người xem nhận định rõ thực chất câu chuyện và đã biết thù ghét những cái bày ra trước mắt đó, tự trong lòng người ta, người ta cảm thấy từ đây trở đi, chính mình phải định lấy một chỗ đứng nhất định ở một phía nào để mà có thể yêu qúy và xây đắp những cái gì khác để giữ lấy tuổi trẻ và đời sống.

Qua buổi xem việt kịch *Hồng lâu mộng*, tôi nhận thấy được đường lối khai thác vốn dân tộc của vàn nghệ Trung Quốc ngày nay thật là rộng rãi đúng mực. Thật là một phương pháp khoa học, biện chứng. Và cụ thể học tập được cái kinh nghiệm dùng những vở cũ tích cũ mà hướng vào công việc phản phong ngày nay như thế nào. Càng thấy rõ khả năng của tuồng kịch hình thức

cổ thật là có hạn độ, nhưng biết khai thác, thì hình thức sân khấu cổ vẫn làm lợi ích được cho cuộc sống bây giờ.

Một mặt khác thấy vốn dân tộc dồi dào của Trung Quốc là nhiều mặt. Làm đúng cái chủ trương cho "trăm hoa cùng đua nở" của Mao Chủ tịch, từ cái căn bản một dân tộc rất giàu có về vốn cũ văn hóa văn nghệ, từ cái số lượng xúc tích hàm dưỡng đó, sân khấu ngày nay của Trung Quốc đang vươn trên một quá trình hứa hẹn nhiều chất lượng mới.

Nó rất phong phú, còn rất nhiều triển vọng tươi trẻ hơn nữa, lạc quan hơn nữa, vĩ đại hơn nữa.

Cũng như nhiều buổi tối trước ở Bắc Kinh, buổi tối ấy tôi đến *Trung ương thực nghiệm ca kịch viện* xem vở ca kịch "Lưu Hồ Lan". Tôi ghi lại đây những ý nghĩ của tôi trong một buổi đi xem vở mới của sân khấu Trung Hoa, nhất là sau khi được nghe nghệ sĩ tài năng Quách Lan Anh.

Lưu Hồ Lan là một nữ anh hùng mà ngày nay nhân dân Trung Hoa không mấy người không thuộc truyện. Truyện xảy ra ở tỉnh Sơn Tây năm 1916, hồi Tưởng Giới Thạch mở cuộc tấn công Diên An và chiếm đóng Sơn Tây. Lưu Hồ Lan đã

dũng cảm chiến đấu, đã tổ chức và động viên nhân dân chống giặc Tưởng, sau Tưởng bắt tra tấn dã man và giết. Lưu Hồ Lan lúc ấy 16 tuổi, là một đảng viên Đảng cộng sản Trung Quốc và sau được Mao Chủ tịch truy tặng: "Sống vĩ đại, chết vinh quang". Lưu Hồ Lan nay thành cái tên một vở ca kịch lớn của nền sân khấu mới Trung Hoa. Vở cũng dài và vai Lưu Hồ Lan là một vai nặng nên phải hai người cùng đóng: Phương Thùy Thiên và Quách Lan Anh.

Ở Bắc Kinh, tôi rất tiếc là chưa được xem Mai Lan Phương sắm tuồng kinh kịch, nhưng tôi đã có dịp đi xem Quách Lan Anh trong vở "Lưu Hồ Lan". Quách Lan Anh hiện là một triển vọng của nền ca kịch Trung Hoa. Người ta thường nói rất nhiều về chị Quách Lan Anh. Nhân dân yêu qúy người nghệ sĩ tài năng của mình, ca tụng tiếng hát Quách Lan Anh, thường khen là mùa nực, nghe Quách Lan Anh hát, tháy nó mát, và nghe vào mùa có tuyết thì thấy nó ấm áp. Năm nay chị Quách Lan Anh hai mươi bốn tuổi; chị làm quen với sân khấu từ hồi còn tám tuổi, năm mười một tuổi chị đã bắt đầu sắm vai chính. Tuổi hoa niên của chị không có ánh sáng. Chị quê vùng Sơn Tây. Bố mẹ nghèo, phải cho chị đi theo những gánh hát rong. Chị học nghề nhưng

không được học chữ, chỉ học truyền khẩu và, cũng như tất cả những tầng lớp nghèo khác, chị phải chịu những cái bất công của xã hội Trung Quốc lúc ấy chưa giải phóng. Năm 46, chị được lựa vào đoàn kịch Giải phóng quân, rồi dần dần chị được học chữ, học toán, học nhạc. Năm 48, chị đóng Hỷ Nhi trong "Bạch mao nữ". Năm 49, tại Đại hội liên hoan quốc tế ở Bu-đa-pét nước Hung, chị được giải thưởng về hát. Rồi chị đi biểu diễn ở Đại hội khắp các nơi như Bá-linh, Buy-ca-rét, Vác-sô-vi. Chị đang học về âm nhạc Ý, chị ở trong tổ chức Đoàn thanh niên Dân chủ mới Trung Quốc (như Thanh niên Cứu quốc ở ta). Cũng như Mai Lan Phương, nghệ sĩ danh ca trẻ tuổi Quách Lan Anh là đại biểu Quốc hội nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

Tôi trở lại tối ca kịch "Lưu Hồ Lan" đêm ấy trình diễn tại *Trung ương thực nghiệm ca kịch viện* là một rạp có một sân khấu vào loại lớn ở Bắc Kinh, hằng trăm người lên đồng ca hợp xướng vẫn còn chỗ. Đêm diễn "Lưu Hồ Lan" trên sân khấu mở màn rất đông người, nhân dân cùng bộ đội chan hòa trên sân khấu. Lưu Hồ Lan xuất hiện ngay màn đầu, đứng trên chiếc xe nhận những đôi giày của phụ nữ thôn xóm khâu cho bộ đội. Sân khấu bài trí lối hiện thực, nhiều

cảnh rất công phu. Suốt mấy màn, tiếng hát Lưu Hồ Lan giữ một vai quan trọng trong diễn biến tình tiết, trong biểu hiện tình cảm, nhất là trong vấn đề thể hiện cái phẩm chất cái khí thế người chiến sĩ dũng cảm. Lúc Lưu Hồ Lan bị sa tay địch, nỗi hồi hộp của câu chuyện càng dồn vào tiếng hát. Lúc địch tra tấn, là lúc bằng tiếng hát, nhân vật biểu hiện tình cảm lên cái độ cao nhất. Giọng chị Quách Lan Anh vốn đã trong đã tốt, nhưng lúc này là lúc tiếng hát của chị tập trung cao độ. Và tôi nghĩ rằng đây cũng là cái chủ trương của đạo diễn vở. Và đây cũng là cái nhiệt tình cao độ, cái cảm thông sâu sắc giữa vai trò và vai truyện. Cảnh này là phải làm bật lên vai Lưu Hồ Lan bất khuất trước uy vũ của quân thù. Lưu Hồ Lan hát say sưa, vượt lên trên kẻ địch sắp hại mình mà hát. Tiếng hát của chính khí bay bổng, tiếng hát Lưu Hồ Lan bay trên đầu quân thù, tiếng hát càng bay cao, kẻ thù càng bị dìm dưới tiếng hát. Bên cạnh Lưu Hồ Lan, thêm một tiếng hát nối lên nữa: cái tiếng hát của bà mẹ. Cảm tình của thính giả với với theo lên với tiếng hát Lưu Hồ Lan. Lưu Hồ Lan, chỉ còn một mình trên sân khấu, thì hậu trường nổi lên nhiều tiếng hát. Tiếng hát hậu trường dội mạnh lên như tấm lòng tin tưởng của cơ sở nhân dân

đối với người cán bộ và tha thiết gắn bó với người cán bộ vững tinh thần đấu tranh. Trên cái nền hát cơ sở đội từ hậu trường ra, bay lên, bay mãi lên tiếng hát Lưu Hồ Lan. Tuyết bay trên máy chém. Tiếng hát Lưu Hồ Lan vượt trùm lên trên tuyết, trên lũ đao phủ. Cái máy chém chỉ phạm được vào thân thể, cái máy chém bất lực không chém đứt được tiếng hát. Vở hết bằng nhiều hơi đồng ca của nhân dân sau này dựng tượng Lưu Hồ Lan ngay trên chỗ chị hy sinh.

Vở hết, nhưng tiếng hát còn vang hưởng lâu. Ra về, tôi thấy rõ phương pháp dùng thanh âm để diễn tả cốt cách người liệt sĩ, dùng thanh âm để đề cao khí tiết nhân vật anh hùng trên sân khấu. Nhưng muốn sử dụng được phương pháp đó, ít nhất phải có người hát hay, giọng tốt và hơi hát đượm nhiều màu tình cảm. Giọng hát chị Quách Lan Anh mọc hai cánh và đêm ấy, theo với tiếng hát Quách Lan Anh, những tình cảm lớn đã bay vỗ mạnh giữa nghệ thuật hiện thực và cuộc sống thật tại.

Ở Bắc Kinh, lần nào đi xem hát về tôi cũng thấy sự dào dạt trong lòng. Thấy cuộc sống là một sự tiếp diễn, thấy sân khấu Trung Quốc và cuộc sống Trung Hoa ngày nay là một sự tiếp sức lẫn nhau không ngừng. Và thấy sân khấu Trung

Hoa quả là một cái vườn bông "trăm hoa cùng nở", trên đó hứng mãi lên cái vừng sáng chói của muôn màu kết tinh lại.

Ca, vũ, nhạc, kịch của nhân dân nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa gần đây đem ra biểu diễn ở nước ngoài rất nhiều. Trong khối dân chủ nhân dân và xã hội chủ nghĩa, thường trong những Đại hội quốc tế, sân khấu Trung Hoa đều có mặt. Những hoạt động sân khấu của Trung Hoa còn tỏa ra các sân khấu ở các nước ngoài khối dân chủ. Trong năm 55, đoàn nghệ thuật Trung Hoa đã sang biểu diễn ở Pháp, và trong tháng 10-55, đã biểu diễn ở Thụy Điển, ở Ý. Ở đâu đâu, cũng được cảm tình và ngợi khen của khán giả các nước.

Tôi kể lại đây cái thắng lợi của đoàn nghệ thuật Trung Hoa tại thủ đô Balê nước Pháp mùa hè vừa qua. Đoàn nghệ thuật Trung Hoa đã có mặt ở Balê trong nửa tháng và tham gia vào Đại hội Liên hoan nghệ thuật kịch của thành phố Balê, và đã biểu diễn tại nhà hát Sa-rát Béc-na và Điện Sai-ô; và đài Pháp đã thu thanh ngay những điệu hát của đoàn để phổ biến rộng trong nhân dân. Đêm đầu 4-6-55, những tiết mục gồm:

- Ngã ba đường
- Thanh xà bạch xà

- Thu giang
- Náo thiên cung
- Hái chè bắt bướm v.v...

Mở màn, mọi người lo rằng tiếng nói khác nhau sẽ là một trở ngại. Nhưng chỉ sau mươi phút, giữa diễn viên và khán giả đã có một sự giao cảm. Nhiều người còn ngại ngùng về vấn đề âm nhạc phương Đông và cái tai thẩm âm chưa quen của người phương Tây. Nhưng đã có ngay sự gặp gỡ giữa dàn nhạc và thính giả. Đã có bao nhiêu người khoan khoái và hết thắc mắc. Tối diễn đầu thành công rực rỡ ngay. Nhà văn Pháp Véc-co thuật lại buổi ông sang kinh đô Thụy Sĩ hồi đầu năm để góp ý kiến với Lãnh sự quán Trung Hoa về tiết mục nào nên cho ra mắt trước công chúng Pháp, thì lúc đầu cũng chỉ mới bàn đến phần âm nhạc và dân ca thôi. Sau đó, nhiều ý kiến mạnh bạo bênh vực cho phần tuồng kịch và cuối cùng, hai bên đều đồng ý sẽ đưa ra một ít đoạn trích ở các tuồng cổ điển Trung Hoa. Sự dè dặt và thận trọng đó, theo lời nhà văn Véc-co, cũng là một sự lo lắng chính đáng, sợ khán giả phương Tây chưa quen với cách thức diễn tả của phương Đông. Nhưng sau những buổi biểu diễn kết quả lớn, nhiều người đã nhận rằng họ quá lo xa, và ngày nay có nhiều khán giả Pháp chưa

thỏa mãn với một số màn tuồng trích diễn, mà họ còn muốn được xem toàn bộ những vở tuồng cổ điển Trung Hoa kia. Trên trường ngoại giao, chính phủ Pháp lạc hậu chạy theo chính sách Mỹ, chưa dám công nhận chính thức nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa. Nhưng đoàn nghệ thuật chính thức của Trung Hoa đã đến biểu diễn tại thủ đô nước Pháp. Và những người sành về sân khấu ở Balê và các tầng lớp nhân dân Pháp đã có nhiều thiện cảm và hết sức hoan nghênh đoàn nghệ thuật Trung Hoa. Thi sĩ A-ra-gông đã viết: "Nhân dân Balê vừa mới công nhận nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa". Nhiều người Pháp đi xem biểu diễn, thấy mình chan hòa một cách dễ dàng với nghệ thuật Trung Hoa, tự hỏi lại làm sao mình lại rất gần được với một nghệ thuật hoàn toàn xa cách với những ước lệ của Tây phương, của sân khấu Pháp. Họ đều tìm thấy rằng căn bản của nghệ thuật là lành mạnh vui sáng và dân tộc nào, dù là ở Tây hay ở Đông, cũng là đều muốn cái đó; và khi mà nghệ thuật gần với sự sống, thì nó cảm được mọi người. Nghệ sĩ nổi tiếng trên màn ảnh thế giới là Charlie Chaplin (vẫn đóng hề Sác-lô) cũng có mặt ở những buổi diễn của đoàn ca vũ Trung Hoa. Sa-pờ-lin hết sức tán thưởng những tiết

mục các buổi diễn. Và nhấn mạnh về tính chất phổ biến quốc tế của nghệ thuật điệu bộ tuồng cổ điển Trung Hoa. Sác-li Sa-pờ-lin đã nói: "Cách đây hai mươi năm, tôi có xem tuồng cổ điển Trung Hoa. Nhưng hồi ấy, tuồng đó không hoàn bị, không chỉnh đốn và truyền cảm được như bây giờ. Tối nay, đúng là tôi được xem nghệ thuật của nước Trung Hoa mới".

Cuối tháng tám 55, một đoàn nghệ thuật Trung Hoa do đồng chí thứ trưởng Bộ Văn hóa Trung Hoa Đinh Tây Lâm dẫn đầu đã sang biểu diễn ở Việt Nam. Cái làm cho mọi người Việt Nam cảm động, là đoàn nghệ thuật Trung Hoa không những đã biểu diễn cho công chúng xem mà còn tham gia vào cuộc du hành chào mừng "Mười năm xây dựng nước Cộng hòa dân chủ Việt Nam" ngày 2-9-55 tại Hà Nội. Tiết mục của đoàn nghệ thuật Trung Hoa gồm nhạc, múa, hát, dân ca, tuồng cổ điển. Chương trình buổi diễn nào cũng phản ảnh cái thực tế tươi, trẻ, vui, mạnh và giàu có của cuộc sống Trung Hoa. Ngoài những kinh nghiệm nghệ thuật qúy báu mà đoàn nghệ thuật Trung Hoa đem đến cho nhân dân Việt Nam, nhất là cho các giới văn nghệ, thì sự

có mặt của đoàn nghệ thuật Trung Hoa tại Việt Nam trong giai đoạn đấu tranh đòi hiệp thương đòi thi hành đúng hiệp định Giơnevơ, còn có một ý nghĩa chính trị rất lớn. Nó là một sự phấn khởi đến gây thêm rất nhiều phấn khởi cho nhân dân lao động Việt Nam đang ra sức giữ vững hòa bình để tiến tới thống nhất Tổ quốc. Đoàn nghệ thuật đi đến đâu cũng để lại trong nhân dân rất nhiều cảm tình. Dưới trời mưa, 17 vạn nhân dân hai tỉnh Bắc Ninh Bắc Giang vẫn yên tâm đội mưa để xem trọn cả chương trình biểu diễn của đoàn. Bởi vì nó hay quá, đẹp mạnh và phơi phới quá, nên người xem đã quên cả mưa ướt giữa trời. Nhiều người đã nhớ được tên các nghệ sĩ, và những người chưa nhớ được tên người, thì họ đều nhớ được tên các trò diễn. Đáng qúy hơn nữa là các tác phong làm việc của đoàn. Thời gian ở Việt Nam, đoàn vừa biểu diễn, vừa tham gia những hoạt động của nhân dân, và có mặt ở nhiều cuộc họp quan trọng; đoàn còn nghiên cứu một số điệu hát múa Việt Nam, và một mặt khác hướng dẫn cho văn công Việt Nam về một số tiết mục tốt của Trung Hoa. Nhiều anh chị em nông dân vùng Bắc Ninh rất nhớ nghệ sĩ trong đoàn nghệ thuật Trung Hoa đã về tận làng

mình để nghiên cứu sâu về các điệu hát quan họ. Chị Ta Hằng Thanh đã hát nhiều lần những bài hát Việt Nam trước công chúng Việt Nam, và ngày nay tên chị được rất nhiều người nhắc đến. Chương trình của đoàn là sẽ đến được khắp các thành phố miền Bắc đem cái phấn khởi của nghệ thuật quốc tế góp thêm vào cái hào hứng của nhân dân Việt Nam đang ra sức củng cố miền Bắc để tranh thủ miền Nam.

Một buổi chiều, hồ Tây Hà Nội nổi gió lớn, giữa lúc đoàn nghệ thuật đang đi thuyền buồm. Hai chị Cương Nãi Tuệ, Chung Hiếu Nam; các anh Lý Thành, Lưu Khắc Cầu, Kim Quân Cương, Bạch Xuân Bồ đều gặp tai nạn. Lúc nhập quan, nhiều tiếng khóc bật lên trong hàng ngũ các đoàn thể nhân dân Việt Nam. Tất cả Hà Nội đã đi đưa đám sáu đồng chí nghệ sĩ Trung Hoa. Cái tin không lành lúc truyền rộng trong Hà Nội, có nhiều người tha thiết sốt sắng hỏi thăm, tưởng như đấy là thân nhân của mình. Gái trai già trẻ đều tỏ lời thương tiếc. Có nhiều người đã thẳng thốt hỏi xem người bị nạn có phải là những người đã từng làm cho họ hết sức chăm chú và vui sướng đến cao độ. Họ hỏi dồn: Có phải đồng chí Kèn, đồng chí Sáo? Có phải chị Sen trắng

Sen đỏ? Các em nhỏ hỏi có phải là đồng chí Đánh vật, có phải đồng chí Múa sư tử? v.v... Nhiều người không biết tên sáu đồng chí bất hạnh, nhưng khi nói rõ lên những tiết mục như màn múa Lá cỏ Triều Tiên, màn múa Hoa sen, kịch Ngã ba đường, Náo long cung v.v... trong đó sáu đồng chí bất hạnh đều có phần biểu diễn, thì mọi người đều nhận được ra ngay. Nghệ thuật của sáu đồng chí đã in sâu vào lòng nhân dân Việt Nam. Tên tuổi các đồng chí đã trở thành một tiết mục sống trong lòng người xem. Những tiết mục ấy đã biến thành những tình cảm lâu bền trong nhân dân ở đây. Tất cả khán giả Việt Nam đã vô cùng thương tiếc nhận cái tin buồn, cũng như trước đây họ đã vô cùng phấn khởi mỗi lần được chứng kiến tài nghệ của sáu đồng chí góp vào những tối của đoàn nghệ thuật Trung Hoa. Sự tổn thất của đoàn nghệ thuật Trung Hoa cũng là sự tổn thất và thiệt thòi cho sân khấu Việt Nam. Tin buồn của đoàn nghệ thuật Trung Hoa cũng là sự đau xót nhớ tiếc của văn nghệ Việt Nam, và của nhân dân Việt Nam. Sáu đồng chí nghệ sĩ của nhân dân Trung Hoa gửi mình trên đất nước Việt Nam, cũng là gửi mình vào giữa lòng đất bạn, giữa lòng nhân dân Việt Nam.

Nhân dân Việt Nam đã từng yêu qúy tài năng các bạn và trên cái tinh thần quốc tế vững chắc, trên cái cơ sở hữu nghị anh em không gì lay chuyển được, đã công nhận các bạn là nghệ sĩ của họ. Trong quan hệ văn hóa và trao đổi nghệ thuật giữa nhân dân hai nước, sự đau thương chung này là những kỷ niệm sâu sắc góp thêm vào tình đoàn kết giữa người làm nghệ thuật hai nước, và giữa nhân dân hai nước. Tôi nghĩ đến cái hình ảnh những đồng chí Chí nguyện quân Trung Hoa. Tôi cảm thấy sáu đồng chí bất hạnh đó là những người Chí nguyện quân hòa bình đã lưu lại tên mình trên miếng đất Việt Nam hòa bình thống nhất. Đoàn nghệ thuật Trung Quốc đang tiếp tục đi sâu vào nhân dân và đi sát vào gần giới tuyến, đem theo cái phấn khởi cách mạng đến với nhân dân gần vĩ tuyến đang đấu tranh mạnh với Mỹ Diệm phá hòa bình. Rất đồng ý với đồng chí đoàn trưởng đoàn nghệ thuật Trung Hoa, anh chị em công tác văn nghệ Việt Nam thấy cần phải biến những đau thương vừa xảy ra thành sức mạnh, thấy phải cố gắng đem sân khấu phục vụ hơn nữa cho cuộc sống và, rồi đây cố gắng trao lẫn cho nhau được nhiều bông hoa nữa đang nảy nở trong sự nghiệp bảo

vệ hòa bình chung, và đem đặt thêm mãi lên nền hữu nghị anh em hai nước.

CÂY LIỄU CỔ ĐIỂN GIỮA BÁN TRƯỜNG CA MỚI

Ngày bé, cha tôi giảng thơ Đường cho tôi nghe. Trong thi ca Trung Quốc, thường thường đều có hình ảnh dương liễu thùy liễu. Từ một gia trang này đến một gia trang nọ, cảnh và ý tình đều chuyển trong một bóng mát của rặng liễu. Bóng liễu xứ xa đã phần nào trùm lên tuổi trẻ tôi. Lớn lên đọc truyện Trung Quốc, lại vẫn thấy liễu: những hảo hán hiệp sĩ kiếm khách năm ba con ngựa cùng quấn cương chung vào một gốc liễu già. Tây Thi Trịnh Đán giặt lụa dưới bóng liễu; Trương Phi bẻ liễu làm roi đánh Đốc Bưu; và những nhân vật nông dân trong Thủy Hử vào quán rượu nói chuyện khởi nghĩa dưới bóng liễu cổ thụ. Một lần đã xa lắm, ở Hà Nội, một người quen đưa tôi đến phố hàng Buồm, đứng trước một hiệu thực phẩm cân bán những chân giò rút xương, dồi, gan; người làm công đang thái miếng chín trên một cái thớt to như cái mâm gỗ dầy cạnh, và người bạn tôi bảo: "Cái thớt ấy bằng gỗ liễu, phải đem từ Trung Quốc sang, thịt thái trên

thớt gỗ liễu, bao giờ cũng thơm ngon". Màu dáng và hương vị của liễu trở nên một ám ảnh. Tôi đi tìm cây liễu trong thiên nhiên Việt Nam, thấy thân nó nhỏ gầy như thân tre. Và chỉ loáng thoáng nơi nhà giàu này nơi quyền qúy nọ một vài gốc. Trong nhỡn quan tôi, tôi vẫn mơ tưởng đến cái trường đình Trung Quốc thăm thẳm hằng "dặm liễu". Tôi liền nghĩ rằng liễu đẹp thật, nhưng đẹp ngoài sự thật; trong sự thật, khó mà có những hình ảnh cây liễu bóng rườm rà tít tắp đã gợi lên trong thơ truyện cổ... Cho đến toàn quốc kháng chiến. Liền trong tám năm, tôi bám lấy thực tế mà sống, ngày đêm làm bạn với cây nứa cây tre ở đồng quê và núi rừng. Tưởng như câu chuyện cây liễu xanh đã chết hẳn trong lòng tôi, bóng nó đã đi ra khỏi vũ trụ quan của mình... Nhưng cây liễu bỗng hiện lên trước mắt tôi. Lúc này, liễu lại nhiều quá, đếm không xuể. Trong những ngày dừng lại ở Trung Quốc, tôi đã có dịp đi vào sinh hoạt thực tế của nhân dân Trung Quốc. Giữa cuộc sống tưng bừng reo của TrungQuốc, cái làm cho tôi thân mật thêm với con người Trung Quốc đang tiến mạnh, là tôi thấy thiên nhiên rất hòa hợp với con người, và có những cái của ngày nay vẫn nối liền một mạch với những cái của ngày trước. Và trong cái

thiên nhiên bao la của Trung Quốc vĩ đại, hình như có những cây liễu cổ tích vẫn còn xanh tươi cho đến hôm nay và cái nhựa cây ấy hôm nay hơn cả bao giờ, nó đã nhập vào cái sống hiện đại và lại càng bốc mạnh sức sống trên bờ sông, bên các ven hồ thắng tích, trên cánh đồng tổ quốc Trung Hoa.

Có thể nói ngay rằng ở Trung Hoa, liễu nhiều, rất nhiều, đúng như trong cái quang cảnh tưởng tượng khi đọc truyện và nghe thơ Trung Quốc hồi còn nhỏ tuổi. Thêm nữa, liễu trong thực tế Trung Quốc lại còn đông đúc hơn cả trong mơ tưởng. Cây liễu nước bạn cũng như cây tre xứ ta, đếm không xuể. Vả cũng như cây tre Việt Nam, cây liễu Trung Quốc đã đến làm bạn với con người từ những ngày sơ khai hồng hoang trước các triều đại và, ngày nay vẫn kéo dài bóng mình bên những bóng người nhân dân lao động nước Trung Hoa. Trên cánh đồng và các thị trấn, không phải là một cây, một gốc, hay một khóm liễu, mà là một rặng dài. Có khi là cả một làng, một cánh đồng, một con đê toàn liễu xanh. Hôm ấy đứng bên cửa sổ tàu hỏa rời ga Hán Khẩu mà ngắm liễu, tôi có xem đồng hồ đếm từng phút. Xe lửa tối tân đi giữa hai hàng liễu cổ điển. Mành liễu loáng thoáng qua các ô cửa, hắt ánh sáng xanh

non dịu vào lòng toa tầu tốc hành. Cái mành mành liễu ấy dài hai mươi nhăm phút xe lửa chạy nhanh. Quãng ấy là bên kia bờ phía bắc sông Trường Giang. Hán Khẩu là một thành phố nhiều công xưởng, nhiều công nhân, nihều ống khói than đá, nhưng cũng là một nơi rất nhiều liễu. Giữa Hán Khẩu, liễu thả bóng mát lên cổng và trong sân những văn hóa cung của công nhân. Khu ngoại ô, liễu ú bóng trên những nhà mái ngói ống đen và lên nền tường gạch đỏ hai tầng những nhà ở của khu công nhân. Dưới rặng liễu, thoăn thoắt bóng người mũ cát két lam, quần áo xanh.

Qua tỉnh Hồ Nam quê hương Chủ tịch Mao Trạch Đông quanh một vùng sông Tương có nhiều tre nhiều mai như bên ta, qua tỉnh Hồ Nam rồi ngược lên miền Bắc, thì không nơi nào là vắng cái bóng cây liễu. Nhìn vào thực tế thiên nhiên trước mắt, bây giờ tôi mới càng thấy rõ cây liễu là một cái gì rất điển hình. Càng thấy khâm phục thêm những thi sĩ và họa sĩ Trung Quốc, và thấy mình hiểu thêm những câu thơ những bức tranh và những đồ men sứ Trung Quốc đã từng ghi lại bóng dáng cây liễu.

Xe lửa qua tỉnh Hà Nam. Ruộng lúa mì mênh mông. Làng mạc đều là những xóm liễu thôn

liễu. Lúa mì ruộng, nhà ở, và liễu chen nhau trên một cánh đồng đất thuộc bình nguyên từ mấy ngàn năm phẳng lì. Tàu qua sông Hoàng Hà. Cánh đồng vui mắt hơn, nhà đất tường đất nhiều. Dưới bóng liễu, nông dân áo đen khăn quàng cổ trắng, con lừa kéo cày. Cứ vài thửa ruộng là một cái giếng đào giữa đồng. Trên bờ giếng, xum xuê vài gốc liễu. Dưới bóng liễu, con la bịt mắt nhẩn nha một mình kéo nước vòng quanh bờ giếng. Tôi cảm thấy cây liễu là một thứ cây rất thân cận với người nông dân chứ không phải là một thứ cây chỉ trồng riêng ở chỗ thâm cung vua chúa hoặc ở cổng nhà tể tướng. Trong một tương lai gần đây, cánh đồng bình nguyên Trung Quốc sẽ xuất hiện những máy cày, và rồi sẽ có nhiều chiếc máy cày lái quanh những gốc liễu cổ thụ hoặc đỗ lại đổ dầu dưới bóng những khóm liễu xanh.

Xưa kia, đồ sứ Trung Quốc hay vẽ những hình dáng có bố cục nhất định. Con hươu đi với cây tùng, chim sẻ cành trúc, người đàn bà đọc sách dưới gốc chuối v.v... Và vẽ liễu mã. Con ngựa dưới gốc liễu ở thân lọ men sứ cũ. Nay vẫn trên cái phương pháp ghép hình đó, người nghệ sĩ ngá men sứ sẽ vẽ liễu với những hình ảnh nông thôn Trung Quốc đang kỹ nghệ hóa dần dần. Tôi

đã nhìn thấy liễu trên cánh đồng. Sau đó, tôi còn thấy liễu ở những chỗ cung điện đài lạ quanh Bắc Kinh và ở Hàng Châu. Liễu ở Tây Hồ vùng Hàng Châu chạy dài thành một con đê. Những cây liễu già có gốc đến người ôm. Đã có nhiều bóng người lịch sử đi qua dưới bóng liễu cổ thụ, đã có nhiều cái bóng cô độc ích kỷ và tàn ác đã đi qua khỏi những rặng liễu cấm cung cấm địa này. Sau ngày giải phóng đất nước, cây cỏ huê viên cũng được giải phóng. Những nơi cấm địa xum xuê hoa có lạ và xanh rờn bóng liễu, ngày nay thành những vườn hoa của chung cho tất cả mọi người vui chơi ca hát.

Lên thăm vùng Đông Bắc kỹ nghệ nặng ở Thẩm Dương, ở Trường Sơn, ở An Sơn, ở Cáp Nhĩ Tân, tôi đi giữa một khu vực toàn xí nghiệp, toàn máy móc tối tân, chan hòa cảm tình với anh chị em công nhân Trung Quốc. Bầu giời ở đây tua tủa những ống khói nhà máy và khói than đá cuồn cuộn trong đà nhịp sản xuất vĩ đại. Trong thế giới mẫu cơ, vạn năng cơ ầm ầm rung chuyển ngày đêm, cây liễu, ngàn ngàn gốc liễu vẫn tha thiết bên đường, trong sân, ngoài cửa cổng nhà máy. Từ cái lò luyện thép, từ cái bàn ép và cắt thanh đường sắt đỏ rực trong nhà ngùn nghịt kia, ra đến chỗ bóng liễu mát nhẹ này,

cách nhau không xa mấy. Những lúc còi tầm, nam nữ công nhân như một dòng nước màu lam trôi đều đều, trên đó óng mượt tơ liễu rủ mành. Khu nhà ở cho công nhân có gia đình, hàng ngàn gian phòng dựa vào nhau qua mấy từng gác. Vào thăm gia đình người công nhân chuyên nghiệp, thấy trên tường treo tranh lãnh tụ, treo tranh thiên nhiên màu sắc, và đứng trong cửa sổ nhìn ra ngoài, thấy thấp thoáng bóng cây liễu xanh rờn giữa cõi tự nhiên. Trong sàn nhà máy, liễu thoai thoải gốc trên một đống than đá vụn lô nhô ít hòn to khía cạnh lóng lánh. Trên những cánh đồng bạt ngàn tít tắp vùng Hoa Trung, tôi đã thấy dần cái nõn liễu rờn nó chấm vào đầu cái cọng lúa mì vươn lên, thấy rõ rằng cây liễu là người bạn chí thân của người nông dân Trung Hoa. Nay ở vùng Đông Bắc kỹ nghệ nặng lại thấy liễu còn xanh gấp bội, và lá liễu hòa màu rất ăn ý với màu xanh công nhân Trung Quốc. Có nhiều lúc tôi nhìn cây liễu Đông Bắc thấy nó rung rinh như gió động bức rèm. Tôi không cho là gió vùng thảo nguyên thổi về đang động lá liễu. Mà tôi cho là cái nhịp máy trong liên xưởng kia, cái đà thi đua sản xuất của những tổ thợ chuyên môn xưởng trước mặt kia, đã truyền được cái nhịp sống khoa học vui tươi ấy vào thân cây

liễu cổ điển, đã truyền được cái điện ấy vào chất nhựa sống trong cõi tự nhiên. Cho nên liễu giữa sân xưởng, cho nên liễu giữa trời Đông Bắc đã múa, đầu lá cuối cành đều bật múa để trả lời cho thép gang ra lò đang vui náy trên những con đe khổng lồ. Máy móc và thiên nhiên đã dung hòa chung sống. Bóng liễu nghìn xưa càng tôn thêm và càng óng chuốt thêm những đường nét các nhà máy.

Khu kỹ nghệ có rất nhiều tòa nhà dưỡng bệnh dưỡng sức cho công nhân già yếu hoặc người thợ trẻ cần tĩnh dưỡng điều trị. Nhà xây bên sông thoáng, trên đồi lê đồi táo, hoặc bên những hồ thiên tạo nhân tạo. Những cây liễu giồng quanh dưỡng đường càng trở nên người bạn thân mật của người thợ trong những ngày dưỡng sức, cất đi bộ quần áo xanh, ngày ngày thay những bộ quần áo trắng tinh của bệnh viện. Vào phòng ăn thấy thức ăn đều theo tiêu chuẩn cung cấp và đúng với khẩu vị từng đối tượng dưỡng bệnh. Ngoài cửa phòng ăn, thấp thoáng bóng cây liễu bạn. Tôi lại thấy liễu đang là một thứ gia vị làm vui cho người công nhân lấy lại sức. Ở nhiều khung cảnh, bóng liễu của Trung Hoa hiện đại gợi lên nhiều cảm xúc yên tâm. Lòng yêu tin sự sống nhỡn tiền muốn mọc thêm đôi cánh. Tôi quên

sao được những cái mái nhà gửi trẻ, liễu tha thướt bóng trên những chiếc giường gỗ xinh bé sơn màu sáng nhẹ, trong đó những trẻ con công nhân sơ sinh đang múa đôi tay như muốn vờn theo những tua liễu hú tim ngoài cửa sổ. Ở xóm thợ cất toàn nhà gác bê tông, trẻ em các gia đình thợ dung dăng dung dẻ dưới bóng liễu. Nhiều đám trẻ rộn lên như khóm hoa nở bung. Xưởng dệt vải in vùng Đông Bắc ngày nay đã in lên vải những hai nghìn mẫu hoa khác nhau. Những trẻ em mũm mĩm môi đỏ như trái hồng chín, súng sính áo mới rực rỡ hai nghìn kiểu hoa chơi dưới rặng liễu. Liễu tha thướt trên mái đầu thiếu nhi như múa trên những cái bồn hoa hàm tiếu lộng gió lay màn. Trong cuộc sống tưng bừng ngày nay của Trung Quốc có Mao Chủ tịch và Đảng cộng sản Trung Hoa luôn luôn đem vui tươi ấm no đến cho nhân dân, tôi cảm thấy như cây liễu đã trổ hoa thật và bóng liễu ngày nay xanh rờn bắt ánh nắng hơn tất cả bao giờ. Ngay cả những bóng liễu trên sâu khấu mới đang diễn lại vốn cũ ở mọi rạp tuồng kịch, những cây liễu bài trí ấy cũng đều nói lên cái đầm ấm xum tươi ấy. Dưới chế độ xưa, liễu buồn dằng dặc, "hốt kiến mạch đầu dương liễu sắc", người ta đứng dưới gốc liễu để hối hận một mình. Rung với nhịp sống

cao cả trên đất Trung Hoa dâng lên như triều sóng, cây liễu ngày nay đứng ở chỗ nào cũng thấy cái vui của cuộc sống truyền nhựa vào rễ vào cành và bắt vào khía lá. Cùng với nhân dân Trung Hoa, cây liễu đang reo múa trước những luồng gió mới của tổ quốc Trung Hoa kiến thiết giữ vững hòa bình. Đông phương hồng, liễu càng xanh tươi reo múa. Cây liễu ngày nay càng làm tôn thêm lên những thực tế rất đẹp rất khỏe. Ngồi trên tàu bay từ Liên Xô về, là là trên Bắc Kinh mà nhìn xuống những chòm liễu lay rèm trên mặt đất, thấy màu xanh quan lục của liễu Trung Hoa quả là một cái nền phẩm chắc vững, trên đó loáng loáng mãi đôi cánh trắng chim Hòa bình thế giới.

SỔ TAY VĂN NGHỆ

BÀI 1

Miền Bắc đang kiến thiết mạnh, kiến thiết không ngừng. Để hàn gắn vết thương chiến tranh, để phục hồi kinh tế. Sau khi làm lại đoạn xe lửa Hà Nội – Mục Nam Quan xong trong 4 tháng, chúng ta liền khởi công dựng lại quãng đường sắt Hà Nội – Nam Định.

Bất cứ việc xây dựng nào ngày nay ở miền Bắc đều ảnh hưởng tốt đến miền Nam, đến đồng bào miền Nam. Cho nên Mỹ Diệm đã cho bọn điếm cầm bút viết trong báo của chúng ra ngày 1-9: "*1800 dân chúng Hà Đông, Hà Nam, Nam Định nổi lên chống lại Việt cộng, phá hủy 21 cây số đường sắt trên đường Văn Điển – Nam Định*". Vẫn cái chủ trương vu cáo ấy, chúng còn viết: "*Tại công trường Phủ Lý, anh em làm đường xe lửa bỏ đi chiến khu Chi Nê rất đông*".

Sự thật, ở công trường Phủ Lý hiện nay như thế nào? Sự thật là trước ngày Quốc khánh 2-9-55 khẩu hiệu của công trường là "Lấy thành tích kéo cầu để kỷ niệm 10 năm xây dựng nước Việt Nam dân chủ cộng hòa". Cụ thể tức là phải kéo

16 vạn cân sắt ngâm sâu xuống 10 thước nước và bùn, phải đổ 15.000 thước khối đá chắn ngang sông, sắt làm dầm nặng 40 tấn, dùng hơn 1000 thước dây cáp lớn v.v.... Anh Hội, một người lao động ở thủ đô Hà Nội đã tăng mức chặt ri-vê lên 40%. Anh Cước, ở Nam bộ ra tập kết, đã xuống ngay công trường, xung vào đội lặn nước, chuyển đá bỏ xuống đáy sông, mỗi ngày lặn 8 tiếng (mức lặn trung bình một ngày là 4 tiếng). Anh Hoàng Đình Bảo, đã 30 lần được bầu là xuất sắc ở tổ v.v... Và chiếc cầu chim đã 10 năm nay trong lòng sông Đáy đã được nâng lên nằm ngang trên mặt nước kỷ niệm 10 năm thành lập chế độ dân chủ cộng hòa.

Kể những chi tiết trên đây, cái chính là để góp một số tài liệu cụ thể với tất cả đồng bào đang thiết tha củng cố miền Bắc để hoàn thành thống nhất Tổ quốc. Chứ không phải là để trả lời riêng cho bọn đĩ bút điêu toa phì hơi độc. Thật ra cái bọn này gian nhưng mà ngu. Thằng quan thầy ngu, đi dùng thằng đầy tớ ngu, cái đó không cần bàn; duy chỉ cần thấy cái trí tưởng tượng bọn này rất nghèo. Một ngàn tám trăm người mà phá 21 cây số đường sắt? Phá bằng gì? Phá trong bao nhiêu buổi? Đã có những ai nhìn thấy bấy nhiêu người phá và để yên cho 1.800

người phá 21 cây số đường sắt? Và đường sắt mới đặt tà vẹt thôi, đã bắt thanh sắt xuống đâu, mà bọn nói láo dám nêu lên việc bóc đường? Và trong hòa bình ở miền Bắc, có cái căn cứ nào gọi là chiến khu Chi Nê?".

Cho nên đàn chó cứ sủa, và đoàn tầu hòa bình cứ đi; từng chặng, từng chặng, con tàu thống nhất nhất định đi thấu miền Nam.

Văn nghệ số 85, 14/9/1955

BÀI 2

Ở đời cái gì cũng thế, không nên làm quá. Như là việc vỗ tay mà làm quá cái mức của nó đi, nó dễ loãng. Loãng tức là nhạt. Nhiều khi lại thành mệt nữa.

Cuộc sống mới của ta ngày nay lại luôn luôn có quan hệ mật thiết với bạn bè quốc tế, càng phải gọn gàng đúng mực hơn. Tôi muốn nói đến việc vỗ tay trong những dịp biểu diễn của các đoàn nghệ thuật các dân tộc bạn. Tôi xin nói ngay là theo ý tôi, chúng ta vỗ tay khí nhiều đấy. Nhiều, theo cái nghĩa không nhằm vào cái chính, theo cái nghĩa vụn vặt lắt nhắt. Và những

cái nhiều này, chính nó làm tản mạn đi cái mà chúng ta gọi là nhiệt tình cần biểu lộ. Lấy một ví dụ cụ thể. Theo chương trình đã in ra và ta đang đọc, thì tiết mục ấy là một điệu múa hoa sen. Nghĩa là chúng ta sẽ hết sức chú trọng vào nội dung điệu múa, hình nét và nhịp điệu múa. Và vỗ tay ít hay vỗ tay nhiều, là vỗ vào những điểm đó. Nhưng chúng tạ đã làm như thế nào? Màn vừa kéo lên. Sân khấu không có ai cả, chưa có ai cả. Rạp hát vang lên tiếng vỗ tay. Những nghệ sĩ diễn viên và vũ đạo đứng ở trong cánh gà, sắp bay ra sân khấu, nghe vỗ tay bỗng kìm bước lại, thắc mắc. Mãi sau họ mới vỡ lẽ là ở dưới vỗ tay hoan nghênh cái bức hậu vẽ sơn thủy. Ấy là một chuyện.

Bây giờ đến người, đến hai người giới thiệu từng tiết mục bước ra. Lại vỗ tay một loạt. Nét lớn nội dung tiết mục được giới thiệu qua tiếng nước bạn rồi đến tiếng mình. Lại một tràng vỗ tay. Như thế nghĩa là trước khi thật sự thưởng thức nghệ thuật từng bài mục, ta đã vỗ tay phủ đầu đến ba lần. Và cứ như thế suốt tối diễn. Có nhiều lúc, người ta đang nói dở dang, đang hát giữa quãng, cũng vỗ tay ngang vào, gây khó khăn cho diễn viên và người nghe chung quanh không phải là ít. Thường thường người ta đo lấy

những vỗ tay trong một buổi để lượng tính sự hưởng ứng của khán giả đối với cuộc biểu diễn. Nay ta vỗ tay rải rác ra nhiều thứ quá, người làm nghệ thuật thêm lúng túng. Có người sẽ nói :Tôi thích thì tôi vỗ, đó là cái quyền của tôi". Đồng ý. Nhưng mỗi bài mục, trừ phi cần thiết lắm, còn không thì ta cứ đợi xong xuôi cả rồi ta vỗ một lần, như thế nó tập trung và càng làm bật lên nhiệt tình mình. Tôi thấy có người vỗ tay rền trước khi người ta thực sự biểu diễn; đến khi người ta biểu diễn cho mình xem xong, thì lại quên đi không vỗ tay. Trước sau gì, thì rồi cũng vỗ tay, nhưng xong đã rồi vỗ tay, tôi thấy nó chính hơn.

Đối với nghệ thuật, nên tránh tất cả những cái gì là quá đáng, dù là những cái vỗ tay đầy thiện ý đi nữa. Vỗ tay là một câu chuyện về trình độ nhận thức; thêm nữa còn là trách nhiệm nữa.

Văn nghệ số 86 (1955)

BÀI 3

Chúng nó một tay cầm súng, một tay dúi mảnh bìa vẽ đầu Diệm màu đỏ vào bàn tay đồng

bào, bắt đồng bào phải bỏ cái đó vào kẽ hòm. Tức là ai bó cho ai, chúng thấy hết. Chúng bắt bỏ phiếu công khai và lúc kiểm phiếu, thì chúng làm trong bóng tối. Từ ngày có nguyên tắc dân chủ có phương pháp tuyển cử dân chủ, chưa có đâu có những việc táo tợn như vậy. Dựa vào Mỹ đã tuyên bố là hết sức ủng hộ, Diệm càng ra sức làm lớn và làm nhanh và dùng hết mọi cách bịp bợm dọa nạt để quảng cáo cho cái mà chúng gọi là "trưng cầu dân ý".

Một mặt khác chúng đắp quan tài Bảo Đại cho ô tô diễu đi các phố, và ngồi bên cạnh xác chết giả, tay sai của Mỹ Diệm khóc lóc kể tội. Dưới đường đội xếp từng đoàn hô đả đảo Bảo Đại. Trong cái trò này, mật thám của Mỹ Diệm biến thành bọn khóc mướn và chửi thuê. Khi mà tội ác càng ngày càng trâng tráo thì nó hay sùy ra những cái lố. Diệm bắt mọi người phải nhận mình là chí sĩ, rồi từ cái vai thủ tướng Diệm nhất định mình sẽ phải là tổng thống. Bởi vì Mỹ bảo thế, nên từ chí Ngô, Diệm biến ra thủ Ngô và ngày nay sắp bắt mọi người phải nhận mình là thống Ngô. Cái tổng thống này cũng vẫn chỉ là một cái thống nằm trong hệ thống đen ác của Mỹ. Những trò vẽ lá phiếu mặt người nửa xanh nửa đỏ có đường xé ở giữa, cũng chỉ là dập lại

những lối quảng cáo của Mỹ, dập trên một cái khuôn côn đồ nạt nộ và trâng tráo. Hắn chúng ta còn nhớ hồi Ay-sen-hao ứng cử tổng thống, đã cho viết tên mình lên đùi và vú đầm thuê làm người nộm. Xe cỗ săng giả qua phố Sài Gòn cho tay sai đi theo chửi thuê và khóc mướn, Diệm cũng chỉ dập theo những cung cách quảng cáo du côn Mỹ đó thôi. Tất cả xe đò Sài Gòn đi về Lục tỉnh, Diệm bắt giơ lưng xe ra cho bộ chiến tranh tâm lý dán quảng cáo tên mình vào. Tất cả những cái đó, cốt để đập vào mắt người. Nhưng có một cái mà Mỹ Diệm không cần quảng cáo, nhưng nó rất đập vào mắt người. Đó là tội ác của Mỹ Diệm gây nên. Những cái hòm phiếu của Mỹ Diệm đặt ra trong dịp "trưng cầu" cưỡng bức, chính là những cái hòm tội xếp lên cái núi tội của Diệm.

Đối với hòa bình và thống nhất, đống tội của Diệm chất lên cao quá, nên đứng ở đâu cũng thấy rõ. Đồng bào miền Nam thấy rõ, đồng bào miền Bắc thấy rõ. Và cả nhân dân các nước cũng thấy rõ. Cho nên Diệm "trưng cầu" và mưu tuyển cử giả hiệu đến đâu, là đều gặp sự phản đối. Diệm bày ra nhiều hình thức để thực hiện nhanh chóng những âm mưu chúng, thì sự phản đối của nhân dân cũng càng nhiều càng mạnh. Nhân

dân phản đối. Bọn Mỹ Diệm có thể cứ tiếp tục làm cho bằng được sự mua chuộc lừa bịp và khủng bố mạnh hơn nữa. Nếu không đủ phiếu, nếu đồng bào miền Nam không bỏ cho nó, có thể nó dám bịa ra những tấm phiếu giả. Nhưng cái vấn đề chính ở đây, không phải là Diệm quyết định được hết.

Vấn đề chính vẫn là nhân dân chúng ta, nhất là đồng bào miền Nam. Nó bày ra đủ, nhưng cuối cùng, nhân dân không thừa nhận nó. Thì cung cách hình thức gì đưa ra cũng là vô giá trị. Những mưu mẹo những cạm bẫy của Mỹ Diệm, không thể nào nhiều được bằng ý chí của nhân dân Việt Nam quyết tâm bảo vệ hòa bình và đòi thống nhất. Diệm càng bày trò đến đâu, càng lộ thêm bản chất, trước khi đổ sụp hoàn toàn. Lúc nào mà phát xít độc ác nhất, trâng tráo nhất cũng là cái lúc nó sắp tan rã nhất.

Văn nghệ số 92, (1955)

BÀI 4

Những năm Hà Nội còn bị chiếm đóng, địch tách hẳn ra hai khu vực nội thành và ngoại thành. Với mỗi khu vực, chúng có một chính

sách riêng. Cũng vẫn là tiếp tục cái trò của chúng từ xưa làm cho nhân dân đô thị và nông thôn nghi kỵ nhau, nhà quê và tỉnh cách biệt nhau để chúng dễ nắm mà trị.

Trước đây, người phường phố thủ đô hay tự khen rằng: "Chả đâu sướng bằng ở Hà Nội. Chả phải đi đâu, mà muốn ăn gì chơi gì lúc nào cũng có. Cốm Vòng, húng Láng, gạo Mễ Trì, chim sâm cầm hồ Tây, vịt Linh Đường, cá rô Đầm Sét, dưa Định Công, hoa Ngọc Hà, đào Nhật Tân v.v..."

Nay người ta mới biết rằng tất cả các thứ vưu vật thời trân ấy là do sức làm của người nông dân lao động ngoại thành và cái đồng tiền mình bỏ ra mua sắm, thường thường là không tới được tay họ. Lại còn biết thêm rằng đã có bao nhiêu người bần cố nông giồng hoa làm cho Hà Nội thêm xanh thêm đỏ, nhưng chính cuộc đời họ thì chả bao giờ được dự vào cái chỗ hương sắc ấy. Lại còn là một dịp để thấy rõ thêm nữa về những thành tích của nông dân ngoại thành anh dũng chiến đấu với đế quốc. Sau đêm 19 tháng chạp, thôn xóm ngoại thành đã là những căn cứ để chặn địch không đánh tỏa được ra ngay. Trung đoàn thủ đô làm xong nhiệm vụ ở nội thành và rút đi rồi, thì tất cả anh chị em nông dân ngoại thành phát huy những truyền thống

chiến đấu và xây dựng du kích. Tám năm ròng địch khủng bố tàn khốc, nhưng cơ sở ở ngoại thành vẫn bảo đảm. Cho đến ngày chuẩn bị tiếp quản. Trước khi quốc kỳ mở rộng trên các nẻo phố, thì ở các xã ngoại thành, cờ đỏ đã phất gió từ lâu trên các khóm tre.

Từ ngày thủ đô giải phóng, thật là nội ngoại giao lưu, nông dân lao động thôn xóm vào trong thủ đô thật là đông: đi xem triển lãm ghi ý kiến, đi xem văn công ta, văn công quốc tế, và dự những cuộc du hành hàng vạn vạn người. Mặt khác, bà con phố phường gần đây về quê cũng lắm.

Từ khi ngoại thành tiến hành cải cách ruộng đất, trí thức, văn nghệ, thương gia, tiểu thương, học sinh, công chức Hà Nội liên tiếp đi về các xã. Câu chuyện cửa miệng đầu lưỡi của Hà Nội lúc này là bàn tán luôn luôn về đời sống thôn xã ngoại thành và các tỉnh. Giữa những cái chợ kín mái hoặc lộ thiên, người ta nhìn vào mớ rau, con chim, con cá, bó hoa, thúng quả, thấy nó đượm một ý nghĩa mới. Cái phấn khởi chung của nông thôn ngày nay cũng là cái phấn khởi của thủ đô. Trong việc kiến thiết thủ đô, đây là một trong những cái nét mới phải ghi lại.

Văn nghệ số 93 (23-12-1955)

BÀI 5

Ba vạn nhân dân Hà Nội đủ các nghề nghiệp, thành phần xã hội, tôn giáo, đã họp một cuộc mít tinh rất lớn đả đảo Đa-lét. Cuộc mít tinh chiều 14-3 nổ ra đúng vào giữa lúc tên trùm phát xít gây chiến đến Sài Gòn khen thằng Diệm là "tiến bộ, giỏi tù đầy, giết người, là tiến bộ trong mọi việc khúng bố dư luận và làm được những cái việc đã rồi, như việc tuyển cử riêng rẽ trâng tráo".

Sau khi họp ở Ka-ra-si, Đa-lét rất lo những âm mưu đen tối của hắn ngày càng khó thực hiện, trước sự thức tỉnh của nhiều đại biểu các nước. Đa-lét bèn đến Ấn Độ. Nhân dân Ấn Độ cách đây mấy tháng chào mừng các ông Bun-ga-nin và Cơ-rút-sốp nồng nhiệt bao nhiêu, đã dành những bó hoa đẹp nhất để tặng các đại biểu Liên Xô hòa bình, thì ngày nay đối với Đa-lét chỉ có sự lạnh lẽo khinh khi. Không những lạnh mà còn căng nữa. Trong một cuộc họp với các nhà báo Ấn, Đa-lét phát khùng một cách vô lễ trước những câu hỏi làm cho hắn cứng miệng.

Rời khỏi Tích Lan, con thần trùng cất cánh đen bay sang Nam Dương. Đa-lét vừa đặt chân xuống trường bay Gia-các-ta, thì nhân dân Nam Dương đã hắt ngay vào mặt nó hàng tràng khẩu

hiệu! "Đả đảo khối xâm lược Đông Nam Á!". Thậm chí, người Nam Dương hắt cả truyền đơn đả đảo vào xe hòm kính Đa-lét. Những giờ phút "du lịch" giá của thằng lái súng Đa-lét ở Nam Dương, chính là những lúc báo chí tiến bộ Nam Dương viết những bài nảy lửa đánh nó và kêu gọi nhân dân chống nó. "Phong trào phụ nữ Nam Dương" ra ngay một bản tuyên bố lên án Đa-lét và dứt khoát bảo thẳng vào mặt nó là nhất định không cho nó đụng đến bất cứ công việc gì của nhân dân Nam Dương. Không ai khiến nó cả. Con thần trùng Đa-lét nồng lên mùi thuốc súng lại bay trở lại Băng Cốc, xúi bẩy gạ gẫm Thái Lan. Sớm 14-3, từ Xiêm, quỷ chiến tranh đến sân bay Sài Gòn. Thì Hà Nội chúng ta liền nổ ngay mít tinh : Ba vạn con người giơ cánh tay hô "Đa-lét cút đi" cũng là đập hàng vạn cái tát vào mặt thầy thằng Diệm. Tất cả nhân dân Hà Nội đều mở máy ra-đi-ô để thông cảm với tinh thần và ý chí của cuộc biểu tình. Khắp các thị trấn miền Bắc, nhân dân đến tập trung dưới máy phóng thanh và hưởng ứng với những tiếng hô truyền ra. Vùng giới tuyến, nhân dân Vĩnh Linh cũng theo dõi diễn biến cuộc mít tinh lớn ở Hà Nội, và sau đó hàng ngàn người tuần hành hô đả đảo Đa-lét tới Sài Gòn để kéo miền Nam vào

khối xâm lược Đông Nam Á, phá hoại hòa bình.

Đa-lét đến Sài Gòn khen thằng Ngô Đình Diệm đã thực hiện được phần nào việc phá hiệp nghị Giơ-ne-vơ và đúng vào lúc quốc hội bù nhìn Mỹ, Diệm sắp trâng tráo mở cửa lần đầu. Đa-lét sau đó, lại bay sang Đài Loan, rồi quay về Mani, Úc gì đó.

Nhưng một dấu hiệu đặc biệt nhất của thời đại chúng ta những năm gần đây. Khi nào mà đế quốc Mỹ, cụ thể hơn nữa là Đa-lét, mà chạy nhặng cả lên, bày hội này hội nọ, đổi bán cái này cái nọ, xui khôn xui dại những thằng độc tài tấp tểnh, thì chính là những lúc lực lượng phía hòa bình chúng ta lại càng nổi lên mãnh liệt.

Văn nghệ, số 94 (1955)

BÀI 6

Văn học văn nghệ Mỹ có nhiều người tiến bộ. Nhưng từ khi bọn thống trị Mỹ đi sâu vào độc tài, vi phạm hiến pháp và phát xít hóa chế độ thì một số lớn đều nín tiếng. Một số khác bị mua chuộc. Bộ Tư pháp Mỹ liệt kê ra 261 tổ chức quần chúng và nghiệp đoàn mà chúng gọi là những tổ chức có tính chất khiêu khích trị an,

trong số đó có Ủy ban bảo vệ hòa bình ở Mỹ. "Ủy ban theo dõi những hành động Phi – Mỹ" mở rộng danh sách các tổ chức quần chúng, và con số các hội các đoàn thể nhân dân bị nghi ngờ theo dõi, cho vào sổ đen, lên tới 608. Trong số những nhà văn Mỹ vẫn nêu cao sứ mệnh nhà văn không khuất phục trước uy vũ, người ta thường nhắc đến Hoa-oa Phát (Howar Fast). Hoa-oa Phát là một nhà văn trẻ, đã viết hai mươi nhăm tác phẩm (mười sáu cuốn là truyện dài); những sáng tác của ông đều lấy đề tài ở những thực tế và thực sự nước Mỹ. Ông được giải thưởng Stalin. Cuốn truyện gần đây nhất viết năm 53. Truyện nói về một giáo sư đại học, rất yêu tự do dân chủ hòa bình. Nhà trí thức ấy ký tên hưởng ứng lời kêu gọi chống vũ khí nguyên tử. Tòa án Mỹ đã buộc "tội" ông và kết án ba năm tù.

Kỳ họp đại hội hòa bình thế giới tháng 6-55 tại Hen-sanh-ki, trong số đại biểu nhân dân Mỹ, đã ghi tên Hoa-oa Phát và Pôn Rô-bơ-sơn. Nhưng phát xít Mỹ không cấp giấy thông hành, cấm rời khỏi nước. Hoa-oa Phát đành gửi thư đến đại hội hòa bình thế giới. Xin trích đăng:

"... Ngày nay, một sự thèm mong hòa bình rất sâu sắc đã tràn lan từ đầu này đến đầu kia nước

Mỹ và đi dần vào các tầng lớp trong đời sống ở Mỹ. Những điều trên đây không trở thành được những hình thức tổ chức như các bạn thường thấy ở nước các bạn, cái đó là một chuyện dĩ nhiên, bởi vì ở đây, một chính phủ đã thẳng tay phá hủy tất cả những tổ chức có tính chất tiến bộ, và những hình phạt đều áp dụng rất nặng đối với tất cả những người hoạt động cho sự nghiệp hòa bình. Dù sao, người ta không thể trị tội được cả một dân tộc mang chung một nguyện vọng. Và, dù có thiếu những hình thức tổ chức nó giúp cho những nguyện vọng đó biến thành thực tế cụ thể, sự nhất trí của nhân dân trong nguyện vọng đó sẽ được chú trọng và sẽ có kết quả. Nói tóm lại là bất cứ biểu thị bằng cách nào, nguyện vọng của chúng tôi, nguyện vọng của nhân dân Mỹ là chung sống hòa bình với các nước trên thế giới...".

Ngày nay ở miền Nam, Diệm học đòi phát xít Mỹ, làm phát xít và đàn áp tư tưởng, đàn áp dân chủ hòa bình. Nó cấm đoán, chia cắt, khủng bố trí thức, và không dám trả lời miền Bắc luôn luôn đòi nó đặt quan hệ bình thường giữa hai miền về mọi mặt, nhất là mặt văn hóa văn nghệ.

Văn nghệ số 95 (12-1955)

TÂY BẮC CĂM THÙ*

(Tùy bút)

Tây Bắc người thưa rừng nhiều. Cơ sở của ta gây từ trên đỉnh núi gây xuống, nhiều nơi lúc đầu chỉ là một cái chấm lán nhỏ chót vót trong mây. Từ cơ sở này sang cơ sở khác, chân người đi hai ba ngày. Mở đường mà đi, đi xong là mất đường. Nhìn xuống, đường cái ngoằn ngoèo như sợi chỉ rối, nhiều đoạn như thắt nút lại, lốm đốm sùi lên nhấp nhánh: đó là vị trí nó. Vị trí ở giữa, đồng bào bị bắt ở chung quanh. Nó ở trên, bản tập trung ở dưới. Đồn nó xây theo kiểu đề lao các tỉnh ngày trước, để nhốt những đồng bào thiểu số lầm đường bị ép vào làm ngụy binh trong các "Tiểu đoàn xứ Thái". Còn bản tập trung thì nhốt những người hiền lành già yếu không chạy được lên núi khi nó càn.

Quãng đường đá dài từ Mộc Châu lên Yên Châu, Thuận Châu qua thị xã Sơn La, từng chặng từng quãng, các bản tập trung nằm ép hai bên lối ngựa xe nó đi. Hình thù những bản mới bên đường, cái nào giặc cũng đều cho dập theo một kiểu hung ác. Hàng rào cánh sẻ ba lần tre

---

* Còn có tên là *Tây Bắc sáng lên* In trong *Tùy bút kháng chiến* tập I, Nxb Văn nghệ 1955.

đực nhọn hoắt, cổng lông dím tua tủa lên nhọn. Đồng bào xấu số bị dồn về chồng lên nhau trong những căn nhà chật chội không ánh sáng. Lại riêng ra một cái trại con gái chưa chồng. Gà, vịt, mèo, chó lúc nhúc mổ những bựa cặn vỏ đồ hộp ngổn ngang. Gà, vịt, mèo, chó rãn cả ra. Người trong các nhà tung tóe chạy ra chạy húc vào hàng rào. Ấy là ngày chủ nhật. Cổng dím dương lên, Tây và ngụy trên vị trí ập vào. Đồn trưởng mặc si líp, cổ lòng thòng khẩu côn bạt. . Ngụy, quần cụt, ngực trần khoác tiểu liên, đầu dúm dó cái mũ cao bồi. Trại con gái, giặc tranh cướp nhau xé những ảnh khiêu dâm ở tạp chí Pháp Mỹ để ở các đầu bàn đầu giường. Tiếng mở bạc tiếng chắn, cạ, chửi bới cười gào trâng tráo bên những thân hình xanh gầy lõa lồ. Ngày cũng như đêm, nó muốn đến là nó khắc đến. Một đêm say rượu, Tây đồn mò vào bắt con gái 16 tuổi đi, sớm mai vứt trả lại. Con đã dại cả hai chân. Không bước được. Cụ Vương Lâm phải cõng con về. Nó bảo "quan mượn, giờ quan trả" và phát cho một nắm muối. Cụ Vương Lầm nước mắt ròng ròng, tắm cho con bên suối và thả nắm muối xuống khe nước. Đàng A Sang đen chũi, 16 tuổi, quê ở đỉnh núi Phăng-si-păng bị nó càn đưa vào lính biệt kích. Bị ta bắt, hỏi gì Sang cũng không biết.

Hỏi có biết ám sát và hiếp tróc không, Sang cười rất tội nghiệp: "Ở với nó 7 tháng chỉ được học có thế thôi".

Nó luôn luôn đi ba chui. Hằng tuần nó bắt các bản phải tập hợp hết con gái đẹp lại, chụp ảnh, lúc nào cần thì cứ đưa ảnh cho người lý trưởng Tề vùng núi đi bắt về. Tuần lễ nào cũng đúng kỳ mà nộp rau, nộp thịt, nó bóc lột, từng đồng hào vắn. Một cái chữ ký hai hào bạc trắng. Một con dấu, năm hào trắng. Ảnh tít hai mươi đồng. Thằng quan hai, thằng quan ba kiêm cả quân sự và hành chính, ký, đóng dấu, thông tri cho tạo bản. Thông tri của nó đến đâu, vòng cổ bạc, vòng tay bạc vợi dần hết. Thuế người một tạ một đầu, thuế ruộng ba tạ một mẫu. Quần áo rách dần. Cánh đồng Quang Huy, Nghĩa Lộ, Mường La, rộng là thế, ngày trước vẫn có giồng bông, nay nó không cho giồng. Ở với nó mấy năm, áo quần nhạt phai dần, ải ra, rách đi, rồi ở truồng. Thỉnh thoảng nó cũng gọi lên bán vải cho. Nhưng vải thì ít mà chỉ có xà phòng răng và nước hoa và đèn pin là nhiều. Những vật dụng cần thiết như cái thuổng cái cuốc, liềm hái nó không bán. Muối nó có trữ kho, nhưng thường nó dùng muối để dử, để lừa phỉnh dụ dỗ bắt bí hơn là bán thẳng. Tám người được dùng một con dao cau, thái củ chuối

không đứt hết khoanh. Đi rừng cưa gỗ cho nó làm nhà, nó phát cho một nắm cơm to bằng quả tai chua. Nó sợ phát nắm to, lại bớt được ra mà nhường cho anh cán bộ vẫn nằm rừng bám lấy dân. Nó hay nói xấu nói điêu cho anh cán bộ. Làm hàng rào nhọn quây ba bốn vòng gai thép, nó cũng bảo là để cho cán bộ khỏi bén mảng đến, nó nhốt như thế là nó bảo hộ cho. Ban ngày cổng chỉ hé lên khi nào có mõ. Nó đánh mõ cho ra rừng, nó lại đánh mõ gọi về. Một ngày hai mõ ra, hai mõ về, nhưng có khi mõ nhiều hơn thế; nó định kiểm soát bất chợt xem có ai đi gặp cán bộ không.

Mõ gọi về, thiếu một người, liền bắn ngay một người. Lúa chùm, phát trước cho một hôm và chỉ đủ ăn cho nửa ngày sau. Quanh năm đói. Một tháng ăn gạo mười một tháng ăn củ nâu trộn bột báng. Đào củ mài củ nâu không có thuổng nhưng không đào thì chết đói. Xin nó cái giấy đi đào sắn, đến hai mươi lần nó mới cho giấy. Nó giết trâu bò. Riêng một xã ở Mộc Châu nó bắn 600 con trâu. Nó chỉ cho cày toen hoẻn mấy thửa ruộng quanh đồn quanh trại. Ra vừa đến nơi đã lại mõ về. Ngày ngắn lắm, đêm thì dài lắm. Lặn mặt giời lại không cho có ánh lửa; cần soi gì thì bấm đèn pin. Những ngày có lúa mới khổ hơn là

ngày thường. Không có liềm hái, phải dứt bằng tay. Lúa cũng tập trung như người. Nó phát dần cho như phát chẩn vừa phát vừa chửi "là đem về nấu rồi mang ra rừng cho Việt Minh nhá". Nó lấy mười, trả một. Rồi nó cấm đoán hết cái này đến cái khác, không cho làm cả cối giã nước. Bốn gia đình, nó cho phép làm nhưng giã chung một cối thôi. Giã nhiều cối không canh gác được, bộ đội sẽ vào đánh nó, nó bảo thế. Lúc nào nó cũng sợ dân, sợ cán bộ, sợ du kích, hốt hoảng, ăn bậy, cắn càn. Nó ác như hùm beo. Ở cạnh nó, lúc nào cũng lo chết. Không chết vì phát đạn say rượu, phát đạn nghi ngờ của nó thì cũng chết mòn vì hãm hiếp đói ốm.

Bản Pu Ten huyện Mai Sơn trước 500 người, dồn tập trung nay chỉ còn 50 người.

Bản Đán huyện Mường La cũng 500 người. Dồn tập trung, giờ không còn một người đàn ông nào, một em bé nào. Chỉ còn toàn phụ nữ và thanh nữ chít khăn tang. Và một em 13 tuổi thoát được vì đi với cơ quan từ lúc bé.

Gần Tú Lệ nó tập trung một làng Mèo 200 gia đình. Mới có một năm, chỉ còn có 20 gia đình. Một phần chết vì nóng lạnh bất phục thủy thổ, một phần bị bắn vì tranh đấu trở lên núi cao.

Không kể hết được những cái chết tức khắc và

những cái chết mòn của biết bao nhiêu là bản tập trung trên những con đường đá Tây Bắc. Không kể hết được những cái bản đã mất tích giữa Tây Bắc bao la màu xanh. Nhất là trong khu vực Thác Xay, Mường Lam. Giặc dồn người đưa đi, bản cũ thành rừng, lối đi cũng thành rừng. Bản đồ tham mưu có tên, chiếu địa bàn đi đúng, anh cán bộ quân sự vẫn không thấy bản, không thấy người, không thấy đường. Nó đã dồn tất cả con người ta ra mé đường to. Nhà cửa cây có trùm lên bản mất vết cũ. Người làng chết dần, chết hết ở chân đồn. Tên bản không ai nhắc nữa.

Bản X... gần thị xã Sơn La là một bản đông người, từ xưa đã có tinh thần. Cơ sở Đảng, cơ sở chính quyền, cơ sở nhân dân đều vững. Anh cán bộ vẫn ra vào đều, lãnh đạo chống phu, chống chụp ảnh thẻ, chống nộp gái. Bản ở xa đường cái. Nó nhất định quây càn, đốt bản, dồn dân cho bằng được. Đồng bào hỏi cán bộ có nên ra không, cán bộ bàn là chỉ nên ra một số, còn tất cả thì chạy rừng. Hai bộ phận tập trung và chạy rừng vẫn liên lạc được với nhau. Tình hình căng nhất từ 49. Nó vừa khủng bố vừa lôi kéo. Sau, cả bản ra. Nhân dân thình thoảng đi nương, trốn vài buổi tiếp tế bí mật và cho tin cho cán bộ.

Trước khi phải quay về bản tập trung, gặp bộ phận du kích đặt kế hoạch đánh nó trên đường cái, đồng bào bảo "chúng tao còn sống, còn nuôi được chúng mày".

Kiểm soát miền núi, Pháp bất lực nhất khi muốn lôi kéo nhân dân Mèo. Càng càn, người Mèo càng đi lên cao. Muối đối với đồng bào là qúy, muối là bạc trắng vàng trắng, nhiều khi không dám ăn, chỉ lúc nào ốm đau mới hòa ra uống thay thuốc. Vậy mà Pháp đưa muối ra dụ dỗ đồng bào Mèo đã không thèm lấy muối của Pháp, nhất định bỏ lên núi. Anh cán bộ theo lên, người Mèo bắt anh cán bộ cùng uống máu thề không phản lại. Ở đây chân đèo không bao giờ có tia nắng, nhưng anh cán bộ ở trong lán Mèo sớm nào cũng trông thấy mặt giời mọc dưới chân đèo. Anh tăng gia với người Mèo, cái nương cách cái lán năm bảy cây số là thường. Nhiều khi không đốt lửa làm nương, đề phòng nó theo làn khói mà tìm đến. Lâu lâu, anh cán bộ lại phải trông lán để đồng bào lách qua vị trí nó ra mua muối của Chính phủ. Mỗi lần đi muối ra vùng tự do là mất hàng tháng.

Bộ đội ta vào Tây Bắc nhổ hết đồn trại giặc, dọn quang hết tiểu khu này đến phân khu khác, băng núi băng đèo, dồn nó từ tả ngạn sang hữu

ngạn sông Đà, tiếng súng cái không ngày nào ngớt dội vào núi cao rừng sâu, lửa cháy hằng tháng không tắt, nhóm từ Nghĩa Lộ, ngọn lửa giải phóng cháy sang thị xã Sơn La, Điện Biên Phủ. Trên núi cao, người Mèo nhất định xuống hết núi để gặp anh bộ đội. Hôm bộ đội giải phóng bản Mo, đàn ông đàn bà già trẻ rủ nhau xuống núi hết, chỉ để lại một người trông nom bản. Có những người từ bé chưa xuống núi lần nào, bây giờ cũng xuống để xem mặt thằng Pháp thua trận. Tất cả đều đeo gù trên lưng đeo bị bên vai, mang gạo, mang rau bí, bột báng, xuống tiếp tế và thăm anh bộ đội. Đoàn ngựa lẫn bò đi theo đoàn người, chuyển những quả bí già phấn trắng mốc. Người Mèo bắt tay suốt từ anh chỉ huy cho đến đội viên có mặt bên suối, nắn tay nắn đùi, với ai cũng chỉ nói một câu : "Tao mang gạo xuống cho chúng mày đánh Tây đây!". Họ đưa gạo đưa bí, bộ đội đưa mắt cho nhau không dám nhận, không nỡ từ chối. Người Mèo giận: "Cho nó, nó lại không lấy. Thế là thế nào?" Họ bảo nhau cứ đổ cả ra đây. Đấy bỗng chốc trở nên kho thực phẩm.

Có nhiều đoàn người Mèo xuống núi như thế. Xung phong đi dân công. Lúc xuống chỉ mang có hai thứ: gạo cho bộ đội và thuốc phiện để ăn

đường. Xuống đến Tạ Khóa thì bộ đội vừa rời đi Cò Nối đuổi giặc. Cán bộ bảo là nếu "để gạo ở Tạ Khóa thì nó cũng cứ đói thôi". Họ bảo "nhưng mà hết mất thuốc phiện rồi". Sau cùng đoàn dân công Mèo san sẻ thuốc phiện cho nhau, người nhiều bấu sẻ cho người ít, đoàn kết với nhau đi tiếp xuống Cò Nối. Bộ đội phải đi hai đêm, đoạn đường nhiều dốc họ chỉ đi có một đêm. Đến, bộ đội vừa chuyển đi rồi, họ bảo "Thôi hết cả thuốc phiện rồi, phải đổ vào kho rồi đi về chứ". Nghĩ ngợi thêm, đoàn dân công Mèo lại thấy là như thế là "bộ đội nó vẫn cứ đói". Tất cả lại hè nhau đi luôn. Sáng mất rồi, gần mặt trận rồi. Cán bộ ra nhận gạo, nói là để ở đây, bộ đội sẽ có người về lấy chuyển ra tiền tuyến sau. Họ nhất định chuyển thẳng ra mặt trận: "Nó đang đánh nhau lại bắt nó về lấy gạo ở đây à?". Giao gạo xong, được xem súng cao xạ, đoàn dân công Mèo thỏa mãn, nằng nặc đòi về ngay. Họ nán chờ đến tối vì "Đi ban ngày, cụ Hồ không bằng lòng". Đêm hôm ấy trở về bản, lần đầu tiên một đoàn người Mèo không nuốt thuốc phiện mà vẫn băng băng dai sức.

Đồng bào Mèo xuống núi tìm bộ đội. Bộ đội lên núi tìm đồng bào. Đồng bào nhiều người chỉ có áo không có quần. Bộ đội biếu cụ già bộ quần

áo, cụ già Mèo mừng mừng tủi tủi, kể lể bản cụ bị tập trung, bản mất mất tên rồi. Lúc giải thích là bây giờ, đồng bào ở đâu thì về đấy làm ăn cày cấy, cụ về nhà cụ ở, cụ không phải nộp con gái nữa, ông cụ cuống quýt vui sướng rồi chợt nhớ ra và nói là cụ có hai con gái đang ở trong buồng cấm, để cho nó ra chào. Nhưng mà không có quần áo. Ông cụ nhận hai bộ quần áo vào. Ba cha con ra, cùng khóc. Cụ nói để bộ đội cụ Hồ biết là còn giặc Tây thì không nên người. Quanh nhà, rừng xôn xao tiếng truy kích và thu vét tàn quân địch.

Bộ đội giải phóng từng mảng lớn Tây Bắc. Tàu bay nó lên lại thi nhau bắn phá vào những bản tập trung mà bộ đội vừa giải phóng. Trên đường từ Mộc Châu đi Yên Châu Thuận Châu qua thị xã Sơn La, nhà cửa lại một phen thiêu cháy. Bên đường đá, lửa lại ngút hàng cây số liền liền, cột nhà cháy đen dựng bên đường thê thảm kéo dài như cột dây thép đứt giây của nó. Tội ác nó lúc rút chạy, một lần nữa lại chồng lên những tội ác chiếm đóng trước.

Trong số quan tư quan ba quan hai hàng xốc ra hàng. Tên quan ba Sa-vanh đồn trưởng đã nói: "Các ông hỏi tôi về những việc đốt phá, tra tấn, hãm hiếp, tôi không chối. Thực ra cuộc đời của

chúng tôi ở đây buồn tẻ lắm, phải làm như thế cho quên ngày tháng"

Nhưng mà đây không phải chỉ là vấn đề của một tên quan ba riêng lẻ. Nó là cả một cái tổ chức tội ác của thực dân không phải chỉ giết người cướp của đốt làng mà thôi. Tội ác của nó còn cụ thể ở những tập tranh ảnh báo chí làm sai lệch sự thực của Tây Bắc mà nó vẫn nhắc luôn luôn với nhau trong sách là "cái thung lũng của xứ Ái Tình". Nó vẽ hình đồng bào Thái Trắng bên cạnh đồng bào Thái đen, nó chua dưới ảnh: "Hai giống người này có một mối thù truyền kiếp. Coi chừng, không nên can thiệp vào sẽ bị họ báo thù ghê gớm". Nó lại thường dùng mọi thủ đoạn chia rẽ đồng bào Thái Lai Châu và Thái Sơn La. Sau chiến thắng Thu đông 52, lửa cháy đồn đã soi rõ mặt thằng thù địch của nhân dân Tây Bắc.

Lai Châu, Sơn La núi vẫn chấm sương mù, nhưng không âm u nữa. Bộ đội giải phóng Tây Bắc, đem ánh sáng vào. Đồng bào thấy hình ảnh Hồ Chí tịch. Nhân dân càng nhìn rõ anh bộ đội của mình, nhất là các anh cán bộ đồng cam cộng khổ mấy năm ròng với cơ sở Tây Bắc.

SỔ TAY VĂN NGHỆ

BÀI 1

Trong những số báo *Ngôn luận* (Sài Gòn) cuối tháng chạp 1955, tập phóng sự *Nạn cao bồi, ung thư của thời đại* của Nguyễn Trường Xuân dựng lên cả một cái xã hội lưu manh ghê tởm của một bọn du côn còn ít tuổi dập theo lối sống Mỹ. Bọn này lấy sở bách thú Sài Gòn làm hành dinh để tập cướp của và tập thủ tiêu người, có đài tuyển lựa *bạc cắc* là nơi họp mặt ngày chủ nhật. Cũng có phe có nhóm, như là phe Đô-mi-ních. Chúng mặc áo *chim cò*, sơ mi màu *rằn ri* kẻ ô, quần *ống túm ống tém*, đầu *tốp*. Cũng chia ra nhiều loại: cao bồi *lô canh*, cao bồi *ny lông*, cao bồi *ca sĩ tương lai*.

Tìm hiểu cao bồi đó, tác giả nêu vấn đề ảnh hưởng của nền tân nhạc Sài Gòn và của những phim cao bồi Mỹ bắn súng, cưỡi ngựa và *chăn bò*. Rồi tới ảnh hưởng của những rạp chớp bóng *con lợn*: trưa, tân nhạc; chiều, *lắc két;* tối : *nhạc kẹt;* khuya, phim *giật gân*... và những mối tình *ba cắc* và những chủ rạp *ba gai*.

Tác giả còn nói: "Cao bồi là con đẻ của chế độ

thực dân". Ngòi bút ấy sống dưới quyền sinh sát của Ngô Đình Diệm đã phải dánh chệch cái nguyên nhân đi, đổ cho thực dân tức là ám chỉ Pháp để cho nó hợp với cái khẩu hiệu "chống thực" của Mỹ Diệm hất cẳng Pháp. Chính ra phải nói là nạn cao bồi Sài Gòn là con đẻ của chế độ Mỹ, mới gọi là bệnh cho đúng cái tên. Mỹ xâm nhập miền Nam đã đóng bẹt một con dấu cao bồi lên tất cả hoạt động chính trị, xã hội và văn hóa ở miền Nam. Thực chất của cao bồi Mỹ là sống ngổ ngáo, làm điều ngỗ nghịch, thể hiện thú tính triệt để, lộng hiểm, du côn, tình dâm, tiền và đổ máu. Một số thanh niên miền Nam bị sa đọa nhân cách bởi chế độ Mỹ Diệm đã biến thành tặc nhi. Bị cả nước chửi, Ngô Đình Diệm nay mị dân, làm ra vẻ bài trừ cái này cái nọ, cho quét bọn tặc nhi cao bồi và buộc các báo đề cao. Trong khi đó thì bọn to đầu trong bộ máy Diệm vẫn đường hoàng làm chuyện cao bồi. Thực ra, Ngô Đình Diệm là một cao bồi do Mỹ tạo ra, để làm những việc trắng trợn, bạo ngược, rất ăn cướp lớn kiểu găng tơ, không sợ Giời và bất chấp cả mọi người, nghĩa là rất phát xít. Những việc phá trụ sở Ủy ban quốc tế, những vụ khủng bố những người yêu hòa bình dưới danh từ "tố cộng" những việc phát truyện và sách "giải trí tố Cộng"

cho các trẻ em các trường công tư phải đọc, những việc kiểm duyệt ánh đèn sân khấu, những việc kiểm duyệt báo và cưỡng ép người làm báo phải làm luôn nghề chỉ điếm nữa, hăm dọa bằng súng và mua chuộc nghệ thuật bằng tiền, đó không là tư tưởng và hành động cao bồi thì là gì? Cái việc ăn cướp ghê nhất của cao bồi Ngô Đình Diệm là việc trưng cầu dân ý rất quỷ quyệt và độc đoán vừa qua. Và thằng cao bồi đầu sỏ này thì Mỹ tuyên bố: Sẽ dựa hắn vào. Đấy cũng là một cái khó khăn lớn cho một số ngòi bút lương thiện ở Sài Gòn mỗi khi muốn diễn tả cho đầy đủ về cao bồi trên tờ báo hoặc cuốn sách.

Văn nghệ số 102 (1956)

BÀI 2

Tại Huế, theo lệnh Ngô Đình Diệm, trong ba ngày liền 27, 28, 29/12/55, một số ký giả và một số những người làm văn nghệ đã họp nhau lại. Theo lời báo *Ngôn luận* (Sài Gòn) thì cuộc họp này "đã đạt được kết quả rất khả quan" vì đã tìm được ba khẩu hiệu "Dân tộc – Dân chủ – Tiến bộ".

Không cần nói, cũng thừa biết rằng khẩu hiệu cuộc họp đây là do Mỹ Diệm đưa ra. Chế độ Mỹ Diệm đang đẩy mạnh bắt lính mua súng, nay kế hoạch hóa việc nắm chắc lấy tất cả những người làm sách, làm báo, làm sân khấu và màn ảnh. Một mặt đã phát triển về võ để huyênh hoang "Bắc tiến", thống Diệm nay lại muốn phát cả về văn, lấy tiền bạc và dọa nạt để dấm sẵn lấy một số người viết văn bia và văn tế sẵn cho nó.

Âm mưu Mỹ Diệm định dùng văn nghệ ở miền Nam là như thế. Nhưng những người làm văn nghệ ở miền Nam có bị Mỹ Diệm lừa không, đấy lại là một vấn đề khác.

Những người làm văn nghệ ở miền Nam có mặt hoặc vắng mặt tại cuộc họp ở Huế vừa rồi, với những thông minh và tự đại thường có, những người ấy không thể nói rằng không nhìn thấy những chủ trương và kế hoạch chia cắt đất nước của Diệm. Vậy có khi nó đưa ra cái khẩu hiệu "Dân tộc" cho cuộc họp cần phải hỏi nó xác định cho rõ : dân tộc có nghĩa là chia cắt Nam Bắc vĩnh viễn, hay là thống nhất bằng phương pháp hòa bình?

Điểm thứ hai, về khẩu hiệu "Dân chủ", cần hỏi lại nó xem những việc đàn áp dư luận báo chí, bắt bớ tù đầy, chém giết trong những đợt "tố

cộng", những người yêu hòa bình, và ra lệnh cho báo và văn nghệ miền Nam phải ca tụng rầm rộ những cái đó, thì có là dân chủ không?

Còn về khẩu hiệu "tiến bộ" thì vừa rồi, Mỹ Diệm đỡ đầu cho một số người viết bài với tính chất chỉ điểm để xuyên tạc những bài như bài thơ ca tụng *Khoa học* đăng ở báo *Cải tạo* (Sổ tay văn nghệ đã bàn luận) thì việc ấy có là tiến bộ không? Sợ khoa học, cấm bàn về khoa học, có là tiến bộ không? Và từ nay Mỹ Diệm còn ra lệnh cho những người cầm bút phải "tiến bộ" cụ thể như thế nào nữa?

Đây cũng là gợi ý ra thế thôi, chứ kể ra thì còn nhiều việc làm của Mỹ Diệm ở miền Nam đã xúc phạm rất nhiều tới nhân phẩm và tự do làm ăn suy nghĩ của người văn nghệ chân chính bị sống dưới ách Mỹ Diệm. Đại khái như cái việc đêm 19-12-1955, nó cho tay sai liệng quả nổ vào giữa một cái sân khấu Sài Gòn làm thiệt mạng diễn viên Ba Cường, tiện mất chân kịch sĩ Duy Lân và chết một ký giả nhiếp ảnh. Mỹ Diệm nó cứ nói một đàng làm một đàng như thế đó. Cho nên mặc dầu khó đấy, nhưng tất cả những người họp ở Huế vừa rồi cứ nên hỏi lại Diệm cho cụ thể thêm về ba khẩu hiệu nó cho treo. Cứ xoáy vào cái việc tháo chốt lựu đạn (ném mà lại giấu

tay) làm đổ máu giữa nơi làm nghệ thuật để 32 người vừa chết vừa bị thương, hỏi lại nó xem cái cách kiểm duyệt tuồng hát ấy có phải là cái "đường lối dân chủ" định nêu cho cuộc họp ở Huế không? Và khi người ta sợ diễn tuồng và biểu diễn múa hát vì hòa bình nói về thống nhất đất nước thì có tiến bộ không? Và có phải là Diệm định buộc mọi người họp ở Huế phải "tiến bộ" như thế không?

Văn nghệ số 105 (1956)

BÀI 3

Mỹ Diệm thường khoác lác om sòm trong chương trình hành động của "phong trào cách mạng quốc gia", là "đảm bảo tự do dân chủ cho nhân dân". Nay đem một số việc làm gần đây nhất của chính quyền Mỹ Diệm, để thấy cái tự do ấy ở miền Nam là như thế nào. Lấy ngay hai đạo dụ chúng đã ký và đang thi hành : Dụ số 6 thiết lập các trại tập trung, và dụ số 13 đối với tự do báo chí.

Dụ số 6, tức là tiếp tục những cái chúng đã làm và chúng thường gọi là "chiến dịch tố Cộng",

nghĩa là nâng cái mức khủng bố đàn áp những người tha thiết với hòa bình đất nước, thống nhất tổ quốc, lên tới một mức tàn bạo ác liệt và trắng trợn hơn nữa. Từ khi Diệm nắm một chức rồi lên dần tới nắm một lúc 6 cái chức, nhà tù, trại giam mọc lên rất nhiều trên cái chế độ thối nát của nó. Tính đến cuối 12-55, Mỹ Diệm đã giam hại 31.176 người. Theo một tờ báo tư sản Pháp, thì đạo dụ số 6 "hợp pháp hóa những hành động mà Diệm vẫn thường làm". Không những thế, dụ số 6 này còn là đẩy sâu tội ác Mỹ Diệm đi vào một con đường có kế hoạch cụ thể.

Trong khi ra dụ số 6 để công khai phủ nhận mọi quyền tự do dân chủ và những tự do tối thiểu khác của mọi cá nhân, thì Diệm lại tuyên bố bỏ kiểm duyệt bằng cách khủng bố báo chí miền Nam. Mỹ Diệm còn cho rằng báo chí miền Nam chưa nhận thức ra cái tính chất kiểm duyệt táo tợn và cao độ trong cái dụ xây trại tập trung và đề lao, nên ngày 20-2 vừa rồi, nó lại ký thêm một dụ số 13 nữa, trực diện đánh thẳng vào ngôn luận miền Nam, và như là thách thức xem dưới chế độ nó còn những cây bút này dám nói thật viết thật? nếu dụ số 6 nhằm xây dựng căng trại tù, thì dụ số 13 có tính chất bổ khuyết cho dụ trước. Dụ số 13 dồn người đến cho những

căng do dụ số 6 lập ra.

Điều 4 của dụ 13 nói trắng ra là sẽ phạt rất nặng cả người viết báo, cả người không liên can gì đến việc ra bài báo chống nó. Những bài báo nào phản ảnh đúng sự thật, người viết và người không viết đều bị phạt nặng tới 60 tháng về mặt tù, và 1 triệu đồng miền Nam về mặt tiền. Còn như ai mà nói về thân thế và mưu mô thằng Diệm thì một năm tù và 25 vạn đồng miền Nam. Dụ 13, đúng là một thủ đoạn để uy hiếp tinh thần và đe dọa thẳng vào đời sống những người ra tranh cử không thuộc cánh thằng Diệm trong cuộc tuyển cử riêng rẽ ở miền Nam. Dụ 13 còn là một cuộc bố trí lực lượng phát xít để càn quét vào làng báo miền Nam.

Hòng làm tê liệt mọi tư tưởng và hoạt động chống nó, nghĩa là tán thành thống nhất bằng tổng tuyển cử. Mỹ Diệm hết ra dụ số thứ 6, lại ra dụ số thứ 13. Dụ càng nhiều càng nói lên cái mức độ khiếp sợ của nó trước sự đấu tranh kiên quyết của nhân dân miền Nam.

Văn nghệ số 111 (1956)

BÀI 4

Hítle thì chết rồi. Nhưng ngày nay, ở miền Nam, sự đàn áp, tù đày, chém giết của Ngô Đình Diệm, đang gợi lại những cái gì là kinh tởm nhất của chế độ phát xít. Càng ngày càng thấy rõ cái chế độ của Mỹ – Diệm đặt lên nửa phần đất nước Việt Nam là một chế độ nhà lao.

Theo báo chí miền Nam tính từ ngày thằng Diệm nắm quyền cho tới 10-55, số người bị nó giam hãm lên tới 6 vạn. Ngoài những việc đi phỉnh phờ lừa bịp chỗ này chỗ nọ, để thường xuyên bóp méo mọi sự thật trong cuộc sống, phải lo tổ chức các trại giam nhà tù là một công việc chính của bọn Diệm. Cách đây mấy tháng, tại Sài Gòn, nhà lao Chí Hòa giam giữ gần 4.000 người; ngoài Côn Đảo 1.500 người; nhà lao thị xã Hội An, 560 người; nhà lao thị xã Quảng Trị, 1.200 người. Cái chùa con Trường Giác ở chân đèo tỉnh Phú Yên, chúng dùng làm trại giam, giam hàng trăm người. Nhà thờ công giáo Mang Lang cũng biến thành chỗ giam 300 người. Gần đây bọn Mỹ Diệm đang đẩy mạnh việc củng cố các nhà giam sẵn có và mở rộng hệ thống nhà tù trại giam trên một quy mô lớn. Nhà giam không xây kịp, thì chúng lấy luôn nhà thờ, thánh đường

và các đình chùa. Một mặt khác chúng đào hầm, giam người xuống lòng đất. Hầm chìm làm không kịp, thì chúng làm hầm lộ thiên; mưa nắng ngoài trời làm những người trong hầm chóng liệt bại và chết dần; thì đó cũng là trúng vào kế hoạch của chúng. Như huyện Hòa Vang (Quảng Nam) có một cái hầm sâu 7 thước, rộng 4 thước rưỡi mỗi chiều, mà chúng nhốt trên 60 người. Cảnh sống ở đây không còn một chút gì gợi lại cuộc sống con người.

Hầm giam người ở căng Thủ Đức (Gia Định) nước thấm vào, người đứng trên đàn dòi và phân người, dòi cắn thủng bàn chân người bị giam. Hầm lộ thiên ở Châu Đốc, chật đến nỗi hằng trăm người kháng chiến cũ bị nhốt ở đây, phải qùy gối cả ngày lẫn đêm và xếp chồng lên nhau.

Nói về các nhà lao, thì riêng ở lao Vũng Tàu tỉnh Bà Rịa. 1.770 chị bị giam ở đây bị chúng cưỡng hiếp gần hết. Ở lao Phú Nhuận, chúng còn bắt người bị giam tự túc lấy về ăn uống (?). Tại các nhà lao tỉnh Quảng Nam, giữa tháng lạnh nhất, người bị giam đông quá, hơi như lò lửa, ban đêm hơi thở bốc lên gặp mái tôn lạnh biến thành giọt rơi xuống ướt sũng quần áo. Những việc nhục hình tra tấn trong và chung quanh các trại giam và nhà lao, cùng là thủ tiêu người, nói

lên không hết được. Gần đây, trước phong trào đấu tranh của nhân dân miền Nam tấn công vào chúng ngày càng mạnh, Mỹ – Diệm chống đỡ bằng các đạo dụ lập trại này căng nọ. Và chúng đang phát triển đề lao theo hệ thống hành chính. Trại giam, nhà lao bố trí theo cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã. Ngay ở thôn, cũng có trại giam của thôn...

Tội ác của Mỹ – Diệm đang gây ra ở miền Nam, gợi nhắc lại những tội ác của Hít-le trên các căng ở khắp Âu châu. Đồng bào miền Nam, ngay cả những người bị chúng giam giữ, vẫn đấu tranh mạnh. Đồng bào miền Nam đang nắm được cái quy luật phát triển của bọn đại gian đại ác Mỹ – Diệm: Nó càng khủng bố, nhân dân càng sát cánh: lúc nó thẳng tay nhất, bạo nghịch nhất, chính là lúc nó sắp tàn cục. Ở miền Nam đang thật là đen tối. Nhưng những lúc gần về sáng, bao giờ cũng có một lúc bóng đêm bỗng sầm hẳn lại. Đây là cái nhận thức rất sâu sắc của những đồng chí đã nhiều lần chiến thắng địch trong thời kỳ chúng chiếm đóng ác liệt.

Văn nghệ số 112 (1956)

NHỮNG HÀNG TRE TRÊN TỔ QUỐC XANH TƯƠI

(Tùy bút)

Bạn Nguyễn Tuân đã tham gia vào việc xây dựng phim "Cây tre Việt Nam" nói cảm tình của mình xem phim khi đã thực hiện.

Cây to đường phố Hà Nội ào ào thay lá. Như một cái ổ-doa khổng lồ, mưa phùn mùa xuân miền Bắc tưới nhẹ trên những chồi lộc. Hồ Kiếm là một lá phổi của thủ đô, đang đập mạnh cái hơi thở xây dựng từ khắp nơi thổi về. Trong một rạp chớp bóng, gần một tiếng đồng hồ, tôi lắng nghe một bài thơ Ba Lan gửi tặng Việt Nam.

Phim *Cây tre Việt Nam* là một bài thơ nhiều hình ảnh, nhiều sắc màu, nhiều nhạc điệu. Nó gọn gàng, thanh thoát và súc tích. Cây tre trong phim là một cái cớ để nghệ sĩ lồng vào đấy những cảm xúc rất tinh tế, và biểu hiện lên những tình cảm rộng lớn. Cây tre của phim *Cây tre Việt Nam* không có nghĩa là một gốc cây nào của một họa phẩm tĩnh vật nào; nó chính là cái tâm hồn vô cùng dồi dào của con người Việt Nam. Nhân vật chính trong phim là cây tre. Bóng nhân vật ấy trùm lên đất nước, và hất

chiếu lên cái hình ảnh lung linh muôn vẻ của Tổ quốc chúng ta. Qua bóng tre râm mát, ấm cúng, qua những chuyển động của tre đã trở nên những cánh tay dẻo dai của con người Việt Nam cần cù làm ăn và cương quyết giữ nước giữ làng, ta nghe thấy cái tiếng nói, tiếng khóc, tiếng hát, tiếng cười của cả một dân tộc. Phải nói ngay rằng cái ống ảnh đây không phải là một ống ảnh khách quan, thản nhiên, háo kỹ đối với một thứ cảnh vật xa và lạ mắt. Thật là một cái ống ảnh có tâm hồn. Cái tâm hồn của những con người đã thông cảm sâu sắc với cuộc đời Việt Nam vừa thoát lên từ bùn, từ máu, từ lửa. Cái tâm hồn của những con người Ba Lan đã từng đưa tàu bể đến bờ biển Việt Nam giúp chúng ta tập kết ra Bắc và, ngày nay hơn bao giờ hết, luôn luôn lên tiếng vì hòa bình chúng ta.

Tôn trọng cái nhịp điệu cuộc sống chúng ta, tôi biết rằng Phô-be có nhiều lúc đã đi giật lùi để thu cảnh vào phim, mồ hôi ròng ròng dưới nắng hè Việt Nam. Trung thực với âm sắc tiếng động trong cuộc sống chúng ta, lúc dựng phim tại xưởng Vác-xô-vi, các đồng chí đã bố trí những bể nước chảy, để tiếng nước vỗ động đúng với cái âm thanh tát nước gàu sòng gầu giai bờ ruộng chúng ta. Những rung cảm của Lê-man-ca và

Phô-be tràn đầy yêu thương gắn bó, mỗi miếng ảnh động là một sự tinh tế có nhiều suy nghĩ nhuần nhụy. Nhiều mảng phim kể lại gian khổ trong chiến đấu, màu sắc mờ nhòe dần. Không phải vì khói lửa chiến dịch cũ. Cũng không phải vì Phô-be thu hình đuối tay. Những lúc ấy, là lúc tôi rơm rớm nước mắt, chỉ còn đôi tai nghe dội về cái tiếng *Hò kéo pháo* đang nâng đỡ những dòng dân công, thương binh, bộ đội loáng loáng như thác chảy... Những tiếng trống chèo rung lên cái nhịp tình cá nước, ở những cái bến cũ nghìn ngịt bóng dân quân du kích chở đơn vị sang ngang... Những tiếng đàn thập lục lanh lảnh giỏ giọt liên tiếp vào từng bước, vào những bước đi, vào những cái bóng nắng đậm nét trên các nẻo đường đất nước. Ống ảnh bạn cứ quyện lấy tất cả sinh hoạt nhân dân. Tiếng ru em ngân dài như cái tiếng muôn đời của trẻ đưa võng ngoài đầu xóm. Cái đòn gánh cong cong trên đường trường, trên lối chợ làng, nhịp với nét uốn khúc mềm mại của dân ca Việt Nam... Nắng lại sáng lòa lên những bãi chợ làng tấp nập những khuôn mặt, những bóng dáng cần cù, và ngồn ngộn những thời trân, phẩm quả của đất nước độ lượng... Âm tre trầm trầm rung bay lên thành điệu múa chiến thắng. Tiếng sáo trúc khải

hoàn... Đất nước hòa bình, cánh diều sáo bay trên những mầm măng non... Những cái cười thả diều, những cái cười đánh đu bay ngày hội cải cách ruộng đất thắng lợi... Trời, nước, mây núi, ngọn cỏ, mặt đồng, mặt người, chưa bao giờ tôi lại thấy Tổ quốc chúng ta hồng hào, lộng lẫy đến thế. Non song... như gấm, như hoa. Tôi cảm thấy Tổ quốc là một họa sư vĩ đại pha màu điêu luyện, và khi mà chúng ta biết qúy yêu nhà họa sĩ vô cùng lớn lao ấy, thì nhất định sẽ thấy được tất cả cái đẹp nằm trong cái kho muôn màu qúy giá kia. Bóng tre sát vào bóng người Việt Nam, loang loáng trên màn ảnh, theo cái nhịp điệu hiền dịu chắc chắn của cuộc sống. Trong thanh sắc của ánh động tôi thấy đất nước Việt Nam đang nổi gió.

*

Năm ngoái, Lê-man-ca và Phô-be sang đây quay phim không ở được lâu, băn khoăn vì không đúng vào mùa cò trắng, không quay được cò trắng vỗ cánh trên các đồng lúa rặng tre miền Bắc. Năm nay, trên tất cả những mảnh đất lành miền Bắc, cò trắng bay, cò trắng đậu rất nhiều. Đứng trên ven đê cỏ mà nhìn xuống, cũng dễ lầm với tất cả những thẻ vôi cắm xuống ruộng

chia của những đợt cải cách ruộng đất cuối cùng. Dưới bóng tre xanh, trên khắp các mặt đồng ruộng sản xuất theo nhịp điệu kế hoạch nhà nước, mùa này, gió vang vọng đi mỗi ngày hàng muôn ngàn lời yêu thương, muôn ngàn câu tình ái.

Nói lên những cảm nghĩ này, đồng thời tôi cũng muốn nhắc đến một điều mà chị Lê-man-ca và anh Phô-be cũng biết rồi : phim *Cây tre Việt Nam* của chúng ta thiếu cái hình ảnh những cây tầm vông anh dũng của Nam Bộ. Ở Nam Bộ, ngày nay, hàng tre vẫn chen khít những hàng dừa, soi mình xuống những dòng sông rạch chi chít trên đất nước miền Nam. Nhưng tiếng hát trong bóng tre miền Nam đang nhói lên, đang dội lại những tiếng dao chặt tre như hồi chiếm đóng. Các bạn Ba Lan trong các tổ của Ủy ban Quốc tế hoạt động sâu ở dưới vĩ tuyến 17 có thể kể cho chúng ta nghe rất nhiều. Nhưng mà, miền Bắc và miền Nam rồi đây quan hệ sẽ bình thường, và ngày ấy, tôi tin rằng các bạn Lê-man-ca và Phô-be sẽ còn đạo diễn và thực hiện những đoạn phim tiếp theo, về cây tre bầu bạn của chúng ta.

*

Tôi biết rằng lúc tôi xem phim *Cây tre Việt Nam* ở Hà Nội, thì phim ấy cũng bắt đầu chiếu ở thủ đô nước Ba Lan anh em. Nhân dân Ba Lan, nhân dân Vác-xô-vi đã nghe những khúc hát Việt Nam, đã xem điệu sạp Việt Nam của đoàn văn công nhân dân Việt Nam tại sân vận động đại hội liên hoan thanh niên và sinh viên thế giới lần thứ V tại Vác-xô-vi, lại càng cảm thông hơn nữa với cuộc sống Việt Nam. Qua không gian vòi vọi, bạn Lê-man-ca và Phô-be ơi! điện ảnh Ba Lan đã bắc thêm một cái cầu tình cảm vững vàng xinh đẹp giữa Hà Nội và Vác-xô-vi của thế hệ Ba Lan yêu đời, kiên quyết chống lại mọi tái diễn chiến tranh.

Thêm nữa, giữa Vác-xô-vi ngày nay thiết bị hiện đại nhất của các bạn, đang có một cuộc trưng bày các đồ vật bằng cây tre Việt Nam. Các bạn săn sóc thật là chu đáo đối với Việt Nam rất xa nhưng cũng rất gần. Và họa sĩ Cốp-đây đã vẽ một tấm tranh áp phích cổ động cho phim *Cây tre Việt Nam*. Cốp-đây là một người bạn Ba Lan cũ, đã từng tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ, đã từng chia xẻ với chúng ta những gian khổ ở rừng Việt Bắc, Tây Bắc, và vẽ rất nhiều về chúng ta. Cái áp phích của Cốp-đây vẽ đôi em bé Việt Nam hiền hiện giữa những dóng tre vàng

và lá tre xanh, cái áp phích của Cốp-đây có một cái sức hút người xem rất êm nhưng mạnh. Nó chứa chan tình yêu, và sinh động như những hình ảnh sinh động nhất của Lê-man-ca và Phô-be đã thu vào phim màu.

Phim Ba Lan *Cây tre Việt Nam* là một bài thơ. Nó là một bài thơ đẹp nói về một tổ quốc vinh quang. Những bạn Ba Lan xây dựng phim thật là những người bạn tri âm của nhân dân Việt Nam. Thông cảm với nhạc luật của cuộc sống Việt Nam, các bạn Ba Lan đã ngâm, đã họa lên một bài thơ mà tất cả người Việt Nam vốn mang sẵn nhịp điệu trong lòng. Thêm được cách điệu ngâm họa của Lê-man-ca và Phô-be, tiếng nói của nhà thơ rất lớn của chúng ta, cái tiếng nói của Tổ quốc Việt Nam chúng ta, sẽ thấm sâu hơn nữa trong mỗi chúng ta, và càng âm hưởng đi xa thêm mãi mãi.

Văn nghệ 20-9-1956

TỔ ĐỔI CÔNG CHỊ NHÌ Ở PHÙ YÊN [1]

[1] Do *Sở Văn hóa khu tự trị Thái Mèo* xuất bản 1956.

TỔ ĐỔI CÔNG CHỊ NHÌ DÂN TỘC MƯỜNG, BẢN BAN, XÃ HUY THƯỢNG, CHÂU PHÙ YÊN

Dự thuật của chị Đinh Thị Nhì tại
Đại hội chiến sĩ thi đua nông nghiệp
khu tự trị Thái Mèo, tháng 1-1956
NGUYỄN TUÂN ghi

I. Thời kỳ tổ tan vỡ

... Tháng 8-1953, tổ tôi mới thành lập chỉ có 4 gia đình. Lúc đó anh Chọ làm tổ trưởng. Khi làm đổi công, việc gì anh Chọ cũng tranh làm cho nhà mình trước. Anh dậy rất sớm huy động bà con trong tổ đi làm. Đến việc nhà khác, anh chỉ cho một mình vợ đi theo tổ, còn để hai người của nhà làm riêng. Vợ anh Chọ hôm nào cũng đi chậm hơn người khác một, hai giờ đồng hồ. Công việc trong tổ không họp bàn gì cả. Mỗi khi lên xã nghe cán bộ hướng dẫn cách làm ăn, anh Chọ về cũng không phổ biến cho tổ, mà cốt làm cho ruộng nương nhà anh được tốt thôi.

Trong tổ lại có anh Chữ, nhà giầu thừa lúa

bán, Chữ không muốn cho tổ mượn trâu, nhưng muốn tổ làm cho nhà mình nhiều. Chữ ganh tị quyền lợi với tổ trưởng, hai bên thường xích mích, cãi nhau luôn. Tổ thiếu đoàn kết, không tính công trả công gì cả. Anh em trong tổ ai cũng chán nản, phàn nàn: "Vào tổ thế này thì chẳng có lợi gì, chỉ đi làm hộ người ta, việc nhà mình thì bỏ mặc...". Có người muốn xin ra tổ.

Thấy tình trạng ấy, tôi cùng các anh em trong tổ họp bàn: Tổ trưởng không còn nghĩ đến quyền lợi của tổ nữa, anh chỉ biết làm lợi cho nhà anh. Cứ thế này thì tổ sẽ tan nát mất. Chúng ta cần phải bầu tổ trưởng khác thì tổ mới làm việc được. Cả tổ đều đồng ý. Hôm sau họp tổ, chúng tôi phê bình tổ trưởng và anh Chữ. Tôi nói thẳng là tổ ta không ai bảo được ai, tổ trưởng không họp hành, hướng dẫn cho anh chị em, không có đoàn kết nên người giầu vẫn giầu, người nghèo vẫn khổ, như vậy thì phí cả chính sách của Đảng và Chính phủ. Anh Chọ giận dữ nói: "Người nào khôn hơn tôi thì chọn lấy mà làm". Các chị em trong tổ liền trả lời: "Ai khôn biết việc mà không bảo người khác thì không khôn. Nhưng nếu ai "không khôn" mà làm đúng chính sách của Chính phủ, biết việc gì đều bảo cho mọi người cùng làm thì được..."

Tổ quyết nghị bầu chị In làm tổ trưởng. Chị Khiên (vợ anh Chữ) làm tổ phó.

Chị In nhà nghèo, hoạt động tích cực được ít ngày thì chị đẻ con phải giao công việc cho chị Khiên là tổ phó điều khiển. Khi phân công thì tổ cứ phải làm cho nhà tổ phó. Trong lúc lúa mọi người đều chín, nhưng tổ phó cứ tranh lấy đòi gặt cho nhà mình trước. Nương lúa cũng muốn phát cho nhà mình nhiều hơn. Làm việc nhà chị Khiên thì mõ đánh thật sớm, tối thì về muộn. Ngược lại, những ngày làm cho tổ viên khác, bản thân tổ phó không đi và cho đứa bé con làm theo tổ. Ai muốn đi muộn về sớm cũng mặc kệ, không đôn đốc. Mọi người chán nản, tổ sắp tan vỡ.

Hồi ấy, tôi là ủy viên chấp hành phụ nữ xã, đi họp nghe tổ ông Thăng báo cáo về lề lối làm việc khá. Tôi định bụng về chỉnh đốn lại tổ mình. Đến nhà, hội ý với chị em trong tổ, tôi đem ra nói: tổ đổi công làm việc phải công bằng không để ai bị thiệt. Tổ trưởng, tổ phó phải gương mẫu, có sự họp hành kiểm điểm luôn. Chị tổ phó nay cũng chỉ muốn làm lợi cho nhà chị ấy thôi. Chúng ta phải tìm người khác thay để giúp chị In mới được.

Sau đó, tổ liên hệ và cạch những khuyết điểm của tổ phó rồi bầu lại tổ trưởng và tổ phó. Tổ

bầu tôi làm tổ trưởng, chị In làm tổ phó vì chị In vẫn là người tốt...

II. Thời kỳ xây dựng và củng cố tổ

... Cuối tháng 3-54, tôi làm tổ trưởng, từ đó bắt đầu có sinh hoạt và có đổi công, họp bàn phê bình nhận xét công việc. Đổi công lúc đầu vẫn tính người lớn, bé như nhau. Sự theo dõi chấm công còn thiếu sót. Có người thắc mắc. Tôi lo lắng không biết làm thế nào. Vội vàng đi tìm cán bộ nhờ giúp ý kiến. Do đó tôi tin tưởng và yên tâm.

Tôi nghĩ tổ tan vỡ hai lần cũng vì không chấm công, tính công, tổ trưởng thì tự tư tự lợi, tổ không họp bàn dân chủ. Sau tôi đưa ý kiến ra tổ là nhất định phải chấm công, tính công. Nhưng tính công, chấm công một loạt thì khó mà công bằng. Bây giờ chúng ta có nên phân loại ông già riêng, thanh niên, phụ nữ, những người có con bé, thiếu nhi riêng không? Được tổ đồng ý nên tôi đã phân loại xong.

Phân công ông già vào một nhóm, không di ruộng nương được thì ở nhà chữa cày bừa, vặn trạc trâu, đan lát v.v... Thanh niên thì cày bừa, phát bờ, làm mương phai... Phụ nữ cấy gặt, làm

cỏ, bón phân... Thiếu nhi chăn trâu, đi học... Các nhóm tự theo dõi chấm công với nhau, tổ trưởng đỡ bận và không ai thắc mắc cho tổ trưởng nữa. Tối đến các nhóm hội ý, các nhà đều ghi riêng để nhớ công. Vì tổ tôi nhà nào cũng có ông già, phụ nữ... nên việc phân riêng từng giới có lợi là ai cũng có việc làm. Ông già trước đây chỉ ở trông nhà, nay làm việc lặt vặt nên thanh niên không phải ở nhà nữa. Tính công thì người già tính với người già, phụ nữ với phụ nữ.

Khi họp tổ thì có kiểm điểm ai lười, ai chịu khó và bàn công việc tới. Tổ đã quyết định tùy từng người, từng việc mà tính công cho hợp lý. Ví dụ việc chữa cày bừa, vặn trạc trâu, các cụ già làm cũng bằng một thanh niên ở nhà làm thì tính một công. Nếu ai lười không đáng thì tính nửa công...

Gia đình cán bộ, bộ đội, dân công vì bận công tác, vợ con ở nhà vẫn chịu khó, tổ xét thấy không sao trả đủ công được thì tổ sẽ ủng hộ 2/3 công. Còn bao nhiêu vẫn tính và cho trả dần. Nếu ai lười biếng thì cứ tính mà không ủng hộ. Người nợ công, tổ cho được tự do trả bằng công ruộng nương hay làm việc khác như lấy củi... nghĩa là xứng đáng một công thì được, không trả công bằng tiền. Nếu tháng này chưa trả hết thì

tháng sau. Do được bàn bạc dân chủ nên mọi người không tỵ nạnh.

Việc đổi công ở trong tổ tôi suốt quanh năm lúc nào cũng có và bất cứ việc to nhỏ cũng đổi cho nhau.

Có 3 chị đẻ con không biết phân công việc gì. Tôi đến bàn với chị em: người đẻ trước khỏe thì đi làm để con cho một chị trông cả. Nhưng tôi lại nghĩ, một người xem 3 đứa thì không xuể, nên cử thêm 2 thiếu nhi ở nhà giúp sức. Ý kiến tôi nêu ra chị em đều đồng ý. Thế là giải quyết được khó khăn đó. Đến tháng 5-54, chị In bận con không đảm bảo được nhiệm vụ làm tổ phó nên chị đề nghị cử anh Sinh lên thay. Anh Sinh lại bận làm giáo viên nên tổ đã cho anh Sinh nghỉ để đảm bảo công tác giáo dục. Từ đó chỉ còn một mình tôi làm mọi việc trong tổ. Nhà anh Chọ đã sang ở bản khác. Khi tôi làm tổ trưởng, có chị Hời nhà rất nghèo, ruộng không có. Lúc anh Chọ làm tổ trưởng, tuy chị Hời có tên trong tổ nhưng anh Chọ không săn sóc đến tổ viên. Chị Hời hàng ngày vào rừng đào mài bấn sinh sống. Nhà chị Hời được chia ruộng công. Trâu không có, lương thực ăn, đồ làm cũng không. Bản thân chị chưa biết làm. Tôi nghĩ nếu để chị ấy khổ thế thì không được. Tôi đến điều đình với anh Chữ cho

chị Hời mượn trâu. Anh Chữ đồng ý nhưng vợ lại sợ thiệt là công trâu không được tính như trước. Tôi giải thích chính sách đoàn kết tương trợ sản xuất và nói rõ việc mượn trâu tính công thế nào thì tổ sẽ bảo đảm. Công trâu bằng công người.

Sau khi mượn được trâu thì chị Hời lại không nhận nói là không biết cày cấy, giả ruộng, giả trâu, thiếu đói thì đi xin ăn thôi. Tôi kiên nhẫn giảng giải vạch cho chị Hời rõ trước đây nghèo đói không có ruộng, quần áo không có mặc nếu không cố gắng làm thì lấy gì mà ăn. Ngày nay phụ nữ ai cũng có thể làm được những việc đồng áng cả. Chị cứ nhận tôi sẽ hết sức giúp đỡ. Cấy cày được sẽ có thóc gạo ăn không phải khổ... Sáng hôm sau tôi đánh trâu, vác bừa ra ruộng để chị đi bên cạnh xem. Được vài đường, tôi để cho chị bừa. Tôi lại về vác bừa đánh trâu khác ra cùng chị bừa. Một hôm chị đang bừa thì bỏ bừa ngồi khóc. Tôi liền đến hỏi chị mệt hay đói. Chị Hời trả lời là đói. Tôi nói chị cứ chịu khó, tôi về lấy cơm chị ăn. Từ đấy chị vui lòng đi làm. Vụ mùa chị thu được lúa, hoa mầu đủ ăn và bán lấy tiền may váy áo mặc. Nay chị đã thành một tay cày bừa giỏi và rất tích cực sản xuất, chị rất cảm ơn và hứa từ nay xin nghe lời dạy bảo của cụ Hồ, Đảng, Chính phủ.

Cùng trong thời gian ấy, có hai gia đình bị địch bắt đi Lai Châu. Khi giải phóng Điện Biên, hai nhà này trở về. Nhân dân trong bản chia ruộng cho và gia nhập tổ tôi.

Trong đó có chị Áng bị giặc bắt từ bé cho làm "con nuôi Tây". Về nhà Áng đã 18 tuổi vẫn đi giầy cao gót, mặc váy đầm suốt ngày ngắm vuốt, chả biết làm ăn gì cả. Tôi hết sức đi sát và giải thích cho Áng là ngày nay ta phải cố gắng làm để tự nuôi sống mình. Chị Áng suy nghĩ mấy ngày và đến nói với tôi là từ nay em không nghĩ đến việc đi Lai Châu nữa, chị bảo em làm ăn em xin nghe. Tôi dắt Áng đi làm theo tổ. Lúc đầu cho làm cỏ, sau thì làm nương. Làm được một việc, tôi lại động viên khuyến khích Áng. Dần dần tôi lại dạy Áng tập bừa, tập cày. Đến nay chị Áng đã biết cày bừa và trở nên người tích cực sản xuất. Đi dân công, 2 lần chị Áng đều được khen thưởng. Áng đã hiểu rõ ở với Tây không biết làm gì nên hư hỏng, nay ở theo cụ Hồ, Chính phủ ai cũng biết làm ăn sung sướng.

Cuối năm 1954, thanh niên tổ tôi đi dân công vắng cả. Tôi đem ý nghĩ lúc đầu quyết tâm học cày và sự khó khăn của tôi trong lúc học cày nói với chị em trong tổ. Tôi nói rõ ngày nay mọi việc đồng áng chị em mình phải bảo đảm, cả việc cày

bừa thay nam giới. Mới đầu chị em còn xấu hổ. Tôi kiên nhẫn vận động nên ai cũng cố gắng. Hiện giờ, tổ tôi có 11 lao động chính thì 5 người là phụ nữ đã biết cày bừa, còn 1 chị đang học cày. Phong trào học cày bừa của phụ nữ lan ra toàn bản và xã Huy Thượng, bây giờ đã có trên 200 chị biết cày bừa.

Do sự tổ chức và làm việc của tổ như thế nên ngày nay tổ rất là đoàn kết, vui vẻ. Ai có thắc mắc gì là đem ra tổ họp giải quyết ngay. Lại nhờ làm đổi công, mọi việc đều nhanh, tốt, đời sống của các gia đình trong tổ tôi đã khá. Trước chỉ có 2 nhà đủ ăn. Nay nhà nào cũng nuôi được lợn gà bán lấy tiền mua trâu. Tổ tôi hiện có 6 nhà thì đã có 7 trâu cày, 2 trâu bé (trước chỉ có 4 con). Thừa 1 con không cày đến, tổ vẫn cho tổ khác mượn. Mọi năm với số người trong tổ chỉ đủ sức làm ruộng, không làm được nương. Bấy giờ có sự phân công nên tổ đã làm được thêm nương. Tuy bị mất mùa nhưng trong tổ không ai đói vì có sắn ăn và có thể bán ra ngoài. Toàn tổ còn vỡ được thêm 1 ten ruộng. Về làm ruộng tổ đã cày hai lượt, bừa từ 12 đến 16 lượt. Chúng tôi sẽ cố gắng tiến dần việc tính công được công bằng và cụ thể hơn. Tổ chúng tôi làm được kết quả là do tổ trưởng gương mẫu, trong tổ biết bàn bạc, tính

toán công bằng, sắp xếp công việc hợp lý, không có ai thiệt và cùng có lợi.

Sang năm 1956 này, chúng tôi xin hứa cố gắng theo lời kêu gọi của Bác, Đảng và Chính phủ tích cực đoàn kết hơn nữa, vượt mọi khó khăn, ra sức học hỏi kinh nghiệm của anh em khác để sản xuất được nhiều, no ấm mãi mãi...

TÙY BÚT
KHÁNG CHIẾN HÒA BÌNH
(TẬP II) *

* Do *Nhà xuất bản Văn nghệ* xuất bản năm 1956.

Chúng tôi không in lại *Tùy bút kháng chiến và hòa bình* tập I vì tất cả những bài trong tập I đã in trước đó trong hai tập *Đường vui* và *Tình chiến dịch*.

Tùy bút kháng chiến và hòa bình tập II gồm 18 bài, chúng tôi bỏ đi 5 bài đã in trong *Tình chiến dịch* và *Bút ký đi thăm Trung Hoa (Tình chiến dịch, Ải khẩu - Nam quan, Một thị xã khôi phục, Cây liễu cổ điển trong bản trường ca mới, Một cuốn phim Ba Lan về ta)*.

NHẬT KÝ TRONG LÒNG ĐỊCH

Tôi về đến trạm của tỉnh, mới biết đoàn đã vào trong "nội địa" cách đây mấy hôm. Tức là phải đuổi theo nhanh. Thêm nữa, tình hình có thể có những biến chuyển đặc biệt. Lại còn vấn đề là từ đây vào, đi miết một hơi trong một đêm thấu vào đến trạm trong, giữa đường không có trạm tiếp sức nào cả.

Vị trí nó sừng sững trên chỏm núi trọc. Nhưng cứ xuyên qua mà đi. Đây là một cánh đồng dài rộng, xưa cày cấy tươi tốt, nhưng nay chỉ có cỏ dại, cỏ săng, cao đến vú. Cứ nối vào nhau mà đi. Nhiều chặng ngồi thụp xuống mà nghe ngóng. Anh giao thông của tỉnh đi trước, lắng lặng, vai đeo tay nải công văn; tài liệu và giấy má của chúng tôi, theo nguyên tắc, đều gửi anh giữ cả. Anh ít nói, nhưng ở những quãng ngồi xệp xuống đường nghỉ tạm, anh có kể chuyện.

- Đi đêm vào vùng địch, tiếng chim đêm giúp cho mình nhận xét chặng đường. Ví dụ cái quãng ban nãy đi qua. Chỗ ấy nó hay ra phục lắm. Một lần tôi đi gần đến đấy. Đang ngồi thụp xuống, nghe nghe, bỗng thấy chim ở phía ấy vù bay lên kêu mấy tiếng. Như thế tức là chúng vừa bò đến phục ở đấy và động nên chim bay. Tôi lập tức lùi

lại, tìm đường khác. Đêm sau trở ra, nghe nói nó bắn trúng vào một đoàn vào. Có khi thấy chim bay thì lại càng bình tĩnh mà đi. Chúng nó cũng làm đủ trò đấy, nhưng mà đường dây của mình cũng ít khi bị đứt. Lại còn cái nước nó chăng dây chỉ, có khi nó buộc ngọn cỏ ngọn lúa lại, ở những chặng nó ngờ mình hay băng qua ban đêm; sớm ngày sau, nó ra xem, hễ mất dấu là liền tối hôm ấy, nó cứ đấy mà phục kích...

Cũng là một dịp để đồng chí liên lạc nói về thành tích của một đồng chí giao thông tên là "Đầu Gáo":

- Tháng sáu 1950 nó lập vành đai trắng ở bờ sông Cầu. Ngày đêm mù mịt khói đốt làng, vành dai cứ rộng mãi. Chúng nó căng bạt ngủ trên mặt đê, cứ cách nhau hai mươi thước là một cái bạt. Thành thử trong không ra được, mà ngoài cũng không vào được. Đường nghẽn, đường tắc, đường dây đứt. Chỗ trạm là cứ nôn nao lên. Công văn ùn lại, người ùn lại. Cơ sở của mình ở hai ven sông, nó đốt trụi, rồi là nó làm khủng bố điển hình với từng xã. Đồng chí Đầu Gáo liền đi nghiên cứu: không xong đường này thì thiếu gì đường khác, con đường Cách mạng là nhiều khi phải đi loanh quanh lại mới kết quả. Đồng chí Đầu Gáo nằm liền ba bốn ngày đêm ngoài cánh

đồng các ven đê, bám sát con đường và một số vị trí nó. Cốt sao nắm cho được quy luật nó ăn, ở và đi phục quanh vành đai. Bất chấp đói và rét và mưa. Mất một tuần, mới tìm ra đường. Đồng chí Đầu Gáo là người rất thính tai thính mũi, mắt nhìn ban đêm rất tinh. Nhiều cánh đồng các ven Sông Đuống Sông Cầu, đồng chí Đầu Gáo thuộc như lòng bàn tay; những con đường tắt đường mòn trong lòng địch, đồng chí cứ làu làu. Tắc ngá này, đã có lối khác. Chạm địch là biết ngay. Nghe chim, ngửi mùi địch rất tinh, thoáng hơi gió, thoáng mùi mồ hôi mùi quần áo nó là biết ngay. Đi với Đầu Gáo, nhiều khi mới trông tưởng như lộng hiểm, nhưng mà rất chắc, giành được chủ động trong bị động; lắm khi lại như là mua thêm đường đất, nhưng rất yên trí. Nhiều khi khó khăn, đường đi chỗ nào cứ khổ nhất là cứ đi vào. Đầu Gáo toàn bận về ban đêm. Nhiều khi lại còn phải giải quyết cả những chuyến đi nhờ của cán bộ huyện. Chuyến ra, chuyến vào, chuyến đi nhờ, thế là cả đêm. Đêm sương muối, cứ chờ ở bến đò, ngồi bờ ngồi bụi. Làm giao thông từ cơ sở cho lên đến giao thông tỉnh, không bao giờ đồng chí ấy đội nón hoặc mặc áo tơi, rất kỵ, vì nó sột soạt. Nay rụng hết tóc, đầu trọc và thành tên là Đầu Gáo... Cái hồi nghẽn

đường vì vành đai nó lập, sau Đầu Gáo mở thông được, phong bì các công văn ngoài vào trong ra, đều có đóng dấu son đỏ của tỉnh: "hoan hô chiến sĩ giao thông".

*

Đêm sau, tôi đã vào "nội địa", tôi đã tới khu căn cứ du kích. Cả một quãng đê ấy là một cái phố buôn bán, cửa hàng còn sáng trưng; nhiều kính, nhiều kền, nhiều giấy bóng, nhiều người mặc nâu nhưng lại là hàng vải phin.

Mặt giời sớm hôm sau chiếu lòa trên một cánh đồng ruộng bao la. Con sông và những con đê quanh quanh quá đồi, và mỏi mắt cánh đồng. Núi xa núi gần đều lố nhố đồn hốt nó, càng nhớ thấm thía là mình đang ở đồng bằng nhưng đồng bằng tạm chiếm. Tội khoác cái tay nải nâu, séo lấm, (cho nó quen đi!) đi trên bờ đê, lòng dào dạt cái tình đất nước, nhưng lòng đã bắt đầu thấm dần vào cuộc sống gian khổ bền bỉ dũng cảm của vùng sau lưng địch. Ngay chiều hôm ấy, tôi dựa vào một cây rơm, ngồi nghiên cứu những phương châm công tác và chính sách củng cố khu căn cứ du kích này. Tối, họp toàn đoàn. Đêm đi nghỉ, đã chia nhau mà nhận sẵn hầm bí mật của từng cơ sở. Đông quá, thì lại phải chia nhau sang thôn khác. Từ hôm nay, các đồng chi trong đoàn đã

gọi tên tôi bằng một cái tên khác.

*

Cái tên mới của tôi, giờ đã nhiều người gọi đến, gọi đến một cách thân mật. Tôi khoác tay nải đến nhiều xã nhiều thôn. Đến đâu, cũng là gia đình nghèo, nhưng đồng bào yêu thương tôi đến cái mức tôi tin tưởng chắc chắn rằng nếu Tây có càn có quây ngay tới, nhân dân sẽ hết sức che chở, và giữ gìn cho tôi, dù có khó khăn đến mức nào, dù có gian nguy đến mức nào. Cơm sáng ăn thật sớm, tôi khoác cái tay nải ra đi cũng thật sớm cho được việc. Nhiều người trong nhà ra ngắm bóng nắng cành tre, giữ tôi lại: "Đợi một lát nữa. Còn sớm quá. Anh cứ nhớ bóng nắng ngọn xoan kia mà chấm vào chân cây cau cụt này, thì hãy đi. Quá cái giờ ấy, là yên trí nó không đi càn nữa. Nó đã thành quy luật rồi. Hôm nay ở nhà cũng sắp đi chợ vùng địch đấy...". Bóng nắng cây xoan chấm chân cây cau cụt, tôi bước ra sân, những em nhỏ quấn lấy chân : "Thế chiều, anh có về không? Tối anh có về không? " Tôi gật, có hôm tôi không gật. Tôi đi loanh quanh trong ngõ làng. Tất cả mọi người gặp tôi đều niềm nở, gọi đúng bí danh tôi: "Anh đi công tác, tối về sinh hoạt nhá". Nửa tháng nay, tối tối tôi đến dự các cuộc họp. Với em thiếu

nhi, với lão ông, lão bà, với phụ nữ, với du kích. Không họp ở thôn này thì lại họp ở thôn khác. Có nghe, có bàn, thỉnh thoảng lại hát hỏng, ngâm ca nữa. Cùng lo lắng, cùng mong mỏi cùng sống, cùng tha thiết. Cổng làng vừa dựng lên. Anh du kích đang vét ao, gọi ới ới lên : "Anh xếp tài liệu còn lộ lắm, cái tay nải anh cồm cộm sách vở trông dễ đoán lắm. Tối về chép cho em bài thơ giật mìn nhá?". Ngoài cánh đồng làng, đã có những bóng lom khom. Đến gần, những cái bóng lom khom ấy quệt tay bùn ngang trán, cười. À, các em vừa mò cua mò ốc, vừa làm nhiệm vụ canh gác. Đi qua cái bãi tha ma ấy, hai chị đang vờ bắt chấy cho nhau ấy, lại nhìn tôi cười. À, chị vừa cho trâu ăn cỏ, vừa làm nhiệm vụ canh gác. Gần chạng vạng, tôi lại luồn qua cái cổng tre tôi vừa rời buổi sớm. Anh tuyên truyền xóm đang trèo lên cổng gạch sứt, nói oang oang vào cái đít quả bom, loa gọi các ngõ xóm ra nghe tin chiến thắng. Mấy em bé giật giật tay tôi : "Về nhà em đi. Có khoai u em vừa luộc, củ to lắm". Cả thôn xóm đêm nay ầm ầm xay giã.

- Làm gạo cho ai đấy, các bà và các chị?

- Làm cho bộ đội sắp về đóng thôn ta đấy. Anh biết rồi, cứ còn vờ hỏi để phê bình bà con lộ bí mật chứ gì!

Có những đêm. tôi nằm hút thuốc lào vặt ở cái điếm đầu làng im tiếng súng cả ở chỗ chân giời xa. Anh du kích nghèo nhất làng ấy nói thắc mắc với tôi:

- Cứ bảo rào làng, không kể giầu nghèo, ai cũng góp một cây tre. Nhưng lại bảo rằng tre nào ở gần lũy thì cứ thế mà vít xuống cho tiện. Bọn giàu, ở giữa làng. Thành ra chỉ anh nghèo ở bắn ra dia làng chung quy là góp tre nhiều thôi.

Tôi biết rằng không những "anh nghèo" góp tre nhiều, mà ở cái làng đánh Tây có truyền thống này, những anh nghèo lại đã từng góp máu nhiều hơn cả góp tre nữa kia.

*

Giữa hai cuộc họp kiểm điểm công tác củng cố xã căn cứ, cán bộ kể chuyện tỉnh nhà, tỉnh bạn. Chuyện vị trí này, vị trí kia... Vị trí Văn Độ, phía bên tỉnh bạn Hải Dương. Nó đóng từ những năm đầu Kháng chiến, có hai da trắng và hơn 40 ngụy. Ta giải phóng trong thời gian mặt trận vùng sau lưng địch phối hợp chặt chẽ với chiến thắng ở Hòa Bình. Hãy ghi lại đây một số những tội ác của bốt Văn Độ:

Cái đặc điểm của giặc ở bốt đây là ra hiệu

lệnh cho các xã quanh vùng toàn bằng đạn móc-chê. Và móc-chê nó bắn đến đâu thì Tề mọc lên đến đấy. Trong kháng chiến thường có những người nông dân tuổi tác nhớ từng quả bom từng phát đại bác móc-chê nó ném nó bắn vào làng mình. Nhớ để mà căm thù, nhớ như chôn vào ruột, càng nhớ càng tha thiết với giải phóng đất nước. Nhưng nhân dân quanh bốt Văn Độ còn phải nhớ từng phát đạn móc-chê nó câu xuống, vì một lý do khác nữa. Mỗi phát đạn nó bắn, nó bắt dân phải đền tiền cho nó, cứ mỗi phát nổ là 30 đồng Đông Dương. Cuối tháng, nó tính cộng lại, sức cho Tề đền đạn, các cụ Tề lại bổ bán cho dân tùy theo khả năng mỗi thôn mỗi xóm mỗi người. Nhiều khi thằng lính tay sai lại tính thặng lên, lấy chỗ đạn tính rồi đó bỏ túi riêng, còn chỗ chính tang là phàn xếp bốt. Không ghi nhớ kỹ nó bắt đền đạn và ăn gian thêm nữa.

Nó ra lệnh toàn bằng đạn câu xuống. Nghe mấy phát, là biết nó đòi ăn uống, nghe mấy phát là biết nó đòi hiếp phụ nữ, nghe mấy phát là biết nó gọi làng nào, vân vân. Nó càng ra mệnh lệnh nhiều, cuối tháng nó càng thu tiền đạn nhiều nhiều. Một lần nghe đạn, các cụ Tề liền bổ nhà này nhà khác giết lợn làm cỗ mang lên bốt. Mâm cỗ đưa lên làm kém chất, chúng nó cởi

quần ỉa vào giữa mâm, đuổi xuống, và nó lại bắn súng ra hiệu lệnh lại.

Có một chị mới lấy chồng. Nó nom thấy, nó bắt chị phải lên bốt tối tối nhận tất cả chúng nó làm chồng. Chậm lên, nó bắn móc-chê xuống giục, và ban Tề lại đi giục chị. Hai vợ chồng một hôm thu xếp một gánh con, nhất định bỏ làng. Nhân dân cử mấy cụ già đến khóc lóc với chị và chồng chị, nói "chị mà đi, nó đòi không có, thì lại tốn đến tình mệnh người làng và chưa biết là những ai đây." Nhân dân hứa với chị là sẽ cử người từ đây phụng dưỡng chị.

*

Vùng Nam phần Bắc Ninh, chủ lực về diệt một bốt ác, giải phóng làng, và một đại đội đóng ở đấy. Anh đại đội trưởng một hôm quên đường, tạt vào nhà một ông cụ, nhờ người nhà dẫn cho mình về chỗ Ban Chỉ huy đóng : "Cháu quên mất lối ngõ..."

Ông cụ vui vẻ mời anh đại đội trưởng chủ lực ngồi chờ cho một lúc sẽ có người đưa đi. Ông cụ vào trong nhà. Một tiếng đồng hồ đã qua. Mãi sau mới thấy cô con gái cụ ra, mời đi. Cô gái cùng vào chỗ Ban Chỉ huy với anh đại đội

trưởng. Nhưng đã hơi khuya, mà vẫn cứ ngồi đấy. Anh đại đội trưởng cứ đọc cứ viết các báo cáo. Cô gái cứ ngồi cắm mặt xuống, vê vê tà áo. Trả lời câu hỏi của anh đại đội trưởng, cô gái trước sau chỉ nói có một câu : "Thầy em đã bảo em rồi..."

Mãi sau này mới vỡ nhẽ câu chuyện:

Quanh cái bốt vừa diệt kia, trước đây các làng quanh vùng nhiều phụ nữ bị chúng nó ép làm vợ. Mỗi lần chúng nó đổi quân, thì người phụ nữ đã bị nó cưỡng ép, lại chuyển sang tay đám mới đến. Nó chuyển mười sáu lần, thì có người phải lấy đến mười mấy lần chồng. Nay chủ lực ta vào giải phóng. Nhân dân ở đây phần đông bị nó xuyên tạc và làm mờ mịt trong bao năm, chưa phân biệt được quân đội Cách mạng và quân đội đế quốc. Và cũng cho rằng... rồi lại cũng... Cho nên ông cụ tưởng anh đại đội trưởng ấy vờ nhầm nhà, vào nhà mình để lấy khéo con gái mình. Lúc mời anh đại đội trưởng ngồi chơi, chính là hai cha con có một cuộc bàn bạc sau bờ ao để quyết định số phận một người con gái. Không lấy "quan" thì rồi cũng phải lấy "lính", trong hai cái khổ, chọn lấy cái khổ nào nó có vẻ nhẹ hơn. Và ông cụ đã bảo con gái đi ra đi theo luôn anh đại đội trưởng, cuộc đi ra ấy tức là một buổi xuất giá

âm thầm và không tránh được....

*

Tôi vào một làng công giáo có bốt nó đóng ngay ở nhà thờ giữa làng. Nóc nhà thờ đạo, nó kẻ chữ, nét to bằng bề ngang chiếu cói: "Poste Dũng Vi" cho tầu bay nó bay cao dễ nhận ra và thả dù xuống. Từ khi thánh đường thành lô cốt, con chiên bổn đạo phải lùi giờ nguyện lại, nâng giờ ngắm lên, và phải đi quanh ngõ sau mà vào chầu Chúa. Nghĩa binh mười lăm tuổi bạt cả đi. Lão cha T. chuyên môn lấy rượu lễ "máu Chúa" ra cho lê dương uống. Thằng cha T. này say suốt ngày. Chúng nó đưa nhà thổ BM'C về, đi cùng với xe tiếp tế. Đĩ ra tắm ngay vào giếng làng trước nhà thờ. Ai cười, nó bắn. Nó đưa đĩ đi chơi chợ, chợ giạt ra, không giạt ra nó lại bắn! Làng có hai thôn, một lương một giáo. Giáo có giếng xây, lương có giếng đất. Thôn giáo, giặc độc chiếm giếng xây gạch, chạy xuống ăn nhờ cái giếng đất của thôn lương, ngay chỗ thằng quận đặt bàn giấy. Giặc gây sâu chia rẽ giữa hai thôn lương và giáo. Chỗ giếng đất lại càng là nơi 'ườm nguýt chửi rủa nhau. Bọn lính ngu dốt, càng xúc xiểm thêm mãi. Thế rồi giặc xui thôn này hôi

của của thôn kia, gây nên thù oán nặng. Trước khi bọn quan nó rút chạy, nó say liền mấy ngày giữa thánh đường, lưỡi lê đâm vào tranh vào tượng, chạy vào phòng côm-mô-nhông lấy quần áo làm lễ ra đóng trò nhám cười hét. Nay giải phóng, người hai làng mới nhìn thấy được mặt nhau, vừa nói đoàn kết, nhưng lại gài cho được một hai câu: "Trông thấy bà thì tôi vui mừng lắm. Nhưng trong lòng thì đau xót lắm". Để giải quyết đoàn kết, bây giờ phải giả lại nhau tất cả những thứ đã hôi lẫn của nhau. Cỗ ván đóng quan tài, hoành phi câu đối, bát đĩa, điếu bát, đồng hồ, lọ chai, đá tảng chân cột, giường bàn. Để tránh cho nhau cái vấn đề thể diện, bây giờ có lệnh ai đã trót lấy của ai cái gì, thì cứ đưa thẳng tập trung ở nhà trưởng thôn. Đêm đêm, những bóng đen đi giả của và tiếng mõ rao không ngớt trong bóng tối : "Ai trót lấy của ai bất cứ gì gì...".

Thôn giáo, nhiều nhà cổng kín. Gọi, chó cắn oang oang. Nhà, nhiều người ngủ trưa. Dậy, cười nói chuệch choạc. Áo cánh trắng đầy sân, dầy dây vắt trong nhà. Cả làng, không có một cái hố tránh tầu bay. Nó khác hẳn thói quen của mình. Tôi mở một chồng sách, mở ra một quyển *Quốc văn giáo khoa thư,* giữa bài số 62, nói về *Vua:* "...

Ngoài nước thì có vua sửa sang việc công, coi sóc nhân dân như con. Dân được yên vui là nhờ có Ngài trông coi. Vậy bổn phận dân đối với Vua cũng như con đối với cha...". Và có một câu hỏi cuối bài: "Hiện nay ai làm vua nước ta?". Một số thiếu nhi đang vẽ bậy lên tường đình, lấy gạch viết:

Ba làng mới có một trâu
Mười cô con gái vuốt râu một cụ già".

Tối, đình làng sáng choang đèn măng sông, thuốc lá thơm khói mù. Toàn thể các giới nhân dân tập trung hết ra đình, nghe "cán bộ *ở trên khu* về nói chuyện". Đối với đồng bào vùng địch hậu, danh từ *khu* dùng để chỉ nơi Trung ương trên rừng núi mịt mùng xa xôi. Một đồng chí trên khu và tôi chia nhau trả lời đồng bào đặt câu hỏi về vùng tự do, sau khi nói ít chuyện gây phấn khởi. Phụ nữ hát đồng ca những bài hát cách mạng tập hát mới ít hôm nay. Tiếng hát phảng phất giọng cầu kinh đều đều. Đêm ấy chúng tôi chuyển sang làng khác. Bóng nửa tiểu đội bảo vệ súng máy loáng loáng trong đám ngô bãi bờ sông Đuống.

*

Làng bên Nam phần, vừa giải phóng, bộ đội chủ lực chiến thắng có một cuộc triển lãm súng lớn giữa sân đình làng. Tường đình đổ vỡ, lố nhố những em vừa tan lớp học tay cầm đèn con. Sân đình sáng trưng hằng trăm ngọn nến to. Hằng chục cỗ súng nặng, đen chùi chũi, trên miệng mỗi ống súng, cắm một ngọn sáp. Có tiếng một cụ già kêu: "Xin cắm mỗi khẩu súng hai ngọn nến cho người đứng xa đỡ bị thiệt". Bỗng có một cụ già từ từ rẽ đám đông, tiến vào sân sáng, đi chậm chậm, hai tay đưa ra trước, dờ dờ vào từng cỗ súng, xoa xong mỗi cỗ súng lớn của bộ đội chủ lực, cụ ngửa mặt lên, gật gật. Ánh sáng nến làm sáng lên cặp mắt lòa cụ già đang bừng bừng nỗi vui sướng của nhân dân cả một vùng sau lưng địch.

*

Một làng có nhiều lò nung chum, vại, chậu. Ngõ làng, tường hoa toàn đựng bằng vại, chậu, và các thứ đồ nung hỏng. Làng như một thành phố nhỏ, có phố chính và nhiều phố răng bừa. Tường cao đến tầm mắt. Lúa ở đây gọi là của chìm, đồ nung ở lò ra gọi là của nổi. Mỗi lần nó càn, của nổi thiệt hại nhiều. Du kích ở đây chiến

đấu hăng, được ăn cờ khen của huyện, của tỉnh. Đã có những trận điển hình, gọi là *Trận mảnh sành lọ gio*. Cho gio vào lọ mà ném, và ném các thứ mảnh sành. Tất cả các tổ chia ra các xóm các nhà, ném qua tường hoa. Giặc đi trong các ngõ, mỗi lần thấy ném ra, nằm rạp xuống. Bấy giờ ở trong mới lại ném lựu đạn ném mìn ra. Các cụ bà, các chị, các em ở trong nhà reo hò. Xác giặc tan văng như mảnh lọ sành vỡ. Lớn nhỏ, ở đây đã đánh tám trận. Vậy mà bây giờ lập Tề. Dân làng hay giật mình.

"Trong lòng địch, phong trào lúc lên lúc xuống", những đồng chí vào sinh ra tử vùng sau lưng địch, vẫn thường bảo tôi thế. Ngày ngày chúng tôi đi xem xét trận địa cũ và đường hầm, ra đầu chợ làng và ngắm sang cái chóm bốt nó nhú lên bên kia núi sói. Tối tối, chúng tôi nghe báo cáo về tình hình chi bộ. Khuya khuya, đồng chí bí thư chi bộ lại cầm mái chèo đưa chúng tôi sang xã bên kia bờ: "Cũng cứ để phòng thế. Các đồng chí về công tác, cứ nên cẩn thận như thế... Chủ trương của trên, là xã tôi sẽ tiến tới cắt Tề. Bây giờ đang đánh khập khiễng..."

Xã bên này sông và bên kia sông, những lúc khó khăn thường hay cho nhau chạy nhờ, ở nhờ. Lúc đánh giặc, thiếu võ khí, lại cho nhau mượn

mìn mượn đạn. Thuyền, đò, cái chìm cái nổi, cũng thường lẫn lộn bến với nhau. Có đêm sang đó, tôi không ngủ yên, thấy đêm thật dài. Tôi cứ nằm mà nghĩ liên miên về điều kiện và phương tiện tuyên truyền của chúng ta ở vùng sau lưng chúng nó. Tôi nhớ lại ngoài vùng tự do có người đã dùng vó trứng úp lên đầu ngón tay, làm con múa rối để đẩy mạnh công tác động viên người mù chữ đi học. Vỏ trứng vẽ mặt, đội khăn đội mũ, phủ một miếng mụn màu lên bàn tay làm áo cho con rối. Người ấy liền ngồi thụp xuống sau bàn đã căng diềm vải kín, tay cử động, và miệng đọc thơ lục bát hòa theo với tiếng beng beng và tung tung của một người làm nhạc chèo. Tại sao chúng ta chưa đem dùng cái hình thức ấy vào trong lòng địch này? Vùng dậy nói chung là không nên tập trung đông nhân dân, mà phân tán làm các cuộc họp nhỏ. Hình thức con rối vỏ trứng rất hợp với các cuộc họp xóm ngõ và trong các gia đình. Và nội dung nào, sẽ có vỏ trứng vẽ ấy và câu hát ấy. Cái lối này, còn tiện hơn cả lối chớp bóng ảo đăng chiếu minh họa những tin chiến thắng...

Gà gáy tan canh rồi; đầu tôi vẫn chập chờn mãi những hình con múa rối vỏ trứng. Tôi chạy đến nhà một người kéo vó tôm, chiếc vó còn phơi

ướt ngoài sân. Anh kéo tôm, nhưng trước là trùm chèo. Từ ngày nó đóng bốt, anh có làm vè, kể tội ác nó và làm bài hát nêu cao chiến tranh du kích làng bên kia sông. Tôi ướm hỏi anh xem anh có thích vào đội chèo tuyên truyền, nếu tỉnh lập đội chèo. Anh cười chất phác: "Em vẫn sang hát luôn ở bên ấy. Liên hoan bên ấy, là có em luôn. Nếu có gọi em đi làm chèo Chính phủ, em đề nghị thỉnh thoảng cho nghỉ dăm ngày về kéo vó tôm, được chứ anh?".

*

Chiến tranh du kích tại làng... này có những thành tích lớn. Lớn nhỏ, đã đánh 30 trận; Âu Phi và ngụy dõng vừa chết vừa thương tật, trên dưới 100 đứa. Phong trào lại đang lên ầm ầm. Tôi nằm công tác ở đây, lắm lúc tóm được tư tưởng mình đang chủ quan khinh địch.

Cánh và người ở đây, tôi rất quen thuộc. Nhiều đồng chí đã rủ tôi ra vườn, đố tôi tìm được ra cửa hầm bí mật và đã chỉ cho tôi hầm riêng. Anh xã đội đã giao cho tôi bán đồ những đường hầm moi dưới nền làng, những lỗ viễn tiêu và đường dây mìn. Lối tắt, lối xuyên qua các nhà, tôi thuộc làu. Tôi la cà nhiều nhà. Ai hay ra

giếng gánh nước, ai hay ra đầu ngõ làng vào giờ nào, không hiểu tại sao tôi đã nhớ được cả. Anh Lanh làm địch ngụy vận trên huyện, đêm qua về với vợ, tôi cũng biết. Thật sớm, tôi tìm đến. Anh chị Lanh đang dắt trâu ra, hỏi thẳng tôi "có đi ra cày ở cánh đồng Vân không?" Tôi theo đi "xem" đôi vợ chồng cán bộ ra cày ở cánh đồng giáp địch. Cánh đồng Vân rộng hằng trăm mẫu, nhiều chỗ bỏ hoang đến năm năm nay, không cày cấy gì. Cỏ may kín cánh đồng, xa trông thành một màu hung hung heo hút. Một số người làng đã ra đây trước. Họ không đi mượn được trâu như chị Lanh, họ đều cuốc. Ruộng cuốc trông biết ngay, nó không thẳng hàng như ruộng cày. Họ bảo chị Lanh: "Nó mà đẹt một cái, lại tha hồ mà đền trâu". Người khác bảo: "Nó mà ra lại mất toi thôi. Anh chị không nhớ cái lần súng lớn nó yểm hộ cho một đại đội nó ập đến dắt hết trâu làng chỗ bãi tha ma ấy à?". Anh du kích Dậu đặt quả lựu đạn xuống, đặt cái cuốc xuống, ăn điếu thuốc lào, chuyện với vợ chồng Lanh: "Tôi có gan giết Tây, anh em bảo tôi làm gì tôi cũng làm. Nhưng chưa bao giờ dám đi mượn trâu làng bên về mà cày đấy!". Trên cái nóc lô cốt xa, tôi nhìn rõ cái dáng thằng lính địch đang đi đi lại lại trên nóc bốt. Nhiều cụ bảo tôi nghe chuyện nhưng mà

cầm lấy cái cuốc, cuốc đi, kẻo nó chiếu ống dòm đấy: "Nó thấy đứng tay không, nó cho là ra quan sát địa hình, nó nổ súng đấy".

Chị Lanh phân trần: "Khốn như mà tội lắm kia. Một người cuốc cả ngày chỉ được một sào. Có trâu thì được ba sào, năm sào, tùy đất nặng đất nhẹ. Mấy hôm nay bên làng Tề cũng có người tản cư sang ta, mang cả trâu sang, thuê người ta cày cho, cả trâu của họ, cũng đỡ lo chết trâu mất trâu đền trâu. Nhưng lại mất những gần hai chục Đông Dương, một gánh cỏ, hai bữa cơm và bữa rượu. Quá tội. Thôi, thì cũng cứ liều đi mượn. Gớm, có là đề cao địch nó quá chứ có phải lúc nào là cũng mất trâu đâu!". Tôi nhìn không thấy anh Lanh. Thì ra anh đã tót lên cây cao đằng cánh ruộng kia, ngồi hướng về bốt địch trên đường cái, canh cho vợ cày. Thêm nữa, mấy đứa cháu anh đã lên bám sát đường cái, gác nó, từ ban nãy kia. Một vài bà vừa cuốc vừa phàn nàn nhà mình neo người, chẳng có ai gác hộ cho, để cũng đi mượn trâu về làm một buổi.

Nắng soi ngang vào những tảng đất lật ngửa trên luống cày cánh đồng giáp địch. Câu chuyện trên cánh đồng vẫn xoay quanh chuyện con trâu và những chuyện đấu tranh để bảo vệ sản xuất. Sản xuất trong bóng tối, nhiều nơi giặc đến thì

chạy, giặc đi thì về làm; những nơi thằng địch nêu khẩu hiệu "một trâu bằng mười Việt minh" tàu bay nó dồn trâu lại thành một vòng và khu trục nó ập đến tiêu diệt cả đàn. Nó nêu như thế, ta lại nêu: "Không trâu, triệt để dùng sức người". Lại có những nơi cầu an quá, nuôi gà sợ gà bới lỗ thông hơi, lộ bem; nuôi chó, sợ lộ du kích; có nơi mấy gia đình tậu chung trâu, cày xong một vụ, rồi khai với Ủy ban là trâu già ngã nước để xin thịt, bán đi để khỏi bị nó càn cướp mất... Lại có nơi, không những có phong trào cuốc, mà người còn kéo cày thay trâu, bên hông kè kè cây kiếm và quả lựu đạn. Góc ruộng đằng kia, hai anh du kích nghỉ tay, đánh đố nhau:

- Này tôi đố anh nhá! Một trận càn, ta diệt nó 100 thằng sinh lực, mà ta mất độ dăm chục tạ thóc, độ dăm chục con trâu. Và một trận khác, ta chỉ giết độ dăm chục thằng, mà ta lại chạy được mấy kho thóc và cả đàn trâu dăm chục con của xã. Vậy tôi đố anh, trận nào là thắng hơn?

Một cụ già liền đâm ngang vào, kể chuyện con trâu vùng tự do được đưa vào vùng sau lưng địch. Đi từ Hà Giang, qua chợ Thái Nguyên, qua cả tỉnh ta, rồi về đến tả ngạn Thái Bình! Có chỗ đi đêm, có chỗ đi ban ngày, thuê tiền gửi nhờ vào các làng Tề mà cứ đi dần. Hàng tháng ròng. Ai

cũng chặc chặc lưỡi, kêu: "Đưa trâu vào cho trót lọt, công phu như chủ lục cho súng lớn vào nhỉ! Ấy, trâu cũng là đồng chí cán bộ nông nghiệp không nói, mà làm hăng đấy. Ta lại càng bảo vệ tợn". Tôi vừa cuốc, vừa lắng sâu cảm nghĩ mình vào một cuộc sống đầy can trường bền bỉ, phải vật lộn với giặc hằng ngày để bảo vệ lấy sản xuất đồng ruộng.

Vòng trâu cày lướt qua tôi, chị Lanh nói: "Mỗi lần đưa trâu ra đây cày xong mà về, em cho là một trận chiến thắng nó đấy". Anh du kích Dậu nói trong đám khói điếu cày: "Nhiều khi có tiền chung nhau lại, mà không có trâu mà mua kia chứ lại".

4-1952

BÓNG NÓ CÒN ĐÈ LÊN XÓM LÀNG

Tôi qua phố Nhã Nam nhiều lần. Lần đi phát động quần chúng đợt này, phố Nhã Nam lại nằm lọt vào trong phạm vi đội chúng tôi công tác. Phố Nhã Nam tiêu thổ từ đầu kháng chiến, nhà ngói trên đồi và dưới phố đã dỡ đi hết, dây leo cỏ dại mọc đầy. Nhưng bằng cứ vào kể khổ vạch ác của anh chị em dân cày, từng đoạn, chắp nối lại, tôi đã thấy lại được cái không khí sinh hoạt cụ thể của thị trấn đây. Xã mới chia, gần đây cũng lấy tên là xã Nhã Nam.

Thời đế quốc, Nhã Nam là một cái đồn khố xanh. Sừng sững trên đồi là đồn lính tập và phủ lỵ phủ Yên Thế. Cái đồn cái phủ đều hau háu dòm xuống cái phố dài miền ngược. Ông Thám bị thất bại rồi, Tây bỏ đồn Nhã Nam; Bố Hạ mọc lên một đồn lính tập khác, (chính địa chủ đại gian đại ác là chánh Triệu đã góp phần xây đồn này). Phố Nhã Nam có một kho thóc chứa hàng trăm tấn của địa chủ Sét-nay người Pháp. (Xã tôi có 26 địa chủ lớn nhỏ chia tay nhau chiếm 2.030 mẫu trong số 2.860 mẫu diện tích cày cấy của toàn xã; một mình Sét-nay chiếm 770 mẫu). Kho Sét-nay sau thành kho thóc Nhật, cai kho là một lý trưởng. Địa chủ quanh vùng lại đổ vào đây tất

cả những thóc tạ bóc lột của nông dân đem đóng cho phát xít Nhật. Phố có nhà chứa, nhà hát, rạp tuồng và đôi khi lại có phường xiếc lớn. Phố toàn nhà ngói, vài nhà gác trong ấy có nhà gác của đám địa chủ. Nông dân đói khổ còng lưng gánh thóc gánh ngô đến nhiều cửa hiệu cân thóc ngô ở hai dãy phố. Chú những cửa hiệu này không dữ tợn bằng chủ mấy hiệu cân thầu dầu cho Pháp. Không phải tự nhiên mà mở được hiệu cân thóc gạo; muốn bắc được cái mỏ cân lên, phải đút lót chạy chọt. Lù lù giữa phố là ty rượu Phông-ten, cờ bài đứng tên địa chủ An Ký. An Ký cũng bắc mỏ cân ngày ngày cho hằng bốn mươi xe bò thóc về thị xã Phủ Lạng Thương cách đấy 22 cây. Quang cảnh Nhã Nam ghê sợ nhất là hồi năm đói 45, hai triệu đồng bào chết hại vì đế quốc và quan lại địa chủ phong kiến. Nhã Nam trung bình mỗi ngày có hai mươi nông dân chết đói. Anh đội trưởng đội công tác chúng tôi đã ăn bánh đúc cầm hơi trong hồi đói ấy ở ngay vùng phố này. Đồng bào bị chết đấy phần đông là ở vùng xuôi lên như Thái Bình, Hưng Yên, Bắc Ninh, nghe đồn Bắc Giang là đất dễ làm ăn nên kéo nhau lên tránh đói vùng dưới. Chợ Nhã Nam là cái nhà ở cuối cùng của những anh chị em nông dân tha phương cầu thực lên đây và chết ở

đây. Mỗi gia đình quây một mảnh cót ở góc chợ, người phù dần lên rồi chết.

... Trong lớp học bần cố nông, nhiều anh chị em thẫn thờ, phẫn uất, và khóc, khi nhắc lại những ngày Nhã Nam 45, những ngày anh chị em phải đói khổ và suýt chết quanh Nhã Nam. Gạo hai xu một cân, công người đi làm thuê một xu một ngày. Nhiều anh chị em chỉ mong có người thuê làm để ăn cơm không thôi, chứ không dám nghĩ đến lấy tiền công. Vì thế địa chủ ở đây lại càng bắt chẹt, dọa dẫm những bần cố nông đang ở mướn ở cày cho nó. Một gánh củi nặng, tức là sức lao động cật lực của một ngày luồn rừng, lúc bấy giờ không đủ đong gạo ăn hai ngày. Anh chị em ruột thịt cũng khó mà cưu mang nhau. Anh Lưu ở xóm Thượng bán xong gánh củ, mua đấu cám về nấu cám cho mẹ thì mẹ đã tắt thở từ bao giờ. Tìm đến em, thì em ra chợ Nhã Nam nhặt lá bánh từ mấy hôm rồi. Từ ngày ấy đến hôm nay đây, anh Lưu vẫn tìm em mà không biết nó có còn không. Anh Cạc ở xóm Nguộn, mẹ chết hai ngày mới mua chịu được cỗ ván; lại chết thêm một người chị nữa, anh phải bán em gái đi mua ván chôn chị.

Xã tôi đấu xong bọn địa chủ đầu sỏ, trên đường đi họp đội, tôi đứng trên đồi Nhã Nam

một buổi sớm. Chỗ tôi đứng là cái nền phủ Yên Thế cũ. Tên tuổi và tội trạng một số địa chủ gian ác, kiêm tri phủ và nghề nghiệp có quan hệ với thị trấn này, đã hiện trở lại rõ mồn một. Dương Thiệu Chinh đã từng bắt cán bộ Cách mạng tra tấn ở dây, đã từng lấy khẩu cung ở đây. Phùng Đình Ân đã từng tra tấn cán bộ Cách mạng ở ngay đây. Tôi còn như nghe rõ tiếng máy ô tô hàng của địa chủ Đinh Thị Tuần sình sịch dưới phố. Con mụ chủ xe này có võ, anh nó là Quốc dân đảng vào làng Tây có ngựa chạy ở trường đua Hà Nội. Con mụ này đã dùng quyền võ đá chết nông dân, đã dùng súng bắn chết nông dân. Phủ Ân bắt cán bộ phá phong trào, sớm sớm dùng ô tô hàng của địa chủ Đinh Thị Tuần về tỉnh báo cáo với công sứ, với tuần phủ. Dưới ánh nắng sớm, ở dưới phố kia, bao nhiêu là cái sân gạch, từng khoảng sân có dại chưa phủ kín những tội ác của đám địa chủ có cơ nghiệp ở phố Nhã Nam. Này là sân gạch của địa chủ số một như Chỉ Kham, như Chánh Bàn – Chánh Bàn có mười nhà ngói đại khoa ở Nhã Nam. Này là sân gạch của An Ký, của Lục Trình, của Cao Lợi. Thóc tô bóc lột càng nhiều, sân nó càng mở rộng. Cái sân gạch ấy là những tội ác.

Sân gạch nhà địa chủ gian ác số một Hai Đối

ở ấp Tỉnh Đạo rất rộng. Hai Đối là con một thằng đã theo Tây đánh ông Thám. Tây phong ấp cho bố nó 500 mẫu. Những ngày học chính sách xong, kế đến những ngày vận dụng lý lẽ chuẩn bị đấu nó, anh chị em luôn miệng nhắc đến cái sân gạch thằng Hai Đối. Anh Vịt ở với nó mười một năm, thì trong mười một năm không ngày nào anh rời tay rời chân khỏi cái sân kinh khủng nhà nó. Không thóc thì rơm, không đỗ thì lạc, nắng đưa ra mưa đưa vào, ngày ngày anh luôn tay với cây sào gẩy. Tất cả khổ chủ của Hai Đối không ai quên được cái nắng cái mưa trên khoảng sân gạch nhà nó. Nắng tháng năm như lửa đốt đầu, lên xong một cây rơm cho nó thì mắt hoa lên, thì bủn rủn cả người. Mệt lả, khổ lắm, mà không bao giờ dám nghỉ tay với nó.. Ông Tề có hôm mệt quá mắt nổ đom đóm, định giả vờ say nắng rồi định bụng lăn từ trên cây rơm xuống gạch bóng để nó cho nghỉ. Ông Tề định thế nhưng ông đã sầu bọt mép ra thật, và rụng xuống bất tỉnh nhân sự. Em Nhi đã bao nhiều lần khóc quanh sân gạch này; rơm chặt quá không rút được, mà mỗi ngày đi chăn vịt về, nó bắt phải ngồi quanh đấy bẻ cho nó dăm bảy cái chổi. Nắng trên sân đã khổ như vậy, mưa lại còn khổ hơn. Nhiều lần đi cày trưa về đã muộn,

mà nó còn bắt anh Vịt một mình xúc cá một sân thóc. Vừa ăn vừa nhìn giời vừa chạy thóc. Mưa ướt sân, chờ mưa tạnh để đi làm đồng buổi chiều, nó bắt anh Vịt cởi quần áo ra làm giẻ lau cọ sân cho nó. Sau này nó đuổi anh đi, anh để dành được cái quần lành, nó đòi nốt lại. Những ngày cơn giông nổi lên là cả hàng ấp điên đảo lên vì sân thóc phơi cúa thằng Hai Đối. Nó cho nổi trống mõ thì không một ai ngồi yên được ở nhà với nó. Trên trời mây đen kéo về thì dưới đất thằng Hai Đối hầm hầm bơm xe đạp, đạp đến chửi chõ vào từng cống nhà tá điền. Thóc mình vất đấy, cơm ghế rồi cũng vất đấy, vợ con ốm thập tử nhất sinh cũng bỏ đấy. Ba chân bốn cẳng đến chạy thóc cho nó đã. Trống vẫn nổi thùng thùng, tay nó lăm lăm cái ba toong. Kỳ nộp thóc tô, anh chị em thiếu thuế nó, đứng dưới sân gạch vái dài vào trong nhà, vào hàng hiên nó. Nó vừa hỏi, nó vừa đánh. Nhà nó hai thứ thùng đong, thứ xuất thứ nhập, chồng đong vào, vợ đong ra. Chậu nước thử thóc lép để sẵn ở hàng hiên. Thóc nó chưa nhận đong cho, có khi để hằng mấy buổi ở sân gạch nhà nó; vương vãi, gà qué nó mổ dần, chẳng còn biết kêu với ai. Nó gọi người, nó sai người toàn bằng lắc chuông. Bất cứ là người ở nhà nó hay là người đến vay, khất,

nộp, thấy bóng ai ngoài sân không thưa sau hiệu chuông nó là nó đánh vô hồi kỳ trận. Bao nhiêu chuyện đau thương, hãm hiếp, trói đánh đã xảy ra trên cái sân gạch Hai Đối và trên nhiều cái sân gạch khác của cường hào gian ác. Mưa đã trôi đi những máu khô của nông dân đọng trên sân nhà chúng nó, nhưng anh chị em vẫn nhớ lại được hết những nhục hình của bọn chúng. Cứ mỗi lúc giở giời đau mình bây giờ là lại nhớ đến tội ác của nó. Cái bóng nắng trưa rọi trên hàng gạch sân chúng nó, nghĩ mà còn giật mình. Đấy là cái đồng hồ ghê gớm của địa chủ. Những con mẹ thằng địa chủ thường là hay đi đi lại lại trong hàng hiên, lẩm bẩm cằn nhằn, đếm bóng nắng sân trưa, quát thét thợ cày, người ở ra đồng. Nó ăn gian thời giờ nghỉ trưa của anh chị em ta hằng hàng gạch một. Ở nhà nó giục ra đồng sớm, ở ngoài đồng thì nó muốn về nhà cho chậm. Mặt giời buổi sớm lên cao, nó ra chửi đông chửi tây, chửi người bắt ốc làm ruộng nó gầy đi, lấy dao băm nát giỏ cua của những em bé mà nó gọi là bọn đi "chọc tiết bờ" làm thủng bờ ruộng nhà nó. Mặt giời gần đứng bóng, nó ngồi xổm trên bờ kể chuyện tiếu lâm cổ tích. Một vòng trâu, mười vòng trâu, anh chị em cúi xuống luống cày mà cười. Lúc ngẩng đầu lên thì cánh đồng đã

vắng, mọi người đã đổi trâu ra về nghỉ trưa từ lâu lắm rồi. Học tập chính sách, bần cố trung nông càng nhận ra địa chủ có kế hoạch trong bất cứ việc bóc lột lớn nhỏ nào, không lúc nào nó muốn để yên cái tay cái chân mình. Đêm còn tối như hũ nút, nó đã bắt đánh trâu đi làm. Có anh cày xong ba sào mà giời vẫn còn tối đất, đành ngủ lại một giấc ngoài trời, đầu gối lên bắp cày, cổ chân quấn lấy dây chạc trâu. Buổi làm chiều thì cách bờ không trông rõ mặt người mới được về. Về đến nhà nó, lên trên nhà có việc trên nhà, xuống dưới bếp có việc dưới bếp. Lại băm bèo nấu cám, xay giã đến khuya, chợp một cái lại chỗi dậy vác cày dắt trâu ra cổng. Vợ con nó vừa tra then cổng vừa chửi theo. Mỗi ngày hai bữa cơm đèn. Nhìn lòng bát, một hạt cơm cũng mười củ khoai. Chị Hoát kể khổ, giờ vẫn còn cái tật hốt hoảng của những năm nghe gà gáy choàng dậy. Bà Giang cũng vậy, bà nói đêm nào rá gạo cũng để sẵn ở đầu giường từ canh hai, chợp một cái là choàng dậy nhảy vội ngay vào bếp thổi cơm cho anh em ở cày vội đưa trâu đi.

Ở nông thôn, cái sàn, cái giếng, cái đình, bóng cây đa, bờ ao, lối đi, lũy tre, chỗ nào cũng tìm được chuyện khổ, toàn chuyện kể giàu người nghèo. Khi đã đi sâu vào được cái khổ của giai

cấp, thì chỗ nào quanh xóm cũng thấy hiện lên mâu thuẫn giai cấp. Rồi sự vật quanh xóm, ngõ, đồng, ruộng đều có cạnh có góc chứ không chung chung như trước kia tôi vẫn tưởng.

Sau cái sân gạch, giờ tôi kể đến cái bụi tre. Người ta thường nói: "ngày trông lũy tre, đêm nghe gà gáy" có ý mách bảo cho người lạ vào một làng lạ, muốn tìm nhà "khá giả", thì ban ngày nhắm ngọn tre xanh tốt mà đến, và ban đêm thì nghe chòm xóm nào nhiều nhà có gà gáy chó cắn nhiều, thì lần theo tiếng gà chó ấy đến mà gọi cổng. Nhưng bây giờ đi đánh phong kiến ở nông thôn, càng phải tránh những nơi đó, không những tránh mà nhiều khi còn phải cảnh giác ngay với những cảnh đó. Nhiều đêm tôi họp cùng với anh chị em du kích đi bao vây giám sát những cái lũy tre xanh tốt nhà địa chủ đối tượng, đứng ngoài rặng tre nghe gà nó gáy cho nó qua. Những lũy tre tốt này không phải tự nhiên mà có. Thằng Hai Đối đã từng lừa gạt bần cố nông giồng tre thành hàng thành lũy. Nó bảo giồng đi, ai giồng chỗ nào sau này là của mình, cứ chỗ ấy mà lấy. Nhưng sau này, chỉ có một mình nó chặt lấy tất cả. Có đến vài nghìn cây. Nó vỗ công như thế chưa đau đớn bằng lúc anh chị em cất dựng nhà riêng, lại phải đến nói khó với nó,

nó mới bán lại cho mình những cây tre chính bàn tay mình giồng. Địa chủ Tốn ở Vân Xuyên dỗ dành bà Đài: "Chỗ này ông Đa không làm nữa, bà lấy lấy mà làm. Đất bà giồng màu. Còn tre mà nó tốt lên thành bụi sau bán thành tiền, sẽ chia đôi". Bà Đài nghèo khó cả tin nhà giàu, đã vác cành rong cành rào rấp lại cái chân lũy cũ, giữ gìn từng cái măng trong mấy năm ròng. Nghe nói nóng dân sắp đấu tranh mạnh, thằng Tốn chặt hết tre to cắm xuống lòng sông vừa ngâm tre vừa đánh cá. Nghe sắp phát động, còn bao nhiêu tre nhỏ, nó chặt tan hoang nốt mấy bụi đem ngâm xuống ao, và sau này gán chỗ tre ngâm ấy cho ban thuế xã, trừ vào chỗ một tạ thóc thuế nợ còn thiếu của Chính phủ. Bà Đài nhắc nó chuyện giồng tre chia đôi tiền bán, vợ chồng nó bảo đấy là ngâm nước chứ đã bán ra tiền đâu mà chia. Bà Đài tự an ủi: "Thôi ông ấy có đất ông ấy lấy tre, mình lấy gốc về làm củi vậy". Nhưng gốc tre nó cũng đã đánh bật lên hết từ lúc nào, chỉ còn lại ít cành gai và đống lá khô, ít bãi cứt con ngựa nó. Còn chỗ đất nó bảo bà giồng màu, bà giồng hơn chục luống củ, dây củ xanh tốt. Vợ nó báo bà: "Độ này ông nuôi thỏ đấy". Nghĩa là thỏ nhà nó cần dây lang của bà Đài, bà Đài liền phải nhường vài luống. Ít hôm

nữa nó bảo thỏ đẻ nhiều đấy. Bà Đài lại nhường đến năm luống. Giống thỏ nhà Tốn đẻ nhiều quá, đến cái mức bà Đài phải giả lại cho nó tất cả những luống củ. Công bà Đài là công cốc, cả về chỗ đất giồng màu, cả về chỗ gây lũy tre.

Cái lối đi ngoằn ngoèo ở xóm ngõ cũng vẫn là câu chuyện nó áp bức chiếm đoạt. Năm đầu kháng chiến, thằng Tốn làm chủ tịch. Làm chủ tịch nó phải hống hách, nó phải cưỡi ngựa. Con ngựa ấy cũng hung hăng như thằng cường hào Tốn cưỡi nó, cứ đến góc ruộng nhà người ta là nó tràn. Bần cố nông sợ thằng Tốn, sợ cả ngựa thằng Tốn, dành ra một luống cày để ngựa nó có lối đi. Thằng Tốn cứ thế mà khiến cương ngựa xiến mãi vào ruộng người nghèo. Mảnh ruộng đầu trâu mõn bò của người nghèo mỗi ngày một thu dần diện tích sản xuất lại. Thằng cưỡi ngựa ấy vơ vét tham lam, đi ngựa đến đâu là phạt tiền mọi người bỏ túi, phạt người sáu đồng, người ba đồng. Anh Vân vừa lĩnh sáu đồng tiền công một năm ở cày, nó phạt, thế là đi đứt một năm bán sức lao động cho nhà giàu phú quê. Anh Mạc nộp phạt ba đồng, đã phải bán đi hai gốc cây tổ phụ lưu lại: một cây lá vối trước nhà và một cây mít sau nhà.

Địa chủ vơ vét, lấn át, bóc lột, chiếm đoạt từ

cái hữu hình cho đến cái vô hình, từ cái to như ruộng đất nhà cửa đầm ao cho đến những cái mà tôi chưa hề nghĩ đến. Mà cái gì chúng nó cũng đều có kế hoạch cả.

Bà Chín quê ở vùng Me Bắc Ninh làm nghề đậu phụ, đến ở nhờ đất nhà thằng Tỵ. Thằng Tỵ ví von: "Bạn với kẻ Me, củ tre không còn". Nhưng chính ra thì nó lại bóc lột bà Chín đến cả giọt nước đái. Ở nhờ nhà nó, hàng năm nó giỗ chạp, lợp nhà, bà Chín phải góp không mười ngày công. Nước đậu, phân, gio, nước giải của nhà bà Chín thuộc về quyền sở hữu của thằng Tỵ. Vài ba ngày nó nghiêng vại... thấy ít nó chửi chó, chửi mèo, ngờ cho là bán đi hoặc cho bớt đi. Đang vần nồi cơm, nhà nó cần gio để vãi ruộng, nó vất ngay nồi cơm ra. Phân lợn nó lấy hằng ngày. Anh Khiết và anh Lễ ở năm cho thằng Tỵ, đêm đêm đốt đèn tán đánh chuồng phân cho nó cứ hằng mười lăm gánh đầy. Lúc tính khổ, bà Chín ngẩn người ra khi thấy mười sáu năm ở nhờ nó, đã bị mất bao nhiêu là phân gio có thể làm được bao nhiêu là tăng gia sản xuất. Địa chủ đã giàu cả của lại giàu cả cứt, có hằng năm bấy chuồng tiêu, cái cho con gái, cái cho con dâu, cái cho tay sai, cái làm ra lù lù ở giữa đồng để bao vây mối lợi giữa trời. Nó bón phân người, bón

phân lợn; đến như phân trâu bò thì nó càng bòn nữa. Nhiều đứa cho bần cố nông nuôi rẽ bò cày. chỉ cho giữ ban ngày, tối tối phải đánh về nhốt ở chuồng nhà nó, đèo thêm một gánh cỏ. Anh chị em kể khổ kêu là nó cho nuôi mà cũng như không, vì nó lấy lại phân hết. Một đồng chí trung nông mới đã nói: "Giai cấp nó ngồi mát ăn bát vàng, nhưng vàng đây có nghĩa là ăn cả cứt". Địa chủ gian ác số 1, số 2, số 3, nhiều nhà hay giồng cây cảnh vườn hoa , thấy bần cố nông quẩy phân qua đầu gió, nó quát tháo chửi bới bịt mũi. Nhưng chính nó là đứa ăn cứt không biết thối. Vẫn lời của khổ chủ kể trên. Nước tiểu, cục phân nó còn vơ vét thế, còn có cái gì mà nó từ nữa?

Buổi tối mùa thu giăng sáng, bà con nghèo ba xóm đang học tập bài: "Đấu tranh đòi những gì". Anh thôn đội bấm tôi ra ngoài: "Thằng Thiện trốn mất rồi anh ạ". Thiện là một địa chủ, du kích đang giam giữ để đưa nó ra tòa án nhân dân đặc biệt. Anh chị em bần cố trung nông xì xào, và nam nữ thanh niên dân quân du kích vơi dần đi. Cả lớp chỉ còn lại những bà có con và các cụ. Đêm ấy bổ vây thằng Thiện. Hôm sau bộ đội ta hoạt động sát vành đai, bắt được nó ở khói Cầu Đồng, nó đang vượt vành đai định vào vị trí Mỏ Thổ. Lớp học tối sau, tôi báo cái tin đó với

anh chị em, mọi người vui mừng bàn tán:

- Càng chứng tỏ là địa chủ phong kiến và đế quốc cấu kết. May quá, không tóm được nó, nó chạy theo địch ở bốt, thì vùng này lại khối bom và đại bác vì nó. Đội lại phải thay địa điểm.

- Sợ gì điều ấy. Chí có là nó vào thì nhất định là nó theo Tây để hại ta. Không hại vùng này thì hại vùng khác.

- Nó trốn thì nông dân lại bắt nó. Thoát đi đâu được.

- Đây là bộ đội bắt đấy chứ!

- Thì bộ đội ta chính là nông dân ta võ trang đánh đế quốc đấy chứ còn ai nữa.

Anh chị em thật là nắm vững những điều đã học. Một cụ nói: "Tôi ở với chúng nó có tóc, bây giờ tôi trọc đầu. Tôi càng thấy rằng xưa kia nông dân lao động ta đi đâu cũng không tránh khỏi địa chủ. Còn như ngày nay, nhờ có Đảng và Chính phủ, địa chủ chạy đâu cũng không thoát tay nông dân". Nhiều cảnh đời điêu linh tố khổ qua mấy tuần trước lại hiện lên.

Anh chị em quê vùng xuôi lên đây làm than hái củi, luồn rừng, đi cấy lũ, đi ở mùa, có người đại lao đại khổ trên hai mươi năm. Địa chủ chỗ nguyên quán chiếm đoạt sào vườn thước đất ở, anh chị em bỏ làng quê lên đây, thì địa chủ chỗ

ngụ cư đây lại bóc lột đầy đọa anh chị em. Lúc khổ quá, có khi cả đôi vợ chồng cùng lồng ra ngoài đi làm, nhưng đói, lại phải lộn vào cửa nhà nó. Có anh chị em vào lại ra, ra lại vào, nhảy ra nhảy vào nhà địa chủ Yên Thế tam tứ phen, ngày nay mới thoát khỏi. Anh chị em tự tay khai hoang vỡ bãi, đời sống gắn liền với đất nước như ruột thịt. Địa chủ gian ác dồn anh chị em hết nơi này đến nơi kia. Anh Phong, anh Khiết đã kêu lên: "Thằng Tỵ chiếm đoạt đến đâu nó có bán đồ riêng để nghiên cứu. Nó lấn dần, nó chiếm thêm chỗ đất của mình đã điểm chỉ xong vào văn tự cho nó rồi, nó cho làm một hai vụ. Rồi nó gạ gẫm đổi cho mảnh khác, vật nẻo hơn. Cứ xa dần mãi. Rồi quên". Địa chủ cố tình làm mờ nhạt cái ý thức chủ nhân ông của anh chị em đối với từng tấc đất, đối với cả đất nước yêu dấu. Của tự tay làm ra để rốt cục vào tay nó. Không được giữ, không được mang cái gì cả. Đến cái tên thật của mình nó cũng lấy nó cũng đổi. Anh Vịt là một bần nông, tên thật là Xuyến. Tên anh trùng với tên cháu con nhà nó, và nhân thể anh phải chăn vịt đàn cho nó, nó liền đổi ngay tên anh ra là Vịt. Cuộc phát động quần chúng giảm tô thắng lợi đã trả lại cho anh cái tên thật của anh. Ngày nay anh Xuyến là một cốt cán xã đi đánh phong

kiến quanh vùng cùng với đội. Thật là không nghi ngờ gì nữa: chỉ có đánh gục uy thế giai cấp thù xuống, thì tên tuổi anh chị em bần cố nông ta mới rạng tỏ lên được.

Địa chủ phong kiến và đế quốc là hai thằng cướp giặc không rời nhau, luôn luôn dựa dẫm vào nhau. Vùng tự do ta, địa chủ cường hào nghe chính sách sắp tiến hành đến vùng nó, là nó lẩn trốn vào lòng địch. Thằng Pháp sắp đánh lên vùng nào mưu chiếm đất hãm người, là Phòng Nhì của nó đã có sẵn một danh sách quan lại, địa chủ, hào lý trong tay để hòng lập lại ngay bộ máy ngụy. Trong hàng ngũ ngụy binh khinh quân của bù nhìn, số cán bộ trung cấp cao cấp của nó, phần lớn là con cái xuất thân những thành phần bóc lột. Những điều này đã trở nên một cái quy luật. Xã quanh vùng tôi công tác, đế quốc đã cho B.26 mấy lần ném bom phá trại giam của tỉnh, hòng đánh tháo cho địa chủ bị giam giữ ở đó. Có lần máy bay Pháp ném bom phá vỡ trại giam, địa chủ gian ác xổng trốn lẩn về vùng Pháp kiểm soát. Nhưng du kích cảnh vệ, bộ đội ta đã bắt hết những thằng sổng tù. Đêm chúng thả dù thả biệt kích xuống để liên lạc với địa chủ bất mãn. Ban ngày chúng cho tàu bay móc máy phóng thanh nói xuống: "A lô, hỡi đồng

bào địa chủ...". Truyền đơn ném xuống xuyên tạc chính sách ta và nuôi dưỡng tinh thần phản động của cường hào gian ác. Năm 1947, đế quốc Pháp tấn công lên Việt Bắc, đồng bào chạy giặc gồng gánh chạy ngược lên, thì địa chủ Đỗ Văn Kham bảo: "Lên rừng mà ăn lá à?". Nó rủ mọi người chạy xuôi xuống theo với nó. "Tiếng Tây tao biết". Năm 1950 Pháp mở chiến dịch *Chó bể*, đóng ở Trại Cờ, địa chủ Tỵ, lần chần không muốn tản cư ngược lên, lẩn ở lại.

Tôi muốn nói đến thằng Tỵ này là điển hình cho loại địa chủ phản động. Lúc ta quyết định đem nó ra đấu, loa phát thanh tội nó, khẩu hiệu căng lên khắp bảy thôn, giai cấp nó trong mấy xã cho là ta khó đánh gục thằng Tỵ, tội ác thằng Tỵ khó mà nắm được. Nợ máu của nó khó tìm chứng cớ, nó không chui vào chính quyền vào Đảng, không dánh, không hiếp như những đầu sỏ khác trong mấy đợt khắp các nơi. Thực ra, tội ác thằng Tỵ có những khía cạnh tinh vi, đánh nó chật vật hơn một số thằng khác.

Chính sách giảm tô ban hành, nó xuyên tạc, nói thu tô không quá một phần ba, thì nó cũng theo đó mà đòi lại một phần ba ruộng nông dân lĩnh canh của nó. Cũng như thằng Kham bên Yên Thế, nó cũng bảo đóng thuế nông nghiệp thì

"băm cả rơm ra đóng cũng không đủ" và vận động nhiều người không đóng. Hồi Nhật về làng, nhân dân bỏ chạy, nó hứa sẽ bảo đảm cho mọi người vay mượn để đóng đủ thóc cho phát xít. Thằng Tỵ quỳ trên ụ đất, nông dân đã vạch cho nó thấy ba cái thái độ khác nhau của nó đối với thuế Pháp, thuế Nhật và thuế nông nghiệp kháng chiến của ta. Đến gần tết gió lạnh, bà Tời khoác cái bao tải rách, căm thù sâu sắc với thằng phản động, dẫm chân bụi bay mù trên ụ đất, nói như gào rít lên: "Tao làm với mày một bữa no mười bữa đói. Mày thì ăn lắm vào nên lú lấp ruột gan. Mày không biết có hai con đường... mày không đi con đường Cụ Hồ... mày đi con đường của thằng Tây nhà mày...". Năm Tổng khởi nghĩa, nông dân Hiệp Hòa nhộn nhịp tự động tổ chức hợp công, đổ chung trâu bò ra cùng cày, kéo cờ đỏ sao vàng lên mà cày tập thể trên cánh đồng mùa thu cách mạng. Thằng Tỵ thù ghét ngày đó, đòi lấy lại hết những trâu bò anh chị em nuôi rẽ của nó.

Cũng như mọi thằng khác bị đấu, thằng này cái gì cũng chối, cũng "quên". Nhưng anh chị em là nạn nhân của nó thì quên sao được. Tội ác nó có ngày tháng còn ghi rõ trên đời sống của từng anh chị em, trên từng thân thế anh chị em. Một

bà cụ bảo: "Nằm mơ cũng còn thấy rõ nó áp bức ta cụ thể ra sao nữa là". Anh chị em cốt cán gọi thằng Tỵ là một con gấu chó dữ tợn, mắt đục ngầu, luôn luôn cắn giả. Lần đầu bắn nó trọng thương tại chỗ, nhưng nó chưa quỵ hẳn. Lần đấu thứ hai nó mới chết gục hẳn uy thế.

Trước tôi cho giai cấp địa chủ ở nông thôn Bắc Bộ là dám lèm nhèm. Có chăng Nam Bộ mới có địa chủ dữ. Tôi hình dung đến những đám đại địa chủ Bắc Liêu có xe hơi, có ca nô, có tiền gửi nhà băng, làm bầu những gánh hát cải lương, ăn chơi ở Sài Gòn theo lối tư sản. Bây giờ mới thấy rõ là địa chủ phong kiến ở Bắc Bộ đều gian ác tàn bạo, tội ác không kể xiết được. Nó không phải là một chuyện lèm nhèm chỉ đáng khinh thôi. Trước tôi chưa thông cảm được với cái đau khổ của nông dân lao động bị nó chèn ép hành hạ, nên tôi cho là lèm nhèm. Trong thực tế đấu tranh giai cấp ở nông thôn suốt hai đợt, tôi đã thấy rõ cái mặt và cái lòng dạ nhơ bẩn của địa chủ cường hào gian ác. Giai cấp nó, nói chung đều là trắng trợn, bạo ngược, giam cầm nông dân lao động trong tối tăm, lãng phí nhân công và đất đai sản xuất, hãm hại dân nước. Sự trí trá và tội ác của chúng nó có nhiều khía có nhiều mặt. Cùng với anh chị em dân cày, chúng ta gỡ cho kỳ

hết những bộ mặt địa chủ cường hào phong kiến. Gỡ xuống, giẫm lên cái mặt nạ, và đập tan cái bộ mặt thật của ác bá cường hào.

*

Anh chị em nông dân nhanh nhẹn vững vàng khi lao động chân tay, nhưng anh chị em nghĩ chậm, nói chậm. Mấy nghìn năm bị chèn ép, nay mới được có cái quyền ăn nói, nay mới được vận dụng tư tưởng. Đây cũng chỉ là vấn đề thói quen, và rồi anh chị em sẽ quen dần dần. Đứng trên lập trường chính sách, anh chị em đưa ra nhiều lý lẽ rất sáng tỏ. Có anh hàng mấy ngày ở lớp, ở hội nghị không nói gì cả, nhưng lúc bật nói ra được, thì mạch lạc, cụ thể, thấm thía. Vừa kể vừa nhớ thêm, vừa nói vừa khóc. Nước mắt tôi cũng hòa theo. Ông Vi là bần nông trong chuỗi đầu, nói: "Trước chỉ nghĩ mình là khổ quá. Nay như con một nhà được than thở có ngành ngọn, nó thích như có rượu uống. Trước kia mà kể lể lai lịch thì người khác sẽ bảo anh khổ mặc anh. Giờ thì chăm chú nghe nhau. Càng nghe càng thấy cùng khổ cả ra". Đến cụ Ngưỡng: "Kể khổ nó như cái kim trong túi nó cứ thòi dần ra". Anh Vân nói tiếp: "Không thèm đánh nó bằng gậy,

đánh bằng tay chân không xuể với chúng nó. Đánh bằng chính sách thì mới đánh được tất cả chúng nó".

Tôi cũng không lý tưởng hóa anh chị em đến quá cái mức của thực tại. Nhưng đứng trên cái nhân sinh quan mới mà đánh giá con người hiện tại, trên cái tiêu chuẩn nhất định là chiến đấu và sản xuất, tôi thấy anh chị em thật là đáng quý đáng yêu. Xưa kia phong kiến và đế quốc xé lẻ từng anh chị em ra làm cho anh chị em tối tăm hèn yếu. Nhưng ngày nay anh chị em tập hợp và đoàn kết chặt chẽ quanh Đảng, được Đảng và Nhà nước dân chủ lãnh đạo từng bước, anh chị em rồi cứ thế mà tiến lên mãi mãi. Trong đấu tranh quyết liệt để giữ gìn làng nước, góp vào hòa bình thế giới, trong hàng ngũ anh chị em nông dân lao động, đã xuất hiện nhiều người con yêu quý của dân tộc. Tiếng nói hằng ngày của anh chị em rất phong phú về hình ảnh và cảm xúc, về từ ngữ. Tiếng nói ý nhị sinh động và thuần phác của giai cấp, cái tiếng nói lành mạnh của nông dân lao động có nhiều khả năng diễn tả và biểu hiện ấy, sẽ đủ chữ đủ sức chép ghi lại về sau tất cả những tinh tế muôn vẻ, tất cả những sáng kiến của anh chị em từ trước tới nay và từ nay trở đi. Dân tộc có qua những thử

thách bão lửa của lịch sử đất nước, thì mới càng thấy rõ anh chị em nông dân lao động là những người tế nhị hơn ai hết. Chuyện trong vùng tạm bị chiếm cho ta thấy cái tinh tế của du kích đánh hố chông, đánh mìn lật đổ đầu tầu hỏa, cái tinh tế của anh chị em giao thông tổ chức đường dây truyền, bảo vệ cơ sở đùm bọc cán bộ. Công tác cầu đường phà trong một năm gần đây cho ta thấy cái tinh tế của nam nữ dân công gánh đất, gánh đá núi, ghép gỗ rừng và phá bom nổ chậm. Ở trung tuyến tiền tuyến, nói sao cho hết được những cái tế nhị và óc sáng kiến của anh chị em đánh đế quốc. Địch phá đập nước, phá mùa màng, nông dân chuyển chiêm ra mầu rất nhanh, tăng mức sản xuất, tăng chất đất. Anh chị em vững mạnh và tế nhị như thế trong mọi mặt công tác, thì rồi từ đây nhất định anh chị em sẽ điều khiển được bộ máy kháng chiến trong thôn xã.

Những ý nghĩ này quấn quít lấy tôi trong những ngày tôi sống gần anh chị em, cùng anh chị em đánh đổ cường hào gian ác cho bằng được. Tôi mới hiểu rằng thấm nhuần chính sách của Đảng không phải là một việc hoàn toàn thuộc về lý trí. Đây quả là một vấn đề đòi hỏi rất nhiều tình cảm, nó hằng ngày đặt cho ta những câu hỏi

dứt khoát: "Yêu thương ai" và "Căm thù ai". Trình độ chính sách của tôi thêm được đến hạn độ nào thì tim tôi nhịp cùng với anh chị em đến mức ấy. Và chỉ có đứng hẳn vào giữa đấu tranh nóng hổi của dân cày thì tôi mới lắng nghe được rõ ràng cái tiếng đập của trái tim vĩ đại ấy của quần chúng nhân dân. Chiều hôm đội rút về khu tổng kết, đồng chí T. nhanh nhẹn chạy theo xuống bến sang ngang, đòi tự tay cầm sào tre chở chúng tôi lên đường. Chia tay rồi, cùng nhau hứa hẹn rồi, đồng chí còn chống sào nói với lên: "Bao giờ thì các đồng chí về đây nữa? Chúng tôi hứa chấp hành đúng chính sách". Chưa khi nào tôi nghe danh từ chính sách mà thấy nó dạt dào đến thế, mà thấy nó thoải mái trong sự sống đến thế.

Sau đấu tranh thắng lợi, anh chị em gồng gánh đến các kho nhận phần thóc chia. Tôi lại được dịp biết thêm nhiều thứ lúa. Thóc, tôi cho thứ nào cũng vàng vàng giống nhau thế thôi. Nhưng anh chị em đã phân biệt được cái màu vàng đống thóc này khác màu vàng chỗ thóc kia; nhìn sắc vàng đậm nhạt khác nhau của từng cót thóc, anh chị em đã gọi tên ra từng loại thóc câu, thóc tám, thóc hiên, thóc tròn hột. Phiên chợ tối Dương Lâm sau những ngày ấy, có thể gặp hết

các gia đình nhà rễ và cốt cán ở đây. Người mua đôi chiếu cói mới, cái nằm cái đắp. Người mua nồi, bát, đĩa, mua vải cho chồng con, mua khăn vuông thâm bịt đầu. Trên bờ máng, nhiều anh chị em hội viên Nông hội mới đang bàn tán tậu chung cái bừa, mua chung con bò mỗi nhà một chân. Sáng sáng, nhiều người ở đâu đâu gánh bún đến xóm ngõ đổi lấy thóc. Nhiều gia đình không cần ăn độn vài bữa, hôm nay ngày vui, ta thử ăn nếm lá bún đầu tiên trong đời mình xem nó ra sao. Đợt sau, đấu tranh thắng lợi ở một địa điểm khác, tôi cũng được thấy cái vui mừng ấy ở nhiều anh chị em. Tết đến, nhiều gia đình bần cố nông có bánh chưng, có thịt thủ rang kho. Ông bà Tôn may cho con gái lớn bộ quần áo mới để chị ấy ra giêng đi dân công bốn tháng cho lành đẹp. Cái Hiên, hai tuổi, con anh tổ trưởng Cạc chập chững biết đi, lon ton trong bộ áo mới vải xanh công nhân. Tại sao tôi không dám nghĩ rằng cái Hiên sẽ là một nữ công nhân của một nông trường Việt Nam sau này? Tết năm nay, nhiều gia đình hội viên Nông hội mua nhiều tranh ảnh lãnh tụ dán lên vách đất, lên phên liếp. Ngõ xóm bờ tre điểm điểm những chấm quần áo trắng lam mới. Nhiều người cùng cười: "Ấy mới là sơ bộ mà đã vui như thế này. Đến lúc

cải cách thật sự cho tất cả mọi người, thì còn thích đến đâu. Miệng cười mở rộng, anh tổ trưởng nông hội bỗng trở nên khắc khổ: "Cho nên từ bây giờ, ta càng phải đoàn kết giai cấp cho mạnh, để trấn áp giai cấp chúng nó mà tiến nhanh lên cải cách".

Hôm đoàn chiếu phim lưu động về, nhờ anh cán bộ trong đội ngồi canh cho nồi bánh chưng đêm tết, anh Đoàn chị Đoàn dắt tay nhau đi mua vé xem phim Bạch mao nữ. Từ ngày làm bạn với nhau được một con rồi, vợ chồng anh Đoàn chưa bao giờ dám sánh vai nhau cùng đi xem như thế. Đó cũng là một nét thắng lợi nữa trong đấu tranh với phong kiến.

Trong tháng hữu nghị Việt Xô Trung lại là hôm chào mừng chi bộ địa phương ra công khai, nam nữ thanh niên rước cờ rước ảnh Việt Xô Trung và rước đuốc đến chào mừng Đại hội. Rồi làm kịch lửa trại, múa ta, múa Trung Quốc, múa Liên Xô. Tôi thấy chị A, chị Lâu, chị Tiết tết tóc mai, váy vải hoa mậu dịch, đóng giả các chị Liên Xô và Trung Quốc. Trước khi cải trang, có tiếng cười các chị là đầm răng đen. Các chị vẫn bình tĩnh, vui vẻ đóng chị Liên Xô, chị Trung Quốc và cầm đuốc sáng trưng diễu qua phố làng. Phụ nữ thôn đêm ấy đã thắng những cái cười lạc hậu và

chế riễu ấy, tôi cho đấy là một mặt khác nữa của thắng lợi trong đấu tranh với phong kiến.

*

Nhưng mà cuộc đấu tranh chưa chấm dứt. Phát động giảm tô thắng lợi xong, phải tiếp tục ngay phát động cải cách ruộng đất. Giai cấp thù phản ứng cưỡng lại, ta cũng còn chầy chật với nó. Khó khăn mới, lại đề ra. Tôi hoàn toàn tin tưởng lực lượng anh chị em có sự dìu dắt của Đảng và Chính phủ, thì thế nào cũng đạt thắng lợi cuối cùng. Nhưng từ nay cho đến cái thắng lợi cuối cùng ấy, còn nhiều vấn đề. Bóng tối phong kiến vẫn còn phảng phất trên ngọn tre ngọn lúa. Kinh nghiệm cải cách ruộng đất ở thí điểm Hùng Sơn vừa rồi, cho ta càng nhìn thấy địa chủ cường hào, và nhất là tay sai của nó, đã phá phách thắng lợi giảm tô như thế nào. Thằng Tỵ ở xã tôi đã gục rồi, nhưng tay sai của nó còn có thể trỗi dậy. Lúc đội tôi rút đi, ba lô mỗi người đeo lên lưng rồi, nhưng thấy trong xã mới vẫn còn nhiều vấn đề dở dang. Đi rồi, nhưng trong lòng tôi chưa thế nào yên được.

Tôi đọc cuốn *Vỡ đất* của Sô-lô-cốp, đã lâu, mà giờ tôi mới vỡ lẽ ra về ý nghĩa của câu cuối cùng

trong tác phẩm: "Chuyện cũ lại diễn lại" nêu lên những cái khó khăn càng phải tiếp tục khắc phục. Thật vậy, bóng tối phong kiến còn cố bám trên xóm làng Việt Nam. Bao giờ đêm sắp hết cũng tối sầm hắn lại cái đã, rồi sau đó, ánh sáng mặt trời mới lồng lộng soi ngang vào luống cày.

Bắc Giang, 2-1954

VIỆT BẮC NGỪNG BẮN

- Đình chiến rồi, anh ạ.

- Có báo rồi à?

- Tin phát thanh. Có viết lên bảng thông tin ở trước cửa hiệu sách dưới phố ấy!

Chị ấy nói xong, đi thẳng xuống bếp. Mõ buổi cơm chiều tập thể cốc cốc đổ dồn một hồi như chưa có gì xảy ra cả.

Vài ngày sau, tin đình chiến chính thức công bố lên báo rồi, thì cơ quan chúng tôi sáng dần ra. Cây gieo mình xuống sườn đồi huỳnh huỵch. Nứa to lắc rắc đổ. Nối liền nhau, những tiếng dao chặt cây suốt cả buổi. Ánh sáng ùa vào khung cửa sổ và bàn nứa làm việc. Trang sạch, trang sổ trắng sáng ra, tưởng như không cần phải đeo kính nữa. Lúc này càng thấy nhớ anh bạn Liên Xô Karmen. Cách đây không bao lâu, anh đến quay phim ở đây, chỉ lo không đủ ánh sáng. Vừa cười vừa ôm chầm lấy chúng tôi, anh hỏi: "Đây là căn cứ của các anh, đúng chứ?". Nay hòa bình trở lại, anh đang chuyển hướng cho bộ phim màu của anh như thế nào đây? Và một hôm nào gần đây nếu anh có rẽ vào thăm lại cái "căn cứ" văn nghệ này thì nó cũng đã chuyển đi nơi khác rồi. Ở đâu, chưa biết: nhưng cái hướng

chuyển là nó sẽ hạ sơn, nhích dần về xuôi. Về thủ đô chứ! Tám năm. Lại về.

Anh em vẫn tiếp tục chặt cây trên cái khoảng sân rộng mọi ngày dùng làm nơi trung tâm cho tất cả các bộ phận trong cơ quan, tối tối phát thanh và sinh hoạt tập thể. Bây giờ đình chiến rồi, không cần ngụy trang mái nhà, khoảnh sân, chống tàu bay nữa. Cái sân này, công đoàn cơ quan định dùng vào việc tăng gia. Ngồi trong cửa sổ phòng họp, nhìn ra đã thấy từng mảng trời lớn xanh ngắt, mắt chớp chớp bỡ ngỡ. Chung quanh mình, thấy nó như trống chếnh thế nào ấy. Những cây nằm gục xuống, nằm vật ngang ra kia, mọi khi ban bảo mật gìn giữ và nêu thành kỷ luật. Không những phải quý từng gốc cây cành lá, mà vài ngày còn phải đi chặt thêm những cành nứa úp lên mái gồi, dựng phủ lên tường nứa, tránh sự soi mói của tàu càng và các thứ tàu bay thám thính. Lá và cành nào khô héo, vài ngày lại chặt cây tươi thay vào. Có khi còn phải ngụy trang cả những con đường mòn bắt vào cơ quan nữa. Những việc này đã thành một thói quen trong suốt mấy năm ròng. Chặt mãi, thay mãi lá ngụy trang, nhưng rừng vẫn um tùm như không suy xuyển chút xanh nào.

Giữa cái sân đã quang cả cây lớn cây nhỏ, các

chị có gia đình sống chung trong cơ quan, cười ròn rã, phơi rũ quần áo tre em. Tã trắng, áo đỏ, áo xanh lấp lánh hàng dẫy một dưới nắng hè. Bây giờ người ta lại đốt rác đốt giấy lộn cả ban ngày cả ban đêm. Có khi nối lửa đốt một lúc năm sáu đống rác, khói dựng lên thành những cột vươn mình cao. Lửa cháy kêu vù vù như nhạo tiếng tàu bay đối phương đã hết thời... Tôi không khỏi không nghĩ đến những cái bếp kiểu Hoàng Cầm tiêu dấu khói hỏa thực ở sát mặt trận. Tôi càng nghĩ đến cái kỷ luật khói lửa ở các cánh rừng tập trung hàng ngàn anh chị em dân công, công trường phải tắt bếp khi mặt trời mọc và chỉ được nối lửa vào lúc mặt trời lặn. Mới đấy mà tưởng như đã lùi xa lắm rồi.

Thị xã Tuyên Quang nào đã kiến thiết gì đâu, mà sao thấy nó lớn hẳn ra, rộng hơn mọi ngày, dài hơn mọi ngày. Nhà cửa đường xá vẫn chỉ bấy nhiêu thôi, nhưng mà người thì lũ lĩ bạt ngàn. Hình như cả sáu bảy huyện toàn tỉnh đều về mở đại hội dân tộc ở giữa thị xã. Đủ cả miền núi miền xuôi, bên này bờ sông, bên kia bờ sông. Nhiều người trầm trồ "thế mới biết kháng chiến mình đông người thật. Phân tán đi khắp núi rừng, đầu sông ngọn suối, nhưng hoàn cảnh cho phép tập hợp lại, sao cứ ùn ùn ra đông thế!". Tốp

năm tốp mười, người ta đi lên, người ta đi xuống. Có cái vẻ như là để trả thù cái chuỗi ngày cũ cứ nơm nớp sợ nó bay lên. Trước Hòa bình, hôm nào nó không bay lên lượn mấy vòng thị xã, lại càng thắc mắc. Có người sợ quá, đánh giá địch quá mức, đã đề cao nó, kêu rằng: "Khoảng Cầu Chả, nó mà đã bay lên lấy cỡ súng rồi, thì con gà vút qua đường, nó cũng bắn trúng đầu chết tươi". Nhưng thực ra, trải bao cơn bom tạ bom chuỗi, Cầu Chả vẫn nguyên vẹn. Và trên cầu lúc này, có người lượn đi lượn lại qua Cầu Chả có đến dăm sáu lần. Mọi người cứ đi như thế và hình như được thắng người mà nhìn thấy nhau như thế là thích rồi, không cần gì hơn nữa. Có hiệu phở có ngày thịt đến bốn chục gà vịt. Cái tết Việt Xô Trung năm ngoái, ban ngày xem cờ bay trên thị xã Tuyên Quang đã là thích rồi, nhưng bây giờ mới thật là cờ đỏ ối. Không những cờ đỏ, mà lại cờ xanh chim hòa bình nữa.

Dần dần thị xã ầm ầm những ô tô trận sơn màu xanh rừng. Camiông, díp, còn như phủ đầy bùn đầy bụi của đèo Lũng Lô, Sơn La, cánh đồng Điện Biên. Trên dòng sông Lô, nước lũ lềnh bềnh củi rều, ca nô có lúc đi hằng đoàn về bến Then, một bên sườn cắm cờ xanh một bên sườn cắm cờ đỏ.

Lòng thắm thiết của nhân dân đối với đất nước trong vận hội mới, đã biểu hiện cụ thể ở cái việc người ta rủ nhau đến hiệu sách mua sắm bản đồ. Tổ quốc ta tươi đẹp. Rất nhiều người đã dành ra một cân rưỡi gạo mua một bản đồ Việt Nam tô màu đem về treo nhà.

Đứng trước bản đồ Tổ quốc, nay càng quý yêu muôn phần, có những người xem đã hỏi lẫn nhau : "Đâu đâu, vạch giới tuyến?". Có những tiếng sốt sắng khác trả lời: "Trên thực tế, không có sự chia cắt, giới tuyến chỉ là một cái vạch tạm ước nhất thời. Cho nên ở đây sông núi làng mạc tỉnh thành miền Nam miền Bắc chúng ta vẫn liền một khối. Nhân dân cũng một khối".

Ngày một ngày hai, bộ mặt thị xã đổi dần. Xe bò lá gồi các ngả đường đổ về. Tre nứa nối nhau trên vai người. Bắt đầu dựng trại để nay mai thị xã đón tiếp những tù binh, hàng binh Âu Phi được phóng thích. Trong năm ngày, phải dựng xong 20 gian lớn đủ đón 500 Âu Phi phóng thích đợt đầu. Bà con khắp các khu phố chia nhau may quần áo mới mầu lá cây và nấu nướng phục vụ cho Âu Phi hồi hương. Đêm nào cũng thế, trại hồi hương vang dậy những bài hát "kết đoàn lại", "Henri Martin". Hôm tiễn đưa đợt hồi hương đầu, có đến một cây số xe ô tô sơn xanh xuôi về Việt

Trì. Các bà mẹ gắn huy hiệu hòa bình. Anh chị em Âu Phi hôm qua hôm nọ còn là kẻ thù, hôm nay đã là người bạn, đều cảm động tuyên bố: "Về quê hương tôi, tôi sẽ suốt đời giữ huy hiệu". Nhiều bà mẹ căn dặn: "Các con hãy làm sáng rọi ánh sáng của hòa bình để không có một người mẹ nào phải khóc con". Bụi mù cuốn theo đoàn xe xanh. Trên những khuôn mặt đen xạm lửa khói trận mạc đánh thuê, nhấp nhánh những chiếc mũ mới đan bằng những tầu lá nhớ đời của rừng Việt Bắc.

Tôi đứng ngắm bến đò Bình Ca. Phải đứng ở cái bến đò ngang rất quen biết của Việt Bắc này, đứng ở cái bến này mà nhìn đò ngang hằng mấy chục chiếc thi đua vỗ chèo trên sông trưa chói nắng này, thì mới cảm thấy đầy đủ thế nào là hòa bình đã trở lại với đất nước. Mấy năm nay, nhất là trong suốt thời gian mở chiến dịch Điện Biên, có mấy ai dám qua sông ban ngày ở quãng này, trừ phi có công tác cấp bách lắm. Cái bến này ác có tiếng. Đã có những thằng phi công kỹ thuật cao được chuyên môn phụ trách kiểm soát cái bến sang ngang nối liền hai tỉnh Tuyên - Thái. Có khi chim hôm về rừng hết rồi, mà còn nghe nó quần đi quần lại, còn nghe nó bắn phá. Đã bao nhiêu lần nó thả đèn đêm kiểm soát bến

này. Bây giờ, bây giờ thì mỗi đầu dốc xuống bến, phấp phới chiếc dù lụa trắng. Trắng bốp. Dưới dù, bóng loáng nước da đồng hun của những thân hình anh chị em chở đò đang cười nói gọi nhau ơi ới quan mặt sông. Cái bến lồ lộ ra giữa trời sáng quang.

Phố bến đã dựng lên sao nhanh thế. Mái nứa mới ánh lên như lợp tôn. Chả bù với trước Giơnevơ thắng lợi bến vắng như một cảnh bờ sông ở ngoài thời gian. Đã hết rồi, đã hết dần, những cái dáng điệu thấp thỏm canh giời và nghiêng nghé lắng tàu bay, gò người rảo bước, lúc nào cũng như sắp vứt cả gánh cả bị đi mà trốn nấp. Từ đây trở đi, cuộc đời đã bớt được bao nhiêu tiếng mõ tiếng kẻng canh tàu bay. Người sang đò, ung dung ngắm cảnh ngắm người với cái phong thái tự tại của người chủ nhân ông đất nước!

Quãng châu Tự Do đến Đèo Khế lại còn đẹp hơn bến Bình Ca. Mọi khi hàng quán đều trốn trong rừng; nay nhích hết ra gần mặt đường cái. Hàng quán nào cũng hạ xuống cái rèm lá ngụy trang. Màu đỏ, màu vàng, màu hồng của thức ăn và những dáng người vui sướng hiện lên đầy đủ trong lòng từng quán. Xe thồ đỗ tập trung. Gần xuống chân đèo bên kia, cái quãng dài hơn một

cây số chạy theo ven suối mà bom tạ bom giờ của nó phá đi phá lại hằng ngàn quả hằng chục lần, dã được gọt sửa lại, đẹp nhẵn như trong các tranh ảnh quảng cáo du lịch. Chân đèo Văn Lãng. Mọi khi giải tán phố, chợ rút vào bí mật. Nay đều ra hoạt động công khai hết. Chợ lại đặt trên đồi lộ thiên, cấp lên thúc vào lòng đất thịt đỏ. Đỉnh đèo, chân đèo, cả ngày đông người. Người đông, quán đông, hàng họ đông. Sinh hoạt chuyển dần sang ban ngày. Người người nói đến những con đường quốc lộ nay mai rộng những mười bốn thước. Có người bàn định sẽ về xuôi; có người cho mình là hiểu việc đời hơn, và định hoàn thành kế hoạch tăng gia, rồi ngoài Tết mới dứt khoát là ở hay là xuôi. Tôi ngồi trong một cái quán, chủ quán là một nông dân Vĩnh Phúc. Hồi còn ở lại làng lập Tề, ông chuyên môn đếm moóc-chê nó câu từ vị trí xuống, không lẫn một quả nào. Nay hòa bình, ông vừa bán xôi bún cho khách, ông vừa đếm những xe súng và xe ca-mi-ông đi qua. Những xe xanh G.M.C. chiến lợi phẩm và xe Mô-lô-tô-ba, ông đều gọi là "xe ta".

- Xe của ta đi cả đêm cả ngày. Chạy nhiều khi nhanh lắm, mà tài nhất là không nghiến chết con gà con chó con lợn nào chạy qua đường. Ra anh lái xe giờ đều học tập cả rồi, rất tôn trọng

của cải của nhân dân.

Xa xa có những cánh rừng cây thưa, thấp thoáng hàng dãy gian nhà mái màu nhạt nối dài như một cái phố mới dựng. Đến gần mới biết là mình nhầm. Đấy chỉ là một công trường của xe vận tải căng bạt. Cánh đồng Ngò gần Cù Vân. Năm 47 nó tấn công Việt Bắc nó đã nhảy dù trên quãng đường này, dân quân đứng trên núi nhìn xuống thì dù nó trắng xóa như cánh đồng rau muống đâm hoa. Nay cánh đồng Ngò cũng lốm đốm muôn ngàn điểm trắng. Đấy là những tấm thẻ mo thẻ tre sơn vôi trắng, cắm la liệt trên những mảng ruộng của một xã đã cải cách ruộng đất. Con chim bói cá đậu lên những cái thẻ mang tên những người vừa đấu tranh thắng lợi. Một đàn cò trắng hòa bình của đồng quê đang sập cánh đậu lên tên tuổi nhiều anh chị bần cố nông. Đất lành, đất tươi rồi.

Đêm nằm ở gần Bờ Đậu, nghe cơ giới chuyển vận liên hồi, cảm thấy nó như tiếng thủy triều dâng mãi lên của phong trào hòa bình. Ông cụ chủ nhà ấy mang rượu thuốc ra uống, ôn lại những năm gian khổ. Có khi thương con và thương cháu trong cảnh tản cư thiếu thốn, cụ đã một lần xin phép về thăm qua nhà cửa ở làng đã lập Tề. "Lần ấy tôi tạt về làng đã Tề, cũng là để

giối già một chuyến. Bây giờ được toàn vẹn mà trông thấy kháng chiến thắng lợi thế này là tôi cũng trăm tuổi được rồi... Nhưng không phải thế, tôi phải sống nữa, ít nhất cũng là nhìn thấy tổng tuyển cử đắc thắng". Người con dâu cụ sắp đến ngày nằm nơi, hỏi vọng ra: "Thày ạ, con định đặt tên cho cháu sắp đẻ là Hòa Bình. Giai hay gái cũng đều đặt gọi là Hòa Bình. Trước đã đặt một đứa là Kháng Chiến rồi..."

Thị xã Thái Nguyên trong những năm tháng gian khổ nhất, vẫn có cái tấp nập của nó. Nay lại càng tấp nập. Người đông quá. Xe nhiều quá. Nhiều người phải nhắc nhở lẫn nhau về kỷ luật đi đường. Màu trắng nhiều quá. Ở trước nhà, ở sau nhà, ở mặt phố, ở ngoài đường, màu trắng nổi bật lên trong cuộc sống mới.. Hòa bình thật là đã đem lại màu sắc mới cho thực tế. Giá lúc này anh bạn họa sĩ Ba Lan A-léc-xăng Cốp-đây có mặt ở Việt Bắc này mà nhìn những màu trắng này! Còn nhớ cái hồi anh đi mặt trận Điện Biên Phủ, chiến sĩ các đơn vị vui thích đưa lưng mình ra để anh tạm dùng làm giá vẽ. Đơn vị lại đặt kế hoạch bảo vệ anh, và xúm lại cầm tầu lá tươi ngụy trang cho tờ giấy vẽ trắng lốp của anh, chống những phi cơ thám thính bay trên đầu. Những tờ giấy trắng ấy đã thành ra 150 bức họa

ghi lại những hình ảnh yêu quý của Việt Nam . Nhà văn Ba Lan Đuy-cô-rốp-ky thuật lại những cảnh kháng chiến, nhất là ở mặt trận Điện Biên hùng vĩ, đăng vào báo "Tia Lửa" ở Vác-xô-vi, có nói: "Mai đây, ai có dịp đến thăm Việt Nam , tôi mong rằng họ sẽ thấy một nước Việt Nam mới". Mai đây, tức là bây giờ đây, tức là những ngày này, nhân dân đang phấn khởi chuyển sang một giai đoạn mới của cuộc đấu tranh. Anh Trần Đăng, anh Nam Cao, anh Tô Ngọc Vân và các anh khác nữa, tại làm sao lúc này các anh lại là người vắng khỏi cuộc sống này? Tại làm sao các anh là những người đã gắn bó với kháng chiến, và đã nhiều lần qua lại thị xã này trong kháng chiến, các anh lại không còn sống nữa để mà rung cảm với tôi giữa cái tưng bừng trước mắt đây? Nhớ! Tiếc! Thù! Hình ảnh bạn chiến đấu cũ chan hòa dần dần trong những hình ảnh lớp lớp người người đang chuyển động trong lòng phố, bãi chợ, bến đò.

Tôi cố đi tìm cho được anh Sáu. Sáu thay ông Thơm, gác tàu bay đánh kẻng báo động cho thị xã đã hai năm nay. Mấy bữa nay, tôi không nghe tiếng kẻng của anh Sáu nữa. Nay anh đang làm gì? Anh đang nghĩ gì?

Một người chào tôi. Tôi nhận ra đấy là ông

chủ nhà xóm Phủ Liễn vẫn để nhà cho bộ đội đóng quân. Tôi nhớ nhất cái bản đồ tỉnh Thái Nguyên căng trên tường nhà cụ. Bản đồ ấy có nhiều nét chì đỏ gạch chéo, những gạch ấy đều vắt qua thị xã. Đấy là những đường bay của bộ tham mưu nghiên cứu sự hoạt động phi cơ địch, cất cánh từ mọi căn cứ Bắc bộ bay lên Bắc Cạn, Cao Bằng, biên giới, những năm 49, 50. Bản đồ ấy của ban chỉ huy tiểu đoàn bảo vệ thị xã, căng lên để cán bộ nghiên cứu. Thường là học tập xong, anh cán bộ lại hạ tấm giấy phủ lên bản đồ để tránh những con mắt tò mò. Trong cảnh hòa bình trở lại thị xã nhấp nhánh nhiều màu trắng, và tàu bay Mỹ Pháp không được vi phạm bay qua không phận miền Bắc và nhất là thị xã Thái Nguyên, hình ảnh bản đồ và tấm giấy phủ ấy lại hiện lên trong ký ức. Nhưng mà xa quá rồi.

8-54

CHUYẾN TÀU HÒA BÌNH

Sau ngày tiếp thu Hà Nội, một số người thủ đô vẫn xì xào "đi hay ở", "ở hay đi". Thế rồi những khó khăn của công tác làm thuế. Nhưng tiếp thu Hà Nội được mười sáu ngày, chúng ta khởi công làm ngay đường xe lửa Hà Nội - Nam Quan. Cái câu hỏi "bao giờ xe chạy" lại dần dần thay thế cho câu "đi hay ở". Bao giờ có tàu hỏa?

Chuyến xe đầu tiên mở hàng cho con đường Hà Nội - Nam Quan đã huýt còi rời ga Hàng Cỏ buổi sớm một mùa xuân yêu đời. Cả đêm ấy, tôi thao thức. Tám năm nay mới lại có cái cảm xúc dậy sớm ra tàu. Đoàn tàu dài mười lăm toa căng khẩu hiệu và cắm cờ Việt Xô Trung qua đầu ghi Sinh Từ, đầu ghi Cửa Nam. Nhiều gác sân hậu đã có bóng người dậy sớm nhìn tàu qua sau nhà. Tiếng phát thanh của đoàn tàu vang vang trên Cổng Đục. Nhân dân lao động ngõ Hàng Khoai và khu chợ Đồng Xuân vỗ tay vẫy chào đoàn tàu khai mạc đường sắt. Loa phát thanh bắt đầu bài hát "Việt Nam kiến thiết". Cầu Long Biên loang loáng. Gió lạnh trên sông Hồng Hà. Đèn Hà Nội lùi lại. Những bức tường phố Gia Lâm dội lại tiếng phát thanh toa tàu đang báo cáo thành tích bốn tháng dựng đường sắt. Ga Gia Lâm sân đã

đông kín các đoàn thể nhân dân ra mừng tàu. Đoàn văn công trên tàu hát mừng bài "Đường của chúng ta". Tiếng trống ếch của thiếu nhi. Tiếng cười của tuổi trẻ chào mừng đoàn xe của thế hệ mình. "Đường này sẽ đi xa... qua Bắc Kinh... qua Mạc Tư Khoa... Đường này rồi sẽ chạy vào miền Nam mến yêu...". Xa tít sau ga kia, nhấp nhánh đèn xanh của trường bay Gia Lâm ngày nay chuyên môn viên đã hoàn toàn là người mình. Trời đã mờ mờ trên sông Đuống. Cách đây mấy tháng, ở công trường Yên Viên, bờ sông còn lạnh hơn thế này nữa. Cả công trường nghếch chờ những đoàn bè Việt Bắc về, rẽ ngã ba sông Dâu vào sông Đuống và mờ mờ tiến gần lại, lá cờ đỏ đã bạc đi vì mưa gió từ trên ấy xuôi về. Người ta xúm xít rối rít giữ bè. Những bè liên tiếp này đã chở được 15.000 cân sắt trong số 20 tấn sắt thu thập được. Người ta nói một cái đinh bù loong đặt mua mất 3 cân gạo. Tổ nông hội một xã tỉnh Yên Bái ở ven đường sắt đã nhặt tìm được 2 tấn bù loong. Phương tiện chuyển vận này là thành tích của 3000 anh chị em dân công Yên Bái và cán bộ đã vào sâu cách xa bờ sông Thao 18, 20 cây số để chặt nứa. Có chị mỗi ngày chặt đến 30 cây nứa, lao nứa qua 7 con thác dữ. Tất cả chỉ có 20 con

dao và một tấm lòng tha thiết với xây dựng Tổ quốc. Ngoài 12 chân sào thiện nghệ, còn là toàn anh chị em dân công chưa đi sông nước lớn bao giờ. Mỗi bè 7 tấn sắt đi trên đường nước ngòng ngoèo 300 cây số, tất cả đoàn bè chở sắt cũ đã lần lần đỗ bến sông Đuống. Trời đã mờ mờ trên quãng vào ghi ga Yên Viên. Đèn pha đoàn ô tô tới dự lễ cắt băng khai thông đường sắt đang chiếu sáng con đường quốc lộ. Mưa xuân rắc bụi trên cánh đồng xuân mạ non. Từ khung cửa sổ các toa tàu, nhiều bó hoa vẫy vẫy những người dưới sân ga. Nhiều bàn tay nhô ra nắm lấy tay các cụ, các anh các chị, các em dưới đường. Tàu đi rồi mà nhiều cánh hoa còn ném theo lại. Tàu chạy nhanh. Nhân dân thành ra một hàng rào danh dự. Hàng rào dài lắm, hàng rào kéo dài qua mấy ga. Tiếng hoan hô từ mặt đường nhựa, từ các mặt ruộng dưới kia dội vào toa xe lúc xa lúc gần. Trên ruộng su hào, nhiều thanh niên nông dân vừa vỗ tay, vừa nhấy cẳng. Bà cụ phúm phím nhai trầu váy tay nhè nhẹ. Bà cụ đang gánh hàng cũng đỗ gánh, một tay múc, một tay vẫy tàu. Ô tô hàng sơn xanh đỏ cũng ngừng xe lại. Từ khung xe, hằng trăm cánh tay múa cao lên, ngoắt đoàn tàu. Du kích nam nữ cầm súng, ghếch chân lên nền đương đá, ngực ưỡn, đầu

hướng theo tàu lướt qua. Có người lại nằm phục sát xuống ngọn mạ mà nhìn gầm bánh xe. Một thói quen cũ của người đã từng đánh đoàn tàu đế quốc chăng? Có chị chưa quen vỗ tay, cầm luôn tay đứa trẻ đang ẵm mà vẫy, cả hai mẹ con cùng cười. Xa bên kia đường, cả một cái trường học nông thôn đổ ra sân xem tàu. Đài của đoàn xe nối bài hát, người người dưới đường nhịp bằng tay ấp tay vỗ, miệng cười. Cái vui những sớm hôm nay càng nhắc lại cái vui mừng của những ngày mới bắt đầu làm đường cách đây bốn tháng. Các đơn vị thanh niên xung phong và dân công rải rác trên quãng quốc lộ này, đều cắm lá cờ đơn vị mình trên những phần đường. Nhiều lá cờ đã từng tung bay trước gió rừng Tây Bắc, Đông Bắc, Điện Biên Phủ. Bạt ngàn sa số những bồ nan mới, không ngụy trang xanh nữa mà lại có gài hoa tươi đồng nội. Đoàn người ca vang hát vang những điệu hát của tuổi trẻ kiến thiết, của lao động quang vinh. Từ Vĩnh Phúc về Bắc Bắc, xã Lạc Long mang theo tới công trường lá cờ ghim hai huân chương chiến sĩ hạng ba được tặng từ Điện Biên Phủ. Trong cái tưng bừng loang loáng mồ hôi xây dựng đất nước Tổ quốc, cụ lão du kích Đặng Đình Lư, tuổi đã gần tám chục, cũng xung phong ra công trường quốc lộ 1,

mà ngày ngày đào hai ba thước đất và gánh trên nửa tạ đất đào.

Ga Bắc Ninh. Có hai bó hoa chuyển lên tàu tặng hai chiến sĩ Việt Nam và Trung Quốc. Chiến sĩ của chúng ta ngồi kín mấy toa tầu, tâm hồn phơi phới chan hòa cùng nhân dân đón mừng tàu. Nhìn xa ra khắp thị xã, thấy đều lố nhố người trên các sân thượng, các nóc nhà, các hồi tường. Cái nhà lầu kia là Ủy ban hành chính Bắc Ninh chữ son rõ mồn một. Cho nó bõ với những ngày rút bem, lưu vong, bám đất bám dân gian khổ, từ sau khi nó chiếm cả Nam phần Bắc phần. Đồi Rút-xơ-lê kia còn gợi lại những ngày chiếm đóng cũ, pháo đài nó ở trên đồi bắn qua cả sông Đuống cả đêm cả ngày. Đất các đồi Bắc Ninh lật ngửa vàng khè. Đoàn xe hòa bình qua tỉnh, thỏa lòng nhân dân Bắc Ninh anh dũng gian khổ, mong mỏi từng bước vượt tới của con đường sắt. Nghề ruộm ở Đình Bảng đang chờ mong lá sòi Lạng Sơn. Ông lái Trang Liệt Đồng Kỵ từ nay không phải đánh trâu đi bộ mấy ngày từ Kỳ Lừa về nữa. Đáp Cầu. Bờ sông Cầu. Con sông Cầu nay trông hiền lành quá, êm đềm quá. Nhưng mà quên sao được những thành tích của các chiến sĩ giao thông tỉnh Bắc Ninh lội qua sông, đảm bảo đường dây vào nội địa, vượt qua

những quãng vành đê nó mai phục.

Bờ sông Cầu còn ngổn ngang nhiều đống đá củ đậu. Đây là đá của công trường Quảng Yên đây. Đá ở núi Kính Chủ chuyển bè về theo con đường sông Kinh Thày đây. Các chiến sĩ kể lại rằng anh chị em thanh niên xung phong và dân công chúng ta đã kéo tới quây tròn lấy những quả núi Lĩnh Đông, Kinh Chủ ở Quảng Yên, những quả núi Mai Pha, Đồng Mỏ, Chi Lăng ở Lạng Sơn. Và ngày đêm ở đấy mấy tháng ròng, không bao giờ ngớt tiếng mìn nổ, đá lăn ầm ầm, đá rào rào đổ xuống như mưa, tiếng người reo người hát không bao giờ ngắt quãng mấy tháng liền. Trong kháng chiến, ta cải biến địa hình địa vật. Trong hòa bình, những quả núi khổng lồ méo dần, vẹo dần đi. Những đống đá củ đậu trắng xóa dưới trăng rừng. Đá nhờ vai người mà men dần ra bờ sông và chuyển dần về Đáp Cầu. Chiến sĩ càng nhắc lại lời Chủ tịch Hồ Chí Minh:

Đời không việc gì khó
Chỉ sợ lòng không bền
Đào núi và lấp biển
Quyết chí ắt làm nên.

Ga Sen Hồ, vị trí Sen Hồ cũ. Quanh đây là chợ Nếnh. Trong những năm chịu đựng gian khổ ở Việt Bắc, chỗ này đã từng cám dỗ một số tâm

hồn yếu đuối. Đối với một số người, đây là một cái cửa ngõ vào vùng địch, một cửa ngõ về Tề, về Hà Nội, dinh tê. Nhưng mà nay con tàu hòa bình đi qua Sen Hồ, người ta chỉ còn nhớ đến những thành tích xây dựng của các đội dân công phụ trách phần đường này. Hình ảnh anh du kích Vị đắp kè tát cạn hào bên lô cốt và có nhiều sáng kiến bạt bằng vị trí Sen Hồ để dựng nền đường sắt, hình ảnh anh thanh niên du kích Gia Lương ấy in sâu trong trí nhớ mọi người.

"Sắp đến Bắc Giang đấy!". Tôi chuẩn bị tình cảm để xem cái cầu Phủ Lạng Thương tàu sắp lăn bánh qua. Tôi đã được nghe nhiều về 23 chiếc cầu lớn nhỏ, ta kéo nó ở lòng sông lòng suối lên, và biết rằng cầu Phú Lạng Thương là khó làm nhất. Đoàn xe đang vào cầu. Trước mặt tôi là những nhịp cầu loáng loáng trên sông Thương. Tôi không thể nào không tưởng tượng đến những ngày anh em công nhân ta và công nhân Trung Quốc làm việc trên trời, làm việc dưới đáy nước để trục cầu lên và bắc cầu qua sông. Chuyện anh em thợ làm cầu chúng ta thì không bao giờ cạn bao giờ hết. Tình thương yêu giai cấp, tình cảm quốc tế giữa công nhân ta và công nhân nước bạn đã biểu lộ nhiều nhất trong những ngày kéo cầu trục cầu dựng cầu. Họ đã gửi

tất cả nhiệt tình cách mạng vào những vì cầu sắt. Cầu Kỳ Lừa đã xong trước ba ngày, cầu Phủ Lạng Thương đã xong trước mười ngày. Trong cái tính khẩn trương, còn chói ngời lên cái tình doàn kết. Những khẩu hiệu ở các đội công nhân Trung Quốc: "Thi đua không dấu nghề. Quyết tâm hướng dẫn anh em Việt Nam mau tiến bộ." - "Một người đào tạo một công nhân Việt nam". Trong quá trình làm cầu, đồng chí Trần Nguyệt Minh ở đội cầu Phủ Lạng Thương, một mình đã hướng dẫn 17 anh em Việt Nam biết dần về kỹ thuật cầu sắt. Cùng với tổ mình ở cầu Kỳ Lừa, đồng chí Từ Thanh Minh đã đào tạo cho 6 anh em Việt Nam biết hàn sì; đồng chí đã lấy giấy bồi, tự tay làm ra thêm mặt nạ, và cầm tay anh Việt Nam khiến cái que hàn, dạy anh em hàn lỗ to lỗ nhỏ, hàn sắt theo đủ các chiều. Công trình hướng dẫn tận tụy trong bốn tháng bằng xưa kia học bốn năm. Đồng chí Khang Vĩ Sinh, dạy anh em ở cầu Phú Lạng Thương lái được và dùng được xe cần trục ở công trường. Đội cầu Kỳ Lừa có 4 máy, chỉ có năm người điều khiển, phải chạy cả ngày đêm, vừa làm vừa truyền nghề cho anh em Việt Nam. Điều khiển máy trục, máy đóng cọc, máy điện, máy tán đanh, giáp dầm cầu, đột lỗ, chặt sắt; cái gì các đồng chí cũng đều

hướng dẫn. Không hiểu tiếng thì ra hiệu, vẽ ra giấy. Các đồng chí sang đây, mang theo cả gạo, mang từ những bó cỏ để nằm. Lại còn nhường áo, nhường tất tay, nhường giầy gai, nhường thuốc cho anh em mình. Sau những giờ lao động, họ ôm lấy nhau, áo xanh còn ướt đẫm mồ hôi. Tình thương yêu giai cấp mỗi ngày một rộng rãi và sâu bền hơn lên, dưới những bóng lều bạt ở các đầu cầu và các công trường tản vào ven suối sườn rừng hồi. Một gói trà từ bên quê hương gửi sang, các đồng chí cũng ân cần mời mọc anh em công nhân Việt Nam cùng thưởng thức chén trà nóng, sau những phút vật lộn với gang với sắt. Có những đêm mưa, anh em công nhân Trung Quốc đi làm đêm về, nhỡ độ đường, chưa biết giải quyết như thế nào, công nhân Việt Nam sốt sắng nhường lán của mình, ra hiệu và dắt tay các đồng chí bạn vào lán. Người vào, ngả lưng ngủ ngáy như sấm. Lúc tỉnh dậy, thấy có chăn phủ lên người mình, có màn buông, mở mắt, cười. Lúc chia tay, hai bên cùng nói: "Việt Nam Trung Quốc đoàn kết". Những ngày làm cầu cũng là những ngày nhớ đời của người công nhân kiến thiết đường sắt Việt Nam . Ngồi khoan cầu mà gió bấc thổi luồn dưới gầm cầu; ngâm mình dưới nước sông tháng một tháng chạp để sửa móng

cầu; không rõ trong hai người, người thợ trên trời và người dưới nước này, ai chịu lạnh hơn ai? Nhưng đối với những anh em Nam Bộ mà làm cầu ngâm sông lạnh này, ai cũng phải nhận là anh em đã nhiều cố gắng. Những ngày cạo sơn cũ các vì cầu cũng để lại một ấn tượng sâu. Gió thổi bụi sơn, mắt cay, miệng ho, ngực tức. In trên nền trời, hình ảnh người thợ đu đưa sắc nét trên dây cáp. Quanh các thung lũng phía trên phía dưới, là tiếng còi tàu. Càng nghe tiếng còi tàu gần lại chỗ mình đang làm, người công nhân Việt Nam cũng như công nhân Trung Quốc đều muốn thi đua mạnh hơn, làm nhanh hơn. Trời rét thì làm cả buổi trưa, tranh thủ từng tia nắng ấm. Đục đinh tán cầu, không có máy thì đục bằng tay. Gió mùa đông thổi lộng qua các thanh sắt cầu xám. Tàu đã qua cầu vừa làm xong. Cầu chuyển rung ầm ầm. Những đêm khuya, mặc trời mưa, anh em đều lội xuống suối, xuống sông, soi đèn kỹ các bộ phận thân cầu xem có suy xuyển gì không.

Đã đến ga Cầu Giỏ. Đây cũng nguyên là vành đai trắng, ruộng toàn cỏ cao ngập người. Rồi ga Kép. Vừa qua cây số 62, cái cây số lịch sử, hai đầu mối đường sắt đã gặp nhau, và ngày 8/2/55, cái đinh bù loong cuối cùng đã được vặn chặt ở

đấy. Trong những ngày cuối cùng làm đường xe lửa, những cái đinh ốc này đã là cả một vấn đề. Lúc gần xong, đội bắc đường ray mới biết rằng còn thiếu hằng vạn cái đinh ốc nữa. Chính anh em công nhân các nhà máy Hà Nội và Gia Lâm đã thi đua sản xuất kịp đinh cho kịp bắt đường ray. Trong cái vinh quang đóng góp này, có cả phần anh em lò rèn Hà Nội và cả anh em lò rèn Bắc Ninh nữa.

Phố Bắc Lệ vui quá. Rất đông anh em thanh niên xung phong miền Nam. Đoàn tàu vẫy anh em, anh em vẫy người trên tàu, đều không ai biết mỏi tay. Nhiều lều vải bạt trắng của anh em công nhân Trung Quốc lốm đốm vô khối giữa sắc rừng xanh rừng ổi chiều. Tà vẹc gỗ lim tươi ở đây nhiều quá. Tôi vụt nhớ đến câu chuyện ông Trầm ở Nà Rì (Bắc Cạn) đứng trên núi cao làm tà vẹc, buộc đá vào một đầu cưa, và một mình đứng trên cao mà kéo cưa, cưa được những thanh tà vẹc gỗ tươi nặng gần một tạ. Gỗ tứ thiết đẽo sẵn hình tà vẹc xếp cao thành ụ vuông. Cái bể nước cao cũng bằng gỗ lim. Rừng hồi ra lộc đầy trời. Đến đây tôi mới chú ý đến những cột gỗ thông rất thẳng dùng để mắc dây thép. Những cột này đã hấp máy và cũng do công nhân nước bạn chuyển sang. Và cũng tự tay trồng xuống

đất. Đồng chí Tạ Vinh Hoa mỗi ngày một mình trồng tới 7 cột, mặc dầu gặp đá rắn khó đào lỗ hoặc bùn lầy phải đào sâu, trong khi tất cả mọi anh em khác chỉ trồng được 4 cột. Từ đây đến Đồng Mỏ Chi Lăng, có những quãng rừng dài mươi cây số không nhà. Núi trọc chen với rừng. Hố bom nhiều. Cành cây hai ven đường lúc mới khởi công, còn vướng nhiều bom bướm gài lên. Trên cái thiên nhiên đồng chiêm Bắc Giang và Đồng Mỏ, ngày nay trông đã quang quẻ một phần nào, vẫn nổi lên trong tưởng tượng, cái hình ảnh những công nhân xắn quần móng lợn kéo dây mắc vào cột dây điện thoại qua ruộng lầy rừng rậm đầy ong, kiến, rắn, bom, mìn.

Đêm ấy tôi nghỉ ở Lạng Sơn. Cả đêm vẫn thao thức, hồi tưởng lại cái năm 1950, Tây thua to ở đường số 4, rút chạy khỏi thị xã Lạng Sơn, đốt phá các kho tàng và phá hoại cầu Kỳ Lừa. Lại nghĩ đến chuyện năm 1889, Tây bắc đường xe lửa ròng rã mười ba năm mới xong một con đường sắt mà ngày nay ta chỉ cần bốn tháng là khánh thành được như ngày hôm nay. Buổi tối lúc rời ga, một chiến sĩ nhặt từ lúc nào sẵn một hòn đá củ đậu trên đường sắt, đố tôi biết anh chị em ở công trường đá thường gọi nó là gì. Anh đã cười và giảng:

- Cái này gọi nó là cái đầu thằng Mỹ đây. Thế này nhá. Muốn sản xuất được nhiều đá thì phải leo lên tận núi cao. Núi Kinh Chủ, thành núi dựng đứng, không có đường lên. Phải dòng dây từ trên cao xuống mà rút người bám lên. Búa cái đục choòng vang lên trên đỉnh. Suốt ngày cứ ran lên những câu chuyện "đập đầu Mỹ". Mỹ đây là nói những táng đá mình cần phải ghè nhỏ ra để làm đá rải đường sắt. "Hôm nay, chị đập được bao nhiêu cái đầu thằng Mỹ?". Lòng căm thù chuyển thành sức mạnh cụ thể, cho nên năng suất đá răm tiêu chuẩn là 800 lít, nay đột xuất lên 5.880 lít.

Sớm nay con tàu vượt biên giới và sang nước bạn. Những cây nhãn bên đường lá đen như sắt đường tàu, giống như những cái tàu nâu cắm trên một quãng dài gần biên giới. Mùa rét vừa qua ở Lạng Sơn nước đọng thành băng, có chỗ dày đến hai phân. Trâu bò ở đồng bằng tả ngạn có nơi chết đến hằng trăm con và cây quả ở trên này cũng bị chết khô. Tôi lại càng nghĩ đến cái cảnh anh em công nhân miền Nam miền Bắc và anh em nước bạn chúng ta ngâm mình xuống lòng sông để làm xong 23 chiếc cầu sắt lớn nhỏ. Đường bụi đỏ hồng. Nhiều người đi đường vẫy con tàu. Mục Nam Quan ở về tay trái, khuất sau

kẽ núi trọc, chỉ thấy nhô lên một vài đoạn tường quan ải cũ. Máy phóng thanh trên tàu nhắc: "Còn 200 thước... còn 100 thước nữa... chúng ta sẽ đặt chân vào đất nước bạn...". Con tàu vang lên lời chào Mao Chủ tịch muôn tuổi. Tàu chui qua hầm Phục Ba, rồi qua phố Ải Khẩu. Cuối năm 1949, tôi có công tác qua phố Ải Khẩu. Nay trông phố nhà cửa xây nhiều hơn, nhân dân ở chợ phố ăn mặc lành hơn. Một vài chị Trung Quốc đang đẩy những chiếc xe đạp thồ, đúng là cái kiểu xe thồ của kháng chiến Việt Nam. Mai kia rồi bà con chúng ta ở phố Kỳ Lừa đi chợ Ải Khẩu bằng tàu, sớm đi chiều về. Ga Bản Sén, đại diện chính quyền và đoàn thể tỉnh Quảng Tây lên thăm phái đoàn Việt Nam đi khánh thành đường xe nối liền hai nước. Ga Bằng Tường, cuộc mít tinh lớn. Trên toa bước xuống, tôi vui sướng đón bó hoa của em thiếu nhi tặng. Tôi giơ cao bó hoa vẫy chào một rừng cánh tay công nhân Trung Quốc đang múa động trên lớp lớp cát kết xanh... Đây là một thị trấn nhỏ, một ga nhỡ lọt trong một thung lũng, núi xanh dài thấp, nhà nóc ngói mới, và rất nhiều toa tàu. Sau ga là những lều vải bạt to rộng như những cái tăng khổng lồ gánh xiếc lớn. Dưới lều vải, đã dọn sẵn một tiệc rượu tẩy trần để mừng 600 đại biểu và

chiến sĩ đi chuyến tàu Việt Nam đầu tiên vào ga Bằng Tường. Hơn một ngàn khách vào bàn tiệc. Đại biểu hai bên chúc rượu bằng máy phóng thanh. Sung sướng và chan hòa đến cao độ trong tiệc rượu này vẫn là anh em nam nữ công nhân hai nước. Bàn nào cũng cạn chén, cũng đoàn kết! Bàn này nói: "Chuối, cam Quảng Tây này hương vị cũng giống như hoa quả Việt Nam". Bàn khác nói: "Chúng tôi thấy các chị bên này cũng thồ xe đạp như chúng tôi. Phong cảnh và người bên này cũng giông giống như Việt Nam". Bàn đằng xa kia, chú hỏi khách đi đường có mệt không. Khách trả lời là không mệt bằng anh em công nhân Trung Quốc làm cầu trong bốn tháng ròng. Nữ chiến sĩ công nhân ta rất mạnh bạo tự nhiên nâng cốc mời rượu đoàn kết với các bạn chung quanh. Đúng là ngày vui trong đại gia đình công nhân Việt Nam Trung Quốc. Các chị khỏe mạnh nhanh nhẹn tươi gọn, đúng cái hình ảnh trung thực của phụ nữ lao động chúng ta trưởng thành trong kháng chiến và càng lớn đẹp trong hòa bình. Đây là những dáng của thế hệ phụ nữ đã đi dân công gánh gạo gánh đạn, đã giật mìn nổ súng ở chiến trường. Và sau Giơ-ne-vơ, các chị đốt mìn bắn đá. Đục đá, lội nước chở đá xuống thuyền; có chị quai búa tạ chặt sắt, và có chị

chênh vênh trên lán rừng, một mình cưa đẽo 6 phiến tà vẹt gỗ lim một ngày. Tôi nhớ lại bài học lịch sử cách mạng Việt Nam : "giai cấp công nhân Việt Nam thoát thai từ những tầng lớp nông dân bị phá sản bởi đế quốc...". Từ lòng những lều bạt, nổi lên tiếng hát bài "Kết đoàn lại". Tiếng hát vang dậy quanh các bàn tiệc, không khí bừng bừng một niềm lạc quan cách mạng. Ngồi cùng một bàn, đồng chí Lật Chiếm Huê, chính ủy tổng đội công nhân Trung Quốc luôn luôn nhìn tôi cười, nâng cốc. Chúng tôi bá cổ hôn nhau. Đồng chí nói là vừa rồi đồng chí có được gặp Chủ tịch Hồ. Tất cả chúng tôi đứng dậy cầm tay nhau nhảy kết đoàn. Dưới lều vải, khắp các bàn, loang loáng những vòng người nhảy vui cười, mừng con tàu đã chạy, chào mừng một sự thành công lớn của đoàn kết giữa dân tộc Việt Trung, giữa dân tộc miền núi miền xuôi, giữa miền Nam và miền Bắc. Trong trí nhớ tôi, bỗng đột ngột hiện lên một cái hình ảnh đã mờ xa lắm trong những năm đầu kháng chiến.

Đầu năm 1947, trên quãng đường xe lửa Thanh Hóa - Nghệ An, ta đang tiến hành mạnh việc tiêu thổ các thị trấn và các đường giao thông. Chuyến xe lửa ấy là chuyến cuối cùng chạy vào Trường Thi Bến Thủy. Qua mỗi ga, xe

dừng lại thu sổ sách và vé. Các đoàn thiếu nhi sắp hàng ở sân ga hát chào chuyến tàu cuối cùng, đầu tàu phấp phới một lá cờ đã bạc và lấm tấm những vết dầu máy. Khởi đầu ghi một ga xép, một ông cụ già bày hương hoa ra tế cái đoàn tàu cuối cùng. Ông nguyên là một người đắp đường xe lửa và rải đá trên đường ấy vào khoảng năm Tây làm cầu Bồ Đề. Ý ông cụ cho là đời mình không còn được thấy xe lửa nữa.

Trong ngày hội vui lớn của nhân dân ca múa mừng xe lửa hòa bình đã chạy hôm nay, cái hình ảnh xe ấy đã thoáng hiện trở về. Nhưng mà dưới lều vẫn vang dậy mãi lên cái tiếng vui hội lớn của sắt, của đá, của gỗ, của tre, của sông, của núi, của cầu, của đường, của con người các địa phương, các dân tộc, của đoàn kết của thống nhất, của lao động là vinh quang, của lòng yêu đất nước sóng đôi với bảo vệ hòa bình thế giới! Tôi rơm rớm nước mắt, nghĩ lại chuyện cũ mười lăm năm, mỗi lúc ấy bước chân lên tàu là lúc xoay lưng ngoánh mặt đi với cuộc đời! Lúc ấy, tôi chỉ là một người hành khách lậu vé trên xe lửa đế quốc, lủi thủi muốn đi tìm một cái quê hương ngoài trần gian. So sánh nó với bây giờ... Từ hôm tiếp thu thủ đô, nước mắt tôi trào hai lần. Lần đầu, hôm biểu dương lực lượng đầu năm 55,

lúc thấy đơn vị nữ du kích Tả Ngạn đi qua lễ đài. Và lần này.

Tất cả các bàn tiệc lại ra sân ga, xem biểu diễn văn công. Văn công Quảng Tây múa Tân Cương, múa Mông Cổ, múa hái chè bắt bướm. Văn công Việt Nam múa sản xuất, múa sạp. Hai đoàn văn công chan hòa. Mọi người càng thấy một cách cụ thể về tác dụng của đường sắt. Trao đổi văn hóa, trao đổi văn nghệ bao giờ cũng cảm động và bịn rịn lúc chia tay. Đoàn xe rúc còi giục lên đường về rồi, mà không ai muốn vội rời nhau. Ga Bằng Tường đã bật đèn. Trong hoàng hôn, vẫn nổi lên những hàm răng trắng đều của những đồng chí công nhân Trung Quốc. Tôi trao bó hoa cho một em bé mặc áo hoa hạt lựu ở dưới sân ga đang vẫy tay. Tôi nắm chặt bàn tay một người thợ Trung Quốc: "Chủ tịch Mao sống lâu mạnh khỏe!". Đồng chí công nhân cao lớn ấy lắc lắc tay tôi: "Hồ Chủ tịch muôn tuổi!".

3-3-55

CÂY TRE BẠN ĐƯỜNG

Cuộc sống giữa Hà Nội vừa giải phóng, nhiều đồng, nhiều thép, nhiều gỗ đá xi măng, nhiều vàng bạc, nhiều kền bóng loáng quá. Đi trong ánh sáng điện, có những lúc, tôi gần như quên mất một người bạn chiến đấu cũ. Người bạn thân rất tốt, rất nhiều đức tính. Ai cũng đã từng sống với anh, chỉ cần nhắc đến tên anh, là mọi người nhớ ra ngay. Tôi muốn ôn lại, tha thiết ôn lại câu chuyện *cây tre*, chuyện anh bạn chí thân trong chín năm ròng kháng chiến.

Anh bạn thiên nhiên ấy đã đến với chúng ta từ bao giờ và từ đâu? Cũng khó mà lần ra được, trong cái dòng thời gian đi ngược lên xa lắc.

Anh quê ở Nam Dương, ở Hoa Nam hay ở Ấn, Diến? Cũng rất có thể quê hương anh chính là ở Việt Nam, anh cùng sinh ra và cùng trưởng thành với con người ở đây. Anh ở với chúng ta từ khi dân tộc ta chưa có sử sách. Trong sự phát triển của dân tộc qua các thời đại, dân tộc ta đặt bước đến đâu, thì ở đấy có bóng dáng anh bạn. Chỗ nào có bóng cây tre, chỗ nào có bóng người nông dân là có trại, có làng, có xóm Việt Nam. Từ Nam Quan đến Cà Mau, từ rừng sâu, qua đồng ruộng bát ngát mênh mông, cho ra đến bể

cả, bất cứ ở chỗ nào, cây tre chúng ta đều rườm rà bóng. Họ hàng cây tre đông đúc. Tre lộc ngộc, tre làng ngà, tre Mạnh Tông, tre mỡ, tre đá. Tầm vông. Lồ ô. Tre bông Nam Bộ, mình đẹp như đồi mồi. Trúc xe điếu, trúc chỉ. Mai. Giang. Nứa. Hóp. Vầu. Bương. Luồng. Ở đâu, anh cũng đều có những đức tính quý và đều gắn bó với đời sống. Cây tre là người bạn chí thiết của người Việt Nam trong lịch sử khẩn hoang và nông tác. Từ lúc mới lọt lòng mẹ ra đời, đặt nằm trong cái nôi tre miền Nam hay trên cái võng tre miền Bắc, là con người đã quen hơi bén tiếng với cây tre rồi.

Trong cuộc sống thân mật của con người Việt Nam, bất cứ việc lớn việc nhỏ, cây tre đều có dự phần. Ngồi tính ra thành hiện vật, cây tre có đến hơn một trăm tác dụng. Nhỏ từ cái tăm, lớn đến cái nhà ở. Bức vách, tấm liếp, lá cót, sà kèo cột, câu đối trúc, bức mành mành. Giường chõng, đôi guốc, quai mây, cái quạt, cái đóm, cái điếu, cái đinh dép, bó lạt, đôi đũa, cái mâm tre ghép. Dưới bóng tre, người nông dân nghỉ ngơi và mơ màng đến cái vui của mùa sau, thì anh là cái quạt nan phe phẩy. Người bạn anh hết một ngày làm lụng thì anh là cái gối. Suốt từ sớm đến chiều hôm trải qua bốn mùa, quanh năm anh là

cái nón che sương che mưa che nắng cho người bạn đồng quê. Những người nông dân bám lấy mảnh đất này mà sống, cây tre cũng chịu đựng cái khí hậu vừa nóng vừa ẩm, cũng chịu cái nắng cái mưa của thời tiết và càng thâm nhập vào đời sống của con người. Kết nghĩa với con người, với cuộc sống dân tộc, cây tre đã biến mình ra thành nhiều công cụ sản xuất. Nong, nia, thúng, mẹt, rổ rá, giần sàng, cái bồ, cái cối xay lúa, cái bắp cày, cái bừa răng tre, chuôi dao, cán mác, cán cuốc, cán thuổng, đòn sóc, néo lúa. Con người ở đâu, cây tre quanh quất ở đấy. Đặt tay, đặt chân, đặt mình ở đâu cũng thấy anh bạn. Tre ở với người gần gũi quá, đã bén cái hơi con người cần cù chăm chỉ. Màu sắc nguyên thủy của cây tre rất đẹp nhưng rất đổi màu. Nhưng cái màu tre đẹp nhất vẫn là cái màu cuối cùng, cái màu của thời gian tạo cho. Mình tre lên nước; mồ hôi con người đã tạo cho anh bạn một nước bóng vàng rất bền. Con người bước ra khỏi nhà ở để ra đồng làm việc, cây tre cũng theo ra. Cây tre lại càng theo sát con người những lúc săn bắn chài lưới. Gậy, cán mác, ống sùy đồng, cung, tên, nỏ, bẫy. Dậm, đó, gọng lưới, cần câu, phao chài; những chiếc đò nan chở lúa trên đồng chiêm và vớt củi rều trên nước sông; và những chiếc mảng

chiếc bè đánh cá bể ra khơi.

Ngày xưa, con người ít đi xa. Nhưng hễ đã bước ra khỏi đồng ruộng làng mạc, thì người bạn lại hóa thành ra cái cáng, cái thuyền nan; và cái đòn ống muôn thuở nằm trên vai lại vẫn là cái phương tiện chủ lực để giải quyết vận tải đường trường.

Là một người bạn thường trực trong đời sống sinh sản của con người Việt Nam, cây tre đã dự luôn vào đời sống tinh thần của nhân dân, trong kiến trúc, văn chương, âm nhạc. Hình ảnh những cái ống quyển, những cái cán bút lông; những cái lều cái chõng trường thi, là hình ảnh anh bạn ở một thời cách đây cũng mới nửa thế kỷ thôi. Nhưng trong địa hạt âm thanh Việt Nam , thì hình ảnh và tiếng nói của anh bạn thấy nó càng lâu đời và càng rõ nét. Thổi sáo và thả sáo diều, đó là những thói quen đã từ cổ thời của nhân dân lao động. Cái phím đàn bằng ngà quý hơn, nhưng không danh tiếng bằng phím tre. Cái đàn bầu một dây, cái nhị hai dây. Cái đanh tre bịt mắt trống, cái mõ, cặp xênh tiền, cổ phách càng chứng tỏ những khả năng vang hưởng vô tận của cây tre trong thanh âm phương Đông. Trong âm nhạc cổ Việt Nam , tiếng tơ bao giờ cũng kèm tiếng trúc mà "xôn xao tơ trúc, hội đồng quân

quan". Có những trường hợp tấu nhạc, tiếng tre đã ăn đứt tiếng sắt, tiếng đồng, tiếng da, tiếng tơ và tiếng gió. Tiếng phách khi xóc lên, vui như chim hót và sắc như dao cắt. Cây đàn xuống vùng Mọi, cây đàn tre vùng núi Tây Nguyên là một sự giàu có về mặt tài năng của cây tre chúng ta góp vào âm giai nhạc điệu. Gió lọt bức rèm trúc, cũng là nhạc rồi, "mành Tương phần phật gió đàn". Cứ nguyên cả thân hình cái cây tươi như thế, anh bạn mỗi lúc gặp gió, cũng đã thành một bản đàn giữa giời. Những năm được mùa, gió Nam hây hẩy, những ai đã từng nghe khúc nhạc buổi trưa làng, tre đưa võng ru em ngoài bờ lũy? Có những đốt tre cộc, kiến đục nhiều lỗ, đã biến thành những ống tiêu muôn điệu nổi lên thoăn thoắt trên sóng lúa.

Trong điệu múa lăn hia của tuồng Bình Định cổ, cái hình trăng ngậm vành sẵn có của gốc tre già dùng làm đế hia, đã góp phần cho sự thành công của những bước dồn dập uyển chuyển trên sân khấu cũ. Người ta gõ vào mạn thuyền cạp tre, khua vang trên mặt nước hồ mà dồn cá. Tả cái vui sướng lao động, người ta thường nói "gõ mạn thuyền, hát mà ca rằng..."

Người Tây Bắc chép sách chép sử dân tộc lên mình anh bạn, gửi vào anh bạn tất cả những văn

tự cần ghi nhớ lưu lại cho người sau. Trong cái nhân sinh quan xưa, đức tính của anh bạn cây tre được nêu lên thành hình ảnh người quân tử, tiêu biểu cho cái thẳng thắn ở đời. Cái tiết tháo của cây tre là gặp rét lạnh vẫn sống, vẫn chịu đựng gian khổ, vươn lên mà góp vào xây dựng. Nhắc đến tiết tháo của người xưa, hình ảnh cây tre được ghi vào những bài văn tế còn truyền tụng: "Ngọc dầu tan, vẻ trắng nào phai - Trúc dầu cháy, đốt ngay vẫn thẳng". Cây tre còn là hình ảnh của người hiệp sĩ giúp đỡ người nhờ nhàng "ngàn tầm nấp bóng tùng quân". Hình ảnh anh bạn được ghi vào gỗ chạm lộng, vào hàng ren, hàng dua, vào lụa thêu, vào xà cừ, vào vàng bạc trạm chổ. Tục ngữ, ca dao thơ phú, đều bàng bạc hình ảnh cây tre đáng yêu đáng quý. Hình ảnh đã ghi lại về cây tre thường hay gợi đến những cái gì thanh bình êm á: "Gió đưa cành trúc la đà", "khi vin cành trúc, khi tựa cành mai"; hay là yêu thương dịu dàng: "Ai đi đâu đó ai ơi? - Hay là trúc đã nhớ mai đi tìm". Nói một cách chí tình, thì cây tre là người bạn đã dự nhiều vào cuộc sống chiến đấu của con người trên suốt mảnh đất Việt Nam,

Để chống với thiên nhiên, chống với nước dâng trên các triền sông lớn, chống với nạn lụt,

cây tre đã có mặt trên các thân đê để cùng với nhân dân lao động cừ mặt sông, hàn khẩu các khúc đê sạt và củng cố những chân đê bị đe dọa. Những thành tích chiến đấu của cây tre chống thiên tai đã lớn, nhưng chưa lớn bằng thành tích chống xâm lăng, chống địch họa.

*

Truyền thuyết về Thánh Gióng đời Hùng Vương đánh giặc Ân (?) xâm phạm vào đất Văn Lang cũ, nói đến những võ khí bằng sắt của Thánh Gióng. Ngựa sắt, giáp sắt, nón sắt và roi sắt, giữa một thời đại mà sắt còn là một vật rất hiếm trong đời sống dân tộc. Thánh Gióng xông vào trại giặc, nhưng cái roi sắt đã gãy. Thánh Gióng phi ngựa tìm võ khí, thuận tay quơ luôn những bụi tre sẵn có trên chiến trường. Trong tay người tướng giỏi, những bụi tre đã trở nên những võ khí rất lợi hại quật tan quân giặc. Những chỗ tre nhổ bật cả bụi ấy sau này mọc lên một giống tre quý mình vàng chỉ xanh thẳng gọn như kẻ, thường gọi là tre ngà. Cây tre Việt Nam chứng tỏ khả năng chống địch từ đó và cũng từ đó, cây tre có truyền thống chiến đấu của mình.

Vua Quang Trung đánh tan giặc xâm lăng nhà

Thanh, lúc tiến quân qua đèo Ba Dội, cây tre đã có mặt trong cuộc hành quân, đã biến mình thành ra một dây đàn, thành ra những sợi dây trống quân, đã biến mình vào âm thanh; nhịp điệu dây thừng tre đã thúc đẩy ba quân ào ào như nước chảy ra Bắc Hà.

Cho đến lúc Tây sang chiếm nước ta, muốn bình định xứ này. Trong phong trào Văn Thân ái quốc chống Pháp, cây tre đã dự phần vào những trận oanh liệt như trận Ba Đình. Tường thành đắp bằng bùn nhão chế ngự đạn sắt đạn đồng của xâm lăng. Nhưng phải có những sọt tre đan đựng đất và phải có cọc tre làm nòng cốt cho tường thành Ba Đình.

Những mũi tên tre tẩm thuốc độc của anh chị em Ba Na Gia Lai bắn vào bộ máy đô hộ của Pháp càng làm cho chúng ta nhớ lại cái tiếng tre trầm hùng của cây đàn tre ống của các dân tộc Tây Nguyên anh dũng bất khuất.

Nhưng, đến kháng chiến, chúng ta mới thấy hết được tài hoa của cây tre, mới nhận rõ được hết cái đức tính của cây tre, ngày càng gắn bó với những con người yêu cuộc sống yêu tự do trên mảnh đất này. Cuộc sống qua chín năm chống giặc, lấy nông thôn làm cơ sở chính, càng chứng tỏ khả năng thích nghi của anh bạn và càng làm

rõ hơn nữa những năng suất vô tận của cây tre. Toàn quốc nổ súng, anh bạn đã có mặt ngay bên những chướng ngại vật. Thế cơ giới của giặc lúc đầu như vũ bão, nhưng cây tre vẫn yên tâm giữ vững giao thông liên lạc, biến mình thành ra những cột mắc dây thép dây nói. Trên nhiều cột tre, lại còn nhú lên những mầm lá xanh. Nó chứng tỏ anh bạn rất bình dị, cắm đâu cũng sống, dân tộc đặt mình ở chỗ nào mình cũng được việc ngay. Những cái mầm xanh lá tre cột dây nói ấy còn đem vào lòng người cái màu xanh bất diệt của hy vọng và tin tưởng. Với những đồng bào rời bỏ những đô thị tàn phá, anh đã là những mái nhà ấm, những quán hàng. Bên những con đường mới mở, anh đã đem niềm an ủi vào cái đau xót lo lắng của tản cư.

Cây gậy tre của người nông dân chống lúc bình thường, đánh con chó dại, thì nay đã trở thành võ khí trong những ngày đầu kháng chiến.

Thù này ắt hẳn thù lâu
Trồng tre nên gậy gặp đâu đánh què.

Trên các nẻo đường đất nước, trên những nhịp cầu sắt, cầu bề tông gục xuống, đã hiện lên những chiếc cầu tre có khi tay vịn còn chưa róc hết lá. Những ngày nắng chang chang, đối với những bước chân tản cư hoặc đi công tác, những

cái bóng tre xa giữa quãng vắng, vẫn mời chào kích thích mọi người cố gắng. Trên những con đường mới mở ở vùng xuôi, có những chiếc cầu phao toàn bằng tre đực đỏm dáng soi bóng cùng những con đò nan. Trên những đống vụn của tiêu thổ thị trấn và khắp các xóm làng anh bạn vươn mình nhô lên thành những cái chòi thông tin làm ấm lòng người đang chuyển hướng sống. Mặt khác, anh bạn biến thành những trạm gác trạm kiểm soát kẻ gian và chỉ lối cho cán bộ đi theo đường dây. Đồng bằng chúng ta mênh mông như bể rộng. Mỗi làng um tùm tre xanh là một pháo đài của anh bạn đang cùng với nhân dân quyết tâm chống giặc giữ làng. Ở Nam Bộ anh dũng, những cái nhà bè tre gai đã chuyển thành những binh công xưởng nổi trên các dòng kênh rạch. Những lùm tre to mười người ôm và cao hằng hai mươi thước, đã biến thành chỉ huy sở của xã đội trưởng, không đạn súng trường súng máy nào xuyên qua thấu. Bên những chiếc nôi tre, các bà mẹ miền Nam lại hát lên những bài ru em của thời đại.

Cành tre gai khô đã đan vào lũy tre tươi, xây dựng công sự thiên nhiên. Bóng dáng anh bạn luôn luôn ẩn hiện trong thôn trang chiến. Giặc tràn rộng về đồng ruộng. Nó đi đến đâu, tiếng

mõ tre của anh khua rộn xóm làng. Gánh gồng lên vai mà chạy giặc, có ai bỏ cái làng mình ra đi mà không ngoái cổ lại nhìn những con đường làng nó đi sát vào, miết vào những bóng hàng tre thân thuộc. Những ngày chuẩn bị chống càn, anh chị em du kích phơi mìn, lấy mo tre đắp lên vũ khí, ngụy trang tránh những con mắt tò mò. Thân cây tre biến thành dây giật mìn, biến thành ống ngầm dẫn dây mìn, biến thành ống viễn tiêu, biến thành ống thông hơi hầm chìm. Lũy tre trở nên cái chỗ dựa tốt nhất của du kích. Bóng tre bảo vệ cho các cơ sở. Gốc tre bụi là nơi truyền khí trời xuống hầm sống. Lá tre khô lá tre tươi bít mặt quân thù đang sục hầm bem. Anh quấn quýt lấy cán bộ, du kích, lấy xóm làng. Anh đánh giặc giữa làng, ở cổng làng, ở giữa chợ, ở bến đò, ở trên đê, ở mép ruộng. Anh là cái đòn càn lập công giữa chợ vùng địch, anh là cái bàn chông lập công ở vùng du kích. Anh là đôi cà kheo của cụ Lữu vùng biển Nam Định đã dùng kheo tre quật chết giặc. Anh là đôi néo lúa của chị Nguyễn Thị Ninh ở Ngoại Hoàng (Hà Đông) đã dùng néo lúa chẹt cổ một tên cai, thu một trung liên. Trong chiến đấu cùng với bạn cày anh có nhiều sáng kiến, anh hòa thân thành ra nhiều võ khí, nhiều vật dụng. Kẻ thù sợ anh, tức tối

lồng lộn, mưu đốt cháy anh, gí lửa vào lều chợ, vào quán vào cổng, vào cót đựng thóc, vào tất cả đồ vật trong nhà người dân cày bạn chí thân của anh. Nó đốt chưa đủ, nó còn tổ chức những đội công binh da đen chuyên môn chém anh, tàn sát cả một làng tre. Những vụ chém tre tàn bạo này, nó giao cho da đen, nó không giao cho ngụy binh, vì nó cũng biết rằng ngụy binh dù bị nó lừa phỉnh dọa dẫm đến đâu, trong máu họ vẫn còn chút tình nghĩa với cây tre, và chùn tay dao khi chém tre cả làng. Đã có những làng đấu tranh chống chặt tre, ôm ngang cây tre mà khóc. Tre đã rời lìa hết lũy làng, nó vẫn chưa hết hằn học, nó còn gài mìn giật nổ tung cả gốc lên. Nó còn bắt các em bé, các cụ già vùng Tề đưa các anh về sân bốt xếp đống lại cho nó điểm mục. Hằng ngày, hằng tuần, nó chỉ định con số, bắt đem nộp các anh vào vị trí nó. Tội ác nó đối với anh, chồng chất như núi. Nhưng mà anh chị em du kích giữ làng đi sát cái bóng anh và trả thù cho anh. Anh hãy bảo những cơn gió trong vùng tạm chiếm ngừng thổi một lúc, mà nghe cây tre kể thơ đánh hố chông:

"Ơi chị em ơi!
Thù kia sâu sắc bao nhiêu
Thì vót cho sắc thật nhiều chông tre

Hố chông đào sẵn bốn bề
Tao đố thằng giặc dám về làng tao
Chuồng gà chuồng lợn mày vào
Mày ngã bố nhào xuống cái hầm chông.
...
Này anh em ơi!
Gió đưa cành trúc la đà
Rú nhau đến gốc tre già vót chông
Giăng lên trắng cả cánh đồng
Nửa đêm làng xóm vót chông rửa thù".

Những người du kích đã trả thù cho anh, đã sáng tạo ra chông bàn, chông quay, chông củ ấu. Liên khu 5 còn làm trùy chông để ném; trong trận chúng đổ bộ Quy Nhơn trước Giơ-ne-vơ, năm trăm đứa đã sa thụt cả xuống hầm chông. Kẻ thù sợ bàn chông, sợ anh, không dám nghênh ngang ồ ạt vào làng, chúng buộc gậy ngang người, bước lò dò, vừa lom khom vừa giật mình. Cái mặt quân thù đã tàn ác đáng ghét, nay lại càng lố bịch và bần tiện. Những cái chông tre còn tua tủa cắm ngang trời như những que nhựa bắt chim. Sau trận nó nhảy dù Việt Bắc 47, nhiều nơi chống nhảy dù đã vót chông dài cắm trên các bãi rộng và đóng cọc lên bãi tàu bay đế quốc. Cọc tre ngửa cái đầu vót nhọn nhìn trời như thách nó. Thời gian vừa qua vừa ủng hộ chúng

ta. Những cọc tre cắm xuống đất ấy đã bắt rễ, đã nẩy mầm, đã vươn cành. Mỗi tuần mỗi tháng mỗi năm, tre đã ra thêm lá xanh như nhắc nhủ chúng ta là cố gắng nữa đi, thắng lợi cuối cùng sẽ về ta. Đêm trăng mờ, công tác qua trường bay cũ, thấy tre trên trường bay đã kín bụi, gió rì rào, tưởng như qua một cái trại lẻ ngoài đồng. Cuộc sống chiến đấu ở đồng bằng đã gian khổ. Nhưng cuộc sống chiến đấu ở núi rừng Việt Bắc còn gian khổ ở nhiều mặt khác. Cùng một huyết thống với anh, cũng nhiều khả năng xây dựng và chống giặc như anh, cây nứa cây mai ở Việt Bắc đã luôn luôn có mặt cùng với nhân dân ở hậu phương và quân đội ở khắp chiến trường. Từ năm 1940, anh đã dự vào cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn cùng với du kích miền núi. Anh đã là những trái bom nứa có thành tích phá lô cốt La Hiên, anh là những ống mìn tre của du kích Võ Nhai đánh phục kích trên đường rừng.

Việt Bắc là cơ sở Cách mạng, Việt Bắc xây dựng căn cứ kháng chiến. Tre, nứa, mai đã trở nên những cái gì mật thiết hằng ngày với cơ quan, với xí nghiệp, với đơn vị, với mọi người. Ở đây, thay cho rơm rạ vùng xuôi, cây nứa đã thành ra ngói lợp nhà, mái nứa nhấp nhánh ẩn hiện bên lối rừng. Cây nứa đã thành cái đèn dầu

soi sáng hội nghị, cái bàn, cái giường, cái ghế trong đời sống tập thể. Cái tiếng tre tiếng nứa của những guồng nước quay trên suối lớn thúc giục người người tăng gia sản xuất. Trong những ngày khó khăn tiếp tế, nứa và mai đã là những món ăn trường kỳ. Quên sao được cái vị đạm bạc của măng mai chấm với muối than nứa đốt cháy. Đoàn trâu thồ và những con ngựa giao thông hỏa tốc buộc dưới bóng cửa rừng, thong thả ăn lá tre. Hình như thực dân cũng đã gán cho cây tre cái tội kìm hãm sự phát triển những cánh đồng cỏ để chăn nuôi, vì trâu bò dê ngựa đều ăn lá tre cả! Quên sao được những ngày sốt mỏi, ba lô đẫm nước trên đường đèo, dừng chân vào quán vắng, vắt nước lá tre chữa cơn say nắng, đun nước lá tre xông cho tan cơn sốt. Nhớ ơn anh bạn đã là một người cấp dưỡng dễ dàng, lại còn là một ông thầy thuốc cấp cứu! Quân y Nam Bộ ướp măng tre để cấy thuốc ống theo phương pháp phi-la-tốp.

Giúp vào cái sinh hoạt của chiến khu, anh bạn còn là những bó đuốc soi đêm bùn đêm mưa, tàn rụng xèo xèo trên suối lạnh. Ban ngày, tàu bay nó không ngớt dòm ngó những rừng an toàn khu và kiểm soát các đường chính. Cái bóng xanh dày muôn thuở của lũy tre đã ôm ấp cơ sở miền

xuôi thì ở đồi núi đây, rừng nứa lại càng bảo vệ cho căn cứ, che mắt quân thù. Nứa rừng đã được cắm hàng trên lối đi mới mở, trên mái gồi mới lợp, trước mặt hàng các phố quán chân đèo lưng đèo. Lá nứa rung rinh trên mũ nón, trên ba lô, trên xe đạp, trên mui đò những bóng hình lưu động. Thành tích của anh bạn truyền từ các nơi về căn cứ. Du kích làng Yên Cù (Sơn Tây) đã dùng tên nỏ bắn chết quan hai Tây. Lão du kích tỉnh Sơn La, cụ Triệu Văn Khìn, đã dùng nỏ Mán bắn chết năm thằng và đánh lui một trăm đứa đeo tên ở lưng áo mà chạy. Đến như những cái cần trúc cong cong lả lướt dùng uống rượu cần ấy cũng lập được công lớn. Trong trận chống càn ở tỉnh Hòa Bình ngày 25-10-1948, du kích Mường ở Yên Lương đã phục rượu cần cho chúng say và kết quả tính mạng bảy mươi hai thằng giặc ác.

Từ căn cứ, chủ lực chúng ta xuất phát đi các chiến dịch. Lẽ tất nhiên, trong hàng quân, vẫn có cây tre. Cây tre đã là cái gậy hành quân của pháo binh khiêng súng nặng. Tre là cái áo bọc bom bay, bọc trái phá, anh là cái rổ đựng lựu đạn, tre là những sọt đất công sự của trọng pháo. Trong rừng chờ giờ khai hỏa, tre là cái điếu cày giúp cho chiến sĩ thêm mắt thêm tai;

tre là cái bình nước thiên tạo, chỉ cần mũi dao chích khẽ vào đốt nứa là có nước giải khát thơm lành. Lệnh đánh vừa truyền xuống. Cùng với xung kích, anh tiến lên như vũ bão, anh là cái cán mác búp đa, anh là cái thang phên đan dầy đè sấn lên dây thép gai nó, lên hàng rào lông dím đồn địch. Tre là cái cáng chuyển những chiến sĩ anh dũng về trạm quân y. Ba quân ầm ầm tiến vào đánh tung thâm, anh nổi lửa rừng, cả rừng nứa nổ rền như pháo đốt mừng chiến thắng. Những lúc về tổng kết chiến dịch ở các đơn vị mở hội mừng công, có những buổi ca nhạc dùng đến hai ba chục cây sáo trúc, mỗi cây sáo là mười một lỗ, tiếng sáo nghe thăm thẳm cao vút. Tre còn đi sát bước với anh chị em dân công tải gạo đang đi phục vụ chiến trường. Tre đã là cái mũ của bộ đội, tre còn là những cái mo tre ghép ở vành mũ người dân công. Tre là cái cọc thồ, là cái tay ngai ở chiếc xe đạp thồ hàng ra trận. Tre hiện hình thành những cái kho muối, cái bịch thóc quân lương. Phục vụ khắp các tuyến trong chiến dịch lớn Điện Biên Phủ, cây tre nằm sát xuống mặt bùn; trên đường lầy hố bom sũng nước, anh là những tấm phên đỡ cho cơ giới đêm đêm tiến không ngừng vào trận địa.

Giơ-ne-vơ thắng lợi, cây tre đã được giao trả

lại cái công tác ngụy trang đã đảm nhiệm trong chín năm rất là đắc lực. Lá xanh trên lưng người, trên mui xe, mui đò, trên các mái nhà ào ào trút hết xuống nền đất, anh đã đứng thẳng dậy trên các đường cái lớn, mình cắm đầy quốc kỳ. Anh đã thành những cổng chào vươn mình trên dòng người chiến thắng tầng tầng lớp lớp từ khắp nơi đổ về. Anh đã thành những cái sân khấu liên hoan lộ thiên giữa các bãi quang rộng không cần ngụy trang như trước. Điệu múa sạp trong các đại hội mừng công của các đơn vị dồn dập cái tiếng nhạc tre. Tiếng nhạc của tre giòn ấm nhịp nhàng răm rắp như dòng người đang bước lên vui sướng. Tiếng súng trận đã ngừng, nông thôn và các đô thị giải phóng mỗi ngày mỗi vang dội thêm những tiếng sáo trúc những nhịp tre sạp. Mọi người khắp nơi lại hàn gắn lại cuộc sống, đặt lại từng viên gạch, giồng lại từng cây tre làng những vùng mới giải phóng. Tết hòa bình này, cái con chim bồ câu trắng lại đậu trên cây nêu xóm làng. Xe trúc lại hiền lành cắm vào các vò rượu cần những buổi liên hoan miền núi. In lên nền lũy tre xanh mướt, giữa những bãi chợ làng, giữa các khu rộng ngoại thành, anh lại trở lại cái hình dáng sinh động đáng yêu của chiếc đu bay, nói lên cái phấn khởi của phụ nữ

của trai làng được trở về cái sống bình thường mà đẩy mạnh sản xuất. Tết này, sợi lạt tre gói bánh chưng lại nhuộm lại màu cánh sen cổ truyền của dân tộc.

*

Dân tộc đang đặt lại những con đường sắt ở miền Bắc. Đá tảng lớn và xi măng đang chuyển dần đến công trường, để gắn xây lại những đập dẫn nước tưới ruộng đồng mênh mông. Cuộc kiến thiết từ đây sẽ dùng nhiều đến sắt, gỗ, đá. Nhà cửa rồi là ngói gạch nhiều. Có người thắc mắc cho anh bạn cũ. Trong điều kiện xây dựng mới, thời đại của tre nứa rồi hết dần. Anh bạn rồi trở nên một cái gì thừa; bất tài, vô dụng, như là cái cảnh "địch quốc phá, mưu thần vong"? Có thế nào như thế được không, anh bạn cây tre?

Hình như trước đây, trước cái ngày trỗi dậy lớn lao của dân tộc làm Cách mạng tháng Tám, thực dân cũng đã từng nêu câu chuyện cây tre cản trở bước tiến hóa Việt Nam . Chuyên môn viên và kỹ thuật viên đế quốc đã xuyên tạc và đánh giá sai về anh. Họ cũng công nhận một số đức tính của anh. Nhưng họ đã nói xấu cây tre, buộc cho anh cái tội làm cho con người Việt Nam

lười biếng. Người Việt Nam lười biếng, ít sử dụng được kỹ thuật mới, vì cây tre đã giải quyết nhiều vấn đề cụ thể trong đời sống người nông dân Việt Nam.

Họ đánh giá văn minh của chúng ta đang còn ở giai đoạn thô lậu, ở trình độ của thời đại tre pheo thủ công. Đó là một sự bất công, đó là những lời vu cáo. Sự trưởng thành của dân tộc ta trong cuộc chiến đấu chống xâm lăng có máy có súng tối tân, đã chứng tỏ trình độ nền văn hóa chúng ta, trong ấy anh có phần dự. Riêng về anh, ai cũng phải nhận rằng anh nhiều đức tính, những cái đức tính riêng biệt của những quý vật sống trong một nước nông nghiệp. Anh rất cứng rắn, thẳng thắn, đồng thời lại cũng rất bền bỉ dẻo dai. Lúc thẳng thì làm một cái hình ảnh người quân tử, thì làm một cái mũi tên. Vừa cứng rắn, vừa mềm mại, cái sào tre đực đã thắng được những dòng nước ngược, lúc chống đẩy những chiếc phà chở hằng tấn hàng trên nước lũ. Lúc vòng cong thì thành một cái cạp thuyền. Lúc mềm dẻo làm một sợi dây, thì "lạt mềm buộc chặt". Anh rất tinh tế nhưng cũng rất giản dị. Tiếng nhạc gió sáo trúc véo von xoáy vít vào không khí mà đi xa; tiếng nhạc tre gõ sạp, trầm hùng vui lành; tế nhị là như thế, nhưng tách

riêng ra, cắm vào đất nào cũng sống. Anh rất êm lành, nhưng lúc chống thú dữ chống giặc, thì bạo tợn vô cùng. Đối với cuộc sống, anh góp phần rất nhiều, lúc còn xanh tươi cũng như lúc đã vàng khô. Cây tre rộng rãi quen với cuộc sống, có nhiều lúc lại ra hoa, ra hột. Hột tre, đồng bào Nam Bộ xay giã ăn như hột gạo. Nhưng bao giờ cũng thế, ra hoa ra hột rồi, tức là cây tre chết luôn. Anh rộng lượng, cung ứng khả năng mình một cách vô điều kiện, nhưng anh cũng rất nhũn nhặn, ít đòi hỏi. Những cái đức tính quý báu ấy, có nhiều điểm cũng giống như tính tình con người nông thôn Việt Nam .

Đó là sự ngẫu nhiên hay là có sắp xếp, mà cuộc sống đặt cây tre vào bên người nông dân Việt Nam để cùng kết nghĩa bạn đường với nhau lâu dài? Cây tre và con người Việt Nam sống bên nhau đã lâu đời. Trong những cái buồn, cái vui, cái lo nghĩ của con người Việt Nam trong cái sống bình thường, trong cái sống chiến tranh, trong cái sống xây dựng trước mắt, trong sự tồn vong của dân tộc qua các giai đoạn, cây tre đều có mặt. Đây là một người bạn đoàn kết lâu dài. Kiến thiết ngày nay dùng đến đá, gỗ, sắt. Nhưng còn lâu lắm nữa, mới bỏ được tre và nứa. Mà bỏ thế nào được. Có bao giờ mà tất cả xóm làng Việt Nam lại không còn một chút bóng tre xanh

nào, có bao giờ mà măng lại không mọc nữa ở rừng Việt Bắc, ở làng xóm miền Nam! Có bao giờ mà lại có cái việc không thể có được ấy !

Ngày nay, trong các công trình kiến thiết, nứa và tre vẫn có mặt không ngừng ở khắp công trường. Ở những công trường đường sắt, anh đang là cái bè nứa xuôi bao nhiêu tấn sắt cũ trên dòng sông. Ở Thái Nguyên và Thanh Hóa dựng lại đập nông giang bên cạnh đá, gỗ, sắt ngốn ngang, các anh đang là những cái gióng cao vút, những cái giàn thẳng nét cho những người thợ chuyên môn đứng thẳng lên làm việc.

Xây dựng nhà cửa lâu dài, dựng nền đào móng mà là chỗ ẩm ướt, thì lúc dùng móng, vẫn là những cọc tre đực, thịt dẻo quánh và bền chắc không mục, chấp được sự phá hoại của đất ẩm. Trong những yêu cầu mới của kiến trúc, đừng ai đòi hỏi cây tre phải giải quyết mọi việc một cách tuyệt đối. Đây chỉ là cây tre phối hợp với những nguyên liệu khác. Cứ nhìn kỹ mà xem, trong trang trí nhà ở, đồ vật bằng tre dễ gây thân mật. Bên những cái nặng nề của gỗ, của xi măng, đồ vật bằng tre vẫn nói được lên một cái gì thanh tao nhẹ nhõm. Cuộc sống rồi thêm thứ này thứ khác, nhưng hễ cứ có hình ảnh tre lồng vào, bao giờ cũng làm cho mọi người ở trên đất này yêu cuộc sống ấy hơn, và thấy gần gũi hơn

với nó.

Trong những khó khăn mới và những phấn khởi mới, anh bạn cây tre hãy cứ yên tâm. Anh hãy cứ là cái bóng mát nơi xóm làng, anh hãy cứ là cái nón bốn mùa trên đồng ruộng. Anh hãy cứ là cái cây lành, những buổi chiều quê có hằng trăm con cò trắng đậu trên cành, trông xa như một bụi hoa lạ chưa có tên gọi. Anh hãy cứ là những tiếng sáo mà hát theo nhân dân lao động. Anh hãy nhìn những em thiếu nhi Việt Nam đây này. Phù hiệu của các em thêu một cái măng mọc. Trên đất nước yêu quý này, măng còn mọc nhiều, măng còn mọc mãi. Tre già, nhưng măng mọc và cây tre còn xanh bóng lâu đời.

(Bài này dùng làm sườn cho kịch bản điện ảnh của phim "Cây tre" do các bạn Ba Lan Helena Lemanska và V. Forbert thực hiện)

XUÂN Ở RỪNG

Năm ngoái, sau tám năm xa vắng Hà Nội, tôi được thấy lại cái vui của đêm giao thừa quanh bờ hồ Hoàn Kiếm.

Đêm ba mươi Tết, các rạp chớp bóng đông nghịt những người thủ đô giải phóng đi xem phim dân chủ chờ giao thừa và hồi hộp đón một tuổi Hòa bình Dân chủ. Phố gần phố xa, nhà nào cũng treo đèn ra cửa. Năm rạp hát lớn đã trang hoàng ban thờ tổ và nơi họp mừng tuổi.

Trong đám đông đi bẻ lộc, đi trên cầu Thê Húc nghi ngút khói hương, nhô lên nhiều bóng dáng những đồng chí Âu Á nước bạn đang hòa mình vào số đông, tìm hiểu sâu thêm cuộc sống Việt Nam .

Ngồi quanh gốc đào hòa bình nở giữa Thủ đô, có những anh bạn, chị bạn cũ ở Hà Nội, thân mật hỏi tôi về cái Tết Kháng chiến những năm qua. Tôi liền kể:

- Trong kháng chiến, anh em đều coi cơ quan mình là một cái căn cứ nằm trong căn cứ địa Việt Bắc. Nó là một cái nhà. Đi đâu rồi cũng về nhà mình, nhất là ngày Tết. Vợ con càng ở xa, cơ quan càng mật thiết; và khó mà quên được cái

hình ảnh đồng chí cấp dưỡng. Bây giờ cuộc đời đã sáng sủa nhiều, đã nhiều ánh sáng điện, nhưng tôi vẫn trìu mến nghĩ đến cái bếp lửa tập thể ở rừng. Cụ Ban là người giữ cái bếp ấy cho anh em liền liền suốt bấy nhiêu năm gian khổ. Chúng ta thích sáng tác như thế nào, thì cụ Ban thích được bày biện nấu nướng như thế.

Tài cụ Ban rất lớn, kinh nghiệm nấu Tàu nấu Tây rất nhiều, và vốn dân tộc cũng rất nhiều. Cứ trường kỳ món dấm cà chua đánh muối, và canh sắn, cụ không thắc mắc vì phải kham khổ cùng anh em cán bộ, nhưng cụ thắc mắc là khó nấu nướng và phát huy sáng kiến. Nhiều buổi lên sinh hoạt, nghe thời sự xong trở về bếp, giụi cái đóm thuốc lào, cụ cứ lẩm bẩm: *"Dạo này, cơ quan mình chả có khách"*. Khách đến để cơ quan tiếp tân và cụ ra tài nấu. Cứ gần đến Tết, cụ thấy anh em họp nhiều, xì xào nhiều, mở đóng ba lô nhiều, là cụ hay hỏi:

- Tết này, ta sắp đánh to phải không?

- Ai bảo bác thế?

- Thấy anh em cứ rục rịch và thì thào, thì tôi hỏi thế.

Cụ Ban chỉ lo Tết anh em đi công tác cả thì nhà buồn. Nấu nướng bày vẽ ra, lèo tèo mấy người thì chẳng bõ bèn. Thực ra có những năm,

vào đúng cái dịp Tết rất yêu quý của cụ Ban, anh em đi công tác gần hết. Có khi dốc hết anh em đi theo chiến dịch lớn. Hoặc là chia nhau người đi cơ xưởng, người đi vào sâu trong lòng địch ăn Tết chống càn với anh chị em du kích đồng bằng. Và có hai cái Tết, hầu hết anh em đều ăn Tết ở lớp chỉnh huấn. Những năm đi học ăn Tết xa cơ quan ấy, có những đêm lạnh ngồi nướng củ sắn, những cái củ sắn nướng, cùi ửng vàng lên, ruột chín nục lên, ngon thơm hơn cả cái bánh mì hòa bình bây giờ! Vừa nhai sắn, vừa đào sâu suy nghĩ và đôi lúc tản mạn đãng trí, nhớ lại cái bóng mình, cái tiền thân mình, những năm chưa tham gia phong trào.

*

Xuân nào ta cũng có chiến thắng, không ở khu này thì khu kia, không ở mặt trận gần thì ở mặt trận xa. Vào dịp Tết, cơ quan thường cử tôi đứng ra chúc tết chung anh em. Cũng là những dịp tôi hay bốc. Tôi chúc anh em "năm nay, chúng ta nhất định về ăn Tết ở thủ đô".

Tết ấy và Tết khác, mỗi Tết càng đi sâu thêm vào gian khổ và chịu đựng. Mỗi Xuân ở rừng anh em thấy mình có già đi. Nhiều lần giao thừa

những năm kháng chiến sau, tôi yên tâm với Tết rừng, và chín chắn hơn trong tư tưởng đánh lâu dài.

Ở cơ quan sâu trong lòng rừng, ít thấy hoa đào. Nhưng theo đơn vị mà đi chiến dịch Đông Bắc Tây Bắc, thì đào có hàng rừng. Những dịp mở và đóng chiến dịch, nhiều khi trúng vào dịp hoa đào nở.

Còn nhớ lần ấy, Trung đoàn thủ đô đi đánh xa. Mùa xuân nhận được thư của tiểu đoàn Em Nuôi gửi về Hội Văn nghệ, với quà chiến lợi phẩm, thư, thơ, chăn và dù. Chính hôm Tết là những hôm đơn vị sung sát dữ dội với địch. Một mặt vây nó trong một khu vực công sự kiên cố. Một mặt đánh quân tiếp viện nó định vượt sông sang. Có ngày, đánh lùi sáu bảy đợt nó tấn công sang sông. Có những đại đội nhịn đói ngày Tết, nhai cam rừng thay cơm nắm. Dù trắng dù vàng tiếp tế của nó rơi nhầm lên những khu rừng đào ta trú quân đợi xuất kích.

*

Trước và sau mỗi Tết, rừng hết âm u. Lá rừng nằm trên lối mòn khô giòn. Bước chân đi công tác thấy vui hơn. Rừng sáng hơn. Những con suối

lũ mùa thu làm đứt tiếp tế, vào dịp Tết, đã trở nên những người bạn hiền lành. Gặt hái xong từ lâu, ruộng bậc thang khô sạch. Tràn ruộng lòng chảo như cái sân khấu giữa giời. Đồng bào góp bánh chưng góp thịt; từ khắp nẻo cửa rừng, các gia đình, áo xanh chàm vòng bạc, lục tục kéo ra chơi hội lùng tùng, uống rượu men lá. Trên con đường đi Ngòi Thia, nhiều gốc mận trắng xóa.

Mùa khô đi đò ngang, dù là ban ngày, vẫn tốt hơn là mùa thu nước lũ. Sông xuân, nước đứng. Thêm nữa, khí trời khô nỏ, tai mình bắt cái tiếng tàu bay nó lên, thính hơn.

*

Trước tết hòa bình trở lại, là tết Việt Xô Trung. Mít tinh ở Mạc Tư Khoa, thi sĩ Ti-khô-nốp, Chủ tịch Ủy ban bảo vệ hòa bình của Liên Xô chúc mừng tháng hữu nghị Việt Nam - Liên Xô - Trung Quốc anh em. Nhạc sĩ Mu-ra-den-li biểu diễn bản nhạc *Sao vàng đất Việt* tặng riêng nhân dân chúng ta. Khắp thôn xã Việt Bắc và Liên khu 4 phấn khởi phát động quần chúng, nô nức ăn cái Tết Việt Xô Trung. Người nông dân các xã hội họp, mặc quần áo mới, trong lòng mâm gia đình nghèo nhất xóm, cũng thấy có

miếng thịt bên miếng bánh. Các xã giảm tô và cải cách sắp hoàn thành thêm một đợt, thanh niên nông dân hào hứng tòng quân và xung vào các đoàn thanh niên công tác. Cán bộ các đội phát động uống chén rượu mừng tuổi bần cố nông đoàn kết thắng lợi, và xếp lại ba lô, chuẩn bị về tổng kết ở khu. Hậu phương rầm rộ sắm sửa đi dân công thêm nữa. Cây tre năm mới tiếp thêm cánh tay cho những đoàn xe đạp thồ gạo, muối, nước mắm khô, thịt, đường, và đạn lên trung tuyến lên tiền tuyến. Nghe nói, trên mặt trận, đêm giao thừa có chiếu phim cho công trường dân công. Lần đầu tiên, suốt mấy phố thị xã Tuyên Quang nhân dân nhất địch khinh địch, và giữa ban ngày, đều trương hết cờ đỏ lên. Tàu bay nó hãy cứ đủ sức mà xoay xở với bấy nhiêu mặt trận ta mở khắp nơi, còn phi công đâu mà đi khủng bố các thị xã kéo cờ ăn tết. Sau đó không đầy nửa năm, thì ta lại còn vứt hết lá ngụy trang, thẳng mình nghênh ngang đi trên đường cái, mặc áo trắng sang đò ung dung giữa ban ngày. Hòa bình đã thắng ở Điện Biên, ở Giơ-ne-vơ và ... Tết hòa bình mãi mãi ở thủ đô.

*

Năm ấy chúng tôi lại ăn Tết ở lớp chỉnh huấn, đi vào học tập lý luận cách mạng cho có hệ thống.

Sớm mùng một, con suối nằm giữa hai khu vực học tập, lúc nào cũng có nhiều người qua lại, đến mừng tuổi nhau ở khắp các tổ.

Chiều mùng một Tết, tất cả lên hội trường nghe giảng. Bài học đầu khóa và đầu năm ấy để lại một ấn tượng sâu sắc trong tư tưởng và tình cảm mọi người. Lội qua suối lạnh, người này thì thào với người nọ : "Chiều nay anh Duẩn giảng bài cách mạng Việt Nam ".

Hội trường nổi dậy những tiếng vỗ tay nhiệt tình. Anh Duẩn đội cái mũ cát két xanh, mặc bộ quần áo xanh công nhân tiến bước lên bàn giảng.

Nhiều đồng chí cũ càng nhớ lại cái hình ảnh anh Duẩn làm công nhân xe lửa trong những thời kỳ đấu tranh bí mật.

Khoan thai, điềm đạm, anh Duẩn bắt đầu đặt vấn đề: *Chúng ta có cần làm Cách mạng không? Cần thì làm thế nào ?* Ai cũng ghi kịp, không sót một tiếng nào. *Chúng ta cần phải có tình cảm làm cách mạng. Không có cái tình cảm đó thì khoa học cách mạng không vô nổi. Có cái ý chí làm cách mạng đó, nhưng không có cái đường lối*

khoa học của cách mạng thì cũng không làm nổi. Tiếng nói của anh Duẩn êm ấm, lôi cuốn người. Những lúc anh phân tích và phát triển về điểm động lực cách mạng và vô sản Việt Nam ra đời trong hoàn cảnh mất nước, thì nhiều người thấy mắt mình cứ nhòe dần trên trang vở chép bài. Lời giảng đi dần, đi sâu vào ý thức người ghi. Đến đoạn giảng *Mất nước, trí thức mất gì? Về văn hóa trí thức mất gì?*, có nhiều anh em như bừng tỉnh một cơn ác mộng dài mấy chục năm. Thì ra sự thật là rành rành nưh thế mà không biết. Cho mãi đến chiều mùng một Tết ta năm đó, đồng chí Lê Duẩn mới giúp cho thấy rõ. Đế quốc đã đầu độc chúng ta bằng văn hóa nô lệ, đã xóa cái nhận thức của trí thức chúng ta về mặt tư tưởng. Kế hoạch giáo dục của nó là một kế hoạch tạo ra nô lệ. Học càng cao thì giá trị nô lệ càng đắt thôi. Trí thức chúng ta đã bán linh hồn cho nó mà không tự biết. Người thợ, người dân cày phải bán lao động, họ thấy ngay áp bức và nô lệ, khó đầu độc họ. Trí thức thì bị đầu độc sâu sắc nên chậm thấy, khó thấy.

Giữa hội trường, một người đứng tuổi ngừng bút ghi, hỏi:

- Đế quốc làm mất văn hóa. Vậy thời có còn lại được phần văn hóa nào không?

Anh Duẩn bình tĩnh trả lời:

- Còn. Đó là những người dân cày vẫn tiếp tục làm ruộng và chống áp bức của đế quốc. Đó là những phong trào chống đế quốc.

Hội trường lại vang dậy tiếng vỗ tay.

Ánh sáng của lớp học do Đảng mở cửa, đã giúp cho năm trăm anh chị em cả đảng viên và chưa đảng viên thấy rõ đoạn đời ngày trước, quãng đời hiện tại và cái tương lai của mình. Việc lớn việc nhỏ, nội tâm ngoại cảnh đều hiện lên có góc có cạnh, chứ không "lờ mờ nhân ảnh như người đi đêm" như trước nữa.

Từ cái buổi chiều mùng một Tết ấy, xuân đã trở về với nhiều tâm hồn. Thêm một tuổi giời, thêm một tuổi Đảng. Rừng chung quanh lớp học nở dần hoa mai hoa mận.

Mùi thơm phong lan quyện lấy các lối mòn. Có những quãng suối mùa xuân trong lặng mịn cát. Cảnh vật quanh vùng đây, ở trong lòng mấy con đèo này, tôi đi về nhiều lần, tôi nhớ từng mái nhà sàn, từng gốc cây to, từng khóm rừng. Nhưng lúc này, đấy là chuyện thiên nhiên bên ngoài. Cái điều quan trọng hơn cây cỏ mùa xuân bên ngoài, chính là những phong cảnh bên trong của bản thân mình, sau mỗi lần đấu tranh tư tưởng thì lại chuyển chỗ chuyển màu sắc. Ôn lại

nhiều cái xuân xa, nhớ lại cái Tết xưa, có anh chị em ngậm ngùi thấy nó buồn buồn rợn rợn như không khí những cái Tết "Chúc phước" của Lỗ Tấn. Lá rừng Việt Bắc rụng sau ngày tựu trường nói lên phần nào cái rơi rụng lả tả của những cái cũ trong mỗi anh chị em. Cái Tết chỉnh huấn này cũng là một cái Tết dài ngày. Cả một mùa xuân ấy là của trường học. Đến mục cuối của khóa học, bước vào tổng kết tư tưởng, thì tạo vật đã chuyển dần sang mùa hè. Bão rừng đổ cây, con suối lũ làm trở ngại sự đi lại giữa hai khu vực học tập. Mưa to gió lớn ngoài trời, lại nói lên phần nào cho những cuộc đấu tranh tư tưởng gay gắt trong nội tâm nhiều anh chị em, đêm đêm nhìn mình trên trang sổ tổng kiểm thảo. Cả một mùa xuân tư tưởng này, nhựa sống trong mỗi anh chị em trào dâng lên không ngừng. Trên cái hư nát của đống lá thối mục của bao nhiêu mùa đông tàn đã tích lũy lại, vụt thấy chồi lộc nhú lên, trổ lên dần dần. Nhiều anh chị em đã trải qua những cái đau khổ của cuộc xé vỏ trổ mầm. Những lúc ấy, càng thấy thấm thía câu Chủ tịch Hồ Chí Minh hằng nói: *Muốn tiến bộ phải gian khổ.*

Qua một cái Tết chỉnh huấn dài bốn tháng trong lòng rừng chiến khu, tôi có thấy tôi nhìn

tạo vật, nhìn chung quanh và nhìn mình đúng hơn trước. Tôi thấy yêu đời hơn lên nhiều lắm. Trên tư tưởng của Đảng, anh chị em văn nghệ trong Đảng và ngoài Đảng nhìn thấy nhau rõ hơn. Thương yêu nhau hơn, tin cậy nhau hơn, sau một cuộc đấu tranh tư tưởng gian khổ. Sự trưởng thành tư tưởng của tôi đi vào hệ thống từ khóa học mở trong lòng rừng. Tết này thêm một tuổi nữa ở Hà Nội giải phóng, được yêu một gốc hoa cắm trong cánh hòa bình kiến thiết, tôi càng thấy hiện dần lên những khuôn mặt khắc khổ tươi sáng của nhiều anh chị cùng một khóa học mùa xuân cũ. Hình ảnh "thày học" hửng dưới rặng hoa mơ hoa bưởi trắng, nở bên những mái gồi, trên những con đường thấp thoáng quần áo xanh lam đậm. Càng ngày càng hiểu thêm ra thấy rõ *chủ nghĩa Mác là mùa xuân của loài người*. Càng thấy mình trẻ lại trong sự giáo dục ân cần của Đảng.

1956

LÀNG HOA

Nhật Tân là một xã ở ven hồ Tây Hà Nội, năm này qua năm khác, cung cấp đào tết cho thủ đô. Gió đông năm nay vừa thổi về, thì làng Nhật Tân cũng vừa xong cắm thẻ chia ruộng đất. Đất khu tây làng, có một thửa ruộng dài 6 mẫu 3 sào, gọi là Dinh Đào. Dinh Đào hoa thắm nở kín trời, có đến dăm bảy nghìn gốc, nhiều gốc đào cụ tán tràn như tán cây vải mới bói quả. Một lão nông râu tóc bạc phơ kể: "Chả biết Dinh Đào có từ bao giờ, nhưng lớn lên đã thấy nó nở hoa như rừng. Đào giống nơi khác phai cánh, đào ở Dinh Đào mới thắm hoa. Dinh Đào, buổi sớm buổi chiều đều có bóng mặt trời, nên đào tốt. Dinh Đào tốt hoa, nhưng địa chủ vườn đào rất dữ. Chúng nó xưng hùng xưng bá, chia tay nhau mà chặt cây đánh gốc, gốc bán đi, gốc đưa về vườn riêng. Thằng Truyền 20 năm tù, đúng là bọn ấy đấy..." Cải cách ruộng đất tiến mạnh khắp ngoại thành Hà Nội, tiến quanh ven hồ Tây, đã trả lại đất Dinh Đào cho gần 30 gia đình nông dân lao động. Lúc cắm thẻ có tuyên bố rằng đất Dinh Đào sẽ không giồng hoa mầu gì khác, mà sẽ gắng khôi phục diện tích trồng đào, phát huy cái truyền thống đào thủ đô. Anh chị em bần cố

trung nông vui mừng như hoa nở tết. Và đều nhớ lại những năm cuối chầu của thời kỳ địch chiếm đóng, anh chị em có đấu tranh đòi chia thửa đất Dinh Đào để giồng đào; lúc ấy cường hào phản động dọa: "Đứa nào còn đòi chia đất để giồng đào, tức là Việt Minh cộng sản". Chúng mới cho được đại lý Hoàn Long và quận trưởng về tận đây, lấy thế nẹt nhân dân. Mặc khác, chúng triệt hạ vườn đào. Bà Tý Dần bảo: "Chả nhớ là tháng nào năm nào, nhưng ngồi trong nhà, có nghe rõ tiếng dao nó chặt ngoài Dinh Đào". Các bà đang tát nước chống hạn đều hướng về chỗ những sào đất ngô đang trổ hoa, nói một loạt: "Chỗ giồng bẹ kia, trước là đào cả". Anh cán bộ thủy lợi phụ trách cái máy bơm đang chạy xình xịch hút nước hồ Tây lên mặt ruộng, chép miệng: "Giá hồi ấy mà chia được để giồng đào thì chỗ này giờ đỏ ối cả rồi. Làm gì đến nỗi trống tuếch ra thế này. Chúng nó đúng là bọn lãng phí và hủy hoại ruộng đất". Hình ảnh những năm bóng tối trùm lên vườn đào lại được mọi người gợi lại.

Cứ gần tết, địa chủ tay sai của thực dân, đi bổ tiền thuế cho các chủ vườn trồng đào. Cứ tính theo gốc hoa mà đóng năm chục hoặc một trăm đồng Đông Dương, gọi là thuế trị an vườn đào. Nó bắt lấy cót lấy liếp dựng lều canh. Nó đánh

số từng lều canh. Nhưng mặt khác, chúng cho lính về cướp đào của nhân dân giữa ban ngày. Kìa kìa, cái bốt trên mặt đường cái, chỗ ngã ba Phú Thọ đầu làng, nó xây từ năm 1949 ấy, cứ từ phía ấy chúng nó ập vào làng. Nó đi sục cưa các nhà, dúi vào tay , cưỡng ép dọa nạt, bắt cưa đào cho nó. Nó giằng lấy cưa, cưa vào thân đào đau xót như cưa vào chân tay chủ vườn. Dăm cành ngổn ngang, cánh hoa rụng xuống như máu rơi: vườn đào long hết gốc. Chúng nó lũ lượt đưa đào về bốt Liễu Giai đi lễ lót bọn cao cấp của quân đội viễn chinh...

Tôi vào cái vườn đào tịch thu của tên Truyền. Đào này là thứ nó bắt bần cố nông đánh ở ngoài Dinh Đào về vườn riêng nó. Có đến gần trăm gốc. Nay chia cho mười một gia đình anh em. Không hiểu câu chuyện loanh quanh thế nào mà có người nhắc đến cái đoạn kết nghĩa vườn đào trong truyện *Tam quốc*. Anh gì đang xoắn múi lại trên mái nhà cũng nói xuống: "Đào địa chủ là đào bất nghĩa. Tôi không biết truyện *Tam quốc*, nhưng tôi thấy cái vườn đào đấu tranh được này là vườn đào đoàn kết giữa mười một gia đình". Anh Quy được chia bốn chục gốc đào của tên Hào ở khu Tây. Khu Tây là nơi tập trung nhiều địa chủ gian ác, nên ở đây, đào của chúng cũng rất

nhiều. Những gốc đào đấu tranh giành lại được, anh em đều gọi là đào chiến thắng. Anh Quy kéo tôi nhìn sát vào những gốc đào chiến thắng của anh: "Năm nay nhuận một tháng, đào nở già, trước tết. Nhưng đây, lớp trên này, còn nhiều mắt lắm. Giời cứ rét thế này là ăn, là còn trúng tết đấy, anh ạ". Tôi lại tạt sang vườn anh thôn đội trưởng Hán, có đến sáu mươi gốc toàn bích đào hoa kép hoa đơn. Anh Hán nói chuyện hoa đào năm ngoái: "Năm ngoái đào nở non, mãi ba mươi tết, nhiều nhà mới đưa hoa đem lên phố. Cống Chéo Hàng Lược và chợ vắng hoa, bọn phản động liền xuyên tạc bảo kháng chiến về tức là mất chơi đào, cấm mua bán. Riêng em, năm ngoái, bán được hai chục vạn. Sau hôm tết, còn có một đồng chí Liên Xô đánh xe hơi về tận đây chở một gốc đào về và giả 7.000 đồng".

Đào khu Đông còn đẹp hơn đào khu Tây. Đứng trên đường cái mặt đê mà nhìn xuống khu Đông, mặt ruộng mặt vườn các xóm cứ như từng mảng phấn hồng tụ lại. Trong các luống đào, cánh giao nhau, san sát, thấp thoáng những cái bông trắng phau của những ngọn thẻ trắng ngần như những cổng đình chùa tô lớp vôi tết chờ ngày xuân mới. Cúc vàng đang khoe sắc, đào đang ra hoa; cải bắp đang cuốn lá xanh, quất chín đỏ ối. Lúc này,

được làm điện ảnh quay phim màu, tôi thấy cái khả năng màu nhiệm của nó trong việc biểu dương đất nước miền Bắc tươi trẻ, biểu dương cái vui sống và yêu đời trong chế độ mới.

Vườn anh Chí, vàng rực lên cúc chi và quất. Để chim khỏi ăn quả chín, các luống quất đều phủ những tấm lưới rách. Anh Chí vừa là chủ vườn, vừa là dân chài. Lại kể chuyện quất dưới thời đen tối: "Phải, cứ vào khoảng này đây, là thằng quận Thụ sức về cho mỗi nhà phải gánh lên bốt Yên Thái một đôi quất. Giồng tưới xong xuôi, nó mới cho về... Em làm hoa, cũng khổ với nó, và làm cá cũng khổ như làm hoa. Phải lễ nó. Nó đòi cá chép. Dăm mười hôm một lần, cho cái thằng lính đứng canh ở cái lô cốt trên đê Ổi kia kìa. Lễ nó vừa xong, nó đổi đồn, thằng khác đến, thế là lễ toi... Hai giờ sáng nó mới cho đi hớt vùng, thả cụp. Đầu thuyền phải cắm bó hương, không thì nó bắn. Thuyền ven hồ, nó bắt thượng lên, chuyến ra mé sông cho nó chở quân đi quây các xã ngoài bãi; nó đâm thủng thuyền rồi vứt đấy...". Vườn bên cạnh cũng chi chít cúc, đào, quất. Vợ chồng anh Thân cũng chồng cá vợ vườn. Anh khoe: "Cả cá, cả vườn, tết năm nay nhờ Đảng, nhờ Chính phủ, nhờ Đội, em sẽ thung dung được. Cứ hăm sáu tết là em cho đánh quất

lên phố. Em chưa có kế hoạch sản xuất hoa năm 1956... A, cúc lù thì khó hãm trúng tết. Nhưng đến ngày 2-9, thế nào vườn nhà em cũng có cúc sớm, để kịp dự lễ Quốc khánh". Hoa đào mãn khai trên bảy luống vườn nhà ông Hữu đang động bóng người. Các chị phụ nữ xã đang hội ý về tình hình chuẩn bị kịch tối liên hoan tất niên. Tôi trở về khoảnh vườn chị chi ủy viên. Ở đây, lá cải bắp mượt hơn lá trên các luống lay dơn; ngồng cải lấy hạt giống, hoa nở tươi hơn hoa cúc; vài gốc đào, hình dáng thoải mái tự phát. Buổi chiều vừa rồi, chị chi ủy viên đã đưa tôi đến thăm nhiều khoảnh vườn, thấy rõ mỗi luống hoa là một sự phấn khởi. Nay trở về khu vườn xinh bé của chị, trông gốc đào, khóm cúc, luống dơn, tôi hiểu ngay rằng chị bận đi họp rất nhiều. Chị cười, bảo: "Hoa của nhân dân đẹp quá. Năm nay, rồi tôi cũng phải sắp xếp thời giờ. Tôi cũng cố làm sao cho năm nay, hoa nhà tôi cũng gương mẫu". Bà cụ ngồi trong bếp, kêu nhà bấn người lắm. Tôi nhớ lại rằng cụ có một con giai vào du kích giữ làng. Nhiều lần nó vây hồ, anh không kịp xuống hầm, ra bãi, anh phải nhảy xuống hồ. Anh bám lấy những bè sen nở hoa, lẩn tránh nó, có khi từ gà gáy đến đỏ đèn, cứ lênh đênh giữa hồ Tây, gió đưa bè hoa đến đâu, anh trôi theo

đến đấy, mình mẩy sây sát vì gai sen. Sau bị lộ, anh lên khu vào chủ lực và gửi mình trên đất vùng tự do.

Trước vườn nhà chị chi ủy viên, cái boong ke ngụy trang sơn màu cỏ cháy, vẫn lù lù trên đê Ổi, lỗ châu mai hau háu nhìn xuống. Tôi nhìn nó, tôi nhìn rộng ra những gốc đào thắm tươi, tôi nhớ đến cái danh từ "đào chiến thắng" anh chị em ở đây đặt cho những gốc hoa được chia sau đấu tranh thắng lợi. Trong người tôi, vụt bốc lên những hình ảnh chiến dịch đông xuân năm xưa của Việt Bắc, những hình ảnh của chiến thắng Cao Lạng, mở thông biên giới, và nhổ dần đồn bốt phía Tây Bắc. Những năm gian khổ và anh dũng ấy, đại đoàn chủ lực chúng ta đã mở chiến dịch vào lúc rừng đào còn ngậm nụ; những người nông dân võ trang đã hành quân, trú quân, im lặng như rừng đào ngậm nụ. Lửa chiến thắng nổ tung rừng mai rừng nứa, đã thức dậy rừng đào bừng nở. Trên con đường về tổng kết chiến dịch, như trăm nghìn mảnh thư nhà, cánh đào các rừng hoa Phố Lu, Vân Mịch, Bắc Sơn, Thuận Châu, Yên Châu, Tây Bắc, nhẹ rơi xuống cầu vai áo màu cỏ anh bộ đội nông dân. Cánh đào nhẹ rơi, những buổi chiều xuân nhớ đồng bằng làng mạc, có những cánh hoa đè xuống vai... nặng hơn

cả những cỗ súng chiến lợi phẩm... Đào tiền tuyến những năm đã xa ấy, báo hiệu cho đào hòa bình năm nay ở xã ven hồ đang nở hoa chào mừng cải cách ruộng đất thắng lợi.

*

Tôi nhớ hôm xã Ngọc Hà cắm thẻ nhận ruộng hoa đầu tháng chạp 1955, trên bàn họp có một bó lay dơn màu san hô mới hái, hoa lá còn long lanh hạt sương đêm. Tôi nhớ mãi cái câu phát biểu: "Được nhận ruộng, tôi sẽ phấn khởi giồng cây tươi quả tốt". Rồi sau đó, thẻ trắng tua tủa cắm xuống các luống phăng, cẩm chướng, lay dơn, quế, hồng lam, thược dược. Đứng xa mà nhìn những tấm thẻ mang tên những người chủ nhân mới, tưởng như đâu đây là một vườn ươm cây của viện nông học, tiêu đề lên từng giống hoa, giống cây đem phân loại ra.

Tôi trở lại làng hoa, đứng giữa cái thung đất của tên Bằng. Ở đây, bà Nhỡ được chia một ít. Trước, bà vẫn làm cái thửa đất này; năm kia giồng phăng, năm ngoái giồng thược dược, hồi còn phải đi lạy van mà thuê đất, ngày tết bà chả còn dám nghĩ sắm sửa chút gì. Năm ngoái, đành khất nợ đến gần giao thừa mới giả, chứ nhất định không bán hoa non cho địa chủ. Năm kia,

thì địa chủ ăn cả. "Em nay có 3.000 củ dơn. Ngân hàng cho em vay 3 vạn làm vốn. Em mua ngay một cái ổ doa mất 1 vạn 2 nghìn... Thuế nông nghiệp khoảng gần 3 vạn. Còn tiền phân gio nữa... Năm nay nhân dân, cơ quan, phố phường mà phát đạt, em bán được hoa tết, thì cứ mà thu được 30 vạn, là em có tết. Giả xong những món nợ chính, thì rồi cũng phải sắm sửa ít nhiều. Phải may cho thầy nó cái áo bông để có cái sớm sớm đi tưới vườn". Đứng bên những luống hồng quế, mặt luống lăn tăn rau thìa là, ông Nhỡ ngừng tưới và chêm vào: "Hồi vợ chồng em còn làm cho thằng Thiện, hồng quế hái về cho nó, nó lấy cót quây tròn như cối mà đổ vào đầy có ngọn. Vụ năm ấy, riêng một khoảnh em làm, nó bán ra được 1.000 Đông Dương tiền quế. Mình cả đêm tát nước, ngủ chòi canh; nó ăn cả". Rồi ông nói sang kinh nghiệm giống hoa : "Trước kia, chỉ có địa chủ và bọn quá điền là hiểu cung cách giống hoa. Chúng nó giấu nghề. Ngay đến hạt giống hoa phăng, bọn địa chủ đi Nam cũng mang đi theo, cho là những người ở lại, chả lấy đâu ra mà giống. Kinh nghiệm về hương về hoa, chúng nó nắm cả. Nhưng em cũng mò mẫm. Ở gần nó, xem ý nó mà làm mà hiểu, đừng có đợi chúng nó bày cho, nó rất thiếm. Em cũng tò mò đi xin

mầm, dấm dúi đem đi dấm; rồi là cũng biết được hết. Hồi ta sắp về tiếp quản, trước khi tẩu tán, chúng phao lên là đám kháng chiến về là chỉ còn chém to kho nhừ, chẳng hoa chẳng lá gì đâu. Nay thật là Đảng và Chính phủ đem lại thóc gạo cho mọi người, đem lại cả hoa cả nụ cho nông dân nữa...".

Đêm ấy, tôi ngủ ở nhà gạch một địa chủ nay ba gia đình nông dân ở chung. Một bên là anh Cống và chị Gái, người đảng viên của chi bộ mới, kết nạp cùng một ngày với bà Nhỡ. Riêng gian bên này là gia đình ông bà Nhỡ.

Chị Gái trước kia quanh năm phải lang thang đi buôn hoa ngắn cuống, khắp các vùng Chèm Vẽ, Noi Cáo, Trung Kính, buôn hoa bưởi, hoa ngâu, hoa sói và thuê những gốc ngọn lan ở phố Hàng Đẫy, hái quanh năm, bán các chợ tuần chợ tết, gói hoa tháng treo cửa các nhà thờ điện. Nay chị được chia trăm thước đất. Chị làm năm luống, trên là hồng quế, dưới là su hào. Chị phá đi một luống, giồng cúc vạn thọ làm hoa độn. Chồng chị, đốt than ở nhà máy đèn. Ngày chị chăm bón hoa, tối chị đi tuần, trấn áp lưu manh. Còn anh Cống, cũng làm công an xóm, nay được hưởng hoa lợi trên bốn luống phăng thơm ngát và đủ cả xanh đỏ, trắng, tím, vàng. Ngoài lối

cổng đi vào là một gốc lan to lắm. Đâu chia cho một bà cụ nghèo. Trông ra bóng cây lan, lại nhớ cái chuyện thằng Thiện chặt gốc lan của nhân dân để hoa ngọc lan nhà nó được vọt giá lên.

Đêm đã khuya lắm rồi, mà tôi vẫn không ngủ được. Cứ nghĩ lan man. Buổi tối, ở một cuộc họp ngoài đình còn chờ đủ cốt cán, có một nhóm ngồi tách ra, đủ gái, trai, già, tré, đang cùng nhau xì xào về kế hoạch sản xuất hoa năm nay. Họ đang thắc mắc về một ngày lễ lớn, rơi đúng vào mùa nắng ít hoa đẹp. Như ngày 3-3 mừng Đảng ra đời và cũng là biết ơn Đảng đem lại no ấm và tươi thắm cho làng mình. Rồi đến ngày sinh nhật Bác; 19-5 dù là nắng nỏ, luống hoa hút nước xèo xèo, nhưng phải đảm bảo được hoa đẹp.

Tôi còn nhớ đến bao nỗi khổ tình thương của những chị giồng hoa cho nhà địa chủ Ngọc Hà, Hữu Tiệp. Đêm đêm, một bóng một đèn góc vườn vắng. Giọt sương khuya đọng trên hoa lá, có khác chi muôn nghìn giọt nước mắt nhỏ ra từ tròng mắt những người làm vườn sảy chân vào nhà địa chủ. Tâm hồn người nghèo nhiều cái cao quý vậy thay! Biết hoa nở đến đâu là địa chủ ăn hết, biết mình chẳng dự phần vào đấy, nhưng vẫn nâng niu chăm bón từng cánh hoa gốc hoa, trân trọng cái lành cái đẹp trong trời đất. Những

bông hoa bị địa chủ làm tù làm tội, nay được giải phóng theo với người nghèo trồng hoa đi ở năm. Những đức tính cao quý của người nông dân làm hoa, sẽ còn nảy nở không cùng, như muôn nghìn hương sắc cuộn bốc lên trong nắng ấm. Tại sao chưa có ai nghĩ đến việc dùng phim màu để biểu hiện lên những cái tươi đẹp thơm lành này, do cải cách ruộng đất đem lại cho những con người lao khổ vì hoa, tại một xã giồng hoa, trong chế độ tươi tốt của chúng ta ở miền Bắc?

Trên đầu giường tôi, vẫn nghe đều đều cái tiếng tích tắc chiếc đồng hồ báo thức. Cũng như cây đèn bão của tất cả những người chăm hoa và hái hoa đêm, chiếc đồng hồ này là đồ dùng cần thiết của những người giồng hoa bán hoa ở làng này. Nghèo khó đến nhịn ăn hôm sau cũng cứ phải lăn vào mà sắm cho được, vay nợ lãi 20 phân mà sắm, vay tiền góp hằng tuần mà sắm.

Trong một đêm khó ngủ, tôi đã hình dung lại bao nhiêu cảnh bóng tối phủ lên làng hoa những năm Tây đóng bốt. Bà Nhỡ bảo sợ lắm. Đêm đêm cầm cái đèn bão soi lên luống hoa, cứ giơ tay ra ngứt cái cuống huệ đánh tách một cái, thì con chó già bên bụi rậm lạch nước lại tru lên, lại giật mình rụt tay lại. Cứ nơm nớp sợ cái thằng lính viễn tiêu ở bốt Liễu Giai nó nổ một phát

vào vườn, tan cái đèn bão. Thắp đèn cũng sợ nó bắn. Không có đèn, ra khỏi nhà cũng sợ nó bắn. Chợ đêm bán hoa, buôn hoa, xưa kia vẫn họp trên đường cái đường Quần Ngựa. Từ ngày nó đóng quân, sợ, phải lùi chợ sâu vào giữa làng. Có những bọn ba-tui từ khuya đã lẩn nấp ở bờ ao, bờ giếng, ngõ xóm; ai ra chợ sớm là nó chộp, nó hiếp, nó giật tiền. Ra sớm thì đụng nó, ra chậm thì chợ vãn. Cho nên sống chết cũng phải sắm cái đèn và cái đồng hồ báo thức. Còn nhớ có những đêm vừa đội cái thúng hoa, nhô đèn ra khỏi cống, là biết có động có biến rồi. Nó quây làng rồi, ngõ nào cũng một thằng đứng chiến. Báng súng nó gạt những thúng hoa tung vãi đầy các ngõ. Bao giờ nó cũng bắt đầu quây Ngọc Hà Hữu Tiệp trước; rồi dồn dần lên Liễu Giai là rõ mặt người; nó lọc ra từng giới, tên chỉ điểm trùm kín mặt đi nhận mặt những người hoạt động. Chỉ có khóc mà nhìn nó đưa anh em đi, rồi lại khóc mà nhìn những luống hoa vườn nhà toàn những vết giầy đinh. Nhưng mà cũng có những ngày hả hê, mặc dù không dám thốt ra lời. Chỉ vui thầm với nhau trong một số bà con tin cẩn. Khi nào thấy nó đặt làm cu-ron, khi nào nó mua nhiều hoa vòng, khi nào cánh bán hoa Bờ Hồ và chợ Đồng Xuân về sục các vườn, là biết quan lính

nó chở xác về nhiều, là biết "ngoài ta" đánh những đòn nặng vào chỉ huy viễn chinh của nó. Ở đây mù mịt lắm. Cơ sở có lúc lại trắng băng; thường chỉ đoán qua những việc như vòng hoa đó, mà thông cảm thầm lặng với bên ngoài. Nhưng những ngày này, cũng là những dịp để người đi ở công năm cho nhà địa chủ giồng hoa phải chịu đựng nhiều thêm nữa. Vợ thằng Thiện, ngồi giữa chợ, có ngày thu ba bốn ngàn đồng Đông Dương tiền hoa vòng, có vòng đến dăm trăm. Nhưng anh chị em làm hoa cho nó phải thức thâu đêm, làm chậm nó đánh nó chửi. Không những địa chủ, mà cả bọn mại bản hoa vòng cũng hành hạ. Mờ sớm, chưa xong cái ách hoa, lại đến cái tội lá. Lại quang gánh sang tận Cầu Đuống lấy lá cúc tần các bãi ven sông để về độn hoa vòng...

Đêm đã dài lắm. Ngoài kia, trên gạch ngõ làng, thoáng có một tiếng guốc sắc như tiếng phách. Rồi tiếp đến những đợt guốc giòn giã, nó lóc cóc giòn tan như tiếng guốc nữ học sinh ngày sắp nghỉ hè. Chợ hoa có người rồi. Bà Nhỡ cũng đã dậy từ bao giờ, xúc miệng bằng một câu nghịch: "Nó mà còn đóng bốt, o ép vùng ven nội và cường hào còn cấu kết hoành hành, thì có mà lép kẹp!". Mới chưa bốn giờ sáng mà chợ hoa đã đông quá. Ngày tuần ngày tết, chợ đêm hàng hoa

còn họp từ hai giờ sáng kia. Những ngọn đèn bão nhấp nhô từ các ngõ xóm, tiến ra ngõ chợ trước chùa Bát Mẫu. Những tiếng nhạc guốc cứ dồn gần lại. Khăn vuông, nón, thúng; trên đầu một thúng hoa, tay phải một bó hoa, ngón tay mắc cái đèn bão; tay trái khuỳnh ôm một thúng hoa nữa. Ở những khu vườn quanh chợ, nhiều nhà vẫn tiếp tục chiếu đèn lên luống trẩy thêm hoa ra chợ. Vườn này vườn nọ, những vầng sáng đèn bão tập trung vào đóa hoa, trên đó thoăn thoắt cái bàn tay người hái. Cả chợ toàn phụ nữ. Không thấy bóng đàn ông. Bánh chưng rán, bún thang, các hàng quà nghi ngút khói. Người bán cũng đèn; người mua cũng đèn; người quà rong cũng đèn. Lay dơn, thược dược, cúc, lan, huệ, quế, ngâu, sói, đủ cả hương sắc và màu sắc. Tôi quay về nhà chị Gái, định ra xem nữa. Đã thấy đi đâu hết cả. Như là cái kiểu chợ kháng chiến vùng giáp địch, họp nhanh và bán nhanh, kẻo máy bay nó lên. Trời rạng dần. Ngõ gạch, vương vãi cánh hồng nhung ngắn cuống. Chợ đã tan như một giấc mơ trăm hoa, trên lối đi để lại chút thơm bay. Bên Thụy Khuê, xe điện đã dồn toa chuyến đầu xuống chợ Đồng Xuân.

29-1-1956

BẾN HỒ VÀ LÀNG TRANH

Trong kháng chiến, con sông Đuống tỉnh Bắc Ninh chảy qua nhiều chân đồn bốt địch. Bây giờ hòa bình, bờ sông Đuống thấp thoáng nóc nhà máy, ống khói lò gạch, và những công trường đá, gỗ nứa. Năm nay Bắc Ninh lại được mùa chiêm to. Thợ gặt Nam phần sang gặt bên cánh đồng Bắc phần, sang ngang bến Hồ cứ hằng đoàn, hằng đoàn.

Tôi rất yêu bến đò Hồ nằm trên bờ sông Đuống. Bến Hồ ở sát ngay làng Hồ in tranh Tết. Từ ngày còn ít tuổi, tôi đã biết thích những tranh lợn, gà, chuột, ếch, tranh cây dừa, tranh tố nữ, tranh truyện cổ tích của làng Hồ. Mỗi lần Tết đến, đứng trước những cái chiếu bày các thứ tranh làng Hồ giải trên các lề phố đông Hà Nội, lòng tôi thấm thía một nỗi biết ơn đối với những người nghệ sĩ tạo hình của nhân dân đã đem vào cuộc sống một cách nhìn thuần phác, càng ngắm càng thấy đặm đà, lành mạnh, hóm hỉnh và tươi vui. Phải yêu mến cuộc đời giồng giọt chăn nuôi lắm, mới khắc được những tranh lợn ráy có những cái khoáy âm dương rất có duyên, mới vẽ được những đàn gà con tưng bừng như ca múa bên gà mái mẹ, mới ngả được nền giấy vẽ ra

màu hoa hiên, trên đó hằn lên những nét gợn thuốc cái. Kỹ thuật tranh làng Hồ đã đạt tới sự trang trí tinh tế, với những bộ tranh tố nữ áo màu quần hoa chanh nền đen lĩnh của một thứ màu đen rất Việt Nam . Màu đen không pha bằng thuốc khoáng chất mà lại luyện bằng bột than của những chất liệu gợi nhắc tha thiết đến đồng quê đất nước: than của rơm nếp, than của cói chiếu, và than của lá tre mùa thu rụng lá. Cái màu trắng điệp vờn lên những đường viền tranh hoặc tô kín khuôn mặt người trong tranh, là một sự sáng tạo của họa sĩ nhân dân góp vào kho tàng màu sắc của dân tộc trong hội họa. Màu trắng ấy không chũi, không nông cạn khô khan, mà càng ngắm càng thấy dễ ưa nhìn; những hạt cát của điệp trắng nhấp nhánh muôn ngàn hạt phấn nó tăng thêm vẻ thâm thúy cho khuôn mặt vẽ, tăng thêm sinh sống cho dáng người trong tranh.

Một năm trước cái ngày phát xít Nhật sang tàn phá làng mạc, thu thóc và giồng đay trên đồng ruộng Việt Nam , tôi đã tìm về làng Hồ, nhờ một anh bạn họa sĩ in phụ bản màu cho tập truyện đầu tay của tôi, bằng kỹ thuật in tranh đặc biệt của dân tộc. Tôi vốn là một người rất yếu đuối trước sự phối hợp của những màu sắc cơ

bắn và trở nên sùng bái màu sắc của tranh làng Hồ: màu lam lấy ở lá chàm; màu xanh làm bằng gỉ đồng, nhựa thông, và điệp; màu tam giang làm bằng nước sơn sống, và lá dung lá vang; màu vàng lấy ở cánh hoa hòe; v.v... Dưới bóng giăng, tôi nghe những nghệ nhân giã hòe, giã sỏi lấy son, đẽo vang chế hóa các màu phẩm. Và dưới màu nguyệt bạch của đêm giăng, tôi nhìn những hòn điệp to bằng trái bưởi trắng phau long lanh hạt cát, tôi càng thấy khâm phục những công phu tìm tòi của tiền nhân đã góp phần vào cái tươi vui của Tổ quốc ta tươi đẹp. Hình như ông tổ năm đời sinh ra ông cụ in tranh ở thôn Đông Hồ ấy đã chỉ những chồng ván in và những chậu phẩm mà nói rằng: "Đấy, ta để lại cái gia tài riêng đó cho các con cháu về sau này. Đấy là trâu bò và ruộng nương của các con đấy...". Cái gia tài riêng ấy thật đã trở thành cái vốn chung, đã góp vào cái vốn cũ của dân tộc.

Hòa bình gần hai năm; mãi đến hôm nay tôi mới có dịp về thăm lại cái làng tranh nổi tiếng. Chị cố nông chủ tịch xã Tú Hồ đã cải cách ruộng đất thắng lợi, liền đưa tôi thẳng về thôn Đông Hồ. Các bạn họa sĩ của tôi đang mê say trong việc in lại những tranh cũ để nghiên cứu. Mấy bữa nay, cụ Chế và cụ Đán sang các thôn bên

tìm lại những ván cũ, mất rất nhiều công tìm lục những ván gỗ còn giữ những nét khắc xưa cũ.

Cụ Chế và cụ Đán trong kháng chiến đều có tản cư lên Việt Bắc và rất nhớ nghề cũ. Ở rừng núi, các cụ vẫn thèm nhớ lại những cái Tết trước kháng chiến, làng Hồ in tranh phổ biến đi khắp các chợ tỉnh chợ quê. "Cứ gần Tết đến, ngày áp phiên các phiên chợ, các lái Thanh Nghệ Tĩnh, Đông Nam Đoài Bắc, đổ về "ăn" tranh chật nhà. Bồ xếp đầy sân, tiền trải ra kín chiếu. Tranh xếp ra từng đệp khắp nền nhà. Tranh đơn, tranh truyện, tranh bộ. Nhị độ mai; Sơn hậu; Phương Hoa; Thạch Sanh; Kiều. Gà, lợn, chuột, cá. Trong nhà ngoài sân, xanh đỏ ê hề. Bao giờ đất nước yên hàn, nó hết tàu bay, để lại được về pha phẩm in tranh bầy chợ Tết miền xuôi...". Tôi nhìn hai ông cụ đầu bạc liền tay vỗ ván in tranh. Tiếng xoa, tiếng vỗ tranh in, dội vào một buổi trưa hè tĩnh Bắc được mùa và tiếp tục in tranh gà lợn.

Cụ thợ già cho bọn tôi ăn một bữa cơm có thịt gà luộc chấm muối. Gà làng Hồ nổi tiếng từ xưa. Không những ngon mà còn đẹp. Thịt rất trắng, da rất vàng. Con gà trong mâm cơm đẹp như con gà trong tranh đang in lại kia. Tôi phân vân không rõ ngày xưa đã có những con gà ngon đẹp

như gà đơm cỗ đình, rồi sau đó mới sinh ra tranh gà làng Hồ, hay là ngược lại? Tôi chưa dứt khoát được cái nào có trước cái nào, nhưng tin chắc rằng giữa con gà béo của làng Hồ tăng gia chăn nuôi và con gà trong nghệ thuật làng Hồ, vốn có ảnh hưởng qua lại mật thiết. Và từ đây, trong sự khôi phục kinh tế nông thôn, trong việc xây dựng văn hóa dân tộc, con gà làng Hồ còn có nhiều triển vọng phát đạt cả ở hai mặt chăn nuôi và hội họa trang trí, để thỏa mãn đầy đủ cho những người nông dân làng Hồ vừa cày ruộng vừa làm mỹ nghệ đã lâu đời.

Chung quanh hai ông cụ ngồi ung dung đều tay in tranh, ngổn ngang nhiều đồ dùng. Cái bẹ dừa để chải ván, cái núm quả dừa điếc. Những dây bòng bong không hút nước và dùng đệm bìa in bôi phẩm lên. Những cái bút quét phẩm làm bằng lá thông xanh, ngâm vào chậu nước, dùng đến mòn thì thôi, chứ không bao giờ bở. Những cái sơ mướp già, dùng để xoa lên lưng tranh ấp vào gỗ khắc. Những vật dụng này còn thô sơ giản đơn, nhưng cũng thân mật biết bao với nghệ nhân một nước nông nghiệp! Tất cả vật dụng để in tranh, chất liệu rất giản đơn, nhưng tất cả đều biểu hiện cái khía sáng tạo của những người nghệ sĩ nhân dân. Bất giác, tôi nhớ đến

một câu nhận định của một nhà khảo cứu tranh khắc của nước Bảo: "Do cái bản tính và do cái phẩm chất của nó, mà tranh khắc gỗ đã là một nghệ thuật bình dân nhất trong các loại nghệ thuật tạo hình". Và tôi nhớ rằng ông cụ Chế chú nhà đây đã in tranh liền trong sáu đời cha truyền con nối, riêng ông cụ, đã bắt đầu vỗ ván in, xoa ván in từ năm mười tuổi. Ông cụ chép miệng: "Trước kháng chiến, mỗi nhà là cứ nửa gian nhà toàn ván màu ván nét. Ván khắc nét rất sâu, toàn khắc bằng mũi đục, chứ không phải là dao trổ. Có thế mới in được thuốc nếp thuốc cái... Tiếc quá, ông ạ. Còn có cả cái loại tranh bộ vẽ bốn cô tố nữ, mà lại tố nữ ngồi, chứ không phải tố nữ đứng như ta thường thấy. Tiếc quá, chúng nó đốt hết cả...". Tôi liền nhớ lại cái cảnh Bắc Ninh chúng nó chiếm đóng một thời gian dài. Nam phần rồi cả Bắc phần. Càn lớn càn nhỏ, rồi ba bôn phen tổng càn. Đất Bắc Ninh cũng là nơi trú quân dưỡng quân của các Giê-Em trung đoàn cơ động của nó, sau những kỳ tổng càn. Nhiều xã, nhiều huyện phải lưu vong sang xã bạn, huyện bạn, tỉnh bạn, lấy đất bạn làm bàn đạp để bám lấy cơ sở.

Phải, đêm 5-4-1952, ta diệt bốt đò Hồ. Tôi nằm gần đê bến Hồ, tránh đại bác nó câu về

suốt đêm. Sớm hôm sau, nhân dân tha hồ vớt cá vỡ bong bóng trên sông Đuống, và chặt chuối làm phao ngang sông Đuống tìm vào vị trí tan hoang mà chuyển chiến lợi phẩm. Cái điều tôi vẫn thắc mắc sau đêm chiến thắng ấy, là đã không kịp sang sông về thăm làng Hồ in tranh, chỉ ở cách vị trí đã diệt kia có một thôi đường. Sau đó ít ngày thì nó tổng càn, quân nó dàn khắp mặt đê và nhân dân ta cũng khắp cánh đồng, khắp các bãi ngô...

Mấy bà cụ in tranh in giấy tiền và là hàng xóm cụ Chế liền kể chuyện tiếp luôn vào: "Ấy chính cái hồi ấy, nó đóng lại bến Hồ và về đóng làng này ít ngày. Những bản gỗ khắc bị hại nhất, cũng vào hồi này. Nó đốt nhà; ván in tranh cháy theo cũng có. Nó thường chẻ ván khắc ra làm củi thui chó, đun nước. Ý chừng cái bộ ván tố nữ ngồi bị cháy cũng là vào hồi này...". Những chuyện đế quốc đốt nhà, đốt làng, đốt người chết, đốt người sống, tôi đã có dịp nghe kể nhiều, và cũng đã từng nhìn thấy trong kháng chiến. Nhưng bây giờ ngồi giữa một làng đồng bằng vừa giải phóng và lại vừa xong cải cách ruộng đất, tôi nghe các cụ ông cụ bà làng Hồ kể chuyện chúng nó chẻ ván gỗ khắc và đốt bốn cô tố nữ, trong lòng tôi nổi dậy một khía cạnh mới

của lòng thù ghét và khinh bỉ đối với bè lũ giặc. Không những chúng nó đã xâm phạm vào thể chất rất nhiều phụ nữ Việt Nam trong vùng chúng tạm chiếm, mà chúng còn tàn hoại đến cả những người đẹp trong tranh gỗ khắc. Nỗi xót xa tiếc nhớ đối với những nguyên bản gỗ khắc kia, lên tới cái mức tôi ngồi mà hình dung ra được cái tiếng của tội ác giặc đang kêu vù vù trên lửa; nó kêu vù vù đến đâu thì gỗ mộc bản rực đỏ lên, và trên những thớ gỗ co oằn nổ lách tách, trên mảng tàn than trắng ra, những nét khắc sâu càng hiện rõ, và những khuôn mặt vui hát của tố nữ đang méo dần đi, đang tàn úa dần đi với đống than vạc. Cùng một lúc, tôi nhớ lại những tội ác của chiến tranh đế quốc đã xúc phạm vào nhiều giá trị văn hóa ở tỉnh Bắc Ninh này. Bao nhiêu pho tượng gẫy đầu gẫy tay, bởi vì quân bộ chúng nó đã đi qua đình chùa; bao nhiêu gạch ngói và rui cột đình chùa đã thành ra tường mái nơi vị trí chúng; bao nhiêu tàu gỗ xeo dó, bao nhiêu khung cửi đã thành ra đống tro trên đồng làng; bao nhiêu tiếng dân ca đã chìm xuống ruột hầm kín... Tôi ngửng đầu lên, vui sướng thấy trước mặt tôi, cụ Chế và cụ Đán vẫn tiếp tục xoa tranh, in tranh gà tranh lợn cổ điển của làng Hồ. Quanh chỗ các cụ in tranh, những con gà con

lợn thật của cả xóm cũng đang lao xao lục cục đòi ăn. Cuộc sống hòa bình kiến thiết của tỉnh Bắc Ninh nhiều truyện cổ tích thần thoại, nhiều nghề thủ công khéo, nhiều kinh nghiệm chiến đấu du kích bảo vệ sản xuất, nhiều tranh nhiều tượng nhiều kiến trúc, nhiều dân ca nhiều điệu hát, cuộc sống ở đây từ nay tiến lên, càng chăn nuôi nhiều và càng sản xuất nhiều tranh lợn gà, tranh đi học, tranh đám cưới...

Để cho Tổ quốc ta tươi đẹp thêm nữa, nhạc sĩ của Nhà nước dân chủ chúng ta lại đã đưa nhau về đây làm sống lại tất cả những làn, những hơi, những lời dân ca quan họ Bắc Ninh [1].

Hát lại hơn bốn chục điệu hát quan họ[2], có những bà cụ tám mươi, đầu bạc phơ, vừa hát vừa nhớ lại cái tuổi con gái của mình. Và bà cụ đã ngừng hát, vào đem tất cả những quần áo màu sắc để dành từ xưa ra mặc vào rồi mới cất tiếng hát tiếp. Nét nhạc dân ca Bắc Ninh mềm mại

---

[1] Sau khi viết bài này, chúng tôi có gặp phái đoàn văn hóa của *Ủy ban Nhật Bản đoàn kết châu Á* sang thăm nước ta. Nói về nghệ thuật Nhật Bản ngày nay tham gia công cuộc chống chiến tranh nguyên tử và bảo vệ hòa bình thế giới, đại biểu Nhật Bản cho biết rằng Nhật Bản hiện nay có phong trào vận động ca hát thu hút 3 triệu nhân dân, với khẩu hiệu : "Tiếng hát là sức mạnh của hòa bình".

[2] Nhiều người gọi là *quan họ*. Có những bạn khác gọi là *quan hạ*. Tôi ngờ rằng chữ *hạ* đúng hơn chữ *họ*.

như những đường cong các mái đình cổ tính Bắc. Ca nhạc và màu sắc quần áo tươi chói trong những buổi thu thanh vốn dân tộc vào đĩa hát, càng gợi nhắc đến những dáng nét dịu dàng tươi tắn của tranh tố nữ yếm đào làng Hồ.

7-56

HENXANHKI

Thủ đô Henxanhki là một đô thị vào loại được trang bị tối tân, nội thành và ngoại thành nhiều hồ, nhiều rừng thông cả năm xanh bất tận. Nhân dân Phần Lan ở Henxanhki, quần áo màu sắc tươi sáng, là những người yêu thể thao, yêu nghệ thuật tạc tượng, yêu âm nhạc, yêu hòa bình. Đại hội hòa bình thế giới mở ở Henxanhki vào mùa này là cái mùa không có đêm trong nửa năm, nhân dân và tạo vật liên tiếp sống trong bình minh. Từ các nẻo đại lục, từ ngàn dặm bốn phương bốn bể, 1811 đại biểu các lực lượng hòa bình của 68 nước đến họp ở đây, đều có một cảm tưởng chung: "Con người, thiên nhiên, bầu trời không bóng tối nơi đây, thật là một khung cảnh rất thích hợp cho mọi cuộc bàn bạc giữ vững lấy hòa bình thế giới và hạnh phúc nhân loại". Ngày 25-6-55, giữa công viên Đờ Étperia, gần một vạn nhân dân Phần Lan họp mặt với toàn thể đại biểu Đại hội và thông cảm với nhau về ý nghĩa phấn đấu chung cho sự nghiệp hòa bình thế giới. Đã có bao nhiêu chị thanh niên Phần Lan ôm những bó hoa tươi thắm nhất của thủ đô Henxanhki, vù vù như chim bay lên lễ đài trao hoa cho đại biểu các nước. Những lời tha thiết

kiên quyết với hòa bình, vì hòa bình, đã được các đại biểu Trung Quốc, Ấn Độ, Pháp, Liên Xô, Sili, Phi châu đen, Anh, nói lên liên tiếp. Và những điệu múa, những bài hát và những điệu nhạc bất hủ của nhạc sĩ Phần Lan Sibelius kéo dài trong đêm Henxanhki không tắt nắng. Tại một nước không ở trong khối dân chủ, đây là lần đầu tiên mà nhân dân địa phương chan hòa với cuộc hội nghị quốc tế trên một quy mô lớn rộng. Càng chứng tỏ: nhân dân thế giới ngày nay giác ngộ cao và đoàn kết rộng trước nguy cơ chiến tranh nguyên tử, và càng chứng tỏ: lực lượng hòa bình ngày càng lớn mạnh. Trước hôm mít tinh vĩ đại này, quanh hội trường Métsuhali, không lúc nào là không có những nhóm thanh thiếu nhi và cụ già Phần Lan đòi các đại biểu 68 nước cho xin chữ ký kỷ niệm vào cuốn sổ tay cá nhân! Các đoàn các nước và nhân dân Phần Lan không ngớt tay gắn lẫn huy hiệu cho nhau. Con chim bồ câu trắng Việt Nam hiện lên trong tàu điện, trong khách sạn, giữa vườn cây và trên các nẻo phố Henxanhki. Trong số tác phẩm nhân dân Phần Lan biếu chúng ta, có một cái đĩa gỗ ghép chéo thớ của kỹ nghiệ làm gỗ tinh xảo của Phần Lan; lúc biếu ta cái đĩa gỗ, họ nói: "Gỗ này không bẻ gãy được, đem tặng Việt Nam thì mới

có ý nghĩa".

Tôi tự nhiên thấy hiển hiện lên cái quang cảnh tươi mát hôm mới đặt chân vào biên giới Phần Lan... Tàu đỗ lâu ở ga biên giới Oainikhala để lấy dấu nhập cảnh. Tất cả các đoàn đại biểu quốc tế đều xuống ga chơi. Nhân dân Phần Lan nhiều người lạ chúng tôi. Tôi cầm một cành thông vẽ xuống nền đất một mảng địa đồ thế giới. Tôi vẽ phía Tây phía Đông, bờ biển Trung Quốc. Tôi tô đậm bờ biển Việt Nam, một tay khác vỗ vào chỗ quả tim mình, và nhìn họ cười. Họ vui vẻ gật gật, tỏ vẻ hiểu. Nhà văn Tân Tây Lan Rewi Alley[1], phó bí thư trưởng Ủy ban liên lạc hòa bình châu Á - Thái Bình Dương, cũng ở trong cái số đông người đang nói chuyện ở sân ga, nói chuyện bằng ra hiệu hơn là bằng tiếng nói. Quanh chúng tôi là cỏ rờn bao la, là rừng thông xanh bạt ngàn. Thiếu niên đều quần áo len tươi thắm và gọn gàng như sắp đi dự điền kinh. Không ai bảo nhau, nhưng thấy cần phải hát lên. Quanh con tàu Hòa bình quốc tế còn lâu mới chạy, mưa xuân nhẹ sa như tơ nhện. Hưởng ứng cái không khí vui hát, ông bạn R. Alley tay vỗ nhịp, chân đập nhịp, hát một bài vui. Các chị Trung Quốc càng hát nhiều, càng hát hay. Nhiều

[1] Rewi Alley có sang thăm Hà Nội hồi đầu 56, và liền dịch cuốn *Chinh phụ ngâm* của ta ra tiếng Anh.

bà mẹ Phần Lan hết dè dặt, càng thắt lại vòng vây, càng gần lại. Ông Rewi Alley hát bài hát và tiếng hát dân ca xứ Tân Tây Lan, tôi hát chèo, thiếu niên ở ga hát dân ca Phần Lan; nhưng có thể nói là những con người khác lứa tuổi và khác quốc tịch ấy đều đã thông cảm với nhau. Những danh từ Phần Lan đầu tiên tôi học và bắt đầu nói, như những chữ *raohang* (hòa bình), *pive* (tốt), *laolaca* (hát) v.v... cũng là do cái buổi tiếp xúc đầu tiên có tiếng hát cất lên từ cái ga biên giới đầu tiên. Tôi chạy vút lên toa tàu, lấy hoa xuống tặng cho thiếu nhi Phần Lan đang đồng ca liên tiếp. Nhà văn Rewi Alley cũng luôn tay chuyển hoa cho thanh thiếu nhi. Tất cả đại biểu có phần hoa của mình gài trong toa xe, đều chuyển xuống hết. Đây là những bó hoa tươi đẹp nhất của nhân dân thành phố Lêningơrát buổi sớm nay đặt vào tay mỗi đại biểu hòa bình. Thành ra lúc tàu chúng tôi rời ga, thì tất cả tuổi trẻ yêu đời ở ga địa đầu biên giới Phần Lan đều một loạt vẫy tay mãi chúng tôi bằng những bó hoa đẹp thắm của đất nước Liên Xô chúng tôi vừa qua lúc sớm nay.

*

Có những đại biểu các đoàn như Sili, Nam Mỹ, Tây Ban Nha v.v... rất am hiểu về tình hình Việt

Nam. Những tâm hồn bạn bè của chúng ta hiểu tình hình Việt Nam đến cái mức làm cho chúng ta phải xúc động, như đại biểu dân tộc bạn Anbani chỉ một triệu rưỡi người nhưng rất vĩ đại. Quên sao được những cảm tình thắm thiết của anh em da đen và Bắc Phi. Đại biểu Marốc, anh kỹ sư mỏ, một cách thân mật, cho biết rằng sau khi Việt Nam chiến thắng Điện Biên Phủ, "tất cả những người ái quốc Bắc Phi ở Marốc đều lấy Điện Biên Phủ đặt tên cho thành phố Cadabờlăngca". Đại biểu Mã đảo: "Mađagátca vẫn đấu tranh gian khổ... Các anh chiến thắng Điện Biên Phủ, báo chúng tôi in tăng lên gấp ba lần, phát hành không đủ..." Ở hội trường, không biết bao nhiêu người rời chỗ ngồi đưa tặng phẩm đến cho đoàn ta. Và đoàn ta không có buổi nào là không đi biếu họa báo và tài liệu về tình hình Việt Nam. Ngoài hội trường, tại rạp Bio Capitole, đoàn ta cho chiếu phim màu *Việt Nam trên đường thắng lợi*. Người đến xem đủ thành phần đại biểu các nước. Sau hai buổi chiếu phim, có nhiều bàn tay rất chắc, rất ấm đã nắm bàn tay chúng tôi lâu hơn mọi lần. Có những chị đại biểu ở những chỗ sơn cùng thủy tận những nước xa xôi đã tìm đoàn ta mà gắn chim hòa bình: "Chúng tôi thấy đất nước chim muông hoa cỏ nước Việt Nam quả là nhiều màu sắc. Việt Nam

đã có nhiều đau khổ, nhưng Việt Nam nhiều cái đẹp lắm. Chúng tôi cảm ơn các bạn". Đại biểu Ý, Bỉ, Gia Nã Đại, có người muốn hỏi mua ngay phim đó. René Gilson, một nhà giáo và là một nhà phê bình điện ảnh, giọng nói có nhiều suy nghĩ: "Phải làm thế nào để những nhà làm phim nước Pháp tôi sang quay phim ở Việt Nam. Cả ở miền Bắc, cả ở miền Nam". Trong những buổi bàn bạc ở tiểu ban trao đổi văn hóa các nước, Peligrini, nhà điện ảnh tiến bộ nước Ý có nêu phim màu Việt Nam. Chiếu xong phim giữa cái không khí bừng bừng nhiệt tình quốc tế; và sau những ngày đã đi qua và dừng lại ở Bắc Kinh, Thượng Hải, Mạc Tư Khoa, Henxanhki, tôi càng thấy yêu thêm đất nước mình. Càng biết ơn Liên Xô đã giúp ta có phim màu ngay từ trong kháng chiến. Chuyến này về, ghé Mạc Tư Khoa lần thứ hai, tôi phải tìm cho được Cácmen, đem đến cho anh tất cả những cảm tình sốt dẻo của mọi người đối với phim ảnh của anh.

Tại gian triển lãm quốc tế ở Đại hội, ban tổ chức giành cho ta hai thước vuông. Ta treo ba bức sơn mài của nền mỹ nghệ ta vẽ phong cảnh quanh Hà Nội. Rất đông người yêu thích. Sau khi tôi đã thanh minh rằng đây chưa phải là những tác phẩm tiêu biểu cho nghệ thuật sơn mài của Việt Nam, nhiều đại biểu cười: "Nhưng mà vàng

son ở đây cũng đã đẹp mắt lắm".

Cảm tình của nhân dân thế giới đối với chúng ta thật là nồng hậu. Nó biểu lộ mạnh mẽ nhất và cụ thể nhất, là ở ngay những văn kiện ở Đại hội. Vấn đề Việt Nam , và những vấn đề cụ thể của Việt Nam đã được nêu lên rõ ràng trong bản hiệu triệu Henxanhki và trong các bản thông cáo của các tiểu ban. Bản nghị quyết của đoàn Gia Nã Đại cũng nêu rõ lên : ủng hộ việc thi hành triệt để nghị định Giơnevơ ở Việt - Khơme - Lào. Đại biểu đoàn Pháp cũng có một bản nghị quyết chung với đoàn Khơme và ta. Đó là kết quả của cuộc gặp gỡ thân mật giữa đoàn Pháp với ta và Khơme, trong đó, một đại biểu Pháp nói: "Buổi họp cảm động này, phải có cái gì đánh dấu lại..."

Những đêm trắng ở Phần Lan quả thật là trắng, mặt trời thức thâu đêm. Và đoàn Việt Nam là một đoàn đã thức nhiều đêm trắng và được liệt vào những đoàn hoạt động mạnh, tích cực góp phần mình vào cái kết quả chung của Đại hội Hòa bình thế giới. Những đêm trắng ấy của đoàn Việt Nam cũng là để phần nào đáp lại những tấm thịnh tình nhân dân thế giới theo dõi tình hình hiệp thương đi tới tổng tuyển cử ở ta.

Ngày bế mạc Đại hội, bản hiệu triệu Henxanhki được toàn thể Đại hội bỏ phiếu tán thành, hội trường vang dậy tiếng hoan hô rền

mười lăm phút. Người ta không ai là không xé giấy trắng phóng cao hàng đệp lên trời, giấy hàng vạn vạn mảnh bay lả tả xuống như một trời chim trắng. Người ta vẫy khăn. Mấy ngàn con người nhấy lên bàn lên ghế, hô khẩu hiệu hòa bình. Trên chủ tịch đoàn, cũng đứng dậy vẫy khăn, bà Anna Seghers, nhà văn hòa bình nước Đức, luôn tay xé giấy làm chim, vừa tung vừa cười mãi. Những điệu hát hòa bình nổi dậy bằng mọi thứ tiếng các dân tộc. Nhiều đại biểu vừa cười vừa chảy nước mắt.

Lúc ấy tôi cùng đứng lên với khối anh chị em Bắc Phi và Phi châu đen. Anh em Phi châu nhiều nhất, dài nhất. Nhiều tiếng hô *Adòátsim* (Hòa bình muôn năm) nhói sâu vào lòng. Tôi biết rằng khi Đại hội chấm dứt, cuộc đấu tranh cho hòa bình còn tiếp tục, càng tiếp tục và từ đây mới là bắt đầu những cái khó khăn ở mỗi nước lúc trở về. Tôi cầm tay anh em Phi châu, nghĩ đến những cảnh rừng sâu hiểm trở và những tờ báo bí mật của toàn thể Phi châu đen. Lúc chia tay, tất cả đại biểu các nước đều chúc nhau về nước công tác tốt và thêm một câu "bây giờ mới là lúc phải hành động nhiều".

LĂNG VÀ RỪNG LÊNIN

Buổi chiều nào nhân dân Mạc Tư Khoa cũng xếp hàng sẵn ở các mép phố lớn đổ vào Hồng trường. Buổi chiều nào cũng có những đoàn người rất đông rất dài xếp hàng đi thăm Lênin ,Stalin. Quang cảnh đi viếng lăng Lênin, Stalin là một cái nếp quen rất cảm động trong cuộc sống hằng ngày của Mạc Tư Khoa. Có những người ở các tỉnh xa trong Liên bang Xô viết về Mạc Tư Khoa, phải chờ hằng tuần mới giành được chỗ trong hàng người đi thăm lăng Lênin, Stalin. Đoàn hòa bình Việt Nam tới Mạc Tư Khoa buổi sớm, buổi chiều đã được đi thăm lăng ngay, đó là một sự chiếu cố đặc biệt.

Mạc Tư Khoa giờ đang là cái tiết mùa xuân năm nay ăn lấn sang mùa hè. Những bóng dáng tươi xinh của học trò các trường, thấy thiếu ở ngoài phố, bến xe. Tuổi trẻ đã đi nghỉ mát ở các tỉnh xa, ở các vùng quê, vùng núi, vùng bể. Nhưng mà phố vẫn đông. Và dòng người xếp hàng đi thăm lăng Lênin, Stalin vẫn đông và dài lắm.

Tôi bước những bước ngắn ngắn, nối vào dòng người tập trung cảm nghĩ và đang nhẹ nhẹ đổ dần vào Hồng trường. Tôi ngẩng đầu lên, ngây

ngất một giây với cái quãng rộng thênh thang hiếm có giữa một thành phố đông người. Những hàng răng cưa hiện lên sừng sững trên đầu những bức tường thành gạch màu hồng. Cờ-rem-linh đây rồi. Hồng trường đây đây. Toàn lát đá miếng nhỏ. Gió buổi chiều se lạnh trên nền đá tái tái. Nhà thờ Thánh Ba-din in cái nóc hình củ thủy tiên ngũ sắc và thếp vàng lên nền trời rộng. Những đàn én xập xè liệng, làm nhớ lại cảnh chiều mùa xuân bay én ở quê hương Việt Nam .

Chân tôi bước chậm, nhưng tim tôi đập mạnh. Anh bạn đi cùng hàng với tôi cũng hồi hộp như tôi. Trên kia, vòng hoa đoàn chúng tôi đã đặt ở bên cửa lăng. Chỉ còn ít bước nữa là tôi vào trong lăng. Trời buổi chiều nay đẹp quá. Đúng là trời của những buổi đi thăm lăng tiên liệt. Đồng hồ điện Cờ-rem-linh chỉ 17 giờ kém 15. Tôi bước xuống, xuống nữa. Lòng lăng rất sâu. Đầu tôi loáng loáng những câu nói nảy lửa, những câu nói rất nhân tình của Lênin. Bóng dáng những bạn cùng khóa học cùng tổ học, bóng dáng những bạn chiến đấu trước hòa bình hiện lên rất đông rất nhanh. Không khí rất trầm lặng. Nhưng tai tôi vang vang lên tiếng hát Quốc tế ca và Tiến quân ca của những chi bộ sinh hoạt sát

tuyến lửa, của những chi bộ các xóm làng Việt Nam phát động quần chúng... Tôi đã đứng trước quan tài pha lê trong suốt. Tất cả những gì tôi đã thấy ở sách in, ở tài liệu đánh máy, in thạch, in đá; tất cả những gì tôi đã xem ở tranh, ở ảnh, ở phim; tất cả những gì tôi đã hiểu được qua những giờ học tập lý luận và những đợt công tác; tất cả đều như cùng sống dậy trong một phút. Tôi muốn được nói lên một câu một lời. Nhưng sự yên tĩnh ở đây lớn lao quá. Bên hai cỗ quan pha lê, mắt tôi mờ dần trước khuôn mặt Lênin Stalin và tôi cảm thấy như những cặp lông mày lông mi, sắp sửa chớp chớp, và tất cả ở đây sắp được nghe thêm một lời nói rất mới rất nhẹ. Tôi hơi lùi lại. Một vừng sáng hồng tỏa lên từ hai khuôn mặt trong lặng. Đấy là cái thần thái của người sống, của những người còn sống. Đây là cái thần thái của những vĩ nhân thế giới đã thức trọn một đời và trong lúc nhân loại ngày nay đã đi mạnh được trên cái đà của chủ nghĩa cộng sản thì Người đã yên tâm chợp mắt giây lát. Người nằm nghỉ, nhưng cuộc đời do người thức dậy vẫn vang lên tiếng Người, vẫn sáng lên bóng Người. Người nghỉ đây, nhưng Người đã hóa thân vào trong tâm não của cả nhân loại cần lao trên mặt đất. Người đã hóa thành hạt thóc lành của nông

trường, thành cái ánh thép xanh của kế hoạch năm năm, thành ánh sáng của thủy điện của nguyên tử. Người đã thành tên tuổi của một kỷ nguyên mới, của một nền cảm xúc và một nếp lạc quan mới.

*

Đây là một cánh rừng nằm bên một cánh bể, xa xa là vịnh Phần Lan. Đây là rừng Ra-dơ-líp ở gần thành phố Lêningơrát. Đây là nơi làm việc của Lênin liền trong ba tháng để chuẩn bị cho cuộc cách mạng tháng Mười vĩ đại. Lênin ở đây rất bí mật. Ngoài mấy nông dân quanh vùng mang thực phẩm đến và ngoài một đồng chí công nhân đi theo, thì tịnh không ai biết gì. Phòng làm việc của Lênin là một lều cỏ. Năm 1927, công nhân dựng tượng lớn ghi lại cái mái lều cỏ lịch sử lên nền đá quí. Nhưng bên cạnh tượng đá lớn, vẫn dựng lại một cái lều cỏ thật, dập đúng hình cái lều cỏ lúc sinh thời Lênin. Tôi đứng trước lều. Trời lăn phăn mưa. Tôi không xa lạ với hình lều cỏ. Tôi thấy nó cũng giống giống những cái lều gianh ở trên cánh đồng mùa đồng chiêm Việt Nam. Nó gợi một cái gì thân mật, giản dị. Nhưng cái không giản dị của lều cỏ này

là nó đã là nơi làm việc của Lênin, bực Thày vĩ đại của Cách mạng thế giới. Từ lều cỏ đây, sấm sét đã nổ ra đánh tan cái cơ cấu bộ máy thống trị và từ đấy, đặt lại cán cân hạnh phúc cho loài người. Ánh sáng đã tỏa ra từ lều cỏ bí mật giữa rừng và chiếu lên cuộc đời, soi đường cho thế gian đi tới mãi.

Những ngày cuối cùng ở lều cỏ là những ngày sang mùa lạnh. Tôi mường tượng đến cảnh hoa tuyết bay trong rừng thông, rừng bạch dương và tuyết đóng trên mái lều. Ngoài thì tuyết trắng xóa. Trong lều cỏ cũng trắng toát những trang bản thảo còn nóng lên cái hơi bàn tay viết của Lênin. Chính ở trong lòng lều cỏ này, trong thời gian một tháng, Lênin đã viết mười bài báo chiến đấu và viết xong tác phẩm *Nhà nước và cách mạng*. Với cái sức làm việc sôi sục, với sự tập trung cao độ ấy, với cái tinh thần khẩn trương chiến đấu bằng ngòi bút như thế, tôi nghĩ rằng mùa lạnh xứ Bắc phải lánh xa lều cỏ bí mật này. Tuyết sẽ trùm hết lên điện Mùa đông Pê-tờ-rô-gờ-rát. Nhưng lửa nghị lực và sức làm việc nóng sôi của Lênin ở lều đây đã làm tan khối băng tuyết. Nữ anh hùng Quân đội nhân dân Việt Nam là chị trung đội trưởng du kích Nguyễn Thị Chiên, sau khi đi họp đại hội hòa bình thế

giới năm 52 ở Viên, đến thăm thành phố mang tên Lênin vĩ đại, và cũng đứng trầm ngâm trước lều cỏ này. Trong buổi chị Chiên báo cáo ở lớp chỉnh huấn ở giữa rừng Việt Bắc, tôi còn nhớ chị nói lại những cảm tưởng của chị và chị thắc mắc về vấn đề sức khỏe của đồng chí Lênin và muốn biết xem mỗi ngày đồng chí Lênin ăn uống như thế nào trong suốt ba tháng làm việc bí mật tại căn lều nhỏ trong rừng lạnh. Điều này, tôi cũng nghĩ đến, vừa lúc vào trong nhà kỷ niệm. Riêng một góc phòng kỷ niệm, có bày đủ những đồ dùng cần thiết của Lênin: cái rìu, cái cưa, cái bơi chèo, cái ấm đun nước, cái nồi nấu súp. Đồ vật đây chỉ phỏng lại đúng với những đồ vật chính thức hiện để cả ở bảo tàng viện, nhưng nó đủ gợi cho tôi thấy được cái sinh hoạt hằng ngày lao động chân tay nữa của Lênin. Nhưng cái làm cho tôi nghiền ngẫm nhiều, thì vẫn là những trang sách viết trong những ngày bí mật ở lều cỏ và nay lồng kính treo trên tường, những trang bản thảo tập *Nhà nước và Cách mạng* viết bằng lửa tâm bừng bừng cháy và dồn lui hết mọi băng giá trên cuộc đời.

VỀ STA-LIN-GỜ-RÁT

Tàu bay chúng tôi đi thẳng một mạch từ Mạc Tư Khoa về Sta-lin-gờ-rát. Trời nóng như mùa hè Việt Nam. Mấy đêm trước tôi đã thức nhiều. Động cơ tàu bay dễ ru ngủ, nhưng tôi ngủ thế nào được trong cả buổi sáng hôm nay tôi đang bay về Sta-lin-gờ-rát. Tôi đã được thăm thành phố mang tên Lênin, với những kỷ niệm lịch sử đất phát tích của cách mạng thế giới. Nay lại được bay về thành phố Sta-lin-gờ-rát, về thăm một thành phố anh dũng nữa, người tôi không thể bình thường được như mọi hôm. Sta-lin-gờ-rát! Nó dội vào lòng như hồi mười ba năm trước, giữa Hà Nội còn đô hộ, những lúc vặn bé đi cái núm radiô nghe phát thanh của đài đồng minh theo dõi và phản ảnh cuộc chiến đấu anh dũng của Sta-lin-gờ-rát! Hà Nội hồi ấy có nhiều người bị bắt giam ở sở mật thám, ở Hỏa Lò, bắt đi an trí, đi trại tập trung các rừng miền ngược. Nhưng nhiều người ái quốc và nhiều trí thức vẫn hướng về Liên Xô, nhiều đêm nghe đài phát thanh Đồng minh, trái tim vẫn cùng đập theo với nhịp máu của trái tim nóng Sta-lin-gờ-rát.

Kim đồng hồ an-ti-mét chỉ 1.200 thước bay cao, đã hạ dần xuống 500 thước. Bên cửa tàu bay,

loang loáng dòng sông quanh uốn khúc. Tôi cảm động nắm tay chị Galina: "Von-ga, con sông Von-ga đấy phải không chị?" - "Phải. Von-ga đấy. Anh cảm động lắm phải không?". Tôi gật đầu, và say sưa kể lại chị nghe tất cả những gì tôi được biết về sông Von-ga và thành phố anh dũng Sta-lin-gờ-rát đã dựa lưng vào sông Von-ga mà chống giữ đến cùng. Tôi dẫn ra những phim ảnh đã xem, những câu nhạc thu thanh đã nghe, và những đoạn sách còn nhớ. Hồi còn ở rừng Việt Bắc, ngồi bên lửa nướng sắn trên nhà sàn, tôi đã nhiều lần kể về Sta-lin-gờ-rát với nhiều anh em. Như là một người cuồng chữ, khoe sách, tôi dẫn ra nhiều tác giả Liên Xô và nước ngoài đã ca ngợi thành phố anh hùng... Mọi ngày, tôi ít nói, chị Galina để ý, thường bảo tôi là một người hay buồn. Từ lúc này, chị lại để ý đến cái sự khác hẳn mọi ngày ở tôi.

Từ trường bay vào thành phố, dài mười sáu cây số. Trên cánh đồng mênh mông, nhiều cây rơm, đàn cừu. Và những cái nhà có hàng rào gỗ ván. Nắng chói mênh mông. Gió nóng ở biển Cát-piên thổi về, đốt cháy gốc cỏ thảo nguyên vùng này. Xe tiến vào thành phố. Cái phố đường rộng thênh thênh, nhà lầu nối khít đẹp sáng này tên là phố Hòa Bình, nó là cái phố thứ nhất xây

dựng lên sau những năm Sta-lin-gờ-rát bị tàn phá! Nhiều khóm hoa giồng chậu thấp thoáng sau các khung cửa kính. Các chị Sta-lin-gờ-rát đều mặc áo màu, đều mặc áo trắng muốt. Nhưng những nét tươi mát vẫn không làm cho tôi quên những việc vĩ đại mười hai năm trước của Sta-lin-gờ-rát khói lửa che suốt dọc bờ sông. Chỗ nhà giao tế chúng tôi ở, tường vẫn còn mang nhiều vết đạn. Bữa ăn trưa, có món súp nguội ô-gờ-rốt-ca, vị rất chua như nước dưa cải chiêm Việt Nam chúng ta. Tôi nhìn mãi những chị phục vụ đưa món ăn. Một chị tóc đã hoa râm lộ vẻ thắc mắc về chúng tôi ăn ít quá. Đúng là cái săn sóc kín đáo ý nhị của một bà mẹ đã từng gian khổ với chiến tranh và ngày nay đang đưa thức ăn cho những người bạn cũng vừa ra khỏi một cuộc chiến tranh lâu dài. Tôi tự hỏi về mấy chị đây : "Hồi chiến tranh chống phát xít, các chị rời Sta-lin-gờ-rát tản cư đi về đâu? Hay là các chị đã ở lại đào đường hầm chiến đấu, cùng sống chết với thành phố của mình?"

Chiều hôm nay vui quá: nhà máy cày Sta-lin-gờ-rát tổng kết hai mươi nhăm năm thành tích sản xuất. Đây là một xưởng máy cày đầu tiên của Liên Xô giữ ngay một vai trò lớn trong kế hoạch năm năm lần thứ nhất. Chúng tôi tiến vào

sân vận động. Công nhân trai gái trẻ già của cả nhà máy cày Sta-lin-gờ-rát đang mở hội liên hoan, biểu diễn điền kinh và dân ca. Tất cả đều vỗ tay, vẫy tay. Hoa Sta-lin-gờ-rát tươi thắm cứ từng bó, từng bó chuyền đến chỗ chúng tôi. Em bé Tamara mười tuổi ngồi ngay giữa chúng tôi: "Các bạn đến, mãi mới có người bảo em. Em tìm mãi mới được bó hoa này...". Mẹ và cha em Tamara đều là công nhân Sta-lin-gờ-rát, hy sinh ở đây. Tamara ngày nay mồ côi ở với bà ngoại. Em biết đánh dương cầm, hát hay, khoe rằng ngày mai sẽ đi Cờ-rát-snay-a, nghỉ hè với nhiều bạn thiếu nhi. "Về Cờ-rát-snay-a, nhiều quả ngon ngọt lắm". Tôi nhẩm tính tuổi Tamara. Em ra đời sau khi tiếng súng cuộc chiến tranh ái quốc còn nổ ở những nơi xa Sta-lin-gờ-rát, nhưng ở Sta-lin-gờ-rát đây, đã thu dọn sạch hết những tàn phá và bắt tay vào xây dựng lại thành phố. Và tuổi của em là tuổi thế hệ cộng sản chủ nghĩa vững bền đã thành tựu. Tuổi Tamara là tuổi của hôm nay và của ngày mai đã hát lên rồi giữa hôm nay. Tamaran nói: "Mời các bạn về nhà em chơi. Nhà, có bà ngoại em... Các bạn cứ nói là Việt Nam, bà em sẽ vui mừng, thế nào cũng giữ các bạn lại lâu đấy". Những lời của Tamara là những kỷ niệm đầu của hôm đầu tiên tôi tới Sta-

lin-gờ-rát.

Trên đường về, nhiều khối nhà lầu mới dựng. Nhưng cũng còn nhiều hồi tường cũ còn mang vết đạn. Những vết hào, giống như những con suối cạn kia, có phải là những "khe xác chết" tụng truyền lại, và đã chảy bao nhiêu máu phát xít, và tàu bay Đức nhào xuống bắn, chỉ cách mặt đất hai mươi thước! Bên đường, kể đếm không hết được những tấm áp phích vẽ ngay lên giá gỗ, những chữ HÒA BÌNH rất đập vào mắt. Chen với áp phích bảo vệ hòa bình là những áp phích nêu thành tích sản xuất của Sta-lin-gờ-rát kỹ nghệ nặng. Chiếc xe bỗng chậm sức nhanh. Một người bộ hành đang tạt ngang đường. Một công nhân đội cát két cụt cả hai chân, nửa thân người đặt trên một cái đế gỗ có hai bánh xe con, và đang lấy hai bàn tay trườn cái xe tùy thân qua đường. Anh cười, vẫy mũ cát két hướng theo xe chúng tôi. Tôi vừa vẫy anh, vừa nghĩ nhiều đến Sta-lin-gờ-rát anh dũng chiến đấu và ngày nay anh dũng xây dựng. Vẫn đập vào mắt là cái áp phích bên đường vẽ bà mẹ Liên Xô ôm chặt một em bé, cặp mắt bừng lên cái ý chí bảo vệ hòa bình. Cơm tối ngày đó, ban nhạc ở giao tế đàn lên bài *Chiến thắng Điện Biên* của Đỗ Nhuận. Giữa

không khí cảm thông thân mật, đoàn chúng tôi gắn anh-xi. Con chim trắng hòa bình Việt Nam vung cánh trên lồng ngực những người bạn nhạc Sta-lin-gờ-rát đêm đầu. Đêm nay, tôi biết rằng tôi không ngủ được. Bờ sông Von-ga điện sáng như đêm xứ Bắc mặt giời không lặn trong nửa năm. Hình như gần năm chục vạn nhân dân Sta-lin-gờ-rát buổi tối này đều ra giữa chỗ đại lộ anh hùng đây để mà vui cười và tự hào với thành phố của mình. Trên những bồn công viên, rực lên những cánh hoa pê-tu-ni-a, và thứ hoa "thuốc lá đêm" cả ngày ngủ và đêm mới bừng thức dậy, đỏ như hồng huyết cầu. Nó gợi lên những giọt máu tươi đã từng rỏ trên đất này mười hai năm trước đây, và ngày nay càng tô thắm cho Sta-lin-gờ-rát. Từng cụm, từng cụm phụ nữ, năm người, bảy người cùng dang tay đi bên những hàng cây a-ca-xi-a, cây ooc-mờ! Biết chúng tôi là Việt Nam, nhiều chị quay lại cười. *"Đờrát! Kharasô!"*. Đấy là những dáng tre gọn của những nữ sinh viên các học viện nông nghiệp, công nghiệp, đấy là cái tiếng cười tin tưởng của thế hệ xây dựng ngày nay. Đấy là những chị ở nhà máy *Tháng Mười Đỏ* đúc thép, những chị ở nhà máy cày, những chị ở nông trường. Nếu tôi không lầm, thì hình như ở đây phụ nữ nhiều hơn là đàn ông. Người

trẻ nhiều hơn người đứng tuổi. Trên mặt sông, cái nhà ga tàu thủy, đèn sáng trưng, tàu bè sình sịch ngược dòng, xuôi dòng. Ngày nay, Sta-lin-gờ-rát là một cái bến lớn của năm biển Bạch Hải, Hắc Hải, Ban-tích, A-dốp và Cát-piên, đã nối liền. Dòng sông vang lên như triều bể vỗ lên bờ đá cẩm thạch phố dọc Von-ga. Von-ga vui sướng quá! Hết rồi, những người lang thang của Goócki và tắt rồi, cái điệp khúc âm trầm của *Những người kéo đò sông Von-ga*. Tôi nói với chị Galina, tôi nói với chị Nina: "Tôi không phải là một thi nhân. Nhưng tôi muốn các chị cho tôi đi chậm lại. Để cho một số hình ảnh trên sông này kịp đọng lại trong tôi. Ngày mai, ngày kia còn đi thăm xưởng máy cày vĩ đại còn đi thăm kênh đào Lênin... Ngày hôm nay đẹp quá. Tôi muốn nó đọng lại". Anh bạn làm báo, người Pháp tán đồng cái ý ấy. Anh chậm bước, mắt như muốn tìm một cái gì quanh đây. "À, gần đây có mộ chí của đại úy con nữ đồng chí Ibaruyri, tổng bí thư Đảng cộng sản Tây Ban Nha, đã tình nguyện chiến đấu cho Sta-lin-gờ-rát và đã yên nghỉ anh dũng ở đây...". Giá đêm nay được ngủ lại ở nhà thủy tạ trên sông, nằm đếm sao trên vòm trời Sta-lin-gờ-rát và đếm còi tàu thủy trên sông lớn, thì tôi còn được bằng lòng hơn nữa về cái ngày

đầu đặt bước chân lên đất nước Sta-lin-gờ-rát. Cả đêm không ngủ, tôi mở rộng cửa sổ. Bầu trời Sta-lin-gờ-rát ngân nga như có tiếng vọng của sáo diều, một thứ diều máy chạy bay bằng hơi gió điện.

... Cách đây sáu bảy mươi năm, Mắcxim Goócki rất yêu mến của chúng ta đã từng làm ét xe lửa đèn cầm cờ, bé ghi ở ga thành phố này, lúc ấy còn mang tên là Xa-rít-xin...

Buổi sớm lành lạnh, tôi lại rảo bước ra bờ sông Von-ga. Nước sông Von-ga cuồn cuộn. Tôi hình dung những cảnh hùng vĩ xưa kia dòng sông cho trôi xuống những bè gỗ cây dương, cây thông cổ điển của rừng Liên Xô. Trên thượng lưu, nay mờ mờ những công trình xây dựng nhà máy thủy điện. Bờ bên kia, dải rừng xanh thăm thẳm. Những trang truyện của Simônốp lại hiện lên với cái không khí mùa đông trên Sta-lin-gờ-rát khói lửa: "Tháng mười một. Cánh đồng cỏ phía đông sông Von-ga tối om. Đêm dài mười bốn tiếng. Gió buốt nhức xương. Đen tối và hoa tuyết bao trùm khắp cánh đồng cỏ. Nhưng Nam Bắc thành phố, đêm nào cũng có hằng đoàn xe camiông, xe tăng, từ hậu phương xa tít, vượt qua sông Von-ga, băng đóng cứng đặc, tiến đến thành Sta-lin-gờ-rát. Mặt sông trông tựa mùa

nước. Cũng dâng ngùn ngụt, cũng chảy ầm ầm. Nhưng không phải là nước chảy, mà là binh sĩ, ô tô, xe tăng, súng và các thứ quân nhu khác. Máy bay Đức không lúc nào không thả bom sáng rực trời để sục sạo và ném bom. Nhưng dòng nước Hồng quân vẫn không hề giây phút nào ngừng chảy".

Ai cho mượn cái đĩa hát *Tiếng ca rừng* của Sốt-ta-kô-vít mà nghe lại cái đoạn "những người Sta-lin-gờ-rát"! Cái đoạn tiếng súng trận vừa tắt thì có tiếng kèn của thiếu nhi cắm trại và đi trồng rừng, trồng những cánh rừng tương lai... Lúc này gió se lạnh, bất giác tôi thấy vô cùng thương nhớ sông Thao sông Đà sông Lô và nhiều con sông khác của Việt Nam, và tôi bỗng nhớ lại thời sự Việt Nam vẫn được theo dõi trong những ngày ở Liên Xô. Chừng như cũng chỉ ngày kia hay cùng lắm là ngày kìa, Bác và anh Trường Chinh và phái đoàn ta đã tới trường bay Mạc Tư Khoa rồi.

Viện bảo tàng Sta-lin-gờ-rát, trưng bày đủ tài liệu về cuộc chiến đấu bảo vệ Sta-lin-gờ-rát.

Bức chân dung Páp-lốp, người trung đội trưởng anh dũng của Hồng quân, tên tuổi ghi lại mãi mãi với Sta-lin-gờ-rát. Chiều hôm qua, tôi có đứng trước tòa nhà lịch sử ngày nay mang tên

"Nhà Páp-lốp". Sta-lin-gờ-rát bây giờ kiến thiết lại hết, mới hết, nhà xây từng khối, mỗi khối lênh nghênh mấy từng, và mỗi khối trung bình đủ chỗ cho hai nghìn rưỡi người ở. Đại lộ Sta-lin-gờ-rát thẳng tắp dài hun hút 60 cây số, chạy từ đầu phía Bắc qua nhà máy thủy điện, qua nhà máy cày, và ăn thấu xuống phía kênh đào Von-ga Đông. Sta-lin-gờ-rát nay mở rộng nguy nga, nhưng khu nhà Páp-lốp vẫn giữ nguyên như cũ, tường ám khói, khung nhà sứt vỡ. Không ai về tới Sta-lin-gờ-rát, mà không tới thăm tòa nhà lịch sử, và trầm ngâm trước tòa nhà tiêu biểu cho cuộc chiến đấu trong lòng phố vĩ đại chưa từng có trên thế giới này.

Trên mặt tường các gian phòng viện bảo tàng, và trong các tủ kính, đếm sao cho hết được những tài liệu lịch sử. Có đắp cả các mô hình thứ súng thần công liên thanh *katioucha* thổi đạn lửa, mỗi lần xuất trận đạn réo bay vù vù như cây đàn gió. Hồi phản công, tất cả những người hướng về Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, đều thân mật đặt tên súng này là chiếc phong cầm của Stalin. Anh hùng Ngô Gia Khảm lần đi thăm trước về, gọi một cách rất nôm na là súng dàn mướp. Trên tường, một lá cờ của thanh niên Pháp với những dòng chữ thêu : "Không bao giờ

những người thanh niên đồng hương của Fabien và Guy Moquet lại gây chiến với xứ sở của những người anh hùng của Sta-lin-gờ-rát". (Đại tá Phabiêng, một thanh niên Pháp, người đầu tiên bắn gục tên phát xít Đức thứ nhất trên đất Pháp chiếm đóng. Còn Ghi Mô-kê là một thanh niên Cộng sản Pháp 17 tuổi rất anh dũng trong thời kháng Đức).

Trong tủ kính kia là một bức thư thật là đặc biệt. Đó là thư của một ông tổng thống Mỹ, nói lên lòng khâm phục của thành phố Hoa Thịnh Đốn đối với thành phố Sta-lin-gờ-rát anh dũng, và công nhận chiến thắng Sta-lin-gờ-rát đây đã thay đổi tương quan lực lượng. Thư mang chữ ký của Tổng thống Rudơven, đề ngày 17 tháng 5 năm 1944. Có một tài liệu rất dị dạng và rất trào phúng treo ở tường gần đấy. Đó là một số báo *La Legia* của phát xít Đức ra số đặc biệt ngày 16-9-42, phát sẵn trước cho quân lính phát xít Đức ăn mừng Sta-lin-gờ-rát thất thủ! Với những dòng chữ in: "Sau những trận kịch chiến kéo dài nhiều tuần lễ, Sta-lin-gờ-rát đã đầu hàng. Đập vỡ sự đề kháng điên cuồng của quân đội Liên Xô, hôm thứ ba, các lực lượng Âu châu đã chiếm lĩnh được pháo đài cuối cùng của phòng tuyến Nga" (!). Trong lịch sử chiến tranh, đây là

một cái ví dụ điển hình nhất cho sự chủ quan thô bỉ và khôi hài của đế quốc phát xít. Nó còn buồn cười hơn cả cái việc Hítle cho in sẵn thiếp mời tướng tá nó đến ăn tiệc tại một khách sạn lớn giữa Sta-lin-gờ-rát mà chúng cũng chủ quan cho là tiến vào lấy được.

Biết có đoàn Việt Nam vào thăm viện bảo tàng, nhân dân Sta-lin-gờ-rát đứng chờ rất đông ngoài cửa. Những bàn tay các cụ già, thanh niên, cô gái Sta-lin-gờ-rát cầm vào tay chúng tôi rất lâu rất ấm. Xe lại đưa chúng tôi đến một di tích chiến trường khác. Ngọn đồi Mamaiép, chỗ cao nhất trên thành phố, ở về phía Tây. Khu đồi này là trận địa ác liệt, đánh đi lấy lại không biết bao nhiêu lần. Trong viện bảo tàng xem ban nãy có những bức họa vẽ lại những cảnh tấn công kinh thiên động địa ở quả đồi trọc đây. Mộ người chiến sĩ vô danh khắc sâu nét chữ vàng: "Chiến sĩ anh dũng hy sinh bảo vệ Sta-lin-gờ-rát quang vinh đời đời". Cái đặc biệt của những đài kỷ niệm ở Sta-lin-gờ-rát là đều dựng chiến trường xa trên trụ cẩm thạch. Đồi Mamaiép cũng có một cái tượng chiến xa, ghi niên hiệu "26-1-43" tức là ngày đạo quân sông Đông và đạo quân 62 phụ trách giữ Sta-lin-gờ-rát đã hợp công ở chỗ này, trong đánh ra, ngoài đánh vào và khuýp bọn phát xít. Quanh đây, vẫn còn những vết cũ của

giao thông hào. Trong tiểu thuyết *Một người chân chính*, nhà văn Pô-lơ-vôi có đoạn tả chị Mêrépxiép đào hào chiến đấu. Có phải là những rãnh hào ra sông này không? Sóng sông ngoài kia, còn làm sống dậy cái hình ảnh chị nữ cứu thương Ania hằng ngày tải thương sang sông, trong tập *Những ngày những đêm Sta-lin-gờ-rát* của Simônốp. Mỗi thước vuông mặt đồi, lúc chiến tranh tắt, người ta xới lên, đếm cứ trung bình là có 1.200 mảnh bom đạn. Đất đồi chết hẳn đi một thời gian; trong hai năm, không nhú lên một ngọn cỏ thảo nguyên nào. Chỉ vàng gỉ những mảnh gang sắt chảy. Mỗi người trong bọn tôi nhặt một mảnh con làm kỷ niệm. Mặt trời chiều làm xanh thêm khu rừng bờ tả ngạn Von-ga bên kia, nơi của Bộ chỉ huy hồi đó vẫn ra lệnh cho các đơn vị bên này. Dưới chân đồi, dòng Von-ga vẫn lừ lừ chảy. Chị hướng dẫn đưa chúng tôi về một xưởng phim tài liệu, chiếu cho xem những đoạn phim về chiến đấu Sta-lin-gờ-rát. Phim của ta, và có cả những đoạn lấy của bọn Đức quốc xã ta bắt được hồi ấy. Phim mở bằng những cảnh thanh bình, nhà máy kéo, nhà máy đúc thép *Tháng Mười đỏ* đang vui vẻ sản xuất! Chiến tranh xảy đến. Những ảnh máy cày, máy kéo liền chuyển cảnh phim. Xe tăng xuất hiện ra với những người công nhân vốn cầm lái các máy cày.

Máy cày liền chuyển thành xe vận tải cho nhân dân tản cư. Nhiều bà mẹ thu vén thóc lúa, ôm đồm những quả giống quả bí lào ở ta. Mẹ ẵm con, ba lô tung tóe. Bò kéo xe. Cũng thồ xe đạp! Nhớ cảnh mình hồi tác chiến; nếu lúc này người ta bật đèn lên, tôi chắc anh bạn ngồi xem bên cạnh tôi và tôi sẽ nhìn thấy mắt nhau đều ướt. Mười lăm vạn nhân dân thành phố hưởng ứng lời hiệu triệu, lăn xả vào mà đào công sự. Sta-lin-gờ-rát đang cháy! Thương xót quá. Có một khóm tượng đá trắng nơi công trường tạc hình nhiều em đang cầm tay nhau nhảy múa. Khói lửa Sta-lin-gờ-rát bốc cháy đang vờn quanh pho tượng trắng tinh. Súng máy ghếch vào các khung cửa sổ. Trung đoàn Thủ đô ở Liên khu I, cũng đã nhiều phút như thế này đây. Trận địa nhà máy cày chống giữ dài năm mươi ngày năm mươi đêm. Nhà máy tan hoang, nhưng các hiệp thợ vẫn anh dũng chữa xe tăng lại xuất trận. Hình ảnh các báo trên thế giới tường thuật trận Sta-lin-gờ-rát... Rồi đến mặt thằng Phôn Pao-lút, gầy, nhọn hoắt như con cú đánh hơi mùi chết, nơi cổ ngắng, lủng lẳng cái mề đay dấu thập ngoặc.

*

Tôi dậy sớm, sang thăm nhà Công ty bách hóa ở trước cửa nhà ở chúng tôi. Thì ra cái tổng hành doanh của tướng phát xít nó đóng ngay trước chỗ khách sạn chúng tôi ở, thằng tướng Pao-lút ra đã bị bắt sống ở đây sau khi 117 ngàn quân nó chôn xác ở quanh Sta-lin-gờ-rát và sau khi hơn chín vạn quân nó bị cầm tù. Những dấu thập ngoặc của phát xít hung hãn đã trở nên những thập ác gỗ ngày nay mục vỡ rải rác. Tôi đi sâu vào những gian cuối cùng nhà Bách hóa, đúng cái chỗ mười ba năm trước đây Pao-lút vẫn gầm khạc trong máy nói và cuối cùng giơ tay cầm cờ trắng chui ra cùng lô tướng tá. Bất giác, lại hiện lên cái hình ảnh quan sáu Đờ Cát-tờ-ri chui ra ở lòng đất hầm Điện Biên Phủ. Quanh cái hầm lịch sử này bây giờ là kho hàng đồ ăn thức dùng, bày ra la liệt những kiện trà tàu từ Trung Quốc mới gửi sang thơm phức.

Ngày hôm nay, tôi rất nhiều hào hứng khi đặt chân xuống tàu cặp bến ở nhà ga thủy. Sẽ xuôi dòng Von-ga, đi thăm kênh đào Lênin,con kênh vĩ đại của thời đại cộng sản chủ nghĩa thắng lợi và nối liền hai sông Đông và Von-ga, dài trăm cây số. Sông Von-ga, bên lở bên bồi. Cửa kênh Von-ga Đông mở ngay chỗ khuỷu sông Von-ga.

Cửa vào kênh, bờ kênh và mỗi cửa đập, sừng sững hiện lên vô số những công trình kiến trúc. Thật là một tác phẩm vĩ đại, biểu hiện lên cái tự hào của một thời đại con người mạnh bước trên chủ nghĩa cộng sản.

Trong lòng kênh, rộn vang lên tiếng hát của một chuyến tàu thủy chở mấy trăm thiếu nhi đi nghỉ mát. Các em cười, vẫy tay sang. Chờ cửa đập mở, đoàn Việt Nam và các thiếu nhi Liên Xô hát tặng nhau những điệu hát hòa bình. Lúc tàu chúng tôi lộn ra cửa sông Von-ga, tôi vẫn nhìn lại pho tượng Stalin to quá đi mất! Tượng cao ngất giời. Đất, trời, mây , nước ở khuỷu Von-ga đây mênh mông, nhưng hình ảnh Sta-lin ở đây cũng thật là như găng với thiên nhiên cao cả. Từ khối tượng sừng sững, tỏa lên cái ung dung tự tại giữa đời sống đang dâng lên như triều... Lại hiện lên hình ảnh của những đêm khuya trong điện Cờ-rem-lanh, đồng hồ ngân nga trong ánh sáng làm việc đêm và Sta-lin không ngủ. Và có một đêm không ngủ, Đại nguyên soái Sta-lin đứng trước bản đồ Sta-lin-gờ-rát, cầm bút chì xanh đỏ vòng hai mũi tên châu đầu nhau trên chỗ đồi Ma-mai-ép, trên phía trên kia, để đạo quân sông Đông và quân đoàn 62 bắt tay gặp nhau tiêu diệt

đạo quân thứ 4 của Pao-lút, giải vây Sta-lin-gờ-rát, và chuyển hẳn thế trận từ đây... Ngày nay Sta-lin-gờ-rát lại vui tươi kiến thiết không ngừng theo sáu mươi cây số dọc bờ sông Von-ga. Sta-lin vẫn không ngủ. Hôm trước, trong lòng lăng Hồng trường, tôi sợ động đến giấc ngủ của Sta-lin. Hôm nay tôi lại gặp Sta-lin đứng ở bờ sông Von-ga, giữa chỗ ngã ba rẽ vào kênh đào Von-ga Đông. Người nhìn ra xa, nhìn chủ nghĩa cộng sản đang hình thành giữa trời nước Liên Xô bát ngát. Sta-lin to cao bình tĩnh như một ngọn đèn bể. Gió bể Cát-piên cuốn bụi dưới chân Người. Người đuổi theo ý nghĩ lớn. Sta-lin không nói. Sta-lin lặng im như một pho tượng sống. Tàu thủy đã đưa tôi rời khỏi cửa kênh đào, ngược lên dòng sông Von-ga đến dăm cây số rồi, mà quay đầu lại, tôi vẫn nhìn thấy Sta-lin đứng nguyên chỗ khuỷu sông như ban nãy. Vây quanh lấy Sta-lin, cuộc sống tưng bừng xây dựng của Sta-lin-gờ-rát và của cả Liên bang Xô viết đang nói to lên những điều Sta-lin đang lặng nghĩ trên ngã ba sông.

Tháng 8-1955

THĂM NHÀ MÁY CÀY

(Sổ tay)

Nước Nga năm 1870 đã là quê hương của máy cày. Hồi ấy, đã có sáng chế ra máy cày nhưng Nga hoàng không công nhận. Lênin đã nhận định cần phải phát triển máy cày máy kéo. Giữa Đại hội Đảng lần thứ 8, năm 1919, Lênin đã nói: "Nếu chúng ta có một vạn máy cày cho nông dân, nông dân sẽ ủng hộ chúng ta kiến thiết chủ nghĩa Cộng sản". Nhà máy cày Sta-lin-gờ-rát là một trong ba xưởng máy cày to nhất của Liên Xô. Trong kế hoạch năm năm lần thứ nhất, đây là xưởng máy cày đầu tiên. Máy cày lúc đầu có bốn bánh, hai bánh trước trơn, hai bánh sau có nấc. Đến năm 1936, mới xuất hiện máy cày có xích như xe tăng. Mẫu máy cày chạy bằng xích này bị ngừng sản xuất vì phát xít vây hãm Sta-lin-gờ-rát và tàn phá thành phố.Chúng tôi hồi hộp đặt chân vào khu vực nhà máy Sta-lin-gờ-rát. Loại máy cày 54 mã lực đang lắp trong xưởng kia là mãi đến năm 1919 mới chế ra. Loại mới nhất là ở phía trước có cái lưỡi xén mô đất gồ ghề. Loại mới này chế ra từ đầu năm nay. Từ ngày thành lập đến nay, nhà máy cày Sta-lin-gờ-rát vẫn giữ đều kỷ lục thi đua.

Tôi đứng trong nhà máy, nghe đồng chí kỹ sư Gờ-la-dốp kể lại qua cho biết về lịch sử nhà máy cày vĩ đại nhất của Liên Xô. Khu nhà máy rộng hai trăm mẫu tây và chạy dài 7 cây số theo dọc sông Von-ga! Trong chiến tranh ái quốc, nhà máy cày Sta-lin-gờ-rát hoàn toàn bị phá, không còn tý gì, ngoài những cái khung nhà cột bê tông.

Tôi đứng trong một khu vực nhà máy cũ nhất và cũng là mới dựng lại hết. Sau những kỳ tàn phá cả thành phố, nhà máy cày chỉ còn lại có cái nền. Mỗi ngày thường có hai ngàn tàu bay chữ thập ngoặc quần trên giời, có hôm chúng cho bay năm ngàn chiếc ném bom xuống. 600 quả bom tạ bom tấn đã rơi xuống xưởng máy. Đây còn là cái túi đựng 145.000 quả đạn đại bác. Biết rằng không chiếm được, nên chúng nó hết sức phá hỏng. Cho nên tất cả ở nhà máy cày đã bị san bằng hết. Sắt oằn hết, nhà bê tông chỉ còn những cánh tay cụt. Nền xưởng và cả khu vực đây, không còn một thước vuông đất nào có thể ở được. Trong chiến tranh ái quốc, những người công nhân ở nhà máy cày đã trở nên những đội tự vệ chiến đấu sát cánh với hồng quân. Nhiều công nhân đã từ người lái máy cày chuyển ngay sang lái xe cơ giới. Nhiều người đã trở thành

chuyên môn chữa những xe tăng bị thương tật trong chiến đấu. Người thợ ở đây đã góp rất nhiều xương máu trong việc bảo vệ thành phố và bảo vệ nhà máy. Những người thợ nhà máy cày cũng như anh em thợ bên nhà máy đúc thép Tháng Mười Đỏ, đều chiến đấu rất anh dũng.

Sau ngày giải phóng, tất cả anh chị em thợ thuyền lại đặt kế hoạch phục hồi thật nhanh nhà máy. Công việc làm lại xưởng thật là khó khăn. Mặt đất không có chỗ ở, phải chui xuống hầm dưới đất, phải chui vào những cái xác xe cơ giới, sống như những ngày cổ sơ. Cùng với thanh niên, thợ thuyền ở đây đã phục hồi dần nhà máy, đã được thưởng huân chương Cờ đỏ của Ủy ban Quốc phòng, và đã tiếp tục sản xuất máy vào giữa năm 1944. Dần dần, các khu công nhân, câu lạc bộ, các nhà trường chuyên môn của xưởng cũng được dựng lại hết. Có thể nói rằng ở nhà máy đây, trừ cái nền này nguyên là đất cũ, còn thì làm lại mới hết. Ngày nay nhà máy rất sáng sủa. Câu lạc bộ trông ngay ra bờ sông Von-ga. Cạnh sông, có nhiều tượng đá trắng tạc ghi lại những tư thế chiến đấu dũng cảm của công nhân nhà máy. Câu lạc bộ có 8 vạn cuốn sách về văn nghệ và 12 vạn cuốn sách về khoa học. Những gian đánh bóng chuyền đặt ngay ở trên gác; các

gian phòng luôn luôn có tiếng hát trẻ em có đệm dương cầm. Tôi rất chú ý đến cái rạp hát trong khu câu lạc bộ nhà máy cày Sta-lin-gờ-rát. Rèm tơ màn nhung thắm, giữa sân khấu có máy quay tròn lúc thay cảnh, thật là hiện đại; trên khung sân khấu, sáng rực khẩu hiệu: "Nghệ thuật phục vụ nhân dân". Nhà hát ở đây có phòng gửi mũ áo, phòng khánh tiết để công nhân nhảy đầm. Có 805 chỗ ngồi đàng hoàng sang trọng (hình như nhà hát lớn Hà Nội chỉ có 734 chỗ). Phong trào văn nghệ tại nhà máy cày Sta-lin-gờ-rát rất phát triển: mười tám tổ văn công, có hai ngàn công nhân tham gia đều.

Tôi có đến thăm một gia đình thợ. Anh Cáclốp, thợ chuyên môn làm thép đã hai mươi nhăm năm nay, lương hai nghìn rúp. Nhà có hai gian ở và một gian bếp đun bằng hơi. Nền nhà có thảm dệt, tường treo nhiều tranh sơn dầu. Có máy rađiô, có tủ sách: đủ cả Tônxtôi, Sêcốp, Goócki, Èrenbua, Phađêép, Sôlôcốp và những sách về khoa học. Gia đình có hai con, một vào tổ chức thiếu nhi. Chị Cáclốp vui vẻ kể lại rằng chủ nhật, được nghỉ, gia đình thường tổ chức những cuộc ăn chơi bên bờ sông Von-ga.

Tôi theo dõi quá trình hình thành chiếc máy cày. Cái khung máy được đun trên đường rầy qua

mặt từng kíp công nhân, từng bộ phận lắp đồ phụ tùng. Nhiều chị thợ đang luôn tay ở bộ phận dùng máy hơi ép tán đinh mũ dựng khung máy cày. Chỗ này lửa chói xanh, tiếng lửa sè sè, công nhân nào cũng đeo găng đen. Trung bình cứ mười hai tiếng thì lắp đủ bộ phận cho một máy cày. Mỗi ngày chế tạo được 75 chiếc. Anh chị em công nhân chuyên lắp phụ tùng ngay ở chỗ mình mà làm, máy cứ lần lượt diễu qua mặt cho mình lắp đều tay. Những chiếc máy cày đã lắp đủ máy cái và các bộ phận phụ tùng hiên ngang nối đuôi nhau trên các bệ sản xuất, thơm phưng phức mùi dầu mỡ mới. "Những năm đầu chính quyền xô viết, có chín triệu cày tay và bảy triệu bừa gỗ. Ngày nay Liên Xô có một triệu bốn mươi vạn máy cày". Anh chị em công nhân xoa tay mời chúng tôi lên ngồi thử máy mới. Chiếc máy cày mới bánh xích kiểu xe tăng, rầm rầm chuyển mình trên nền gạch gang nhà máy. Anh công nhân lái máy cày mới tinh, có một cái cười rộng đến mang tai. Cái cười hấp dẫn ấy và tất cả những tiếng cười nhiệt tình khác của công nhân nam nữ xúm quanh càng giục tôi ngồi nhanh vào cái máy mới, cho chạy thử một tua. Máy cày chạy băng băng! Gạch sắt nền xưởng máy reo nấy vang vang. Tôi gắn cái anh-si chim hòa

bình Việt Nam xinh bé vào giữa một tấm ngực lực sĩ đang phồng căng lên cái khoan khoái của chế tạo và điều khiển. Trong đầu tôi, vụt hiện lên những đoạn truyện *Vỡ đất* của Sô-lô-cốp. Năm 1930, thi hành chính sach Đảng, anh công nhân thợ khóa Đavidốp về giúp nông dân tập thể hóa canh tác và anh làm chủ tịch nông trường, khắc phục rất nhiều khó khăn... Hình ảnh trong truyện viết lại chen lẫn với hình ảnh truyện phim màu Liên Xô *Hạnh phúc nông trường*. Tôi có cái cảm tưởng dạt dào như là đang sống với cái phút vui sướng của tất cả nông dân Việt Nam đang cải cách ruộng đất để một ngày mai tươi sáng nào trong tương lai gần đây, cũng cày trên đồng ruộng quê hương mình bằng những con trâu máy tối tân này. Một con trâu máy này, một ngày cày được những mười mẫu tây, nghĩa là sức nó khỏe bằng một trăm con trâu thịt của mình. Nhiều đại biểu đoàn hòa bình Việt Nam cũng đang ngồi lên nhiều chiếc máy cày mới đang chuyến bánh chạy thử vang dậy trên nền gạch sắt. Chết chửa! Như thế này là có ảnh hưởng đến thời giờ sản xuất và kế hoạch thi đua của anh em công nhân xưởng máy cày Sta-lin-gờ-rát hôm qua tổng kết hai mươi nhăm năm thành tích và hôm nay bắt tay vào đợt thi đua mới đây!

Đồng chí kỹ sư nhà máy vẫn vui vẻ nói tiếp: "Chúng tôi rất vui thích có những bạn Việt Nam ngồi thử lên những máy cày của đợt sản xuất đầu này. Năm nay sẽ sản xuất loại máy cày chế riêng cho các cánh ruộng ở lườn đồi cao... Và sản xuất những loại máy cày máy kéo cho những vùng ruộng lầy, nước ngập đến nửa thước vẫn hoạt động như thường. Loại này xích dày hơn, và tốc lực chậm hơn. Nó nặng gần năm tấn. Đã có mẫu rồi..." Không ai bảo ai, chúng tôi nhìn nhau mà cười. Đúng là hoàn cảnh ruộng chiêm đồng bùn nước sâu ở quê chúng ta đây. Chị nữ du kích D. hói khẽ tôi: "Cải cách ruộng đất ở miền Bắc ta, sang năm là hoàn toàn xong cả đấy anh nhỉ! Vùng quê em cũng làm rồi...". Bác H. xưa vẫn cầm máy xe lửa nhà máy Trường Thi, lúc này cũng cao hứng cầm vào tay lái chiếc máy cày đợt sản xuất đầu của nhà máy Sta-lin-gờ-rát lái một vòng. Bác H. bảo máy nó khỏe quá.

"Ở đây có tất cả một vạn rưỡi công nhân, hầu hết là thanh niên. Một phần tư là nữ công nhân. Có độ một ngàn người thợ đã làm việc liền hai mươi nhăm năm ở nhà máy cày Sta-lin-gờ-rát. 90% cán bộ và chuyên viên ở đây đều tốt nghiệp ở Sta-lin-gờ-rát. Nhà máy cày đặt ở đây vì địa điểm thuận lợi, cạnh nhà máy đúc thép Tháng

Mười Đỏ và lại ở ngay bên cạnh con đường vận tải sông Von-ga".

Chúng tôi cả buổi sáng cứ hăm hở đi theo đồng chí Gờlátdốp, qua hết khu này khu khác của nhà máy cày Sta-lin-gờ-rát dài những bảy cây số dọc sông Von-ga. Tôi bận ghi luôn sổ tay, vừa đi vừa ghi và trong đầu vẫn liên miên những ý nghĩ khỏe mạnh tươi sáng về câu chuyện công nông liên minh trong một nước và trong cả khối dân chủ và xã hội chủ nghĩa trên thế giới. Trong nhỡn quan tôi, hiện lên hình ảnh những người thợ rèn, những người công nhân Việt Nam thụt bễ đổ gang thép nóng vào những cái khuôn lưỡi cày; hiện lên hình ảnh người nông dân làm đường xe lửa và đang công nhân hóa dần dần; và họ sẽ từ đây từng bước tiến dần lên chủ nghĩa xã hội.

TIẾNG NÓI VIỆT NAM VANG LÊN GIỮA CẢM TÌNH NHÂN DÂN THẾ GIỚI

Lâu đời rồi, cuộc sống của dân tộc Việt Nam đã có tiếng hát. Dân ca Việt Nam đã vang lâu từ rừng núi, men theo các triền sông và dội trên dọc bờ biển từ Bắc đến Nam. Làng mạc đồng bằng Việt Nam um tùm các lũy tre xanh là nơi đọng nhiều tiếng hát. Tiếng hát của nhân dân Việt Nam vẳng cất lên qua các thời đại, qua cả sự chèn ép đè nặng của phong kiến đế quốc. Trong những ngày gian khổ của kháng chiến, cuộc chiến đấu của dân tộc đã có những tiếng hát đánh dấu lại và đẩy mạnh lên cuộc sống giành tự do và hạnh phúc. Tiếng hát hò quấn quýt lấy sinh hoạt nhân dân vùng tự do, ở giữa lòng địch và sát ngay đồn địch. Ngay cả trong những năm biên giới phía Bắc chúng ta chưa khai thông, tiếng hát của cuộc chiến đấu Việt Nam đã vọng ra ngoài nước. Hòa bình trở lại, tiếng hát chúng ta càng vang hưởng trong toàn khối dân chủ và góp vào đài quốc tế cái nhịp điệu chúng ta đấu tranh hòa bình thống nhất. Giữa Đại hội hòa bình thế giới tháng 6-1955 tại Henxanhki, giữa 68 nước nói không biết bao nhiêu là thứ tiếng nói, tôi không nén hết được sự xúc động, khi

nghe chính cái tiếng nói dân tộc mình, khi nghe cái tiếng nói Việt Nam sắc huyền hỏi ngã nặng rất nhiều nhạc điệu và khí phách dân tộc sang sảng cất lên giữa hội trường. Qua bản tham luận đọc ở giữa Đại hội báo cáo về tình hình thi hành hiệp định Giơnevơ ở Đông Dương nói chung và ở Việt Nam đang chuyển sang giai đoạn đấu tranh chính trị đòi hiệp thương để đi tới Tổng truyển cử tự do năm 1956, tôi cảm thấy tiếng nói dân tộc rất mềm dẻo nhưng rất đanh thép. Tôi ngồi ở giữa hội trường quốc tế, phút này phải tập trung ý nghĩ và việc làm vào những công việc nhất định của người đại biểu trong đoàn. Như mấy ngàn đại biểu các nước đang theo dõi lời dịch bản phát ngôn của đoàn đại biểu nước Cộng hòa dân chủ Việt Nam , hai vành tai tôi vẫn dính chặt vào cái ống nghe. Nhưng có nhiều phút, tôi đãng trí và mơ nghĩ về sự trưởng thành của ngữ ngôn Việt Nam . Thật vậy, tiếng nói là linh hồn của một dân tộc, tiếng nói là hình ảnh của một dân tộc. Từ khi còn làm người học trò trường trung học văn bài đều dùng tiếng Pháp, tôi đã mang sẵn cái hồn cái ảnh đó, những lúc tập làm thơ lục bát và ngâm to nó lên để phát huy thêm cái luật âm thanh trắc bằng. Lớn lên, được sắm một số vai trò kịch nói, tôi càng đi sâu được vào

cái nhạc điệu của tiếng nói dân tộc. Sở dĩ tôi được cảm tình khán giả thời đó, chính là vì tôi đã tin tưởng vào khả năng diễn tả của tiếng nói mẹ đẻ, cố gắng tìm cách nói lên cái tiếng nói ấy cho đúng, cho chắc, cho từng tiếng, từng chữ, từng câu độc thoại, giao thoại, đối thoại trở nên có tình cảm và tâm hồn. Và sau này, đi dần vào con đường viết truyện ký, tôi càng có dịp để tin tưởng vào cái khả năng vô hạn dồi dào của ngữ ngôn và văn tự của dân tộc. Thực tế cách mạng và sinh hoạt nhân dân trong kháng chiến bồi dưỡng thêm mãi cho tiếng nói dân tộc, ngày càng làm giàu thêm và sáng lên cái vốn tiếng nói của dân tộc. Tôi càng nhận chân đầy đủ về vai trò của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng tiếng nói, và tôi biết rằng đó là cả một quá trình lâu dài nhiều thế kỷ. Từ cái nguồn gốc còn là một bộ lạc thời cổ đại, bắt đầu ghi việc mình bằng bẻ que, thắt nút, khắc lưỡi dao vào cột tre, dân tộc chúng ta đã tiến dần lên trình độ có hẳn một thứ tiếng nói và văn tự riêng biệt và căn bản là thống nhất, mặc dầu sự phát âm từ Bắc chí Nam có những hơi những giọng khác nhau về chi tiết. Cái tiếng nói ấy là do sức lao động sản xuất trường kỳ của dân tộc mà xuất hiện lên trong một quá trình đằng đẵng thời gian, và đã

trải qua bao nhiêu thử thách, bao nhiêu đấu tranh gian khổ, với thiên nhiên, với sự chèn ép của các lực lượng thống trị bên trong và sự xâm nhập của phong kiến và đế quốc từ ngoài ép vào. Cũng như đời sống đấu tranh quật cường của dân tộc, tiếng nói Việt Nam là một sức sống dẻo dai không một lực lượng thống trị nào chèn và phá nổi. Và một ngày mùa thu rực nắng giữa quảng trường Ba Đình, cách đây mười năm, tiếng nói ấy đã bừng sáng trong bản Tuyên ngôn Độc lập của nước Cộng hòa Dân chủ Việt Nam. Từ đó, đài phát thanh *Tiếng nói Việt Nam* không một giây phút nào ngừng truyền đi các nhạc điệu thắm thiết của tiếng nói dân tộc. Những ngày kháng chiến toàn dân toàn diện cũng là những ngày trưởng thành đột xuất của tiếng nói và văn tự Việt Nam. Trong tiếng nói quần chúng nhân dân, đã có bao nhiêu danh từ và thành ngữ, và đã xuất hiện bao nhiêu là hình ảnh mới. Sự trong trẻo sáng tỏ, sự tinh tế mềm mại, sự truyền cảm mạnh mẽ đã là những đức tính của tiếng nói dân tộc được bật nổi lên trong bao nhiêu bản hiệu triệu, bao nhiêu bản nhật lệnh, bao nhiêu bản báo cáo. Hình thái chiến đấu trong chiến tranh ái quốc đã đượm thêm sắc thái và hình ảnh cho ngữ ngôn dân tộc. Giữa núi

rừng mây khói Điện Biên Phủ, tiếng nói phong phú của chúng ta đã dậy mạnh lên và át hẳn cái giọng thô bạo của thực dân đế quốc. Rồi tiếp đến những ngày Giơ-ne-vơ trên mặt nước hồ Giơ-ne-vơ, tiếng nói bản anh hùng ca Việt Nam vang lên những lời hòa bình dân chủ và vượt lên trên mọi giới tuyến... Được nói bằng cái tiếng nói Việt Nam quê hương yêu dấu, và lại được nghe nó trong một cái không khí Đại hội quốc tế, người tôi tràn dâng lên trong tự hào dân tộc. Không còn nghi ngờ gì nữa, ngày nay người Việt Nam đi ra nước ngoài không sợ lạc đường, không sợ bị người ta nhận nhầm mình với một dân tộc khác trong khối châu Á mênh mông, và nhất là không sợ người ta không hiểu tiếng mình nói. Giữa Đại hội Henxanhki thủ đô nước tư bản Phần Lan, đoàn Việt Nam đường hoàng báo cáo bằng tiếng nói Việt Nam. Đã sẵn sàng có mấy trăm người thông ngôn dịch ngay tiếng nói chúng ta ra nhiều thứ tiếng thông dụng. Và tiếng nói ấy đã được đại biểu 68 nước chăm chú theo dõi. Không những lắng nghe mà sau đó, còn sốt sắng tìm đọc văn kiện của chúng ta dịch ra nhiều thứ tiếng, hết chồng này đến sấp nọ, bản báo cáo của đoàn Việt Nam in ra và xếp ra đến đâu là vợi đến đó. Thế giới ngày nay hướng rất nhiều

về Việt Nam . Việt Nam ngày nay là cái tiền đồn của khối dân chủ đẩy sâu xuống Đông Nam và là nơi đang thử thách mạnh giữa hai lực lượng gây chiến và bảo vệ hòa bình. Trong hoàn cảnh lịch sử và vị trí địa dư đặt biệt, Việt Nam chúng ta có một vai trò gian khổ nhưng vẻ vang, và được cái vinh dự góp vào mặt trận hòa bình thế giới, một số kinh nghiệm đấu tranh bằng phương pháp hòa binh. Chính vì thế mà cảm tình của nhân dân thế giới với Việt Nam thật là nồng hậu.

Bản báo cáo của đòan hòa bình Việt Nam , nêu rõ lên bốn điều: "*Phải thi hành đầy đủ và đúng đắn hiệp định Giơ-ne-vơ; - Các nhà đương cục hai bên phải gặp nhau để bàn việc tổ chức tổng tuyển cử tự do như Hội nghị Giơ-ne-vơ đã quy định; - Phản đối sự can thiệp của đế quốc Mỹ vào nội tình Đông Dương; - Phản đối hiệp ước Đông Nam Á và mọi âm mưu gây lại chiến tranh ở Đông Dương*".

Bản báo cáo chấm dứt. Hội trường vỗ tay như sấm dậy, tôi không nhớ là vỗ rền trong năm phút hay mười phút, nhưng biết là lâu lắm dài lắm. Sau đó, rất nhiều đại biểu chan hòa ngay tình cảm, cầm tay đại biểu Việt Nam và "cám ơn, cám ơn" Việt Nam kiên quyết giữ vững ngọn cờ hòa bình. Hôm Đại hội khai mạc, từ trước cái

buổi Việt Nam đọc tham luận, đại biểu các đã vồn vã rất nhiều với đại biểu Việt Nam . Nhiều đại biểu quốc tế tỏ ra rất am hiểu tình hình Việt Nam . Và trong sự xúc tiếp với từng cá nhân hoặc với cả đoàn Việt Nam, bao giờ họ cũng nhắc chủ tịch Hồ Chí Minh, Điện Biên Phủ, Giơ-ne-vơ, và khối đại đoàn kết nhân dân Việt Nam. Nay được nghe báo cáo, các bạn quốc tế cả trong và ngoài khối dân chủ đều hiểu thêm nữa và càng biểu lộ thêm cảm tình. Cảm tình của nhân dân thế giới đối với đoàn đại biểu Việt Nam chính là xuất phát từ những tình cảm quý báu và tin tưởng đối với vấn đề Việt Nam đang đẩy mạnh đấu tranh chính trị.

Đoàn đại biểu nhân dân Pháp đã có nhiều người không cầm được nước mắt và cảm ơn Việt Nam đã vạch rõ kẻ thù chính lúc này là đế quốc Mỹ. Nhân nói đến Mỹ, ở đây tôi cũng cần kể thêm rằng đế quốc Mỹ đã cấm một số nhân sĩ hòa bình Mỹ đến họp Đại hội Henxanhki, không cấp giấy thông hành. Trong số đó có nghệ sĩ da đen Pôn Rốp-sơn. Nhà văn Hao-oa Phát có gửi lời chào mừng Đại hội. Xin trích một đoạn thư của Hao-oa Phát tố cáo phát xít Mỹ: "... Ngày nay, một sự thèm mong Hòa bình rất sâu sắc đã tràn lan từ đầu này đến đầu kia nước Mỹ và đi

dần vào các tầng lớp trong đời sống ở Mỹ. Những điều trên đây không trở thành được những hình thức tổ chức như các bạn thường thấy ở nước các bạn, cái đó là một chuyện dĩ nhiên, bởi vì ở đây, một chính phủ đã thẳng tay phá hủy tất cả những tổ chức có tính chất tiến bộ, và những hình phạt đều áp dụng đến tột độ đối với tất cả những người hoạt động cho sự nghiệp hòa bình. Dù sao, người ta không thể trị tội được cả một dân tộc mang chung một nguyện vọng. Và, dù có thiếu những hình thức tổ chức nó giúp cho những nguyện vọng đó biến thành thực tế cụ thể, sự nhất trí của nhân dân trong nguyện vọng đó sẽ được chú trọng và sẽ có kết quả. Nói tóm lại là bất cứ biểu thị bằng cách nào, nguyện vọng của chúng tôi, nguyện vọng của nhân dân Mỹ là chung sống hòa bình với các nước trên thế giới..."

Đoàn Pháp, trong buổi gặp gỡ chính thức với đoàn ta và đoàn Khơme, đã có một bản tuyên bố chung. Đoàn đại biểu nhân dân Gia Nã Đại cũng ra một bản tuyên bố chung ủng hộ lập trường Việt Nam tại đại hội. Đoàn Ấn Độ tích cực ủng hộ bốn điểm của Việt Nam giữa hội trường và trong những thảo luận các tiểu ban. Đoàn Diến Điện, Nam Dương rất thiện cảm với Việt Nam .

Các đoàn Bắc Phi và Phi châu đen luôn luôn quyến luyến với Việt Nam và đã tổ chức những buổi họp riêng với chúng ta để nghe Việt Nam nói về kinh nghiệm chiến đấu giải phóng dân tộc. Tôi quên sao được những cái bắt tay rắn chắc và những cái cười rất trắng rất rộng của những anh em trí thức và thanh niên nông dân Ma-rốc, An-giê-ri, Su-đăng, bờ bể Ngà v.v... Nhân dân Phần Lan tại thủ đô trân trọng mời đại biểu công nhân và chiến sĩ nông dân đoàn Việt Nam nói chuyện bốn lần để phổ biến kinh nghiệm đấu tranh hòa bình.

*

Đại hội vẫn tiếp tục họp tiểu ban và nghe tất cả là gần một trăm báo cáo ở hội trường. Một buổi sớm hôm ấy, có những bạn Liên Xô, Trung Quốc, Triều Tiên và các nước Đông Âu, gặp tôi ở hành lang đại hội, người nào cũng tươi tỉnh bắt tay tôi khác mọi hôm, nó lâu lai hơn mọi lần và như muốn nói một điều gì. Cái cười ấy như là nói lóng với tôi: "Chúng tôi biết các bạn Việt Nam đang có một tin vui rất lớn. Các bạn chưa nói, nhưng chúng tôi biết...". Quả là đoàn chúng tôi vừa được biết là Chủ tịch Hồ chúng ta, đồng chí

Trường Chinh và Chính phủ ta đang đi tàu bay đến Bắc Kinh và rồi sẽ sang thăm Mạc Tư Khoa. Cái tin này cũng mới truyền lan trong nội bộ và chưa công bố trên báo. Chúng tôi cùng cười cười trả lời ngầm với các bạn trong đại gia đình dân chủ. Một đồng chí ở đảng Pháp nheo nheo mắt cười: "Các đồng chí Việt Nam xứng đáng nhận những điều vui như thế sau bao nhiêu ngày kháng chiến gian khổ...". Một đồng chí Đông Âu: "Này đồng chí, sao cuộc sống lại nhiều cái vui dồn dập nhỉ... Sau thắng lợi Viên, thì tiếp đến lời tuyên bố Ben-gờ-rát; và bây giờ thì Chủ tịch Hồ Chí Minh của đồng chí sang Bắc Kinh rồi sang Mạc Tư Khoa... Nhưng mà bao giờ thì Chủ tịch Hồ Chí Minh các bạn sang thăm thủ đô nước chúng tôi!".

*

Rời đại hội hòa bình thế giới, rời Henxanhki, rời khỏi biên giới Phần Lan, đặt chân trở lại đất Liên Xô, tôi nhớ mãi mấy tiếng "Cám ơn!" của một bà mẹ quê hương vùng Lê-nin-gờ-rát bẻ ghi xe lửa ở ga biên giới! Gặp đại biểu các nước rời hội nghị và đến thăm Liên Xô, bà đều "cám ơn". Tôi biết bà mẹ đã đau khổ trong chiến tranh vừa

qua, và câu bà cám ơn mọi đại biểu tham gia Đại hội hòa bình thế giới vừa bế mạc, cũng là sự biểu lộ chung của cái ý chí tha thiết bảo vệ hòa bình của Liên Xô.

Tôi không thể không nhớ đến cái hình ảnh một bà mẹ khác, rất hồn hậu và rất khẳng khái. Bà Cớt-sma-đi-miên-scai-a, thân sinh ra nữ anh hùng du kích Dôia. Biết tin đoàn hòa bình Việt Nam đi qua Mạc Tư Khoa rồi đi luôn sang Phần Lan, bà đã chờ sẵn ở ga, ân cần cầm tay từng đại biểu Việt Nam và ghi vào sổ tay mỗi người một chữ ký, một lời chào hòa bình thắng lợi.

Tại Sta-lin-gờ-rát đang kiến thiết đại quy mô, nhưng đây đó vẫn còn nhổ lên những dấu vết tàn phá của mười hai năm bom đạn xưa, tôi đã nghe cái tiếng khóc của bà Sphi-nô-va đã từng tổ chức chiến đấu trong Sta-lin-gờ-rát vây hãm. Bàn tay khô nhưng nóng như lên cơn sốt của bà mẹ Sta-lin-gờ-rát nắm mãi bàn tay những "người Việt Nam anh dũng" sắp ra trường bay trở về Mạc Tư Khoa. Trong điện Cờ-rem-lanh hôm Chính phủ Liên Xô mở tiệc mừng chủ tịch Hồ và Chính phủ ta, tôi lại nghe rõ ngoại trưởng Mô-lô-tốp mỗi lần cầm tay đại biểu đoàn hòa bình Việt Nam lại tiếp theo một câu "Chào các bạn Việt Nam anh dũng!"

Trên con đường về nước, tàu bay dừng lại ở sân bay dọc đường. Chị chủ tịch nông trường *Cánh đồng xanh* ở chân núi Ua-ran vội rời ô tô vào bắt tay chúng tôi và nhờ "chuyển lời của tất cả nông trường *Cánh đồng xanh* hỏi thăm nhân dân Việt Nam anh dũng"...

Kể ra đây cho được đủ hết những câu nói, những tình cảm của rất nhiều người đã gặp, nhất là nói cho hết được cái nhiệt tình của nhân dân Liên Xô và Trung Quốc đối với cuộc chiến đấu và với nhân dân Việt Nam , thì cá nhân tôi không thể nào nói lên cho hết được.

Nêu lên đây ít hình ảnh trong muôn ngàn cảm tình nhân dân thế giới tin tưởng vào cuộc đấu tranh gian khổ mới của Việt Nam, tôi muốn nói lên điều này: bạn bè của chúng ta ngày nay trên thế giới thật là đông. Và thời gian vốn ủng hộ chúng ta, cho nên thế giới thêm một ngày hòa bình là chúng ta càng tăng thêm bao nhiêu đồng tình của nhân dân các nước. Sức ủng hộ ấy thật là vĩ đại và không ngừng phát triển. Sự nỗ lực bản thân của chúng ta càng cao càng nhiều, thì cảm tình ủng hộ chúng ta càng lớn mạnh thêm. Tiếng nói của dân tộc Việt Nam vang lên sự chính nghĩa của Thống nhất Tổ quốc trên cơ sở dân chủ và bằng phương pháp hòa bình. Sự kiến

thiết phồn thịnh của miền Bắc và sự đấu tranh chính trị anh dũng và mềm dẻo bền gan của miền Nam ngày càng bồi dưỡng cho tiếng nói của dân tộc. Thêm nữa, đường lối đấu tranh của chúng ta rất phù hợp với đường lối đấu tranh của các lực lượng hòa bình dân chủ trên thế giới, nên tiếng nói của Việt Nam ngày càng có sức hấp dẫn. Mỗi phấn khởi mỗi lo lắng của Việt Nam trên từng bước đi khẩn trương ngày nay đều là sẵn sàng có sự cảm thông và hưởng ứng của những cảm tình đồng điệu quốc tế. Quá trình sinh thành của tiếng nói dân tộc Việt Nam đã cho chúng ta thấy là càng chịu đựng nhiều thử thách, tiếng nói chúng ta ngày càng vươn lên, ngày càng trong sáng và giàu có. Sự phấn đấu không ngừng và cố gắng cao độ ngày nay của chúng ta sẽ còn đưa thêm nhiều nhạc điệu vào tiếng nói dân tộc. Nhạc điệu ấy chính là cái nhịp điệu của cuộc đấu tranh hòa bình thống nhất có tất cả lòng kỳ vọng và tin tưởng của các lực lượng hòa bình thế giới.

MỤC LỤC
NGUYỄN TUÂN TOÀN TẬP
III

Trang

1) Lột xác (*hay* Vô đề) - *Tùy bút* - 1945 5
2) Ngày đầy tuổi tôi Cách mệnh *(Tùy bút)* - 1946 25
3) Chùa Đàn *(Truyện vừa)* – 1946 31
4) Cỏ độc lập *(Kịch thiếu nhi)* – 1946 114
5) Hậu thân một chiếc ô tô *(Tùy bút)* – 1948 126
6) Đường vui *(Tập tùy bút)* – 1949 141
7) Tình chiến dịch *(Tập tùy bút)* –1950 265
8) Quán Tươi *(Truyện ngắn)* – 1950 419
9) "Trên những nẻo đường châu Âu" *(Đọc sách)* – 1950 442
10) Trên đường đến với Đảng *(Hồi ký)* 459
11) Thắng càn *(Truyện vừa)* –1953 464
12) Chú Giao làng Seo *(Truyện thiếu nhi)* – 1953 500
13) Bút ký đi thăm Trung Hoa *(Ký)* – 1955 523
14) "Sổ tay văn nghệ" *(Phát biểu ngắn - 6 bài)* – 1955 631
15) Tây Bắc căm thù *(Tùy bút)* – 1955 646
16) "Sổ tay văn nghệ" *(Phát biểu ngắn - 6 bài)* – 1955 657
17) Những hàng tre trên Tổ quốc xanh tươi *(Tùy bút)* – 1956 668
18) Tổ đổi công Chị Nhì ở Phù Yên *(Ghi chép theo lời kể của một chiến sỹ thi đua sản xuất)* – 1956 675
19) Tùy bút kháng chiến và hòa bình *(Tập II)* – 1956 687.

NGUYỄN TUÂN TOÀN TẬP
III

Chịu trách nhiệm xuất bản:
NGUYỄN VĂN LƯU
Biên tập: NGUYỄN THỊ HẠNH
Bìa: VĂN SÁNG
Sửa bản in:
PHÒNG VĂN HỌC
HIỆN ĐẠI VIỆT NAM

TÁC GIẢ GIỮ BẢN QUYỀN
NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
GIỮ QUYỀN SỬ DỤNG

In 1000 cuốn, khổ 14.5 x 20.5 cm, tại Xí nghiệp In Phan Văn Mảng. Số đăng ký KHXB: 29/CXB-63/VH ngày 14/01/1999. Trích ngang KHXB: 76/GP ngày 31/3/2000. In xong và nộp lưu chiểu quý II/2000.

NGUYỄN TUÂN

TOÀN TẬP

TẬP III

"Nghề văn là nghề của chữ. Chữ với tất cả mọi nghĩa mà mỗi chữ phải có được trong một câu, nhiều câu. Nó là cái nghề dùng chữ nghĩa mà "sinh sự" mà sinh sự thì sự sinh"

Nguyễn Tuân. Trích bài giảng bồi dưỡng người viết trẻ.
(Nguyễn Tuân sửa lại ngày 5-6-1984)

NHÀ SÁCH TRẺ
186 Nguyễn Thị Minh Khai - Q.3 - Tp. HCM
☎ 8228452 - 9301022 Fax : (84.8) 9301022

Giá: 90.000 đ